

Dino Buzzati

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

- HOANG MẠC TACTA
- CHÂN DUNG PHÓNG ĐẠI
- TRUYỆN NGẮN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

Dino Buzzati
TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

ĐOÀN TỬ HUYẾN
giới thiệu và tuyển chọn

★

ĐOÀN TỬ HUYẾN, THẢO NGUYỄN, VŨ ĐÌNH BÌNH,
NGUYỄN VĂN DÂN, CHU MINH THUY,
NGUYỄN ĐÌNH DIỄN, VĂN THIÊN
dịch từ các bản tiếng Pháp, Nga...

Dino Buzzati
TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

- HOANG MẠC TÁC TA
- CHÂN DUNG PHÒNG ĐẠI
- TRUYỆN NGẮN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Tọa lạc trên xứ sở là một trong những cái nôi văn minh cổ đại, đất nước Italia trong suốt chiều dài lịch sử của mình đã tạo ra truyền thống và những giá trị văn hóa nghệ thuật rực rỡ, độc đáo, sang trọng và lan tỏa vào loại hàng đầu thế giới. Đến ngày nay, ánh hào quang đó vẫn không lu mờ, khuất lấp. Thế kỷ XX nền văn chương Italia vẫn sản sinh ra những tên tuổi lớn như Moravia, Pirandello, Pavese, Eco... và trong số đó có Dino Buzzati mà chúng tôi muốn giới thiệu với bạn đọc Việt Nam qua các bản dịch trong cuốn sách này.

Dino Buzzati là một trong những nhà văn được đọc nhiều nhất ở Italia - và cả ở ngoài biên giới nước ông; sáng tác đa dạng của ông chiếm một vị trí khá đặc biệt trong văn học Italia thế kỉ XX. Sinh năm 1906 dưới chân núi Alps trong một gia đình trí thức, ngay từ nhỏ ông đã được thụ hưởng hai điều góp phần tạo nên tính cách nhà văn tương lai - thư viện gia đình rất lớn và phong cảnh núi rừng hùng vĩ. Tốt nghiệp đại học, từ năm 1928 ông trở thành phóng viên báo chí (cho đến cuối đời ông là một nhà báo cần mẫn và thành đạt), và cũng bắt đầu sự nghiệp văn chương. Năm 1933, Baranabo từ núi xuống, tiểu thuyết đầu tay của ông ra đời, bước đầu bộc lộ triết lí sống của ông: không có gì có thể cứu chuộc, bù đắp được những

nỗi khổ đau vô nghĩa mà cuộc đời mang lại cho con người, nên hãy cố sống hòa hợp với thiên nhiên, giữa thiên nhiên. Năm 1935 ông xuất bản cuốn Bí mật khu rừng cũ, nhưng phải đến năm 1940 với Hoang mạc Tácta Dino Buzzati mới thực sự chiếm lĩnh văn đàn.

Hoang mạc Tácta là tác phẩm tiêu biểu, đỉnh cao trong sáng tác của Dino Buzzati và được coi là sự kiện văn học lớn nhất Italia những năm đó. Tinh tiết cuốn tiểu thuyết có vẻ đơn giản, kể về cuộc đời một sĩ quan trẻ đến đồn trú tại pháo đài biên giới tiếp giáp hoang mạc bí ẩn Tácta, trải qua những hao hức ban đầu, những đợi chờ dang dở về chiến công, về "một sự kiện quan trọng nào đó sẽ xảy ra", và cuối cùng kiệt quệ, tiêu phí năm tháng trong những hi vọng mong manh và vô ích. Nhưng đây là tác phẩm đầy tính biểu tượng, từ các trang sách toát ra những suy ngẫm buồn và sâu lắng về đời người và cái chết, về dòng chảy của thời gian không gì cản nổi và càng lúc càng gấp gáp gặm mòn cuộc sống. Cuộc đời kết thúc một cách bi thảm và phi lý. Cuốn tiểu thuyết gợi nhớ đến Kafka, ngay tên tác phẩm ban đầu Buzzati đặt cũng là Pháo đài - một liên tưởng với Lâu đài của Kafka. Tuy nhiên, ở đây cũng có thể có sự khác biệt giữa Buzzati và Kafka - tác giả Hoang mạc Tácta còn để lại cho nhân vật một niềm hi vọng - hay một quan niệm cứu rỗi - rằng sự kiện quan trọng nhất của cuộc đời vẫn còn phía trước: đó là cái chết. Và cuộc đời sẽ không phi lý, vô nghĩa nếu con người bước vào cuộc chiến cuối cùng một cách dũng cảm và thanh thản, đón nhận cái chết như một hiện tượng tự nhiên.

Sau Hoang mạc Tácta, vào những năm trong và sau thế chiến, Buzzati tiếp tục xuất bản nhiều tập sách như Bầy người đưa tin (tập truyện ngắn, 1942), Cuộc đổ bộ của bảy gấu xuống Cicil (tiểu thuyết năm 1945), Hoàng loạn ở La Scala (tập truyện, 1949). Năm 1958 ông được

tặng giải St'rega, một trong những giải thưởng lớn nhất Italia, với tập Sáu mươi truyện ngắn. Năm 1960 ông viết Chân dung phóng đại, thiên truyện được coi là tác phẩm văn học giả tưởng đầu tiên của Italia và được đánh giá khá cao. Tiếp đó là các tiểu thuyết Tình yêu (1963), tập truyện Cá mập Colombr (1966)...

D. Buzzati là nhà văn độc đáo. Sự độc đáo trước hết thể hiện ở văn phong, ở cách quan sát và tái hiện thế giới của ông. Sự độc đáo còn thể hiện ở thái độ sống. Là nhà văn nổi tiếng và gây nhiều bàn luận, nhưng ông rất xa lạ với những tranh cãi văn chương, không quan tâm đến việc phát biểu ý kiến của mình và những đánh giá của người khác về mình. Ông quan niệm "Những vấn đề của tôi chỉ liên quan đến một mình tôi". Những vấn đề đó ông tự mình giải quyết trong các tác phẩm của mình. Có thể nhờ vậy mà Buzzati trở thành nhà văn thực sự độc lập, không phụ thuộc, mất thì giờ vào những trào lưu, phe nhóm, và kết quả là tạo ra những tác phẩm vượt được không gian và thời gian.

D. Buzzati là nghệ sĩ đa tài, hướng sự tìm tòi nghệ thuật ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Ông là một họa sĩ lớn với nhiều bức tranh và triển lãm cá nhân nổi tiếng. Ông viết và xuất bản nhiều tập thơ, kịch, nhạc, phụ trách chuyên mục Phê bình nghệ thuật trên báo... và đều có những thành công nhất định.

*

Tôi sinh ra ở miền Trung Việt Nam thật xa Italia về mọi phương diện, học tập và trưởng thành ở Nga - xứ sở có truyền thống lịch sử và văn hoá khác cả Việt Nam và Italia, nhưng lại mang lòng ngưỡng mộ và yêu mến nghệ

thuật, văn học Italia. Có lẽ tôi là người sớm nhất và nhiều lần giới thiệu Dino Buzzati với bạn đọc Việt Nam - chỉ tiếc những bản dịch nhỏ đầu tiên - các truyện ngắn Gặp gỡ Einstein và Cô gái bay xuống dưới - đã đăng báo nhưng đến nay chưa tìm lại được để đưa vào tập sách này.

Tuyển tập tác phẩm Dino Buzzati lần này ra mắt bạn đọc Việt Nam với tiểu thuyết Hoang mạc Tacta, truyện giả tưởng Chân dung phóng đại và 17 truyện ngắn là kết quả bước đầu trong ước muốn giới thiệu một cách đầy đủ nhà văn này ở Việt Nam, và cùng với Truyện cổ dân gian Italia đã ra, mắt bạn đọc là hai cuốn sách mở đầu cho bộ Hợp tuyển văn học Italia dự kiến thực hiện vào những năm đầu thế kỷ XXI với sự hỗ trợ của Ủy ban Quốc gia về hỗ trợ văn hóa Italia ở nước ngoài và Đại sứ quán Italia tại Việt Nam.

Với nhiều hạn chế về thời gian, khả năng cũng như nguồn tư liệu, chắc chắn việc tổ chức bản thảo còn có nhiều thiếu sót, xin được bạn đọc, các nhà nghiên cứu, dịch thuật góp ý giúp đỡ để chúng tôi có điều kiện hoàn chỉnh tập sách hơn. Nhân đây chúng tôi xin bày tỏ lời chân thành cảm ơn tới ngài Luigi Solari, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Italia tại Việt Nam, các cán bộ Đại sứ quán Italia tại Việt Nam và Giáo sư Giuseppe Barbaro về những giúp đỡ quý báu, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ sách ra đời.

ĐOÀN TỬ HUYỀN

HOANG MẠC TÁC TA
TIỂU THUYẾT

I

Một sáng tháng Chín, chàng sĩ quan vừa được phong Giovanni Drogo rời thành phố quê hương đến nơi nhậm chức đầu tiên - pháo đài Bastiani.

Đêm hôm trước chàng đã bảo phải đánh thức mình sớm, chàng dậy lúc còn mờ tối và lần đầu tiên khoác lên người bộ quân phục trung úy. Mặc xong chàng ra đứng trước gương ngắm nghía mình dưới ánh sáng ngọn đèn dầu hỏa, nhưng trái với sự chờ đợi chàng không cảm thấy chút vui sướng nào. Căn nhà tĩnh mịch, chỉ từ phòng bên có tiếng sột soạt vọng ra: đó là tiếng bà mẹ đang trở dậy để từ biệt chàng.

Cái ngày bao năm chàng mơ ước đã đến, nay mới là lúc bắt đầu cuộc sống thực sự. Chàng nghĩ đến chuỗi ngày buồn chán ở Học viện quân sự, nhớ lại những buổi chiều phải giam mình trên lớp mà tai động lên nghe âm thanh phố phường khua động những bước chân của những con người rồi rãi và chắc là sung sướng; nhớ lại những hồi còi báo thức mùa đông trong khu nội trú học viên và bóng ma của sự trừng phạt cứ lớn vồn đe dọa ở đấy. Những ngày đó

sao mà buồn tẻ lê thê, chàng cứ nghĩ chúng như không bao giờ chấm hết.

Cuối cùng thì chàng đã thành sĩ quan, không còn phải suốt ngày cắm mặt vào trang sách và giật mình vì giọng nói của viên trung sĩ, nhưng thời gian thì đã trôi đi mất. Cái cuộc sống mà chàng chán ghét đó đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ, nhưng nó lại được dẹt bằng những năm, những tháng không bao giờ lấy lại được nữa. Tất nhiên, giờ đây chàng đã là một sĩ quan, chàng sẽ có tiền bạc, những người phụ nữ xinh đẹp có thể sẽ để ý đến chàng, tuy nhiên - Giovanni Drogo cảm thấy - những năm tháng đẹp nhất, những năm tháng của tuổi trẻ, đã mãi mãi qua đi. Vừa nghĩ Drogo vừa ngấm nhìn khuôn mặt mình trong gương, cố tìm ở nó một nét gì dễ ưa, nhưng chàng chỉ thấy một nụ cười gượng gạo.

Tất cả chuyện này thật là xuẩn ngốc: vì sao trong giờ phút từ biệt mẹ chàng lại không nở được một nụ cười vui vẻ với bà, như một sĩ quan thực thụ thường làm? Vì sao chàng lại bỏ ngoài tai những lời khuyên dặn cuối cùng của mẹ, chỉ giữ lại cho mình âm thanh giọng nói xiết bao thân thuộc, ấm áp của bà? Vì sao chàng cứ cau có lăm lăm đảo quanh khắp phòng tìm kiếm đồng hồ, kính, mũ, mặc dù chúng vẫn ở đâu nguyên đấy? Bởi chàng có phải đi ra trận đâu cơ chứ. Hàng chục trung úy khác, các đồng đội của chàng, cũng như chàng giờ này rời tổ ấm gia đình, nhưng họ ra đi vui vẻ, đầy ắp tiếng cười, như là đi dự hội vậy. Có sao khi trò chuyện với mẹ, chàng lại chỉ thốt ra những câu tầm thường, vô nghĩa thay cho những lời

âu yếm, động viên? Nỗi buồn của cuộc đi xa đầu tiên rời khỏi ngôi nhà cũ, nơi tiếng khóc chào đời của chàng gắn với bao hy vọng tốt đẹp, những niềm lo lắng thường tình nảy sinh bởi mọi đổi thay trong cuộc sống, tình cảm xúc động khi chia tay mẹ, tất cả những cái đó đã choán ngập lòng chàng, nhưng mạnh hơn cả là một ý nghĩ lạ lùng, không sao dứt ra được, một linh cảm mơ hồ về những sự kiện thảm khốc nào đấy, dường như chàng đang đi đến một nơi không có đường về.

Anh bạn thân Francesco Veskovi cưỡi ngựa đưa tiễn chàng một quãng đường. Tiếng vó ngựa khua giòn trên các đường phố vắng. Trời mới tảng sáng, thành phố còn say giấc, nhưng đâu đó trên các tầng cao đã có những khung cửa sổ mở ra và từ các ô cửa có những bộ mặt mệt mỏi ngó xuống để trong một thoáng thờ ơ ngắm nhìn bức tranh tuyệt đẹp của buổi sáng đang rạng.

Hai người bạn đi bên nhau im lặng. Drogo cố hình dung cái pháo đài Bastiani thế nào nhưng không sao hình dung nổi. Chàng thậm chí không biết nó nằm ở đâu, đường đi tới đó bao xa. Một số người nói đi ngựa tới đó phải mất một ngày, số khác bảo nhanh hơn, nhưng có lẽ trong số người chàng hỏi thăm chưa có ai từng đến đó.

Đến cổng thành Veskovi bắt đầu huyền thuyên đủ chuyện, cứ như Drogo đang đi dạo, rồi đột nhiên anh ta nói:

- Cậu có thấy ngọn núi xanh đằng xa kia không? Đấy đấy, chính ngọn đó. Cậu thấy khu nhà trên chót

đỉnh chứ? Đó là một phần của Pháo đài, cái đồn tiền tiêu của nó. Hai năm trước tớ và ông chú đã đi săn ở đó.

Hai người đã đi ra ngoài đường thành. Trái dài trước mặt là những ruộng ngô, đồng cỏ và những khu rừng lá đỏ mùa thu. Họ đi bên nhau trên con đường trắng ngập ánh mặt trời. Họ thân nhau từ bé: nhiều năm ở cạnh nhà nhau, cùng nhau chơi trong hội trẻ con và ít có ngày nào không gặp nhau. Sau đó gia đình Veskovi trở nên giàu có, Drogo chọn đường binh nghiệp, hai người bạn thế là cứ xa nhau dần. Cuộc sống sung túc nhớn nhoe của Veskovi xa lạ với Drogo: phía trước chàng là chặng đời còn mù mịt và những công việc quan trọng. Drogo cảm thấy thậm chí bước đi hai con ngựa của họ cũng khác nhau: con ngựa của chàng đi không nhẹ nhàng, khỏe khoắn, mà như có điều gì lo lắng, căng thẳng, rõ ràng ngay cả đến con vật cũng cảm thấy tất cả giờ đây sẽ khác.

Đường lên dốc. Đứng trên đỉnh dốc Drogo ngoái lại sau, nheo mắt cho đỡ chói nhìn xuống thành phố; trên lớp mái nhà phơ phất bay lên những làn khói buổi sớm. Xa xa chàng nhìn thấy ngôi nhà thân thuộc, nhận ra ô cửa sổ phòng mình. Tất cả các cửa sổ ở đây giờ này chắc đã mở, cánh phụ nữ đang dọn phòng. Họ gấp chăn màn, cất quần áo của chàng vào tủ, sau đó cài then cửa sổ lại. Hàng tháng trời sẽ không ai ngó vào căn phòng, đám bụi lơ lửng sẽ phủ lên các đồ vật - chỉ những ngày nắng may ra mới có một ít tia sáng lọt vào đấy. Cái thế giới bé nhỏ thời thơ ấu của chàng sẽ chìm trong bóng tối. Mẹ sẽ lo giữ nguyên mọi vật chờ ngày chàng trở về, để sau thời

gian dài vắng mặt chàng vẫn lại có thể cảm thấy mình là một chú bé. Đúng, tất nhiên là mẹ hy vọng giữ được vẹn nguyên cái hạnh phúc đã trôi đi vĩnh viễn, hy vọng níu giữ được bước đi của thời gian, dường như khi đưa con trở về cứ việc mở tung cửa sổ cửa lớn ra là tất cả lại vẫn y nguyên như ngày trước.

Cuối cùng chàng và Veskovi thân thiết chia tay nhau, Drogo một mình đi tiếp về phía núi. Khi chàng bắt đầu đi xuống thung lũng dẫn tới Pháo đài thì mặt trời đã lên đến đỉnh. Bên phải, trên đỉnh núi, thấy nổi lên cái đồn canh Veskovi đã chỉ lúc nãy. Có lẽ cứ đà này thì không phải đi lâu lắm nữa.

Drogo nôn nóng muốn mau đến nơi, thậm chí không dừng lại để ăn trưa, chàng thúc con ngựa mệt mỏi chạy trên con đường mỗi lúc một dốc hơn giữa những bức tường thẳng đứng ép chặt hai bên. Người đi đường ngày càng thưa thớt. Giovanni hỏi một người xà ích đường tới Pháo đài còn bao xa:

- Tối pháo đài? - người này hỏi lại. - Pháo đài nào?

- Pháo đài Bastiani, - Drogo đáp.

- Không có pháo đài nào ở gần đây cả, - người xà ích đáp, - thậm chí tôi chưa bao giờ nghe nói đến nó.

Có lẽ anh ta không thông thuộc vùng này. Drogo lại đi tiếp. Chiều xuống dần, lòng chàng thấy bất an. Chàng đưa mắt nhìn những sườn dốc cao hai bên thung lũng, hy vọng trông thấy Pháo đài. Đầu óc chàng hình dung nó giống như một lâu đài cổ có những bức tường cao vút. Nhưng càng đi chàng càng tin chắc là Franchesko đã chỉ cho chàng cái mốc sai:

cái đồn mà cậu ta nói có lẽ đã tụt lại sau lâu rồi. Trời thì đã bắt đầu tối.

Hãy nhìn chàng trung úy Giovanni Drogo và con ngựa của chàng ta xem - cả hai thật nhỏ nhoi trên cái nền rừng núi mỗi lúc một cao hơn, rậm rịt hơn. Chàng tiếp tục leo dốc, thậm chí mong đến được Pháo đài trước khi trời tối hẳn, nhưng lạ hơn chàng, từ sâu trong các khe núi nước chảy ồ ồ bóng tối dâng lên và chuyển động nhanh hơn chàng và khi bóng tối từ phía bên kia khe núi dâng lên ngang tầm Drogo, thì có cảm giác như nó đột nhiên ghì bước chạy của mình, để khỏi tước mất của chàng niềm hy vọng cuối cùng, nhưng sau đó nó lại vượt lên theo các sườn dốc vách núi và trùm lấp cả người kỵ sĩ.

Cả lũng sâu đã ngập tràn ánh hoàng hôn tím nhạt, chỉ trên đỉnh núi cao chót vót phủ đầy cỏ là còn ánh mặt trời. Đến đây trước mặt Drogo bỗng hiện ra một khối đồn binh to lớn đen thẫm trên nền trời chiều, trông nó vẻ rất cổ xưa và hoang vắng. Tim Giovanni đập mạnh: có lẽ đây chính là Pháo đài rồi, nhưng chẳng hiểu sao bốn bề - cả những bức tường lẫn phong cảnh - trông xám xịt và dữ dằn.

Anh vòng quanh pháo đài tìm cổng vào. Dù trời đã tối, nhưng chẳng thấy đâu những khung cửa sổ sáng đèn, những ngọn lửa tháp canh trên các bức tường cao. Chỉ có đàn dơi bay loạn trên nền mây trắng. Rốt cuộc Drogo đành phải hét to:

- Ê-hê! Có ai ở đây không?

Khi đó từ bóng tối dày đặc dưới chân tường có một người bước ra - trông dáng ông ta như một kẻ

lang thang khát thực với chòm râu bạc và cái túi cầm tay. Trong cảnh nhá nhem, lòng trắng cặp mắt ông ta lóe lên, khó nhìn thấy rõ cái gì thêm nữa. Tuy nhiên Drogo vẫn mừng rỡ khi thấy ông ta.

- Ngài tìm ai ở đây, thưa ngài? - ông ta hỏi.

- Tôi cần đến Pháo đài. Nó đây phải không?

- Không có pháo đài ở đây nữa, - người lạ mặt niêm nở đáp. - Tất cả đã bị bịt kín, khoảng mười năm nay, khi mọi người bỏ đi cả.

- Vậy thì Pháo đài ở đâu? - Drogo cúi kính hỏi, cứ như người này có lỗi với chàng vậy.

- Pháo đài nào? Có thể nó kia chăng? - Người lạ mặt chỉ tay ra đằng xa.

Trong cái khe hẹp giữa hai vách đá đứng kề nhau đã bị bóng tối bao phủ, phía sau những mỏm núi chất chồng đua nhau vươn lên cao, những tia nắng hoàng hôn cuối cùng như tung ra phép màu kỳ diệu làm hiện ra trước mắt Drogo một quả đồi trọc và trên đỉnh của nó là đường gấp khúc hình học có một màu vàng khó tả - đường viền của Pháo đài.

Ôi, nó còn xa biết bao! Chỉ có Chúa biết được phải mất bao nhiêu giờ nữa mới đến được đó, mà ngựa thì đã kiệt sức rồi. Drogo nhìn như bị hút về chốn xa xăm ấy, lòng thầm hỏi cái pháo đài đơn độc nằm cách biệt cả thế giới đó có gì cuốn hút chàng? Nó cất giấu những bí ẩn nào? Giữa lúc đó chiều đã tàn. Những tia sáng mặt trời cuối cùng chậm chậm lướt qua quả đồi nơi xa, và bóng tối màu tím của đêm đang đến gần nhanh chóng nuốt chửng những bức tường thành màu vàng của pháo đài.

II

Bóng đêm đuổi kịp chàng trên đường. Thung lũng hẹp, Pháo đài khuất sau những quả núi nhô ra ngang đường. Bốn bề không một ánh lửa, những con chim đêm lặng tiếng, chỉ thi thoảng vọng đến tai chàng tiếng những con suối chảy xa xa.

Chàng thử hét lên, nhưng tiếng vọng dội lại giọng chàng khiến Drogo cảm thấy rùng rợn. Chàng buộc ngựa vào khúc cây bên vệ đường, nơi có một đám cỏ mọc, còn mình thì ngồi xuống đất, tựa lưng vào sườn dốc và trong lúc chờ giấc ngủ đến, chàng lan man nghĩ về chặng đường còn phải đi, về những con người chàng sẽ gặp ở Pháo đài, về cuộc sống sắp tới của mình; những ý nghĩ thật ảm đạm. Con ngựa thỉnh thoảng gõ móng xuống đất, và lần nào Drogo cũng giật mình vì thứ tiếng động lạ lùng khó chịu này.

Tảng sáng khi lại lên đường tiếp, chàng nhìn thấy bên sườn dốc đối diện có một con đường khác cùng trên một độ cao, lát sau chàng lại nhận thấy có một vật đang di động trên đó. Mặt trời chưa soi tỏ khe núi, bóng tối vẫn còn dày nên rất khó nhìn rõ mọi vật. Tuy nhiên Drogo thúc ngựa kịp đi ngang hàng với cái hình thù lạ và thấy đó là một viên sĩ quan cưỡi ngựa.

Cuối cùng thì cũng đã gặp được một sinh linh, một người của mình để cùng có thể cười đùa, trêu chọc, trò

chuyện về cuộc sống sắp tới, về săn bắn, phụ nữ, thành phố. Phải, về thành phố, mà giờ đây trong tâm trí Drogo đã lùi xa như vào một thế giới khác.

Thung lũng hẹp dần, hai con đường xích lại gần nhau và Giovanni Drogo đã có thể nhận biết được người cuối ngựa phía bên kia là một đại úy. Thoạt đầu chàng không dám lên tiếng gọi người lạ, sợ làm thế bất tiện và không lịch sự, nên chỉ mấy lần đưa tay lên vành mũ chào, nhưng người kia không đáp lại. Chắc ông ta không nhìn thấy Drogo.

- Thưa ngài đại úy! - không kim được, Giovanni kêu lên. Và chàng lại đưa tay chào.

- Có gì vậy? - vọng đến tai chàng giọng nói từ bên kia lũng sâu.

Viên đại úy ghìm ngựa, lịch sự giơ tay chào chàng và đợi một lời giải thích. Câu hỏi của ông ta không tỏ ra nghiêm khắc, mà chỉ lộ vẻ ngạc nhiên.

- Có gì vậy? - giọng của viên đại úy lại từ bên kia lũng vọng sang, lần này đã hơi bức tức.

Giovanni dừng lại, bắt tay làm loa và gào hết sức:

- Không có gì đâu! Tôi chỉ muốn chào hỏi ngài thôi!

Câu nói thật ngu ngốc, thậm chí có thể khiến viên đại úy bức mình vì nghĩ là bị trêu chọc. Drogo lập tức lấy làm tiếc về hành động của mình. Sao lại có thể đặt mình vào một tình thế ngốc nghếch đến vậy chỉ vì chàng chán cảnh một mình đơn độc.

- Anh là ai? - viên đại úy kêu to.

Drogo thấy sợ câu hỏi này. Cuộc trò chuyện lạ lùng qua hai sườn thung lũng vậy là đã có vẻ một cuộc thăm vấn. Một sự khởi đầu khó chịu, bởi chắc là

viên đại úy từ Pháo đài ra. Nhưng giờ thì đêm lao đành theo lao, phải trả lời vậy.

- Trung úy Drogo! - Giovanni hét to tự giới thiệu.

Viên đại úy không biết chàng và do cách xa nên không nghe rõ tên chàng, nhưng có lẽ câu đáp của chàng làm ông ta yên tâm vì thấy ông ta lại đi tiếp, đầu gật gật như ý bảo: lát nữa ta gặp nhau. Quả thật, nửa giờ sau ở chỗ thung lũng thật hẹp nhất, Giovanni thấy một cây cầu: hai con đường hợp làm một.

*

Họ gặp nhau ở đấy. Viên đại úy tiến lại gần Drogo và vắn ngồi trên ngựa chia tay ra. Đó là một người trạc tứ tuần hay thậm chí già hơn, khuôn mặt tinh tế, thanh nhã. Trang phục của ông ta đơn giản, nhưng rất vừa vặn.

- Đại úy Ortis, - ông ta tự giới thiệu.

Drogo nắm chặt tay ông ta và nghĩ rằng thế là chàng đã bước vào thế giới của Pháo đài. Đây chỉ mới là sợi chỉ đầu tiên, cuộc gặp đầu tiên, sau nó còn những cuộc khác, rất khác nhau, và ở đây chàng đã thành người của mình.

Viên đại úy không dừng lại, cứ đi tiếp; Drogo theo sau ông ta, hơi cách xa để tôn trọng cấp trên. Chàng nóng lòng chờ viên đại úy lên tiếng quở trách mình về việc đã cố bắt chuyện. Nhưng viên đại úy im lặng: hoặc giả ông ta không thích nói, hoặc giả bản tính rụt rẻ nên ông ta không biết mở đầu câu chuyện

từ đầu. Đường lên núi dốc ngược, mặt trời bắt đầu tỏa nóng khiến hai con ngựa đi chậm lại. Cuối cùng viên đại úy phá vỡ cảnh im lặng.

- Tôi ở xa không nghe rõ được tên anh... Drozo, nếu tôi không nhầm?

Giovanni đáp:

- Drogo, chữ “g” chứ không phải “z”, Giovanni Drogo. Ngài thứ lỗi, thưa ngài đại úy, là tôi đã gọi ngài, - chàng bối rối nói thêm, - từ bên kia lưng rất khó thấy được cấp bậc của ngài.

- Đúng vậy, - Ortis đồng ý và bật cười để tránh cho Drogo ở vào tình thế khó xử.

Hai người lại im lặng đi thêm một quãng, không khí có phần gượng gạo. Sau đó Ortis cất tiếng hỏi:

- Vậy anh đến đâu?

- Đến pháo đài Bastiani. Tôi đi đúng hướng chứ?

- Chứ còn đi đâu nữa?

Họ lại im lặng. Trời trở nên nóng nực. Chập chùng quanh họ là những dãy núi lớn hoang dại, mọc đầy cỏ. Ortis nói:

- Thế nghĩa là anh đến Pháo đài? Anh có mang theo công văn nào không?

- Không, thưa đại úy, tôi được bổ đến phục vụ ở đây.

- Bổ sung quân số cho đồn?

- Tôi nghĩ là đúng vậy, bổ sung quân số. Đây là sự bổ nhiệm đầu tiên của tôi.

- Vậy thì là bổ sung quân số rồi, tất nhiên... Hay đấy... Hóa ra có thể chúc mừng anh được...

- Cảm ơn đại úy.

Họ lại im lặng đi bên nhau. Giovanni rất khát nước, mà bên yên ngựa của viên đại úy có treo một bình đồng đã chiến nghe tiếng nước xộc xạch.

- Anh đi hai năm? - Ortis hỏi.

- Xin lỗi, thưa đại úy, ngài nói hai năm nghĩa là sao?

- Sao nữa? Theo hạn là anh phải phục vụ ở đây hai năm. Đúng vậy không?

- Hai năm ư? Tôi không biết, người ta không nêu thời hạn với tôi.

- Điều đó là dĩ nhiên rồi. Tất cả các trung úy mới phong đều phải phục vụ ở đây hai năm, sau đó chuyển đi.

- Ai cũng phải thế cả ư? Phải hai năm?

- Tất nhiên, hai năm được tính bằng bốn năm. Bởi thế tất cả các anh mới xin đến đây, bằng không ai thèm đến? Để tiến thân thì với Pháo đài cũng phải quen thôi, đúng thế không?

Drogo không biết gì chuyện này, nhưng để đề phòng nên chàng buông một câu lửng lơ:

- Tất nhiên, cũng có thể...

Ortis bỏ lửng câu chuyện mới xối lên: dường như ông ta không thích nói về chuyện này. Nhưng giờ đây không còn khách khí nữa, Giovanni hỏi ông ta:

- Chẳng lẽ tất cả những người đến phục vụ ở Pháo đài đều được tính một năm thành hai?

- Tất cả là những ai?

- Tôi muốn nói các sĩ quan.

Ortis hừm một tiếng.

- Tất cả chứ còn sao nữa! Thế mà cũng nói! Với

các sĩ quan cấp dưới là đương nhiên. Trong trường hợp ngược lại không ai xin đến đây.

Drogo nói:

- Tôi không xin.

- Tức là thế nào? Anh không đệ đơn?

- Không, thưa đại úy. Chỉ hai ngày trước đây người ta bảo là tôi được bổ đến Pháo đài.

- Nói đúng ra thì lạ đấy. Nhưng mà...

Hai người lại im lặng một lúc. Mỗi người dường như theo đuổi ý nghĩ của mình. Đột nhiên Ortis nhận xét:

- Chẳng lẽ...

Giovanni đón lời ngay:

- Ngài nói gì, thưa đại úy?!

- Tôi muốn nói: chẳng lẽ không tìm được những người khác muốn đi... và họ đã cử anh...

- Hoàn toàn có thể thế, thưa đại úy.

- Chà... Có lẽ mà thế thật. Đúng vậy.

Drogo nhìn thấy trên mặt đường bụi bóng hai con ngựa, hai cái đầu lắc lư theo nhịp từng bước đi; nghe thấy tiếng móng gõ đều đều, tiếng vo ve của đàn ruồi bám theo, tất cả chỉ có vậy. Con đường kéo dài vô tận. Thỉnh thoảng ở chỗ ngoặt có thể thấy xa xa phía trước con đường núi ngằn ngoèo trên các sườn dốc đứng. Nhưng chỉ cần đến gần chỗ đó nhìn lên thì con đường lại trải ra trước mặt và lại chạy khuất vào núi.

- Thưa đại úy... - Drogo cất tiếng.

- Vâng vâng, tôi nghe đây.

- Chúng ta còn phải đi lâu nữa không?

- Không đâu. Cứ đà này thì khoảng hai tiếng rưỡi hoặc ba tiếng nữa. Tôi nghỉ giữa trưa ta sẽ đến nơi.

Một quãng đường dài im lặng giữa hai người. Hai con ngựa đẫm mồ hôi; con của viên đại úy đã mệt, bước đi loạn choạng.

- Anh từ Học viện Hoàng gia, phải thế không? - Ortis hỏi.

- Vâng, thưa đại úy, từ Học viện.

- Anh có biết đại tá Magnus còn ở đấy không?

- Đại tá Magnus? Tôi không biết ai như thế cả.

Thung lũng thu hẹp lại, ánh nắng không dội đến đáy. Thỉnh thoảng bên các vách núi dựng đứng thấy lộ ra những miệng hẻm ẩm đậm gió lùa ớn lạnh; phía trước và cao hơn là những dãy núi hình chóp rất dốc: có lẽ mất ba ngày cũng chưa lên tới được đỉnh, chúng rất cao.

- Xin trung úy cho biết, - Ortis lại phá vỡ im lặng, - thiếu tá Bosko vẫn còn dạy hỏa lực ở đấy như trước chứ?

- Không, thưa đại úy, tôi không biết ông ấy. Dạy hỏa lực cho chúng tôi là Simmerman, thiếu tá Simmerman.

- À, Simmerman, tôi có nghe cái họ này. Quả thật... Bao nhiêu năm đã trôi qua... Rõ ràng mọi sự đã thay đổi từ lâu.

Cả hai người lại chìm vào suy nghĩ của mình. Con đường bây giờ chạy bên sườn dốc có nắng, sau núi lại tiếp núi gấp khúc, thẳng đứng hơn.

- Tôi đã thấy nó chiều hôm qua từ xa, - Drogo nói.

- Thấy cái gì? Pháo đài ư?

- Vâng, Pháo đài. - Vì lịch sử Drogo ngừng lời một chút, rồi nói tiếp: - Tôi thấy nó rất to lớn, đồ sộ.

- Đồ sộ? Này anh, đó là một trong những pháo đài nhỏ nhất xây dựng từ rất lâu rồi. Đơn giản là khi anh nhìn từ xa thì thấy nó vậy thôi, - viên đại úy đáp, ngẫm nghĩ một lát ông ta nói thêm: - Phải, nó rất cổ, cũ kĩ về mọi mặt.

- Nhưng nó vẫn là một trong những pháo đài chính, phải không?

- Không hề, đó là pháo đài hạng hai, - Ortis đáp.

Dường như ông thấy thích thú khi nói xấu về Pháo đài, nhưng giọng ông ta có một vẻ đặc biệt, giống như giọng của một ông bố đôi khi thích nói về các khuyết điểm của đứa con mình vì tin chắc rằng chúng không là gì so với vô số ưu điểm của nó.

- Chỗ chúng ta đây là một quăng biên giới chết, - viên đại úy nói thêm. - Người ta không bao giờ phải xem xét lại nó, nó vẫn nguyên như trăm năm trước.

- Biên giới chết nghĩa là gì ạ?

- Là biên giới không cần phải quan tâm đến. Đằng sau nó là một hoang mạc.

- Hoang mạc ư?

- Phải, một vùng đất cằn đầy sỏi đá. Được gọi là hoang mạc Tácta.

- Vì sao lại Tácta? - Drogo hỏi. - Đây có người Tácta ở ư?

- Thời xưa chắc là có. Nhưng có lẽ đấy chỉ là truyền thuyết thôi. Trong các cuộc chiến tranh không

có người nào từ phía ấy tiến lại chúng ta.

- Thế nghĩa là chẳng ai cần Pháo đài cả?

- Chẳng ai cần, - viên đại úy đáp.

Đường càng lên cao cây cối càng thưa và rồi quang hắt; đây đó chỉ thấy thưa thớt những bụi cây hiếm hoi. Xa xa là những đồng cỏ tắm ánh mặt trời, những vách đá, những mảng đất đỏ.

- Thưa đại úy, gần đây có làng mạc nào không?

- Gần thì không có. Chỉ có một làng San-Pokko nhưng cách đây khoảng ba chục cây số.

- Nói chung, như tôi thấy ở chỗ ngài khó có thể vui chơi được.

- Quả có đúng như vậy.

Không khí trở nên mát mẻ, sườn núi thoải hơn, có cảm giác chẳng bao xa nữa sẽ đến được những đỉnh núi cuối cùng.

- Ở đấy các ngài có buồn không, thưa đại úy? - Giovanni hỏi bằng giọng tin cậy vừa cười ý như muốn nói những điều như thế ít làm chàng lo lắng.

- Do quen cả thôi, - Ortis đáp và nói thêm về rắn dạy: - Tôi đã ở đấy gần mười tám năm, dù tôi muốn nói - đúng mười tám năm.

- Mười tám năm? - Giovanni thốt lên kinh ngạc.

- Mười tám năm, - viên đại úy khẳng định. ,

Một đàn quạ lượn trên đầu hai người và khuất vào lũng sâu.

- Quạ đấy, - viên đại úy nói.

Giovanni không đáp lại, chàng đang nghĩ đến cuộc sống chờ mình nơi đây, chàng cảm thấy cái thế

giới này, cảnh cô độc này, những dãy núi này xa lạ với mình biết bao.

- Trong các sĩ quan cấp thấp, - chàng hỏi, - sau đó có ai ở lại không?

- Bây giờ thì có một ít, - Ortis đáp, ông ta lấy làm tiếc đã nói xấu về Pháo đài, vì nhận thấy đã gây cho Giovanni ấn tượng không hay về nó. - Nói chung, hầu như không có ai. Người ta sửa soạn cho tất cả mọi người một cuộc sống doanh trại rất tốt. Trước đây đến phục vụ ở Pháo đài được coi là một vinh dự, còn giờ đây người ta coi việc đó giống như một sự trừng phạt.

Giovanni im lặng nghe, nhưng viên đại úy vẫn không thôi:

- Bởi chúng ta phục vụ ở biên giới. Cán bộ đến đây cơ bản là được chọn lựa. Biên giới là biên giới. Thế đấy...

Drogo im lặng, lòng chàng chợt thấy bất an. Chân trời trải rộng, xa xa thấy nổi lên hình bóng trập trùng của những dãy núi thẳng đứng, những đỉnh núi nhọn sắc nhô lên tua tủa trên nền trời.

- Bây giờ trong quân đội người ta nhìn mọi việc khác hẳn trước đây, - Ortis tiếp tục. - Phải, đã có thời việc phục vụ ở Pháo đài được coi là rất vinh dự, còn giờ đây người ta nói: vùng biên chết, vùng biên chết, nhưng không nên quên là ở vùng biên chết vẫn có thể xảy ra mọi chuyện, không thể biết trước được gì đâu.

Một con suối cắt ngang đường. Hai người dừng lại cho ngựa uống nước, còn mình thì xoa bóp đôi chân bị tê.

- Anh có biết chỗ chúng ta có một thứ thật sự hạng nhất không? - Ortis cười hỏi.

- Thứ gì, thưa đại úy?

- Nhà bếp. Rồi anh sẽ thấy, món ăn ở Pháo đài rất tuyệt. Đúng thế... Vì vậy nên thường có khách thăm: cứ hai tuần lại có một vị tướng ghé vào.

Drogo cười theo phép lịch sự. Chàng thật không hiểu nổi Ortis là một kẻ ngốc, hay ông ta muốn che giấu điều gì, hay ông ta chỉ nói ra những gì nảy đến trong đầu mà thôi.

- Hay lắm, - chàng nói, - tôi đói ngấu lên rồi này.

- Giờ thì không xa nữa đâu. Anh thấy đồng đá đầu kia chứ? Pháo đài ở ngay sau đó.

Họ lại lên đường. Quả thực, vòng qua sau đồng đá hai sĩ quan lập tức trượt xuống một bình nguyên hơi thoải dốc và cách phía trước chừng năm trăm mét họ nhìn thấy Pháo đài.

Nó quả là nhỏ so với hình dung của Drogo chiều hôm trước. Từ đồn chính - dáng vẻ như một trại lính bình thường với những ô cửa sổ khoét cách xa nhau - có hai bức tường răng cưa không cao lắm nối nó với các đồn phòng thủ cạnh sườn: mỗi bên có hai đồn. Như vậy, các bức tường Pháo đài này là chỗ phòng thủ không lấy gì làm chắc chắn cho con đèo rộng độ nửa cây số bị kẹp giữa những vách đá cao dựng ngược.

Bên phải, ngay dưới chân sườn dốc, có một chỗ trũng trên bình nguyên giống như chiếc yên ngựa: đây là nơi ngày trước con đường đèo chạy qua, bây giờ nó chạy sát bờ tường Pháo đài.

Đồn chính nằm tĩnh mịch tắm mình trong nắng trưa. Chạy quanh hai bên nó là các bức tường màu vàng trần trụi (mặt tiền hướng về phía Bắc không

thể trông thấy được). Một làn khói nhạt bay lên từ ống khói. Dọc theo tất cả các mép trên của tòa nhà trung tâm, của các bức tường và các đồn cố thủ có hàng chục lính canh vác súng bước đi đều đặn trong phạm vi nhất định của mình. Chuyển động của họ giống như dao động của con lắc đo nhịp thời gian mà vẫn không phá vỡ sự quyền rũ kỳ bí của cảnh cô đơn bao trùm.

Bên phải và bên trái, trong tầm mắt nhìn, trải dài những dãy núi dốc đứng khó vươn tới. Vào giờ này trong ngày trông chúng cũng ngả vàng như bị thiêu cháy.

Giovanni Drogo bất giác dừng ngựa lại. Đưa mắt chậm chậm nhìn những bức tường âm đạm, chàng không sao hình dung nổi chúng gọi cho chàng nhớ đến cái gì. Thoáng trong đầu ý nghĩ về một nhà tù hay một cung điện bị bỏ hoang. Một làn gió nhẹ phơ phất lá cờ rủ cuốn vào cột cờ. Mơ hồ nghe có tiếng kèn từ xa. Các lính canh vẫn đều đặn bước qua bước lại. Trên bãi trống trước cổng vào có ba, bốn người (từ xa nhìn lại không rõ đó có phải là lính hay không) đang chất bột lên một chiếc xe kéo. Nhưng bốn bề mọi vật trông vẫn hoang vắng bí hiểm.

Đại úy Ortis cũng dừng lại, ngược nhìn Pháo đài.

- Nó đấy, - ông ta nói chẳng hiểu để làm gì.

Drogo nghĩ: chắc bây giờ ông ta sẽ hỏi mình có thích nó không đây, ý nghĩ này làm chàng thấy khó chịu. Nhưng viên đại úy im lặng.

Không, pháo đài Bastiani với những bức tường không lấy gì làm cao của nó không hề có vẻ uy nghiêm,

nó không đẹp, không thơ mộng như người ta thường nghĩ về các thành trì, pháo đài, nó không có gì, hoàn toàn không có gì làm đẹp cho cảnh trụi trụi này, làm vui cho mắt nhìn. Tuy nhiên Drogo, hết như khi hôm qua đứng trong khe núi sâu mê mẩn ngắm nhìn Pháo đài, cảm thấy lòng mình tràn ngập niềm hân hoan khó tả.

Còn xa hơn nữa là gì? Đằng sau khu trại xám xịt này, sau những bức tường răng cưa, những hầm tránh đạn, những kho thuốc súng chần mất tầm nhìn này là gì? Thế giới nào mở ra đằng sau chúng? Cái vương quốc phía Bắc, vùng hoang mạc đá mà chưa ai từng bao giờ vượt qua, trông về thế nào? Drogo lơ mơ nhớ lại là trên bản đồ về phía này biên giới chỉ về một vùng rộng lớn với rất ít ký hiệu, nhưng có thể đứng cao trên Pháo đài sẽ thấy được ở đó có làng mạc, đồng cỏ, ngôi nhà nào chăng? Hay đấy chỉ là một hoang mạc khô cằn, không có sự sống?

Chàng đột nhiên cảm thấy cô độc, tất cả tinh thần anh dừng nhà binh - điều trước đây là hết sức tự nhiên, khi cuộc sống binh trại trôi qua vui vẻ, vô tư, khi chàng có một ngôi nhà tiện nghi, có những đồng đội thân cận và những cuộc phiêu lưu nho nhỏ ban đêm trong các khu vườn - đột nhiên rời bỏ chàng. Pháo đài hiện ra trước chàng như một trong những thế giới bí hiểm mà chàng không bao giờ thấy hứng thú, không phải vì lòng không muốn, mà đơn giản là vì chúng vô cùng lạ lẫm với chàng và xa cách cuộc sống quen thuộc của chàng. Cái thế giới đó trói buộc rất nhiều người, không để lọt cái gì ra khỏi phạm vi các quy luật cứng nhắc của nó.

Quay về thôi! Ngay khi chưa bước qua ngưỡng cửa

Pháo đài, quay về đồng bằng, về thành phố của mình, trở lại những cái quen thuộc ngày trước. Đây là điều đầu tiên Drogo nghĩ tới: mặc cho sự yếu đuối như thế là một điều đáng xấu hổ đối với người lính, chàng thậm chí chấp nhận, nếu cần thì công khai thú nhận điều đó, chỉ cốt sao chàng mau chóng được rời khỏi nơi đây.

Từ phía Bắc một màn sương mù trắng dày dâng lên che lấp đường chân trời và tràn vào các lũy trong, dưới mặt trời đứng ngọ các lính canh vẫn cần mẫn đếm bước như những cái máy tự động. Con ngựa của Drogo cất tiếng hí. Sau đó lại là bầu không khí tĩnh mịch ghê rợn bao trùm.

Cuối cùng Giovanni rời mắt khỏi Pháo đài và liếc sang viên đại úy, chờ nghe ông ta nói vài lời động viên. Ortis cũng đứng bất động dán mắt nhìn những bức tường vàng. Ông ta, người đã sống qua ở đây mười tám năm, nhìn chúng như thể phát hiện ra điều kỳ diệu. Đường như viên đại úy chưa bao giờ chán nhìn ngắm chúng, và một nụ cười vừa sung sướng vừa buồn bã lặng lẽ sáng lên trên khuôn mặt ông ta.

III

Ngay sau khi đến nơi Drogo đã tới trình diện sĩ quan tùy tùng trưởng, thiếu tá Matti. Trung úy cảnh

vệ - một anh chàng niềm nở và tháo vát tên là Carlo Morel - dẫn chàng đến khu trung tâm của Pháo đài. Qua cái cổng con vào sâu trong một cái sân lớn hoang vắng, hai người đến một hành lang rộng và dài như vô tận. Trần của nó mờ mờ tỏ tỏ dưới những luồng sáng mảnh từ đâu đó qua những ô cửa hẹp chiếu vào.

Chỉ lên tầng hai họ mới gặp một người lính mang tập giấy đi tới. Những bức tường trông trơn, không khí ẩm mốc, tĩnh lặng, ánh sáng mờ đục - tất cả mọi thứ ở đây dường như lâu nay đã quên mất là ở thế giới bên ngoài còn có những nơi khác hoa vẫn nở, phụ nữ vẫn cười, những ngôi nhà vẫn mở rộng cửa đón khách. Mọi thứ ở Pháo đài này đều phá mùi biệt lập, nhưng là vì cái gì, vì quyền lợi nào cơ chứ?

Họ leo lên tầng ba và đi theo một hành lang y hệt như ở tầng dưới. Đôi khi từ bức tường nào đó vẳng ra tiếng cười chỉ còn nghe thoáng khẽ do hành lang quá dài, trong khung cảnh này tiếng cười nghe như không phải thật.

Thiếu tá Matti là một người to béo và có nụ cười niềm nở quá mức. Ông ngồi trong phòng làm việc rộng sau bàn viết to xếp ngay ngắn các thứ giấy tờ. Trên tường treo bức chân dung sơn dầu của nhà vua và thanh kiếm của thiếu tá, người ta đã phải đóng riêng một cái cọc con cho thanh kiếm này.

Drogo đưa tay chào, tự giới thiệu và khi xuất trình giấy tờ chàng nói là hoàn toàn không xin đến Pháo đài (với bản thân, chàng đã quyết là sẽ có khả năng sẽ chuyển đi nơi khác), nhưng Matti ngắt lời chàng:

- Tôi có biết bố anh đấy, trung úy ạ. Một con người rất cao thượng. Tôi chắc anh sẽ xứng đáng với ông ấy. Nếu tôi không nhầm, ông nhà là chủ tịch Pháp viện tối cao?

- Không, thưa ngài thiếu tá, - Drogo đáp, - bố tôi là bác sĩ.

- Ô, quý tha ma bắt, tôi lẫn lộn hết cả, tất nhiên là bác sĩ, tất nhiên rồi.

Matti hơi bối rối giây lát, còn Drogo đã kịp nhận thấy ông ta cứ liên tục đưa tay trái lên cổ áo để cố che một vết mờ tròn còn mới nguyên trên ngực. Nhưng thiếu tá đã nhanh chóng tự chủ được.

- Rất mừng được gặp anh ở đây, - ông ta tiếp tục. - Anh biết hoàng đế Pietro Đệ Tam đã nói gì không? "Pháo đài Bastiani là thành trì cho ngai vàng của ta". Còn tôi có thể nói thêm rằng phục vụ tại Pháo đài này là một vinh dự lớn. Tôi hy vọng anh chia sẻ ý kiến của tôi chứ, trung úy?

Ông ta nói mọi điều đó rõ ràng là theo thói quen, như một bài học đã thuộc lòng từ lâu, thỉnh thoảng buộc phải nhắc lại.

- Chính thế, thưa ngài thiếu tá, - Giovanni nói, - ngài nói hoàn toàn đúng, nhưng phải thú thực là đối với tôi tất cả chuyện này quả có bất ngờ. Tại thành phố tôi còn có gia đình, và nếu có thể được thì tôi thích...

- Ô, anh thật là, chưa kịp đến đã muốn bỏ đi ngay. Sao lại thế? Thú thực điều này làm tôi buồn đấy, rất buồn.

- Vấn đề không phải là ý muốn của tôi. Tôi không dám thảo luận..., tôi chỉ muốn...

- Rõ rồi, - thiếu tá thở dài nói, ra ý là những lời đó đối với ông ta không có gì là mới, và ông ta thậm chí sẵn sàng thông cảm... - Rõ rồi: anh hình dung Pháo đài một cách khác và bây giờ thấy đau khổ. Nhưng anh hãy nói thẳng thắn: làm sao anh có thể suy luận về nó nếu như chỉ mới có mặt ở đây vài phút trước? Cứ nói thẳng ra...

- Thưa ngài thiếu tá, - Drogo đáp, - tôi không có điều gì chống lại Pháo đài... Hoàn toàn không có gì. Nhưng tôi thích được phục vụ ở thành phố hơn, hay ở một chỗ nào gần đó cũng được. Xin hãy hiểu cho tôi. Tôi hoàn toàn cởi mở với ngài để mong được ngài giúp đỡ...

- Tất nhiên, tất nhiên rồi! - Matti cười hô hố kêu lên. - Chính vì thế người ta mới để chúng ta ở đây! Tôi không níu giữ ai cả, ngay với lính gác. Tôi chỉ lấy làm tiếc, theo tôi anh là một chàng trai tốt...

Thiếu tá ngừng lại giây lát như để tìm lối thoát. Trong lúc ấy Drogo khẽ quay đầu sang trái nhìn qua ô cửa sổ trông ra sân trong và thấy bức tường đối diện, nó cũng vàng rực dưới nắng như các bức tường khác, cũng có một số ô cửa hình chữ nhật màu đen. Lại có chiếc đồng hồ chỉ hai giờ chiều, có người lính gác vai khoác súng trường đi tới đi lui trên tường thành, còn xa xa phía sau tòa nhà lung linh trong ánh ngày nóng nực là dãy núi dốc đứng. Chỉ thấy đỉnh núi nhô lên, trông không có gì đặc biệt. Tuy nhiên cái đỉnh ấy đối với Giovanni Drogo đã thành dấu hiệu hữu hình đầu tiên kêu gọi về vương quốc huyền thoại phương Bắc, kẻ thù đe dọa Pháo đài.

Còn xa hơn nữa là gì? Luồng sáng mờ đục xuyên qua lớp khói dày là đến từ nơi ấy. Lúc này thiếu tá lại lên tiếng:

- Anh cho biết, anh nhất quyết muốn rời khỏi đây ngay hay có thể đợi thêm ít tháng nữa? Tôi xin nhắc lại, chúng tôi thì thế nào cũng được... xét về mặt thủ tục, tất nhiên, - ông ta nói thêm để lời lẽ của mình không trở nên bất nhã quá.

- Nếu như tôi có thể rời đi, - Giovanni đáp, ngạc nhiên thích thú vì không có trở ngại nào, - nếu như tôi có thể rời đi, thì tốt nhất có lẽ là đi ngay.

- Tùy anh thôi, - thiếu tá nói. - Nhưng nếu anh muốn đi ngay thì tốt nhất anh phải cáo bệnh. Anh phải đến nằm ở phòng cách ly mấy ngày và có giấy chứng nhận của bác sĩ. Nhiều người vốn cũng không chịu được khí hậu vùng núi cao ở đây...

- Chẳng lẽ cứ bắt buộc phải giả ốm sao? - Drogo hỏi, chàng không thích mảnh khé.

- Bắt buộc ư? Không! Nhưng làm thế giản tiện hơn nhiều. Trong trường hợp ngược lại anh sẽ phải làm đơn xin chuyển chuyển, đơn đó phải được chuyển lên Tổng tư lệnh tối cao, rồi phải đợi Tổng tư lệnh phúc đáp, nói chung việc này kéo dài không dưới hai tháng. Nhưng cái chính là ngài đại tá sẽ can thiệp vào, mà đấy là điều tôi muốn tránh. Những việc thế này ông ấy không ưa, ông ấy rất đau lòng, đúng là đau lòng, coi đó như là sự xúc phạm Pháo đài của mình. Vậy đấy, ở vào chỗ của anh - tôi nói rất thành thật - tôi sẽ cố tránh...

- Xin lỗi, thưa ngài thiếu tá, - Drogo đáp, - tôi quá

không biết... Nếu việc ra đi của tôi có thể gây hại cho tôi, khi đó chuyện lại khác.

- Không phải thế đâu, trung úy. Anh không hiểu tôi. Đường công danh của anh không hề bị ảnh hưởng vì chuyện này. Ở đây... làm sao nói rõ hơn nhỉ... có một chút tế nhị là... Tất nhiên, như tôi đã nói với anh, ngài đại tá rất không bằng lòng có chuyện như thế. Nhưng nếu anh cứ cương quyết...

- Không, không, - Drogo nói, - nếu mọi việc xoay ra như ngài nói, thì tốt nhất là tôi xin giấy của bác sĩ.

- Chỉ có điều... - Matti mỉm cười ngọt xớt bỏ dở câu nói.

- Sao?

- Chỉ có điều là nếu anh không đồng ý ở lại đây bốn tháng mà việc ở lại đó là lối thoát hay nhất ra khỏi tình thế.

- Ở lại bốn tháng? - Drogo hỏi lại, hơi thất vọng: chàng những tưởng đã sắp được rời đi.

- Bốn tháng, - Matti khẳng định. - Khi đó mọi việc sẽ đơn giản đi nhiều. Chỗ chúng tôi đây mỗi năm hai lần có đoàn quân y đến kiểm tra. Điều lệnh quy định thế. Lần sắp tới chỉ còn bốn tháng nữa. Theo tôi, đây là phương án tốt nhất cho anh. Còn việc để đoàn kiểm tra xác nhận anh không đủ điều kiện phục vụ ở đây thì mặc tôi lo. Anh có thể hoàn toàn yên tâm. Ngoài ra, - ông ta nói thêm sau một lúc ngừng lại, - bốn tháng là bốn tháng, chừng ấy thời gian đủ để cấp bản nhận xét. Tôi chắc ngài đại tá sẽ cấp nó cho anh. Chắc anh cũng biết bản nhận xét ở nơi công tác đầu tiên có ý nghĩa thế nào đối với đường

công danh của anh. Nhưng ta hãy thỏa thuận để khỏi có gì nghi ngờ: đây chỉ là lời khuyên của tôi, anh toàn quyền quyết định...

- Vâng, thưa ngài thiếu tá, - Drogo đáp. - Tôi hiểu rõ ngài nói.

- Cuộc sống chỗ chúng tôi đây không nặng nề đâu, - thiếu tá nhấn giọng nói, - công việc chính là tuần tra canh gác. Anh là lính mới, tất nhiên chưa được cử đến chỗ Đồn Mới, một vị trí trọng yếu. Không có gì khó khăn cả, anh có thể yên tâm. Chỉ có điều anh sẽ cảm thấy buồn chán...

Nhưng Drogo hầu như không lắng nghe: tâm trí chàng chẳng hiểu sao đã bị hút vào ô cửa hình chữ nhật và đỉnh núi dốc nhô lên trên bức tường đối diện của Pháo đài. Một cảm giác mơ hồ, lạ lùng nẩy lên trong tâm trí chàng, có thể đó là một niềm ham thích thậm chí ngu ngốc, phi lý, không có cơ sở nào cả.

Đồng thời chàng dường như bình tâm lại hơn. Chàng vẫn muốn rời khỏi đây, nhưng không còn mãnh liệt như lúc trước. Chàng cảm thấy xấu hổ về nỗi thất vọng xâm chiếm mình vừa rồi. Sao chàng lại tệ hơn những người khác thế? Bỏ đi ngay, bây giờ chàng nghĩ lại, điều đó có vẻ như thừa nhận sự non nớt của mình. Trong chàng lúc này đang diễn ra sự giằng co giữa lòng tự trọng và ý muốn trở lại cuộc sống gia đình quen thuộc.

- Thưa ngài thiếu tá, - Drogo nói, - tôi cảm ơn ngài về những lời khuyên, nhưng cho phép tôi suy nghĩ đến mai.

- Tuyệt lắm! - Matti thốt lên, không giấu nổi sự

hài lòng. - Thế còn chiều nay thì sao? Anh có muốn ra mắt ngài đại tá trong bữa ăn không, hay anh thích để ngỏ vấn đề?

- Thôi được, - Giovanni đáp, - tôi cho rằng lánh mặt là vô nghĩa, nhất là nếu như tôi đã quyết định ở lại bốn tháng.

- Có lẽ anh nói đúng, - thiếu tá nói. - Như thế anh sẽ cảm thấy tự tin hơn. Rồi anh sẽ thấy mọi người ở đây thật tuyệt vời, còn các sĩ quan là một đội cận vệ chân chính.

Matti mỉm cười và Drogo hiểu là đã đến lúc rời đi, nhưng chàng vẫn hỏi thêm một câu, cố giữ giọng thật bình thản:

- Thưa ngài thiếu tá, tôi có thể ngó qua phía Bắc được không? Tôi muốn xem ở đấy, đằng sau các bức tường, có cái gì?

- Sau các bức tường? - thiếu tá ngạc nhiên. - Cảnh đẹp nơi đó thu hút anh?

- Vì tò mò thôi mà, thưa thiếu tá. Người ta bảo đấy là hoang mạc, mà tôi thì chưa bao giờ thấy hoang mạc cả.

- Nó không đáng anh phải chú ý đâu, trung úy. Phong cảnh đơn điệu, hoàn toàn không có gì thích thú. Tốn thời gian vô ích, tôi cam đoan với anh vậy.

- Tôi không cố nài, thưa thiếu tá, - Drogo đáp. - Tôi không biết việc này lại có những khó khăn.

Thiếu tá Matti chấp các ngón tay mồm mỉm cười lại như điệu bộ tụng kinh.

- Đây có lẽ là điều duy nhất tôi không thể cho phép anh, - ông ta nói. - Chỉ những người có nhiệm

vụ mới được lên tường, đến các vụng gác: phải biết mật khẩu.

- Không có ngoại lệ nào sao, cả đối với sĩ quan?

- Cả đối với sĩ quan.Ồ, tôi hiểu anh, người thành phố các anh thấy những chuyện vặt vãnh này đáng nực cười. Mật khẩu ở chỗ các anh không phải là điều bí mật gì ghê gớm. Nhưng ở đây thì khác.

- Xin ngài thứ lỗi cho sự kẻo nhèo của tôi, thưa ngài thiếu tá...

- Tôi nghe, tôi nghe anh đây, trung úy.

- Tôi muốn hỏi, chẳng lẽ ở đây không có lỗ châu mai nào, ô cửa sổ nào để từ đó tôi có thể nhìn ra ngoài...

- Có một cái. Nó nằm trong phòng làm việc của ngài đại tá. Chao ôi, không ai hơi đâu lo làm chỗ ngấm cho những người tò mò đâu. Vả lại cái phong cảnh ấy chẳng đáng để xem, nó chẳng có gì đặc biệt cả. Nếu anh quyết định ở lại đây, nó sẽ còn làm anh chán ngấy nữa kia.

- Cám ơn thiếu tá. Ngài còn có chỉ thị gì nữa không? - Drogo uốn thẳng người hỏi.

Matti phẩy tay thân mật.

- Tạm biệt, trung úy. Gạt chuyện kia ra khỏi đầu đi. Một phong cảnh hết sức tẻ nhạt, tầm thường, hãy tin lời tôi nói.

Nhưng ngay tối ấy trung úy Morel sau khi hết phiên trực gác đã bí mật dẫn Drogo lên tường thành.

Một hành lang dài, được chiếu sáng bởi những

ngọn đèn thừa thớt, chạy dọc theo tất cả các bức tường - từ đầu này tới đầu kia dềo. Thỉnh thoảng trên đường đi lại có những cánh cửa: đó là những kho vũ khí, xưởng thợ, vụng gác. Phải đi không dưới trăm rưởi mét mới đến được đồn thứ ba. Bên cửa có một người lính gác mang vũ khí. Morel yêu cầu gọi trung úy Grotta trưởng đội gác.

Thế là, vì phạm điều lệnh, họ leo lên tường thành. Thoạt đầu Giovanni lọt vào một lối đi chật, ở đó dưới ngọn đèn có treo bản danh sách lính gác.

- Đi nào! - Morel gọi chàng. - Lạy Chúa, đừng có ai đến bắt gờ.

Drogo theo sau anh bạn leo một cầu thang hẹp dẫn lên phía trên, giữa khoảng không ở lữ trong. Morel ra hiệu cho anh lính gác bảo vệ khu này như ý nói không cần phải nghi thức gì cả.

Bất ngờ trước mặt Giovanni nhô lên dãy răng cửa của bức tường ngoài, phía sau là dải bình nguyên trải dài trong ráng chiều tà, mở ra cho tầm mắt toàn bộ vùng phương Bắc bí ẩn.

Drogo thậm chí hơi tái người khi sững sờ ngắm nhìn bức tranh này. Người lính gác đứng cạnh chàng cũng ngậy ra, và bao phủ tất cả là sự tĩnh lặng vô biên đang hạ xuống trên đôi cánh hoàng hôn. Không đủ sức quay đi, Drogo hỏi:

- Xa hơn nữa thì sao? Sau những vách đá kia là gì? Chẳng lẽ tất cả chỉ kéo dài mãi thế này?

- Tôi chưa bao giờ thấy, - Morel đáp. - Muốn thấy thì phải đến Đồn Mới, trên đỉnh đặng kia kia. Từ đấy thấy được cả bình nguyên. Người ta bảo...

Morel ngừng lại.

- Người ta bảo sao? - Drogo hỏi, giọng chàng run run chứng tỏ sự hồi hộp.

- Người ta bảo ở đấy chỉ toàn là đá. giống như một thứ hoang mạc... Và đá ở đấy, người ta bảo, trắng như tuyết.

- Toàn đá? Chỉ vậy thôi sao?

- Người ta bảo thế. Lại còn đầm lầy nữa.

- Nhưng xa hơn nữa, tận trên phía Bắc, vẫn có thể thấy được cái gì chứ?

- Chân trời thường bị mù sương, - Morel nói, vẻ vui tính và vô tư của anh chẳng hiểu biến đâu mất.

- Do sương mù phương Bắc nên không trông thấy gì cả.

- Sương mù! - Drogo thốt lên. - Nhưng không phải lúc nào cũng có sương. Chắc vẫn có những ngày đẹp trời chứ!

- Hầu như không có - ngay cả trong mùa đông. Nhưng một số người khẳng định dường như họ thấy...

- Họ thấy à? Thấy cái gì?

- Mọi thứ là do họ hoang tưởng thôi: chẳng lẽ có thể tin lời đám lính tráng? Người nói thế này, kẻ nói thế kia. Người thì khẳng định đã nhìn thấy những cái tháp trắng, người thì bảo là hình như thấy một núi lửa đang phun - sương mù là từ đấy mà ra. Bản thân Ortis, đại úy của chúng ta, cũng đoán chắc là ông ấy đã thấy... khoảng năm năm về trước... Nếu tin lời ông ấy thì ở đấy có một vệt đen kéo dài, chắc hẳn là rừng.

Họ im lặng. Drogo đã có thể nhìn thấy tất cả

cảnh này ở đâu? Trong mơ chăng? Hay chàng đã tưởng tượng ra khi đọc một câu truyện cổ nào đấy? Đường như chàng đã nhận ra những vách đá lởm chởm không cao này, cái thung lũng ngoằn ngoèo không một bóng cây, không một đốm xanh này, những đường dốc gấp khúc này, và sau cùng, cái hình tam giác của hoang mạc hoang vắng chạy giữa những vách đá cao vút lên này. Tất cả những cái chàng nhìn thấy dội vào thâm tâm một âm vang khó hiểu, nhưng chàng không thể phân định được các tình cảm của mình lúc này.

Giờ đây chàng đang ngắm nhìn cái góc nhỏ thế giới phương Bắc, một bình nguyên chết mà người ta cho là chưa một ai từng bao giờ vượt qua. Chưa bao giờ từ phía này có kẻ thù tràn đến, chưa bao giờ ở đây có trận đánh nào xảy ra, chưa bao giờ ở đây diễn ra chuyện gì.

- Thế nào? - Morel hỏi, cố giữ giọng vui vẻ. - Thế nào? Thích chứ?

- Thích-ích! - Drogo chỉ bật lên được thế. Lòng chàng đang xáo động những ý muốn mơ hồ trộn lẫn với một nỗi sợ không rõ rệt.

Có tiếng kèn ngân ngui từ đâu đó vọng đến chỗ hai người.

- Bây giờ cậu nên rời khỏi đây, - Morel khuyên bạn.

Nhưng mãi suy nghĩ để cố nhớ ra một điều gì đó nên Giovanni dường như không nghe thấy lời bạn. Hoàng hôn dần tắt, gió được bóng râm thức tỉnh ve vuốt các hình khối lập phương của Pháo

đài. Người lính gác lại bước đều sau trước cho nóng người, chốc chốc đưa mắt nhìn Giovanni Drogo xa lạ đứng bên.

- Bây giờ thì cậu nên rời khỏi đây, - Morel nắm tay bạn nhắc lại.

IV

Drogo không sợ ở một mình: hồi nhỏ đã có lần chàng bị lạc ra ngoài thành phố, chàng cũng đã từng lang thang trên phố ban đêm đầy hiểm nguy rình rập. Hay giả như mới hôm qua đây, chàng phải ngủ đêm dọc đường... Nhưng bây giờ thì hoàn toàn không phải thế nữa, bây giờ khi cơn hưng phấn sau chuyến đi dài đã lắng xuống và các đồng đội mới quen đã ngủ say, chàng buồn bã và hoang mang ngồi bên mép giường dưới ngọn đèn dầu trong buồng mình: đây là khi chàng thực sự hiểu cô đơn là gì. (Căn buồng nói chung cũng tạm được với tường lát gỗ, có một chiếc giường rộng, một đi văng to và một cái tủ). Mọi người đón tiếp chàng niềm nở, mở rượu chúc mừng, nhưng sau đó thì họ quên khuấy chàng (phía trên giường treo một cây thánh giá bằng gỗ, trên bức tường đối diện có bức phù điêu cổ với một dòng ghi dài mở đầu

là: "Humanissimi Viri Francisci Angloisi virtutibus"). Suốt đêm không ai thăm hỏi gì chàng, cả Pháo đài không ai nhớ gì đến chàng. Có lẽ ở Pháo đài này - mà nói chung trên cả thế gian, - không tìm được một sinh linh nào lo nghĩ đến chàng, Giovanni Drogo; mỗi người chỉ kịp lo lắng cho bản thân; ngay cả mẹ nữa, phải, có thể lắm, cả bà vào lúc này cũng đang nghĩ về chuyện khác - bởi chàng đâu phải là duy nhất của bà. Bà đã nhớ Giovanni cả ngày, giờ cũng phải quan tâm đến những người khác một chút chút. Điều đó là hết sức đúng đắn, Drogo thú nhận mà không khỏi bực bội, nhưng chính chàng chứ không phải ai khác giờ đây đang ở trong Pháo đài ngồi trên mép giường (lúc này chàng mới để ý thấy trên lớp gỗ bọc tường có chạm một thanh kiếm to và trang trí như thật - chắc đây là công phu đeo đục của một viên sĩ quan nào đó sống ở đây có Trời biết là bao nhiêu năm về trước), phải, chàng đang ngồi trên mép giường cúi đầu, so vai, mắt đờ đẫn vô hồn ngó nhìn xung quanh và cảm thấy mình cô đơn hơn bao giờ hết.

Cuối cùng Drogo gắng sức đứng lên, mở cửa sổ, ngó ra ngoài. Cửa sổ trông ra sân giờ này vắng ngắt, không một bóng người. Do hướng cửa sổ là hướng Nam nên Giovanni cố căng mắt trong bóng tối nhìn dãy núi mà chàng đã phải băng qua trên đường đến Pháo đài; bị bức tường đôi diện che khuất từng phần, những ngọn núi nom có vẻ thấp hơn.

Chỉ ba khung cửa có ánh đèn, nhưng chúng đều nằm cùng trên một mặt tiền nên không thể nhìn vào trong được. Ánh sáng từ ba khung cửa đó, cũng như

từ chỗ chàng, hất lên bức tường đối diện những ô hình chữ nhật to kéo dài, trong một ô thấy có bóng đen đi lại: chắc một sĩ quan đang chuẩn bị nằm ngủ.

Drogo khép cửa, cởi quần áo và leo lên giường, nằm nghỉ ngơi một lúc, mắt nhìn lên trần nhà cũng ốp bằng gỗ. Chàng quên mang theo cái gì để đọc, nhưng tối nay thì không đọc cũng được - chàng rất muốn ngủ. Drogo tắt đèn. Khung cửa sổ hình chữ nhật từ sáng chuyển sang tối và chàng thấy được ánh sao nhấp nháy trên bầu trời.

Người chàng đồ đần như là đang chìm vào giấc ngủ. Chỉ có điều chàng ý thức rất rõ trạng thái này. Những hình ảnh hỗn độn giống như trong mơ trôi dưới mắt chàng và thậm chí đã xếp thành một câu chuyện rõ ràng, nhưng mấy giây sau chàng nhận thấy là mình vẫn còn đang tỉnh.

Và nói chung chẳng còn muốn ngủ nữa - bầu không khí tĩnh mịch bao trùm làm chàng phát sợ. Xa xa có tiếng ai đang háng, hay đấy chỉ là do chàng tưởng thế thôi? Sau đó nghe vang lên tiếng nước vỗ khê dội vào những bức tường. Một ngôi sao xanh bé nhỏ (chàng thấy nó mà không phải ngẩng đầu lên) trên đường đi của nó đã di chuyển đến góc cao của sổ: chẳng mấy nữa nó sẽ biến mất. Quả thật, sau khi lóe lên lần cuối ở tận mép trên khung cửa tối, ngôi sao biến mất. Drogo muốn nhìn theo nó một lúc nữa nên vươn cổ lên. Vừa lúc đó lại nghe một tiếng “bộp” như có vật gì vỗ vào nước. Thử xem nó có lặp lại không? Drogo căng tai chờ đợi: cái âm thanh gợi nghĩ đến hang động, ao bùn, những ngôi nhà bị bỏ hoang

đó có vang lên nữa không? Thời gian như ngưng đọng lại, bầu không khí hoàn toàn yên ắng siết chặt cả Pháo đài. Và trong đầu lại chập chờn hiện ra những cảnh tượng rời rạc của cuộc sống xa xăm lúc trước.

“Bộp!”. Lại cái tiếng khó chịu ấy. Drogo ngồi dậy. Hóa ra, nó lặp lại đều đặn; tiếng sau không yếu hơn tiếng trước, do đó không thể cho rằng cái nguồn nước vô hình đã sắp cạn kiệt. Chẳng lẽ ngủ đây được sao? Drogo chợt nhớ là bên cạnh giường có một sợi dây nhỏ - có thể đó là dây chuông? Chàng nắm lấy sợi dây khẽ kéo, đâu đó trong các góc ngách của tòa nhà khẽ vang lên tiếng leng keng cụt lủn. Thật ngu ngốc, Drogo chợt hối, lại đi quấy rầy mọi người vì một chuyện vớ vẩn. Mà vị tất đã có ai đến.

Nhưng chỉ lúc sau trong hành lang đã nghe có tiếng bước chân đến gần, rồi có ai đó gõ vào cửa.

- Mời vào! - Drogo nói.

Trên ngưỡng cửa hiện ra một người lính tay cầm đèn.

- Tôi chờ lệnh ngài, thưa ngài trung úy!

- Đây không tài nào ngủ được, quý tha ma bắt! - Giovanni nén giận, kêu lên. - Cái âm thanh quái đản gì thế? Có phải một đường ống bị rò rỉ không? Anh hãy đi kiểm tra và chấm dứt cái chuyện khó chịu này đi. Hoàn toàn không thể ngủ được. Chỉ cần một năm giấc ngủ lại là xong.

- Đó là cái bể nước, - người lính nói ngay, dường như đã biết trước câu chuyện nói về gì. - Đó là cái bể nước, thưa ngài trung úy, không làm gì được đâu.

- Bể nước?

- Vâng, thưa ngài trung úy, - người lính giải thích, - ngay sau bức tường này là một bể nước. Mọi người đều than phiền, nhưng chẳng thể giúp gì được. Không chỉ ngài mới nghe thấy đâu. Cả ngài đại úy Fontaszo đôi khi cũng chửi bới, nhưng thật là chẳng làm gì được cả.

- Thôi được, anh đi đi! - Drogo nói.

Cánh cửa khép lại, bước chân xa dần, và bao trùm lại là bầu không khí tĩnh lặng; trong ô cửa lại là những ánh sao rơi vào. Giờ đây Giovanni nghĩ đến những người lính gác ở cách chàng mấy mét cứ đi đi lại lại không ngừng. Hàng chục người đang thức, còn chàng nằm trong giường cứ tưởng là tất cả xung quanh đã chìm vào giấc ngủ. Phải, hàng chục người, Drogo nghĩ, nhưng cái đó cần cho ai và để làm gì? Điều lệnh nhà binh ở Pháo đài dường như được thực hiện hoàn hảo đến mức phi lý. Hàng trăm con người bảo vệ một con đèo mà không ai có ý định vượt qua! Phải rời khỏi đây càng sớm càng tốt, Giovanni suy tính, phải tìm đến chỗ bầu trời thoáng đãng, thoát xa khỏi cái nơi kỳ bí này. Ôi ngôi nhà thân thương của mẹ! Mẹ giờ này chắc đã ngủ, ánh sáng trong nhà đã tắt hết cả. Mà đột nhiên chính lúc này mẹ đang nhớ chàng thì sao? Có thể lắm, chàng biết rõ mẹ mà: một chuyện gì nhỏ nhặt cũng khiến mẹ xúc động suốt đêm không ngủ được, cứ trằn trọc mãi trên giường.

Lại có tiếng nước rơi, thêm một ngôi sao nữa xẹt ngang qua khung cửa sổ: ánh sáng của nó tiếp tục rơi đến mặt đất, hào lũy của Pháo đài, những cặp

mất lo lắng của những người lính gác, chỉ không đến với Giovanni Drogo đang chờ mong giấc ngủ nhưng không tài nào ngủ được vì bị xâu xé bởi những ý nghĩ u ám.

Mà sẽ ra sao, nếu những lời cam đoan của Matti chỉ là một trò đùa không thôi? Sẽ ra sao, nếu sau bốn tháng nữa người ta không cho chàng rời khỏi đây? Bởi họ có thể nghĩ ra một đồng lý do, viện đến kỷ luật nơi đây để không trả chàng về lại thành phố. Nếu như chàng phải sống ở đây hàng năm trời và chôn vùi cả tuổi xuân của mình trong căn buồng này, trên chiếc giường lạnh lẽo này? Phi lý biết bao, Drogo nghĩ khi nhận ra những đề nghị của mình là ngốc nghếch, nhưng chàng vẫn không thể hoàn toàn xua đuổi được những suy nghĩ lo âu: chúng cứ bám riết lấy chàng, cứ nhức nhối hơn trong cô đơn và bóng tối.

Đột nhiên chàng bắt đầu cảm thấy có những âm mưu thâm độc chống lại mình mà mục đích là để cầm giữ chàng lại đây. Điều này tùy thuộc có lẽ cũng chẳng phải vào Matti. Cả ông ta lẫn vị đại tá cũng như bất kỳ một sĩ quan nào khác đều không liên quan gì đến Drogo: chàng ở hay đi họ đều chẳng quan tâm. Tuy vậy vẫn có một thế lực vô hình nào đó cản trở việc chàng quay lại thành phố; có thể nó đã ngụ trong lòng chàng mà chàng không hề hay biết.

Sau đó Giovanni nhìn thấy một hành lang, một con ngựa trên con đường trắng, chàng cảm thấy như có ai gọi tên mình, thế rồi chàng thiếp đi.

V

Chiều hôm sau Giovanni Drogo lần đầu tiên nhận phiên trực ở đồn thủ thứ ba. Sáu giờ chiều trong sân tập hợp tám đội gác: ba đội gác thành, bốn đội gác các đồn thủ cánh. Đội thứ tám gác Đồn Mới đã đi trước: đường tới đó phải đi mất khá lâu.

Cựu binh của Pháo đài thượng sĩ Tronc dẫn hăm tám người lên đồn thủ thứ ba, với người thổi kèn hiệu là hăm chín. Tất cả bọn họ đều là người đại đội hai của đại úy Ortis, là đơn vị Giovanni được phái đến. Drogo tiếp nhận sự chỉ huy đội tuần tra và rút gươm ra khỏi vỏ. Bảy đội trực gác đã xếp hàng thẳng góc với tòa nhà chính, còn đại tá chỉ huy trưởng Pháo đài theo dõi họ qua ô cửa sổ - truyền thống ở đây là thế. Một bức họa đẹp màu đen trên mảnh sân đất vàng được đâm kĩ.

Bầu trời phía trên Pháo đài được gió lau sạch sáng bừng lên, còn những tia nắng cuối cùng đã xé thấu những bức tường của nó. Đang là một buổi chiều tháng Chín. Phó chỉ huy trưởng, trung tá Nicolozì, chống lên thanh gươm và đi khắp khềnh - vết thương cũ, - bước ra từ phòng chỉ huy. Ngày hôm ấy viên sĩ quan kiểm tra là đại úy Monti khỏe mạnh. Ông ta ra lệnh bằng cái giọng khàn khàn của mình, và binh lính, rút kiếm đồng loạt, với tiếng loảng xoảng to, gờ vũ khí lên để kiểm tra. Sau việc đó là một sự im lặng hoàn toàn.

Và ngay đó, những tay thổi kèn của bảy toán tuần tiểu người này tiếp người kia thổi lên tín hiệu tương ứng. Những chiếc kèn bạc nổi tiếng của Pháo đài Bastiani, được điểm trang những sợi tua nhung vàng đỏ và phù hiệu lớn đã cất tiếng ca. Giọng trong trẻo của chúng vút lên bầu trời, và cái tháp những mũi gươm bất động đáp lại bằng âm thanh làm liên tưởng đến tiếng chuông. Binh sĩ đứng lặng như tượng, khuôn mặt họ nghiêm nghị kiểu nhà binh. Không, rõ ràng họ đã sẵn sàng không phải tới một công việc tuần tra thường nhật: với tia sáng hào hùng long lanh trong mắt họ như thể chỉ có thể là để chờ đợi kẻ thù.

Nốt nhạc cuối cùng được các bức tường xa vọng lại còn lơ lửng mãi giữa thình không. Những mũi gươm, mới thoáng giây trước còn lóe sáng trên nền trời vô đáy đã đồng thời tắt ngấm, chìm vào trong hàng ngũ binh lính. Viên đại tá không còn trong ô cửa sổ. Tất cả bảy toán, dẫm chân, hành tiến theo ma trận của Pháo đài về các hướng khác nhau - mỗi toán đến bức tường của mình.

Sau một giờ Giovanni Drogo đã ở trên sân thượng đồn thủ thứ ba, ở vào đúng chỗ mà tối hôm trước chàng đã nhìn lên phương Bắc. Hôm qua sự hiếu kì đưa chàng tới đây như một kẻ lãng du tình cờ, còn lúc này chàng là chủ nhân ở đây: trong hai mươi tư giờ tới toàn đồn và một trăm mét tường thuộc quyền chỉ một mình chàng. Phía dưới chàng, trong đường hào, bốn lính pháo binh trực bên hai khẩu pháo chia

nòng vào sâu trong thung lũng, ba lính gác chiếm vị trí của mình trên bãi phía ngoài đồn, còn bốn người được bố trí cách nhau hai mươi lăm mét trên cánh phải của bức tường chính.

Việc đổi ca được tiến hành ở mức chuẩn xác nhất dưới sự giám sát của thượng sĩ Tronc - một chuyên gia lớn về điều lệnh và huấn luyện đội ngũ. Tronc đã phục vụ ở Pháo đài hai mươi hai năm và giờ đây không rời khỏi nó thậm chí cả vào thời gian nghỉ phép. Không ai biết tốt hơn ông ta từng góc ngách của Pháo đài, và không hiếm khi các sĩ quan trông thấy ông ta đi tuần quanh Pháo đài đêm đêm trong bóng tối hoàn toàn, thậm chí không có cả đèn lồng. Những lính gác trong phiên trực của ông ta không một phút rời khẩu súng trường khỏi tay, không tựa vào tường và cố không dừng bước, bởi theo điều lệnh chỉ trong những trường hợp đặc biệt mới cho phép dừng, Tronc thức thâu đêm và âm thầm dạo quanh các điểm gác, buộc lính canh phải giật mình vì bất ngờ. “Dừng lại, ài đó?” - họ quát ông ta, giương súng lên. “Grot” - viên thượng sĩ nói mật khẩu. “Gregorio”, - người gác đáp lại.

Nói chung thì sĩ quan và hạ sĩ quan khi chịu trách nhiệm tuần tra, đi kiểm tra khu vực của mình thường không đặc biệt tuân thủ các hình thức; binh sĩ biết rõ họ, và bất kì mật khẩu và lời đáp nào đối với họ cũng có vẻ ngô nghê. Chỉ với Tronc là binh lính tuân thủ mọi chi tiết của điều lệnh.

Tronc, nhỏ bé và gầy còm, với khuôn mặt già nua và mái đầu cạo trọc, hiếm khi tham gia vào các cuộc

trò chuyện và toàn bộ thời gian rỗi ông ta thường tách ra một mình, giành cho âm nhạc. Âm nhạc là thú vui của ông ta, còn Espina, trung sĩ chỉ huy dàn nhạc, là người bạn duy nhất của ông ta. Tronc có chiếc đàn ắc-coóc tuyệt vời, nhưng hầu như không bao giờ ông ta động đến nó, dẫu tất cả đều biết ông ta chơi đàn rất khá. Tronc nghiên cứu hòa thanh và, nếu tin những lời đồn, đã sáng tác một số hành khúc. Thế nhưng chẳng ai đảm bảo cho tính xác thực của những lời đồn đó. Trong những giờ nghỉ Tronc hay huyết sáo, nhưng trong khi trực ban chưa bao giờ cho phép bản thân điều đó. Phần lớn thời gian ông ta đi dọc theo những bức tường răng cưa, nhìn chăm chăm về phía Bắc, về bình nguyên, dường như dùng mắt kiếm tìm gì đó. Giờ đây ông ta đứng bên cạnh Drogo và chỉ cho chàng con đường mòn ngoằn ngoèo lượn theo những sườn núi dốc đứng dẫn tới Đồn Mới.

- Toán đổi ca đang đi kia kìa, - Tronc nói, chỉ ngón tay trở đi đâu đó.

Nhưng trong ánh hoàng hôn băng lảng Drogo không trông thấy gì cả. Viên thượng sĩ lắc đầu.

- Chuyện gì thế? - Drogo hỏi.

- Mất trật tự, người ta không thi hành công vụ như thế. Tôi đã nói mãi rồi. Một sự dân dộn thế nào ấy, - Tronc đáp.

- Thì chuyện gì đã xảy ra thế?

- Người ta không thi hành công vụ như thế, - Tronc nhắc lại. - Việc đổi ca tại Đồn Mới cần phải được diễn ra sớm hơn kia. Nhưng ngài đại tá lại không thích điều đó.

Giovanni kinh ngạc nhìn ông ta: lẽ nào Tronc đủ gan chỉ trích ngay chính chỉ huy trưởng Pháo đài?

- Ngài đại tá, - viên thượng sĩ tiếp tục rất nghiêm túc và đầy tự tin, không một chút bối rối vì sự mâu thuẫn của những lời mình, - nói chung thì hoàn toàn đúng. Bởi vì có ai báo cho ngài ấy về mối nguy hiểm đâu.

- Về mối nguy hiểm ư?

Mối nguy hiểm nào có thể rình rập những người đi từ Pháo đài đến Đồn Mối trên con đường mòn thuận lợi và trong một nơi hoang vắng thế này?

- Phải, về mối nguy hiểm, - Tronc khẳng định. - Sớm hay muộn trong sự tăm tối thế này sẽ có gì đó xảy ra.

- Thì biết làm gì? - Drogo hỏi do phép lịch sự là chính: những nhận xét ấy ít làm chàng quan tâm.

- Vào thời trước, - viên thượng sĩ nói, mừng với khả năng thể hiện sự am hiểu của mình, - vào những thời trước, việc tuần tra tại Đồn Mối được thay ca hai giờ sớm hơn so với trong Pháo đài. Và luôn luôn dưới ánh sáng ban ngày, thậm chí cả về mùa đông. Với mật khẩu cũng đơn giản hơn. Chỉ cần biết mật khẩu là đủ để đi vào Đồn, và mật khẩu mới - cho trực ban và trở về Pháo đài. Hai mật khẩu là đủ. Khi toán tuần tra trở về Pháo đài, đội canh phòng mới ở đây chưa kịp bắt đầu nên mật khẩu vẫn giữ nguyên như cũ.

- Ô phải, hiểu rồi, - Drogo nói mà không ngấm kĩ những lời của ông ta.

- Nhưng sau đó, - Tronc tiếp tục, - ở đây người ta

sợ điều gì ấy. Kiểu như, giữ bên ngoài tường thành Pháo đài bấy nhiêu là người biết mật khẩu là không chín chắn. Người ta nói: ai mà đoán trước nổi, biết đâu có người nào đó trong số năm chục tên lính có thể là kẻ phản bội trong khi chỉ có một sĩ quan duy nhất.

- Ô phải, - Drogo đồng tình.

- Và lúc ấy họ mới quyết: hãy để cho một mình chỉ huy biết mật khẩu. Và vì thế toán tuần tra bây giờ ra khỏi Pháo đài chỉ trước phiên đổi ca bốn năm phút thôi. Cứ lấy tỉ như hôm nay. Việc thay ca chung diễn ra vào lúc sáu giờ. Toán lính gác cho Đồn Mới ra khỏi đây vào năm giờ mười lăm và đến nơi vào đúng sáu giờ. Để ra khỏi Pháo đài không cần mật khẩu, bởi toán quân được tổ chức tại đây, còn để vào Đồn Mới, chỉ cần biết mật khẩu hôm qua mà chỉ mỗi viên sĩ quan biết. Và một ngày cứ thế qua đi - cho đến khi toán mới đến. Còn sang chiều hôm sau, khi binh lính quay về (họ có thể trở về đến đây vào sáu giờ ba mươi vì đường về dễ hơn), mật khẩu trong Pháo đài đã thay đổi. Và thế, cần mật khẩu thứ ba. Người sĩ quan phải biết cả ba: thứ nhất để vào Đồn Mới, thứ hai trong thời gian thực thi tuần tra, thứ ba - để quay về Pháo đài. Bao nhiêu là phiền phức chỉ nhằm để cho binh lính khi đang trên đường đi không biết mật khẩu. Vậy nên tôi mới nói, - Trong tiếp tục, không quan tâm đến việc Drogo có nghe hay không, - nếu mật khẩu chỉ mỗi viên sĩ quan biết, mà, cứ giả sử, ông ta bị bắt trắc trên đường đi, thì đám lính biết làm thế nào? Họ đâu có thể ép ông ta nói? Và quay

trở về nơi họ đã ra đi - cũng không thể, bởi vì qua thời gian đó cả ở đây mật khẩu cũng đã thay đổi. Có ai nghĩ đến điều đó không? Còn những người cứ khăng khăng đòi bí mật? Lẽ nào họ không hiểu rằng giờ đây việc đưa ra ba mật khẩu thay cho hai và mật khẩu thứ ba cần thiết để trở lại Pháo đài ấy đã được quy định trước hơn một ngày? Có gì đi nữa, họ có nghĩa vụ giữ bí mật, nếu khác đi, toán tuần tra sẽ không thể quay về Pháo đài.

- Nhưng ngay cạnh cổng người ta sẽ nhận ra họ chứ, - Drogo phản đối, - không thể sao? Lẽ nào ở đây người ta không nhận ra rằng đó là toán tuần tra trở về sau khi thay ca trực?

Trong nhìn viên trung úy với cảm giác ưu thế phần nào.

- Điều đó là không thể, thưa ngài trung úy, - ông ta nói. - Trong Pháo đài có luật lệ của nó. Thiếu mật khẩu từ phía Bắc không ai có thể đi qua. Dù cho anh ta là ai đi nữa.

- Trong trường hợp ấy, - bức bối vì những hình thức ngô nghê ấy, Drogo nhận xét, - trong trường hợp ấy, nghĩ ra cho Đồn Mới một mật khẩu đặc biệt thì có đơn giản hơn không? Việc đổi ca trực diễn ra sớm hơn, còn mật khẩu cần thiết để trở về Pháo đài chỉ thông báo cho sĩ quan thôi. Cứ để cho binh lính không biết gì đi.

- Dĩ nhiên! - viên thượng sĩ kêu lên đắc thắng, dường như chỉ chờ một sự phản đối như thế. - Lối thoát như thế đích thực là tốt nhất. Nhưng lúc ấy buộc phải thay đổi điều lệnh, soạn thảo chỉ dẫn mới.

Chính điều lệnh đã nói: “Mặt khẩu có hiệu lực trong suốt hai mươi bốn giờ - từ thời điểm toán quân rời đi trực cho đến thời điểm bàn giao nó; một và chỉ một mặt khẩu ấy có hiệu lực cả ở trong Pháo đài lẫn ở các phân đội của nó”, - ông ta nhấn từng chữ về răn dạy. - Chính là viết thế đấy: “ở các phân đội”. Ngắn gọn và rõ ràng. Loại trừ bất cứ sự xuyên tạc nào.

- Thế trước đó, - Drogo hỏi, thoát đầu nghe không mấy chăm chú, - trước đó việc đổi ca trực ở Đồn Mới vẫn diễn ra chứ?

- Tất nhiên!, - Tronc kêu to, và ngay đó đã tự chữa lại: - Đúng thế, thưa ngài trung úy. Mới có hai năm khi bắt đầu chuyện này thôi ạ. Trước kia mọi sự tốt hơn nhiều.

Viên thượng sĩ im bật; Drogo nhìn ông ta với vẻ sợ hãi. Từ con người này còn lại gì sau hai mươi hai năm phục vụ tại Pháo đài? Tronc có nhớ chăng, rằng đâu đó trên thế gian còn tồn tại triệu triệu con người - những người y như ông ta thôi, chỉ có điều không mặc quân phục? Họ tự do dạo chơi trên thành phố, còn tối tối tự mình quyết, họ sẽ đi ngủ hay đi quán hay vào nhà hát. Không, chỉ một cái liếc mắt nhìn Tronc là đủ để hiểu: ông ta đã quên hết về sự tồn tại của mọi người, toàn bộ cuộc đời ông ta - đó chỉ là Pháo đài với những trật tự tởm lợm của nó. Tronc đã không còn nhớ giọng các cô gái vang lên dịu dàng ra sao, trông vườn, sông, cây cối như thế nào, nếu không tính đến những bụi cây thăm hại mọc cạnh Pháo đài. Phải, Tronc, cũng như Drogo, đang nhìn ra phía Bắc, nhưng hoàn toàn bằng những con mắt khác nhau: ông

ta nhìn kĩ con đường mòn nhỏ dẫn tới Đồn Mới, và chiến hào, mặt lũy trong, ánh mắt dò dẫm mọi con đường có thể dẫn đến Pháo đài, và ông ta đâu có liên quan gì đến những vách đá hoang sơ, đến khoảnh tam giác của bình nguyên bí ẩn và đến những đám mây trắng giờ đây đang bay trên bầu trời hầu như đã tối?

Với màn đêm xuống cái khát khao bỏ chạy khỏi đây lại trùm lấy chàng trung úy. Và sao ta lại không bỏ đi ngay nhỉ? - chàng tự trách bản thân. Tại sao lại xuôi theo sự ngoại giao hiểm trá của viên thiếu tá? Còn giờ đây buộc phải chờ, khi bốn tháng qua đi - một trăm hai mươi ngày dài bất tận mà một nửa trong số đó chàng sẽ trải qua trong việc tuần tra trên các bức tường của Pháo đài. Chàng có cảm giác rằng chàng lọt vào giữa những con người thuộc giống loại hoàn toàn khác, trên đất lạ, trong thế giới thù địch với chàng. Ánh mắt lão liên của chàng lại chạm vào Tronc: ông kia, đứng bất động, đang theo dõi những người lính gác.

VI

Trời đã tối hẳn. Drogo tự thu xếp trong một phòng rộng của đồn và ra lệnh mang giấy, mực và bút lại cho chàng.

“Mẹ yêu dấu”, - chàng viết ra và lập tức đã cảm thấy mình là một cậu bé. Không ai nhìn thấy chàng, chàng ngồi dưới ánh sáng ngọn đèn lồng một mình ở giữa chính tim của chiếc Pháo đài lạ lẫm đối với chàng, xa hẳn nhà mình, xa những đồ dùng thân quen yêu quý và an ủi bản thân bằng ý nghĩ rằng rốt cuộc chàng có thể hé mở, chia sẻ tất cả những gì có trong lòng chàng.

Tất nhiên, với những người khác, với các sĩ quan đồng nghiệp của mình, chàng phải xử sự như một người đàn ông chân chính, cười to cùng với họ, kể những chuyện tiểu lâm dân dĩ về các vị tướng và đàn bà. Với ai, nếu không phải là với mẹ, chàng có thể cởi mở sự thật? Mà sự thật của Drogo trong tối hôm ấy không phải là sự thật của một chiến binh can trường, và, rõ ràng, không phù hợp với lối sống khắc nghiệt của Pháo đài: ở đây tất cả chỉ có cười nhạo chàng thôi. Sự thật là nỗi mệt mỏi vì chuyến đi đường xa, sự ức chế của những bức tường u ám, cái cảm giác cô đơn trọn vẹn.

“Hai ngày đi trên đường đã làm con hoàn toàn kiệt sức, - chàng đã muốn viết thế, - còn khi tới nơi con được biết rằng nếu muốn con có thể quay về thành phố. Pháo đài là một chỗ buồn thảm, quanh đó chẳng có làng xóm nào, chẳng có trò tiêu khiển gì, nói chung, chẳng có gì vui vẻ cả”. Ấy là điều chàng rất muốn viết.

Nhưng ngay đó chàng hình dung ra người mẹ: chắc hẳn, vào chính phút giây này đang nghĩ về chàng và tự an ủi bằng ý nghĩ rằng con trai của bà

giờ đang vui vẻ trong đám bạn bè, mà có thể - ai biết nổi? - trong đám các bạn gái. Hẳn rồi, bà hi vọng là chàng thanh niên và thỏa mãn với cuộc sống.

“Mẹ yêu dấu, - tay chàng lướt đi. - Con đã tới số nhiệm ngày hôm kia sau một chuyến du hành vô cùng thú vị. Pháo đài là một cái gì đó kì vĩ...” Ôi, nếu chàng có thể viết cho mẹ tất cả sự nghèo nàn của hoàn cảnh nơi đây, cái bầu không khí đe dọa trừng phạt và đầy ải lơ lửng trong Pháo đài, những con người ngô nghê nào đó xa lạ với chàng. Thế nhưng chàng viết: “Các sĩ quan đón tiếp con rất chân tình. Và ngài sĩ quan tùy tùng trưởng thật thân ái với con và cho con quyền tuyệt đối tự do lựa chọn: ở lại đây hay quay về thành phố. Và dấu vậy...”

Có thể, chính vào thời điểm này mẹ đang đi tho thẩn trong căn buồng bỏ trống của chàng, mở cái hòm nào đó, cẩn thận sắp xếp lại quần áo cũ của chàng, sắp xếp sách vở, chiếc bàn viết cho trật tự; bà đã làm việc đó bao nhiêu lần rồi, nhưng bà vẫn cảm thấy rằng như thế sự hiện diện của chàng sẽ rõ hơn, dường như chàng, như thường lệ, sẽ phải trở về kịp bữa ăn tối. Chàng như nghe thấy âm thanh quen thuộc những bước đi nhanh lo âu của mẹ làm lộ những mối chăm sóc bất tận của bà về ai đó. Lẽ nào chàng đủ can đảm làm rầu lòng mẹ? Nếu như Giovanni ở nhà, trong chính căn phòng nọ, dưới chao đèn gia đình, đích thị lúc ấy chàng dám kể hết với mẹ, và bà mẹ hẳn đơn giản là chưa kịp buồn, bởi chắc chàng đã ngồi bên cạnh và mọi điều tồi tệ hẳn đã ở lại đằng sau rồi. Chứ thế này, ở xa mẹ, lại đi mà viết ra hết sao!.. Nếu họ ngồi cạnh nhau trước lò sưởi và

trong tình lặng của ngôi nhà cổ vững chãi - ô, hẳn lúc ấy chàng sẽ kể hết với bà về thiếu tá Matti, về những lời hứa hão thâm hiểm của ông ta và về những tính kì quặc của Tronc! Hẳn chàng sẽ kể với mẹ, chàng đã ngốc nghếch thế nào tiếp nhận lời đề nghị ở lại đây bốn tháng, và chắc chắn, họ sẽ cùng nhau cười nhạo sự sơ suất của chàng. Nhưng làm thế nào được điều đó khi ở cách xa mẹ?

“Và đầu vậy, - Drogo tiếp tục viết, - con cho là tốt nhất đối với bản thân và đối với con đường công danh của mình là ở lại một thời gian nào đó tại Pháo đài... Thêm nữa, mọi người ở đây rất đáng mến, công vụ đơn giản, không mệt mỏi”. Còn căn buồng của chàng? Tiếng nước lụp bụp đằng sau bức tường? Sự gặp gỡ với đại úy Ortis? Mảnh đất phương Bắc không sự sống? Hẳn chàng sẽ không kể lại cái nội quy sắt thép, đồn, căn phòng gác tối tàn nơi chàng đang ngồi lúc này rồi! Không, cả với mẹ, chàng cũng không thể cởi mở, thậm chí không thể thú nhận những nỗi sợ mơ hồ không dễ chàng yên.

Nơi kia, ở nhà, trong thành phố, bây giờ đồng hồ đang cất những giọng khác nhau và không đồng đều điểm mười giờ tối, và cốc chén thủy tinh trên cái giá tủ quấy đáp lại tiếng chuông bằng tiếng lanh canh mỏng nhẹ; từ bếp vọng ra những giọng nói và tiếng cười, còn từ phía phố đối diện - âm thanh đàn phong cầm. Qua ô cửa sổ hẹp như lỗ châu mai có thể nhìn ra thung lũng phía Bắc, ra mảnh đất buồn thảm ấy, nhưng giờ đây bóng tối đậm đặc đã che mất cửa sổ. Ngôi bút khẽ sột soạt. Xung quanh là đêm ngự trị, gió rít giữa những lưỡi cửa của bức tường, hát lên

những suy tư âu lo nào đó, và dù trong đồn đậm đặc màu đen và không khí ẩm nặng, nhưng Drogo viết: "Nói chung, con rất bằng lòng và cảm thấy mình khoan khoái".

Từ chín giờ tối đến lúc bình minh, cứ cách nửa giờ lại vang lên tiếng chuông trong đồn thủ thú tư bên cánh phải ngọn dèo - ở nơi bức tường kết thúc. Thoạt đầu nghe thấy tiếng chuông nhỏ, và ngay lập tức người gác gọi đồng đội gần nhất của mình, còn anh ta gọi người tiếp theo, và cứ thế cho đến cuối của bức tường đối diện, từ đồn này tới đồn kia, qua trước lũy và cứ thế trong màn đêm đen diễn ra việc gọi đáp. "Nghe đây! Nghe này!" Các lính canh hét lên những lời ấy một cách thờ ơ, đơn điệu, bằng một giọng thiếu tự nhiên thể nào ấy.

Không cởi quần áo, Giovanni Drogo ghé nằm lên giường, nhưng xuyên qua sự đỡ đỡ buồn ngủ xâm chiếm lấy chàng qua một khoảng thời gian xác định lại vọng đến tai chàng sự gọi đáp xa xăm kia: "Nghe... nghe... nghe..." Tiếng kêu đổ xô vào, trở nên càng to hơn, bay qua phía trên chàng, thu nhận cường lực mạnh hơn và, lặng dần, khi đi xa qua bức tường khác. Sau hai phút nó quay trở lại, nhưng đã là tiếng đáp, từ cái tháp phía bên trái. Và sau những khoảng thời gian bằng nhau lại vang lên: "Nghe... nghe... nghe..." Chỉ khi tiếng gọi đó vang lên ngay phía trên chàng được các lính canh toán của chàng hô tiếp, Drogo mới có thể nghe rõ từ trọn vẹn. Nhưng nhanh chóng cái "Nghe này!" đó lại biến thành tiếng rên kéo dài rồi rồi chết lặng đi ở tận chân vách núi nơi người lính gác cuối cùng đứng. Giovanni nghe

tiếng kêu ấy đã bốn lần tràn qua từ cánh này sang cánh khác và quay trở lại theo bức tường Pháo đài về điểm xuất phát. Đến lần thứ năm, tối nhận thức của Drogo chỉ còn lại tiếng vọng yếu ớt mà do đó chàng hơi bị rùng mình. Và chàng thoát nghĩ rằng người sĩ quan không được ngủ trong phiên trực. Nói chung thì điều lệnh cho phép việc này với điều kiện là người sĩ quan không cởi áo quần, thế nhưng hầu hết tất cả các trung úy của Pháo đài đều xem việc không chợp mắt suốt đêm là đặc biệt phong nhã: họ đọc, hút xì gà, đôi khi vi phạm nội quy là đi thăm nhau và chơi bài. Tronc, mà Drogo đã kịp hỏi han được đôi điều, nói bóng gió với chàng rằng, thức cả đêm đã trở thành một truyền thống đẹp trong Pháo đài.

Giovanni Grogò nằm dài người trên chiếc giường được đặt ở phía ngoài quang sáng của chiếc đèn hoa kì không dọi tối, và buông theo những suy tư về cuộc đời mình, nhưng hoàn toàn bất ngờ đối với chàng, giấc ngủ đã đánh gục chàng. Thế mà trong khi đó, chính vào đêm ấy - ôi, nếu như chàng biết được, chắc hẳn chẳng lòng dạ nào chàng ngủ nổi! - chính đêm ấy đối với chàng đã bắt đầu bước đếm thời gian vội vã và không thể kìm giữ.

Cho đến bây giờ chàng vẫn đang ở trong thời đoạn thanh xuân tươi trẻ bình lặng, khi con đường ta bước đi trên đó từ thiếu thời có vẻ như là bất tận: năm tháng trôi đi chậm chạp và nhẹ nhàng như không nhận thấy. Ta ung dung bước thản nhiên, với nổi tò mò ngó nghiêng tứ phía, và chẳng cần gì phải vội vàng, chẳng có ai dẫm lên gót chân ta, chẳng có ai chờ đợi; bạn hữu của ta đi ngay bên cạnh cũng vô

tư như thế, vẫn thường dừng lại để nô giỡn, cười cợt. Những người lớn từ ngưỡng cửa đón hậu chào đón ta và với nụ cười nhiều nghĩa chỉ đi đâu đó về phía chân trời; và ở đây trái tim ta bắt đầu đập rộn vì những mộng mơ ngọt lành và sự quyến rũ của những chiến tích hào hùng, ta đã thấy trước toàn bộ những gì tuyệt diệu đang chờ ta phía trước; hiện thời chưa có gì rõ cả, nhưng ta tự tin, ta tuyệt đối tự tin rằng sẽ đến lúc và mọi thứ sẽ biến thành hiện thực.

Còn đi có lâu không? Không, chỉ cần qua khỏi con sông này, nó phía dưới kia kia, và vượt qua những mỏm đồi xanh kia. Mà có thể, chúng ta đã tới nơi rồi? Chẳng lẽ không phải chúng ta khát khao tới những cái cây này, tới những đồng cỏ và ngôi nhà màu trắng này? Có một thoáng giây nào đó ta cảm giác rằng đúng thế, quả là như vậy, và cần dừng lại. Còn sau đó, mọi người nói với chúng ta rằng, cái tốt nhất vẫn còn phía trước, và chúng ta lại vô tư cất bước lên đường.

Và chúng ta cứ thung dung thế, trong sự đợi chờ tin cậy cái điều tốt đẹp nhất, mà ngày ngày thì dài và bình yên, mặt trời rực rỡ trên cao và giống như không có ý định nghiêng về chiều tà.

Nhưng vào một thời điểm nào đó, gần như bản năng, chúng ta ngoái lại đằng sau và trông thấy cánh cổng sau lưng ta đã đóng chặt và không có con đường quay trở lại. Ấy lúc đó ta mới nhận ra: có gì đó đã thay đổi, mặt trời đã không còn vẻ bất động, mà đang trượt nhanh trên bầu trời: ta chưa kịp ngấm nó, thì than ôi, nó đã lao nhanh về chân trời; những đám

mây không còn bơi lội giữa những làn sóng xanh êm ả của bầu trời, mà vội vã trườn lên nhau, phóng đi về đâu đó; đến đây ta mới bắt đầu hiểu rằng thời gian đang trôi qua và sớm hay muộn con đường của ta cũng phải chấm dứt.

Phải, đang đến cái thời điểm, khi sau lưng chúng ta cánh cổng nặng nề sập lại nhanh như tia chớp và bị khóa lại ngay - ta sẽ không còn kịp quay lại nữa. Nhưng chính vào cái thời điểm đó Drogo lại đang ngủ một giấc ngủ của một vị thánh và mỉm cười trong mơ như một đứa trẻ.

Sẽ qua đi không ít ngày trước khi Drogo nhận thức được chuyện gì đã xảy ra. Lúc ấy sẽ đến cơn bừng tỉnh đối với chàng. Chàng sẽ nghi ngại ngoái nhìn quanh, sẽ nghe thấy tiếng những bước chân bám đuổi chàng, sẽ thấy những người đã thức dậy trước chàng đang vội vượt qua chàng để là những người đầu tiên đạt được mục tiêu. Chàng sẽ nghe thấy tiếng thời gian gõ nhịp khi dè xẻn đếm những ngày của cuộc đời chàng. Và chàng sẽ trông thấy trong các ô cửa sổ những khuôn mặt đã không còn cười nữa mà đông cứng lại và thờ ơ. Và nếu chàng có hỏi chàng cần đi bao lâu nữa, mọi người sẽ gật đầu, lại vẫn chỉ về hướng chân trời, nhưng trong các cử chỉ ấy đã không còn cả tình dôn hậu lẫn sự niềm nở nữa. Bạn bè trong lúc ấy đã dần khuất dạng, kẻ kiệt sức thì rút lại đằng sau, có kẻ bứt phá lên phía trước: anh ta kia - một điểm tí xíu nơi chân trời.

Dành cho anh là sau con sông kia, mọi người sẽ nói. Còn lại mỗi mười kilômét thôi, và hãy xem như

anh đã tới nơi. Nhưng con đường không hiểu sao lại không có kết thúc, ngày thì ngắn lại, những người đồng hành trở nên hiếm hơn, còn trong các cửa sổ chỉ còn hiện rõ những cái bóng nhợt nhạt cứ máy móc lác đác.

Và sẽ cứ thế cho đến lúc Drogo còn lại chỉ mỗi một mình, còn nơi chân trời sẽ xuất hiện một dải hẹp biển xám màu chì vô bờ bất động. Chàng sẽ cảm thấy mệt mỏi, trong những ngôi nhà dọc đường hầu như tất cả các cửa sổ đều đóng, còn số rất ít người mà chàng may sẽ trông thấy sẽ chỉ đang tay cay đắng đáp lại những câu hỏi của chàng: những gì tốt đẹp đã ở lại đằng sau, xa lắm phía sau rồi, anh đã đi qua mà không biết điều đó. Phải, quay lại đã là quá muộn, sau lưng mỗi lúc một vang lên to hơn tiếng bước chân của vô số con người đang theo sát gót, họ cũng bị hồi thúc bởi chính những ảo ảnh nọ, mà đến giờ chúng vẫn còn đang vô hình trên con đường trắng hoang vu.

Giovanni Drogo lúc này đang ngủ trong đồn thú thứ ba. Có gì đó đang mơn trớn chàng trong giấc ngủ, và chàng mỉm cười. Lần cuối cùng trong đêm ấy những hình ảnh diệu kì của thế gian khá hạnh phúc đang đến thăm chàng. Còn may là chàng không thể trông thấy bản thân (mà điều đó có lúc rồi sẽ tới) ở cái nơi mà con đường kết thúc, trên bờ mặt biển màu chì, dưới bầu trời xám xịt đơn sắc; xung quanh chẳng nhà cửa, chẳng sinh linh sống, chẳng cây cối, thậm chí chẳng có cả một ngọn cỏ - và cứ thế vĩnh viễn.

VII

Cuối cùng, cái thùng với đồ đạc của trung úy Drogo từ thành phố đã được gửi tới. Giữa mọi thứ trong đó có tấm áo khoác mới tinh, tao nhã vô kể. Drogo mặc nó và ngấm mình theo “từng phần” trong cái gương bé tí treo trong phòng chàng. Cái vật này tự nó là mối liên hệ sống với thế giới trước kia của chàng, và chàng không thể không hài lòng nghĩ rằng, giờ đây tất cả sẽ chú ý đến chàng - thứ vải tuyệt là thế, nó buông những nếp gấp tao nhã là thế cơ mà.

Và chàng còn nghĩ rằng, không nên làm nó nhàu nhĩ trong thời gian trực gác, giữa những bức tường ẩm ướt này. Thậm chí có vẻ như một điềm triệu xấu phải mặc nó lần đầu chính tại nơi đây, làm như sẽ không có một trường hợp nào may mắn hơn. Chàng tiếc cả về việc là chẳng biết diện nó trước ai nữa và dù không lạnh lắm, chàng quyết định mặc áo khoác, dù chỉ là đi xuống chỗ ông thợ may trung đoàn và kiểm chỗ ông ta một tấm khác đơn giản hơn.

Drogo bước ra khỏi phòng và đi xuống theo bậc thang, say ngấm - nơi nào ánh sáng cho phép - vẽ tao nhã của cái bóng mình. Nhưng chẳng hiểu sao, cứ theo mức độ chàng càng đi xuống đáy sâu Pháo đài, tấm áo khoác càng mất đi vẻ lộng lẫy của nó. Thêm nữa Drogo cảm thấy rằng không thể mặc nó một cách tự nhiên và thoải mái, nó trở nên có vẻ xa lạ và quá diêm dúa.

Vẫn còn may, các cầu thang và hành lang hầu như không bóng người. Viên đại úy đầu tiên bắt gặp Drogo đáp lại lời chào đã không để mắt đến chàng. Thậm chí những người lính hiểm hoi gặp chàng trên đường đi cũng không liếc mắt về phía chàng.

Cuối cùng Drogo buộc phải chui xuống theo một cầu thang xoắn hẹp được đục ngay vào tường; tiếng vọng của chính những bước chân chàng vang lên phía trên và xuống phía dưới tạo nên một ấn tượng dường như chàng ở đây không chỉ một mình. Các vạt áo khoác xa hoa bay bay, quét khỏi tường lớp rêu mốc nhờ nhờ.

Cuối cùng Drogo đến được những căn phòng dưới tầng ngầm: xưởng của người thợ may Prosdotsimo nằm ở tầng ngầm. Vào những ngày đẹp trời qua ô cửa sổ tí tẹo dưới trần có một dải ánh sáng hẹp lọt xuống được, nhưng tối hôm ấy người ta đã tắt đèn.

- Xin chào ngài trung úy, - trông thấy người bước vào, ông thợ may trung đoàn Prosdotsimo nói.

Trong căn phòng lớn chỉ một vài chỗ riêng biệt được chiếu sáng: chiếc quầy mà một lão già nhỏ bé nào đó đang ngồi đằng sau, một bàn làm việc lớn dành cho ba gã giúp việc trẻ của ông phó may. Còn xung quanh, lác lác trên mắc áo như những xác bị treo cổ khiến người nổi da gà.

- Chào ông, - Drogo đáp. - Tôi muốn mua một chiếc áo khoác. Không quá đắt, chỉ mong nó đủ trong bốn tháng.

- Xin cho phép ngó qua, - ông thợ may mỉm cười

nói. Với vẻ hiếu kì nghi ngại ông cầm lấy mép áo khoác của Drogo và kéo nó lại gần ánh sáng hơn. (Prosdotsimo mang cấp bậc trung sĩ, nhưng là thợ may, có thể cho phép mình tự do hài hước phần nào trong quan hệ với cấp trên.) - Mà vải tốt, tốt thật... Chắc mất cả đồng tiền, ở thành phố chỗ các ngài người ta biết bóp lăm. - Ông ngắm toàn bộ chiếc áo khoác bằng con mắt chuyên nghiệp và lắc đầu đến nỗi hai má béo phủ đầy mạng lưới mao mạch rung lên. - Chỉ tiếc...

- Tiếc gì?

- Tiếc là cổ áo thấp, các nhà binh không mặc những thứ như thế...

- Hiện nay người ta mặc chính như thế này, - Drogo nhận xét vẻ cao ngạo.

- Theo một, có thể cổ áo thấp là tốt, - ông phớt may nhận xét, - nhưng chúng ta, những người lính, một chẳng có gì quan trọng. Một của chúng ta là quân lệnh, mà quân lệnh đã nói: "Cổ áo khoác phải áp vào cổ, có dạng tròn và cao bảy centimét". Nếu tôi ngồi trong cái hộc này, thì ngài, thưa trung úy, chắc có lẽ ngài nghĩ rằng ngài có việc với một lão thợ may nào đó ở vùng khỉ ho cò gáy.

- Bậy nào! - Drogo kêu lên. - Chẳng có gì tương tự cả!

- Chắc ngài đã nghĩ thế. Còn thậm chí trong thành phố người ta vẫn kính trọng tôi, thêm nữa lại là những sĩ quan xứng đáng nhất. Tôi làm việc ở đây chỉ tạm thời thôi mà. Phải, chỉ-tạm-thời. - Những chữ cuối ông ta dần từng âm tiết, dường như muốn nhấn

mạnh tính quan trọng đặc biệt của nó.

Drogo không biết phải trả lời thế nào.

- Không nay thì mai tôi có thể rời khỏi đây, - Prosdotsimo tiếp tục. - Nếu không phải là ngài đại tá, người không muốn chia tay với tôi... Tôi không hiểu ở đây có gì buồn cười nào?

Trong bóng nhấp nhোang của căn hầm bật lên tiếng cười khi khi cố nén của ba gã thợ phụ đang cúi thấp xuống máy khâu với vẻ chuyên cần đầy phô trương. Ông lão thì vẫn tiếp tục viết, chẳng thêm đề ý đến ai.

- Các cậu cười cái gì? - Prosdotsimo hỏi. - Các cậu quá láu lỉnh. Sớm hay muộn rồi các cậu cũng sẽ hiểu điều đó thôi.

- Đích thị, - Drogo ủng hộ ông ta, - tôi chẳng thấy có gì buồn cười cả...

- Cái bọn ngốc, - ông phó may nói. - Chấp chúng làm gì.

Đúng lúc đó trên cầu thang vọng lại tiếng bước chân, và trên cửa xuất hiện một người lính. Người ta gọi Prosdotsimo lên trên, đến chỉ huy kho quân dụng.

- Xin lỗi, thưa ngài trung úy, - ông phó may nói. - Công vụ là công vụ. Sau mấy phút tôi sẽ quay lại. - Với những lời ấy ông ta bắt đầu leo lên cầu thang theo sau anh lính.

Quyết định chờ ông ta, Drogo ngồi xuống. Sau khi chỉ huy đi khỏi, ba gã thợ phụ đã ngừng công việc. Ông lão cuối cùng đã rời mắt khỏi giấy tờ của mình, đứng lên và đi khập khểnh lại gần Drogo.

- Ngài nghe thấy không? - Ông ta hỏi, gật đầu

đây ý nghĩa ra phía cửa. - Ngài đã nghe thấy chứ? Thưa ngài trung úy, thế ngài có biết ông ấy đã ở đây, tại Pháo đài, bao năm không?

- Sao tôi biết nổi?

- Mười lăm năm, thưa ngài trung úy, mười lăm năm đáng nguyên rủa, và cứ luôn mồm khẳng định mỗi một điều: tôi ở đây tạm thời thôi, không nay thì mai...

Một gã thợ phụ lâu bầu gì đó. Hẳn chắc câu chuyện này là đối tượng thường xuyên để họ chế nhạo. Nhưng ông lão thậm chí chẳng ngó về phía ấy.

- Còn tự mình chẳng bao giờ xê dịch khỏi chỗ, - ông ta nói. - Cả Prosdotsimo, cả chỉ huy trưởng của chúng ta, ngài đại tá, và còn nhiều người nữa đã ở lại đây cho đến khi chưa tắt thở. Đó là một loại bệnh gì ấy. Hãy xem, thưa ngài trung úy, ngài là người mới, ngài vừa đến xong, hãy xem, chứ không thì muộn đấy...

- Tôi không hiểu...

- Hãy rời khỏi đây sao cho nhanh nhất, trong khi chưa bị lây nhiễm bệnh thao cuồng của họ.

- Tôi chỉ ở đây bốn tháng thôi mà, - Drogo nói, - và không có một chút mong muốn nào ở lại thêm.

Nhưng ông già không chịu ngừng:

- Hãy cẩn thận đấy, ngài trung úy ạ. Mọi sự bắt đầu từ ngài đại tá Filimore. "Những sự kiện quan trọng đang được chuẩn bị", - ngài ấy nói. Tôi nhớ rất rõ: đó là chừng mười tám năm về trước. Phải-phải, "các sự kiện" ngài ấy đã nói chính như thế. Lời của ngài ấy. Nhét vào đầu mình rằng Pháo đài là một

mục tiêu quan trọng dường nào, quan trọng hơn nhiều so với tất cả những gì còn lại, còn trong thành phố đơn giản là không hiểu gì cả. - Cụ già nói chậm rãi, dừng lặng đi gần như sau mỗi lời. - Nhét vào đầu, ngài hiểu không, rằng Pháo đài là mục tiêu quan trọng nhất và nơi đây tất yếu sẽ phải có gì đó xảy ra.

Drogo mỉm cười.

- Phải xảy ra ư? Chiến tranh chắc?

- Ai mà biết nó, có thể là chiến tranh.

- Sự tấn công từ phía hoang mạc?

- Không thể khác ngoài từ phía hoang mạc, - cụ già khẳng định.

- Nhưng ai, ai có thể tấn công từ phía ấy?

- Thì sao tôi biết nổi? Đã rõ, không ai cả. Nhưng ngài đại tá nghiên cứu các bản đồ và nói rằng vẫn còn người Tácta - phần sót lại của quân đội cổ xưa, - và chúng đang lang thang ở đâu đó.

Trong bóng tối nhập nhoạng của tầng hầm vang lên tiếng cười khi khi ngớ ngẩn của cánh thợ phụ.

- Và thế là họ cứ chờ chúng, - cụ già nói tiếp. - Cứ nghe ngài đại tá, ngài đại úy Stitsion, ngài đại úy Ortis, ngài trung tá, thì mỗi năm đều có thể xảy ra điều gì đó. Họ cứ khẳng định mỗi một điều như thế, chỉ mỗi một điều đó cho tới lúc họ chưa bị cho về hưu. - Cụ già im lặng một chốc, ngoẹo đầu sang vai, dường như lắng nghe. - Hình như có ai đó đang đi.

Nhưng hoàn toàn tĩnh lặng.

- Tôi chẳng nghe thấy gì cả, - Drogo nói.

- Thì cả Prosdotsimo đây, - cụ già lại lên tiếng, - chỉ một trung sĩ quên, phó may trung đoàn - mà cũng theo đó, cùng một giuộc với họ. Cũng chờ đợi. Đã mười lăm năm... Nhưng ngài, ngài trung úy ạ, tôi thấy là ngài không tin tôi. Ngài im, nhưng chắc tự mình đang nghĩ, kiểu như đó là chuyện vô vắn. - Và cụ già nói thêm gần như van lơn: - Xin nghe tôi, hãy thận trọng nhé. Bằng bất cứ giá nào cũng đừng buông xuôi theo, chứ không thì ngài sẽ ở lại đây vĩnh viễn đấy, chỉ cần ngài nhìn vào mắt lão ấy...

Drogo không đáp lại. Chàng cho rằng, chàng, một sĩ quan, không nên cởi mở với một kẻ tép riu thế này.

- Thế ông, ông thì làm gì ở đây? - chàng hỏi.

- Tôi ấy à? Tôi là anh lão và tôi làm việc với lão.

- Anh lão? Anh cả à?

- Thì vâng, - cụ già mỉm cười. - Tôi là anh cả. Có thời tôi cũng từng là người lính, nhưng bị gãy chân và thế là tuột đến một cuộc sống thế này đây.

Trong sự tĩnh mịch của tầng ngầm Drogo nghe thấy chính tim chàng đập như thế nào. Hóa ra, thậm chí cả lão già đang còng lưng trên những cuốn sổ trong tầng ngầm, thậm chí cái sinh linh nhỏ nhoi và kì quặc này cũng đang chờ những thử thách của số mệnh và chuẩn bị tới chiến công ư? Drogo nhìn thẳng vào mắt lão, và cụ già buồn bã gật gật đầu tỏ ý là chẳng biết làm gì nổi. Chúng ta là thế, có vẻ cụ muốn nói vậy, và chẳng bao giờ chúng ta tự chữa lành khỏi bệnh đó.

Có thể, tại vì đâu đó phía trên cầu thang có

cánh cửa để mở, những giọng người xa xăm vọng đến tai họ, nhưng chúng xuất phát từ đâu - không thể nào xác định nổi. Thỉnh thoảng các giọng nói lặn đi để lại một cảm giác trống rỗng, nhưng nhanh chóng lại tiếp tục vang lên, lúc xa dần, lúc gần lại, dường như đó là hơi thở chậm chạp của chính Pháo đài vậy.

Cuối cùng, có gì đó thấm đến nhận thức của Drogo. Chàng nhìn lên vô số những cái bóng các bộ quân phục treo xung quanh trong ánh sáng chập chờn cứ như động đậy, và bỗng nghĩ rằng vào chính lúc này viên đại tá trong nơi yên tĩnh của văn phòng bí ẩn của mình đã mở cánh cửa sổ hướng ra phía Bắc. Dĩ nhiên rồi, trong khoảng thời gian mùa thu tối tăm sâu thẳm thế này viên chỉ huy trưởng Pháo đài đang nhìn về phương Bắc, về những lũng đèo tối thẳm.

Từ hoang mạc phía Bắc nhất thiết sẽ phải tới cái vận may, cuộc phiêu lưu khác thường, cái trường hợp kì diệu mà ít nhất cũng có được một lần ở mỗi con người. Vì niềm hi vọng mơ hồ ấy mà theo thời gian nó càng trở nên mơ hồ hơn, những người đàn ông lớn tuổi đã sống những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình trong Pháo đài.

Một cuộc sống bình thường, những niềm vui con người đơn giản, một số phận tầm thường là không phải dành cho họ; sống ở đây sát cánh bên nhau, họ nâng niu một và chỉ mỗi một ước mơ ấy, dẫu chưa bao giờ thốt ra một lời về nó - hoặc vì tự mình không xác định nổi, hoặc đơn giản chỉ vì họ là những người

lính, mà những người lính thì không thích khi người ta ngó vào đáy lòng họ.

Cả ở Tronc chắc hẳn cũng có một ước mơ như vậy. Ông ta bảo thủ tuân theo các hạng mục của điều lệnh và kỉ luật sắt, tự hào với cảm giác nghĩa vụ khác thường của mình và nhầm lẫn khi cho rằng như thế là đủ. Thậm chí người ta nói với ông: mọi sự sẽ như thế đến hết cuộc đời, mọi điều sẽ giữ nguyên không chút đổi thay đến tận phút cuối và đã đến lúc ông ta nên thức tỉnh. “Không, điều đó là không thể, - hẳn ông ta sẽ đáp lại. - Chắc đến lúc nào đó phải xảy ra điều gì khác thường, điều đích thực là quan trọng, cái điều mà sau nó sẽ có thể nói: Thế đấy, giờ đây, thậm chí mọi sự đã kết thúc, cũng chẳng còn gì để nuối tiếc”.

Drogo đã hiểu điều bí mật đơn sơ của họ và ngẫm nghĩ với sự nhẹ nhõm rằng mọi thứ đó chẳng liên can gì đến chàng, một kẻ quan sát ngoài cuộc. Sau bốn tháng với sự trợ giúp của thánh thần chàng sẽ chia tay vĩnh viễn với họ. Những nỗi quuyến rũ bí ẩn của Pháo đài cổ đã tan đi với sự nhẹ nhõm đáng kinh ngạc. Drogo đã nghĩ thế. Nhưng không hiểu sao lão già này cứ nhìn chàng với một vẻ nghi ngờ được che giấu vụng về? Tại sao một khát khao được huyết sáo lên một giai điệu gì đó, được nhấp rượu, được bước ra ngoài bầu trời khoáng dang bỗng xâm chiếm lấy Drogo? Có thể, chàng cần phải chứng minh cho bản thân rằng chàng đang tự do và thanh thản?

VIII

Còn đây là những người bạn mới của Drogo - các trung úy Carlo Morel, Pietro Angustina, Frantresco Grotta, Mack Lagorio. Vào cái giờ tự do này họ cùng nhau tập trung tất cả trong nhà ăn. Ngoài họ ra, ở đây chỉ còn một người phục vụ, đang tựa vào cái dầm cửa xa, còn trong bóng nhập nhoạng những viên đại tá cũ từ các bức chân dung treo trên tường đang chăm chăm nhìn các sĩ quan. Tám cái chai đen sẫm trên tám khăn phủ bàn giữa một đồng món đồ thừa của bữa tiệc đã xong.

Tất cả đã hơi bị kích động - có thể vì rượu, có thể vì cái giờ đã muộn thế này. Khi họ đã lặng im, từ bên ngoài vọng lại tiếng mưa rơi.

Người ta làm lễ tiễn bá tước Mack Lagorio, người đã phục vụ xong hai năm tại Pháo đài và ngày mai từ giả nó.

- Angustina, - Lagorio nói, - nếu bạn cũng quyết định rời đi, mình sẽ chờ bạn.

Anh ta nói điều đó, như luôn thế, vẻ đùa cợt, nhưng có cảm giác là anh ta sẵn sàng thực hiện ý định của mình.

Angustina cũng đã phục vụ hết hai năm, nhưng chưa có ý định rời đi. Trông chàng ta nhợt nhạt và ngồi với bộ dạng siêu thoát, dường như ở đây chẳng có ai cần cho chàng ta và chàng ta rơi vào đây là hoàn toàn tình cờ.

- Angustina, - Lagorio nhắc lại, gần như hét, bởi đã đến độ phấn hứng, - nếu bạn cũng quyết định đi, mình có thể chờ bạn. Dù ít là ba ngày.

Trung úy Angustina im lặng - chỉ mỉm cười gượng gạo. Bộ quân phục màu xanh bị sém nắng nổi bật lên bởi một vẻ tao nhã bất cần khó nhận thấy thế nào ấy.

Lagorio, đặt bàn tay phải lên vai Angustina và kêu gọi sự trợ giúp của mọi người còn lại - Morel, Grotta, Drogo, - nói:

- Ít ra các cậu hãy thuyết phục bạn ấy chứ. Trong thành phố bạn ấy sẽ tốt hơn mà.

- Tốt hơn - nghĩa là gì? - Angustina hỏi, thể hiện mối quan tâm.

- Tôi muốn nói rằng trong thành phố bạn sẽ cảm thấy mình dễ chịu hơn. Tiện thể, cũng như tất cả chúng ta đây. Tôi cho là thế.

- Tôi cảm thấy mình rất tuyệt, - Angustina đáp lại khô khan. - Và tôi không cần sự chữa trị.

- Thế ai nói về sự chữa trị chứ? Tôi nói là cuộc sống trong thành phố hẳn sẽ có lợi cho bạn.

Sau những lời của Lagorio bỗng nghe rõ tiếng mưa rơi ngoài sân. Angustina lấy hai ngón tay vuốt ria mép; chàng khó chịu với sự trò chuyện này.

Nhưng Lagorio không chịu thôi:

- Bạn không nghĩ về mẹ, về những người thân thích... Thử tưởng tượng, mẹ của bạn...

- Mẹ tôi chả biết đi đâu, - Angustina đáp với âm điệu thoáng có nét mỉa mai cay đắng.

Nhận thấy điều đó, Lagorio đổi đề tài:

- Hãy tự nghĩ lấy, chỉ ngày kia bạn hẳn sẽ gặp Claudina. Đã hai năm cô ấy không trông thấy bạn rồi.

- Claudina... - chàng kia trả lời uể oải, - lại còn Claudina nào nữa? Sao mà tôi không nhớ nhỉ?

- Sao thế được, sao bạn không nhớ chứ! Hôm nay đơn thuần là không thể nói chuyện nổi với bạn! Tôi hi vọng là không làm lộ điều bí mật nào chứ? Thì người ta vẫn trông thấy các bạn với nhau luôn mà!

- A-à! Giờ tôi đã nhớ lại, - Angustina đáp thuận tụy vì phép lịch sự. - Cũng tìm ra người mà nói cơ đấy. Mà cô ta, chắc hẳn đến nghĩ về tôi cũng đã quên rồi...

- Ô, chuyện đó thì bạn hãy bỏ đi, bọn mình thừa biết là tất cả các cô bé chết mê chết mệt bạn, chẳng cần cho mình là một kẻ khiêm tốn nhường ấy đâu! - Grotta kêu lên.

Angustina nhìn anh ta chăm chăm một hồi lâu: sự thô thiển như thế chàng ta chẳng thú gì.

Mọi người im lặng. Bên ngoài, trong bóng tối, dưới màn mưa thu những người lính vẫn rảo bước. Nước róc rách rỏ từ mái hiên, lục bụi trong ống thoát nước, chảy dọc theo bức tường. Bên ngoài cửa sổ là màn đen đặc quánh. Angustina bỗng ho giật cục và khò khè. Có vẻ kì quặc rằng một chàng trẻ tuổi với phong thái tao nhã là vậy lại có thể phát ra cái âm thanh khó chịu nhường kia. Nhưng Angustina tiếp tục ho, che miệng và mỗi lần lại cúi đầu dường như bằng cách đó muốn nói rằng chẳng thể nào làm gì nổi với bản thân, rằng ở đây chàng chẳng có lỗi gì và buộc phải chịu sự bất tiện như thế đơn thuần là bởi

sự giáo dục tốt của mình. Bằng cách ấy chàng biến cơn ho thành một thói quen quá là độc đáo thậm chí là đáng để bắt chước.

Bên bàn trùm lên một sự im lặng nặng nề mà Drogo cho rằng cần phải phá vỡ.

- Này, anh Lagorio, - chàng hỏi, - vào mấy giờ ngày mai anh sẽ ra đi nhỉ?

- Tôi nghĩ, khoảng mười giờ. Cũng muốn đi sớm hơn, nhưng cần phải tạm biệt ngài đại tá.

- Ngài đại tá vẫn dậy lúc năm giờ sáng. Cả mùa hè lẫn mùa đông - đúng năm giờ, vậy nên vì ngài ấy thì bạn không phải bị chậm trễ đâu.

Lagorio cười to.

- Phải, nhưng tôi lại không định dậy từ năm giờ. Ít ra trong buổi sáng cuối cùng tôi sẽ ngủ bù, chẳng có ai thúc đẩy tôi mà.

- Nghĩa là, ngày kia cậu sẽ đến nơi, - Morel nhận xét không thiếu ghen tị.

- Tôi thể, bản thân tôi cũng nghĩ điều đó có vẻ là không thể, - Lagorio đáp lại.

- Cái gì là không thể chứ?

- Rằng sau hai ngày tôi đã ở trong thành phố, - Lagorio nói rõ. Và sau thoáng dừng, nói tiếp: - Giờ thì - đã vĩnh viễn.

Angustina tái nhợt: chàng ta đã không còn vâng vạ rìa mép mà ngồi hướng cái nhìn vô định vào cảnh mập mờ của nhà ăn, nơi đặc biệt cảm thấy buổi tối đang đến - cái giờ khi những nỗi sợ rời bỏ những bức tường trống rỗng, còn những nỗi buồn dục lại, khi tâm

hồn kiêu hãnh vẫy cánh, bay lên phía trên toàn nhân loại đang say ngủ. Những con mắt đông cứng của các vị đại tá trên những bức chân dung lớn chan chứa những linh cảm các chiến trận vĩ đại. Còn mưa thì vẫn rót không ngừng.

- Thủ tướng tượng, - lại hướng về Angustina, Lagorio nói một cách tàn nhẫn, - ngày kia, vào thời gian này, có thể tôi đã ở Concalvi. Một xã hội sang trọng, âm nhạc, những phụ nữ xinh đẹp.

Họ vẫn thích đùa như thế trước kia.

- Ôi dà cái khẩu vị của cậu! - Angustina đáp lại vẻ khinh thị.

- Mà có thể... - Lagorio tiếp tục từ những động cơ tốt đẹp nhất, với một mục đích duy nhất thuyết phục được bạn, - phải, chắc lẽ tôi sẽ làm thế này - đến thăm ông Tronam, ông chú của bạn... Nơi ấy tụ tập nhóm đông dễ chịu và trò chơi được tiến hành "một cách cao thượng", như Giacomo hẳn sẽ nói.

- Cũng là sự khoái trá cơ đấy! - Angustina đáp.

- Dù ở đấy có gì đi nữa, - Lagorio phản bác, - nhưng ngày kia tôi sẽ vui chơi, còn bạn thì lại sẽ đi tuần canh. Bạn cứ tưởng tượng: tôi dạo chơi khắp phố phường, - anh ta thậm chí cười vang vì một ý nghĩ ấy, - còn lúc đó ngài đại úy sẽ hiện ra chỗ bạn. "Không sự cố nào cả, cậu lính gác Martini ốm". Lúc hai giờ tay trung sĩ sẽ đánh thức bạn: "Cuộc kiểm tra, thưa ngài trung úy". Phải, tay ấy sẽ đánh thức bạn đúng vào hai giờ, tôi có thể cam đoan, còn vào giờ ấy tôi chắc chắn đang cùng Rozaria trên giường...

Bao giờ cũng vậy, Lagorio là kẻ tàn nhẫn một

cách điên khùng - tất cả đã quen với điều đó. Nhưng những lời của anh ta làm sống dậy trong kí ức của bạn bè hình ảnh một thành phố xa xôi với những tòa nhà hoa lệ và những nhà thờ khổng lồ... những vòm tháp tròn nhẹ nhõm, những con đường có cây hai bên thơ mộng phía trên sông. Nơi kia, họ nghĩ, giờ đây có lẽ đang trải một làn mây mù mỏng mảnh và các ngọn đèn lồng rót ra tia sáng vàng yếu ớt mà trong đó, trên các phố vắng tanh chỉ thấy hiện bóng những cặp tình nhân, cửa kính rạp opera rực rỡ các ngọn lửa, tiếng gọi của xà ích vang vọng, lơ lửng âm vọng của nhạc vĩ cầm và tiếng cười, từ các cổng nhà mở tới vọng tới những giọng phụ nữ, trên cao vời vọi giữa mê cung các mái nhà sáng lóa những ô cửa sổ - thành phố thân yêu vẫn giữ trong mình những ước mơ tuổi thanh xuân của họ và hứa hẹn những chuyến phiêu lưu chưa từng thấy.

Tất cả giờ đây nhìn trộm khuôn mặt Angustina, khuôn mặt căng thẳng vì sự mệt mỏi cố giấu không nổi. Và tất cả nhận thức được rằng họ tụ tập tại đây để chia tay không phải với Lagorio rồi đi, mà với Angustina: bởi chỉ mỗi chàng ta sẽ ở lại trong Pháo đài. Khi đến lượt họ, tất cả họ sẽ rời đi tiếp theo sau Lagorio - cả Grotta, cả Morel, mà sớm hơn tất cả - Giovanni Drogo, kẻ cần phục vụ cả thầy chỉ bốn tháng trong Pháo đài. Chứ Angustina sẽ ở lại. Họ không thể hiểu sao lại phải thế, nhưng họ biết điều đó là chắc chắn. Và dù bạn bè có cảm thấy một cách mu mờ, rằng trong điều này cũng là cái độc đáo, riêng biệt của Angustina, nhưng không hiểu sao

chẳng ai tìm ra cái gì có thể để ghen tị hay bất chúc chàng ta: về thực chất, điều đó khiến ta liên tưởng một sự thao túng nào đó.

Thế mà tay Angustina đáng nguyên rủa lại còn mỉm cười nữa kia! Tại sao chàng ta, một kẻ ốm đau thật sự, không chạy đi thu xếp đồ đạc, không chuẩn bị để rời đi, mà ngồi, cảm ánh mắt vô hồn vào khoảng không nhập nhoạng? Chàng ta đang nghĩ điều gì? Niềm kiêu hãnh thâm kín nào níu giữ chàng ta ở lại Pháo đài? Nghĩa là, cả chàng ta... Hãy nhìn kĩ vào chàng ta, Lagorio, anh là bạn chàng cơ mà, hãy nhìn kĩ vào trong khi còn chưa muộn, cố ghi lại trong trí mình cái khuôn mặt mà anh trông thấy lúc này: chiếc mũi thanh, ánh mắt mỗi mệ, nụ cười khó chịu... rồi lúc nào đó anh sẽ hiểu, tại sao chàng ta lại không muốn theo gương anh, anh sẽ hiểu, những suy tư gì ẩn sau vầng trán nhợt nhạt ấy.

Sáng hôm sau Lagorio ra đi. Người cần vụ đợi anh ta với hai con ngựa cạnh cổng Pháo đài. Bầu trời bị mây che kín, nhưng mưa đã tạnh.

Với vẻ thỏa mãn, Lagorio bước ra khỏi căn phòng của mình, chẳng ngoái nhìn lần cuối, và thậm chí không ném một cái nhìn giã từ Pháo đài. Các bức tường Pháo đài nhô cao phía trên anh ta - không niềm nở, ảm đạm, cạnh cổng người lính gác đứng bất động, trên quân trường mênh mông không có một bóng người. Từ một cái bột nào đó gắn với đồn lũy vọng tới những nhát búa đánh nhịp nhàng.

Angustina đi xuống chia tay bạn. Chàng ta âu yếm vỗ vỗ con ngựa và nói:

- Con vật đẹp quá.

Lagorio rời Pháo đài, đi về thành phố ruột thịt, trở lại với cuộc đời nhẹ nhàng và dễ chịu. Còn Angustina thì ở lại, nhìn người bạn đang loay hoay bên hai con ngựa bằng ánh mắt khó hiểu cố hết sức giữ nụ cười trên mặt.

- Đúng là khó tin nổi rằng tôi rời đi, - Lagorio nói.

- Pháo đài này đối với tôi là một cơn ác mộng.

- Hãy chuyển lời chào tới những người nhà mình,

- Angustina nói mà không nghe anh ta. - Nói với mẹ tôi rằng mọi việc chỗ tôi ổn cả nhé.

- Đừng lo, - Lagorio nói và sau một khoảng dừng ngắn, nói thêm: - bạn hãy tha lỗi cho tôi vì chuyện hôm qua. Mình với bạn là những người hoàn toàn khác nhau. Tôi không bao giờ có thể hiểu được trong đầu bạn có ý nghĩ gì. Tôi có cảm giác bạn bị ám ảnh bởi nỗi thao cuồng gì đó. Mà có thể là tôi nhầm.

- Thôi đi bạn, - Angustina đáp, chống tay phải vào móng ngựa và nhìn xuống dưới chân mình. - Mình có ý phát lòng gì đâu.

Phải, họ là những người khác nhau, yêu những thứ khác nhau, trình độ trí tuệ và văn hóa của họ không đồng đều. Thậm chí có vẻ là kì quặc khi nhìn họ luôn luôn ở bên nhau, Angustina nổi trội hơn nhiều trong mọi mặt so với bạn. Thế nhưng họ chơi thân với nhau. Trong số những người xung quanh chỉ mỗi một Lagorio hiểu chàng ta theo bản năng, chỉ có

anh ta thương bạn và thậm chí phần nào cảm thấy khó xử vì rời đi trước, dường như làm việc đó do mong muốn ngó nghe để nổi trội lên.

- Nếu bạn gặp Claudina, - Angustina nói giọng không âm sắc, - hãy chuyển lời chào... hay tốt nhất là không cần, đừng nói gì với cô ấy cả...

- Ô, cô ấy sẽ tự hỏi ngay, nếu chúng tôi gặp nhau. Cô ấy biết rõ là bạn ở đây mà.

Angustina im lặng.

- Còn bây giờ, - nhờ người cần vụ giúp, Lagorio buộc xong cái túi đi đường vào yên ngựa, rồi nói: - Đến lúc tôi đi rồi, đã đến giờ.

Anh ta bắt tay bạn và điệu đà nhảy lên yên ngựa.

- Chào nhé, Lagorio! - Angustina kêu lên. - Chúc thượng lộ bình an!

Vươn thẳng người trên yên ngựa, Lagorio nhìn Angustina. Và dù anh ta không phải là người thông minh, một giọng nói mơ hồ bên trong nói với anh ta rằng chắc gì có bao giờ họ sẽ còn gặp lại nhau.

Anh ta thúc ngựa. Và lúc ấy Angustina lưỡng lự vẫy vẫy bàn tay phải, dường như muốn dừng bạn lại, nói gì đó lần cuối với anh ta. Đã đi chừng hai chục mét, Lagorio bằng khoẻ mắt nhận thấy cử chỉ đó, dừng lại và hỏi:

- Sao bạn? Quên nói gì đó ư?

- Không - không, - chàng ta đáp. - Không gì đâu!

- Thế mà tôi có cảm giác... - Lagorio nói bối rối và, lắc lư trên yên ngựa, thong thả đi qua sân tập.

IX

Các sân hiên của Pháo đài trở nên trắng xóa như thung lũng phía Nam và hoang mạc phía Bắc. Tuyết đã phủ kín hào lũy, tạo nên một thành gờ dễ vỡ nằm trên răng cưa các bức tường rơi oạch, với tiếng động trầm từ những dòng nước thỉnh thoảng không hiểu lí do tách khỏi sườn núi dốc, và những khối tuyết lở nặng nề, cuộn tròn và réo gào, đổ ập xuống các khe giữa những vách núi.

Đó không phải là đợt tuyết lở lần đầu, mà đã là lần thứ ba hay thứ tư rồi.

Nghĩa là, không ít thời gian đã trôi qua.

- Thế mà tôi cảm thấy như mình vừa tới Pháo đài ngày hôm qua vậy, - Drogo nói.

Và quả thực có vẻ đó mới là hôm qua, nhưng đâu sao thời gian vẫn trôi đi trong nhịp khó nhận thấy của nó, đồng đều đối với tất cả - không chút chậm hơn cho những người hạnh phúc và không chút nhanh hơn cho những kẻ bất hạnh.

Và cứ thế - không nhanh không chậm - đã qua đi thêm ba tháng. Các hồi ức về lễ Phục sinh đã rơi vào quá khứ, năm mới đến đánh thức lên trong mấy khoảnh khắc những hi vọng khó hiểu ở mọi người. Giovanni Drogo đã chuẩn bị cho việc ra đi. Cần làm thêm một thủ tục hình thức: qua kiểm tra y tế, điều mà thiếu tá Matti đã nói ngay từ đầu, sau đó Drogo có thể rời bỏ Pháo đài. Chàng luôn luôn lặp đi lặp

lại với bản thân, rằng điều đó thật tuyệt vời, rằng ở thành phố một cuộc sống nhẹ nhàng, vô tư, và, hẳn nhiên là hạnh phúc, đang chờ đợi chàng, nhưng tại sao chàng không cảm thấy sự thỏa mãn.

Buổi sáng ngày 10 tháng Giêng chàng bước vào phòng làm việc của bác sĩ ở tầng trên cùng của Pháo đài. Bác sĩ Fernando Rovina đã ngoài năm mươi tuổi. Ông có khuôn mặt béo bệu và thông minh in dấu nổi mệt mỏi thường trực. Thay vào quân phục ông mặc chiếc áo lễ phục dài màu đen như của vị quan toà. Rovina ngồi sau chiếc bàn chất đầy sổ sách và giấy tờ, nhưng Drogo bước vào không gõ cửa lập tức hiểu ngay là bác sĩ không bận việc: đơn giản là ngồi bất động và nghĩ ngợi gì đó.

Cửa sổ hướng ra sân nơi binh lính đang nhịp bước: đã về chiều, và bắt đầu đến giờ đổi ca gác. Từ cửa sổ hiện rõ một phần bức tường đối diện, còn phía trên nó - bầu trời trong trẻo khác thường. Họ chào nhau, và Giovanni lập tức tin chắc rằng bác sĩ rất rõ về vụ việc của chàng.

- Qua làm tổ, còn nhận bay đi, - Rovina nói đùa và rút trong hộc bàn ra một tờ giấy có in chữ sẵn.

- Thưa bác sĩ, chắc ông không rõ là tôi sa vào đây do sự nhầm lẫn.

- Tất cả rơi vào đây đều do nhầm lẫn, chú bé đáng yêu ạ, - viên bác sĩ nhận xét đầy ý nghĩa. - Phải, ở chừng mực khác nhau, là tất cả, thậm chí cả những ai ở lại đây suốt đời.

Drogo không hiểu hết ý ông ta và chỉ hạn chế bằng một nụ cười mơ hồ.

- Ô, tôi không phủ nhận anh! - Rovina tiếp tục. - Các anh, những người trẻ tuổi, làm một việc đúng là không muốn bị sa lầy ở đây. Dưới kia, tức là trong thành phố, có tương lai hơn nhiều. Đôi khi tự tôi cũng có cảm giác rằng nếu như tôi có thể...

- Thế sao, - Drogo hỏi, - lẽ nào ông không thể xin chuyển chuyển được ư?

Viên bác sĩ phẩy tay, dường như xem đó là câu đùa không đúng chỗ.

- Xin chuyển ư? - ông ta cười phá ra. - Sau khi đã sống qua ở đây hai mươi lăm năm ư? Quá muộn rồi, anh bạn trẻ ạ, cần phải nghĩ sớm hơn kia.

Có thể, bác sĩ rất muốn để Drogo tranh cãi thêm với ông ta, nhưng bởi chàng trung úy im lặng, ông ta bắt tay vào công việc. Mời Drogo ngồi, ông ta hỏi chàng họ và tên, điền chúng vào các mục của bảng phiếu. Sau đó nói:

- Và thế, hệ tim mạch của anh không được ổn, chính xác chứ? Khí hậu miền núi cao có hại cho cơ thể của anh? Chúng ta sẽ viết thế chứ?

- Biết sao được, ông cứ viết, - Drogo đồng tình. - Ông là bác sĩ, ông rõ hơn.

- Khi sự thể đã như thế, có lẽ, anh cần được nghỉ phép để phục hồi sức khỏe. - Bác sĩ nháy mắt.

- Cám ơn, - Drogo nói, - nhưng tôi không muốn quá lạm dụng...

- Quyền của anh. Nghĩa là thôi chuyện nghỉ phép. Vào tuổi của anh, tôi không đến mức kỹ tính như anh.

Giovanni, lẽ ra ngồi, lại đi đến cạnh cửa sổ và thỉnh thoảng nhìn xuống phía dưới, nơi binh lính

đang xếp đội ngũ trên nền tuyết trắng. Mặt trời vừa khuất, trên sân của Pháo đài loang ánh hoàng hôn xanh.

- Hơn một nửa những người như anh, sau ba bốn tháng đều muốn bỏ đi, - với vẻ rầu rầu bác sĩ tiếp tục, giờ đây ông ta cũng đã bị bóng đen phủ kín, vậy không hiểu làm sao ông ta có thể viết. - Cứ như tôi, nếu như có thể kéo tuổi trẻ quay lại, chắc tôi cũng xử sự như anh... dù nói chung thì điều đó là không đúng.

Drogo nghe không một chút quan tâm, bởi chàng đang bị cuốn hút bởi cái cảnh ngoài cửa sổ. Chàng có cảm giác rằng ngay trước mắt chàng những bức tường vàng nhợt vây quanh khoảnh sân đã vươn lên cao, rất cao vào bầu trời pha lê, còn phía trên chúng, đằng kia, phía xa, những ngọn tháp đơn độc, những sườn núi dốc đứng, những chiến lũy và pháo đài nhẹ bồng bênh mà trước kia chàng không nhận thấy, được phủ những tấm khăn tuyết, càng vươn cao hơn nữa. Những tia sáng hoàng hôn cuối cùng giờ vẫn dọi sáng chúng, và chúng loáng lên một ánh sáng sống động bí ẩn không thể hiểu nổi. Drogo thậm chí không hình dung là Pháo đài lại to lớn và phức tạp đến thế. Trên đỉnh cao tuyết đối khó tưởng chàng trông thấy cánh cửa sổ (hay lỗ châu mai?) hướng ra thung lũng. Đằng kia chắc hẳn cũng có những người lạ lẫm đối với chàng, thậm chí có cả các sĩ quan trẻ, mà chắc hẳn có thể kết bạn cùng. Chàng trông rõ bóng những khoảng lõm rõ nét cân đối

giữa các tháp pháo đài, những chiếc cầu nhỏ mong manh treo giữa các mái nhà, những cổng lớn lạ lùng đóng chặt cạnh rìa các bức tường, những răng cửa sắc nhọn được đưa lổm chổm theo thời gian.

Trong ánh sáng đèn lồng và đuốc màu xanh tím trên nền sân chằng thấy những người lính to lớn và kiêu dũng đang tuốt trần lưới kiếm. Trên nền tuyết trắng những hàng đen bất động có vẻ như được đúc bằng sắt. Họ thật tuyệt vời. Những người lính đứng như những bức tượng đá, còn ngay đó lại vang lên tiếng kèn, âm thanh lan tỏa giữa không trung - sao mà réo rắt sống động thế - xuyên thấu tận trái tim.

- Tất cả các anh dần dần rút khỏi đây, - Rovina lấp bắp trong bóng tối nhập nhoạng, - rốt rồi chỉ còn lại chúng tôi, những lão già. Trong năm nay...

Phía dưới, trên sân, kèn thổi - trong âm thanh trong ngần đó giọng người và giọng kim loại hòa lẫn, run rẩy vì niềm nhiệt thành thượng võ. Còn khi các âm thanh ngừng lại, xung quanh, thậm chí cả trong phòng làm việc của bác sĩ, vẫn còn tiếp tục treo lơ lửng những nỗi quyến rũ nào đó không thể lí giải. Buông xuống sự im lặng đến nỗi có thể phân biệt được tiếng cọt két của những bước chân trên tuyết đông cứng. Viên đại tá đã đi xuống dưới - chúc các toán tuần canh. Và lại ba âm thanh đẹp khác thường vút lên bầu trời.

- Có ai trong các anh sẽ ở lại?... - viên bác sĩ tiếp tục than vãn. - Trung úy Angustina, một mình cậu

ấy. Trong năm nay, tôi tin, cả Morel cũng sắp đi điều trị tại thành phố. Tôi cược rằng cậu ta cũng sẽ ốm.

- Morel ấy à? - Drogo hỏi lại chỉ nhằm khích lệ cuộc trò chuyện. - Morel sẽ ốm ư? - ngoài những lời cuối ấy, chàng đã không nghe thấy gì nữa.

- Ô không đâu, - bác sĩ nói. - Đó là một kiểu nói ví von thôi.

Qua cửa sổ đóng kín vẫn nghe được tiếng những bước chân của viên đại tá trên nền tuyết trơn nhầy. Trong hoàng hôn những lưỡi gương giáp kẻ trông như vô số điểm chấm bằng bạc. Từ xa xa thoảng đến tiếng vọng của kèn: chắc lẽ vẫn âm thanh nọ được phản lại bởi mê cung các bức tường Pháo đài.

Viên bác sĩ lặng đi, rồi đứng dậy.

- Kết luận đây, giờ tôi sẽ đem đến ngài đại tá lấy chữ kí. - Vừa nói ông ta vừa gấp tờ giấy, bỏ vào phong bì, cầm lấy chiếc áo khoác và mũ lông trên mắc áo.

- Anh đi cùng tôi không, trung úy? Anh cứ nhìn mãi đi đâu thế?

Binh lính được thay ca nộp vũ khí và tản về các hướng khác nhau. Những bước đi của họ trên tuyết hòa trộn, âm vang trầm đục, nhưng nhạc hành tiến vẫn ngự trị phía trên tất cả mọi người. Rồi sau - đó là điều huyền hoặc - các bức tường đã bị bóng tối ôm trùm, bóng tối chậm chậm vươn lên đỉnh điểm, còn từ khoảng tuyết trắng trên gờ thành, bắt đầu bốc lên những đám mây trắng giống như những con chim giang đang bơi trong khoảng không giữa các vì sao. Mắt Drogo loáng

qua bức tranh của cuộc sống thành phố thân thương - một hồi ức thật nhột nhạt: các phố ẩm ỉ dưới mưa, các bức tượng thạch cao, những đường bình ẩm thấp, những chiếc chuông thẳm hại, các khuôn mặt mệt mỏi kiệt quệ, những buổi tối lê thê bất tận, các trần nhà ám khói.

Còn ở đây, trên núi, đã buông xuống một buổi tối kì ảo với những đám mây bay qua phía trên Pháo đài, một đêm hứa hẹn điều gì đó khác thường. Và từ phía kia, từ phương Bắc, cái phương Bắc bí ẩn không trông thấy rõ qua những bức tường, - chàng cảm thấy điều đó - số phận của chàng đang xô tới.

- Bác sĩ, thưa bác sĩ, - Drogo rặn ra từ cổ họng, - tôi khỏe mạnh ạ.

- Tôi rõ điều đó, - bác sĩ đáp. - Thế anh đã nghĩ sao?

- Tôi khỏe, - Drogo nhắc lại, hầu như không nhận ra giọng của mình. - Tôi khỏe mạnh và muốn ở lại.

- Ở lại đây, trong Pháo đài? Anh đã nghĩ lại, không muốn rời đi ư? Có chuyện gì với anh vậy?

- Tôi không biết, - Drogo đáp. - Nhưng tôi không thể rời đi.

- Ô-ô! - Bước lại gần chàng, Rovina kêu lên. - Nếu anh không đùa, ôi trời, tôi chỉ vui mừng vì điều đó thôi.

- Không, tôi không đùa, - Drogo nói, cảm thấy một cảm giác đê mê lạ lùng nào đó giống như niềm hạnh phúc. - Thưa bác sĩ, ông có thể rút mẫu giấy nọ đi được.

X

Điều đó không thể không xảy ra; có lẽ, vốn đã tiên định như thế vào cái ngày đầu tiên khi Drogo cùng với Ortis đi lại gần Pháo đài và nó hiện lên trước họ trong sự chói ngời ban trưa làm lóa mắt.

Drogo quyết định ở lại. Có lẽ, chỉ riêng mong muốn, những ước mơ về chiến công thôi là chưa đủ. Vào thời điểm đó chàng cho hành động của mình xứng đáng với mọi lời khen ngợi và kinh ngạc một cách chân tình khi phát hiện ra ở bản thân mình lòng cao thượng đến thế. Chỉ sau nhiều tháng ngoài nhìn lại chàng sẽ hiểu ra, thực chất những điều vật vãnh nhỏ nhoi đến mức nào đã kìm giữ chàng ở lại Pháo đài.

Cứ mặc người ta thôi kèn báo động, cứ mặc những điệu quân hành réo lên, còn từ phía Bắc cứ đưa tới những tin tức về mối nguy hiểm đang đến gần - điều đó hẳn chẳng giữ nổi chàng; nhưng trong chàng đã mọc lên gốc rễ của thủ cựu, sự hiếu danh binh nghiệp, sự gắn bó với những bức tường vốn đã trở nên đặc trưng thân thuộc của cuộc sống thường nhật nơi chàng. Chỉ cần bốn tháng, để nhịp sống đều đều của Pháo đài đã cuốn hút chàng.

Chàng đã quen thực hiện những ca trực ban canh phòng mà thoát đầu có vẻ mệt mỏi không chịu nổi, dần dần nắm vững các đòi hỏi của quân lệnh, nghiên cứu những câu nói của mệnh và những thói quen kì

cục của cấp chỉ huy, địa thế các đồn lũy, các góc có thể ẩn mình tránh gió, các tín hiệu của kèn. Đã nắm được các bí mật công vụ, chàng cảm thấy một sự khoan khoái đặc biệt nào đó và bắt đầu được binh lính và các hạ sĩ quan quý mến. Chính Tronc, cũng khẳng định Drogo là một người nghiêm túc, cẩn trọng, và gắn bó với chàng theo cách riêng của mình.

Chàng đã kết thân với các sĩ quan doanh trại đến nỗi giờ đây những trò đùa và lời bóng gió tinh vi nhất của họ đã không còn làm chàng bất ngờ nữa; tối tối họ nói chuyện rất lâu về cuộc sống thành thị mà vì càng cách xa nên họ càng quan tâm.

Chàng đã quen với những suất ăn ngon và nhà bếp tiện lợi, với lò sưởi ấm áp trong phòng khách sĩ quan được giữ lửa suốt ngày đêm; với người cần vụ ân cần - một thanh niên đôn hậu nhất có tên là Gieronimo, anh ta đã dần dần học được cách biết trước các mong muốn của chàng.

Chàng quen cùng Morel thỉnh thoảng đi vào những xóm làng lân cận: mất hai tiếng đồng hồ đi theo hẻm núi hẹp mà giờ đây chàng thuộc như lòng bàn tay; quen với quán ăn, nơi có thể trông thấy những gương mặt mới, nơi người ta dọn ra những bữa ăn tối xa hoa và lạnh lói tiếng cười tươi vui của các thiếu nữ, những cô nàng luôn sẵn sàng ban tặng tình yêu cho khách.

Chàng đã quen với những cuộc phóng ngựa điên cuồng trên bãi tập trước Pháo đài: vào thời gian rồi ở đây có thể thi thố sự khéo léo cùng đồng đội; với những buổi tối tĩnh lặng bên bàn cờ mà thật ra

không tránh khỏi sự phật lòng khi những ván cờ kết thúc bằng chiến thắng của Drogo. (Đại úy Ortis thường nói: “Cánh mới bao giờ cũng gặp may. Tất cả đều trải qua điều đó - mỗi người đều nghĩ rằng anh ta là tay chơi xuất chúng, chứ thật ra chỉ do sự may mắn... với thời gian những người còn lại sẽ nắm được các thủ pháp của anh ta, và vào một ngày nào đó anh ta sẽ không đạt được gì nữa”.)

Chàng đã quen với căn phòng của mình và việc đọc sách buổi tối, với vết nứt ở trần nhà phía trên giường làm gợi nhớ cái đầu người Thổ Nhĩ Kỳ, với tiếng lục đục của bể chứa nước dần dần đã trở nên thân thuộc kiểu gia đình, với vết lõm trên đệm do cơ thể mình để lại, với chiếc giường - thoát đầu quá ư không tiện lợi, nhưng giờ đây đã mềm mại và ngoan ngoãn, với cử động của tay được tính toán chính xác và đã trở thành tự động khi chàng tắt ngọn đèn dầu hỏa hoặc đặt cuốn sách lên tủ comô. Chàng đã biết đứng sao cho tốt nhất trước tấm gương buổi sáng để cạo râu cho ánh sáng chiếu vào mặt theo góc độ cần thiết, biết rót nước từ bình vào chậu thế nào để nó khỏi bắn ra sàn, biết xoay xỏa ra sao với ổ khóa ương bướng của một trong số những chiếc hòm - chỉ ấn chìa xuống phía dưới một chút.

Đã quen với tiếng cọt kẹt của cánh cửa vào lúc thời tiết ẩm, với cái chỗ trên nền nhà nơi ánh trăng ngó qua cửa sổ dội xuống, và với sự chuyển dịch chậm chạp của nó tuân theo dòng chảy thời gian; với sự ồn ào ở phòng phía dưới: hàng đêm đúng lúc một giờ rưỡi vết thương cũ ở chân phải của trung tá Nicolozzi lại phát tác theo chu kì chính xác đáng

kinh ngạc, cắt đứt giấc ngủ của ông ta.

Tất cả những điều ấy dường như trở thành một bộ phận của chính bản thân chàng mà già từ với chúng quả là đáng tiếc. Thế nhưng Drogo không để ý tới chuyện đó và không hề ngờ rằng bây giờ việc rời khỏi đây đã là khó khăn đối với chàng; chàng không biết cả cái điều là cuộc sống trong Pháo đài đã ngốn ngấu những ngày trôi đi đơn điệu với một tốc độ nhanh chóng. Cả ngày hôm qua, cả ngày hôm kia đều giống nhau, chắc chàng không thể phân biệt nổi ngày này với ngày nọ; chàng có cảm giác xa xăm như nhau điều đã xảy ra ba ngày hay hai mươi ngày về trước. Thời gian trôi và trôi, nhưng Drogo không nhận thấy điều đó.

Còn lúc này chàng đang ở đây, hãnh diện và vô tư, trên đồn thủ thứ tư vào một đêm băng giá trong tuyết. Để khỏi chết cóng, những lính gác bước đi không dừng, tuyết sột soạt dưới chân họ. Mặt trăng khổng lồ màu hoàn toàn trắng chiếu rọi mặt đất. Cả đồn lũy, cả những mỏm núi, cả thung lũng đá ở phía Bắc được tưới bằng thứ ánh sáng kì diệu, nó làm loáng lên đến cả màn mây mù bất biến ở rìa mép phía Bắc của hoang mạc.

Bên dưới, trong phòng sĩ quan trực ban, đèn sáng suốt đêm: lưới lửa khẽ lay động, khiến các bóng đen trên tường nhảy múa chấp chờn. Drogo vừa mới bắt đầu viết thư - cản trả lời cho em gái của Vescovi, Maria, mà có lẽ rồi chàng sẽ cưới làm vợ. Nhưng viết được vài dòng, tự mình không hiểu tại sao, chàng đứng dậy khỏi bàn và đi lên sân trên của đồn.

Đó là khu vực thấp nhất của đồn lũy ngang bằng với chỗ vồng yên ngựa của ngọn đồi. Chính ở đây là cửa ải giữa hai quốc gia. Cánh cổng nặng nề, bọc sắt của chúng chưa từng mở ra từ thời nào không rõ. Còn toán quân tuần tiễu trực tại Đồn Mối, hàng ngày ra vào qua một cánh cửa hông hẹp do lính gác bảo vệ: chỉ có thể đi qua từng người một.

Lần đầu tiên Drogo trực ban tại đồn thủ thứ tư. Vừa lên sân trên, chàng nhìn sang bên phải, nhìn những mỏm đá phủ một lớp vỏ băng đá và sáng loáng dưới ánh trăng.

Ngọn gió xua những đám mây nhỏ màu trắng trên bầu trời, làm bay lất phất vạt áo khoác của chàng - tấm áo khoác mới vốn có ý nghĩa thật lớn đối với chàng.

Chàng đứng bất động và nhìn kĩ lên những dãy núi đá lởm chởm, vươn cao về phía trước, lên miền xa phương Bắc bí ẩn, còn vạt áo khoác kêu phàn phật và tung bay như ngọn quân kì phấp phới. Đêm ấy Drogo cảm thấy mình đẹp đẽ, can trường, chàng đứng ưỡn thẳng ngực cạnh bao lớn trạm quan sát trong chiếc áo khoác tuyệt diệu của mình, vạt áo tung bay trước gió. Đứng cạnh chàng là Tronc; quán mình trong tấm áo choàng rộng, ông ta trông thậm chí không giống như một người lính.

- Anh Tronc, - Giovanni hỏi với vẻ lo lắng cố tình, - hãy nói, đó là sự đánh lừa quang học hay hôm nay trăng thực sự to hơn so với mọi hôm vậy?

- Thưa ngài trung úy, - Tronc đáp, - tôi không nghĩ vậy, nơi đây, tại Pháo đài, nó luôn luôn có vẻ như thế.

Giọng họ vang to khác thường, dường như không

khí được làm bằng kính. Trong thấy rằng chàng trung úy không cần ông ta thêm nữa, và với mục đích nhiệm vụ muôn thuở của mình - kiểm tra xem những lính gác thi hành công vụ như thế nào, chàng đã cất bước đi dọc theo mép sân.

Còn lại trong cô đơn Drogo cảm thấy mình gần như là hạnh phúc. Lòng chàng lâng lâng tự hào với quyết định ở lại của mình, cảm thấy toại nguyện với việc chàng đã đổi những niềm vui nhỏ bé đảm bảo cho chàng lấy hạnh phúc lớn lao với một tương lai xa vời và không tăm tiếng (nhưng ý nghĩ an ủi rằng bao giờ chàng cũng vẫn kịp rời khỏi nơi này có lẽ vẫn hay chăng trong đầu óc chàng lúc đó?).

Linh cảm - hay đó chỉ là hi vọng? - về những chiến công hiển hách và cao thượng thúc đẩy chàng ở lại nơi đây, tại Pháo đài, nhưng quyết định đó có thể đơn thuần là một sự trì hoãn, vì trong thực tế, mọi con đường trước chàng hiện thời vẫn rộng mở. Mà thời gian phía trước còn nhiều. Có vẻ, tất cả những gì tốt đẹp nhất có thể có trên đời đang chờ đợi chàng. Chàng cần gì vội vã đi đâu? Thậm chí những phụ nữ, những sinh thể đáng yêu và không thể hiểu thấu này, đang đợi chàng - chàng tin chắc điều đó - như tặng phẩm hạnh phúc do tiến trình bình thường của cuộc sống chuẩn bị sẵn cho chàng.

Còn bao nhiêu thì giờ ở phía trước! Thậm chí một năm - đã là bất tận, mà những năm tháng tốt đẹp nhất của chàng thì vừa mới bắt đầu. Chúng hiện lên trong trí tưởng tượng của chàng một dãy dài mà điểm cuối không sao nhìn thấu nổi, như

kiểu một kho báu chưa bóc dấu niêm phong, thêm nữa lại quá khổng lồ đến nỗi nó còn kịp làm phát ngán lên nữa.

Và không hề có ai có thể nói với chàng: "Hãy coi chừng, Giovanni Drogo!" Cuộc đời có vẻ bất tận đối với chàng; một lầm lạc dai dẳng làm sao, tuổi trẻ đã bắt đầu tàn rồi mà. Chỉ Drogo không biết thời gian là gì. Chỉ khi phía trước chàng tuổi thanh xuân được đo ước như của các vị thần linh, không dừng ở một trăm năm, chỉ lúc ấy thời gian mới có vẻ không vội vã. Nhưng trong tay chàng tất thấy chỉ là cuộc đời của con người bình thường với tặng vật hà tiện của mình - tuổi trẻ ngắn ngủi - có thể đếm trên đầu ngón tay những năm tháng của nó, và chúng vụt qua nhanh đến nỗi ta không kịp nhận thấy.

Phía trước còn biết bao thời gian, chàng nghĩ. Thế mà có những người vào thời điểm nào đó lại bắt đầu (ôi có ngổ không cơ chứ!) chờ cái chết - cái hiện tượng phi lí, tầm thường, mà hiển nhiên đó chẳng liên quan gì tới chàng cả. Nghĩ đến điều đó, Drogo mỉm cười. Cái lạnh đã bắt đầu bám lấy chàng, chàng cất chân do bước trên sân thượng.

*

Những bức tường Pháo đài chỗ này lặp lại địa hình của ngọn đồi, tạo nên một hệ thống sân và hàng hiên phức tạp. Từ phía trên Drogo thấy rõ những lính gác dàn trải như chuỗi xích đen dài trên tuyết nổi rõ dưới ánh trắng.

Người lính gác gần nhất ở hàng hiên cách Drogo chừng mười mét, rõ là không xem cái lạnh ra gì, anh ta đứng bất động, hơi ngả vào bức tường; thậm chí có cảm giác là anh ta đang thiu thiu ngủ. Nhưng Drogo nghe thấy người lính gác hát một bài hát rầu rĩ nào đó bằng giọng trầm sâu.

Những lời mà Drogo không thể luận ra, xếp thành một môtip kéo dài bất tận. Trò chuyện, mà hơn nữa là hát ở vị trí gác bị cấm ngặt nghèo. Đáng ra phải phạt người lính, nhưng Giovanni thương hại anh ta: người lính gác lạnh là thế, cô đơn là thế trong đêm nay. Và đi theo chiếc thang ngắn xuống hàng hiên, chàng cố ý ho lên, để khỏi làm anh ta bất ngờ. Người lính gác ngoái lại và trông thấy viên sĩ quan, đứng theo quy định nhưng vẫn không ngừng hát. Drogo nổi giận: những tên lính này cho phép bản thân làm gì vậy? Chúng nghĩ, có thể cười nhạo chàng chăng? Giờ chàng sẽ cho hắn biết tay!

Người lính gác ngay lập tức nhận thấy rằng bộ mặt Drogo không hứa hẹn điều gì tốt đẹp, nên dù theo thỏa thuận ngầm từ lâu giữa lính gác và chỉ huy trực ca, những mặt khẩu hình thức không cần phải tuân thủ, người lính gác đã thực hiện lễ nghi quân sự với một vẻ cố gắng, giương khẩu súng trường, bằng giọng đặc biệt được quy định trong Pháo đài, hỏi:

- Dừng lại, ai đó?

Drogo bối rối, đứng sững như bị đóng đinh. Giờ đây với chưa quá năm mét chàng cách người lính, dưới ánh trăng trong trẻo Giovanni trông thấy rõ

khuôn mặt anh ta với cặp môi mím chặt, nhưng bài hát vẫn không ngừng vang lên. Cái giọng ấy phát ra từ đâu nhỉ?

Trong khi suy nghĩ về điều kì lạ ấy - người lính vẫn đứng trong tư thế chờ đợi, - Giovanni máy móc thốt ra mật khẩu: “Kì diệu”. “Bù nhìn”, - người lính đáp lại và đặt súng trường xuống chân.

Trong sự im lặng sâu thẳm vừa trùm xuống, và vẫn như trước, nhưng thậm chí còn rõ hơn, văng vẳng âm thanh rì rầm của bài hát.

Cuối cùng Drogo hiểu ra tất cả, ớn lạnh chầm chậm bò dọc theo sống lưng chàng. Thì ra đó là nước, giọng của ngọn thác xa xa, với tiếng ào ào rơi xuống từ những sườn vách đá gần đó. Gió lay động dòng thác nước chảy dài, tiếng vọng giõn đũa bí ẩn, các tảng đá đáp lại rất khác nhau với những cú đập của dòng thác nước, và tất cả những thứ đó tạo nên ảo giác của giọng con người mấp máy và mấp máy hoài những lời gì đó, những lời của cuộc sống chúng ta, và bao giờ cũng vậy, tưởng như chỉ một chút nữa thôi - ta sẽ hiểu chúng, nhưng đâu có dễ thế.

Hóa ra, không phải người lính hát, không phải con người có khả năng cảm nhận cái lạnh, sự trừng phạt, tình yêu; mà núi rừng thù nghịch với anh ta đang hát. Sự lầm lẫn đáng bực làm sao, Drogo thâm nghĩ, có thể, trong cuộc sống mọi chuyện thường là thế: chúng ta cho rằng xung quanh mình là những con người y như chúng ta, nhưng thay vào đó chỉ có cái lạnh, chỉ có những tảng đá, với ngôn ngữ không

hiếu thấu của chúng. Ta muốn bắt tay người bạn, nhưng bàn tay chìa ra của ta buông thõng bất lực và nụ cười lụi tắt: hóa ra, bên cạnh - không ai cả và ta cô đơn biết bao.

Gió thổi căng chiếc áo khoác sẫm quan tuyệt đẹp, và cái bóng xám xanh của nó trên tuyết lất phất như ngọn cờ. Người lính gác đứng bất động. Mặt trăng trôi chậm chậm, nhưng không thể kìm hãm chuyển động đón gặp bình minh. “Thịch, thịch”, trái tim gõ trong lồng ngực Giovanni Drogo.

XI

Gần hai năm qua Giovanni Drogo đã ngủ đêm trong căn phòng của mình, ở Pháo đài. Tròn hai mươi hai tháng trời qua đi, không đem lại điều gì mới mẻ, còn chàng thì cứ đợi chờ một điều gì đó, mà cuộc đời đáng ra có nghĩa vụ thể hiện tính hào phóng đặc biệt với chính chàng. Nhưng hai mươi hai tháng - một thời hạn không nhỏ, với thời gian đó nhiều điều bất kì có thể xảy ra: những gia đình được tạo lập, trẻ con được sinh ra và thậm chí bắt đầu tập nói; nơi kia, xưa là hoang mạc, mọc lên ngôi nhà lớn; cô gái đẹp dần già nua và không còn cần cho ai nữa; bệnh tật,

thậm chí cả những bệnh kéo dài dai dẳng đã nảy sinh (dù là người bị bệnh không biết về nó, vẫn sống vô tư), chậm chạp bào mòn cơ thể, chúng tạm yên một thời gian ngắn, tạo nên ảo tưởng lành bệnh, sau đó lại ăn sâu vào góc ngách cơ thể và đem đi những hi vọng cuối cùng; qua thời gian đó có thể chôn cất một con người và quên đi người đã khuất tới mức con của ông ta lại cất tiếng cười và tối tối thản nhiên đi dạo với những cô gái trên con đường nhỏ có cây xanh chạy qua nghĩa địa.

Thế mà cuộc sống của Drogo dường như dừng lại. Có cảm tưởng, các sự kiện của cùng một ngày cứ lặp đi lặp lại hàng trăm lần không hề một chút đổi thay. Dòng sông thời gian chảy phía trên Pháo đài, chậm chậm hủy hoại các bức tường của nó, đem đi xuống phía dưới bụi bặm và những mảnh đá vỡ vụn, bào mòn các bậc thang và dây xích, nhưng không hề động đến Drogo, cho đến lúc này nó chưa thể cuốn chàng vào dòng xoáy của nó.

Và đêm này hẳn đã qua đi như mọi đêm khác, nếu như Drogo không thấy một giấc mơ. Chàng thấy mình lại là đứa bé đang ngồi trên bậu cửa sổ ban đêm.

Đối diện với nhà chàng trong ánh trăng hiển hiện mặt tiền một biệt thự sang trọng. Mọi sự chú ý của cậu Drogo bé nhỏ bị đóng chặt vào cánh cửa sổ hẹp, cao được trang trí bởi mi nhà được trang trí bằng đá cẩm thạch. Mặt trăng xuyên qua cửa kính, dội sáng chiếc bàn được phủ khăn, trên nó là một lọ hoa và mấy bức tượng nhỏ bằng ngà voi. Với không nhiều đồ vật đang hiện ra trước mắt chàng, có thể giả định

rằng, nơi ấy, đằng sau những đồ vật, trong bóng tối ẩn giấu một gian phòng rộng mênh mông, gian đầu tiên của dãy phòng bất tận chất đầy những đồ vật quý giá khác nhau, và toàn biệt thự chìm trong giấc ngủ - giấc ngủ sâu, đáng ghen tị mà thường thường những con người giàu có và hạnh phúc vẫn ngủ. Khoái trá làm sao, Drogo nghĩ được sống trong những gian phòng ấy, hàng giờ liên tha thẩn ở đó, phát hiện ra những báu vật càng lúc càng mới hơn.

Nhưng ngay đấy, khoảng không giữa tấm cửa sổ mà từ đó chàng đang thưởng ngoạn và tòa biệt thự nằm cách chàng áng chừng hai chục mét, xuất hiện những ảo hình mong manh lay động giống như các tiên nữ với những tấm khăn voan dài lấp lánh dưới ánh trăng.

Sự xuất hiện trong giấc ngủ các sinh thể mà chưa bao giờ Giovanni gặp trong thế giới hiện thực, đã không làm chàng kinh ngạc. Chúng chậm chậm bay vờn giữa thình không, kiên nhẫn quay tròn cạnh ô cửa sổ hẹp.

Theo lẽ tự nhiên thì những ảo hình ấy dường như thuộc sở hữu của tòa biệt thự, nhưng thật đáng phật lòng việc chúng chẳng để ý một chút nào tới Drogo và thậm chí không một lần lại gần ngôi nhà của chàng. Hóa ra, kể cả các nàng tiên cũng bỏ qua những đứa trẻ bình thường và chỉ ngó ngang cuốn hút tới những kẻ được số phận nuông chiều vốn chẳng hề nghĩ đến họ, vẫn ngủ yên bình dưới những lớp rèm lụa?

- Ô... Đây... - Drogo rụt rè lên tiếng để thu hút sự chú ý của những ảo hình, thế nhưng còn may là đã

nhận thức được điều đó chỉ là vô ích.

Và quả thực, chúng dường như chẳng nghe thấy gì và không một ai trong số chúng tiến lại gần bậu cửa sổ của cậu dù chỉ là một mét.

Nhưng rồi một nàng tiên nữ đã bấu vào khung cửa cánh cửa sổ hẹp kia và dùng một cái gì đó tựa tựa như tay gỗ nhẹ lên kính, giống như gọi ai đó.

Và gần như lập tức, một thân thể mảnh mai ẻo lả - quá ư nhỏ bé trên nền cửa sổ có kích thước đồ sộ - hiện lên sau tấm kính, và Drogo nhận ra Angustina - cũng là một đứa bé.

Angustina nhợt nhạt khác thường mặc trang phục bằng nhung với cổ áo ren trắng, cậu ta, theo như Drogo có thể đánh giá, hoàn toàn không vừa ý với bài hát gọi bạn không lời ấy.

Giovanni hi vọng rằng ít ra cậu bạn vì lịch sự sẽ mời cậu cùng đùa chơi với các ảo hình. Nhưng không. Dường như Angustina không nhận ra bạn và không ngược nhìn về phía cậu, thậm chí cả khi Giovanni kêu lên: "Angustina! Angustina!".

Bằng một cử chỉ uể oải Angustina mở cửa, với bộ điệu riêng cúi tới ảo hình đang bám vào bậu cửa sổ, dường như muốn trò chuyện với nó. Ảo hình chỉ vào cái gì đó, Drogo đưa mắt dõi theo cử chỉ ấy, trông thấy một quảng trường mênh mông hoàn toàn trống rỗng phía trước tòa nhà. Phía trên quảng trường ấy, cách bề mặt nó chừng mười mét, giữa không trung có một hội rước nhỏ của những ảo hình mới đang di chuyển, chúng khiêng một chiếc kiệu có vẻ được chế tạo cũng chính bằng chất liệu đã tạo ra chúng vậy.

Chiếc kiệu được trang điểm bằng những dải băng vải sa và ngù lông. Angustina với biểu hiện xa cách và buồn chán vốn có của cậu ta nhìn đoàn diễu hành đang lại gần; cậu ta thấy rõ ràng, chiếc kiệu là dành cho mình.

Sự bất công như thế làm Drogo bị tổn thương nặng. Tại sao mọi thứ đều dành cho Angustina, còn chẳng có gì cho cậu cả? Đã dành cho ai khác còn được, nhưng sao lại cho chính Angustina, kẻ luôn luôn kênh kiệu, ngạo mạn là thế!.. Drogo nhìn lên những cửa sổ khác với hi vọng tìm được ai đó, người chắc có thể bênh vực cậu, nhưng chẳng có một ai nữa.

Cuối cùng chiếc kiệu đang lắc lư giữa không trung, dừng lại cạnh cửa sổ, và tất cả các ảo hình nhất loạt quay quần xung quanh nó, tạo nên một cái gì đó tựa như vòng nguyệt quế lay động. Chúng tập trung chú ý vào Angustina, nhưng sự chú ý đó thấy ngay không phải là lòng tôn kính trước đấy mà là sự tò mò thêm khát, dự báo điềm không lành. Chiếc kiệu bị bỏ mặc dường như treo bằng những sợi chỉ vô hình lơ lửng trong không khí.

Và Drogo bỗng ngừng ganh tị, bởi cuối cùng nhận thức được ý nghĩa điều đang diễn ra. Cậu trông thấy Angustina đang đứng thẳng người trên bậu cửa sổ, trông thấy mắt cậu ta đang hướng tới chiếc kiệu. Phải, các phái viên thần tiên trong đêm này được cử đến gặp chính cậu ta, nhưng là với sứ mệnh gì kia chứ! Rõ ràng, cỗ xe sẽ đưa cậu ta đi xa, và hẳn cậu ta sẽ chẳng trở về nữa cả đến lúc bình minh, cả đến đêm hôm sau, cả đến đêm tiếp sau đó cũng không -

không bao giờ nữa. Các gian phòng của tòa lâu đài sẽ chờ đợi một cách vô vọng cậu chủ nhỏ của mình, hai cánh tay phụ nữ thận trọng khép cánh cửa sổ mà kẻ bỏ chạy đã để mở toang, và rồi tất cả các cửa sổ sẽ bị chốt chặt, để che giấu trong màn tối những giọt nước mắt và nỗi tuyệt vọng.

Các ảo hình, thoát đầu xuất hiện niềm nở là vậy, hóa ra không phải để chơi đùa dưới ánh trăng; những tạo vật vô tội hiện ra không phải từ những vườn hoa thơm ngát mà từ địa ngục.

Những đứa trẻ khác hẳn là đã khóc, gọi mẹ, còn Angustina thì đã không sợ hãi, mà thần nhiên trò chuyện với các ảo hình, dường như muốn làm rõ thêm những chi tiết gì đó. Áp sát vào cửa sổ, những ảo hình giống như đám bọt sùi lên, chen chúc, xô đẩy nhau, sấn tới cậu bé, còn cậu bé cứ gật đầu: thôi được, thôi được, mọi sự đều ổn thỏa.

Rốt cuộc một ảo hình, kẻ đầu tiên bám vào mép cửa sổ - có lẽ là chỉ huy của chúng - làm một cử chỉ quyền uy. Angustina vẫn với bộ mặt buồn chán ấy, bước qua bậc cửa sổ (có vẻ cậu ta cũng trở thành không trọng lượng, như ảo hình), tao nhã hạ người xuống chiếc kiệu và ngồi vào, đặt hai chân bắt chéo lên nhau. Chùm ảo hình tan ra, hòa lẫn vào dải sa phấp phới, và đoàn rước ma quái nhẹ nhàng rời đi.

Một lần nữa đoàn rước lại lên đường, các ảo hình xoay một vòng bán nguyệt trong không trung giữa những ngôi nhà, rồi hướng lên trời, về phía mặt trăng. Theo sau vòng cung đó, chiếc kiệu bơi chỉ cách mấy mét với cửa sổ của Drogo, người đang vẫy tay,

đường như cố gửi lời chào vĩnh biệt bạn: “Angustina! Angustina!”

Chỉ mãi lúc ấy người bạn đã chết mới quay đầu về phía Giovanni và trong thoáng lát dừng ánh mắt nghiêm nghị không đúng với lứa tuổi của mình nhìn cậu. Nhưng dần dần trên gương mặt Angustina xuất hiện một nụ cười bí ẩn: cậu ta dường như cho Drogo hiểu rằng hai đứa chúng biết nhiều điều mà những ảo hình không biết nổi; đó là cố gắng đùa cợt cuối cùng, khả năng cuối cùng cho biết, cậu ta, Angustina, không cần sự thương hại của ai cả, đó là một việc hoàn toàn bình thường, thậm chí ngạc nhiên cũng là ngớ ngẩn.

Chiếc kiệu đem Angustina đi mỗi lúc một xa hơn, và cậu ta đã rời ánh mắt khỏi Drogo và với sự hiếu kỳ vui vẻ, nhưng nghi ngại bắt đầu nhìn về phía trước, về hướng đoàn rước lễ đi tới.

Bộ dạng cậu ta như của một cậu bé nhận được món quà, là một thứ đồ chơi cậu ta không cần, nhưng do phép lịch sự nên không thể từ chối.

Và thế, với vẻ cao thượng gần như siêu nhiên, Angustina bay vào cõi đêm, thậm chí không ngoái nhìn lại ngôi nhà của mình, quảng trường mơ màng phía dưới, những nhà cửa, thành phố ruột thịt của mình. Đoàn rước lễ uốn lượn ngoằn ngoèo giữa thính không, cứ chậm chậm đi lên cao, cao mãi, và thoát đầu biến thành một dải khăn kéo dài, rồi sau - một tùm mây tí xíu, sau nữa - không gì cả.

Cửa sổ vẫn còn mở, những ánh trăng còn rơi xuống mặt bàn, lọ hoa, các bức tượng nhỏ bằng ngà

voi - mọi thứ vẫn tiếp tục ngủ. Đằng kia, phía sau, trong căn phòng khác, trong ánh nến chập chờn trên giường còn lại thân thể không sinh khí của một người nhỏ bé có khuôn mặt giống như Angustina. Có lẽ, trên mình cậu ta là bộ trang phục bằng nhung với cổ áo lớn bằng ren, còn trên cặp môi trắng nhợt của cậu ta đông cứng một nụ cười.

XII

Sang ngày hôm sau Giovanni Drogo chỉ huy đội tuần tra tại Đồn Mới. Đó là một bất nhỏ cách Pháo đài bốn mươi lăm phút đi bộ, được xây tách biệt trên đỉnh ngọn núi đá lởm chởm ngay phía trên hoang mạc Tácta. Nó được xem là tiền đồn phòng thủ chính, hoàn toàn độc lập có nhiệm vụ phát ra tín hiệu báo động đầu tiên trong trường hợp có sự tấn công.

Buổi chiều Drogo ra khỏi Pháo đài với toán quân của mình gồm bảy chục người (ở Đồn Mới bắt buộc phải có đúng từng ấy binh lính, không kể hai pháo thủ), bởi vì ở đây có mười điểm gác. Lần đầu tiên Drogo ra ngoài phạm vi Pháo đài và cũng chính là lần đầu tiên bước qua biên giới.

Giovanni nhận thức được toàn bộ trách nhiệm

của việc trực ban, nhưng trong ý nghĩ của chàng vẫn lờn vờn hình ảnh Angustina mà chàng mơ thấy. Giấc mơ in đậm trong tâm trí chàng một dấu ấn sâu sắc: dường như nó chứa đựng một tiên đoán mơ hồ nào đó về tương lai, dù Drogo không phải là người mê tín lắm.

Đến Đồn Mối, đổi ca canh gác xong xuôi, toán quân vừa hoàn thành nhiệm vụ ra về, Giovanni đứng ngoài rìa sân thượng nhìn toán quân xa dần, vượt qua bãi đá cuội. Pháo đài nhìn từ đây trông như một bức tường rất dài, đơn giản là một bức tường mà phía sau không có gì hết. Với khoảng cách thế này chàng không thể nhìn thấy những người lính gác. Chỉ trông rõ lá cờ, mà cũng chỉ khi nó được gió thổi làm lay động.

Suốt cả ngày đêm Drogo là quyền lực duy nhất trong cái đồn thủ xa xôi này. Dù có chuyện gì xảy ra đi nữa cũng chẳng biết cầu cứu ở đâu. Ngay cả khi kẻ thù xuất hiện, cái bớt nhỏ phải tự vệ bằng chính lực lượng của mình. Phải, trong hăm tư giờ tối, nhà vua chắc cũng có tầm quan trọng ít hơn so với Drogo trong Vương quốc những bức tường này.

Trong khi chờ đêm xuống Drogo quan sát bình nguyên phía Bắc. Từ Pháo đài chỉ có thể trông thấy phần tam giác nhỏ của hoang mạc, phần còn lại bị núi non che khuất. Còn giờ đây nó hiện ra toàn bộ, đến tận chân trời và như thường lệ được màn mây mù chằng kín. Trước mặt chàng là hoang mạc rải đầy những mảng đá vỡ và đây đó lổm đổm các khóm cây thấp đầy bụi bặm. Phía bên phải, xa xa đen sẫm một

dải chạy dài - đó là rừng. Từ hai cánh các dãy núi thô, hiểm trở nối nhau sáp lại. Có những dãy núi đẹp một cách khác thường - với những sườn dốc ngược cao vút, với những đỉnh trắng lên bởi lớp tuyết mùa thu đầu tiên. Nhưng không ai say ngắm chúng: cả Drogo, cả binh lính theo bản năng chỉ nhìn ra phía Bắc, ra bình nguyên rầu rĩ, không sinh khí và bí ẩn.

Hoặc do ý thức là một mình chàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm về đồn này, hoặc vì diện mạo địa hình hoang mạc, hoặc do giấc mơ kì lạ chàng thấy Angustina, Drogo cảm thấy tâm hồn chàng chất đầy một nỗi lo lắng vô thức, khi màn đêm dần buông xuống.

Đang là một chiều tháng Mười, thời tiết không ổn định, trong hoàng hôn màu chì những đốm màu đỏ đỏ không hiểu từ đâu rơi xuống mặt đất tắt dần hết đốm này tiếp đốm kia.

Lúc hoàng hôn thường có gì đó như là cảm hứng thi ca xâm chiếm Drogo. Đó là thời khắc của những hi vọng. Drogo bắt đầu hồi tưởng lại những cảnh hào hùng đã nhiều lần diễn ra trong óc chàng vào những phiên trực kéo dài và mỗi lần lại gia tăng thêm những tình tiết mới. Thường nhất, chàng vẽ ra trong trí tưởng tượng của mình trận giao tranh khốc liệt của một nhóm nhỏ binh lính do chàng chỉ huy với đội quân vô số của kẻ thù. Cảnh vào ban đêm một đạo quân Tácta hàng ngàn người tiến hành cuộc tập kích Đồn Mới. Chàng giữ sự tấn công của chúng suốt mấy ngày liền; gần như tất cả những đồng đội của chàng đã hi sinh hoặc bị thương. Một viên đạn lạc

làm chàng bị thương: vết thương tất nhiên là nghiêm trọng nhưng chưa đến mức buộc chàng phải nhường quyền chỉ huy. Thế rồi đạn gần cạn, và chàng với cái đầu quấn băng quyết định dẫn nhóm quân nhỏ của mình chọc thủng vòng vây. Cuối cùng viện binh kịp tới, kẻ thù bị đánh bại và bỏ chạy, còn chính chàng, không rời tay khỏi thanh gươm đầm máu, ngã xuống bất tỉnh. Ai đó cố giúp chàng tỉnh lại đã gọi tên chàng: “Trung úy Drogo, trung úy Drogo ơi!”. Và chàng, Drogo, từ từ mở mắt ra: thì ra là đức vua. Chính đức vua đang cúi xuống mặt chàng và cảm ơn vì lòng dũng cảm.

Đó là thời khắc của những hi vọng, khi mà Giovanni nghĩ ra vô số những câu chuyện hào hùng mà rõ ràng, chẳng bao giờ trở thành hiện thực, nhưng nó lại làm đẹp cuộc đời chàng. Đôi khi Drogo tự thỏa mãn với những huyền tưởng khiếm tốn hơn nhiều: sẽ không chỉ một mình chàng trở thành anh hùng, sẽ không có vết thương và thậm chí sẽ không có nhà vua cảm ơn chàng vì lòng dũng cảm. Sẽ chỉ có một trận đánh bình thường, mỗi một trận duy nhất, nhưng khốc liệt: chàng sẽ với toàn bộ phong thái lao vào cuộc tấn công, với nụ cười lạnh lùng xông tới những bộ mặt sắt đá của kẻ thù. Chỉ một trận đánh thôi, chắc hẳn, sẽ làm cho chàng hạnh phúc đến hết quãng đời còn lại.

Thế nhưng, trong tối ấy khó mà cảm thấy mình là anh hùng. Cảnh nhập nhoạng bao phủ thế gian, bình nguyên phương Bắc trở nên hoàn toàn vô sắc, nhưng vẫn chưa chìm vào giấc ngủ, dường như đang ẩn giấu trong mình điều gì đó quý quyết.

Đã tám giờ tối, mây che phủ cả bầu trời, lúc này Drogo cảm thấy trên bình nguyên, về bên phải, chính phía dưới Đôn, có một chấm đen nhỏ đang di động. Hay là mắt ta bị mỏi, chàng thâm nghĩ. Phải, ta đã căng mắt nhìn quá lâu, nên mắt mới bị mỏi, và giờ đây ta hoa mắt với những chấm đen. Điều đó vẫn xảy ra với chàng, khi còn là đứa trẻ lúc chàng ngồi đêm đêm trước sách giáo khoa.

Drogo thử nhắm mắt lại vài giây, sau đó rời mắt nhìn những thứ ở gần chàng: chiếc xô để lau hàng hiên, móc sắt trên tường, và cả chiếc ghế băng mà người sĩ quan đã đổi ca từng ngồi. Và sau mấy phút chàng lại nhìn xuống phía dưới, nơi mà chàng thấy có cái chấm đen. Nó không biến đi và vẫn cứ chậm chạp di chuyển như thế.

- Tronc! - Drogo gọi về hồi hộp.

- Có tôi, thưa ngài trung úy! - anh kia đáp lại ngay tức khắc, và giọng anh ta vang lên sát cạnh quá đột ngột làm Giovanni cảm thấy rùng mình.

- A, anh ở đây à? - chàng hỏi, đã phấn khởi hơn.
- Tronc này, có thể, tôi nhầm, nhưng tôi có cảm giác... Tôi cảm thấy rằng đằng kia, phía dưới ấy, có vật gì đó đang di động.

- Chính thế, thưa ngài trung úy! - Tronc đáp theo đúng giọng quân lệnh. - Tôi đã theo dõi nó được mấy phút ạ.

- Sao?! - Drogo kêu lên. - Cả anh cũng thấy ư? Anh nhìn thấy gì nào?

- Chính cái vật di động kia, thưa ngài trung úy.

Drogo cảm thấy máu đông lại trong huyết quản

của chàng. Thế đấy, bắt đầu rồi đấy, quên sạch về những huyền tưởng hào hùng của mình, chàng thâm nghĩ, vậy là chính với ta một điều gì đó khó chịu sẽ phải xảy ra! Giờ thì hãy chờ đợi nó đi.

- Á chà, nghĩa là anh cũng nhìn thấy? - chàng hỏi lại, hi vọng vô ích là Tronc sẽ trả lời phủ nhận.

- Vâng, thưa ngài trung úy, - Tronc đáp. - Đã được mười phút. Tôi đi xuống dưới, kiểm tra người ta lau đại bác thế nào, sau đó lên đây và nhìn thấy...

Cả hai im lặng một lát; chắc hẳn, ngay Tronc cũng cảm thấy lo ngại và khó hiểu.

- Theo anh, Tronc, đó có thể là gì nhỉ?

- Tôi không thể hiểu nổi. Nó di chuyển quá chậm.

- Quá chậm nghĩa là gì?

- Vâng, thoát đầu tôi đã nghĩ rằng đó là chùm hoa cỏ sậy.

- Chùm hoa? Lại còn chùm hoa gì nữa thế?

- Phía dưới kia, hơi xa một chút, có một bãi sậy, - Tronc đáp, chỉ tay đi đâu đó sang bên phải, dù cử chỉ đó chẳng có nghĩa gì vì trong màn đêm không trông rõ được gì cả. - Vào thời kì này trên cây sậy xuất hiện những chùm hoa màu đen. Đôi khi gió bứt đứt chúng - chúng vốn nhẹ mà - và xua chúng bay trên mặt đất, như một đám khói... Nhưng ở đây là gì đó khác hẳn, - anh ta nói thêm sau quãng ngừng. - Các chùm hoa hẳn đã lặn nhanh hơn.

- Vậy thì có thể là gì nhỉ?

- Tôi không sao hiểu nổi, - Tronc nhắc lại. - Không giống người, họ thường phải đến từ hướng

khác. Hơn nữa, nó vẫn tiếp tục chuyển động. Thật không hiểu nổi.

- Báo động! Báo động!

Người lính gác đứng gần đó kêu lên. Theo sau anh ta, người thứ hai, thứ ba... cũng hét lên. Họ cũng đã trông thấy chấm đen. Tiếp đó cả những lính đang nghỉ trong bát canh cũng nhận ra. Tất cả dồn lại bên gò chiến hào và nhìn xuống dưới với vẻ hiếu kì lẫn hoảng sợ.

- Cậu sao đấy, không trông thấy à? - một người nói. - Thì kia kia, ngay dưới chúng ta ấy. Kia, nó đã dừng lại.

- Có lẽ, đó là mây mù, - người khác úc đoán. - Trong mây mù thường có khe sáng, và ta sẽ trông rõ cái gì phía dưới nó. Ta tưởng như gì đó lay động, nhưng thực tế đó chỉ là những lỗ hổng trong mây mù.

- Phải-phải, giờ tớ cũng đã thấy, vang lên một giọng nói nữa. - Nhưng cái vật kì dị màu đen ấy chỉ đứng yên một chỗ, giống như chỉ là một phiến đá màu đen, thế thôi.

- Phiến đá nào cơ chứ! Lẽ nào cậu không thấy nó di động à? Cậu mù đấy chắc?

- Tớ nói là tảng đá đấy! Từ lâu tớ đã nhận thấy nó, tảng đá đen, giống như một nữ tu sĩ.

Có ai đó cười to.

- Đi, đi khỏi đây nào. Ngay bây giờ tất cả vào phòng ngay, - Tronc can thiệp vào, vượt lên trước chàng trung úy bị những câu chuyện này làm lo lắng hơn.

Cánh lính miễn cưỡng quay vào trong bất giác, và im lặng trở lại.

- Tronc này, - Drogo hỏi, không dám đưa ra một quyết định độc lập, - anh không nghĩ là phải báo động đấy chứ?

- Nghĩa là thông báo cho Pháo đài ấy ă? Bằng cách - bắn chỉ thiên ư, thưa ngài trung úy?

- Tự tôi cũng không biết nữa. Theo anh có đáng báo động không?

Tronc lắc đầu.

- Theo tôi phải chờ mọi sự sáng tỏ hơn. Nếu bắn súng, chúng ta sẽ dựng toàn bộ Pháo đài dậy. Mà nhờ ra ở đó chẳng có gì cả.

- Có lẽ - Drogo đồng tình.

- Thêm nữa, - Tronc nói thêm, - điều đó không đúng điều lệnh. Trong điều lệnh nói rằng có thể báo động chỉ trong trường hợp nguy kịch, nói rõ hơn: "Trong trường hợp nguy kịch, khi xuất hiện kẻ thù có vũ trang và nếu những kẻ đáng ngờ tiến đến gần tường thành biên giới cách không quá một trăm mét". Trong điều lệnh nói như thế đó.

- Vâng, phải, - Drogo nói, - còn ở đây, có lẽ, hơn trăm mét ấy nhỉ?

- Tôi cũng nghĩ như thế, - Tronc gật đầu. - Và hơn nữa, chúng ta còn chưa tin chắc đó có phải là người hay không.

- Thế là gì, theo anh? - Drogo bác lại vẻ có phần bực bội. - Ma chắc?

Tronc không trả lời.

Trong sự pháp phủng, chờ đợi khi nào cái đêm

bất tận này qua đi, Drogo và Tronc đứng tựa vào lan can, căng thẳng nhìn xuống dưới, về nơi bắt đầu hoang mạc Tácta. Cái vật thể màu đen dường như đã dừng lại, thiếp ngủ, và Giovanni trấn tĩnh phần nào, khi nghĩ rằng đúng là đằng kia chẳng có gì cả - chỉ là tảng đá màu đen, có hình nét giống một nữ tu sĩ, hoặc đó là sự đánh lừa của thị giác, một ảo ảnh hồ đồ - do sự mệt mỏi tạo nên. Giờ đây chàng còn trải qua một nỗi thất vọng mơ hồ: thường là thế, khi những giờ phút quan trọng nhất của cuộc đời bay ngang qua, chúng không đủ động gì đến chúng ta, tiếng sầm sầm của chúng lụi tắt ở nơi xa, còn chúng ta ở lại trong nỗi cô đơn giữa lá khô cuộn lên, than tiếc về việc đã để lỡ mất thời điểm hiểm nguy nhưng vinh hiển.

Đêm dài mãi, từ thung lũng tối sẫm lại lan tỏa một nỗi sợ. Đêm kéo dài, Drogo cảm thấy mình nhỏ nhoi và đơn độc. Đừng mong chờ gì sự cảm thông ủng hộ thân tình của Tronc: họ quá khác xa nhau. Nếu bây giờ bên cạnh có bạn bè - dù một người thôi, - sự thể sẽ khác, lúc ấy hẳn Drogo đủ sức thậm chí để đùa giỡn và sự chờ đợi bình minh không giầy vò nặng nề đến thế.

Những lưới mây mù cứ trườn và trườn mãi trên bình nguyên, tạo ra quần đảo hư ảo trong đại dương đen đặc. Một trong số chúng vươn đến tận chân Đồn, phủ mất cái vật bí ẩn nọ. Vạn vật chung quanh thẫm đậm hơi ẩm; áo khoác của Drogo ngấm hơi nước và rủ xuống những nếp gấp nặng nề.

Đêm dài làm sao! Chàng đã mất đi hi vọng đến lúc nào đó đêm sẽ qua, nhưng bầu trời bất chợt gọn

lên mà xám nhợt, những cơn gió lạnh băng giá báo hiệu bình minh đến gần. Chính lúc đó Drogo cảm thấy buồn ngủ rũ người. Tiếp tục đứng cạnh lan can, chàng đã hai lần gục đầu và hai lần, giật mình, tỉnh dậy. Rốt cuộc chàng bắt lực rũ xuống cặp mi trĩu nặng khép lại. Một ngày mới bắt đầu.

*

Drogo tỉnh dậy do ai đó chạm vào tay chàng. Khó lắm chàng mới dứt khỏi giấc ngủ, kinh ngạc rằng trời đã sáng bạch. Vang lên giọng của ai đó - tất nhiên, của Tronc:

- Thưa ngài trung úy, đó là một con ngựa.

Chỉ lúc đó chàng mới quay về thực tại, nhớ về Pháo đài, về Đồn Mới, về cái chấm đen bí ẩn kia. Và chàng lập tức ngó xuống dưới, cháy bỏng khao khát nhận ra tất cả và trong tiềm thức hi vọng một cách hèn nhát trông thấy đằng ấy chỉ mỗi những tảng đá và bụi cây - không gì cả, chỉ có bình nguyên như hiện hữu bao giờ cũng vậy - không người, hoang vắng.

Nhưng cái giọng bên cạnh cứ lặp lại:

- Thưa ngài trung úy, đó là một con ngựa.

Và Drogo thực sự đã nhìn thấy con ngựa hoang dường đang đứng bất động dưới chân mỏm núi.

Một con ngựa nhỏ, thấp, nhưng béo tốt, thậm chí đẹp theo kiểu riêng - với những cẳng chân khô và bờm dài. Trông nó có vẻ kì quặc, nhưng màu sắc của nó làm ta phải sửng sốt: đen ánh xanh, nổi bật trên nền bình nguyên đùng đục.

Nó từ đâu đến? Của ai? Đã nhiều năm, ngoài qua và rần, chẳng có một sinh vật sống nào lạc đến vùng này. Thế mà đây lại là một con ngựa, hơn nữa rõ ràng không phải ngựa hoang, mà là một tiêu bản tuyệt vời, một ngựa chiến thực thụ (họa chăng chỉ chân nó là hơi mảnh).

Điều đó thật đáng kinh ngạc, nó làm mọi người dè chừng. Drogo, Tronc, những lính gác, mà cả những binh sĩ khác nữa, ngó ra từ các lỗ châu mai tầng dưới, đã không thể rời mắt khỏi nó. Sự xuất hiện của con ngựa chưa xác định nổi là sự kiện gì cả, nó làm sống lại trong kí ức những huyền thoại cổ về phương Bắc, về những đạo quân Tácta với những trận chiến, vẫn lan truyền hoang mạc bởi vẻ bí ẩn của mình.

Tự thân sự kiện này thì chẳng có gì to tát, nhưng tiếp theo con ngựa nhất thiết phải có gì đó nữa. Bộ yên cương đóng chặt trên lưng ngựa, dường như hoàn toàn chưa lâu có ai đó cưỡi nó. Nói chung, sự việc quả là khó hiểu, điều ngày hôm qua còn bị xem là một định kiến ngây ngô, hôm nay có thể trở thành sự thật. Drogo tưởng như thấy sự hiện diện của kẻ thù, bọn người Tácta, đang nằm phục sau các bụi cây, trong các kẽ đá, chết lặng trong sự bất động với hàm răng nghiền chặt: chúng chỉ chờ đêm xuống để thực hiện cuộc đột kích. Còn tiếp đó các lực lượng chính của chúng có thể tiếp cận: đó là một đạo quân hung hãn nhốn nháo tiến ra từ màn mây mù phương Bắc. Không kèn không trống, không những lưỡi gươm lóe chớp và những lá cờ đẹp đẽ. Vũ khí của chúng một màu mờ đục để không lóe lên dưới ánh mặt trời, và

thậm chí ngựa cũng được huấn luyện không hí.

Nhưng một con ngựa - ngay lập tức mọi người ở Đồn Mới đã nghĩ như thế - một con ngựa bỏ chạy và, nó vượt lên trước, chính vậy đã làm kẻ thù lộ tẩy. Kẻ thù, chắc hẳn, còn chưa phát hiện ra sự mất mát, bởi nhẽ con ngựa chạy khỏi doanh trại vào ban đêm.

Như thế, con ngựa đã mang lại một tin quan trọng. Nhưng nó vượt lên trước các chủ nhân của mình được bao nhiêu? Đến trước khi trời tối, Drogo không thể thông báo được gì cho ban chỉ huy Pháo đài, còn bọn Tácta trong lúc ấy có thể ập tới.

Hóa ra, lại cần báo động ư? Tronc khuyên không nên vậy: rốt cuộc, tất thấy cũng chỉ là một con ngựa, nó hiện diện cạnh Đồn bởi vì đã rời xa chủ nó, mà người chủ nó - có thể, là một thợ săn đơn độc - do không thận trọng đã lạc vào hoang mạc và đã chết hoặc ốm ở đấy. Con ngựa còn lại một mình, đã tha thẩn trên hoang mạc tìm cách tự cứu thân, và cảm thấy trong Pháo đài sự hiện diện của con người, nó chờ người ta sẽ mang đại mạch đến cho nó.

Tronc khẳng định như thế, làm lung lay cái giả thiết là kẻ thù đang tiến đến gần Pháo đài. Vật nuôi trong cái vùng không người thế này chắc gì đã rời bỏ trại của mình. Và sau nữa, Tronc nói, anh ta nghe rằng ngựa của bọn Tácta hầu như toàn màu trắng. Trên bức tranh cổ treo ở một phòng trong Pháo đài mô tả bọn Tácta trên lưng những con bạch mã, còn con ngựa này thì đen như than.

Drogo sau những do dự lần nữa đã quyết định chờ đến tối. Lúc đó bầu trời đã hồng lên, mặt trời rút

xuống vạ vật tia sáng nóng ấm của mình, và binh lính được sưởi ấm, trở nên sáng khoái hơn. Còn chính Drogo bình mình đến cũng bình tâm được ít nhiều: những tưởng tượng về người Tácta đã mất đi sức thuyết phục của chúng, mọi sự lấy lại được tính hợp lý thông thường, con vật thành ra chỉ là con ngựa bình thường, sự xuất hiện của nó có thể lí giải bằng cách gì cũng được, chứ tuyệt nhiên không nhất thiết có nghĩa sự tấn công của kẻ thù. Ngay sau đó, quên đi những nỗi hoảng sợ ban đêm, chàng lập tức hiểu ra rằng chàng đã sẵn sàng cho bất cứ cuộc phiêu lưu nào, và tâm hồn chàng tràn ngập linh cảm vui sướng: phải chăng chính số phận đã gõ cửa đến với chàng? Một số phận may mắn mà có thể đưa chàng lên cao phía trên tất cả những người khác.

Với sự khoan khoái, chàng bắt đầu để ý đến những hình thức nhỏ nhất của việc canh gác, dường như muốn chứng minh với Tronc và binh sĩ rằng sự xuất hiện của con ngựa, cho dù nó lạ lùng và đáng lo ngại thế nào chăng nữa, không làm chàng lo lắng mảy may; chàng nghĩ những sĩ quan chân chính luôn xử sự đúng như thế.

Binh lính đứng ra, đã không hề sợ hãi; sự xuất hiện của con ngựa dấy lên đủ chuyện tếu, tất cả đều khoái trá muốn tóm bắt nó và dắt về Pháo đài như một chiến lợi phẩm. Một anh lính đã đề nghị viên thượng sĩ cho phép ra bắt ngựa, nhưng vị kia chỉ nhìn anh ta về trách móc rằng, khi đang nói về công vụ, những câu đùa cợt là không đúng chỗ.

Còn ở tầng thấp hơn nơi bố trí các khẩu đại bác,

một pháo thủ khi trông thấy con ngựa đã xúc động khủng khiếp. Tên cậu ta là Giuseppe Lazzari, cậu còn rất trẻ, mới gia nhập quân ngũ chưa lâu. Cậu khẳng định rằng con ngựa này là của chính cậu, cậu lập tức nhận ra nó ngay, và không thể có sự lầm lẫn được: có lẽ, người ta đã bỏ quên nó khi dẫn ra ngoài Pháo đài uống nước.

- Ôi đó là Fiocco, Fiocco của tôi! - cậu ta gào lên tưởng chừng bị người ta lột sạch tiền của vậy.

Trong đi xuống phía dưới, lập tức ra lệnh cho cậu ta, ngừng hét ngay và tuyên bố nghiêm khắc với Lazzari rằng ngựa của cậu ta không cách nào có thể sống ra được: để lọt vào bình nguyên phương Bắc, nó buộc phải trèo qua tường Pháo đài, hoặc phải qua những ngọn núi cao ngất.

Nhưng Lazzari phản đối là có một lối ra nào đó - cậu ta nghe đồn vậy, một lối đi ra thuận lợi trong những vách đá, một con đường xa xưa bị bỏ hoang mà tất cả đã quên đi. Và đúng vậy, trong Pháo đài, ngoài những chuyện khác vẫn lan truyền một huyền thoại như thế. Chính xác hơn cả, đó là chuyện bịa, bởi vì chưa bao giờ có ai trông thấy thậm chí cả dấu vết của con đường nọ. Từ bên phải và bên trái Pháo đài chạy dài nhiều cây số là những ngọn núi hoang đại dụng thẳng bờm, và không thể nào vượt qua nổi chúng.

Nhưng cậu lính chẳng chịu thôi cho, cậu đúng đã hóa điên bởi ý nghĩ rằng người ta bắt cậu ngồi trong Đồn và không cho phép cậu đi lấy lại con ngựa của mình, dù sự thể ở đây chỉ mất độ nửa giờ.

Trong khi đó thời gian vẫn trôi, mặt trời đã ngã về Tây, các lính gác đổi ca vào những giờ quy định, hoang mạc làm lóa mắt, không sinh khí hơn bao giờ hết, còn con ngựa vẫn đứng nơi cũ: khi thì đứng hoàn toàn bất động, như đang ngủ, khi thì tha thẩn xung quanh tìm kiếm thứ cỏ xơ xác, Drogo nhìn ngóng đợi về phía xa, nhưng không nhận ra có gì mới cả. Vẫn là những vách đá dốc ngược kia, màn mây mù xa xa phía Bắc và những bụi cây, đang đổi thay màu sắc của mình hòa với buổi tối đang dần buông.

Toán tuần tiểu đội ca đã xuất hiện. Drogo và binh lính của chàng ra khỏi Đồn và đi qua bãi đá cuội hướng về phía Pháo đài bị bóng chiều xanh thẫm đang trườn dần lên. Khi đến gần các bức tường Pháo đài, Drogo nói mật khẩu cho mình và cho những người của chàng, cổng mở ra, toán tuần tiểu vừa được thay ca xếp hàng trên một cái sân nhỏ, và Tronc bắt đầu điểm danh. Còn Drogo đi gặp chỉ huy trưởng doanh trại để báo cáo với ông về con ngựa lạ lùng.

Theo điều lệnh, thoát đầu Drogo báo cáo hoàn thành nhiệm vụ sau khi trở về với viên đại úy kiểm tra, sau đó họ cùng nhau đi tìm ngài đại tá. Về bất cứ tin mới nào, theo nguyên tắc, người ta báo với trợ lý trưởng, nhưng lần này sự việc xảy ra quá nghiêm trọng không thể để mất thì giờ.

Tin đồn về con ngựa đã bay như tia chớp khắp cả Pháo đài. Ở tận các trạm gác mặt bên xa nhất của đồn người ta cùng nói về đoàn kỵ binh Tácta đang đóng quân dưới chân các vách đá. Viên đại tá, khi biết tin mới, chỉ nói:

- Thật phí không cố bắt lấy con ngựa ấy, nếu trên nó có yên cương, chúng ta chắc có thể biết được nó từ đâu ra.

Mọi sự quá muộn, cậu lính Giuseppe Lazzari, khi cùng toán tuần tra quay về Pháo đài, đã lẫn ra sau một tảng đá lớn, và không ai nhận ra điều đó. Cậu ta đi xuống dưới theo bãi đá cuội, bắt con ngựa và giờ đây đang dẫn nó quay trở về Pháo đài. Cậu thật kinh ngạc phát hiện ra rằng con ngựa ấy không phải của cậu, nhưng giờ đây điều đó không còn ý nghĩa gì nữa.

Chỉ đến khi toán quân đã vào trong Pháo đài, có người trong số bạn bè của Lazzari nhận thấy cậu ta biến mất. Nếu Tronc biết được, thì Lazzari chắc phải ngồi không dưới hai tháng trong phòng giam sám hối. Cần phải cứu đồng đội. Và vì thế khi viên thượng sĩ điểm danh, đến lượt Lazzari, ai đó đã đáp thay cậu ta: "Có tôi".

Sau đó mấy phút, khi binh sĩ đã tản đi khắp sân, ai đó bỗng nhớ rằng Lazzari không biết mật khẩu. Giờ đây thì không phải là nhà tạm giam nữa mà là cái chết: chỉ cần cậu ta tiến lại gần các bức tường Pháo đài, theo quy định người ta sẽ phải bắn vào cậu. Mấy người lính vội vã chạy đi tìm Tronc: phải nghĩ ra điều gì đó chứ.

Nhưng đã muộn! Lazzari, cầm dây cương gần hàm thiếc giữ con ngựa đen, tiến gần Pháo đài. Còn Tronc vào lúc đó đang đứng trên tường thành, anh ta bị một linh cảm mơ hồ nào đó dẫn tới đây. Ngay sau cuộc điểm danh, một nỗi bất an choán ngập lấy viên thượng sĩ; anh ta không thể xác định nỗi nguyên

nhân, nhưng lòng anh ta cảm thấy bất ổn. Kiểm lại trong trí những sự kiện ban ngày, anh ta lần đến thời điểm quay về Pháo đài, thế nhưng vẫn không phát hiện ra điều gì đáng ngờ. Và bỗng như bị vấp phải vật cản; phải, trong lúc có sự trục trặc nào đó, nhưng vào thời điểm ấy, vẫn xảy ra như thường lệ nên Tronc đã không cho là nó có ý nghĩa gì cả.

Một lính gác đứng trong bốt canh ngay phía trên cánh cổng. Trong chạng vạng hoàng hôn anh ta trông thấy trên bãi sỏi cách anh ta chừng hai trăm mét có hai bóng đen tiến lại gần. Thoạt đầu điều đó không làm người gác lo lắng: thiếu gì chuyện có thể nhầm tưởng thấy ở những vùng hẻo lánh thế này. Khi ta luôn luôn chờ đợi điều gì đó, không hiếm khi ngay giữa thanh thiên bạch nhật ta vẫn trông thấy những bóng người đang trườn bò giữa những tảng đá và bụi cây, và bắt đầu cảm thấy rằng có ai đó đang rình ngó mình, còn sau đi kiểm tra và ta khẳng định được rằng không hề có ai ở đằng ấy cả.

Để lái ý nghĩ sang hướng khác, người lính gác nghiêng ngó nhìn các phía, vẫy tay với người bạn - người đứng gác phía bên phải, cách anh ta chừng ba chục mét, đang đi lại sửa lại cái mũ lông nặng đang đè xuống trán; ngó sang bên trái người lính gác trông thấy thượng sĩ Tronc đang đứng bất động và không rời ánh mắt nghiêm nghị.

Người lính gác dướn thẳng người, nhìn về phía trước, khẳng định rằng hai cái bóng hình kia không phải do anh ta cảm thấy và đang đứng rất gần - cách khoảng bảy chục mét. Đúng, đó là một người lính và

một con ngựa. Người lính gác giường súng, lên đạn và đứng sững trong tư thế mà anh ta đã hàng trăm lần luyện trong những buổi tập, quát lên:

- Dừng lại, ai đi đó?

Lazzari là lính mới và không hề có khái niệm là không có mặt khẩu cậu không thể vào được Pháo đài. Điều mà cậu sợ nhất - đó là sự trừng phạt vì sự vắng mặt vô tổ chức; nhưng có thể, ngài đại tá sẽ tha thứ cho cậu. Cậu đã lấy được một chú ngựa đẹp nhường kia! Đẹp và hẳn là hợp cho cả một vị tướng.

Còn chừng bốn mươi mét là đến Pháo đài. Đã nghe rõ những móng sắt của ngựa gõ trên đá. Trời gần như tối hẳn, từ xa vọng lại tiếng kèn hiệu.

- Dừng lại, ai đi đó? - người lính gác nhắc lại. Thêm một lần, và buộc phải bắn.

Ngay với tiếng hỏi đầu tiên của lính gác, Lazzari đã cảm thấy lo lắng. Cậu thấy lạ lùng là ngay chính lúc này, khi cậu ở vào một tình trạng khó xử, thì anh bạn lính lại đón cậu một cách hùng hổ như thế, nhưng nghe thấy tiếng lập lại lần thứ hai: "Dừng lại, ai đi đó?", cậu ta đã trấn tĩnh lại khi nghe thấy giọng của người bạn trong đại đội mình mà tất cả đều gọi là Cu Đen.

- Tổ đấy, Lazzari đây! - cậu kêu lên. - Hãy nói với chỉ huy trạm gác để người ta mở cửa cho tổ! Tổ đem về một con ngựa. Có điều kín đáo thôi, chứ không người ta còn tống giam tổ đấy!

Người lính gác không động đậy. Giương súng trường lên, anh ta đứng lặng, trù trừ kéo dài đến lần hô thứ ba của mình: "Dừng lại, ai đi đó?". Biết đâu

Lazzari sẽ tự đoán ra nỗi hiểm nghèo đang đe dọa cậu ta, sẽ lùi lại đằng sau, còn ngày mai sẽ tìm cách nhập vào toán tuần tra từ Đồn Mới trở về. Nhưng cách người lính gác chỉ mấy mét là Tronc đang đứng, không rời ánh mắt nghiêm khắc khỏi anh ta.

Tronc không thốt lên một lời nào, chỉ có nhìn, khi thì người lính gác, lúc lại Lazzari mà vì chính cậu, có lẽ anh ta sẽ bị trừng phạt. Cái nhìn của anh ta có hàm ý gì?

Người lính và con ngựa đã đến gần, cách Pháo đài chừng ba chục mét: chờ thêm nữa là vô lí. Lazzari càng đến gần bao nhiêu, càng rõ ràng hơn rằng người lính gác sẽ không thể bắn trượt.

- Dừng lại, ai đi đó? - lần thứ ba anh ta hét lên đã bằng giọng khác: trong nó vang rõ sự cảnh báo cho anh bạn, điều chẳng có gì ăn nhập với điều lệnh. Tiếng kêu ấy ngầm bảo rằng: "Hãy lùi lại, khi còn chưa muộn! Cậu có muốn ăn đạn không?"

Và lúc đó Lazzari sức nhớ ra điều gì đó: trong tích tắc cậu nhớ lại quy định khắc nghiệt của Pháo đài, cậu hiểu rằng thế là hết. Nhưng không hiểu tại sao, thay vào việc bỏ chạy cho nhanh, cậu buông cương và một mình đi tiếp, kêu to:

- Tớ đây, Lazzari đây mà! Cậu sao thế, không nhìn thấy à? Cu Đen, này, Cu Đen! Tớ đây mà! Gì mà cậu chia súng ra thế? Cậu có điên không đấy hả Cu Đen?

Nhưng đứng trên tường thành đã không còn là Cu Đen, mà là một người lính với bộ mặt đá từ từ nâng nòng súng lên, ngắm thẳng vào người bạn của

mình. Áp báng súng vào vai, anh ta còn liếc mắt về phía viên thượng sĩ, với nỗi tuyệt vọng không lời chờ mệnh lệnh: dừng lại. Tronc vẫn bất động như cũ và chăm chăm nhìn anh ta.

Lazzari, không ngoái lại và vấp vào tảng đá, lùi lại mấy bước.

- Tôi là Lazzari đây mà! - cậu lại hét lên.
- Không thấy tớ à? Đừng bắn, Cu Đen! - Nhưng đó đã không còn là Cu Đen vẫn thích giễu cợt bạn bè, mà chỉ còn là một lính gác của Pháo đài trong bộ quân phục vải xanh thẫm với đai đeo kiếm bằng da, là một người lính như tất cả mọi người lính trong đêm hôm ấy; một lính gác bình thường mà đang ngấm và bóp cò súng. Xuyên qua tiếng ù ù trong tai anh ta dường như nghe rõ giọng khàn khàn của Tronc: “Nhắm cho trúng vào”, dù trong thực tế Tronc không hề mở miệng.

Từ nòng súng phun ra một chùm lửa, sau nó - một đám mây khói nhỏ. Trong thoáng giây đầu tiên tiếng súng thậm chí có vẻ không to lắm, nhưng sau đó, qua nhiều lần được núi non vọng lại, nó làm không trung rung chuyển mãi và chậm chậm chìm đi ở phía xa, như trăng sấm rền.

Giờ đây, sau khi đã thực thi nghĩa vụ của mình, người lính gác dựng khẩu súng xuống chân, gập người qua thanh chắn và nhìn xuống phía dưới, hi vọng rằng đã bắn trượt. Trong màn đêm anh ta có cảm giác là Lazzari đã không ngã.

Đúng vậy, Lazzari đứng bên con ngựa đang sấn đến cậu ta. Và trong cái im lặng ụp xuống sau phát

súng, vang lên giọng của Lazzari đầy tuyệt vọng:

- Ôi, cậu đã giết tớ, Cu Đen!

Với những lời ấy cậu từ từ ngã sấp xuống. Trong vẩn đục bất động với bộ mặt kín đáo khó hiểu, còn trong mê cung Pháo đài đã dấy lên sự nhốn nháo trước cuộc chiến.

XIII

Cái đêm đáng nhớ ấy, cái đêm đầy gió bắt đầu như thế đấy, ánh sáng phản chiếu của những ngọn đèn lồng lắc lư, những tín hiệu kèn khác thường, tiếng thỉnh thịch của những đôi ủng trên các lối qua lại, những đám mây vùn vụt từ phương Bắc bay đến, rồi bám mắc vào các đỉnh núi đá, để lại những mẩu nhỏ, như không muốn bị kìm giữ lại: có gì đó rất hệ trọng lại cuốn chúng đi tiếp.

Một tiếng súng là đủ, tiếng một phát đạn súng trường cũng đủ, để cả Pháo đài nhốn nháo. Im lặng ngự trị đã ở đây nhiều năm tháng: tất cả luôn luôn lắng ngóng về phía Bắc để kịp thời tóm bắt được cái giọng của chiến tranh nếu chúng tràn tới, nó - cái im lặng ấy - kéo dài đã quá lâu. Giờ đây tiếng súng trường đã vang lên - một lượng thuốc súng được cân

đong chính xác và một viên đạn chì, - nhưng mọi người liếc nhìn nhau như thể là chỉ đợi có mỗi một tín hiệu này.

Và vào tối hôm ấy, trừ mấy người lính, không một ai thốt ra thành tiếng cái lời đều nằm trong đầu tất cả mọi người. Các sĩ quan cho im lặng là hơn để khỏi tuột mất niềm hi vọng. Lẽ nào các bức tường Pháo đài dựng lên chẳng phải để dành cho chiến tranh với bọn Tacta ư, chả lẽ chẳng vì nó mà tất cả mọi người đang tiêu phí những năm tháng của cuộc đời sao, chả lẽ không vì bọn Tacta mà những lính gác suốt ngày đêm đều bước như được lên giây cót trên các điểm canh phòng đó ư? Một số người mỗi buổi sáng thức dậy với niềm hi vọng mới, những người khác đẩy lùi nó vào sâu khuất trong tiềm thức, còn một số nữa thì thậm chí không biết là có nó hay không nữa, có lẽ là họ đã đánh mất nó rồi. Nhưng không một ai có đủ can đảm lên tiếng nói về nó - điều đó bị xem là điềm xấu, mà thật ra - có ai lại đi chia sẻ những ý nghĩ thâm kín nhất của mình cơ chứ? Những việc như thế không hợp với người lính.

Và thế, lúc này đã có một người lính bị giết và lại còn thêm con ngựa không rõ xuất xứ. Ở đội tuần tra cạnh cánh cổng hướng ra phía Bắc, chính cái nơi đã xảy ra điều bất hạnh, rất nhốn nháo, dù điều đó bị điều lệnh nghiêm cấm, và lúc này ở đấy đang có mặt Tronc, ủ rũ bởi những ý nghĩ về sự trừng phạt đang đe dọa anh ta; trách nhiệm về những việc xảy ra thuộc về chính anh ta: ai, nếu không là anh ta, đã để cho Lazzari vắng mặt, ai, nếu không là anh ta, khi

quay về phải nhận ra người lính đã không đáp lại trong lúc điểm danh?

Đó sẽ là dịp để thiếu tá Matti phô diễn sự hiểu biết công vụ và sử dụng quyền lực của mình. Chẳng thể đoán nổi gì cả trên gương mặt của ông ta, trông ông ta còn như đang mỉm cười nữa kia. Thế nhưng viên thiếu tá biết rất rõ về chuyện xảy ra và hạ lệnh cho trung úy Mentana, trực ban của Đồn, đi lượm xác người lính.

Mentana - một sĩ quan khiêm nhường, một trung úy già nhất trong Pháo đài: nếu ông ta không có trên ngón tay chiếc nhẫn với viên kim cương lớn và nếu không đánh cờ rất giỏi, hẳn không ai nhớ đến ông ta. Viên đá quý trên ngón tay áp út của ông ta đích thực là lớn, và hiếm có người nào thắng nổi ông ta trên bàn cờ, nhưng đứng trước thiếu tá Matti ông ta luôn run rẩy và cũng thế, khi nhận được một mệnh lệnh đơn giản - cử người đi lấy xác kẻ bị giết, - ông ta hoàn toàn bị quẫn trí.

Cũng may cho ông ta, thiếu tá Matti nhận thấy viên thượng sĩ Tronc đứng ở một góc, đã gọi anh ta:

- Tronc, bởi anh đang không có việc gì làm ở đây, hãy thực hiện công vụ này!

Ông ta nói điều đó bằng một giọng tự nhiên nhất, như thể Tronc là một hạ sĩ quan bình thường và không có liên quan gì tới chuyện vừa xảy ra. Matti không có thói quen chỉ trích vội vàng những người có lỗi hay là trắng bệch mặt vì giận dữ khi tìm kiếm những lời phù hợp: ông ta thích điều tra cặn kẽ với những cuộc hỏi cung kéo dài và những biên bản mà

trong đó một lỗi lằm nhỏ nhất nhất cũng phóng đại đến mức độ khủng khiếp và hầu như bao giờ cũng dẫn đến sự trừng phạt nghiêm khắc.

Tronc đáp lại không nháy mắt:

- Tuân lệnh, thưa ngài thiếu tá! - và vội đi về khoảnh sân gần nhất ra cổng.

Nhanh chóng, một nhóm nhỏ mang theo đèn bước ra khỏi Pháo đài: Tronc dẫn đầu, bốn người lính được vũ trang đi theo sau anh ta. Đi cuối nhóm chính là thiếu tá Matti, quán người trong chiếc áo choàng bạc màu và kéo theo thanh kiếm và trên đá.

Họ tìm thấy Lazzari trong tư thế như khi viên đạn trúng vào cậu ta: mặt úp sấp, hai tay giơ ra về phía trước. Khẩu súng trường quàng qua vai cậu ta bị kẹt vào giữa hai tảng đá và báng chống lên trên, tạo nên một cảnh tượng kì quặc. Khi ngã xuống, người lính làm tay mình bị thương, và trước khi cơ thể cậu ta kịp lạnh đi, từ vết thương chảy ra một ít máu mà giờ đây sẫm lại trên nền đá trắng. Con ngựa bí ẩn đã biến mất.

Tronc cúi xuống phía trên người chết để nắm lấy vai cậu ta và lật lại, nhưng lập tức vội rút tay về, dường như sợ nhớ rằng theo điều lệnh không được làm điều đó.

- Hãy nâng cậu ấy lên, - anh ta ra lệnh khe khẽ một cách tức tối với những người lính. - Nhưng trước hết hãy tháo khẩu súng ra.

Một người lính cúi xuống để cởi quai súng, và đặt chiếc đèn của mình xuống tảng đá bên cạnh người chết. Lazzari thậm chí không kịp nhắm mắt, và ánh

đèn phản chiếu khe hẹp lòng trắng giữa hai hàng mi.

- Tronc! - từ bóng tối vọng lên giọng nói của thiếu tá Matti.

- Có tôi, thưa ngài thiếu tá! - Tronc đáp, vươn thẳng người lên.

Các binh sĩ cũng im bật.

- Chuyện xảy ra ở đâu? Cậu ta bỏ trốn ở chính chỗ nào? - viên thiếu tá hỏi, chậm chạp nhấn từng lời và làm ra vẻ như chỉ hỏi để mà hỏi thế thôi, xuất phát sự hiếu kì nhân rồi. - Cạnh khe nước? Tại nơi có những tảng đá lớn ấy hả?

- Phải, chính thế, thưa ngài thiếu tá, tại đấy, - Tronc đáp, không lí giải thêm gì nữa.

- Và không ai nhận ra cậu ta bỏ trốn à?

- Không ai, thưa ngài thiếu tá.

- Hừm, nghĩa là cạnh nguồn. Mà sao, ở đó tối lắm à?

- Chính thế, thưa ngài thiếu tá, khá tối ạ.

Tronc còn đứng nghiêm thêm mấy giây nữa, sau đó, bởi Matti không hỏi thêm gì nữa, anh ta ra hiệu cho binh lính tiếp tục công việc. Một người lính cố cởi dây súng, nhưng cái khóa bị rỉ nên quai súng không cởi ra được. Khi kéo quai súng, người lính cảm thấy sức nặng của tử thi, sức nặng như chì, khó tưởng nổi.

Gỡ xong khẩu súng trường, hai người lính thận trọng lật ngửa người bị giết lên. Giờ đây toàn bộ khuôn mặt của cậu ta được chiếu sáng. Cặp môi Lazzari mím chặt. Đôi mắt khép hờ, bất động và không phản ứng lại ánh sáng cho biết con người đã chết.

- Vào trán hả? - thiếu tá Matti hỏi, khi nhận thấy một vết lõm nhỏ giữa hai lông mày.

- Xin lỗi, thưa ngài thiếu tá? - Tronc không hiểu câu hỏi.

- Tôi nói: viên đạn trúng vào trán hả? - Matti bực bội nhắc lại.

Tronc nâng đèn lồng lên, hướng tia sáng vào mặt Lazzari và, cũng nhận ra vết lõm nhỏ, bất giác vươn ngón tay tới đó - để sờ. Nhưng ngay tức khắc bối rối thu tay về.

- E là như vậy, thưa ngài thiếu tá, đúng giữa trán.

(Tại sao ông ta không tự mình lại gần và nhìn người chết, nếu ông ta quan tâm đến điều đó như vậy? Toàn hỏi những cái câu vớ vẩn lỗ bịch!)

Trước mắt những người lính Tronc không giấu nổi vẻ bối rối của mình, họ vẫn tiếp tục làm việc: hai người đỡ lấy hai vai tử thi, hai người cầm lấy chân. Đầu tử thi không còn được cơ thể nâng đỡ, ngật ngửa về phía sau một cách đáng sợ. Miệng hé mở, trên nó vẫn in đậm dấu ấn bằng giá của thần chết.

- Thế ai đã bắn? - Matti hỏi, vẫn tiếp tục đứng bất động trong bóng tối.

Nhưng Tronc đã không nghe thấy câu hỏi. Toàn bộ sự chú ý của anh ta giờ đây tập trung vào người bị giết.

- Hãy đỡ lấy đầu cậu ấy! - anh ta ra lệnh với nổi điên giận ngấm ngấm, dường như kẻ chết chính là anh ta vậy. Chợt anh ta mang máng là Matti lại hỏi gì đó, và Tronc đứng nghiêm. - Xin lỗi, thưa ngài thiếu tá, tôi đang...

- Tôi hỏi, - thiếu tá Matti nhắc lại rành rẽ, và qua giọng điệu của ông ta, thấy rõ rằng chỉ sự hiện diện của người chết buộc ông ta kiểm chế. - Tôi hỏi: ai đã bắn?

- Các anh biết ai đã bắn không? - Tronc hỏi nhỏ những người lính.

- Martelli, - ai đó trong số họ đáp. - Giovanni Martelli.

- Giovanni Martelli ạ, - Tronc cao giọng nhắc lại.

- Martelli, - viên thiếu tá trầm ngâm thốt lên. (Một cái tên quen thuộc, hẳn là một trong những người chiến thắng tại những cuộc thi bắn súng. Chính ông ta, thiếu tá Matti chỉ đạo huấn luyện bắn súng, và biết rõ tên những xạ thủ tốt nhất). - Có biệt hiệu là Cu Đen, đúng không?

- Chính thế ạ, - Tronc tiếp tục đứng nghiêm, đáp. - Đúng là anh ta có biệt hiệu Cu Đen ạ. Chính ngài cũng biết, thưa ngài thiếu tá, đó là tên binh lính gọi nhau theo kiểu thân tình...

Anh ta làm như cố gắng bảo vệ cho Martelli: biện bạch rằng chàng trai tên gọi Cu Đen không có lỗi, và không có lí gì để trừng phạt anh ta.

Nhưng viên thiếu tá đâu có định phạt người lính: trong đầu ông ta không hề xuất hiện ý nghĩ đó.

- A chà, Cu Đen! - ông ta gật đầu, không che giấu sự hài lòng.

Anh thượng sĩ cau có nhìn viên thiếu tá, anh ta đã hiểu ra tất cả. Sao lại thế, sao lại thế cơ chứ, anh ta thầm nghĩ, hãy ban cho hắn thêm giải thưởng đi, đồ đểu, vì rằng hắn đã giết người một

cách đẹp đẽ. Ngắm bắn mới chính xác làm sao, chẳng phải thế ư?

Ồ, phải, ngắm bắn rất chính xác. Chính lúc này thiếu tá Matti đang nghĩ về điều đó (khi Cu Đen bắn, trời đã tối. Chàng ta thật là một tay thiện xạ).

Lúc này Tronc căm thù ông ta một cách dữ dội. Mày có thể vui mừng công khai thế kia ư, đến thế kia ư, anh ta nghĩ. Mày không thêm đếm xỉa đến chuyện Lazzari bị giết. Cứ tán dương Cu Đen của mình vậy, hãy tuyên dương hắn đi!

Và đích thị, viên thiếu tá bằng giọng nói to hoàn toàn thản nhiên biểu lộ sự thỏa mãn của mình:

- Chà, Cu Đen bắn thật chính xác! - Trong thâm tâm ông ta nghĩ thầm: cái tay Lazzari lấu cá này hi vọng là Cu Đen bắn trượt, hi vọng rằng mọi sự sẽ tai qua nạn khỏi! Giờ thì cậu chàng đã biết mình gặp phải ai rồi. Còn Tronc?.. Có thể, gã cũng tính chuyện Cu Đen sẽ bắn trượt, và lúc ấy chắc mọi sự kết thúc chỉ bằng mấy ngày phòng giam hối cải thôi. Ô, phải, phải! - viên thiếu tá lại kêu lên, dường như quên bẵng về việc người chết nằm ngay trước ông ta. - Cu Đen là một tay thiện xạ tuyệt vời!

Rốt cuộc ông ta cũng im đi, và viên thượng sĩ lại có thể lo chuyện tử thi. Giờ đây Lazzari nằm trên cáng như cần phải thế: khuôn mặt cậu ta được phủ chiếc chăn lính, chỉ lộ rõ hai tay - hai bàn tay nông dân to bè như vẫn sống và máu vẫn tràn đầy trong huyết mạch.

Theo dấu hiệu của Tronc, những người lính nâng cáng lên.

- Thưa ngài thiếu tá, ngài cho phép đi chứ ạ?

- Thế anh còn định chờ thêm ai ở đây nữa? - Matti đáp xẵng, chỉ giờ đây ông ta mới thực sự ngạc nhiên cảm thấy nỗi căm thù của Tronc và cho là cần thiết đáp lại anh ta xẵng giọng như thế, nhấn mạnh thêm sự khinh thị của kẻ có cấp bậc cao hơn đối với thuộc cấp.

- Tiến lên! - Tronc ra lệnh.

Đáng ra phải nói “đi đều bước”, nhưng anh ta cảm thấy lúc này điều đó không hợp. Đến lúc này anh ta mới nhìn lên Pháo đài, thấy trên tường bóng hình người lính gác mờ mờ hiện ra trong ánh đèn lồng. Đằng sau những bức tường này, trong một trại lính có chiếc giường của Lazzari và cái rương của cậu ta, chứa trong đó - hình Đức Mẹ được mang từ nhà đến, mấy viên đạn giả, bụi nhùi, những chiếc khăn mùi xoa màu, bốn cái khay bạc dành cho bộ quân phục lễ hội: của ông nội cậu ta vẫn còn và chẳng bao giờ cần đến trong Pháo đài.

Trên gối, có thể, vẫn còn chỗ lõm do đầu cậu ta chưa phẳng lại sau hai ngày, còn trong các đồ vật, có lẽ, tìm thấy cả lọ mực - Tronc, người thủ cựu trong ý nghĩ, vẫn tiếp tục thăm điểm ra, ô phải, cái lọ có mực và cái bút. Người ta sẽ bọc tất cả những thứ đó vào một gói và chuyển cho người thân của cậu ta cùng với bức thư của ngài đại tá. Phần còn lại, là tài sản nhà nước, trong đó kể cả bộ đồ lót thay đổi, - người ta sẽ chuyển cho người lính khác. Thế nhưng bộ lễ phục đẹp dễ và khẩu súng trường sẽ chẳng thuộc về ai cả:

người ta sẽ chôn khẩu súng và bộ lễ phục cùng với chủ của nó - luật của Pháo đài là thế.

XIV

Tầng sáng, từ Đồn Mới mọi người trông thấy trên bình nguyên phía Bắc một vạch đen nhỏ xíu. Cái vạch nhỏ xíu đang di chuyển và không thể nào lại là ảo ảnh được. Chàng lính gác Andronico là người đầu tiên nhận thấy nó, sau đó lính gác Pietri, sau nữa - trung sĩ Batta, người thoát tiên cười nhạo họ và, cuối cùng, viên sĩ quan trực - trung úy Maderna.

Một dải đen nhỏ - hoàn toàn không hiểu nổi - từ sáng đã chuyển động từ phía Bắc qua hoang mạc, dấu linh cảm không lành đã nhận thấy trong Pháo đài ngay từ đêm. Ấng chừng vào sáu giờ sáng người gác Andronico đã báo động. Quả thật, từ hướng Bắc có gì đó chuyển động: hiện tượng chưa từng xảy ra và được lưu lại trong kí ức của người nào. Trời sáng hẳn, trên nền trắng của hoang mạc trông rõ một hàng người đang hướng về phía Pháo đài.

Vài phút sau, như thường lệ từ lâu lắm rồi, vào buổi sáng (có thời điều đó được giải thích bằng niềm hi vọng, sau đó - sự yêu thích đối với quy củ, còn giờ đây - tất cả chỉ là thói quen), Prosdotsimo, người

thợ may của trung đoàn, đi lên sân trên Pháo đài để nhìn ra xung quanh. Điều đó đã trở thành thông lệ, nên các điểm canh cho ông đi qua không cần hỏi han. Ông đi thăm thú bức tường, đài quan sát, tán gẫu đủ chuyện với viên trung sĩ trực ban, sau lại chui xuống tầng hầm của mình.

Lần này, từ trên tường, đưa ánh mắt ngó khắp khu tam giác hoang mạc, Prosdotsimochko rằng mình đã sang bên kia thế giới. Cái ý nghĩ là mình đang mơ, không hề đến trong đầu ông: những cơn mơ thường là phi lý và lẫn lộn, người đang ngủ cảm thấy một cách vô thức tính không hiện thực của điều đang xảy ra, hiểu rằng vào một thời điểm nào đó mình sẽ thức tỉnh. Trong mơ các bức tranh không bao giờ lại sắc nét và vật chất hóa như cái bình nguyên buồn thảm này, đang có những con người di chuyển theo đội ngũ.

Mọi thứ lạ lùng làm sao, thật giống những mơ ước của ông thời trai trẻ! Prosdotsimo đơn giản là không thể tin vào hiện thực đang diễn ra và cho rằng ông đã chết.

Phải, ông đã chết, và Đức Chúa Trời đã tha thứ cho ông. Ông thợ may thoáng nghĩ rằng ông đã ở bên kia thế giới mà nhìn về ngoài chẳng có gì khác với thế giới chúng ta, chỉ có điều nơi ấy mọi sự tốt đẹp đều trở thành hiện thực đáp ứng những mong mỏi hợp pháp của ta, mà khi ta được thỏa mãn, tâm hồn cũng được bình yên; đơn giản là ở thế giới bên kia mọi thứ không hoàn toàn như trên thế gian này, nơi ngay cả những ngày tốt đẹp nhất cũng sẽ bị đầu độc.

Và thế, Prosdotsimo cho rằng ông đã chết, ông

đứng ngậy như trời trồng: cử động lúc này chẳng đi đến đâu, vả lại ông đã là người chết rồi kia mà, và chỉ có một thế lực nào đó không hiện hữu trên thế gian này mới buộc ông động đậy được. Nhưng ngay đó vang lên giọng nói của viên thượng sĩ đang tế nhị chạm vào ống áo của ông:

- Chuyện gì với ông thế? Ông thấy khó chịu à?

Chỉ lúc ấy Prosdotsimo mới choàng tỉnh.

Mọi thứ hầu như vẫn thế, như trong những giấc mơ, chỉ có điều tốt hơn; từ phía vương quốc phương Bắc đang tiến đến một đạo quân bí ẩn. Thời gian bay rất nhanh, không ai có thể rời mắt khỏi cảnh tượng khác thường đó, vàng dương sáng lóa ngay trên đường chân trời đỏ ối, bọn người nước ngoài ngày càng tiến lại gần hơn, dù chúng di chuyển không vội vã. Ai đó tuyên bố rằng thấy ở đằng kia cả bộ binh lẫn kỵ binh, chúng nối bám nhau một dây xích và còn trượng cả cò. Một người nói lên điều đó, còn những người khác ngay lập tức thuyết phục bản thân là cũng thấy chính điều đó - một chuỗi xích lính bộ binh và kỵ binh, thậm chí cả vuông vải cò, dù trên thực tế chỉ có thể nhìn thấy một vạch đen di động.

- Đó là bọn Tácta, - Andronico đánh liều nói giỡn, nhưng mặt anh ta phủ một màu trắng bệch chết chóc.

Nửa giờ nữa qua đi, trung úy Mardena tại Đồn Mới ra lệnh bắn một phát đạn giả từ khẩu đại bác: ấy là một dạng cảnh báo được điều lệnh quy định trong trường hợp có sự tiếp cận của lực lượng vũ trang người nước ngoài.

Nhiều năm rồi trong vùng này không ai nghe thấy tiếng đại bác. Các tường đồn khê rung lên. Tiếng đạn nổ loang ra như tiếng sấm chầm chầm, giống tiếng động báo điềm gở của núi lở. Trung úy Mardena nhìn về hướng Pháo đài, hi vọng trông thấy dù chỉ là những dấu hiệu lo lắng phản hồi. Nhưng phát súng không làm ai ngạc nhiên, bởi bọn người nước ngoài đang di chuyển đúng trên cái khu vực tam giác của bình nguyên nên trông thấy rõ từ đồn trung tâm, và ở đây người ta đã biết tất cả. Tin tức đã bay đến tận những lán xa nhất, đến cái điểm nơi thành trì cực trái tiếp giáp với tường vách núi, đến chỗ người lính đang đứng gác tại kho hầm ngầm chứa đèn lồng và các dụng cụ công binh; phải, tin tức lan đến kể cả với người lính gác đang ở trong hầm ngầm tối không thể nhìn thấy gì được. Anh ta thực muốn làm sao cho thời gian chóng qua đi, để phiên trực kết thúc và cũng có thể đi lên tường thành, ngó nhìn xuống phía dưới.

Mọi thứ vẫn như thường ngày: các lính gác ở nguyên vị trí của mình, đo bước chân khu vực tường mình canh gác, các thợ lại chép báo cáo, sột soạt ngòi bút và thư thả chấm ngòi bút vào mực, - nhưng từ phía Bắc những người lạ mà hoàn toàn có thể là kẻ thù đang tới. Tại các chuồng ngựa binh sĩ dùng bàn chải làm vệ sinh cho ngựa, từ ống khói nhà bếp đám khói uể oải bay lên, ba người lính đang quét sân, nhưng phía trên tất thấy vẫn ngự trị một cảm giác mãnh liệt và khác thường - cảm giác của sự ngóng đợi nôn nóng, dường như giờ đã điểm, thời khắc vĩ đại đã tới và đã không thể có đường lùi.

Các sĩ quan và binh lính hít thở sâu, hấp thụ sự trong lành buổi mai bốc lên từ mặt đất để cảm nhận được nhiều hơn cái sôi sục, hùng hục trong dòng máu trẻ trung của họ. Các pháo thủ bắt đầu chuẩn bị đại bác, đùa giỡn xúm xít quanh chúng như săn sóc những con ngựa bất kham. Trong ánh mắt của họ thoáng qua nỗi lo âu, đã qua bấy nhiêu năm, và ai mà biết, có thể, đại bác đã không còn bắn được, có thể, trước đây người ta đã không cần thận lau chùi và bây giờ cần có những biện pháp khẩn cấp, bởi giờ khắc đã đến gần và chẳng bao lâu nữa mọi sự sẽ được định đoạt. Và chưa bao giờ những người liên lạc lại chạy nhanh như vậy theo cầu thang, chưa bao giờ các bộ quân phục lại được chăm chút kĩ đến thế, lưỡi lê - mài sắc đến thế, âm thanh kèn - hùng dũng đến thế. Hóa ra, mọi người đợi chờ không vô bổ, hóa ra, những năm tháng này không bị phí hoài và Pháo đài già nua vẫn còn có thể phụng sự đúng chức năng của mình.

Giờ đây tất cả đều sợ bỏ qua mất cái tín hiệu đặc biệt, tín hiệu báo động chiến đấu thật sự mà chưa ai trong số binh lính có cơ may được nghe nó. Trong thời gian huấn luyện tiến hành sau các bức tường Pháo đài tại một bãi thấp kín đáo để các âm thanh không bay tới đồn và không gây nên sự rối loạn vô nghĩa, vào những đêm hè tĩnh lặng các thợ kèn đôi khi cố hồi phục cái tín hiệu nổi danh đó - đơn giản chỉ bởi sự nhiệt thành quá mức (thì có ai nghĩ rằng sẽ cần đến nó trong thực tế). Còn giờ đây họ tiếc rằng đã luyện ít quá: đó là một hợp âm rải khá dài được kết thúc ở nốt nhạc rất cao, vậy nên thiếu sự luyện

tập lâu dài dễ dàng làm lạc điệu.

Chỉ có chỉ huy trưởng Pháo đài có thể hạ lệnh thôi tin hiệu ấy, và tất cả mọi ý nghĩ đều hướng về vị đại tá: binh lính chờ khi nào ông đi lên các tầng thành và đi qua hết từ đầu đến cuối; họ đã hình dung ông đang tiến lại miệng mỉm cười kiêu hãnh và chăm chú ngó vào mắt từng người. Đối với ông cái ngày đặc biệt này cũng đã phải tới, lẽ nào suốt cuộc đời ông đã chẳng chờ đợi thời điểm này đó sao?

Nhưng đại tá Filimore đứng trong văn phòng của mình và nhìn qua cửa sổ lên phía Bắc, nhìn khoảng tam giác nhỏ của bình nguyên hoang vắng không bị núi non che khuất, trông thấy chuỗi những chấm đen đang di động, y như đàn kiến, thẳng tới chỗ ông, thẳng tới Pháo đài; quả là trông giống như những người lính.

Mỗi phút lại có ai đó trong số sĩ quan vào văn phòng - hoặc trung tá Nicolozi, hoặc viên đại úy đặc nhiệm, hoặc sĩ quan trực canh phòng. Mọi người vào, nôn nao chờ mệnh lệnh của ông... viện những nguyên do khác nhau, để thông báo những tin mới ít quan trọng: một xe tải chở lương thực từ thành phố tới; từ sáng đã bắt đầu sửa chữa lò bếp; đã hết thời gian nghỉ phép của mấy anh lính; trên hàng hiên đồn trung tâm đã thiết lập một trạm quan sát - phòng ngài đại tá bỗng muốn sử dụng nó.

Họ thông báo về điều đó, giơ tay lên vành mũ, và đập gót giày, và không hiểu tại sao ngài đại tá vẫn cứ đứng im lặng và không ra mệnh lệnh mà tất cả đang mong chờ. Ông còn chưa ra lệnh về sự tăng cường

bảo vệ, về việc phát gấp đôi số đạn dự trữ cho mỗi người, về việc tuyên bố báo động.

Với vẻ chán chường khó hiểu nào đó viên đại tá lạnh lùng theo dõi sự lại gần của những kẻ ngoại bang, không thể hiện cả nỗi buồn lẫn niềm vui, dường như mọi thứ đó không liên quan đến ông vậy.

Đó là một ngày tháng Mười tuyệt đẹp, mặt trời rực rỡ, không khí tươi mát và trong trẻo - các điều kiện ưu việt phù hợp cho một trận chiến. Gió tung bay lá cờ phía trên mái thành lũy, mặt đất màu vàng trong sân lóa lên, và bóng những người lính in rõ trên nó. Một buổi sáng tuyệt vời, thừa ngài đại tá.

Viên chỉ huy trưởng đã cho mọi người hiểu rõ ràng là ông muốn ở lại một mình, và khi tất cả rời khỏi văn phòng, ông đi đi lại lại trong phòng - từ cửa sổ đến chiếc bàn, từ bàn đến cửa sổ, và không quyết định một điều gì, máy móc vuốt bộ râu bạc của mình và thở dài như đã già lão.

Và kia, chuỗi xích màu đen đã khuất sau khu tam giác nhỏ của bình nguyên: nghĩa là những kẻ ngoại bang đâu đó đã gần biên giới lắm rồi và sau khoảng ba bốn giờ nữa sẽ tiếp cận ngay dưới chân các dãy núi.

Nhưng ngài đại tá lấy khăn tay thờ ơ, vô nghĩa lau mắt kính của mình, vẫn lật giở các báo cáo và giấy tờ chất đông lại trên mặt bàn: mệnh lệnh cho Pháo đài đang chờ chữ kí của ông, báo cáo của ai đó xin xuất ngũ, bản tin thường ngày do bác sĩ doanh trại lập nên, một chồng hóa đơn từ xưởng làm yên cương ngựa.

Ngài còn chờ gì nữa, ngài đại tá? Mặt trời đã lên cao, thậm chí thiếu tá Matti vừa bước vào cũng không giấu được phần nào sự bồn khoăn, lo lắng; mặc dầu ông ta là kẻ không bao giờ tin bất cứ điều gì. Anh cứ thử làm một lính gác xem, thử đi dọc trên các bức tường thành xem. Bọn người lạ đã có thể phân biệt rõ từng tên một: chúng được vũ trang, tất cả khoác súng trường trên vai, theo khăng định của đại úy Fortse vừa lên Đồn Mới về, không thể đánh mất thì giờ thêm nữa. Thế nhưng đại tá Filimore vẫn cứ chờ điều gì đó. Cả ông cũng cho rằng những kẻ lạ kia đúng thực là binh lính. Cứ cho là vậy đi. Nhưng chúng có bao nhiêu? Có người nói hai trăm, người khác - hai trăm năm mươi, có ai đó còn nhận thấy nếu đó chỉ là toán tiền quân, thì binh lực chính sẽ không dưới hai ngàn tay súng. Nhưng lực lượng chính ấy giờ chưa thấy đâu, không loại trừ là không hề có chúng.

Lực lượng chính của quân thù, thưa ngài đại tá, không trông thấy rõ chỉ vì mây mù phương Bắc mà thôi. Sáng nay mây mù sà xuống gần rõ rệt, gió bắc đẩy nó xuống dưới thấp, và nó che phủ phần lớn bình nguyên. Có ý nghĩa gì khi phái đi hai trăm con người kia, mà nếu sau chúng không phải là một đạo quân lớn thực sự? Có thể nói chắc chắn rằng, chỉ gần trưa nó sẽ xuất hiện. Đã có một người lính khăng định rằng, hoàn toàn chưa lâu, chính anh ta đã trông thấy cạnh dải mây mù có gì đó di động.

Nhưng vị chỉ huy trưởng vẫn tiếp tục bước từ chiếc bàn đến cửa sổ và quay lại, xem xét giấy tờ

với vẻ uể oải. Bọn người lạ tấn công Pháo đài làm gì chứ, ông nghĩ. Có thể, đó chỉ là những cuộc tập trận thường tình trong những điều kiện hoang mạc thôi? Thời của các đạo quân Tácta đã qua rồi - từ lâu đã trở thành huyền thoại. Ai cần phải vi phạm biên giới chứ? Phải, trong chuyện này có gì đó đáng ngờ.

Cứ cho đó không phải là bọn Tácta đi, thừa ngài đại tá, nhưng đó là những tên lính - điều đó không thể chối cãi. Đã không còn là điều bí mật với bất kì ai, rằng nhiều năm nay mối quan hệ với vương quốc phía Bắc bị xấu đi nghiêm trọng, và thậm chí người ta còn nói về chiến tranh. Phải, đó là những tên lính, cả kỵ binh, lẫn bộ binh. Sắp tới, ắt hẳn, sẽ xuất hiện cả pháo binh. Có đầy đủ cơ sở cho rằng bọn chúng sẽ tấn công trước khi trời tối, trong khi đó các bức tường Pháo đài thì cũ kĩ, những khẩu súng trường cũ kĩ, những khẩu đại bác cũ kĩ, hết thảy, mọi thứ ở đây đều đã cũ, chỉ có trái tim của những người lính là trẻ thôi. Nói chung, đại tá ạ, chẳng hi vọng được điều gì cả đâu.

Hi vọng! Ôi, ông muốn được ngừng hi vọng làm sao, bởi ông đã đặt cả cuộc đời mình vào những hi vọng này - cuộc đời ông còn bao nhiêu đâu? Và nếu như bây giờ không phải chính là dịp may đến đúng lúc kia, thì chắc gì sẽ còn một dịp may khác nữa. Không phải nỗi hoảng sợ buộc ông chậm chạp, không phải cái ý nghĩ là ông có thể bị chết. Ý nghĩ về cái chết không hề xuất hiện trong đầu ông.

Chắc hẳn, về cuối đời ông, Fortun⁽¹⁾ đã mỉm cười với ông, hiển hiện trước ông trong bộ giáp bạc và với thanh gươm đỏ máu. Đại tá Filimore, hầu như đã không còn nghĩ đến Ngài, bỗng lại trông thấy gương mặt của Ngài, và trên gương mặt đó, thực lạ lùng làm sao, có gì đó thân thiện. Còn ông, nếu nói thẳng ra, không có ý định xé dịch khỏi vị trí chỉ mỉm cười đáp lại nụ cười: ông đã bị đánh lừa quá nhiều, với ông đã đủ lắm rồi.

Các sĩ quan còn lại của Pháo đài lập tức lao bổ tới sung sướng đón gặp Fortun. Khác với vị chỉ huy của mình, họ nhìn Ngài với vẻ tin cậy, cảm nhận được - cứ như điều đó không phải là lần đầu tiên đối với họ - cái mùi vị mạnh và hăng nồng của trận chiến. Còn viên đại tá cứ chờ mãi. Chờ mãi cho đến tận khi nào cái ảo ảnh tuyệt diệu ấy vẫn chưa chạm tay vào ông, hãy cứ cho là dị đoan đi, nhưng ông sẽ không rời khỏi chỗ. Đó hoàn toàn là một điều nhỏ nhặt tâm pháo - hãy chìa tay ra, thổ lộ điều mong ước thâm kín của mình, và hình ảnh diệu kì sẽ tan biến đi không còn dấu vết.

Đó là nguyên nhân tại sao ông cứ lắc đầu phủ nhận, cho rằng Fortun hẳn là nhầm lẫn. Không tin tưởng, ông nghiêng ngó chung quanh, ngó ra sau, dường như tìm kiếm kẻ được lựa chọn đích thực khác của Ngài. Nhưng xung quanh chẳng có ai, có nghĩa không phải sự lầm lẫn, có nghĩa là đây là sự thật: cái số phận đáng ganh tị này rơi chính vào ông.

⁽¹⁾ Thần Số Mệnh, theo thần thoại Hi Lạp, La Mã.

Đã có lúc ngay trước bình minh, khi trên hoang mạc bệch bạc ông thấy vệt đen dài bí ẩn và trái tim ông đã từng lịm đi vì sung sướng. Sau đó hình ảnh Fortun trong bộ giáp phục bằng bạc và với thanh gươm đỏ máu nhòa mờ dần đi một chút, và, dù Ngài hướng đến ông, nhưng không hiểu sao Ngài không thể áp sát tới, không thể vượt qua cái khoảng cách có vẻ không lớn, nhưng trong thực tế là bất tận.

Sự thể ở chỗ Filimore đã chờ Ngài quá lâu, và khi đã đến tuổi già, ông không còn cái niềm tin như niềm tin thường có ở tuổi hai mươi nữa. Phải, bao nhiêu năm ông đã đợi chờ Ngài một cách vô bổ, biết bao mệnh lệnh được ông truyền cho đồn binh, quá thường xuyên sáng sáng ông đã ngấm nhìn ra cái bình nguyên đáng nguyên rủa, bất tận vắng bóng người này.

Còn giờ đây, khi những kẻ nước ngoài xuất hiện, ông rõ ràng cảm thấy đây là một lầm lẫn gì đó (nhưng sao có thể mù quáng tin được vào tất cả những điều này), bởi sự lầm lẫn có thể rất nguy hại.

Trong khi đó con lắc của chiếc đồng hồ treo tường đối diện với cái bàn viết, vẫn tiếp tục gặm nhấm thời gian cuộc sống, những ngón tay gầy guộc của viên đại tá, đã khô héo hoàn toàn vì năm tháng, kiên trì dùng tấm khăn tay lau mắt kính, dù việc đó tuyệt đối không cần thiết.

Kim đồng hồ tiến gần đến mười giờ rưỡi, khi thiếu tá Matti bước vào - nhắc đại tá là đã đến lúc nghe báo cáo của các sĩ quan. Điều đó đã hoàn toàn quên bẵng trong đầu Filimore, và ông cảm thấy bức

bội: giờ đây lại phải nói gì đó với mọi người về những tên nước ngoài vừa xuất hiện trên bình nguyên, không thể trì hoãn thêm được nữa, cần phải tuyên bố chính thức gọi chúng là kẻ thù, hoặc biến tất cả thành trò đùa, hoặc chọn cái “trung dung” - chỉ đạo về các biện pháp an toàn và đồng thời cũng thể hiện luôn rằng chính ông còn nghi ngại khi nhìn nhận điều đó và không định gây náo loạn vì những điều vô vẩn. Thế nhưng vẫn phải đưa ra một quyết định gì đó, và việc này làm lòng ông trĩu nặng. Hẳn ông muốn rảnh chờ thêm, tuyệt đối không làm một điều gì và chính đó như lời thách thức với số mệnh: rất cuộc, tự Ngài hãy làm bước đầu tiên đi nào.

Thiếu tá Matti với nụ cười nước đôi vĩnh cửu của mình thốt ra:

- Hình như, lần này chúng ta đã chờ được đến cùng!

Đại tá Filimore không đáp lại gì cả. Viên thiếu tá nói thêm:

- Giờ đã xuất hiện cả những tên còn lại. Chúng đi thành hàng ba, thậm chí từ đây cũng nhìn rõ.

- Anh nói những kẻ khác cũng đã xuất hiện ư?

- Thậm chí từ đây thấy rõ, thưa ngài đại tá. Chúng khá đông.

Cả hai đi lại gần cửa sổ và nhìn rõ những dải đen ngoằn ngoèo di động trên khoảng tam giác trông rõ được của bình nguyên. Không phải một hàng như lúc rạng đông, mà là ba; không trông thấy nổi tận cùng của hàng quân ngoại bang.

Chiến tranh, chiến tranh, viên đại tá nghĩ thầm,

cổ xua đuổi ý nghĩ đó đi như một mong ước bị cấm đoán. Những lời của Matti lại đánh thức trong ông niềm hi vọng, và nó choán ngập tâm hồn ông một nỗi hân hoan.

Trong trạng thái tình cảm rối bời như thế viên đại tá xuất hiện trong phòng nghị lễ mà các sĩ quan đang xếp hàng ở đây (chỉ trừ những bộ phận trực ban canh phòng). Trên nền những bộ quân phục màu xanh xếp liền nhau là gương những mặt ánh lên màu nhợt nhạt mà ông khó lắm mới nhận ra nổi; những gương mặt trẻ trung đã trưởng thành - tất cả nói với ông một điều, những cặp mắt rực lên như sốt khao khát đòi hỏi ông có một thông báo chính thức về mối hiểm họa đang đến gần. Thẳng người trong tư thế “Nghiêm”, các sĩ quan không rời khỏi ông ánh mắt đầy hi vọng, rằng sự chờ đợi của họ sẽ không bị dối lừa.

Trong sự im lặng bao trùm nghe rõ hơi thở hồi hộp của họ. Viên đại tá hiểu là ông có nghĩa vụ phải nói gì đó với họ. Chính vào giây phút này ông nhận thấy một cảm giác gì đó mới mẻ không thể kiềm chế bám riết lấy ông. Thật ngạc nhiên, tự mình không hiểu tại sao, Filimore bỗng tự quả quyết trong ý nghĩ rằng những kẻ ngoại bang này đích thực là bọn kẻ thù đang định xâm phạm biên ải. Ông thực sự không hiểu sao có thể xảy ra với ông cái điều như thế: vừa một phút trước đó thôi ông vẫn còn thẳng được sự cấm dỗi và không tin vào điều đó cơ mà. Ông cảm thấy tâm trạng chung của mọi người đã truyền sang ông như thế nào, và sẵn sàng gạt bỏ tính thận trọng

và cất tiếng nói. “Thưa các ngài sĩ quan, - ông sẽ nói với họ, - giờ đây, cuối cùng cũng đã điểm cái giờ mà chúng ta chờ đợi nhiều năm”. Ông sẽ nói thế hoặc đại loại gì đó như thế với họ, còn các sĩ quan sẽ tiếp nhận những lời của ông với lòng biết ơn như một sự chúc phúc dành cho chiến công oanh liệt.

Ông đã chuẩn bị bắt đầu diễn từ của mình, nhưng trong đáy sâu tâm hồn ông vẫn còn gì đó phản bác lại. “Điều đó là không thể, đại tá ạ, - trong ông vang lên giọng nói, - hãy dừng lại trong khi còn chưa muộn, ở đây là sự lầm lẫn gì đó (có quá nhiều điều dẫn đến sự lầm tưởng đó là sự thật), hãy thận trọng, bởi vì nó có thể trở nên nguy hại”.

Cái giọng thù địch ấy đã làm tăng thêm sự lo ngại.

Cuối cùng ông bước một bước lên phía trước, ngẩng đầu, như thông thường khi bắt đầu nói, và các sĩ quan trông thấy khuôn mặt ông bỗng đỏ bừng lên, phải, ngài đại tá đỏ mặt, như một đứa trẻ, bởi giờ đây ông sẽ hé lộ điều mơ ước thâm kín của cả cuộc đời ông, cái mơ ước mà ông đã cố công che giấu.

Nhưng khuôn mặt của ông như vừa được phủ một lớp ứng hồng con trẻ, còn từ môi sắp sửa bật ra lời đầu tiên, thì cái giọng thù địch lại nổi lên từ tận đáy lòng, và Filimore lần chần trong tích tắc. Và ngay đấy ông nghe thấy những bước chân vội vã của ai đó trên cầu thang dẫn tới căn phòng. Không ai trong số sĩ quan đang căng thẳng dõi theo người chỉ huy của mình nhận ra gì cả, nhưng thời gian phục vụ lâu dài làm cho thính giác của Filimore đã trở nên

ting nhạy đến mức ông có thể nhận biết bất kì một giọng nào, dù là yếu ớt nhất, của Pháo đài mình.

Những bước đi tới gần, không còn nghi ngờ gì nữa, thêm nữa lại vội vã khác thường. Chúng chứa đựng gì đó xa lạ và báo điềm gở, có điều gì đó từ cấp trên, chắc chắn chúng có liên quan trực tiếp tới mọi chuyện đang diễn ra trên bình nguyên. Giờ thì các sĩ quan khác cũng đã nghe thấy tiếng bước chân, ngay chính họ cũng không hiểu tại sao, âm thanh này đã làm tổn thương tâm hồn họ một cách tàn nhẫn. Cuối cùng của mở và trên ngưỡng cửa xuất hiện một sĩ quan kỵ binh lạ lẫm, thở hổn hển, lấm đầy bụi.

Ông ta chào và tự giới thiệu:

- Trung úy Fernandes của đoàn kỵ binh số Bảy. Chuyển đến cho các ngài thư của Đức ông tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu.

Tay trái gấp lại giữ chiếc mũ cứng sĩ quan đầy ấn tượng, anh ta đi lại gần viên đại tá và chìa cho ông bức điện khẩn.

Filimore bắt tay người đưa tin.

- Cảm ơn ông, trung úy, - ông nói. - Xét mọi nhẽ, ông đã phải đi rất gấp. Giờ sẽ có người đưa ông đi, ông cần được nghỉ ngơi một chút.

Không hề để lộ sự lo lắng của mình, viên đại tá ra hiệu gọi một trung úy đầu tiên tình cờ lọt vào mắt ông, - Santi - và giao người đưa tin cho anh ta săn sóc. Cả hai sĩ quan ra, và cánh cửa đóng lại sau lưng họ.

- Xin phép các vị... - Filimore nói với nụ cười yếu ớt và vẫy chiếc phong bì, ý nói ông sẽ đọc bức thư ngay lập tức.

Ông thận trọng dùng ngón tay gỡ dấu niêm phong, xé mép cạnh phong bì và lấy từ đó ra một tờ giấy gấp đôi viết kín cả hai mặt. Trong khi ông đọc, các sĩ quan không rời mắt khỏi ông, hi vọng đoán được gì đó qua biểu hiện của nét mặt. Nhưng đâu có chuyện đó. Về ngoài cửa viên đại tá vẫn y như khi ông ngồi đọc báo sau bữa ăn tối những đêm mùa đông dài bên lò sưởi. Chỉ có màu hồng đã không còn trên khuôn mặt xương gầy của ông.

Đọc xong, viên đại tá gấp tờ giấy lại, nhét nó vào phong bì và ngẩng đầu, yêu cầu chú ý. Tất cả cảm thấy rằng mọi sự hào hứng đang tràn ngập tâm hồn họ bỗng tan biến.

- Thưa các ngài sĩ quan, - viên đại tá gượng sức nói. - Sáng sớm hôm nay giữa các binh sĩ, nếu tôi không nhầm, đã thấy rõ có một vài sự xáo động, mà cả giữa các ngài, nếu tôi không nhầm, cũng thế - liên quan tới sự xuất hiện của những người ở cái nơi được gọi là hoang mạc Tácta.

Những lời của ông khó lắm mới xuyên qua nổi bức tường im lặng. Nghe rõ cả tiếng con ruồi bay qua gian phòng.

- Vấn đề nói... - viên đại tá tiếp tục, - vấn đề nói đến những phân đội binh sĩ của quốc gia phía Bắc, những người được trao nhiệm vụ vạch mốc biên giới, như chúng ta đã làm điều đó từ nhiều năm trước. Vì thế họ sẽ không tiếp cận Pháo đài, họ sẽ xé lẻ ra thành từng toán nhỏ, và đi lên núi. Về điều đó Đức ông Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu đã thông báo với tôi trong bức thư.

Nói điều đó, Filimore buông những tiếng thở dài. nó không phải mình chứng về sự thiếu kiên nhẫn hay nổi đau đớn, mà đơn thuần là về tuổi già; giọng của ông cũng bỗng già đi, nó trở nên trầm khàn và run rẩy, còn hai mắt kéo xuống một lớp màng vàng vàng mờ đục.

Phải, đại tá Filimore ngay từ đầu đã cảm thấy rằng nó phải là thế. Rằng đó không phải là kẻ thù - ông đã quá rõ: hiển nhiên rồi, ông được sinh ra đầu dành cho sự vinh hiển, điều ông đã có nhiều dịp để tự khẳng định mỗi lần khi bị cuốn theo những ảo ảnh ngớ ngẩn. Nhưng tại sao, ông điên cuồng hỏi bản thân, tại sao ông lại vẫn cho phép bị đánh lừa? Ngay từ đầu ông đã cảm thấy rằng mọi sự sẽ kết thúc thế rồi cơ mà!

- Các vị rõ rồi, - ông tiếp tục với một giọng hồ hững cố tình, cố không để lộ toàn bộ nỗi đau đớn ê chề dồn ứ trong lòng, - các cột mốc biên giới và những dấu hiệu giới tuyến được chúng ta dựng lên nhiều năm về trước. Nhưng, như Đức ông thông báo, còn lại một khu vực chưa được hoạch giới. Để kết thúc công việc này sẽ có một phân đội được cử đến đó dưới sự chỉ huy của một viên đại úy và một trong số những sĩ quan cấp thấp. Khu vực này nằm trên núi, nơi có hai hay ba dãy núi song song kéo dài. Không phải bàn cãi, hẳn sẽ tốt biết bao nếu chúng ta có thể vượt vào sâu hơn và giành được cho mình sườn núi phía Bắc. Vấn đề không phải ở chỗ nó quá quan trọng trong phương diện chiến lược, tôi hi vọng các ngài hiểu rằng ở đó, phía trên kia, các hành động quân sự là

không thể, mà thêm nữa, để triển khai thì đây cũng không phải là chỗ thích hợp. - Viên đại tá im lặng một chốc, trầm ngâm về điều gì đó, rồi tiếp lời: - Phải, để triển khai... tôi đã dừng lại chỗ nào nhỉ?

- Ngài nói rằng cần phải vượt vào sao cho có thể tiến sâu hơn ạ, - thiếu tá Matti mách với sự hấp tấp đáng ngờ.

- Ái chà, phải, tôi đã nói là ta cần vượt sao cho có thể vào sâu hơn. Thật tiếc, việc không dễ gì: người phương Bắc đã vượt trước chúng ta. Và đầu sao... ồ thôi, nói về chuyện đó sau, - ông nói, mắt nhìn sang viên trung tá Nicolozi.

Viên đại tá ngưng lại, dường như bài diễn từ làm ông mệt. Không thể giấu nổi sự chú ý của ông rằng, trong khi ông nói, trên mặt các sĩ quan phủ bóng nổi thất vọng, cứ như ngay lập tức họ từ những anh hùng khao khát lao vào chiến trận đã biến thành những kẻ phục vụ trong doanh trại chẳng có gì đáng để ý tới. Nhưng không sao, viên đại tá nghĩ, họ còn trẻ. mọi thứ của họ còn ở phía trước.

- Thế đấy, - viên đại tá tiếp tục, - còn giờ đây, thật buồn, tôi phải phê bình nhiều người trong các ngài. Không phải một lần tôi đã thấy trong thời gian đối ca trực một số tiểu đội có mặt ở chỗ tập trung mà vẫn thiếu chỉ huy. Chắc lẽ, các sĩ quan ấy cho rằng họ được phép chậm trễ...

Con ruồi bay ngang trong phòng, lá cờ trên mái đồn rủ xuống như một tấm giẻ, đại tá nói về kỉ luật và điều lệnh, trên bình nguyên phương Bắc đang chuyển dịch những con người được vũ trang, nhưng

đó không phải là kẻ thù đang khao khát trận đánh, mà chỉ là những người lính vô hại như chính họ, và những người kia không phải đi tới trận thư hùng quyết tử, mà để thực thi một thao tác đo ướm tầm thường; những khẩu súng trường của họ không được lắp đạn, những lưỡi gươm chẳng được mài sắc. Một thứ vô hại kiểu quân đội chuyển dịch trên hoang mạc từ phía Bắc về phía Nam, còn cuộc sống cũ rích thường nhật lại bao trùm trong Pháo đài.

XV

Toán quân nhận được lệnh vạch mốc biên giới trên khu vực còn để ngỏ đã rời Pháo đài vào lúc rạng đông ngày hôm sau. Chỉ huy toán là đại úy Monti to cao, lực lưỡng, còn trung úy Angustina và một thượng sĩ được cử làm trợ lí cho ông ta. Mỗi người được thông báo mật khẩu của ngày hôm ấy và bốn ngày tiếp theo. Lễ thường tất cả họ khó có thể hi sinh cùng một lúc, nhưng để phòng bất trắc, một trong số binh sĩ già được chỉ thị cởi quân phục của người chỉ huy hi sinh hoặc ngắt, lấy từ túi bên trong chiếc phong bì có gắn xi trong đó đựng tờ giấy với mật khẩu dùng để vào Pháo đài.

Toán quân võ trang gồm bốn chục người ra khỏi

Pháo đài hướng về phía Bắc khi phía chân trời vừa ló rạng ánh bình minh. Đại úy Monti, cũng như binh lính, dạn đôi boots để nặng đóng đinh. Chỉ một Angustina đi ủng, và viên đại úy trước khi rời Pháo đài đã nhìn chúng với sự hiếu kì cường điệu, nhưng không hề nói gì.

Đi xuống phía dưới chừng trăm mét theo một hành lang nhỏ bé, họ rẽ sang phải, và, không còn đi xuống nữa, mà tiến về miệng khe đá hẹp dẫn sâu vào trong núi.

Áng chừng sau nửa giờ viên đại úy nhận xét:

- Đi cái này... - ông ta chỉ vào đôi ủng của Angustina, - ông sẽ gay go đấy.

Angustina lặng thinh.

- Tôi thật không muốn bị chậm trễ, - sau một thời gian viên đại úy lại lên tiếng. - Còn ông đi chúng sẽ khổ sở đau đớn đấy, rồi ông sẽ thấy thôi mà.

Angustina phản ứng lại điều đó:

- Giờ thì muộn rồi, thưa ngài đại úy, nếu sự thể là vậy, hẳn ngài đã có thể nói với tôi trước đấy chứ.

- Nói hay không nói, - Monti bác lại, - dù sao thì ông vẫn cứ dạn nó, tôi thì tôi biết ông lắm.

Monti không chịu nổi chàng trung úy. Hãy nói xem, mới kiêu hãnh làm sao! Ô không sao, sắp sửa cậu sẽ ném đủ mùi tân khổ với tớ, ông ta nghĩ và thúc nhanh toán quân kể cả ở những khu vực khó nhất, dù ông ta quá rõ Angustina không có sức khỏe tốt. Trong lúc đó họ cũng đã đến được chân vách núi dựng đứng. Đá dăm ở đây nhỏ hơn, chân ngập dính

vào trong nó, và nhắc chân lên mỗi lúc trở nên một khó hơn.

Viên đại úy nói:

- Thông thường từ khe đá này gió kinh khủng thổi lên... Nhưng hôm nay, ơn trời, ở đây im lặng.

Trung úy Angustina không hề đáp lại.

- Còn may nữa là chưa có mặt trời, - Monti lại lên tiếng. - Phải, hôm nay, có thể nói là chúng ta gặp may.

- Thế ngài đã từng đến vùng này ư? - Angustina hỏi.

- Một lần, khi chúng tôi đi bắt lính đào ng...

Ông ta chưa kịp nói hết câu, bởi vì từ đỉnh bức tường màu xám lơ lửng trên đầu họ vọng đến tiếng động của núi lở. Những tảng đá, đập mạnh vào vách núi, nảy trở lại, làm tung đám mây bụi, lao xuống dưới, xuống vực thẳm, với tốc độ khủng khiếp. Tiếng âm âm như sấm vang xa từ bức tường núi này đến bức tường núi nọ. Đợt núi lở bất thần kéo dài trong mấy phút, nhưng chả mấy chốc cơn mưa đá không đến nổi đầy thung sâu đã chấm dứt; chỉ vài ba viên đá trượt xuống được khe hẹp nơi họ dừng lại.

Tất cả im bật: trong tiếng âm âm núi lở họ cảm thấy sự hiện diện của thế lực thù địch nào đó. Monti ném sang Angustina một cái nhìn chứa đầy thách thức. Ông ta chắc mẩm là chàng trung úy đang hoảng hốt, nhưng đã lầm. Thế nhưng rõ ràng chỉ mới qua một đoạn đường ngắn thế mà Angustina đã ướn hết. Bộ quân phục trang nhả của chàng đã nhàu nhĩ.

Hãy nói xem, mới kiêu hãnh làm sao, Monti lại thăm nghĩ. Để rồi xem cậu ta sẽ hát lên cái gì sau

này. Ông ta lập tức dẫn nhóm đi tiếp, buộc binh lính đi càng nhanh hơn và thi thoảng lại ngoái ra sau nhìn Angustina. Phải, như ông ta giả định và hi vọng, đôi ủng bắt đầu cửa vào chân chàng trung úy. Không có gì làm Angustina giảm bớt nhịp độ hay làm mặt chàng hằn dấu đau đớn. Không, thấy rõ điều đó qua cách chàng đặt bước chân và qua biểu hiện kiên quyết khắc nghiệt trên mặt chàng.

- Có lẽ, tôi có thể đi không ngưng nghỉ cả sáu giờ đồng hồ. Nếu không có binh lính... Hôm nay chúng ta thật gặp may, - với vẻ khoái trá độc địa lộ rõ, viên đại úy tiếp tục giữ ý mình. - Ông thế nào, ông Angustina?

- Xin lỗi, thưa đại úy, - chàng kia đáp lại, - ngài có nói gì đó phải không?

- Không gì cả, - Monti đáp với nụ cười không lành. - Tôi hỏi công việc của ông ra sao thôi.

- À, vâng, cảm ơn, - Angustina trả lời tránh né và sau khoảng ngừng ngắn, cố che giấu khi lên dốc hơi thở của chàng bị đứt quãng, nói thêm: - Chỉ tiếc...

- Tiếc gì?.. - Monti hỏi, hi vọng nghe thấy từ chàng trung úy lời rên rỉ về sự mệt nhọc.

- Tiếc là không thể tới đây thường xuyên hơn, cảnh nơi này rất đẹp, - chàng nói và cười vẻ xa vắng như thường lệ.

Monti tăng bước hơn. Nhưng Angustina không tụt lại; bộ mặt chàng bệch ra vì mệt, từ phía dưới mũ cát kết những dòng mồ hôi chảy xuống mặt, cả trên lưng vải bộ quân phục cũng ngả màu sẫm, nhưng chàng không than vãn, và khoảng cách giữa chàng và viên đại úy không tăng lên.

Toán quân đang đi qua giữa những vách đá. Từ mọi phía dựng lên sừng sững những bức tường xám ghê sợ, dường như, khe đá kéo dài đi đâu đó lên cao bất tận.

Những biểu hiện của phong cảnh quen thuộc đã biến mất, nhường chỗ cho sự rầu rĩ không sinh khí của núi non. Bị quyến rũ bởi cảnh tượng này, Angustina chốc chốc lại phóng ánh mắt lên cao, lên những đỉnh núi lô nhô lơ lửng phía trên họ.

- Chúng ta sẽ nghỉ chân muộn hơn, - Monti nói, không rời mắt khỏi chàng. - Lúc này tôi chưa nhìn thấy chỗ thích hợp. Hãy thú nhận thẳng thắn đi, ông mệt rồi, đúng không? Một số người ở đây cũng cảm thấy không chịu nổi. Lẽ thường, những sự chậm trễ không lường trước đối với chúng ta chẳng ảnh hưởng gì, nhưng tốt nhất là phải nói thật ngay đi.

- Đi, đi thôi, - Angustina đáp bằng giọng điệu cứ như chàng là người cao cấp nhất ở đây.

- Sao tôi lại nói nhỉ? Bởi vì mỗi người đều có thể mệt. Chỉ vì vậy mà...

Angustina nhợt nhạt, từ dưới mũ cát kết mồ hôi tuôn thành dòng, quân phục thì - vắt thành nước. Nhưng chàng trung úy nghiêng chặt răng và trụ vững: thà chàng chết còn hơn xin chịu thua. Một điều viên đại úy không nhận thấy là, chàng thực sự hay ngó lên trên, cố đoán, bao giờ thì kết thúc việc leo dốc đầy nhọc nhằn này.

Mặt trời đã lên cao, chiếu rõ cả những đỉnh xa nhất, nhưng ánh sáng ấy không thanh khiết và rực rỡ như thông thường vào những sáng mùa thu êm ả.

Trên bầu trời những đám khói lạ lùng, báo điềm dữ lan tỏa chậm chạp và đều đặn.

Mà còn thêm đôi ủng bắt đầu gây nên cái đau đớn khủng khiếp, đặc biệt khi lên dốc; sự rất bỏng đau đớn này có lẽ do da đã bị chà rớm máu.

Bất ngờ phần đá lở kết thúc, và khe núi áp vào một bãi phẳng nhỏ, ở đó mọc lên thứ cỏ cần cỗi cạnh mép khoảng tròn được tạo nên bởi những vách đá thẳng đứng. Từ mọi hướng của nó, những bức tường cao vút, nham nhở bởi các họa tiết rối rắm của những chỗ lồi và vết nứt quây bọc.

Đại úy Monti, thật ra miễn cưỡng, nhưng vẫn ra lệnh dừng quân để ăn lót dạ. Angustina ngồi vẻ quan cách trên một tảng đá lớn, dù toàn thân run rẩy vì gió lạnh thấm cơ thể đầm mồ hôi của chàng. Họ chia sẻ với viên đại úy mẫu bánh mì, một ít thịt muối và phomát, một chai rượu vang.

Angustina cảm thấy lạnh, chàng nhìn viên đại úy và binh lính với hi vọng rằng có ai đó trong số họ mở áo ca pốt đang cuộn lại, và lúc ấy chàng có thể làm theo anh ta. Những người lính, nghe chừng, hoàn toàn không cảm thấy lạnh và vẫn cười đùa trêu chọc nhau; đại úy ăn vẻ thêm khát, với sự thích thú, thỉnh thoảng lại hướng nhìn lên ngọn núi dốc đứng ngạo nghễ phía trên họ.

- Bây giờ, - ông ta tuyên bố, - tôi biết nơi nào chúng ta trèo lên là tốt nhất, - và chỉ lên bức tường thẳng đứng mà ngay đằng sau nó bắt đầu khu vực tranh chấp. Cần phải tiến thẳng đến đó. Đành phải rướn lên thôi, trung úy nhỉ?

Angustina nhìn lên bức tường. Để tiến đến rặng núi biên giới, thực sự là phải trèo theo bức tường núi này hoặc phải tránh ngọn núi qua một cái đèo nào đó. Nhưng để làm việc ấy đòi hỏi mất nhiều thì giờ hơn nhiều, mà họ lại cần gấp rút: người phương Bắc ở trong những điều kiện thuận lợi hơn nhiều, bởi vì họ đã vượt lên trước, và thêm vào đó, bên họ đường đi dễ hơn nhiều. Và không còn cách nào khác buộc phải trèo thẳng qua bức tường này.

- Trèo lên đó à? Angustina hỏi, nhìn lên sườn núi dựng đứng, chàng nhận thấy trèo chéch về bên trái khoảng một trăm mét sẽ dễ hơn.

- Trèo lên đó, nhắm thẳng, - viên đại úy khẳng định. - Còn ông nghĩ thế nào?

- Điều chủ yếu - đến đó trước, - Angustina nói.

Viên đại úy nhìn chàng với vẻ khó chịu.

- Tốt, - ông ta nói. - Còn bây giờ ta chơi mấy ván bài đã.

Ông ta lôi trong túi ra một cỗ bài, trải chiếc áo của mình lên mặt đá phẳng, và mời Angustina, nói:

-Ồ, mấy cái đám mây này. Ông cứ nhìn chúng mãi, nhưng chớ lo, chúng không làm thời tiết xấu đi đâu... - Và cười to, dường như thốt ra được câu gì đó rất hóm hỉnh.

Họ bắt đầu chơi bài. Angustina cảm thấy người lạnh cóng trước gió. Viên đại úy ngồi giữa hai tảng đá lớn che chỗ cho ông ta, còn Angustina cứ bị gió thốc thẳng vào lưng. Giờ đây chính xác là ta sẽ bị ốm, chàng nghĩ.

- Ông sao thế, sao lại sai lầm đến như vậy! - thậm

chí Monti không phải kêu mà là gào lên. - Quỷ tha ma bắt, tự đứng đi cho tôi con át thế! Đầu của ông để đi đâu rồi, trung úy thân mến? Ông cứ mãi nhìn lên trên cao, còn chẳng nhìn gì vào bài cả.

- Không, không, - Angustina đáp, - đơn giản là tôi nhầm thôi! - Và cố nặn ra một tiếng cười nhỏ.

- Đây thú nhận đi, - Monti nói với vẻ đắc thắng, - hãy thú nhận đi, những vật đó làm tội ông quá đủ. Tôi thề rằng tôi đoán chắc là thế.

- Những vật nào?

- Thì những cái ủng tuyệt vời của ông đấy thôi. Chúng không dành cho những chuyến đi thế này, trung úy thân mến ạ. Hãy nói thật đi - đúng là ông đau chứ?

- Ô, chúng gây cho tôi bất tiện phần nào, - Angustina đáp lại vẻ khinh khỉnh, tỏ thái độ rằng chàng khó chịu với câu chuyện này. - Đúng là chúng đem lại cho tôi phần nào lo lắng.

- Ha, ha, ha! - viên đại úy thỏa mãn cười vang. - Tôi đã nói mà! Với những đôi ủng thế này ta chẳng đi được trong vùng đá lở nổi đầu!

- K bích, - Angustina lạnh lùng cắt ngang ông ta. - Mời ngài.

- Ài chà, phải, đợi một chút, - viên đại úy vui vẻ đáp lại. - Ôi ủng, thật đúng là ủng!

Đôi ủng của Angustina thật đúng là không phải giày thích hợp để trèo trên các vách đá dựng đứng. Các vách đá luôn luôn bị trượt, trong khi các mũi đinh dưới đế boots nặng của đại úy Monti và binh lính bám chắc vào những gờ lồi ra. Nhưng dù thế

Angustina cũng không chịu tụt hậu: với sự gan góc tăng đôi, bắt chắp một nhọc và mồ hôi đóng băng trong gió lạnh, chàng khéo léo bám sát viên đại úy, mỗi lúc một lên cao, cao mãi.

Ngon núi hóa ra không đến nỗi khó trèo lắm như thoát nhìn từ phía dưới, thêm vào đó trên sườn lại có vô số hốc, vết nứt, những bãi đá lở nhỏ và những hòn đá tảng đầy rêu tách biệt, mà rất tiện lợi để bám vào chúng. Viên đại úy ục ịch trèo và nhảy một cách khó khăn, thỉnh thoảng lại ngó xuống hi vọng là Angustina hoàn toàn kiệt sức. Nhưng chàng vẫn trụ được: với sự khéo léo đáng kinh ngạc chàng tìm ra điểm tựa vững và thuận lợi và bản thân chàng cũng không hiểu mình lấy đâu ra sức mạnh để leo lên nhanh như thế.

Vực thẳm phía dưới họ trở nên càng sâu hơn, đỉnh núi thì dường như bị đẩy cao xa hơn: trên những con đường dẫn đến đỉnh núi mọc lên một bức tường hoàn toàn thẳng đứng màu vàng. Còn buổi tối đến càng mỗi lúc một nhanh hơn, dù cái lớp mây xám dày phía trên đầu không cho phép xác định mặt trời sẽ sắp sửa xuống núi. Thêm vào đó trời bắt đầu lạnh. Từ thung lũng bật ra luồng gió giận dữ, và nghe rõ nó rên rỉ như thế nào trong các vết nứt.

- Thừa ngài đại úy! - viên trung sĩ đi chặn hậu phía dưới bỗng kêu lên.

Monti dừng lại. Sau ông ta là Angustina, còn sau nữa là tất cả binh lính cho đến người cuối cùng.

- Có gì nữa đấy? - viên đại úy hỏi, như thể người ta dứt ông ta ra khỏi những công việc có trời mới biết là quan trọng đến mức nào.

- Bọn người phương Bắc đã trên đỉnh núi rồi! - viên trung sĩ kêu lên.

- Cậu sao đấy, điên rồi hả? Cậu trông thấy chúng ở đâu? - Monti đáp lại.

- Bên trái, chỗ vòng yên ngựa kia kia, hơi xích qua bên trái, chỗ bậc sườn nhô như cái mũi ấy!

Anh ta đứng. Ba thân hình tí xiu màu đen in rõ trên nền trời xám, và thấy rất rõ chúng di động. Không cần phải nghi ngờ về việc họ đã chiếm được khu vực ngay dưới đỉnh núi và, xét mọi nhẽ, họ sẽ là những người đầu tiên lên đến đỉnh núi.

- Quý tha ma bắt! - viên đại úy kêu lên, tức tối nhìn xuống phía dưới, nhìn chuỗi người, cứ như binh lính có lỗi trong vụ thất bại này vậy. Sau đó quay lại Angustina: - Chúng ta phải chiếm được đỉnh núi, không thể nào khác được. Không được thế - tốt nhất chỗ chường mặt ra trước ngòi đại tá!

- Cần có cách nào đó kìm chân họ lại, - Angustina nói. - Từ kia lên đỉnh không quá một giờ đi bộ. Nếu không giữ họ lại, chúng ta sẽ chẳng vượt qua nổi họ đâu.

- Có lẽ vậy, tốt nhất tôi sẽ đi trước với bốn người lính, - viên đại úy đáp. - Một nhóm nhỏ sẽ cơ động nhanh hơn. Còn ông hãy bình tĩnh tiến theo sau hoặc chờ tại đây, nếu đã mệt.

Cái đồ đểu này tính tới nước gì đây, Angustina thầm nghĩ, tự mình muốn chơi trội, còn bỏ ta lại đây.

Nhưng lại nói thành tiếng:

- Xin tuân lệnh, thưa ngài đại úy. Sẽ như ngài ra lệnh. Nhưng dù sao tôi vẫn thích đi tiếp hơn. Vả lại,

nếu ngồi không động đây, có thể chết công mất.

Viên đại úy chọn bốn binh sĩ nhanh nhẹn nhất, tạo thành một tổ xung kích, và tiến lên trước. Còn Angustina nhận về mình việc chỉ huy những người còn lại, hi vọng không bị tụt hậu so với Monti. Nhưng vô vọng: chuỗi xích, bất chấp việc họ đã cố tăng bước, vẫn mỗi lúc giãn dài đến nỗi phần cuối của nó không trông rõ nữa.

Trước mắt Angustina nhóm quân nhỏ của đại úy đã khuất sau những mỏm vách đá màu xám nhô ra. Thêm một lúc nữa vẫn nghe thấy tiếng đá rơi lạo xạo dưới những bước chân, còn sau đó nó cũng lặng đi, cũng như những giọng nói tan hẫng ở phía xa.

Bầu trời vào lúc đó tối sầm hẳn. Những vách đá bao vây họ, những bức tường nhòa đi bên kia khe núi, đầy vực thẳm - tất cả có một màu tím tím gì đó đầy đe dọa. Những con quạ nhỏ với tiếng quạ quạ gay gắt bay dọc theo mép vĩa núi lồi ra: dường như chúng báo trước cho nhau về một hiểm họa đang đến gần.

- Thưa ngài trung úy, - người lính đi sau Angustina nói với chàng, - bây giờ sẽ mưa đấy ạ.

Angustina dừng lại, nhìn anh ta nhưng không nói gì. Đôi ủng không còn hành hạ chân chàng nữa, thế nhưng cái mệt vô hạn đã bắt đầu lên tiếng. Chàng trung úy vượt mỗi mét lên dốc với nỗi khó khăn tột bậc. Cũng may, các vách núi ở khu vực này không đến nỗi dốc quá và bị cắt xẻ nhiều hơn so với những vách họ đã vượt qua. Không biết đại úy đi xa đến mức nào rồi, Angustina thầm nghĩ. Có thể, ông

ta đã kịp lên đến đỉnh núi, cắm lá cờ ở đấy, đặt cột mốc biên giới và giờ đang quay lại rồi.

Nhìn lên trên, chàng tự khẳng định rằng đỉnh núi không còn quá xa nữa. Chỉ có điều không rõ là tiếp cận nó từ hướng nào nữa - bức tường chống đỡ nó quá ư là thẳng đứng và trơn nhẵn.

Cuối cùng, khi bước ra một thành gò hẹp phủ đầy đá dăm, Angustina chỉ ở cách đại úy Monti có mấy mét. Ông ta, trèo lên vai một người lính, cố vượt qua bức tường cao không quá mười mét nhưng có vẻ là hoàn toàn không thể vượt qua. Thấy rõ rằng Monti cố thẳng được cản trở đó đã lâu, nhưng vô vọng.

Vừa mới lấy lại hơi vì mệt, viên đại úy đón Angustina bằng ánh mắt tức giận.

- Có thể chờ ở dưới kia cơ mà, trung úy, - ông ta nói, - tất cả chúng ta chẳng đi qua nổi chỗ này, thật may, nếu tôi và thêm hai người lính tìm cách lên được trên kia. Hẳn tốt hơn nếu ông chờ chúng tôi phía dưới, sắp tới rồi, mà xuống núi trong bóng tối - không phải việc đùa đâu.

- Nhưng chính ngài đã nói, - Angustina đáp hoàn toàn lãnh đạm, - để tôi hành động theo sự xét đoán của tôi: hoặc ở lại hoặc theo sau ngài cơ mà.

- Thôi được, - viên đại úy nói, - bây giờ cần phải tìm đường: chỉ có vài mét nữa là chúng ta với tới đỉnh núi thôi.

- Sao? Kia đã là đỉnh đấy à? - chàng trung úy hỏi vẻ châm biếm ẩn giấu mà tất nhiên viên đại úy không nhận thấy.

- Chẳng đầy mười mét, - viên đại úy nổi nóng. -

Quý tha ma bắt, ta mà lại không vượt qua được chúng chắc! Mà tôi...

Giọng nói xác xược của ai đó phía trên cất ngang ông ta; phía trên mép của bức tường không cao lắm xuất hiện hai cái đầu.

- Xin chào! - một trong số kẻ lạ, có lẽ là sĩ quan, mỉm cười kêu lên. - Tôi muốn báo trước: các ngài không lên được ở chỗ này đâu, cần phải đi theo dãy núi cơ!

Cả hai biến mất; chỉ còn lời nói không phân biệt nổi của những kẻ lạ vọng xuống chỗ những người đứng phía dưới.

Monti xanh mặt vì cơn giận. Nghĩa là, mọi thứ đã hết: bọn phương Bắc đã chiếm mất đỉnh núi rồi. Viên đại úy hạ người xuống mồm đã gãy nằm trên thành gờ, không để ý đến những người lính phía dưới đang tiếp tục đến gần.

Bất thần tuyết rơi - dày và nặng, cứ hết như mùa đông. Và ai có thể nghĩ - qua mấy phút lớp đá dăm phủ thành gờ đã trở nên trắng xóa, trong khi đó mọi thứ còn lại chìm trong bóng đen. Không ai có thể tưởng tượng nổi đêm ập xuống đột ngột như vậy.

Binh lính như không có chuyện gì xảy ra, giở tung áo capốt đang cuộn của mình ra che kín người.

- Các người làm gì thế, quý tha ma bắt các người đi! - viên đại úy nổi đóa lên. - Lập tức cuộn capốt lại! Các người định chôn chân ở đây cả đêm chắc? Chúng ta sẽ xuống núi không chậm trễ.

- Xin phép ngài, thưa đại úy, - Angustina phản đối, - trong lúc bọn người kia còn trên đỉnh...

- Cái gì, cái gì? Nói thế là ông có ý gì? - viên đại úy hét lên.

- Theo tôi, không thể quay lui, trong khi bọn người phương Bắc ở kia, trên đỉnh núi. Vâng, họ đến đó đầu tiên, và chúng ta chẳng còn gì mà làm ở đây nữa, nhưng điều đó có thể lí giải thế nào đây?!

Viên đại úy không nói gì, đi đi lại lại một hai phút trên thành gờ. Sau đó nói:

- Giờ chắc chúng sẽ rút khỏi đây thôi, trên đỉnh trong thời tiết này còn tồi tệ hơn so với ở đây.

- Các ngài! - vang lên giọng nói ở trên cao, và phía trên mép bức tường đã xuất hiện bốn hoặc năm cái đầu. - Tất cả sự khách sáo ấy chẳng để làm gì, hãy tóm lấy dây thừng và trèo lên đây đi, dù sao trong tối mù thế này các ngài cũng không xuống nổi sườn dốc đứng đâu!

Cùng với những lời này họ ném xuống hai dây thừng to, để giúp toán quân từ Pháo đài có thể vượt qua bức tường ngăn.

- Cảm ơn, - đại úy Monti đáp bằng giọng cay độc.
- Cảm ơn vì sự quan tâm, nhưng chúng tôi sẽ tự tìm cách nào đó để chăm sóc bản thân mình!

- Ô, tùy các ngài thôi! - phía trên bọn người nọ kêu lên. - Nhưng chúng tôi vẫn để lại dây thừng ở đây, biết đâu, các ngài vẫn phải cần đến chúng.

Bao trùm một sự im lặng kéo dài. Chỉ có tiếng sột soạt nhẹ tuyết rơi, rồi thỉnh thoảng có ai đó ho khan. Hầu như không trông thấy gì cả: khó lắm mới thấy được mép bức tường dựng lên trước họ được chiếu bằng ánh sáng đèn lồng đỏ đục.

Binh lính của Pháo đài, sau khi mặc capót, cũng bắt đầu thắp đèn lên. Người ta đem một chiếc đèn đến chỗ viên đại úy.

- Thưa ngài đại úy, - Angustina nói một mẻ.

- Còn gì nữa đấy?

- Thưa ngài đại úy, ta có nên đánh bài không nhỉ?

- Quý tha ma bắt bài bạc nhà ông! - Monti đáp, hiểu rất rõ, rằng tôi nay họ đã không thể rời nổi khỏi đây.

Không nói một lời, Angustina lôi ra cỗ bài từ trong cái xắc của viên đại úy được giao cho một người lính giữ, trải vạt capót của mình lên phiến đá, đặt chiếc đèn bên cạnh và bắt đầu tráo bài.

- Nào chúng ta chơi thôi, thưa ngài đại úy, kể cả ngài không muốn đi nữa.

Chỉ giờ đây Monti mới hiểu ý trung úy muốn nói gì: bọn người phương Bắc đang nhìn họ và có lẽ còn cười nhạo nữa ấy chứ; như vậy, cần phải chơi. Binh lính thu xếp chỗ ngồi ở sát tường, trong một khoảng lờ mờ, và với tiếng cười vui vẻ bắt tay vào ăn uống, còn hai sĩ quan, ngồi ngoài chỗ trống, dưới trời tuyết, bắt đầu đánh bài.

- Cứ đánh thế với ngài ta, dúi mạnh vào, đừng để cho ngài ta ăn con bài nào cả! - ai đó phía trên hét lên giễu cợt.

Cả Monti, lẫn Angustina đều không ngẩng đầu, làm ra vẻ như rất say sưa. Nhưng viên đại úy chơi miễn cưỡng, hần học quật những lá bài xuống áo capót. Angustina vô vọng cố làm cho ông ta hăng hái hơn:

- Thế nữa cơ đấy, hai con át liền... còn con bài ăn này của tôi... Ngài hãy thú nhận đi, ngài đã để hớ con chuẩn rồi...

Dần dần thậm chí chàng còn cười to - và điều đó chàng thể hiện hoàn toàn tự nhiên.

Phía trên lại vọng đến họ các giọng nói, sau đó là tiếng thậm thịch: chắc lẽ bọn người phương Bắc rời đi.

- Chúc thành công! - vẫn cái giọng nọ kêu lên.
- Chúc các ngài chơi bài gặp may... và đừng quên về những dây thừng!

Cả viên đại úy, cả Angustina đều không đáp lại. Họ tiếp tục say sưa quật bài, cứ như không nghe thấy những tiếng hét nọ.

Vệt đèn sáng trên đỉnh núi đã tắt. Rõ ràng bọn người phương Bắc chuẩn bị bỏ đi thật. Cỗ bài phồng ra hoàn toàn vì tuyết, và tráo nó mỗi lúc một khó hơn.

- Thôi đủ, - viên đại úy nói, ném những con bài của mình xuống đá. - Đóng kịch thế đủ rồi!

Ông ta dọn chỗ phía dưới vách đá và quấn chặt áo capô hơn.

- Tony! - ông ta hét. - Hãy đem cái cặp cho tôi và tìm một ít nước - tôi muốn uống.

- Họ vẫn còn nhìn thấy chúng ta, - Angustina nói.
- Nhìn thấy từ đỉnh núi!

Nhưng hiểu rằng điều đó chẳng ép buộc nổi Monti, chàng chơi bài một mình, làm ra vẻ ván bài vẫn tiếp diễn.

Với những lời reo lên oang oang cứ như liên quan

đến ván bài vậy, chàng trung úy tay trái giữ các quân bài, còn tay phải “đi”, ném chúng ra mép áo capôt, và ăn quân. Qua màn tuyết dày đặc, tất nhiên, những kẻ ngoại bang sẽ không thể ngó thấy từ phía trên là chàng chơi không có đối thủ.

Cái lạnh kinh khủng xuyên thấu chàng. Trung úy cảm thấy rằng chàng đã không còn có thể rời khỏi chỗ, cũng không thể nằm xuống nổi nữa. Chưa bao giờ trong đời chàng lại cảm thấy tồi tệ đến nhường ấy. Trên dãy núi ẩn hiện vệt sáng đèn: Bọn người lạ rõ ràng đã cách xa, nhưng vẫn còn có thể thấy chàng được. *(Còn phía sau cửa kính của biệt thự kì diệu xuất hiện một thân hình mảnh mai: chàng, Angustina, hoàn toàn còn là một cậu bé, nhợt nhạt khác thường, trong bộ trang phục đẹp với cổ áo ren trắng. Bằng một cử động mệt mỏi chú mở cửa sổ và nghiêng người tới những ảo hình mờ ảo đang bám vào bệ cửa sổ, dường như chú với chúng có quan hệ bằng hữu và chú muốn nói gì đó với chúng.)*

- Không ăn, không ăn được! - Angustina cố hét lên sao cho những người ngoại bang kia nghe thấy tiếng chàng, nhưng giọng của chàng chỉ khô khè và yếu ớt. - Quỷ tha ma bắt, đó đã là lần thứ hai rồi, thưa ngài đại úy!

Quán mình trong capôt, chậm rãi nhai gì đó, Monti chăm chú ngắm nghía Angustina và cảm thấy nỗi hân học của ông ta đã qua đi.

- Thôi, đủ rồi, đi vào chỗ trú đi, trung úy, bọn người phương Bắc chuẩn rồi!

- Ngài chơi tốt hơn tôi nhiều, thưa ngài đại úy,

- Angustina vẫn ương ngạnh tiếp tục bắt chước trò chơi, dù giọng chàng gần như đã không nghe ra nữa.
- Hôm nay phong độ của ngài thế nào ấy. Tại sao ngài cứ nhìn đi đằng ấy, lên đỉnh thế? Sao có sự kích động như thế?..

Trong vòng xoáy tuyết những ngón tay của trung úy Angustina xoắn ra, và dưới ánh đèn mờ tỏ thấy rõ, cánh tay giữ chúng nằm cứng đờ dọc theo áo capót và từ nó rơi ra những lá bài nhào nhoét cuối cùng. Tựa lưng vào tảng đá, chàng trung úy từ từ gục đầu xuống; sự buồn ngủ kì lạ xâm chiếm lấy chàng. (*Còn trong đêm trắng giữa thình không, một hội rước nhỏ của những ảo hình mới khiêng một chiếc kiệu, đang đến gần tòa biệt thự.*)

- Trung úy, hãy lại đây đi, ăn qua loa tí chút, trong cái lạnh thế này cần phải ăn, nào, nhanh lên, hãy cố lên! - viên đại úy hét; trong giọng ông ta nghe rõ những nốt lo lắng. - Hãy lại đây, vào chỗ trú, tuyết đang ngừng rơi đấy.

Quả vậy, gần như ngay lúc đó tấm màn những chùm bông tuyết trở nên bớt đặc và bớt nặng đi, không khí trở nên trong hơn, dưới ánh sáng đèn lồng đã có thể nhìn rõ các vách đá ở khoảng cách vài chục mét.

Và bỗng xuyên qua bão tuyết ở khoảng xa không nhìn thấy chột lóe lên những ánh lửa của Pháo đài. Có cảm giác, chúng nhiều vô kể - cứ như trong một lâu đài cổ bị phù phép, bị chiếm trọn bởi sự cuồng loạn của lễ hội múa rước đa thần giáo. Angustina trông thấy chúng, và một nụ cười yếu ớt chạm khê lên cặp môi đông cứng vì lạnh.

- Trung úy! - viên đại úy lại gọi, khi bắt đầu hiểu điều gì đang diễn ra. - Trung úy, ông bỏ ngay những con bài ấy đi, đến đây nào, ở đây có thể tránh được gió.

Nhưng Angustina vẫn đắm đắm nhìn những ngọn lửa và, thật sự, đã không còn biết chính xác đó là gì nữa: Pháo đài, hay một thành phố xa xăm, hay ngôi nhà thân thuộc, tòa biệt thự nơi mọi người đã không còn chờ đợi chàng.

Có thể, một người lính gác nào đó trên lũy trong của đồn, hướng cái nhìn tình cờ lên núi, đã phân biệt được những ngọn đèn sáng ở trên cao, rất cao trên dãy núi. Từ khoảng cách như thế bức tường đáng nguyên rủa trông nhỏ bé tới mức không thể nhìn ra nó. Cũng có thể là Drogo đang chỉ huy tuần tra, mà Drogo hẳn lẽ ra có thể đi cùng đại úy Monti và Angustina, nếu chàng muốn. Nhưng chàng cho rằng toàn bộ chiến dịch này là ngu ngốc đến tột độ: giờ đây, khi môi hiểm họa vụ tấn công đã tan đi, chàng cảm thấy lệnh của chỉ huy trưởng là một dự định vô nghĩa, mà nó chẳng mang lại mấy nổi vinh quang. Nhưng trông thấy những đốm lửa nhấp nháy ở trên núi, Drogo tiếc rằng đã không đi cùng Monti. Thì ra, có thể giành được vinh quang không chỉ trong chiến tranh. Và chàng thật muốn ngay bây giờ cũng được ở kia, phía trên cao, trong bóng tối màn đêm và trong cơn cuồng nộ của bão tuyết. Nhưng đã muộn: chàng đã để lỡ mất một dịp như thế.

Được nghỉ ngơi, mặc áo quần khô ráo, quần trong áo capôt ấm, Giovanni Drogo nhìn lên những ánh lửa xa xôi, nhận thấy mình đã trải qua gì đó giống giống

sự ghen tị, còn trong khi đó Angustina, toàn thân phủ một lớp vỏ bọc bằng tuyết đông dính, thu mọi hơi tàn, vượt bộ ria mép ướt của mình và cố gắng gượng sửa lại các nếp gấp của áo capôt - không phải để quần chặt hơn trong nó và sưởi ấm, không, chàng có một dự định ngấm khác. Đại úy Monti kinh ngạc nhìn chàng từ chỗ ẩn của mình và không sao có thể hiểu Angustina đang làm gì. Đâu đó hình như ông ta đã thấy một cảnh rất giống, nhưng chính là nơi đâu - ông ta không thể nhớ lại nổi.

Tại một gian của Pháo đài có treo một bức chạm khắc cổ trên đó họa lại cái chết của công tước Sebastiano. Ngài công tước bị tử thương nằm trong một cánh rừng, tựa lưng vào một thân cây, đầu ngả hơi nghiêng sang một bên, còn tấm áo choàng của ngài buông từ vai xuống bằng những nếp gấp gây ấn tượng mạnh; toàn bộ cảnh đó không hề toát lên cảnh cái chết đau đớn, trông ghê tởm về thể xác, và không ai ngạc nhiên, làm sao người họa sĩ biết cách truyền đạt được tính cao thượng và vẻ phong nhã của nhân vật ngay cả trong một tình huống như thế.

Phải, Angustina - một cách vô thức, tất nhiên là thế, - cố đạt tới sự giống nhau với công tước Sebasitano, người bị tử thương trong rừng sâu heo hút. Thực ra, Angustina không có những binh giáp sáng rực như công tước, nằm cạnh chân anh không là chiếc mũ trụ dẫm máu và thanh gươm gãy. Chàng tựa không phải vào thân cây, mà vào tảng đá cứng; không phải tia nắng cuối cùng rơi xuống khuôn mặt chàng, mà chỉ là ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn;

nhưng tư thế tay, chân, các nếp gấp áo capôt, biểu hiện của sự mệt mỏi chết người trên khuôn mặt thì y hệt như thế.

So sánh với Angustina thì cả viên đại úy, cả viên trung sĩ, và tất cả những binh lính còn lại, những người mạnh khỏe và can trường hơn nhiều, nhìn thấy nhau chỉ là những gã đàn ông thô thiển chưa được đẽ gọt. Và trong lòng Monti, dù kì quặc làm sao, vẫn dấy lên một cảm giác ghen tị ngấm ngấm.

Cơn mưa tuyết đã ngừng, gió rền rĩ rít lên giữa các vách núi, làm quay cuồng đám bụi lạnh cóng, làm run rẩy những lưỡi lửa nhỏ bên trong lớp kính đèn lồng. Có vẻ Angustina đã không còn ý thức được gì nữa và nằm bất động, ngả người lên phiến đá và không rời mắt khỏi những đốm lửa xa xăm của Pháo đài.

- Trung úy! - Monti lại lần nữa cố động viên chàng. - Trung úy! Nào, đi lại đây, dưới mái che này, ở đây ông không trụ nổi đâu, ông sẽ chết cóng mất. Đi đi, Tony đã dựng chỗ này một cái kiểu như mái che rồi.

- Cảm ơn, đại úy, - Angustina thì thảo khó nghe thấy và, bởi chàng nói rất khó khăn, khẽ giơ tay lên, cho hiểu rằng đối với chàng giờ đây điều đó đã không còn ý nghĩa, rằng mọi thứ đó toàn là điều đó dần.

(Cuối cùng, kẻ cầm đầu những ảo hình làm một cử chỉ quyền uy, và Angustina với vẻ mặt buồn chán thường lệ của mình bước qua bậc cửa sổ và tao nhã hạ người vào chiếc kiệu. Đoàn người bị mê hoặc nhẹ nhàng rời chỗ.)

Mấy phút chỉ nghe thấy tiếng hồi thúc khô khè của gió. Những người lính dồn cục lại dưới vách đá nơi ẩm hơn, tan biến mọi ham thích đùa giỡn, và họ lặng lẽ chống chọi với cái lạnh.

Khi gió lặng đi một phút, Angustina khê ngẩng đầu, chậm chạp hé môi, để nói gì đó, nhưng chỉ kịp thốt ra: "Mai cần phải..." Tất cả chỉ ba từ, và chúng được nói khê đến mức khó lắm đại úy Monti mới nghe ra nổi.

Ba từ, và mái đầu Angustina gục xuống ngực một cách bất lực. Bàn tay trắng cứng đờ của chàng nằm không động đậy trên nếp gấp áo capót, miệng khép lại, còn cặp môi tạo thành một nụ cười yếu ớt. *(Khi trôi đi trong chiếc kiệu, chàng dứt ánh mắt khỏi người bạn và với vẻ hiều kì vui vẻ nhìn nghi ngại về phía trước, về cái hướng mà đoàn rước lễ đi tới. Và thế, với vẻ cao thượng gần như siêu nhiên thế nào ấy, chàng đi vào cõi đêm. Đoàn rước lễ ma quái, lượn ngoằn ngoèo, chậm rãi đi lên trời mỗi lúc một cao hơn và thoát đầu biến thành một đuôi áo kéo dài, rồi sau thành một tùm mây tí xíu, sau nữa - không gì cả.)*

- Cậu muốn nói gì thế, Angustina? Cái gì - ngày mai? - Viên đại úy lắc vai chàng trung úy, cố làm chàng hồi tỉnh; nhưng chỉ làm nhàu những nếp gấp tao nhã của tấm áo khoác nhà binh. Đáng tiếc làm sao! Chưa có ai trong số binh sĩ kịp hiểu chuyện gì đã diễn ra.

Chỉ có giọng của gió từ hố sâu đen ngòm của vực thăm vang lên lời trách cứ của Monti.

Cậu muốn nói gì đấy, Angustina? Cậu bỏ đi,

không kịp nói trọn câu. Có thể, đó là một ý nghĩ tâm thường ngốc nghếch, có thể, là biểu hiện niềm hi vọng không thành. Mà có thể, cả điều đó cũng không có nữa.

XVI

Mọi người đã mai táng trung úy Angustina, và thời gian trong Pháo đài lại trôi đi như trước.

Thiếu tá Ortis hỏi Drogo:

- Cậu đã bao nhiêu năm ở đây rồi nhỉ?

- Bốn năm ạ.

Mùa đông bất ngờ ập đến, cái mùa nặng nề nhất trong năm. Giờ đây cần phải chờ đợi tuyết: mới đầu nó xếp thành một lớp bốn, năm centimét, sau đó, sau một đợt ngừng, một lớp dày hơn, còn sau nữa thì cứ rơi và rơi bất tận. Có cảm giác mùa xuân sẽ chẳng bao giờ đến. (Vây mà, vào một ngày đẹp trời, sớm hơn nhiều so với mọi người dự đoán, đã nghe rõ từ những đài quan sát tiếng những suối nhỏ mùa xuân lại chảy, và mùa đông bất ngờ chấm dứt.)

Quan tài với thi hài trung úy Angustina được bọc trong vuông vải cò, nằm yên dưới đất, phía sau một hàng rào không cao, sát cạnh Pháo đài. Phía trên ngôi mộ vườn cao chiếc thập tự đá màu trắng với tên

tuổi được khắc lên đó. Người ta đặt một chiếc thập tự nhỏ bằng gỗ cho anh lính Lazzati ở chếch đó cách xa hơn.

- Đôi khi tôi nghĩ... - có lần Ortis nói, - chúng ta cứ mãi khao khát chiến tranh, hi vọng nó sẽ xảy ra, phật ý với số phận vì rằng chỗ chúng ta chẳng có gì xảy ra cả. Thế nhưng chỉ cần lấy gương của Angustina...

- Thì ra, - Giovanni Drogo phụ họa, - thì ra, Angustina không cần đến sự ban ân của số mệnh và dù thế nào đi nữa cũng vẫn có thể nổi bật lên phải không?

- Cậu ấy là người yếu ớt và, có lẽ, không khỏe mạnh, - thiếu tá Ortis nói. - Cậu ấy khổ sở hơn so với tất cả chúng ta. Cậu ấy, cũng như chúng ta, không giao chiến với kẻ thù và, cũng như chúng ta, không biết đến chiến tranh. Vậy mà cũng đã hi sinh như một chiến binh. Thế đấy! Trung úy ạ, chính anh cũng rõ cậu ấy hi sinh trong hoàn cảnh nào chứ?

- Vâng, - Drogo đáp, - đại úy Monti đã kể với tôi.

Khi mùa đông đến, những người ngoại bang đã bỏ về nhà. Những lá cờ đuôi nheo tuyệt vời, phấp phới như nhuộm thắm máu của hi vọng dần dần rũ xuống, và trong lòng mọi người lại ngự trị sự tĩnh lặng. Mọi thứ xung quanh trở nên trống rỗng, và những cặp mắt vô vọng kiếm tìm dù chỉ gì đó xa xa, ở tận chân trời.

- Đúng là cậu ấy biết khi nào nên chết, - thiếu tá Ortis nói. - Cứ như nhận một viên đạn vào ngực vậy. Anh hùng, không còn nói gì hơn được. Thế nhưng không có ai bắn cả. Đối với tất cả những người cùng

đi với cậu ta hôm ấy, các cơ hội là ngang nhau, cậu ấy không có những ưu thế gì hơn, chẳng lẽ cậu ấy chết dễ dàng hơn so với những người khác hay sao. Còn những người khác... thực chất, họ đã làm gì? Đối với những người khác, ngày hôm đó cũng chỉ gần như là tất cả những ngày còn lại.

- Chỉ lạnh hơn một chút so với thông thường, - Drogo nói.

- Phải, có chút lạnh hơn, - Ortis nhắc lại theo sau chàng. - Vả lại, cả anh, trung úy ạ, đã có thể đi lúc ấy với họ. Chỉ cần có ý muốn thôi.

Họ ngồi trên chiếc ghế băng gỗ trên khoảnh sân cao nhất của đồn lẻ số Bốn. Ortis đến thăm trung úy Drogo đang trực ở đấy. Càng ngày những mối dây tình thân hữu chân chính càng thắt chặt hơn.

Họ ngồi trên ghế băng, quán người trong capô, vô tình ngó ra xa, lên phía Bắc, đến nơi đang tụ lại những đám mây tuyết khổng lồ, không hình thù. Gió Bắc ào đến theo từng đợt chui vào trong áo. Các đỉnh vách đá cao bên phải và bên trái ngọn đèo đen sẫm lại.

Drogo nói:

- Tôi nghĩ ngày mai tuyết sẽ rơi ở chỗ chúng ta.

- Hoàn toàn có thể, - vị thiếu tá đáp lại thờ ơ.

- Phải, sẽ có tuyết, - Drogo lại nói. - Quạ cứ bay và bay hoài.

- Chúng ta cũng có lỗi, - Ortis vẫn chìm trong một ý nghĩ không chịu lùi. - Rốt cuộc mỗi người vẫn nhận được cái gì anh ta xứng đáng. Như Angustina chẳng hạn, cậu ta đã sẵn sàng trả bằng cái giá đắt nhất,

còn chúng ta thì không. Có lẽ, mọi sự là chỗ đó. Có thể, ở chúng ta các đòi hỏi là quá lớn chăng? Mà nói chung, mỗi người vẫn nhận được cái mà anh ta xứng đáng. Chắc lẽ...

- Thì sao nào? - Drogo hỏi. - Chúng ta thì có thể làm được gì đây?

- Riêng tôi - không gì cả, - Ortis đáp với nụ cười.
- Tôi chờ đã quá lâu, chứ như anh...

- Tôi - sao?

- Hãy đi khỏi đây trong khi còn chưa muộn, hãy quay về thành phố. Anh sẽ quen với cuộc sống doanh trại ở đây. Theo như tôi có thể đánh giá, anh không phải ở trong số những kẻ coi thường những niềm vui sướng của cuộc đời. Nơi ấy chắc chắn con đường công danh sáng chói đang chờ anh, điều đó hoàn toàn chính xác. Không phải số phận tất cả mọi người đều trở thành anh hùng.

Drogo không đáp lại.

- Anh đã bỏ phí mất bốn năm trời, - Ortis tiếp tục. - Chúng, đúng là, sẽ được tính thành thời hạn phục vụ tám năm, nhưng hãy suy nghĩ, anh sẽ thấy tốt hơn biết bao nếu ở thành phố. Ở đây anh bị dứt hẳn ra khỏi thế giới, tất cả đã quên lãng anh... hãy quay lại, trong khi còn chưa muộn.

Giovanni nghe, cảm mặt xuống đất và im lặng.

- Tôi thấy, như đã xảy ra với những người khác, - vị thiếu tá nói. - Dần dần họ quen với Pháo đài đến nỗi đã biến thành những tù nhân của nó và đánh mất khả năng xê dịch khỏi vị trí. Những lão già ở tuổi ba mươi! Ôi chao..

- Có thể là ngài đúng, ngài thiếu tá ạ, - Drogo đáp, - nhưng vào cái tuổi của tôi...

- Anh còn trẻ, - Ortis không chịu lùi, - anh còn nhiều thứ ở phía trước, đó là sự thật. Nhưng vào địa vị anh, chắc tôi không nấn ná đâu. Bỏ lỡ thêm khoảng hai năm nữa - chỉ hai năm nữa thôi, - và quay trở lại là đã quá khó khăn.

- Cảm ơn ngài đã khuyên, - Drogo nói, những lời của vị thiếu tá chẳng hề tác động một chút nào đến chàng, - nhưng mà ở đây, ở Pháo đài này, cũng có thể hi vọng đến một điều gì tốt đẹp hơn chứ. Cứ cho rằng nghe ra thật ngu ngốc, nhưng nếu nói thẳng ra, thì ngay ngài cũng buộc phải thú nhận...

- Phải, thật đáng tiếc, - vị thiếu tá đáp. - Tất cả chúng ta thế này hay thế nọ vẫn cứ bước bình hi vọng điều gì đó. Nhưng chính anh hãy tự xét lấy, đó chỉ là sự phi lí. - Ông phẩy tay về phía Bắc. - Người ta sẽ chẳng bao giờ bắt đầu chiến tranh từ phía ấy. Sau cái chuyện mới đây, đã không còn ai suy nghĩ một cách nghiêm túc về chiến tranh nữa.

Vị thiếu tá đứng dậy, ngó về phía Bắc cũng hết như vào buổi sáng xa xưa nọ, khi họ gặp nhau ở rìa bình nguyên và Drogo đang say mê, ngắm nghía mãi các bức tường bí ẩn Pháo đài. Bốn năm đã qua từ bấy đến giờ - một quãng đời đáng kể, - nhưng qua thời gian ấy không hề xảy ra điều gì, tuyệt nhiên không gì cả, điều có thể đáp ứng những hi vọng lớn lao của ông. Ngày lại ngày nối đuôi nhau đi biệt tích; một lần vào buổi sáng trên mép bình nguyên xa lạ xuất hiện những người lính mà chúng có thể hóa thành kẻ thù,

nhưng sau những công việc thường tình về vạch mốc biên giới, họ đã bỏ về nhà. Trên thế gian hòa bình lại ngự trị, lính canh không thổi kèn báo động, không có gì dự báo sẽ có những đổi thay nào đó. Vẫn y như những tháng năm cũ, với những dấu hiệu, như bao giờ cũng thế, mùa đông đã lại gần, và gió Tây khê huyết sáo trên đầu binh sĩ. Và cả ông, thiếu tá Ortis, vẫn ở đây như cũ, đứng trên hàng hiên đồn lẻ số Bốn và bản thân không tin những luận cứ của mình, cứ mãi nhìn sâu vào hoang mạc phía Bắc, dường như chỉ một mình ông được trao quyền nhìn nó, chỉ mỗi ông được quyền ở lại Pháo đài - không quan trọng, vì mục đích gì, - còn Drogo kia, đầu anh chàng là một thanh niên tốt, đứng ở đây, không đúng chỗ của mình, anh chàng đã tính nhầm, và tốt nhất nên rời đi.

XVII

Và đây, trên các hàng hiên Pháo đài, tuyết tan đã tạo những lớp sóng trâu, và chân bắt đầu thụt vào trong nó như vào trong cháo. Và từ những dãy núi gần bỗng vọng tới tiếng nước tuyết tan êm dịu vui tai, trên các đỉnh núi đó đây xuất hiện những sọc dài dài màu trắng sáng lấp lóa dưới mặt trời, những người lính, tự mình không nhận ra, thỉnh thoảng lại

ư ử hát giọng mũi - lần đầu tiên sau mấy tháng trời.

Vàng dương không vội hướng về phía chân trời như trước, mà dừng lại lâu hơn trên thình không, đốt chảy đám tuyết tích tụ lại: từ phương Bắc các tầng băng trôi vẫn cứ trườn về một cách vô vọng và những đám mây cũng trườn về - chúng mang theo mình không phải là tuyết nữa, mà chỉ là mưa, mãnh liệt gột rửa đi những tàn tuyết sót lại. Mùa xuân lại đến rồi.

Sáng sáng rộn lên tiếng chim ca: tất cả đã kịp quên mất nó. Mà lũ quạ cũng thôi không tụ lại thành bầy trên quân trường của Pháo đài chờ đợi những mẩu thức ăn thừa của nhà bếp nữa, chúng bay tản mát dọc thung lũng tìm kiếm thức ăn tươi sống.

Đêm đêm, trong bóng tối, các giá treo balô, các giá đỡ súng trường hình kim tự tháp trong doanh trại, những cánh cửa và những đồ gỗ nặng nề bằng gỗ dẻ trong phòng ngài đại tá - nói chung, tất cả mọi thứ đồ bằng gỗ, kể cả những thú cũi ki nhắt, bắt đầu kêu cọt kẹt. Thỉnh thoảng có tiếng nổ lách tách giống như những phát đạn súng lục, cứ như có gì đó bay ra vỡ tan tành vậy; mọi người ngủ trên giường của mình và lắng nghe, nhưng không nghe thấy gì cả, ngoài những tiếng cọt kẹt ban đêm ấy.

Đã đến thời, trong những đòn kéo cũ kĩ, nỗi buồn nhớ khôn nguôi về sự sống lại lên tiếng. Từ xưa từ xưa đã qua đi những ngày hạnh phúc khi dòng nhựa nóng trẻ trung chảy qua cành lá, rót sức lực cho muôn vạn chồi non. Rồi cái cây bị chặt. Nhưng mỗi mùa xuân đến trong nó lại bùng tỉnh

tiếng vang vọng yếu ớt của sự sống. Một thời từng có lá và hoa, giờ đây - chỉ là một hồi ức mờ mờ đủ làm nổ ra tiếng lách tách khô khốc và lại chết lặng đi chờ đợi một năm sau.

Đã đến thời, những ý nghĩ không hề có chút gì thuộc nhà binh đã thường thường đến thăm cư dân Pháo đài. Pháo đài dường như không còn là chỗ trú đáng tin cậy, mà là một nhà tù. Các bức tường màu vàng với những vết nước rò đen thẫm và các bậc sườn mòn vẹt của thành trì hoàn toàn không đáp ứng nổi tâm trạng mùa xuân mới.

Có một sĩ quan - từ sau lưng ta không phân biệt nổi chính là ai, nhưng hoàn toàn có thể là Giovanni Drogo, - với một vẻ buồn chán đi quanh nhà rửa và phòng giặt rộng rãi và vắng vẻ của binh lính lúc buổi sáng này. Nhưng không phải để kiểm tra, mà chỉ do chàng ta không ngồi yên nổi một chỗ, mọi thứ nơi đây ngăn nắp tuyệt đối, các bồn rửa được đánh sạch, sàn được quét kĩ, còn binh sĩ không có lỗi trong việc một cái vòi nước nào đó bị rò rỉ.

Viên sĩ quan dừng lại và nhìn lên phía trên, lên một trong các cửa sổ. Cửa sổ đang đóng, kính của nó rõ ràng đã nhiều năm không được lau rửa và quanh các góc bị mạng nhện đan chằng. Nói chung, nó chẳng có gì có thể làm vui lòng người nổi. Nhưng xuyên qua lớp kính, cho dù khá khó khăn, vẫn có thể nhìn được bầu trời. Phải, vẫn chỉ một bầu trời này, đúng thế, chàng sĩ quan nghĩ, cũng chỉ một mặt trời này giờ đây đang rực rỡ cả trên các bồn rửa, cả trên những cánh đồng tuyết diệu xa xôi.

Các đồng cỏ xanh tốt lên và mới đây đã được phủ bởi những bông hoa nhỏ bé, mà nếu nhìn từ đây, từ Pháo đài, chúng như có màu trắng. Còn cây cối, tất nhiên, đã xoè ra những lá mới. Có lẽ, sẽ thú vị biết bao được phóng ngựa trên vùng ngoại vi không mục đích! Mà, trên một lối mòn uốn lượn giữa những mảnh vườn, lại gặp một thiếu nữ xinh đẹp, đi qua rất gần bên cạnh con ngựa của ta, mỉm cười niềm nở cùng ta nữa. Ôi có buồn cười không chứ? Có xứng đáng với một sĩ quan pháo đài Bastiani hay chẳng khi thả hồn vào những mộng mơ ngu ngốc như thế này?!

Qua cửa sổ đầy bụi bặm của nhà rửa, thật cũng lạ lùng thấy rõ cả một đám mây trắng đẹp. Cũng những đám mây như thế này bây giờ đang bay trên thành phố xa xôi, đám dân chúng dạo chơi thảnh thơi lại ngược nhìn chúng, vui mừng rằng mùa đông đã qua đi; mọi người hầu như khoác trên mình như quần áo mới hoặc vừa được sửa sang cẩn thận, phụ nữ đội những chiếc mũ rộng vành kết đầy hoa và mặc những váy áo sắc sỡ. Bộ dạng ở tất cả mọi người cứ như sắp sửa sẽ phải diễn ra một điều gì đó tốt đẹp, mừng vui. Chỉ ít thì trước kia mọi thứ chính là như thế; ai biết được, có thể, bây giờ một đã đổi rồi. Cũng hay, nếu khi đi ngang qua, ta nhận thấy trong ô cửa sổ nào đó có một cô gái đẹp, cô ấy sẽ mỉm cười với ta không nhỉ, chỉ đơn giản thế thôi, vô nguyên cớ. Những ý tưởng, về bản chất là ngây ngô thế nào cơ, cứ lên vào đầu! Những điều ngây ngô may ra có thể tha thứ được cho một tay ấu trĩ mà thôi.

Qua những tấm kính ở bên cạnh trông rõ được một phần bức tường. Nó cũng được mặt trời tưới sáng, nhưng sao điều đó không tạo niềm vui. Gì đi nữa - mặt trời hay mặt trăng, - có chiếu bức tường trại lính cũng hoàn toàn chẳng đáng chú ý, chỉ sao quá trình phục vụ không bị vi phạm là được. Vẫn chỉ là bức tường trại lính bình thường vậy thôi. Thế mà đã có lúc, vào một ngày tháng Chín xa xưa, viên sĩ quan như bị bỏ bùa nhìn lên những bức tường ấy: hồi đó chàng cho rằng, đằng sau chúng là một số phận khác nghiệt, nhưng đáng ước mong đang đợi chàng. Và dù chẳng có gì quyến rũ trong những bức tường đó, nhưng chàng đã mấy phút đứng bất động trước chúng, dường như đứng trước một điều kì diệu nào đấy.

Viên sĩ quan dạo thơ thẩn trên khu nhà rửa văng ngắt; những người khác trực ban tại các đồn lẻ, phóng ngựa trên các bãi tập lớn khởm đá, ngồi trong các văn phòng làm việc. Không ai trong số họ có thể hiểu, chính xác chuyện gì đang xảy ra, nhưng những khuôn mặt xung quanh không hiểu tại sao cứ tác động tới thần kinh của tất cả mọi người. Vẫn là những diện mạo ấy, mỗi người đều bất giác nghĩ, vẫn những câu chuyện ấy, vẫn chỉ công vụ ấy, giấy tờ ấy mà thôi. Thế mà trong lòng sục sôi những mong muốn mơ hồ: nó muốn gì, không thể diễn đạt bằng lời, chỉ thấy rõ rằng điều đó chẳng liên quan gì đến các bức tường trại lính, đến binh sĩ, đến âm thanh của kèn thổi.

Vậy, hãy phi đi, hồi chú ngựa nhỏ, trên các ngã

đường bình nguyên, hãy chạy khỏi đây, trong lúc còn chưa muộn, đừng dừng lại, thậm chí là đã mệt, hãy phi đi, trong khi chưa hiện ra những cánh đồng xanh, những cây cối, những ngôi nhà, nhà thờ và tháp chuông thân thuộc với trái tim.

Và lúc ấy - xin vĩnh biệt, Pháo đài, ở lại đây là nguy hại, điều bí ẩn không đến nỗi khó đoán lăm của người đã bị đoán ra, bình nguyên phương Bắc đã và vẫn sẽ là hoang mạc nguyên như thế, chẳng bao giờ kẻ thù đến từ đó để tấn công những bức tường thăm hại này, nói chung sẽ chẳng có ai đến thêm đâu. Vĩnh biệt, thiếu tá Ortis, người bạn thăm sâu, kẻ đã không thể tách khỏi Pháo đài được nữa, như con ốc sên không thể tách khỏi vỏ của nó. Nơi đây những kẻ như ông là khá nhiều: đã quá lâu các vị nhần nại trong các mơ ước của mình, thời gian đã vượt qua các vị, và các vị đã không còn có thể bắt đầu lại từ đầu được nữa.

Giovanni Drogo thì vẫn còn có thể. Chẳng có gì giữ được chàng ở lại thêm trong Pháo đài. Giờ đây chàng xuống núi, trở lại với xã hội bình thường, chắc chàng sẽ được đề cử một vị trí đáng ghen tị - có khi còn được phái ra nước ngoài, - trong đoàn tùy tùng của một vị tướng nào đó. Những năm sống trong Pháo đài, tất nhiên Giovanni đã bỏ qua mất không ít cơ hội, nhưng không sao, chàng còn trẻ, trước mặt còn đủ thì giờ để làm bù điều đã để lỡ.

Và thế, vĩnh biệt, Pháo đài với những đồn lẻ phi lí, những người lính nhần nhục, viên đại tá của

người, người mà mỗi buổi sáng giấu giếm tất cả mọi người, dùng ống nhòm nghiêng ngó hoang mạc phía Bắc. Vô ích! không bao giờ ông ta nhìn thấy cái gì đáng ấy đâu. Vĩnh biệt, nắm mồ của Angustina - có lẽ chỉ một chàng ta là gặp may ở đây: ít nhất chàng cũng đã hi sinh như một chiến binh thật sự, - vẫn tốt hơn so với cái chết trên giường bệnh viện. Vĩnh biệt, căn phòng mà trong đó Drogo đã ngủ một cách trung thực mấy trăm đêm. Vĩnh biệt, khoảng sân, nơi ngay vừa chiều nay, như quân luật đòi hỏi, các binh sĩ đã xếp hàng khi chuẩn bị đi trực gác. Lời chào vĩnh biệt cuối cùng gửi hoang mạc phương Bắc, cái nơi đã không để lại trong lòng một ảo vọng gì.

Hãy vứt bỏ hết những thứ đó ra khỏi đầu đi, Giovanni Drogo, đừng ngoái lại phía sau bấy giờ nữa, khi cậu đã ở mép cao nguyên vùng núi và con đường đang mờ mịt cậu xuống thung lũng. Đừng thể hiện sự yếu đuối ngu ngốc như thế. Cậu đã quen từng mẩu đá của pháo đài Bastiani, và có thể khỏi phải nghi ngờ rằng, sẽ không bao giờ cậu quên được nó. Con ngựa phi nước kiệu một cách vui vẻ, thời tiết tuyệt đẹp, bầu không khí ấm áp tươi mới và trong suốt, phía trước còn cả cuộc đời dài, nó, có thể nói, chỉ mới bắt đầu thôi. Ngoái nhìn lại mà làm gì những bức tường này, những căn hầm tránh đạn, những người lính đang đứng gác? Thế đấy, thêm một trang nữa được lật qua chậm chậm, nằm ở mặt khác, bổ sung vào những trang còn lại đã được đọc xong: trong lúc này mới tập hợp được một lớp mỏng. So sánh nó với những trang sẽ còn phải đọc, số đó là

vô cùng. Và dấu sao thì nó vẫn là một trang đã được đọc xong, ngài trung úy ạ, có thể nói, cả một mẫu cuộc đời cậu.

Đến mép cao nguyên đá, thực sự Drogo không hề ngoài lại phía sau: khi bắt đầu xuống dốc, chàng không một chút lưỡng lự, thậm chí không quay đầu lại, thúc ngựa chạy và huyết sáo một giai điệu nào đó khá thoải mái, dù sự thoải mái đó khó khăn lắm chàng mới có được.

XVIII

Cánh cửa ra vào không bị đóng, và Drogo lập tức cảm thấy phảng phất không khí gia đình thân thuộc: chàng nhớ nó từ ấu thơ, lúc quay về nhà sau mùa hè đã sống tại nhà nghỉ ngoại ô. Đó là hương vị thân thuộc đáng yêu đối với trái tim, nhưng sau bấy nhiêu năm trong chàng có cảm giác một cái gì đó thảm hại. Phải, chính xác, nó làm Drogo hồi nhớ những năm tháng xa xôi, những niềm vui ngày chủ nhật, những buổi tối hạnh phúc bên chiếc bàn ăn, tuổi thơ qua đi không quay trở lại, nhưng đồng thời lúc đó có cả sự liên tưởng với những cánh cửa sổ rèm buông kín, sự còng lưng học bài, việc dọn dẹp buổi sáng, bệnh tật, những cuộc cãi vã, những con chuột.

- Ôi, ông chủ trẻ đã về! - bà Giovanna don hậu

kêu lên sung sướng khi mở cửa cho chàng.

Còn ngay đó mẹ đã bước ra; ơn trời, bà hoàn toàn không thay đổi.

Ngồi trong phòng khách và cố đáp lại vô số các câu hỏi, chàng cảm thấy rằng niềm vui bất giác nhường chỗ cho nỗi buồn. So với những thời trước chàng cảm thấy ngôi nhà đã trở nên hoang vắng: một người anh đã ra nước ngoài, người khác lang bạt trời mới biết ở đâu. người thứ ba sống tại vùng quê. Ở nhà chỉ còn một bà mẹ, nhưng cả bà cũng đang vội đến lễ mixa: một bà bạn đang chờ mẹ ở nhà thờ.

Trong phòng của chàng mọi thứ vẫn y nguyên như thời chàng còn ở nhà - thậm chí không ai đụng đến cả những cuốn sách, - nhưng dù thế chàng vẫn cảm thấy nó xa lạ. Chàng ngồi xuống ghế bành, lắng nghe tiếng lộc cộc của các cỗ xe chạy ngoài đường, nghe những giọng nói to trong bếp. Một mình ở trong phòng... mẹ đang cầu nguyện ở nhà thờ, các anh đi tứ tán, hóa ra, chẳng ai trên cõi đời này ngó ngang đến Giovanni Drogo. Chàng mở cửa sổ, trông thấy những ngôi nhà màu xám, những dãy mái nhà dày đặc, bầu trời ảm đạm. Chàng tìm thấy những cuốn vở học sinh cũ, cuốn nhật kí mà chàng viết trong suốt nhiều năm, những lá thư nào đó trong một chiếc hòm. Thật đáng ngạc nhiên, lẽ nào đó là chàng viết: những công việc và sự kiện lạ lùng nào ấy đã quên bằng đi trong trí nhớ. Chàng ngồi xuống cạnh chiếc đàn phong cầm, thử vài hợp âm, đóng sập nắp lại. Và thầm nghĩ: gì sẽ tiếp theo đây?

Như một kẻ xa lạ, chàng đi trong thành phố kiếm

tìm bè bạn cũ, nhưng hóa ra tất cả bọn họ đều bận bịu đến tận cổ bởi bao việc khác nhau - các cơ sở làm ăn, đường công danh của mình. Bạn hữu nói với chàng về những vấn đề nghiêm túc và quan trọng, về các nhà máy, đường xe lửa, bệnh viện. Ai đó mời chàng dự bữa ăn trưa, ai đó cưới vợ, mỗi người tự lựa chọn con đường riêng của chính mình trong cuộc đời, và qua bốn năm tất cả đã xa cách với chàng một cách dễ nhận thấy. Giovanni có cố gắng đến bao nhiêu (mà có thể, chàng đã đánh mất khả năng ấy rồi cũng nên?), nhưng chàng đã không sao làm sống lại những cuộc trò chuyện, những câu đùa, những từ ngữ của ngày xưa. Chàng lang thang trong thành phố, đi tìm những người bạn cũ - họ nhiều lắm cơ mà, - nhưng cuối cùng, vẫn hoàn toàn một mình trên vỉa hè, còn trước mắt đến tối, còn lại bao nhiêu là thì giờ.

Chàng dạo chơi cho đến tận khuya với ý định cứng rắn giải trí cho thật đã. Và cứ mỗi lần bước ra khỏi nhà vẫn chỉ với mỗi một hi vọng trai trẻ mơ hồ là bắt gặp được tình yêu của mình, nhưng rồi lại phải quay về với lòng thất vọng. Chàng cảm thù đường phố mà trên đó chàng trở về nhà, con đường chán ngắt, không người, nó làm chàng cảm thấy sự cô đơn của mình càng nhói buốt hơn.

Chính vào những ngày này trong thành phố người ta tổ chức một dạ hội lớn, và Drogo đi tới đó cùng với Bescovi người bạn duy nhất vừa được nối lại, trong tâm trạng tươi sáng nhất. Dù mùa xuân đã thực sự bắt đầu, bình minh vẫn chưa đến quá sớm, thừa có đủ thời gian, cho đến rạng đông có thể xảy ra bất cứ chuyện gì - chính là gì tự Drogo cũng không

biết nữa, nhưng chàng tin rằng cả đồng những trò thoải mái đang chờ đón chàng. Chàng thậm chí đã bắt đầu cuộc chơi với cô gái mặc bộ đồ màu tím nhạt; đồng hồ còn chưa điểm nửa đêm: biết đâu đấy, có thể đến lúc trời bắt đầu sáng giữa họ sẽ nảy sinh tình cảm chẳng? Nhưng ngay đấy ông chủ nhà gọi chàng, có ý định chỉ cho chàng xem lãnh địa của mình, kéo chàng đi hết lối này sang ngõ khác và những phòng tranh, lưu lại một lúc lâu trong phòng sách, buộc chàng đánh giá một cách xứng đáng tất cả không trừ một thứ gì trong bộ sưu tập vũ khí của mình, khởi chuyện về chiến lược, về những mưu mô quân sự, kể một số chuyện tiêu lâm từ cuộc sống gia đình nhà vua; còn thời gian cứ trôi, các kim trên đồng hồ chạy về phía trước với tốc độ khủng khiếp. Khi cuối cùng Drogo may mắn thoát được và chàng, cháy bỏng sự nôn nóng, quay lại phòng khánh tiết, thì hầu như các vị khách đã về hết, và cô gái trong trang phục tím nhạt đã biến mất - rõ ràng, nàng về nhà rồi.

Drogo cố uống cho say, cười ngớ ngẩn - vô ích: thậm chí rượu không giúp nổi chàng. Còn âm thanh của các cây vĩ cầm trở nên mỗi lúc một rời rạc, và đã đến thời điểm âm nhạc không còn cần thiết, bởi vì đã không còn ai nhảy nữa. Drogo phiến muộn ở trong vườn, giữa cây cối, và nghe vẳng từ xa những âm thanh của một điệu valse; cảm giác lễ hội dần dần bay đi, còn bầu trời từ từ trắng dần lên - rạng đông đang đến gần.

Các vì sao đã tắt, nhưng Drogo cứ ngồi, thu mình giữa những bóng đen của khu vườn, và dõi theo sự nảy sinh một ngày mới. Trong khi đó những cỗ xe mạ

vàng cổ này theo sau cổ kia rời khỏi cổng. Cuối cùng dàn nhạc đã lặng đi: các dây tở đi khắp các phòng, tắt đèn. Trên cây, ngay trên đầu Drogo, chợt vang lên tiếng chim hót ngân nga và không kim hãm được. Bầu trời sáng nhanh. Xung quanh đã lặng đi trong sự đợi chờ tin tưởng một ngày đẹp trời. Bây giờ đây, chàng nghĩ, tia nắng đầu tiên sẽ chạm vào thành trì của Pháo đài và những người lính gác bị lạnh cóng. Drogo căng tai một cách vô vọng mong nghe thấy tiếng kèn hiệu.

Thành phố còn đang ngủ; về đến nhà, Giovanni đập cánh cửa ra vào quá mạnh tay. Tia sáng mong manh đã lọt qua các khe hẹp cửa chớp vào các phòng.

- Đó là con, mẹ cứ ngủ đi.

Chàng đi qua hành lang, và, như thường lệ, như những thời xa xôi trước kia, khi chàng trở về sau nửa đêm, từ căn phòng, từ phía sau cánh cửa vọng đến chàng lời gì đó khó hiểu, âu yếm, dù là giọng nói ngái ngủ. Drogo, gần như thanh thản, đi về phía phòng mình, nhưng mẹ hình như còn nói thêm gì đó nữa.

- Gì ạ, thưa mẹ? - chàng hỏi.

Lời của chàng rơi thỏm vào tĩnh lặng. Lúc ấy chàng mới hiểu ra chàng đã lầm nghe tiếng xe ngựa đang xa dần là giọng nói thân thương của mẹ. Bà thực ra không đáp lại gì cả, những bước chân trong đêm của con trai không còn có thể đánh thức bà, như điều từng có trước kia, chúng trở nên xa lạ đối với bà, dường như âm thanh của chúng đã biến đổi theo thời gian.

Có thời, bà xác định không nhầm lẫn tiếng bước

chân của chàng, cứ như một tín hiệu quy ước. Tất cả những âm thanh ban đêm khác, to hơn nhiều so với bước chân của chàng - tiếng rầm rầm của cỗ xe ngoài phố, tiếng trẻ khóc, tiếng cú kêu, tiếng đập cửa, tiếng gió réo gào trong các ống dẫn nước, tiếng động của mưa, tiếng cọt kẹt của đồ gỗ, - không đánh thức giấc ngủ của bà. Chỉ có những bước chân của Giovanni làm bà thức dậy, dù chàng có cố đi nhón chân thế nào chăng nữa; bà chợt thức không phải vì tiếng thậm thịch, mà đơn giản chỉ vì con trai đã trở về.

Giờ đây, hóa ra cả điều đó cũng không còn nữa. Chàng gọi mẹ dậy, như thường lệ, chỉ có cao giọng hơn chút ít; trước kia bà, vừa nghe âm thanh những bước đi quen thuộc của chàng, là đã tỉnh dậy ngay. Còn giờ đây không có ai đáp lại những lời của chàng, chỉ có cỗ xe nhà ai xa xa kêu lộc sộc. Ngổ ngẩn làm sao, Drogo trầm nghĩ, một sự trùng hợp nhảm nhí. Nhưng, thậm chí đã nằm trên giường, chàng vẫn không thể rời bỏ được cảm giác cay đắng: tình yêu của mẹ trước kia dường như đã nhạt nhòa, thời gian và không gian đã hạ xuống giữa họ tấm màn gẻ lạnh.

XIX

Rồi chàng còn đi thăm Maria, em gái của Frantresco Vescovi bạn mình nữa. Trước ngôi nhà

của họ có một khu vườn; mùa xuân đến cây cối trong vườn đã phủ những chiếc lá non tơ, và chim chóc đang hót trên cành.

Maria tươi cười đón chàng ở cửa. Nàng biết Giovanni chắc chắn phải đến, nên mặc chiếc váy màu xanh thắt ở eo lưng, giống như chiếc váy xa xưa mà có thời chàng đã thích.

Drogo nghĩ rằng cuộc gặp gỡ này sẽ gợi lên ở chàng một cơn bão tình cảm, buộc trái tim sẽ đập dồn. Nhưng khi chàng lại gần cô gái, trông thấy nụ cười của nàng, nghe thấy giọng nói ("Ô, anh Giovanni, rốt cuộc thì anh cũng đã về!"), hoàn toàn không như chàng tưởng tượng và hiểu rằng bao nhiêu thời gian đã trôi qua.

Chàng cho rằng chàng vẫn nguyên như xưa, có chăng chỉ vai nở rộng hơn và da sạm đen hơn vì mặt trời miền núi mà thôi. Vả lại, nàng cũng không hề thay đổi. Nhưng giữa họ lại nảy sinh sự lạnh nhạt nào đó.

Họ đi vào phòng khách rộng lớn, nơi có thể tránh được ánh nắng mặt trời, tiếng đồng hồ tích tắc trong căn phòng chìm vào bóng mờ mềm mại - chỉ có một vệt ánh sáng mảnh nằm trên thảm.

Họ ngồi xuống hai chiếc đôn - xiên chéo, để nhìn nhau cho rõ hơn. Drogo nhìn vào mắt cô gái, không biết nói gì, còn nàng hiểu động quay đầu, khi thì ngó nhìn chàng, khi lại nhìn đồ gỗ, khi thì nhìn chiếc lắc ngọc lam của mình - rõ ràng, còn mới tinh.

- Frantresco sắp về rồi, - nàng báo vẻ vui mừng. - Còn tạm thời hãy ngồi với em, chắc anh có nhiều

chuyện để mà kể phải không!

- Ô, - Drogo đáp lại, - thực ra, chẳng có gì đặc biệt, mọi thứ rất tầm thường...

- Thế tại sao anh nhìn em như vậy? - nàng hỏi.
- Em sao, thay đổi lắm à?

Không, Drogo không tìm ra điều ấy, ngược lại, chàng thậm chí còn ngạc nhiên rằng qua bốn năm ở cô gái này không hề xảy ra những thay đổi rõ rệt nào. Thế nhưng vẫn có điều gì đó trong nàng làm chàng thất vọng, ít nhất, chàng chẳng hề cảm thấy có cảm xúc gì. Chàng không sao lấy lại nổi cái giọng điệu trước kia, giọng điệu đùa giỡn không ác ý và gần như là thân tình. Sao nàng lại ngồi trên chiếc đôn một cách trịnh trọng thế và cố gắng nói với chàng sao cho có thể thân ái nhất? Giờ chàng chỉ muốn tóm lấy tay nàng và nói: "Em sao thế, điên rồi à? Lí do gì khiến em tự đứng muốn đóng vai một quý bà kiểu cách vậy?" Và lúc ấy băng giá sẽ tan đi...

Nhưng Drogo cảm thấy không thể làm nổi điều đó. Ngồi trước chàng là một người khác, người xa lạ mà chàng không thể đọc thấu các ý nghĩ của người đó. Mà có thể, chính chàng đã trở thành người khác đi và bắt đầu câu chuyện bằng một nốt giả tạo chăng?

- Em ấy à? thay đổi ư? - Drogo hỏi lại. - Không, không, không hề.

- Ai cha, chắc anh nói như thế vì em đã xấu đi nhiều, chỉ có vậy thôi. Hãy thú nhận đi!

Chả lẽ đó là Maria nói ư? Và không nói đùa, mà nghiêm túc? Giovanni nghĩ hoặc nghe nàng và cứ chờ bao giờ nàng sẽ thôi không mỉm cười điệu bộ thế kia,

thôi làm vẻ như một cô ả không thể đựng tới và sẽ tự cười chính bản thân nữa.

"Tất nhiên, em xấu đi, còn phải nói nữa", - hẳn vào những thời tốt đẹp xưa chàng sẽ trả lời như vậy và chắc đã ôm eo nàng, kéo sát lại mình. Nhưng giờ đây?... Nhưng giờ đây điều đó trông có vẻ là một trò đùa ngây ngô, không đúng chỗ.

- Ô không đâu. anh cam đoan với em đó, - chàng nói. - Em chẳng thay đổi mấy may, anh thế đấy.

Nàng nhìn chàng với nụ cười nghi ngại và chuyển câu chuyện sang hướng khác.

- Anh về hẳn chứ?

Giovanni đã chờ câu hỏi này. (Lẽ ra cần phải nói: "Mọi chuyện phụ thuộc vào em" - hoặc gì đó đại loại thế.) Nhưng chàng tính nghe được nó trước nữa, ngay từ ngưỡng cửa, nếu như đích thực nàng không thờ ơ với điều đó. Còn giờ đây câu hỏi vang lên bất chợt và được đặt ra dường như chỉ là từ sự tế nhị, thiếu đi nguyên nhân thâm kín trữ tình, - mà đó thì đã là điều hoàn toàn khác.

Trong cảnh tranh tối tranh sáng của phòng khách sự im lặng đến trong chốc lát; từ vườn vọng vào giọng chim hót, còn từ một căn phòng xa xa - những âm thanh đàn phong cầm chậm chậm thiếu biểu cảm: chắc rằng ấy người ta đang học điệu gì đó.

- Không biết, tạm thời anh chưa biết. Tạm thời anh chỉ nghỉ phép, - Drogo nói.

- Chỉ là nghỉ phép ư? - ngay đó Maria hỏi lại, giọng nàng hơi run lên, hoặc là vô tình, hoặc thể hiện sự thất vọng và cũng có thể là nỗi phiền muộn.

Không, thực sự có gì đó đã ngăn tách họ, một bức màn lạnh nhạt vô hình, khó hiểu nào đó không thể tan đi: có lẽ, nó xuất hiện trong thời gian cách biệt, đã lớn dần chậm chậm, ngày tiếp ngày, ngoài ý nguyện của họ.

- Anh có hai tháng nghỉ phép. Sau đó anh có thể quay lại đó, có thể chuyển chuyển công tác - về đây, về thành phố, - Drogo giải thích.

Duy trì câu chuyện mỗi lúc một khó hơn: thực chất, chàng đã thờ ơ với nó.

Cả hai im lặng. Sự dề mê ban trưa hình như xâm chiếm lấy thành phố; chim chóc lặng đi, từ xa chỉ còn vọng tới những hợp âm của đàn phong cầm - buồn bã và đơn điệu; những âm thanh này trở nên mỗi lúc một cao hơn, cao mãi, tràn ngập ngôi nhà, và trong chúng có sự kiên gan đáng kinh ngạc của việc vượt mọi trở ngại, niềm khát vọng nói ra điều gì đó mà không sao nói lên nổi.

- Đó là cô con gái nhà Mikelli ở tầng trên, - Maria nói khi nhận thấy rằng Giovanni lắng nghe.

- Em có thời cũng đã chơi khúc nhạc này đấy nhỉ? Maria cúi đầu về yêu kiều khi lắng nghe.

- Không, không, đó là vở kịch quá khó, có lẽ, anh đã nghe nó ở đâu đó nơi khác.

- Thế mà anh có cảm giác... - Drogo nhận xét.

Những âm thanh của chiếc phong cầm vẫn kể về những đớn đau của ai đó. Giovanni nhìn chăm chăm vào vệt sáng trên tấm thảm và nghĩ về Pháo đài, hình dung tuyệt đang tan, giọt nước rơi trên hàng hiên, và mùa xuân trên núi không rực rỡ mà mùa

xuân đến chỉ được ghi nhận bởi sự xuất hiện của những bông hoa nhỏ trên bãi cỏ và bởi cả mùi vị cỏ bị cắt bốc tỏa giữa không trung.

- Bây giờ anh có đầy đủ quyền chạy xin chuyển đơn vị, - cô gái lại lên tiếng. - Bấy nhiêu năm rồi... Nơi ấy, trong núi, hẳn là buồn chán lắm!

Những lời cuối cùng nàng thốt ra với vẻ hơi bức tức, cứ như Pháo đài trở nên thù địch đối với nàng.

"Có lẽ, thực sự là buồn chán, tất nhiên rồi, anh thích được ở lại đây hơn, ở lại với em". Cái câu thăm hỏi này lướt qua như tia chớp trong óc chàng, nhưng thậm chí chàng không dám thốt lên. Những lời tâm thường, dù chắc lẽ chỉ cần có chúng là đủ. Thế nhưng Giovanni với vẻ tởm lợm nghĩ rằng chúng sẽ vang lên một cách đần độn như thế nào từ miệng chàng, và mong muốn thốt ra chúng đã lập tức tắt ngấm.

- Đúng là vậy, - chàng đáp, - nhưng ngày tháng bay qua nhanh không nhận thấy!

Các âm thanh đàn phong cầm vẫn không lặng đi. Và tại sao những hợp âm ấy cứ lên cao, lên cao mãi như không kết thúc vậy? Chúng rứt rề kiểu học trò, với sự xa vắng cam chịu đang kể về một câu chuyện cũ nào đó có thời yêu dấu đối với chàng. Lập tức nó gợi nhớ lại một buổi tối đầy mây, ánh sáng mờ mờ của các đèn lồng đường phố mà dưới nó hai người họ dạo chơi dưới những cây cối trụi trên con đường nhỏ trống vắng; họ đi, nắm tay nhau, y như trẻ con, và không hiểu từ đâu ra một cảm giác hạnh phúc bất ngờ bỗng trào dâng. Vào tối ấy, vẫn nhớ rằng từ những cửa sổ chiếu sáng cũng vọng ra các âm thanh

đàn phong cầm, và, đúng hơn cả, chỉ là những bài tập nhạc buồn chán vậy mà Giovanni và Maria có cảm giác rằng chưa bao giờ họ được nghe thấy gì đó êm dịu và du dương hơn.

- Tất nhiên, - Drogo nói thêm về hài hước, - ở đây, ở trên cao, chẳng có trò giải trí gì đặc biệt, nhưng bọn anh cũng đã quen đi...

Cuộc trò chuyện này trong phòng khách nơi lẵng đăng mùi hoa, dần dần bắt đầu có nét buồn thơ mộng đặc trưng cho những lời thú nhận về tình yêu. Rõ ràng, Giovanni nghĩ, cuộc gặp gỡ sau ngần ấy thời gian chia li là không thể là khác được... có thể, chúng ta còn làm phục sinh được như xưa, bởi ta còn có những hai tháng phía trước, không thể có kết luận cuối cùng ngay... nếu nàng còn yêu ta, ta sẽ không quay lại Pháo đài thêm nữa. Nhưng Maria bỗng tuyên bố:

- Thật tiếc quá! Sau ba ngày nữa em với mẹ và Giorgina sẽ ra đi. Có lẽ, đi mấy tháng. - Đến đây nàng bỗng linh hoạt lên. - Chúng em đi Hà Lan!

- Đi Hà Lan ư?

Cô gái với sự hoan hỉ nói về chuyến du lịch sắp tới, về các cô bạn, về những con ngựa của mình, về những lễ hội hóa trang vui vẻ - nói chung, về cuộc sống của nàng, mà đã quên hẳn về Drogo.

Nàng đã không còn vẻ bó buộc và dường như xinh hẳn ra.

- Một ý tưởng tuyệt vời, Drogo nói, và cảm thấy một cục cay đắng dồn lên chẹn lấy cổ. - Anh nghe nói

ở Hà Lan, đây là mùa đẹp nhất trong năm, rằng ở đây có nguyên những cánh đồng nở hoa tulíp.

- Vâng, bây giờ bên đó chắc hẳn tuyệt vời lắm, - Maria đồng tình.

- Thay vào lúa mì người Hà Lan trồng hoa hồng, - Giovanni tiếp tục bằng giọng hơi thay đổi, - khắp nơi toàn hoa hồng, còn phía trên chúng là những cối xay gió rất rực rỡ, vừa mới sơn màu lại...

- Vừa mới sơn màu lại ư? - Maria hỏi lại, đã nghe ra vẻ mỉa mai trong giọng chàng. - Thế là thế nào?

- Người ta nói thế mà, - Giovanni nói. - Mà chính anh đã được đọc ở đâu đó.

Vết mặt trời trườn qua cả tấm thảm và đã vươn lên theo cái bệ chạm trổ của chiếc bàn viết. Ngày nghiêng sang buổi chiều, âm thanh phong cầm nghe kém rõ hơn, có con chim nào đó phía sau vườn cất tiếng hát bản độc tấu của mình. Drogo nhìn vào những tấm lưới chắn lò sưởi - trong Pháo đài cũng có tấm chắn y hệt như thế. Sự giống nhau đó phần nào an ủi chàng, dường như chàng tự khẳng định rằng cả thành phố, cả Pháo đài rồi cuộc vẫn chỉ là một thế giới ấy với mỗi một lối sống như vậy mà thôi. Thế nhưng, ngoài tấm chắn, Drogo không tìm ra thêm có gì chung nữa.

- Vâng, phải vậy, những thứ đó đẹp thật, - Maria nói, mắt sụp xuống. - Nhưng giờ đây, khi đã cần phải đi, em bỗng thấy hết cả hào hứng.

- Điều vớ vẩn, vẫn thường như thế vào thời điểm chót: chuẩn bị đồ đạc lên đường là công việc buồn

chán, - Drogo nói, vờ như chàng không hiểu ẩn ý của nàng về những xúc cảm mạnh trong lòng.

- Ô không, em đâu vì sự thu xếp, tuyệt nhiên không...

Ở đây chỉ cần một lời, một câu bình thường nhất, cho thấy rằng chuyển ra đi của cô gái làm chàng buồn, rằng chàng xin nàng lưu lại. Nhưng Drogo không muốn cầu xin nàng về điều gì hết, bây giờ đúng là chàng không có khả năng làm chuyện ấy, bởi nhẽ chàng cảm thấy rằng hẳn là chàng sẽ nói không đúng sự thật. Và vì thế chàng lặng thinh, với một nụ cười chẳng có nghĩa gì cả trên gương mặt.

- Chúng ta ra vườn đi? - cuối cùng Maria đề nghị, khi không biết nói gì thêm. - Có lẽ trời đã xế tà rồi.

Họ đứng lên. Maria im lặng dường như chờ Drogo sẽ lên tiếng, và qua ánh mắt của nàng, nếu muốn là có thể đoán ra rằng tình yêu chưa hoàn toàn tắt hẳn. Nhưng trước phong cảnh khu vườn các ý nghĩ của Giovanni đã bay về những đồng cỏ nghèo nàn quây bọc Pháo đài: nơi ấy cũng sắp ấm rồi và ngọn cỏ sẽ bắt đầu can đảm lách lên giữa các khe đá. Có lẽ, chính vào thời gian này cách đây hàng trăm năm các đạo quân Tácta đã vây hãm Pháo đài.

- Trời ấm quá, - Drogo nói, - mà bây giờ mới tháng Tư thôi đấy. Rồi em sẽ thấy, chả mấy chốc nữa trời lại sẽ đổ mưa.

Chàng nói thế đấy, còn Maria bối rối mỉm cười và đáp lại bằng một giọng không âm sắc:

- Vâng, thật sự rất nóng.

Và cả hai hiểu rằng mọi sự đã kết thúc. Giờ đây họ lại cách xa nhau, và giữa họ - sự trống rỗng, họ chia tay ra cho nhau một cách vô vọng: vực thẳm này cứ tăng lên theo từng phút.

Drogo hiểu rằng vẫn còn yêu Maria, yêu thế giới của nàng, nhưng tất cả những gì tràn ngập cuộc sống trước đây của chàng, giờ đã lùi xa. Thế giới ấy thuộc về những người khác, vị trí của chàng ở đấy đã bị chiếm mất. Giờ đây chàng theo dõi nó từ bên ngoài, dù là không ít sự nuối tiếc, nhưng chàng cảm thấy khó quay lại: những khuôn mặt mới, những thói quen, trò đùa, cách nói mới mà chàng không quen. Đó đã không còn là cuộc sống của chàng, chàng đã đi theo con đường khác, quay ngược lại là ngớ ngẩn và vô nghĩa.

Bởi Frantresco mãi không về, Drogo và Maria chia tay nhau với sự chân tình cường điệu, trong khi mỗi người cố để không làm lộ các ý nghĩ của mình. Maria bắt chặt tay chàng, nhìn thẳng vào mắt. Có thể, cái nhìn này kêu gọi chàng đừng bỏ đi như thế, đừng trách cứ nàng, hãy cố cứu vãn điều dường như như đã bị đánh mất?

Chàng cũng nhìn nàng đắm đắm và nói:

- Tạm biệt. Anh nghĩ, đến lúc em ra đi chúng ta còn gặp lại nhau.

Và chàng bỏ đi, không ngoái lại, nện bước theo kiểu nhà binh trên con đường nhỏ dẫn ra cổng, - chỉ có đá sỏi cót két dưới chân chàng.

XX

Bốn năm phục vụ ở Pháo đài thường là đủ để chuyển sang địa điểm khác, nhưng Drogo, e ngại sự cất nhắc tới một doanh trại xa xôi nào đó và hi vọng được ở lại trong thành phố của mình, quyết định xin gặp cho được vị chỉ huy sư đoàn. Mà cái chính - bà mẹ cứ năn nỉ điều đó. Cần phải tự mình hành động, bà nói, nếu con không muốn để người ta quên mất con, không ai sẽ tự dưng đi lo cho Giovanni, nếu anh ta không tự tiến hành điều gì cả, chắc là người ta lại phái anh ta đi đâu đó ra biên giới, đến một nơi heo hút. Và mẹ tung vào cuộc tất cả các mối quan hệ của mình, để vị tướng tiếp Giovanni một cách khoan hậu.

Vị tướng ngồi trong văn phòng rộng lớn của mình sau chiếc bàn làm việc lớn và hút xì gà. Đó là một ngày bình thường, hình như có mưa, mà có thể đơn giản là trời chỉ âm u. Vị tướng nhỏ bé hèn hậu ngấm trung úy Drogo qua mắt kính một tròng.

- Tôi muốn gặp anh, - ngài bắt đầu trước, dường như tự mình là người có sáng kiến cho buổi gặp gỡ này vậy, - để biết công việc trên đó, trên núi ấy, như thế nào. Mọi việc chỗ Filimore ổn cả chứ?

- Khi tôi rời đi, với ngài đại tá mọi sự vẫn tuyệt vời, thưa tướng quân, - Drogo đáp.

Vị tướng im lặng. Sau đó lắc đầu theo kiểu một ông bố, nhận xét:

- Các anh đem lại cho chúng tôi bao nhiêu là lo toan với cái Pháo đài của mình! Chà... tôi có ý nói việc đánh mốc biên giới ấy. Câu chuyện với viên trung úy ấy, ...thế nào nhỉ... nó đã gây nên sự không hài lòng của Chúa thượng.

Drogo không biết trả lời thế nào.

- Phải, chính câu chuyện với viên trung úy ấy... - vị tướng tiếp tục màn độc thoại của mình, - tên cậu ta là gì nhỉ? Arduino, hình như thế?

- Angustina ạ, thưa tướng quân.

- Phải, phải, Angustina, đúng là một cái đầu liều lĩnh! Vì sự ngang ngạnh ngốc nghếch đã suýt làm hỏng việc đánh mốc biên giới. Không biết ở đó họ ra sao rồi... thôi được, mặc kệ vậy!.. - ngài kết thúc quyết đoán, thể hiện lòng vị tha của mình.

- Nhưng xin phép, thưa tướng quân. - Drogo đánh liều nhận xét, - Angustina đã hi sinh cơ mà!

- Có thể, rất có thể, rõ ràng là anh đúng, tôi thì đã không nhớ trên đó mọi sự thế nào nữa. - vị tướng phẩy tay, dường như nói về một điều vớ vẩn nào đó.

- Nhưng Chúa thượng khá rất không hài lòng, rất không!

Vị tướng im lặng và nhìn Drogo vẻ lục vẩn.

- Anh đến... - ngài nói theo kiểu ngoại giao và nhiều ý nghĩa. - Nói chung, anh ở đây là để xin thuyên chuyển về thành phố, đúng thế không? Tất cả các anh không hiểu sao cứ bị hút về thành phố, phải, phải, và các anh không thể nào chịu hiểu cho rằng, chỉ ở các doanh trại xa mới trở thành những chiến binh chân chính.

- Chính thế, thưa tướng quân, - Giovanni Drogo đáp, cân nhắc từng lời và cố kiềm chế bản thân.
- Chính vì thế tôi mới phục vụ ở đây bốn năm trời ạ.

- Bốn năm! Vào lứa tuổi của anh ấy à! Lẽ nào đó đã là một thời hạn?! - cười to, vị tướng kêu lên. - Tôi nói với anh không để trách cứ, dĩ nhiên... tôi chỉ có ý rằng, đó là xu thế phổ biến hiện thời, đáng tiếc nó không tăng cường củng cố tinh thần của thành phần chỉ huy... - Ngài lặng đi, để lặc đầu mỗi câu chuyện. Sau đó tập trung lại, tiếp tục: - Thôi đành, anh bạn, chúng ta cố thỏa mãn đề nghị của anh. Bây giờ ta sẽ ngó qua hồ sơ cá nhân của anh.

Trong khi chờ tài liệu, vị tướng lại lên tiếng:

- Pháo đài... Pháo đài Bastiani... chúng ta sẽ xem. Trung úy, anh biết điểm gì là yếu nhất trong Pháo đài không hả?

- Thật ra, tôi không biết, thưa tướng quân, - Drogo đáp. - Có thể là nó đứng quá tách biệt ạ.

Trên mặt vị tướng xuất hiện một nụ cười dễ dãi về hạ cố.

- Một ý nghĩ gì thế! Dù sao cánh trẻ các anh cũng thật lạ lùng, - ngài nói. - Ở tách biệt! Cam đoan với anh là tôi chưa nghĩ đến điều đó đâu. Anh muốn tôi sẽ nói với anh, ở đâu là điểm yếu của Pháo đài không? Ở chỗ đó là một doanh trại quá lớn. Phải, quá lớn!

- Quá lớn ư?

- Chính thế đó, - vị tướng tiếp tục, không nhận thấy vẻ sùng sốt của chàng trung úy, - chính vì thế đã có quyết định thay đổi điều lệnh của nó. Tiện thể,

cho hỏi trong Pháo đài mọi người nghĩ thế nào về điều này?

- Về gì ạ, thưa tướng quân? Xin ngài thứ lỗi...

- Về gì là thế nào? Về điều lệnh mới, về những gì tôi với anh đang bàn luận ở đây nữa? - vị tướng hỏi về bực dọc.

- Lần đầu tiên tôi được nghe về điều này. Xin cam đoan với ngài... - Drogo lấp bắp về bối rối.

- Tôi cho rằng, thông báo chính thức đúng là chưa đến, - vị tướng có phần dụi xuống. - Nhưng tôi nghĩ là anh đã biết, các quân nhân luôn luôn lấu cá tìm cách biết đầu tiên mà.

- Ngài nói - điều lệnh mới ạ, thưa tướng quân? - Drogo quan tâm hỏi.

- Giảm biên chế, doanh trại bớt đi một nửa, - vị tướng đáp xẵng. - Quá nhiều người, tôi luôn luôn nói rằng cần phải lay chuyển cái Pháo đài này mạnh vào!

Vừa lúc viên sĩ quan tùy tùng trưởng bước vào với chiếc cặp giấy dày. Mở nó ra trên một cái bàn, ông ta lôi hồ sơ cá nhân của Drogo ra và trao nó cho vị tướng, người đã liếc qua các trang bằng con mắt giàu kinh nghiệm.

- Mọi thứ đều ổn, - ngài nói, - nhưng ở đây, theo tôi, thiếu đơn xin chuyển chuyển.

- Đơn xin chuyển ạ? - Drogo hỏi. - Tôi cứ nghĩ, sau bốn năm phục vụ, điều đó là không nhất thiết.

- Nói chung, không, - vị tướng nói, và trong giọng ngài lộ rõ vẻ không bằng lòng việc phải giải thích gì đó cho kẻ dưới cấp. - Nhưng, bởi nhẽ hiện thời chúng

ta đang tiến hành giảm quân số doanh trại một cách nghiêm túc và tất cả đều muốn chuyển đi khỏi Pháo đài, cần phải tuân thủ tính trình tự.

- Nhưng, thưa tướng quân, trong Pháo đài không ai biết về điều đó, và chưa có ai nộp một cái đơn như thế...

Vị tướng hướng về viên sĩ quan tùy tùng trưởng hỏi:

- Đại úy, chỗ chúng ta đã có các đơn xin chuyển từ Pháo đài Bastiani chưa nhỉ?

- Cũng đến hai chục cái, thưa tướng quân, - viên đại úy đáp.

Thế đấy, Drogo hết sức ngạc nhiên thâm nghĩ. Rõ ràng các đồng nghiệp cùng phục vụ đã giấu tin mới trong vòng bí mật để qua mặt chàng. Chẳng lẽ thậm chí Ortis cũng lừa chàng một cách tráo tráo như thế ư?

- Xin lỗi vì sự dai dẳng, thưa tướng quân, - Drogo liêu nhận xét, khi hiểu rằng bây giờ số phận chàng sẽ bị định đoạt, - nhưng tôi có cảm giác rằng, nếu một người đã phục vụ trọn bốn năm liền, điều đó có ý nghĩa lớn hơn, so với tính trình tự hình thức nào đó chứ ạ?

- Bốn năm của anh - một sự vật vĩnh hoàn toàn, - vị tướng bác lại vẻ lạnh lùng và có phần phật ý.
- Phải, trung úy ạ, vật vĩnh so với cả cuộc đời mà những người khác đã trải qua trong Pháo đài. Tôi, tất nhiên, có thể ưu ái xem xét báo cáo của anh, cũng có thể ủng hộ trong mong muốn hợp pháp của anh, nhưng chỉ không phải bằng cái giá chà đạp lên lẽ công bằng. Thêm vào đó ở đây còn lưu ý đến công lao...

Giovanni trắng bệch mặt.

- Thành ra, thừa tướng quân, - chàng hỏi, chỉ hơi động đậy lưỡi vì hồi hộp, - thành ra, tôi có cơ nguy sống hết cả đời ở nơi ấy ư?

- ...Phải, còn cần xem anh có những công lao gì, - vị tướng tiếp tục một cách điềm tĩnh, không ngừng giở các trang hồ sơ cá nhân của Drogo. - Và chúng ta có gì nào?... Ô đây: “Khiển trách”. Thật ra, “Khiển trách” - đó không phải là nghiêm trọng lắm... A chà, còn ở đây thêm một chuyện thật rất không dễ chịu: ở chỗ các anh, hình như vì lầm lẫn người ta đã giết một người lính...

- Rất tiếc, thừa tướng quân, tôi không...

- Tôi chẳng có thì giờ nghe những lời thanh minh của anh, trung úy ạ, - viên tướng cắt ngang. - Hãy hiểu cho, tôi đọc điều được viết trong báo cáo của anh, và thậm chí còn cho rằng, đó thực sự là một trường hợp rủi ro, điều như thế, than ôi, vẫn thường xảy ra... nhưng những đồng nghiệp còn lại của anh đã biết cách tránh được những trường hợp như thế... Tôi sẵn sàng làm cho anh tất cả những gì tôi có thể, tôi đồng ý tiếp riêng anh, tự anh thấy đấy, nhưng giờ đây... Ví thử anh nộp đơn một tháng trước... Thật lạ là anh không rõ sự việc... Điều đó, tất nhiên, là một sơ suất nghiêm trọng.

Giọng điệu đôn hậu trước đây dường như chưa hề có. Lúc này vị tướng nói vẻ khô khan và răn dạy, với những nốt mĩa mai trơn tuột trong giọng nói. Drogo hiểu rằng mình đã xử sự một cách ngốc nghếch, rằng bạn bè đã lừa chàng, rằng ở vị tướng hình thành một

ấn tượng khá bất lợi về chàng và giờ đây thì sẽ chẳng làm gì được nữa. Do sự bất công như thế chàng cảm thấy co thắt trong vùng ngực, đầu đó gần trái tim. Hay là ta vút bỏ tuốt, xin giải ngũ, chàng trầm nghĩ. Ta sẽ không chết đói đâu, rồi cục, những năm tháng của ta là thế nào?..

Vị tướng vẫy tay về thân tình với chàng.

- Biết sao được, trung úy, tạm biệt. Và hãy vui vẻ lên!

Drogo đứng bất động trong tư thế “ng nghiêm”, dập gót giày, lùi ra và trên ngưỡng cửa đã giờ tay chào.

XXI

Tiếng gõ của móng ngựa lại khua lên trên trùng sâu hoang vắng, làm nảy sinh tiếng vọng âm vang giữa cái im lặng của khe núi, các bụi cây trên đỉnh những vách đá sừng im, cỏ màu vàng không động dậy, và cả những đám mây trên trời cũng trôi với sự chậm chạp rất đặc biệt. Con ngựa không vội vã đi lên núi theo con đường trắng: Giovanni quay trở lại.

Vâng, đó là Drogo: giờ đây khi chàng đã đến gần, có thể dễ dàng nhận ra chàng, nhưng không hiểu sao không hiện rõ trên mặt chàng dấu ấn những xúc cảm mạnh mẽ sâu sắc. Và thế, chàng không nổi loạn,

không xin phục viên, lặng lẽ nuốt tủi hờn, cam chịu với sự bất công và quay lại đúng vị trí của mình. Trong đáy sâu tâm hồn thậm chí chàng cảm thấy một sự thỏa mãn về việc mọi thứ diễn ra trong đời chàng không có những xáo động đột ngột, rằng giờ đây có thể yên tâm trở lại với các thói quen trước đây. Drogo an ủi bản thân bằng những hi vọng rằng đến lúc nào đó chàng sẽ phục thù, chàng nghĩ rằng phía trước, chàng còn vô số thì giờ, nói chung, chàng khước từ sự đấu tranh nhỏ nhoi vì chỗ đứng dưới bầu trời. Không sao, chàng nghĩ, rồi sẽ đến cái ngày mà cuộc đời sẽ hào phóng trả lại đền bù cho chàng tất cả. Còn trong khi đó các địch thủ, chen ép nhau một cách dữ dội nhằm bật lên trước, trên đường chạy họ bỏ qua Drogo và cũng không ngoái nhìn, đã bỏ chàng lại phía sau. Drogo nhìn theo họ vẻ khó hiểu, và những mối ngờ vực không quen thuộc chiếm lấy chàng: thế bỗng chàng thực sự nhầm thì sao? Nhỡ chàng đúng chỉ là một con người tầm thường và không nên trông mong bất cứ điều gì, trừ cái số phận xoàng xĩnh?

Giovanni Drogo đang đi lên tòa Pháo đài đơn độc cũng y như vào cái ngày tháng Chín xa xưa kia. Chỉ có điều bây giờ bên kia lưng sâu chàng không trông thấy viên sĩ quan lạ lẫm và trên cầu, nơi hai con đường hòa nhập vào nhau, không gặp đại úy Ortis mà thôi.

Lần này Drogo đi trong cô đơn, chìm vào những suy ngẫm về cuộc đời mình. Chàng trở về Pháo đài chỉ có trời mới rõ với thời hạn bao lâu, chính vào lúc nhiều bạn bè của chàng rời bỏ vĩnh viễn các bức

tường này. Phải, bạn bè hóa ra tháo vát hơn chàng. Drogo nghĩ, không loại trừ rằng đúng là họ xứng đáng hơn chàng: điều xảy ra chỉ có thể lí giải là vậy mà thôi.

Thời gian trôi qua càng nhiều, Pháo đài càng đánh mất đi nhiều hơn ý nghĩa của mình. Đã có thời, lâu rồi nó là một quân doanh quan trọng, ít ra thì cũng đã được xem là thế. Còn giờ đây, khi người ta cắt đi một nửa quân số của Pháo đài, nó trở thành chỉ là một vật cản phụ, không hề có ý nghĩa chiến lược gì cả. Người ta giữ lại nó chỉ với một mục đích duy nhất - không để khu vực biên giới này trống rỗng. Chả ai có cái ý nghĩ về mối đe dọa tấn công từ phía hoang mạc phương Bắc. Có thể chờ cái gì phía ấy cơ chứ? Hỏa chãng là sự xuất hiện một đoàn du mục nào đó trên đèo. Và đó là cuộc sống chãng?

Chìm đắm vào những suy tư như thế, đến chiều Drogo đi tới mép cao nguyên cuối cùng và trông thấy Pháo đài ở phía trước. Nó đã không còn mang trong mình, một bí ẩn nào đó làm xao xuyến như vào lần đầu tiên kia. Thực chất, đó chỉ là một đồn biên phòng thông thường, một cái pháo đài nhỏ thăm hại mà những bức tường của nó chắc không chịu nổi mấy giờ hỏa lực pháo binh loại mới. Với thời gian, nó đã sụp đổ hoàn toàn: hiện giờ một số thành lũy đã vỡ vụn, còn một lũy đất đã vệt hoàn toàn, nhưng không ai có ý định sửa sang gì cả.

Drogo nghĩ vậy, khi đứng ở cuối cao nguyên và nhìn những lính gác đi đi lại lại theo mép tường. Lá cờ trên mái rủ xuống bất lực, các ống khói không bốc

khối, không trông thấy một linh hồn sống nào ở trên bãi tập.

Cuộc sống phía trước của chàng mới buồn chán làm sao! Morel tươi vui, chắc chắn sẽ ra đi trong số những người đầu tiên, và Drogo thật sự sẽ không còn lại một người bạn nào. Vẫn chỉ là công việc tuần tra kia, vẫn là việc chơi bài kia và thỉnh thoảng lắm mới có chuyến trốn đến cái làng gần nhất, nơi có thể uống gì đó và tìm một cô bạn gái dễ tính cho một tiếng đồng hồ. Sự bận rộn làm sao, Drogo nghĩ. Và dù thế, vẫn có sự mê say không thể diễn tả trong những khung viên này của các đồn lẻ màu vàng, một bí ẩn nào đó ẩn náu trong bóng tối của các dây hào phòng vệ, trong những hầm trú ẩn mật mờ. Và tất cả mọi thứ đó tạo nên cái dự cảm về các sự kiện tương lai mà không thể truyền đạt bằng lời.

Nhiều thay đổi khác nhau đã chờ chàng trong Pháo đài. Liên quan đến việc ra đi sắp tới của nhiều sĩ quan và binh lính, khắp nơi bao trùm một sự nhộn nhịp khác thường. Vẫn chưa ai biết một cách chính xác, đơn xin của chính những ai sẽ được thỏa mãn, còn các sĩ quan - họ gần hết đều viết báo cáo yêu cầu xin chuyển - sống chỉ bằng một niềm hi vọng nặng nề, quên cả lòng nhiệt thành phục vụ trước đây. Thậm chí Filimore (về ngài ấy thì chắc chắn đã rõ ràng) chuẩn bị rời bỏ Pháo đài, và chỉ mỗi điều đó cũng đã phá vỡ dòng chảy bình thường của mọi việc rồi. Sự lo âu truyền sang cả binh lính, bởi nhẽ phần lớn các đại đội - người ta còn chưa thông báo số lượng chính xác - sẽ được chuyển đến căn cứ mới ở đồng

bằng. Người đi ra phiên trực với vẻ miễn cưỡng, không hiếm khi đến thời điểm đổi gác các toán quân vẫn chưa sẵn sàng. tất cả bỗng quyết định rằng tuân thủ vô số những biện pháp phòng ngừa thế kia là ngốc nghếch và vô nghĩa.

Có vẻ là hiển nhiên rằng, những hi vọng trước kia, những ước mơ trống rỗng về vinh quang binh nghiệp, sự chờ đợi kẻ thù chắc sẽ phải bất thần xuất hiện từ phía Bắc, - tất cả, tất cả chỉ là ảo tưởng, là sự cố gắng đem đến cho cuộc sống của mình một ý nghĩa nào đó mà thôi. Còn giờ đây, khi đã xuất hiện khả năng quay về với xã hội văn minh, thì những ý nghĩ đã từng có trước kia xem ra chỉ là trò trẻ nít, không ai muốn thú nhận rằng anh ta hi vọng đến một điều gì đó, thêm nữa - bất cứ ai cũng sẵn sàng cười nhạo những hi vọng ngây ngô của chính mình. Điều chủ yếu giờ đây là đi khỏi. Các sĩ quan lợi dụng sự bảo hộ để đạt được việc chuyển chuyển, và trong lòng mỗi người đều tự tin rằng, gì chứ anh ta thì sẽ không bị bỏ qua.

- Thế còn cậu? - chính những bạn bè đã giấu chàng một cái tin quan trọng dường ấy để loại bỏ thêm một kẻ cạnh tranh, họ đã đặt cho Giovanni cái câu hỏi không bắt buộc gì cả. - Thế còn cậu? - họ hỏi chàng.

- Vâng, tôi buộc phải ở lại đây thêm mấy tháng nữa, - Drogo đáp.

Và lúc ấy tất cả bắt đầu an ủi chàng: không sao, quỷ tha ma bắt, sắp sửa rồi người ta sẽ chuyển cả cậu nữa, điều đó sẽ là hơn cả sự công bằng, chớ nên buồn - và cứ kiểu như thế.

Trong số họ chỉ một Ortis có vẻ không thay đổi gì. Ortis không xin chuyển, đã nhiều năm điều đó không còn làm ông quan tâm; ông là người cuối cùng biết về việc doanh trại Pháo đài giảm quân số và vì thế đã không kịp báo trước cho Drogo. Ortis thờ ơ quan sát sự rối loạn tâm trí chung và với sự nhẫn nại thông thường thực thi các công việc của Pháo đài.

Nhưng rồi rốt cuộc mọi người thực sự bắt đầu ra đi. Trên sân nổi nhau xuất hiện những chiếc xe kéo mà người ta chất lên đó tài sản công cộng, và các đại đội nổi đuôi nhau xếp hàng làm lễ tiễn biệt. Ngài đại tá mỗi lần lại đi xuống từ văn phòng của mình để tiến hành kiểm tra, và nói mấy lời từ biệt trước hàng quân: giọng của ngài thiếu biểu cảm và tắt lụi.

Nhiều người trong số sĩ quan đã sống ở đây, trên cao, không chỉ một năm và trong suốt hàng trăm và hàng trăm ngày đó, từ độ cao của các đồn lẻ đã ngấm sâu vào hoang mạc phía Bắc hiu quạnh, nhiều người trong số họ luôn luôn tranh cãi về khả năng hoặc không có khả năng xuất hiện cuộc tấn công bất ngờ của kẻ thù, giờ đây rời đi với vẻ mặt trang trọng, nháy mắt lần cuối cho các bạn ở lại, và dẫn đầu những toán quân của mình xuất phát về phía thung lũng, nghiêng người về hào hoa trên yên ngựa, và thậm chí không ngoái lại lần cuối cùng nhìn lên Pháo đài của mình.

Chỉ có Morel, vào một buổi sáng trời nắng, đã tập trung tiểu đội của mình trên sân để chia tay với chỉ huy trưởng, khi anh ta ra lệnh, trong mắt loáng ánh lệ và giọng run lên. Giovanni, tựa vào bức tường,

theo dõi cái cảnh ấy và mỉm cười thân thiện, khi Morel đi qua chàng ra phía cổng. Có thể, họ trông thấy nhau lần cuối, và Giovanni giơ tay lên vành mũ lưỡi trai chào theo như quân lệnh.

Sau đó chàng quay về những hành lang Pháo đài lạnh lẽo kể cả vào mùa hè và mỗi ngày càng trống vắng.

Với ý nghĩ rằng cả Morel cũng đi rồi, vết thương lòng vì sự bất công chàng phải chịu bất chợt lại hoác ra và đau âm ỉ. Giovanni đi tìm Ortis và trông thấy ông vừa bước ra khỏi văn phòng với một cặp giấy tờ.

- Xin chào ngài thiếu tá, - chàng nói và đi bên cạnh.

- Chào anh, Drogo, - Ortis đáp khi dừng lại. - Có gì mới không? Tôi có thể giúp gì cho anh không?

Drogo thực sự muốn hỏi Ortis về một việc. Việc đó đơn giản thôi, hoàn toàn chẳng vội gì, nhưng đã mấy ngày nay nó không để chàng yên.

- Xin lỗi, thưa ngài thiếu tá, - chàng nói, - ngài nhớ chứ, khi tôi đến Pháo đài, đó là bốn năm rưỡi về trước, thiếu tá Matti nói với tôi rằng chỉ những người tình nguyện là ở lại phục vụ ở đây? Sao, nếu ai đó muốn rời đi, anh ta có thể làm điều đó hoàn toàn tự do chứ ạ? Theo lời của Matti tôi hiểu rằng, tôi chỉ cần qua kiểm tra y tế - đơn giản vậy thôi, để có lí do về mặt hình thức, trừ phi điều đó có thể gây nên phần nào sự không bằng lòng của ngài đại tá.

- Phải, phải, tôi còn nhớ một cách mơ hồ gì đó đại loại như thế, - Ortis đáp với một chút bức bối thấy rõ.
- Nhưng xin lỗi, Drogo thân mến, bây giờ tôi...

- Một phút thôi, thưa ngài thiếu tá... Ngài nhớ không, để không gây phiền toái cho ai cả, tôi đã đồng ý ở lại đây bốn tháng? Nhưng nếu nhất định tôi vẫn muốn, thì chắc có thể rời đi được, phải không?

- Tôi hiểu anh, anh bạn Drogo ạ. - Ortis nói, - nhưng anh đâu phải là người duy nhất phải chịu như thế...

- Hóa ra, - Giovanni cắt ngang ông vẻ nóng nảy, - hóa ra, đó chỉ đơn thuần là cái có thoái thác? Hóa ra, không phải sự thật, rằng nếu tôi chỉ cần muốn, là có thể đi khỏi đây ư? Và người ta thuyết phục tôi điều đó chỉ là để tôi xử sự nhẫn nhục?

- Ô không đâu! - viên thiếu tá kêu lên. - Tôi không nghĩ... Hãy rút điều đó ra khỏi đầu đi!

- Xin đừng phạt ý, thưa ngài thiếu tá, chả lẽ ngài cũng tin Matti lúc đó đã nói sự thật?

- Thì với tôi cũng đã từng gần như thế... - cảm mặt xuống sàn, Ortis nói bối rối. - Tôi cũng đã mơ về đường công danh xán lạn...

Họ đứng trong một hành lang dài, và giọng họ dội lại âm vang và buồn thảm từ các bức tường trơn tru.

- Tức là, không đúng là người ta cử tất cả các sĩ quan đến đây chỉ theo đề nghị cá nhân của họ? Tất cả, cũng như tôi, bị bắt buộc ở lại đây, đúng thế chứ?

Ortis im lặng, vạch đầu mũi gươm vào vết nứt của nền đá.

- Còn những ai làm bộ như ở lại theo nguyện vọng chính mình, hóa ra, đã lừa dối tôi? - Drogo cố

lục vấn. - Tại sao không một ai đủ can đảm nói lên sự thật?

- Ồ không, tôi nghĩ, mọi thứ không hoàn toàn như thế. - Ortis đáp. - Có người thực sự ở lại theo ý nguyện của mình. Không nhiều lắm, tôi đồng ý, nhưng dù thế...

- Ai? xin hãy nói, đó chính là ai nào?! - Drogo buột miệng nói ra, nhưng ngay thoáng lát sực tỉnh: - Ôi, xin lỗi, thưa ngài thiếu tá, tôi hoàn toàn không có ý nói về ngài, đôi khi lời cứ tự buột ra...

Ortis mỉm cười.

- Tôi cũng có nói về bản thân đâu. Nếu đã đến nước này, thì tôi cũng ở lại đây vì nghĩa vụ!

Họ đi sát bên nhau trên hành lang qua các cửa sổ hẹp chằng lưới sắt mà qua đó thấy rõ bãi tập hoang vắng phía trước Pháo đài, những dãy núi từ hướng nam và đám hơi nước bốc lên như mây - hơi thở ấm của thung lũng.

- Vậy có nghĩa là, - Drogo lên tiếng sau một quãng im lặng ngắn, - tất cả những khát vọng này, những lời đồn đại về đội quân Tácta này... nghĩa là, không ai tin chúng?

- Còn hơn cả tin ấy chứ! - Ortis nói. - Đã tin. Thực sự...

Drogo lắc đầu.

- Tôi không hiểu gì cả, nói thực...

- Ồ tôi có thể nói gì với anh? - viên thiếu tá cất lời chàng. - Mọi điều không đơn giản chút nào... Ở đây, trên cao, mọi người sống gần như bị lưu đầy. Cần

phải có niềm an ủi nào đó, mọi người cần phải hi vọng vào một điều gì. Có ai là người đầu tiên nảy ra trong đầu ý nghĩa này, sau đó bắt đầu những chuyện về bọn Tácta, phải chăng giờ đây ta biết được chính ai là người đã tung tin?..

- Có thể, nguyên nhân là chính ở địa hình? - Drogo ngẫm nghĩ. - Bởi chỉ cần nhìn ra cái hoang mạc này...

- Ồ, địa hình, đúng vậy... Hoang mạc, đám khói mây mù phía xa xa... Địa hình gây nên. - Suy nghĩ một chốc, ông lại lên tiếng, dường như trả lời cho chính mình: - Người Tácta... Ồ phải, người Tácta... Thoạt đầu, tất nhiên, điều đó có vẻ là ngớ ngẩn, còn sau tất cả đều tin, ít ra, cũng nhiều người tin.

- Nhưng ngài, thưa ngài thiếu tá, xin lỗi, ngài thì...

- Tôi là chuyện khác, - Ortis nói. - Tôi thuộc thế hệ già, tôi chẳng có những ý tưởng hào danh gì về sự nghiệp, một chỗ yên bình thế này là hợp với tôi... Chú còn anh, trung úy ạ, toàn bộ cuộc đời của anh còn ở phía trước. Sau một năm - cho tối đa là năm rưỡi - người ta sẽ chuyển anh đi...

- Như Morel kia, anh chàng thật may mắn!
- Drogo kêu lên khi dừng lại trước một cửa sổ.

Trên bình nguyên trơ trụi bị mặt trời thiêu đốt, những thân hình nhỏ bé của binh lính đang lùi xa dần trên cao nguyên được vẽ lên rất rõ. Bất chấp những balô nặng, họ bước đi sảng khoái và tự tin.

XXII

Đại đội cuối cùng sắp rời Pháo đài đang xếp hàng trên sân, và những người còn lại nghĩ rằng từ ngày mai, sẽ bắt đầu một cuộc sống mới của một doanh trại giờ đây hoàn toàn bé nhỏ. Tất cả, rốt cuộc, đều nôn nóng muốn kết thúc với những cuộc đua tiền kéo dài này, họ đã chán giận dữ khi ngó những kẻ khác rời đi. Và thế, đại đội đã tập trung, chỉ còn chờ trung tá Nicolozì: lần này ông ta phải duyệt đội ngũ. Nhưng ở đó trung úy Simeoni, chính xác hơn, cái biểu hiện kì lạ của khuôn mặt anh ta đã cuốn hút Drogo.

Trung úy Semioni đã phục vụ ba năm trong Pháo đài, và tất cả đều thấy gã ta là một kẻ hiền lành, thiện cận, thật ra, hơi thô lỗ nhưng thực hiện các mệnh lệnh của cấp trên một cách cố gắng và là kẻ đặt việc rèn luyện thể lực lên trên hết. Bước ra sân, Simeoni bắt đầu bốn chôn nghiêng ngó mọi phía, dường như tìm kiếm ai đó để báo một tin tức quan trọng. Với chính ai, điều đó đối với gã rõ ràng là không có ý nghĩa, bởi vì gã chẳng gần gũi đặc biệt với một ai.

Nhận thấy là Drogo đang quan sát anh ta, Simeoni đến gần và nói khẽ:

- Hãy đi và xem. Nhanh lên. Hãy đi mà xem.

- Cái gì vậy?

- Tổ trực ở đồn lẻ số Ba, chỉ cần nhót ra đây một phút thôi. Hề được tự do, hãy đến nhé. Đàng ấy có gì

đó không hiểu nổi. - Gã hơi thở dốc, như vừa sau một cuộc chạy dài.

- Ở đâu? Cậu thấy gì? - Bị kêu gọi trí tò mò, Drogo hỏi.

Vào lúc ấy kèn báo hiệu ba lần, và binh lính rướn người đứng theo lệnh “ng nghiêm”, bởi vị chỉ huy trưởng của Pháo đài đang lặn bại đã bước đến phía họ.

- Đợi một chút, khi họ rời khỏi đã, - Simeoni nói với Drogo đang bị nổi nồn nóng xâm chiếm, dù xúc động ở đây rõ ràng, chẳng vì cái gì cả. - Họ đi mau lên cho! Đã nằm ngày nay tớ cứ định nói, nhưng trước tiên, hãy cứ để những người này biến khỏi đây đã.

Cuối cùng sau lời đưa tiễn ngắn của Nicolozzi và hiệu kèn tiễn biệt, các binh sĩ được trang bị cho một chuyến hành quân dài, nặng nề giẫm chân, bước ra khỏi cổng Pháo đài và hướng về phía thung lũng. Đang là tháng Chín; mặt trời màu xám và ảm đạm.

Simeoni kéo Drogo theo mình qua các hành lang dài vắng ngắt đến đồn lẻ số Ba. Đi qua trạm gác, họ lọt vào mảnh sân quan sát.

Trung úy Simeoni lấy ống nhòm ra và chỉ cho Drogo một khoảnh bình nguyên nhỏ hình tam giác không bị núi che khuất.

- Có gì đằng ấy thế? - Drogo hỏi.

- Trước hết hãy tự xem đi đã. Bỗng đâu tớ nhầm thì sao. Hãy xem và nói, có gì đó đằng kia không.

Chống tay lên lan can, Drogo chăm chú nhìn hoang mạc và trong thấu kính ống nhòm của riêng Simeoni, chàng thấy rõ nét các tảng đá, khe xói, bụi cây thưa, dù chúng ở rất xa.

Hết khu vực này tiếp khu vực khác Drogo xem cả khung tam giác ấy và đã muốn nói rằng không, chàng không nhận ra được gì thú vị. thì bỗng ngay từ nơi sâu nhất, đằng kia, nơi mọi thứ quện vào màng mây mù bất biến, chàng có cảm giác thấy một điểm chấm màu đen nào đó đang di động.

Chàng vẫn đứng, tựa vào lan can, và nhìn vào ống nhòm. còn trái tim chàng thì đập cuồng loạn. Hoàn toàn y như hai năm về trước, chàng trầm nghĩ, khi tất cả đã quyết rằng kẻ thù đang tiến lại.

- Cậu có ý nói cái chấm đen nhỏ đằng kia ấy hả? - Drogo hỏi.

- Tổ đã nằm ngay theo dõi nó, nhưng không muốn nói với ai.

- Tại sao? - Drogo ngạc nhiên. - Cậu sợ gì chứ?

- Nếu tổ nói, người ta có thể kìm giữ việc truyền chuyển mọi người. Và lúc đó Morel và tất cả những kẻ còn lại, những kẻ vẫn nghĩ rằng đã giẫm đạp lên chúng ta, chắc sẽ ở lại đây và không bỏ qua cơ hội thế này. Ôi không, càng ít người bao nhiêu, càng tốt hơn bấy nhiêu cho chúng ta.

- Cơ hội nào? Theo cậu, cái gì đằng ấy được? Hoặc cũng hệt như lần trước, hoặc một toán trình sát, mà cũng có thể, là các mục đồng hoặc thậm chí là một con vật gì đó thôi.

- Những năm ngày ấy à! - Simeoni phản bác.
- Mục đồng thì hẳn đã đi khỏi rồi, và con vật cũng thế. Đằng ấy có gì đó chuyển động, nhưng không hiểu tại sao lại cứ ở nguyên một chỗ.

- Nào thử nói ở đây có "cơ hội" gì nào?

Simeoni với nụ cười nhìn Drogo, dường như không biết có nên hé lộ điều bí mật với chàng hay không. Sau đó nói:

- Tớ nghĩ, họ đang san đường. Đường quân sự. Bây giờ chính vừa đúng lúc. Hai năm trước họ đến đó trinh sát, nghiên cứu địa hình, còn giờ đây bày ra điều gì đó nghiêm trọng.

Drogo cười to khoái trá.

- Lại còn đường với sá gì nữa chứ? Có ai nghĩ đến chuyện họ sẽ xuất hiện ở đây một lần nữa đâu?! Chuyện lần trước với cậu còn là ít sao?

- Cậu sao đấy, mù à? - Simeoni hỏi. - Mà thật cậu, đúng là mất chả ra gì, chứ tớ nhìn thấy một cách tuyệt vời: họ đã bắt đầu đổ nền. Hôm qua ngày nắng, tớ đã xem kĩ hết mọi thứ.

Drogo lắc đầu, ngạc nhiên trước sự ngoan cố như thế. Thì ra, Simeoni còn chưa chán đợi chờ? Và gã sợ hé lộ bí mật của mình, giữ gìn nó, như báu vật, cứ e ngại nhờ ra bị người ta đánh xoáy mất?

- Đã có thời, - Drogo nói, - khi cả tớ cũng tin vào điều đó. Nhưng giờ đây, theo tớ, cậu đang bịa ra mọi chuyện. Ở vào địa vị của cậu, chắc tớ sẽ im lặng để không biến thành trò cười.

- Chúng đang làm đường, - Simeoni ngang ngạnh cãi và nhìn bạn vẻ hạ cố. - Đã quá rõ - phải mất nhiều tháng cho việc làm đó. Nhưng giờ đây mọi sự sẽ như cần thiết, tớ tin chắc.

- Ừ nếu mà mọi thứ đúng là thế đi nữa, chả lẽ, theo cậu, cấp trên chúng ta lại đi vật trụi Pháo đài trong khi biết rằng bọn phương Bắc đang làm đường

để kéo pháo của mình trên đó? Điều đó hẳn lập tức Bộ Tổng tham mưu rõ ngay. Hẳn ở đây tất cả đã biết từ lâu, từ mấy năm về trước ấy chứ.

- Bộ Tổng tham mưu chưa bao giờ coi Pháo đài Bastiani một cách nghiêm túc. Trong khi chúng ta chưa bị pháo kích, chẳng có ai tin đâu... Còn khi ở đây họ tin chắc rằng mọi điều là sự thật, sẽ đã là quá muộn.

- Cậu có thể nói bất cứ gì cũng được, nhưng nếu chúng thực sự đang xây dựng đường, Bộ Tổng tham mưu chắc phải nắm được, trong chuyện đó thì không cần phải nghi ngờ.

- Bộ Tổng tham mưu bị chất đầy các báo cáo, nhưng trong số hàng nghìn báo cáo, cầu trời, chỉ một có giá trị, vì thế nói chung họ không tin gì cả. Mà tổ tranh cãi với cậu làm gì nhỉ? Tự cậu sẽ thấy: mọi sự sẽ như tớ nói.

Chỉ hai người họ đứng cạnh lan can khoảnh sân quan sát. Các lính gác tạo thành chuỗi xích bị thừa thớt nhiều, đi đi lại lại trên khu vực được phân định nghiêm khắc. Giovanni lại nhìn lên phía Bắc: các vách đá, hoang mạc, màn mây mù ở xa xa và chẳng có dấu hiệu gì của sự sống.

Muộn hơn qua cuộc trò chuyện với Ortis, Drogo rõ rằng điều bí mật lừng danh của trung úy Simeoni thực tế tất cả đều đã biết. Nhưng không ai cho nó có ý nghĩa gì. Nhiều người còn ngạc nhiên, do đâu một chàng trẻ tuổi nghiêm túc như Simeoni lại đi tuyên truyền đủ thứ tin đồn vớ vẩn như thế.

Vào những ngày này tất cả mọi người có những

mỗi quan tâm khác. Vì sự cắt giảm quân số buộc phải bố trí thừa các điểm canh phòng, và tất cả những gì có thể đã được làm, nhằm bằng lực lượng nhỏ đảm bảo được gần như sự bố phòng vững chắc trước kia. Nói chung buộc phải giải tán một số toán gác, nhưng những toán còn lại được trang bị tốt hơn, bố trí lại các đại đội và phân bổ các vị trí trong doanh trại theo cách mới.

Lần đầu tiên kể từ thời Pháo đài được xây dựng, một phần các buồng của nó bị đóng cửa và chèn chốt lại. Ông thợ may Prosdotsimo đành phải chia tay với ba người phụ việc, bởi nhẽ giờ đây không đủ việc cho tất cả. Dây đó trên đường đi bắt gặp những gian nhà, những phòng làm việc trống rỗng, nơi trên các bức tường in hình những khung hình chữ nhật màu sáng - trước kia chỗ ấy dựng tủ hoặc treo tranh.

Chấm đèn nhỏ tiếp tục di động ở điểm xa nhất của hoang mạc, vẫn được mọi người cho là sự vô vẩn như cũ. Chỉ có một ít người thỉnh thoảng mượn ống nhòm của Simeoni, để cũng ngó về hướng đó, nhưng cả họ cũng khẳng định rằng chẳng có gì đáng ấy cả. Chính Simeoni, bởi không ai tiếp nhận gã một cách nghiêm túc, nên gã cố né tránh những chuyện về phát hiện của mình, không phật ý vì những lời đùa chọc và trong bất cứ trường hợp nào cũng chỉ cười mỉa.

Nhưng một lần vào buổi tối, Simeoni bất thần ghé vào chỗ Drogo và kéo chàng theo mình. Trời đã tối, và đã đổi ca trực. Toán tuần tra ít người của Đồn Mới đã trở về, và Pháo đài đã chuẩn bị cho phiên trực

ban thường lệ - cho thêm một đêm nữa qua đi không mục đích.

- Hãy đi ra xem này. Cậu thì cậu không tin, vậy hãy đi mà xem nhé, - Simeoni nói. - Hoặc tớ bị hoa mắt, hoặc đằng ấy có gì đó chiếu sáng.

Và họ đã đi. Trèo lên bức tường cạnh đồn lẻ số Bốn. Trong bóng tối, Simeoni chuyển ống nhòm của mình cho Drogo: và để chàng tự xem.

- Nhưng tối lắm, - Giovanni nói. - Lẽ nào thấy được gì đó trong đêm đen thế này?

- Thế nhưng tớ bảo - xem đi, - Simeoni khẳng khẳng. - Tất nhiên, tớ cũng có thể lầm. Nhưng dù sao thì cậu cũng hãy nhìn ra đó, nơi tớ đã chỉ lần trước ấy, và hãy nói cậu có thấy gì hay không.

Drogo nâng ống nhòm lên mắt phải, hướng nó thẳng về phía Bắc và nhìn ra trong màn đêm một đốm lửa nhỏ, một chấm vô cùng nhỏ đang tỏa ra ánh sáng nhấp nháy ở ngay tận ranh giới dải mây mờ.

- Có ánh sáng! - Drogo kêu lên. - Tớ trông thấy một điểm sáng bé tí... hựm nào... - Chàng bắt đầu chỉnh thấu kính. - Tớ không hiểu, đằng ấy một đốm lửa hay nhiều hơn, đôi khi có cảm giác là đằng ấy có hai đốm.

- Vậy đấy! - Simeoni kêu lên đắc thắng. - Theo cậu, tớ là thằng ngố?

- Thì sao nào? - Drogo bác lại, thật ra lần này không tự tin lắm. - Cứ giả sử đằng ấy thực sự có gì đó chiếu sáng đi. Mà có thể, đó là một đoàn Digan hay các mục đồng bên đống lửa.

- Đó là công trình xây dựng, - Simeoni tuyên bố.

- Đàng ấy đang xây một con đường mới, rồi cậu sẽ thấy là tớ đúng.

Thật lạ, nhưng không thể nào nhìn ra nổi chấm sáng bằng mắt thường. Thậm chí các lính canh (mà trong số họ có những người đầy kinh nghiệm, những thợ săn lọc lõi) đều không hề trông thấy gì cả.

Drogo lại chỉnh ống nhòm, tìm kiếm đốm lửa xa xôi, nhìn nó trong mấy giây, còn sau nâng ống nhòm và với sự hiếu kì băng quơ nhìn lên những vì sao. Chúng rải khắp bầu trời, và không sao rời nổi mắt khỏi cái vẻ đẹp ấy. Nhưng ở phía Đông chúng ít hơn hẳn, bởi đàng ấy, mặt trăng đang lên, và lan tỏa ánh sáng yếu ớt.

- Simeoni! - Drogo gọi, và nhận ra không có người bạn ở bên cạnh.

Gã kia không đáp lại. Có lẽ, gã đã theo thang đi xuống dưới để kiểm tra những điểm gác trên các bức tường.

Drogo nhìn quanh. Trong bóng tối chàng chỉ có thể phân biệt nổi bãi quan sát trống rỗng, mép viền của các công sự, những bóng đen của núi. Tiếng chuông đồng hồ vọng đến tai chàng. Người lính gác cuối cùng bên phải giờ đây phải phát ra lời kêu gọi ban đêm của mình mà sau sẽ vang từ người lính này tới người lính khác qua khắp các bức tường. "Nghe này! Nghe này!" Sau đó lời kêu gọi ấy lan về theo hướng ngược lại và cuối cùng sẽ lặng đi dưới chân những vách núi cao. Giờ đây, khi lính canh trên tường đã ít đi hai lần, Drogo thầm nghĩ, các giọng gọi nhau đi trên con đường của mình từ đầu này sang

đầu kia sẽ nhanh chóng hơn nhiều. Nhưng không hiểu sao đó vẫn hoàn toàn im lặng.

Và ngay đó bỗng những hồi ức về thế giới xa xôi đây mong ước đã trào lên Drogo. Đây, ví dụ, tòa lâu đài đẹp đẽ bên bờ biển vào một đêm hè ấm áp, những tạo vật yêu kiều dễ thương ngồi bên cạnh nhau, vọng đến tiếng nhạc... Những bức tranh hạnh phúc mà một chàng trai trẻ hoàn toàn được phép vẽ nên... Một dải phía Đông, ngay sát đường chân trời, trở nên rõ nét hơn và đen hơn bởi nhẽ bầu trời trước bình minh đang bắt đầu nhạt dần. Hạnh phúc làm sao được sống cuộc đời như thế, không phải tính giờ phút, không cần tìm sự quên lãng trong giấc ngủ, không sợ bị muợn đi đâu, có thể bình thản chờ mặt trời mọc, khoan khoái bởi ý nghĩ rằng phía trước thời gian còn nhiều vô tận, rằng có thể chẳng phải lo lắng về một điều gì. Trong số những vẽ mĩ miều của thế gian, đối với Giovanni (ước mơ hảo huyền) - lâu đài cổ tích cạnh biển, âm nhạc, sự nhàn rỗi, sự chờ đợi rạng đông là những điều khao khát nhất. Cứ cho đó là sự ngây ngô, nhưng sự thanh thản tâm hồn từng bị mất đi, lấy lại được từ các hình ảnh này cái biểu hiện rực rỡ hơn, chính là do nó đã được vẽ ra như thế đối với chàng. Vấn đề là ở chỗ, từ lúc nào đó một nỗi khắc khoải khó hiểu trở thành bạn đồng hành cố định của chàng: chàng có cảm giác, chàng sẽ không kịp làm gì đó hoặc sẽ diễn ra gì đó quan trọng, còn chàng lại chưa kịp chuẩn bị đón chờ nó.

Sau cuộc trò chuyện với vị tướng ở thành phố, trong chàng chỉ còn lại ít hi vọng tới sự thuyên

chuyển sang địa điểm khác và tới một sự nghiệp rực rỡ, nhưng Giovanni hiểu rằng, không thể nào chàng cứ ở lại suốt đời trong Pháo đài được. Sớm hay muộn rồi cũng phải có một quyết định nào đó. Sau đó môi trường thù cừu quen thuộc lại kìm giữ chàng, và Drogo thôi suy nghĩ về những người bạn đã biết cách bỏ chạy đúng lúc, về những bạn cũ trở nên giàu có và danh giá; chàng tự an ủi bằng những ý nghĩ về những người đang cùng chia sẻ với chàng sự đầy ải; và không ý thức được rằng đó chỉ có thể là những con người yếu đuối hoặc bị bẻ gãy gục - hoàn toàn không là khuôn mẫu xứng đáng để bắt chước.

Drogo gác quyết định của mình lại hết ngày này qua ngày khác; chàng còn trẻ lắm, mới hai mươi tuổi thôi mà... Thế nhưng nỗi day dứt mơ hồ này đã không cho chàng thanh thản, mà đây lại thêm đốm lửa xuất hiện trên bình nguyên phía Bắc nữa chứ; biết thế nào, có thể, Simeoni lại đúng.

Trong Pháo đài mọi người ít nói về điều đó, mà nếu có nói, thì cũng chỉ như về một điều không đáng kể, chẳng liên quan gì tới họ. Sự thất vọng do cuộc chiến tranh đã không thành còn quá mới, dù ngay cả lúc ấy cũng không ai dám nói lên thành tiếng những hi vọng của mình. Và cả nỗi xúc phạm sự lãng nhệch còn quá mới: nhìn bạn bè rời đi như thế nào, còn chính mình thì ở lại đây với một dúm những kẻ hăm hiu như bản thân mình, canh giữ các bức tường chẳng ai cần đến. Việc giảm lính đồn binh chỉ ra rành rành rằng, Bộ Tổng tham mưu không còn xem pháo đài Bastiani có một chút ý nghĩa gì. Những ước

mơ quên rũ và, hoàn toàn có thể thực hiện được trước đây bây giờ bị chê trách giận dữ. E ngại những lời nhạo báng. Simeoni cho rằng im lặng là hơn.

Nhưng vào những đêm tiếp theo những đốm lửa hư ảo nói chung đã không thể nhận ra, và cả ban ngày cũng chẳng nhận thấy sự di chuyển nào trên rìa xa của bình nguyên. Thiếu tá Matti đi lên tường thành đơn giản do hiếu kì, hỏi nhờ chiếc ống nhòm của Simeoni và chăm chú nhìn ra hoang mạc. Vô ích.

- Hãy giữ lấy ống nhòm của mình, trung úy, - ông ta nói với Simeoni bằng giọng điệu thờ ơ. - Thay vào chỗ để làm hỏng mắt một cách vô ích, có lẽ anh nên quan tâm hơn đến người của mình. Tôi nhìn thấy một lính gác thiếu đai đeo kiếm. Hãy đi xem xem, theo tôi, đó là cậu kia kia, ngoài cùng ấy.

Cùng đi với Matti có trung úy Maderna, kể sau đó truyền lại câu chuyện này trong nhà ăn gây nên cơn cười nhạo của tất cả mọi người. Giờ đây tất cả chỉ quan tâm có mỗi một điều: sao để thời gian qua đi không có những lo toan và xáo động, và cố không nhớ lại về câu chuyện với bọn người phương Bắc.

Simeoni tiếp tục bàn về hiện tượng khó hiểu chỉ với mỗi mình Drogo. Trong suốt bốn ngày trời thực sự chẳng trông rõ cả những đốm lửa, cả những chấm di động, nhưng sang ngày thứ năm chúng lại xuất hiện. Những đám mây mù phương Bắc - Simeoni cố lý giải điều bí ẩn - khi thì tràn ra, khi thì lùi lại phụ thuộc vào thời gian mỗi mùa, hướng gió và nhiệt độ; và bốn ngày vừa rồi chúng sa xuống phía Nam, che

khuất mất khu vực nơi được phỏng đoán có bãi xây dựng.

Những ngọn lửa không chỉ xuất hiện: ánh chùng sau một tuần Simeoni tuyên bố rằng chúng đã xê dịch khỏi vị trí và tiến gần về phía Pháo đài. Lần này Drogo kiên quyết không đồng ý với gã: sao có thể trong bóng đêm, khi chẳng có lấy một mốc định hướng nào, xác định nổi chúng xê dịch hay không chứ, kể cả là chúng thật sự xê dịch đi chăng nữa?

- Nhưng nếu cậu giả sử, - Simeoni ương ngạnh khẳng định, - rằng không thể chứng minh điều đó trong bất cứ trường hợp nào, nghĩa là, tôi cũng có rất nhiều cơ sở để khẳng định rằng chúng đã dịch đi, cũng như cậu khẳng định - rằng chúng ở nguyên tại chỗ. Thôi được, còn sống - rồi sẽ thấy. Hàng ngày tớ sẽ theo dõi các chấm ấy, và chả mấy chốc - cậu sẽ tự khẳng định là chúng đang đến gần.

Sang ngày hôm sau cả hai cứ lần lượt nhìn vào ống nhòm. Thực chất, có thể phân biệt được ba hay bốn chấm nhỏ đang chuyển dịch cực kì chậm chạp. Chậm đến mức sự tiến lên của chúng hầu như không nhận thấy. Đành phải chọn những mốc định hướng - một tảng đá lớn, một ngọn đồi nào đó - và bằng mắt ánh chùng khoảng cách giữa mốc định hướng và điểm chấm. Qua một thời gian nào đó có thể khẳng định được rằng nó đã thay đổi. Nghĩa là, cái chấm chuyển dịch thật.

Trước Simeoni chưa có ai quan sát một hiện tượng đáng kinh ngạc là vậy, nhưng mà không loại trừ, rằng từ lâu lắm rồi, trong suốt nhiều năm trời

hoặc thậm chí nhiều thế kỉ; có thể nói, nơi ấy có thể có một thôn quê hay một cái giếng mà các đoàn súc vật vận chuyển vẫn kéo đến đó, - đơn giản là trong Pháo đài cho đến giờ chưa có ai được sử dụng một ống nhòm nhìn xa như chiếc của Simeoni.

Sự chuyển động của các chấm diễn ra hầu như bao giờ cũng theo một tuyến: lên trước hoặc lùi lại. Simeoni cho rằng đó là những chiếc xe kéo chất đầy đá hoặc sỏi; với khoảng cách thế này, gã nói, không thể thấy được con người.

Như thường lệ, đồng thời có thể nhìn thấy chỉ ba hoặc bốn điểm di động. Nếu giả sử rằng, đó là các xe kéo, Simeoni lập luận, với ba xe chuyển động phải có ít nhất là sáu xe đứng yên - để chất hàng và dỡ hàng, nhưng không có khả năng nhìn thấy chúng được, bởi vì chúng hòa lẫn vào vô số chỉ tiết phong cảnh bất động. Nghĩa là, trên đoạn này hoạt động chừng mười xe được thẳng bốn ngựa, - chính người ta vẫn thường vận chuyển các mặt hàng nặng như thế. Số người tương ứng thì phải là mấy trăm.

Những quan sát này, thoát đầu là đối tượng của những cuộc cãi vã đũa đòn, trở thành món giải trí duy nhất trong cuộc sống của Drogo. Dù Simeoni - không phải là người cùng đàm thoại thú vị và là một kẻ thủ cựu lớn - chàng không có cảm tình lắm, nhưng hầu như suốt thời gian rồi Drogo ở cạnh gã, và thậm chí tối tối trong nhà ăn sĩ quan, hai người ngồi lâu đến tận khuya, tiếp tục dựng lên các phỏng đoán khác nhau.

Simeoni đã dự tính hết tất cả. Thậm chí nếu cho

rằng công việc được tiến hành rất chậm, và làm những chỉnh lí tất yếu về khoảng cách, thì bọn phương Bắc cũng chỉ cần không quá nửa năm để đến gần Pháo đài cách một tầm đại bác. Gã cho rằng chắc chắn nhất kẻ thù sẽ dừng lại dưới sự che chở của những dãy núi kéo dài qua hoang mạc theo hướng kinh tuyến.

Cái dãy núi này thường hòa lẫn vào cảnh quan, nhưng thỉnh thoảng các bóng của vạn vật lúc trời chiều hay các lớp tuyết cho phép ta nhận ra nó. Nó kéo dài lên hướng Bắc, và khó có thể xác định các sườn của chúng cao và dốc đến mức nào. Còn cái phần hoang mạc mà không thể nhìn rõ nổi nó cả từ Đồn Mới (từ các bức tường Pháo đài nói chung không nhìn thấy được), từ lâu vẫn giữ nguyên chưa được nghiên cứu.

Giữa phần trên của dãy núi này và chân núi, tức là chính cái chỗ mà chóp vách đá của Đồn Mới vươn cao, trải dài một hoang mạc phẳng đơn điệu, đây đó phủ các vết nứt, đá dăm chát thành đôi, đôi chỗ lau sậy mọc lên.

Khi con đường được rải xong đến tận dãy núi, Simeoni dự đoán, kẻ thù sẽ lợi dụng, ví dụ, một đêm không trăng, có thể hoàn toàn ung dung bằng một cú nhảy vượt qua cái khoảng cách còn lại. Nền đất ở đây khá chắc và bằng phẳng, vậy nên kéo pháo đến vị trí ấy là không khó khăn gì đặc biệt.

- Nhưng thời hạn được tính toán - nửa năm, - gã trung úy nói thêm, có thể phụ thuộc vào hoàn cảnh, biến thành bảy, tám tháng hoặc biết đâu đấy, còn

hơn nữa. Và ở đây Simeoni bắt đầu liệt kê các nguyên nhân có thể của sự chậm trễ: sai lầm trong việc xác định khoảng cách mà kẻ thù sẽ phải vượt qua, sự hiện diện của các trở ngại trung gian không nhìn thấy nổi từ Đồn Mới (các công việc ở đây có thể tốn nhiều công sức hơn và chiếm mất nhiều thì giờ hơn); nhịp độ chậm dần của việc xây dựng bởi lẽ bọn ngoại quốc bị tách xa khỏi nguồn cung ứng của mình: những phức tạp có tính chất chính trị mà vì chúng, có thể việc xây dựng bị đình lại một thời gian nào đó; tuyết, thường làm tê liệt công việc trong vài, ba tháng; mưa biến bình nguyên thành một đầm lầy hoàn toàn. Đó chỉ mới là những trở ngại cơ bản. Simeoni liệt kê chúng rất cố gắng và đầy đủ, để thuyết phục rằng mình không phải là kẻ điên đang chịu áp lực của ý tưởng mê sảng.

Sẽ ra sao, nếu những người xây dựng con đường không có những ý đồ xâm lược nào cả? Sao, nếu người ta làm đường, chẳng qua với mục đích khai khẩn những vùng đất mới bao la, cho đến tận giờ chưa được khai khẩn, không người và không sự sống? Mà có thể, công việc sẽ ngừng lại sau khi người phương Bắc đi được thêm vài kilômét nữa thôi? Drogo đã bác lại gã như thế.

Simeoni lắc đầu. Hoang mạc quá nhiều đá để có thể khai khẩn nó, gã đáp. Thêm nữa vương triều phương Bắc có vô số những đồng cỏ bỏ hoang được sử dụng làm bãi chăn nuôi, - để cho công việc nhà nông thì chỗ ở đây thuận lợi hơn nhiều.

Nhưng ở đâu nghe nói rằng bọn ngoại bang đang

xây dựng chính là con đường?.. Simeoni đoán chắc rằng, vào những ngày rất trong sáng, lúc hoàng hôn, khi những cái bóng nắng ngả dài ra trông thấy, y may mắn đã thấy rõ một nét thẳng nền đắp. Drogo, dù có cố gắng thế nào đi nữa, vẫn không sao nhìn ra nó. Ai có thể đoán chắc rằng cái nét thẳng này - không đơn giản chỉ là điểm đặc biệt của địa hình! Những chấm đen di động bí ẩn và những đốm lửa đêm đêm vẫn chưa có nghĩa gì cả: có thể, chúng bao giờ cũng đã ở đấy, đơn giản là những năm trước đây không thể nhìn nổi chúng vì mây mù (đó là chưa nói về sự hoàn hảo của các ống nhòm cũ mà cho đến thời gian cuối này Pháo đài vẫn sử dụng).

Họ vẫn cãi nhau như thế cho đến đợt tuyết đầu mùa. Mùa hè còn chưa kịp hết, Giovanni thâm nghĩ, và cái lạnh đã tới. Đúng là chàng có cảm giác, như chàng mới từ thành phố quay về và thậm chí chưa kịp thu xếp ổn thỏa tại nơi cũ. Còn trên lịch đã ngày 25 tháng Mười Một, hóa ra, mấy tháng trời đã bay qua.

Tuyết dày đổ xuống, và những hàng hiên bị phủ đầy trở nên trắng toát. Nhìn lớp tuyết phủ, Drogo cảm thấy nỗi lo âu quen thuộc bỗng tăng lên; chàng vô vọng cố đẩy lùi nó bằng những ý nghĩ về tuổi trẻ của mình, về chuyện chàng còn nhiều biết bao những năm tháng ở phía trước. Thời gian với sự khó hiểu cứ thúc nhanh bước chạy của mình, nuốt đi hết ngày này sang ngày khác. Ta chẳng kịp ngoái nhìn - đêm đã đến, mặt trời đi vòng trái đất từ hướng khác lại

mọc lên để chiếu sáng thế gian phủ đầy tuyết.

Tất cả những bạn bè còn lại của chàng, hình như đã không nhận thấy điều đó. Như thông lệ, họ thực thi công vụ của mình không có sự hăng say nào cả và thậm chí còn vui mừng khi trên bản nhật lệnh xuất hiện tên gọi của tháng tiếp theo, nó như hứa hẹn cho họ điều gì đó. Thế là đã bắt được một tháng phát phơ trong pháo đài Bastiani, họ tính vậy. Mỗi người có giới hạn của mình - ở ai đó giới hạn là khiêm tốn, ở ai đó giới hạn là vinh quang, và nói chung, họ hoàn toàn thỏa mãn với chúng.

Thậm chí thiếu tá Ortis, người đã gần tuổi năm mươi, thờ ơ đếm những tuần và những tháng trôi qua. Từ lâu ông đã từ chối mơ ước vĩ đại của mình để giờ đây nói: "Còn chừng mười năm - và ta có thể về hưu". Viên thiếu tá dự định quay về quê nhà, về một thành phố cổ tĩnh lặng, nơi theo lời ông, ông có những người họ hàng nào đó. Drogo nhìn Ortis với vẻ đồng cảm, nhưng không thể hiểu nổi ông. Ortis sẽ làm gì ở đấy, dưới kia, giữa những con người phàm tục, một mình, không có bất cứ mục đích gì trong cuộc sống?

- Tôi đã học được cách thỏa mãn với những điều nhỏ, - viên thiếu tá nói, dường như đọc được ý nghĩ của Giovanni. - Cứ mỗi năm, tôi càng cần ít hơn và ít hơn từ cuộc đời. Nếu không có gì thay đổi, tôi sẽ quay về nhà với quân hàm đại tá.

- Còn sau đó? - Drogo hỏi.

- Còn sau đó - hết - Ortis đáp, mỉm cười trầm tĩnh. - Sau đó lại sẽ chờ... Với ý thức nghĩa vụ được

thực hiện, - ông kết thúc về đùa bỡn.

- Nhưng qua mười năm ở đây, trong Pháo đài, có thể...

- Chiến tranh ư? Anh vẫn cứ nghĩ về chiến tranh? Điều đã xảy ra là còn ít đối với anh ư?

Trên bình nguyên phương Bắc, trên biên giới của mây mù vĩnh cửu, không còn xuất hiện thêm gì đó đáng ngờ: thậm chí những đóm lửa đêm cũng đã tắt. Và Simeoni vô cùng mừng rỡ với điều đó. Mọi sự nói lên rằng gã đúng: đảng ấy chẳng là thôn quê và chẳng là đoàn Digan gì, mà là công trường buộc phải ngừng lại vì tuyết.

XXIII

Mùa đông đã làm chủ không chỉ một ngày trong Pháo đài, khi trên bảng chỉ lệnh treo trên một bức tường trong sân, xuất hiện một mệnh lệnh kì quặc. Nó được đặt tên thế này: "Chặn đứng những tin đồn nhảm và gây rối". "Theo chỉ thị rõ ràng của bộ chỉ huy tối cao, tôi kêu gọi thành phần hạ sĩ quan và binh lính không tin, không rêu rao lại và không phổ biến những tin đồn bất an không hề có cơ sở về mối hiểm nguy hư ảo của sự tấn công biên giới chúng ta. Những lời đồn đại trên không chỉ là không cho phép

đối với trật tự kỉ luật theo nhiều nguyên nhân đã biết, mà còn có thể phá vỡ các quan hệ láng giềng thân thiện bình thường với quốc gia chung biên giới và đẩy lên trong các đơn vị sự rối loạn không đáng có, cản trở việc thực hiện bình thường công vụ. Tôi đòi hỏi để việc trực ban của lính gác được thi hành bằng các biện pháp truyền thống, loại trừ trước tiên việc sử dụng các thiết bị quang học không được quân luật phê chuẩn. Không hiếm khi sử dụng thiếu sự cần thiết, chúng có thể trở thành nguyên nhân dẫn đến các sai lầm và sự lí giải không đúng các sự kiện. Với mỗi chủ nhân của thiết bị như thế tôi đề nghị tự báo cáo cho chỉ huy phân đội mình, người được trao-trách nhiệm tịch thu thiết bị đó và bảo quản ở chỗ mình”.

Tiếp theo là những mệnh lệnh thông thường liên quan đến công việc tuần tra và chữ kí của chỉ huy trưởng Pháo đài trung tá Nicolozì.

Rõ ràng cái lệnh chỉ hình thức kêu gọi binh lính, trong thực tế lại được gửi cho các sĩ quan. Bằng cách đó Nicolozì đạt được mục đích kép: không khiến trách một riêng ai, ông ta đã cảnh cáo về sự vi phạm trong toàn Pháo đài. Dĩ nhiên, khi có mặt lính gác đã không có ai trong số sĩ quan dám nhìn rá hoang mạc bằng ống nhòm có độ quang học mạnh hơn so với của nhà nước. Còn các thiết bị của nhà nước được phát cho các đồn lẻ đã lỗi thời và về thực tế đã thành vô dụng, thêm vào đó nhiều chiếc đã bị mất từ lâu.

Kẻ nào đi tố giác về các sĩ quan nhỉ? Kẻ nào đã báo về điều này cho Bộ Tổng tham mưu? Tất cả

bất giác đều nghĩ về thiếu tá Matti - làm điều đó chỉ có thể là ông ta, ông ta, kể suốt đời vung vẩy điều lệnh và sẵn sàng đầu độc cả niềm vui nhỏ nhất, chặn đứng bất kì ý đồ hít thở và suy nghĩ tự do nào.

Phần lớn các sĩ quan cười nhạo câu chuyện ấy. Ban chỉ huy, họ nói, trung thành với chính mình, bao giờ cũng vậy, phản ứng lại sự kiện với sự chậm trễ đến hai năm. Thực sự, giờ đây có ai nghĩ đến chuyện lo sợ một cuộc xâm lăng nào đó từ phía Bắc cơ chứ? A chà, phải, vẫn còn Drogo và Simeoni (mà sao họ lại quên về hai người nhỉ?). Nhưng chẳng lẽ mệnh lệnh ra chỉ tính dành cho hai người ấy? Drogo, một tay đáng yêu như thế, tất cả nghĩ, vậy thì anh ta có thể có sự khó chịu nào cơ chứ, kể cả nếu anh ta suốt ngày không buông ống nhòm khỏi tay đi nữa? Mọi người cũng xem Simeoni là người vô hại.

Chính Drogo trong đáy lòng tin chắc rằng mệnh lệnh của viên trung tá chính là có quan hệ tới chàng. Đã lần thứ bao nhiêu các hoàn cảnh cuộc đời cứ chống lại chàng. Việc chàng mấy giờ trong một ngày quan sát hoang mạc thì làm phiền ai cơ chứ? Sao lại tước đi của chàng cái thú vui vô hại như thế? Có điều nó làm chàng phát điên lên mất. Bởi chàng đã trông đợi mùa xuân đến làm sao: tuyết chỉ vừa tan một chút thôi, trên đỉnh cuối hoang mạc phía Bắc xa xôi lại sẽ xuất hiện những đốm lửa, những chấm đen lại di động tiến và lùi, đánh thức trong lòng chàng những hi vọng đã tắt.

Chàng gán cả cuộc đời mình với những hi vọng này, chỉ có điều giờ đây mỗi một Simeoni chia sẻ chúng với chàng, còn những kẻ khác chẳng quan tâm gì về điều ấy. Thậm chí cả Ortis, và ngay cả ông thợ may già Prosdotsimo. Phải, điều đó là tuyệt vời - và thế chỉ hai người, bảo vệ bí mật của mình; đâu có như thời gian trước, còn trước cả cái chết của Angustina, khi tất cả đều thấy mình như là những kẻ âm mưu và thậm chí cảm thấy gì đó gần như là ghen tị đối với nhau.

Nhưng giờ đây ông nhòm bị cấm đoán. Simeoni với tính kỉ luật của gã, tất nhiên rồi, không dám liều sử dụng nó nữa. Thậm chí nếu trên ranh giới của mây mù vĩnh cửu lại cháy lên các ngọn lửa, thậm chí nếu đằng ấy những chấm đen lại nhón nháo, trong Pháo đài đã không ai có thể biết về điều đó, bởi vì với mắt thường thì ngay cả những người lính gác tốt nhất, những xạ thủ lưng danh có khả năng nhìn rõ một con quạ bình thường cách xa một dặm, cũng sẽ không nhìn ra chúng.

Vào hôm ấy Drogo nòn nóng được nghe ý kiến của Simeoni, nhưng chàng quyết định chờ đến tối để khỏi gây sự chú ý tới mình, chứ không, ai đó lại lập tức chạy đi báo cáo với chỉ huy. Mà Simeoni ban trưa cũng không xuất hiện trong nhà ăn, và không hiểu sao cũng chẳng thấy gã ở đâu cả.

Simeoni đến ăn tối, nhưng muộn hơn thông thường, khi Drogo đã bắt đầu ăn. Nuốt vội thức ăn, gã ăn xong trước Giovanni và ngay đó đã ngồi vào bàn đánh bài. Chẳng lẽ gã sợ ở lại mặt đối mặt với Drogo ư?

Cả hai người hôm ấy được tự do không phải trực. Giovanni ngồi vào chiếc ghế bành cạnh cửa, để tóm được Simeoni khi gã bước ra, và chàng lập tức nhận ra rằng, trong thời gian chơi bài, Simeoni hình như cứ nhìn trộm về phía chàng.

Gã chơi đến tận khuya, lâu hơn nhiều so với thường lệ - điều trước đây không hề có ở gã, - và tiếp tục liếc nhìn Drogo với hi vọng chàng sẽ mệt công chờ đợi. Đến cuối, khi tất cả đã tản đi, gã cũng buộc phải đứng lên và đi ra cửa. Drogo đứng dậy và đi bên cạnh gã.

- Chào, Drogo, - Simeoni nói, mỉm cười lúng túng.

- Sao mà chẳng thấy cậu nhỉ? Cậu ở đâu thế?

Họ đi như thế đến một hành lang ảm đạm, kéo dài dọc cả Pháo đài.

- Thì tớ ngồi cùng với tất cả đó thôi, - Drogo đáp.

- Đọc say sưa quá nên không nhận thấy là đã muộn thế này.

Họ đi im lặng một lúc trong ánh phản chiếu của những chiếc đèn lồng thừa thớt bố trí đều đặn trên hai bên tường. Các sĩ quan khác đã ở xa: chỉ còn các giọng nói không phân biệt rõ của họ vọng tới từ trong hành lang sâu tối. Đã đêm khuya lắm, trời lạnh.

- Cậu đọc mệnh lệnh chưa? - Bất ngờ Drogo hỏi.

- Cậu có thích không câu chuyện với nỗi lo lắng giả tạo này? Tự đứng sao lại thế? Và ai có thể tố giác nhỉ?

- Làm sao tớ biết được? - Simeoni đáp gằn như thô lỗ, khi dừng lại cạnh chỗ rẽ sang cầu thang dẫn lên tầng trên. - Cậu rẽ ở đây à?

- Thế làm sao với ống nhôm đây? - Drogo quan tâm. - Chả lẽ không thể dùng ống nhôm của cậu dù chỉ là...

- Tớ đã nộp cho ban chỉ huy rồi, - Simeoni cắt ngang chàng về khô khan. - Tớ nghĩ thế sẽ tốt hơn. Hơn nữa người ta lại đang theo dõi bọn mình.

- Theo tớ, cậu quá vội đấy. Qua đi ba tháng, khi tuyết tan, tớ nghĩ, không ai còn nhớ về nó nữa. Và lúc ấy chắc chúng ta lại có thể xem... Lẽ nào thiếu cái ống nhôm đó, cậu có thể thấy nổi con đường mà cậu đã nói?

- A, cậu vẫn cứ nói mãi về con đường ấy, - Simeoni nói về bao dung. - Cậu biết đấy, dù sao tớ cũng đã tự khẳng định rằng cậu nói đúng!

- Tớ? Đúng gì?

- Đàng ấy chẳng có đường sá gì cả, nói đúng hơn, đó thực sự chỉ là một làng hay đoàn người Digan, như cậu đã nói.

Chả nhẽ Simeoni đã sợ đến nỗi quyết định phủ nhận trắng trợn tất cả, lo sợ những điều khó chịu và không còn tin cậy cả chàng, Drogo nữa? Giovanni ngó vào mắt gã. Trên hành lang, ngoài họ, không còn ai cả, những tiếng nói đã lặng đi, hai cái bóng bị kéo ra một cách quái dị nhảy nhót trên các bức tường.

- Nghĩa là cậu không còn tin một chút nào nữa vào điều ấy? - Drogo hỏi. - Và thực sự cậu nghĩ là mình đã nhầm? Thế các tính toán của cậu thì sao đây?

- Ô, mình làm chúng để giết thì giờ thôi mà, - Simeoni đáp, cố biến mọi thứ thành trò đùa. - Tớ hi

vọng là cậu không xem điều đó là nghiêm túc đấy chứ?

- Thú nhận đi, chỉ là do cậu sợ, - Drogo nói vẻ khinh thị. - Sau cái lệnh ấy giờ đây cậu không còn tin ai nữa.

- Ôi có gì với cậu hôm nay thế? - Simeoni kinh ngạc. - Tôi không còn hiểu cậu nói về điều gì nữa. Hóa ra, không thể giống đùa với cậu được, ôi dào, cậu cứ như một đứa trẻ con vậy.

Drogo tiếp tục nhìn Simeoni. Một vài thoáng giây cả hai đứng im lặng trong hành lang u tối, nhưng cái im lặng thật nặng nề khó chịu.

- Thôi được, tôi đi ngủ đây, chúc ngủ ngon! - không chịu nổi, Simeoni nói và bước lên cầu thang mà mỗi chiếu nghỉ của nó được rọi chiếu bằng một ngọn đèn yếu ớt. Lên hết một lượt cầu thang, gã khuất đi sau chỗ ngoặt; chỉ còn thấy bóng của gã in trên tường, sau đó cả nó cũng biến mất.

Ôi đồ ốc sên, Drogo thầm nghĩ.

XXIV

Trong khi đó, thời gian vụt qua mau. Không nghe thấy, nhưng nó vẫn ngày càng đo ướm nhanh hơn dòng chảy của cuộc đời chúng ta, và không thể nào

kìm hãm nổi dù là một khoảnh khắc - dù chỉ để ngó lại đằng sau. Thực muốn hét lên "Hãy dừng! Hãy dừng lại!" Vô vọng. Tất thấy, tất thấy đều chạy vào ngược lại: những con người, những mùa xuân và mùa đông, những đám mây, - và chúng ta bám vào những tảng đá, vào đỉnh của một vách đá nào đó là vô ích: những ngón tay mệt mỏi tự rời ra, những cánh tay buông thõng xuống, và dòng sông thời gian cuốn chúng ta đi tiếp, thoát nhìn có vẻ chậm rãi, nhưng không ngưng nghỉ.

Với mỗi ngày Drogo càng cảm thấy rõ rệt hơn sức tàn phá bí ẩn của thời gian và cố gắng trì néo nó một cách vô vọng. Trong cuộc sống đơn điệu của Pháo đài chàng không có đủ định hướng, và giờ phút tuột qua đi trước khi chàng kịp đếm chúng.

Nhưng có một hi vọng bí ẩn mà vì nó Drogo đã phung phí những năm tháng đẹp nhất của đời mình. Nâng niu nó trong lòng, chàng hiến tế nhiều năm tháng mà không nhận biết, nhưng cả những năm tháng đó cũng không đủ. Mùa đông, cái mùa đông lê thê dường nào trong Pháo đài, là một dạng bảo đảm cho những may mắn tương lai. Nhưng cả nó cũng chấm hết, còn Drogo thì cứ vẫn đợi chờ.

Trời đã ấm lên, chàng nghĩ, và bọn ngoại bang lại sẽ bắt tay vào công việc làm đường của mình. Nhưng giờ đây chàng không còn ống nhòm của Simeoni để theo dõi được chúng. Nhưng dẫu sao, nếu công việc vẫn tiếp tục - ai mà biết cần bao nhiêu thời gian cho điều đó? - sớm hay muộn, bọn người phương Bắc sẽ phải đến gần, và vào một ngày tuyết rơi nào đó thì cả

những cái ống nhôm xưa cũ, còn giữ lại được trong một số trạm quan sát, cũng sẽ trông thấy chúng.

Và vì thế Drogo quyết tâm chờ sự xuất hiện của bọn ngoại bang không phải vào mùa xuân, mà sau đó mấy tháng, tất nhiên nếu dự đoán của chàng về việc một con đường đang được xây đắp biến thành hiện thực. Chàng phải nâng niu những ý tưởng này trong bí mật, bởi Simeoni, vốn sợ những điều khó chịu, đã không còn muốn nghe gì thêm vì các bạn bè khác thì hẳn sẽ đưa chàng ra làm trò cười, thêm nữa cấp chỉ huy lại không tán thành đối với những tưởng tượng hão huyền như vậy.

Vào đầu tháng Năm, dù có ngấm bao nhiêu đi nữa vào cái ống nhôm tốt nhất của công, Drogo vẫn không sao phát hiện ra những dấu hiệu hoạt động nào của con người trên bình nguyên. Và đêm đêm đặng ấy cũng không ánh lên tia lửa, dù lửa thì dễ dàng nhận ra dù cả từ khoảng cách xa.

Những hi vọng của Drogo yếu dần đi một chút. Khó mà tin nổi điều gì đó khi ta chỉ có một mình và không thể chia sẻ với ai các ý nghĩ của mình. Chính vào thời gian đó chàng hiểu rằng, mọi người, các quan hệ của họ dù có là gần gũi đến thế nào chẳng nữa, về bản chất, bao giờ cũng là những người xa lạ đối với nhau: nếu một người không được khỏe, cái đau vẫn chỉ là cái đau của anh ta, không ai khác có thể nhận về mình dù chỉ là một chút nhỏ cái đau ấy; nếu một người đau khổ, những người khác không cảm thấy những nỗi khổ này, dù đã có một tình yêu chân chính nối kết họ với anh ta. Chính điều đó đẻ ra sự cô đơn trong cuộc sống.

Niềm tin bắt đầu yếu đi, còn sự nôn nóng tăng lên, và Drogo cảm thấy, dường như đồng hồ điểm chuông nhanh hơn. Đã từng có, suốt cả ngày dài chàng không một lần hướng ánh mắt về phía Bắc (chàng tự đánh lừa bản thân, giải thích việc đó thuần túy là sự lơ đãng, còn trong thực tế, đó là chàng cố tình không nhìn ra phía ấy để lần sau tăng thêm, dầu chỉ là một chút, các cơ may rằng những hi vọng của chàng rốt cuộc sẽ hóa thành sự thật).

Nhưng một lần vào buổi tối - ôi cần đến bao nhiêu là thời gian! - trong thấu kính ống nhòm xuất hiện một lưỡi lửa nhỏ chập chờn, một đốm lửa yếu ớt đến nỗi có cảm tưởng nó sắp tắt đến nơi, nhưng nếu tính đến khoảng cách, đó có thể là một nguồn ánh sáng khá lớn.

Sự việc xảy ra đêm mồng bảy tháng Sáu. Bao nhiêu năm sau, Drogo vẫn còn hồi nhớ lại cái sự sùng sốt sướng vui tràn ngập lòng chàng, cái khao khát chạy đi đâu đó, gào hét tuyên bố tin mới cho tất cả không loại trừ ai, và niềm tự hào từ nhận thức là chàng đã biết cách chiến thắng bản thân nhưng chàng không hề nói gì với ai - vì nỗi khiếp hãi mê tín, nhờ ngọn lửa này tắt mất thì sao.

Mỗi tối, đi lên tường thành pháo đài, Drogo bắt đầu chờ; và thêm với mỗi tối ngọn lửa dường như tiến lại gần chút đỉnh, trở nên to hơn. Đôi khi đó chỉ là sự dối lừa của thị giác được lí giải bởi sự nôn nóng của chàng, còn đôi khi ngọn lửa thực sự đã gần hơn, vậy nên cuối cùng, một lính gác đã trông thấy nó bằng mắt thường.

Sau đó, thậm chí giữa ban ngày, trên nền hoang mạc trắng nhờ đã có thể trông thấy những chấm đen di động - mọi thứ giống in năm ngoái, chỉ khác mỗi ống nhòm giờ đây yếu hơn. Điều đó cho thấy, bọn ngoại bang tiến về phía trước nhiều hơn. Vào những đêm tháng Chín lạnh lẽ, thậm chí những người có thị giác không mấy sắc sảo cũng nhìn thấy rõ nét các đốm lửa của công trình xây dựng được giả định. Dần dần giữa các chiến binh đã lập lại những cuộc trò chuyện về bình nguyên phía Bắc, về bọn ngoại bang, về những sự chuyển dịch lạ lùng và những đốm lửa ban đêm ấy. Nhiều người cho rằng, ngoài kia đích thực có một con đường đang được làm, dẫu họ không lí giải nổi - với mục đích gì; các giả thiết về một công trình quân sự có vẻ như là phi lí. Mà các công việc được tiến hành lại quá chậm, và khoảng cách còn lại vẫn còn vô cùng lớn.

Thế nhưng, một lần vào buổi tối, có ai đó đã lên tiếng nói về chiến tranh dù chỉ là những diễn đạt mù mờ, và cái hi vọng có vẻ hào huyền lại phả hơi thở trong những bức tường của Pháo đài.

XXV

Trên rìa dãy núi kéo dài theo hướng kinh tuyến qua bình nguyên phía Bắc, cách Pháo đài chừng một

dặm có một cột mốc được dựng lên. Từ nó đến chóp núi đá Đồn Mối trải dài một vùng bằng phẳng với mặt đất rắn chắc mà pháo binh có thể tự do đi qua. Trên mép lòng chảo vút lên một khối cột - cái sáng tạo đáng kinh ngạc của bàn tay con người đối với vùng này - trông thấy rõ thậm chí chỉ bằng mắt thường từ sân trên của Đồn Mối.

Đó là hướng bọn ngoại bang kéo con đường của mình đến. Công việc khổng lồ cuối cùng đã hoàn thành, nhưng bằng cái giá khó tưởng tượng đến chừng nào! Trung úy Simeoni trong những tính toán của mình dành sáu tháng cho việc xây dựng. Nhưng sáu tháng không đủ, cũng như cả tám, cả mười tháng cũng không đủ. Và dẫu vậy, con đường đã được làm, từ phía Bắc kị binh của kẻ thù có thể phóng nước đại trên nó, còn đến Pháo đài thì chẳng là bao. Chúng chỉ còn phải hoàn tất một khu vực cuối - mấy trăm mét - trên bề mặt bằng phẳng và trơn tru mà thôi. Nhưng điều đó chúng phải trả giá đắt lắm: mất những mười lăm năm, mười lăm năm trường bất tận, dù chúng bay qua nhanh như một giấc mơ.

Thoạt nhìn thì dường như chẳng có gì thay đổi. Vẫn những dãy núi kia vây quanh, trên các bức tường đồn vẫn những cái vết bản ấy - cũng có thể đã xuất hiện thêm những vết mới, nhưng chúng gần như không phân biệt nổi. Vẫn bầu trời ấy, vẫn hoang mạc Tácta ấy, nếu không tính đến cái cột hiện ra đen thẫm trên rìa dãy núi và một vạch thẳng mà khi thì tỏ khi thì mờ - phụ thuộc vào ánh sáng. Đó chính là con đường nổi tiếng.

Mười lăm năm đối với núi rừng là vô cùng nhỏ

nhoi, và thậm chí chúng chẳng để lại chỗ là bao dấu ấn rõ rệt trên các tường thành Pháo đài. Nhưng đối với con người, hành trình ấy là dài, dù chính họ cũng cảm giác rằng tháng năm vụt qua hầu như không nhận thấy. Những người trong Pháo đài hầu như vẫn là những con người ấy; vẫn nguyên quy chế ấy, vẫn những lần đổi ca trực gác ấy, đêm đêm các sĩ quan vẫn nói với nhau những câu chuyện ấy. Nhưng, nếu ngẫm kĩ hơn, có thể nhận ra rằng thời gian vẫn đã đặt dấu ấn lên những khuôn mặt. Thêm vào đó đồn binh một lần nữa lại giảm quân số. Những bức tường không được bảo vệ trên một khoảng lớn, và có thể đi qua đấy chẳng cần mặt khẩu gì; những toán lính gác chỉ được bố trí tại những điểm chủ chốt nhất; thậm chí Đồn Mới bị quyết định đóng cửa và chỉ mười ngày một lần cử một toán quân đến kiểm tra mà thôi. Bộ Tổng tham mưu giờ đây cho pháo đài Bastiani có ít ý nghĩa thế đấy.

Nó cũng không xem xét với vẻ nghiêm túc việc con đường được làm trên bình nguyên phía Bắc. Có người nói đó là tính rù rờ thông thường của bộ chỉ huy, có người nói rằng tại thủ đô, dĩ nhiên họ rờ hơn. Rõ ràng một điều: con đường được xây dựng không hề có một ý đồ gây hấn nào cả. Những giải thích như thế có vẻ ít sức thuyết phục, nhưng làm gì có những cách giải thích nào khác.

Cuộc sống trong Pháo đài càng trở nên đơn điệu và biệt lập hơn. Đại tá Nicolozzi, thiếu tá Monti và trung tá Matti đã nghỉ hưu. Giờ đây trung tá Ortis chỉ huy đồn binh, còn những người khác đều được thăng cấp bậc cao hơn, ngoại trừ ông thợ may

Prosdotsimo vẫn cứ giữ nguyên vị chức trung sĩ.

Vào một sáng tháng Chín đẹp trời Drogo, giờ đã là đại úy Giovanni Drogo, lại cưỡi ngựa đi trên con đường dốc dẫn từ thung lũng đến pháo đài Bastiani. Chàng có một tháng nghỉ phép, nhưng mới qua hai mươi ngày chàng đã vội vã quay trở lại: thành phố trở nên lạ lẫm hoàn toàn đối với chàng, các bạn bè cũ đã thành dạt, chiếm giữ những địa vị khá giả trong xã hội và chào đón chàng một cách khinh thị như với một sĩ quan tầm thường. Mà ngay cả ngôi nhà thân thuộc, vẫn được yêu dấu như xưa, gọi lên trong Drogo chỉ một tình cảm tiếc nuối nhói lòng. Mỗi lần, khi trở về, chàng bắt gặp nó gần như là hoang vắng - phòng của người mẹ đã trống không vĩnh viễn, các anh em luôn luôn trong những chuyến đi, một trong số họ lấy vợ và chuyển sang sống ở một thành phố khác, người thứ hai tiếp tục lang bạt khắp thế gian, các căn phòng có vẻ không người sống - những giọng nói trong chúng vọng lại bằng tiếng vọng vang ngân, thậm chí cả các cửa sổ mở toang và ánh mặt trời cũng chẳng giúp nổi.

Và thế, Drogo lại từ thung lũng đi lên Pháo đài, chỉ cuộc đời chàng là rút ngắn đi những mười lăm năm tròn. Thế nhưng chàng không cảm thấy trong lòng những đổi thay gì đặc biệt: thời gian bay qua nhanh đến độ tâm hồn chàng không kịp già đi. Và dù nỗi âu lo thấp thỏm mơ hồ về thời gian trôi đi không trở lại ngày càng thể hiện mạnh hơn, Drogo cứ kiên trì không chịu già từ cái ảo ảnh, rằng điều chủ chốt nhất của chàng vẫn còn ở phía trước. Giovanni nhấn

nại chờ đợi cái giờ của mình, cái giờ mà mãi vẫn chưa đến, chàng không hề nghĩ về việc tương lai bị rút ngắn đi nhiều một cách đáng sợ, rằng nó đâu còn như trước kia. khi được coi tưởng như là kho báu bất tận - thật không thể nào với cạn, ta có thể vung tiêu không đếm xỉa.

Có lần Drogo nhớ lại rằng đã lâu lắm chàng không cưỡi ngựa trên sân tập phía trước Pháo đài. Chàng thậm chí nhận thấy mình chẳng còn chút thiết tha gì với điều đó, còn những tháng gần đây (trời mới biết là bao nhiêu tháng) chàng đã không còn chạy cầu thang nhảy cách hai bậc một nữa. Thật ngốc nghếch, Giovanni nghĩ, thể lực chàng mạnh khỏe như trước đây; không nghi ngờ rằng mọi thứ có thể bắt đầu lại từ đầu, và chẳng cần phải chứng minh gì với bản thân cả - điều ấy hẳn chỉ là nực cười thôi.

Phải, thể lực của Drogo hiện giờ không hề thua kém trước kia, và chỉ cần chàng giờ đây bỗng nghĩ chuyện phi ngựa hoặc chạy lên cầu thang, hẳn chàng sẽ làm được việc đó một cách tuyệt vời, nhưng cái chính là ở chỗ khác, cái chủ yếu là chàng không còn cảm thấy lôi cuốn tới việc đó, là sau bữa trưa chàng thích ngủ mơ màng dưới ánh mặt trời hơn, chứ không phải là phóng ngựa tới lui trên bãi tập lởm chởm đá. Đó mới là vấn đề, đó mới là mình chứng về những tháng năm đã mất.

Ồi, nếu những ý nghĩ như thế lền vào đầu chàng vào cái buổi chiều kia, khi lần đầu tiên chàng bắt đầu đi lên cầu thang theo từng bậc một! Chàng cảm

thấy mình có phần mệt mỏi, quy luật vẫn là quy luật, đầu chàng dường như bị một cái đai xiết lại, thậm chí chàng khước từ chơi bài như thói quen (tuy nhiên, trước đây cũng có những trường hợp khi chàng không phóng nhanh trên cầu thang vì một sự mệt mỏi nhẹ nào đó). Nhưng chàng không thể tự hình dung rằng buổi chiều ấy là một điểm mốc rất buồn thảm trên hành trình của chàng, rằng trên các bậc thang đó, vào chính những thoáng giây ấy đã kết thúc thời trai trẻ của chàng, rằng sang sáng ngày hôm sau lối sống của chàng sẽ trở nên hoàn toàn khác và thời oanh liệt sẽ không quay lại cả vào ngày mai lẫn ngày kia. Không bao giờ nữa.

Và bây giờ đây khi Drogo trầm ngâm đang cưỡi ngựa đi lên theo sườn thung lũng dốc chan hòa ánh nắng và con ngựa đã mệt chuyển sang bước kiệu, từ phía đối diện vọng đến giọng nói của ai đó.

“Chào ngài đại úy!” - chàng nghe thấy và quay lại, nhận ra một sĩ quan trẻ cưỡi ngựa trên con đường uốn lượn theo sườn dốc khác. Khuôn mặt hình như không quen, nhưng xét qua dấu hiệu cấp bậc thì đó là một trung úy. Có lẽ, chàng thăm nghĩ, thêm một sĩ quan nữa tại đồn binh của chàng đã nghỉ phép xong giờ cũng đang quay lại Pháo đài.

- Chuyện gì thế? - Giovanni hỏi, ghìm ngựa và đáp lại lời chào theo điều lệnh của viên trung úy.

Nguyên nhân nào có thể làm cậu sĩ quan trẻ gọi chàng, mà thêm nữa, lại với vẻ thoải mái vậy nhỉ?

Bởi cậu kia không đáp lại, Drogo hét to hơn và đã có phần bực bội:

Chuyện gì thế hả?

Vươn thẳng người trên yên ngựa, viên trung úy xa lạ xếp hai bàn tay thành loa kèn và kêu:

- Không gì cả, đơn giản là tôi muốn chào ngài thôi ạ!

Giovanni cảm thấy lời giải thích đó thật là ngờ nghệch, thậm chí gần như là lãng mạn, nó thật quá giống với sự mỉa mai. Thêm nữa giờ đi ngựa, sẽ đến chiếc cầu nơi hai con đường nhập vào nhau. Vậy thì cần quái gì những lễ nghi dân sự không đúng chỗ thế này?

- Anh là ai? - Drogo hét đáp lại.

- Trung úy Moro ạ!

Trung úy Moro? Ít ra đại úy cũng nghe thấy như thế. Trong Pháo đài không có ai có họ tên thế cả. Có thể, đó là một sĩ quan cấp thấp đang đi tới nơi bổ nhiệm chăng?

Chỉ bấy giờ chàng mới thấy đau đớn trong lòng với cái hồi ức về một ngày xa xăm, khi lần đầu tiên chàng theo con đường đi lên Pháo đài, về cuộc gặp gỡ với đại úy Ortis chính cũng ở chỗ này của vách núi, về khát khao nồng nóng của mình trao đổi lời nói với một người sống, về cố gắng ngây ngô bắt chuyện qua vực thẳm.

Mọi điều đều y như vào cái ngày ấy, chỉ với một khác biệt là việc đổi vai và giờ đây chàng, Drogo, một đại úy già, lần thứ hàng trăm đi tới Pháo đài Bastiani, còn người mới là cậu trung úy với cái tên Moro xa lạ đối với chàng. Chỉ ở đây nhận thức Drogo mới sáng rõ rằng qua thời gian này cả một thế hệ đã

đổi thay, rằng giờ đây chàng đã bước sang bên kia cái vách khốc hại, vào hàng ngũ những lão già mà như hồi ấy chàng cảm giác là Ortis thuộc về nó. Và đấy, xé nhỏ tuổi năm mươi, chẳng làm được điều gì to tát trong đời, lại còn không con cái, không một sinh thể gần gũi trên cả thế gian, Giovanni bối rối ngược nhìn từ phía và cảm thấy rằng cuộc đời chàng đã trượt xuống sườn dốc.

Chàng trông thấy những bức tường lởm chởm cây bụi, những khe núi ẩm ướt, những dãy núi lô nhô răng cưa trập trụi áp sát nhau trên nền bầu trời, bộ mặt dửng dưng của núi non; còn phía bên kia vực – cậu trung úy trẻ măng, rụt rè và bối rối, kẻ tất nhiên đang tự an ủi bằng hi vọng rằng cậu ta phục vụ trong Pháo đài tất thấy chỉ mấy tháng, và mơ ước về con đường danh vọng ngồi chói, những chiến công trập mọc hiên hách, mối tình thơ mộng.

Drogo vỗ vỗ vào cổ con ngựa của mình, còn nó thân tình quay đầu lại phía chàng, nhưng nó không thể hiểu được gì. Trái tim Drogo co thắt lại: vĩnh biệt, những ước mộng xưa cũ, vĩnh biệt, những niềm vui cuộc sống! Mặt trời rõ ràng chiếu sáng mọi người một cách âu yếm, bầu không khí tươi sống uốn cuộn lên từ thung lũng, những bãi cỏ trên núi ngát hương, tiếng ca của chim chóc họa lại tiếng của thác nước. Trong một ngày tuyệt diệu thế này mọi người phải hạnh phúc, Drogo nghĩ và sửng sốt nhận ra rằng mọi thứ xung quanh dường như vẫn giữ nguyên y như vào cái buổi sáng diệu kì thời thanh xuân của chàng. Chàng chạm vào dây cương. Sau nửa giờ Drogo nhìn thấy chiếc cầu, nơi hai con đường hòa nhập vào nhau,

suy nghĩ về điều sắp sửa trò chuyện với viên trung úy, và trái tim chàng lại co thắt xót xa.

XXVI

Tại sao giờ đây, khi con đường đã đắp xong, những người hàng xóm phương Bắc lại biến đi? Tại sao người, các xe kéo, ngựa nghèo rời đi qua bình nguyên lên phía trên và khuất vào trong sương mù miền Bắc? Toàn bộ công việc này được thực hiện vì mục đích gì?

Trông rất rõ những toán thợ đào đất rút lui hết toán này đến toán kia và dần dần biến thành những chấm đen nhỏ xíu chỉ phân biệt được qua ống nhòm, - hoàn toàn giống như mười lăm năm về trước. Họ đã mở đường cho những người lính: giờ đây quân đội người phương Bắc đã có thể hành tiến theo nó đến tấn công Pháo đài Bastiani.

Nhưng chẳng hiểu sao không có đội quân nào cả. Trong hoang mạc Tácta còn lại mỗi tuyến đường, dấu vết một hoạt động trí tuệ của loài người trên nền sự xác xơ vĩnh cửu. Quân đội kẻ thù không vội vã tấn công, mọi thứ có vẻ đã bị xếp lại, nào ai biết, thêm bao nhiêu năm nữa.

Và bình nguyên lại câm lặng trong sự chờ đợi.

Vẫn bất động như trước những đám mây mù phương Bắc, cuộc sống của Pháo đài tuân thủ nội quy vẫn nguyên không thay đổi, những người lính gác, như bao giờ cũng vậy, vẫn đo bước chân trên bức tường Pháo đài từ đầu đến cuối, sinh hoạt lính tráng vẫn nguyên như cũ; ngày ngày trôi đi, giống hệt như nhau, lặp lại đến bất tận, như những người lính in dấu những bước chân. Và dù vậy thời gian không đứng yên một chỗ, chẳng quan tâm đến mọi người, nó bay trên trần gian, giết chết tất cả những gì có thời đã từng là tuyệt diệu; và không ai có thể trốn tránh khỏi nó, thậm chí đến cả những trẻ sơ sinh còn chưa có tên gọi.

Trên mặt Giovanni xuất hiện những nếp nhăn, tóc ông (giờ đã có thể gọi chàng bằng ông) đã nhuốm bạc, bước đi không còn nhẹ nhõm như thuở trước; dòng đời đã hất ông sang một bên về phía mép những lòng phễu khoan sâu, - mà thực ra ông đã đến năm chục tuổi đầu. Tất nhiên, không còn phải đi tuần tra nữa, giờ đây ông đã có phòng làm việc riêng trong ban chỉ huy - bên cạnh văn phòng của trung tá Ortis.

Khi tới đến, đồn binh thưa vắng đã không thể cản trở bóng tối bao trùm Pháo đài. Những khoảng tường lớn thiếu sự bảo vệ, và dường như, những ý nghĩ về bóng đêm và nỗi cô đơn cay đắng đã thẩm thấu vào Pháo đài chính qua đây. Phải, đồn lũy cũ nên giống như một đảo nhỏ bị lấn khuất giữa vùng đất chết: bên phải và bên trái nổi cao những ngọn núi, một thung lũng không sự sống kéo dài về phía Nam, còn về phía Bắc là hoang mạc Tácta. Những âm thanh khác thường kì lạ nào đó ngân vang giữa

đêm khuya trong mê cung thành lũy, buộc trái tim những người lính gác đập dồn hơn. Vẫn cứ âm vang từ đầu đến cuối phía trên bức tường: "Hãy nghe! Hãy nghe!", những binh sĩ gọi nhau đã thành ra khó khăn hơn - khoảng cách quá lớn tách người này khỏi người kia.

Vào thời kì này Drogo trở thành nhân chứng những thất vọng đầu tiên của trung úy Moro - những thất vọng y như của chính ông ở thời trai trẻ. Thoạt đầu Moro cũng hoảng sợ, vội vã đến gặp thiếu tá Simeoni người giờ đây thực hiện trách nhiệm của Matti; nhưng người ta thuyết phục cậu ở lại đầu ít ra là bốn tháng, và kết cục là cậu ta đã bị sa lầy và cũng bắt đầu chăm chú quá mức ngó sâu vào hoang mạc phía Bắc với con đường mới dường như chẳng cần cho ai cả, đánh thức trong cậu những hi vọng về vinh quang binh nghiệp. Drogo rất muốn trò chuyện với Moro, cảnh báo, khuyên nhủ cậu rời khỏi Pháo đài trong khi còn chưa muộn; thêm nữa Moro là một chàng trai đáng yêu và chịu khó. Nhưng sự vớ vẩn ngốc nào đó cứ cản trở cuộc trò chuyện của họ, và lại điều đó đầu chắc sẽ có kết quả gì.

Cùng với những chiếc lá xám của ngày và lá đen của tối cứ rời cành và rụng xuống, ở Drogo, Ortis (mà có thể, còn ở một số sĩ quan già khác) cũng lớn dậy nổi e dè rằng giờ đây họ chẳng còn kịp làm gì nữa. Bọn ngoại bang thờ ơ với bước chạy thời gian, không chịu động dậy rời chỗ, dường như cho mình là bất tử và chúng chẳng tiếc nuối gì việc những mùa đông và mùa xuân qua nhanh. Mà trong Pháo đài lại cư ngụ những kẻ đáng thương, bất lực trước sự công phá của

thời gian và ý thức được rằng giới hạn cuộc đời họ đã gần lắm. Những cái mốc mà một thời có vẻ gần như huyền hoặc, bỗng chúng quá xa vời, bỗng nhấp nhô khá gần khi gọi nhớ về dòng chảy nhanh của sự sống. Mỗi lần, để tìm trong bản thân sức lực để nai lưng làm việc khó nhọc và tiếp nữa, buộc phải nghĩ ra một hệ thống mới, những điểm tính toán mới nào đó và tự an ủi bằng việc những kẻ khác còn khốn khổ hơn.

Nhưng rồi Ortis đã đến lúc rút lui về nghỉ ngơi (còn trên bình nguyên phương Bắc vẫn chẳng nhận thấy dấu hiệu nhỏ nhất của sự sống, thậm chí không cả một đốm lửa nhỏ bé). Trung tá Ortis bàn giao công việc cho chỉ huy mới của Pháo đài - Simeoni, tập trung trên sân toàn bộ số nhân viên - dĩ nhiên ngoại trừ những toán đang canh gác, với vẻ khó khăn ông phát biểu trước họ, nhờ sự giúp đỡ của cần vệ ông trèo lên yên ngựa và ra khỏi cổng Pháo đài với đội hộ tống gồm một trung úy và hai người lính.

Drogo tiễn ông đến tận rìa cao nguyên. Chỉ ở đây họ mới chia tay nhau. Đã bắt đầu một ngày hè dài dặc, những đám mây trôi trên bầu trời mà bóng chúng in lên mặt đất những vệt kì quặc. Xuống ngựa, trung tá Ortis đi tách Drogo sang một bên; cả hai im lặng, không biết nói gì với nhau khi tiễn biệt. Sau đó họ trao đổi với nhau bằng những lời té nhịt và đau đớn, những lời thực thâm hại và hoàn toàn không giống điều mà lòng họ đón đau.

- Toàn bộ cuộc đời tôi giờ đây sẽ thay đổi, - Drogo nói. - Có lẽ, tôi cũng nên rời khỏi đây. Thực là tôi muốn đâm đơn xin giải ngũ!

- Anh còn trẻ mà! - Ortis nói. - Xin giải nghệ là

ngốc nghếch, có thể vẫn còn kịp...

- Kịp ư? Cái gì cơ?

- Chiến đấu. Rồi anh sẽ thấy, chưa quá hai năm đâu...

(Ông nói mà trong lòng hi vọng rằng điều đó đừng xảy ra, bởi ông muốn để Drogo quay về nhà cũng như ông, không chờ nổi cho đến khi Số Phận mỉm cười với Drogo, - ấy hẳn là sự bất công quá lớn. Dù là Ortis có cảm tình khá thân ái với Drogo và chỉ mong điều tốt đẹp cho ông).

Nhưng Giovanni không nói năng gì cả.

- Phải mà, chưa quá hai năm..., - Ortis nhắc lại, hi vọng nghe thấy lời phản đối.

- Ôi dào gì đằng ấy được - hai năm, - cuối cùng Giovanni lên tiếng, - những thế kỉ qua đi, mà có thể còn nhiều hơn thế nữa. Ông cứ xem như con đường đã bị vứt bỏ: từ phía Bắc sẽ không có ai xuất hiện đâu.

Và dù nói to chính những lời ấy, giọng nói trái tim vẫn nói với ông một điều khác. Trong đáy sâu tâm hồn ông từ những năm trai trẻ vẫn giữ lại một linh cảm, dù phi lí nhưng không thể cưỡng lại nổi về những sự kiện định mệnh, niềm tự tin mơ hồ rằng điều tốt nhất trong cuộc đời ông vẫn còn chưa bắt đầu.

Cả hai lặng đi, nhận thấy là cuộc trò chuyện này đẩy họ xa nhau thêm. Nhưng họ, cùng sống dưới một mái nhà và cùng mơ ước chỉ mỗi một điều hầu như suốt ba chục năm, còn có thể nói thêm về điều gì nữa chẳng? Giờ đây, sau cuộc hành trình cùng nhau lâu đến thế, hai con đường của họ tách ra, dẫn về hai

hướng khác nhau, nhưng cả hai con đường đều dẫn về nơi bất định.

- Mặt trời tuyệt làm sao! - Ortis nói, khẽ nhìn bằng cặp mắt hơi mờ vì tuổi tác lên bức tường của Pháo đài của mình mà ông sắp rời bỏ vĩnh viễn.

Còn những bức tường vẫn y nguyên như thế - vàng bệch và hứa hẹn những cuộc phiêu lưu khác thường. Ortis chăm chăm nhìn chúng, và không ai, ngoài Drogo, có thể đoán nổi là ông đau đớn biết đường nào.

- Quả thực là nóng, - Giovanni đáp, khi hồi nhớ về Maria Vescovi, về câu chuyện đã lâu trong phòng khách nơi vọng tới những hợp âm phong cầm dấy lên nỗi buồn.

- Phải, thời tiết đúng là tuyệt vời, - Ortis khẳng định.

Cả hai mỉm cười ra dấu là quá hiểu nhau và hiểu nghĩa đích thực của những lời tưởng như trống rỗng ấy. Có bóng một đám mây che họ, và trong mấy phút mọi thứ xung quanh sẫm tối, thế nhưng theo sự tương phản, các bức tường Pháo đài bừng lên dưới mặt trời bởi ánh sáng chói lòa báo điềm dữ. Hai con chim lớn chao liệng phía trên đồn lẻ. Từ xa vẳng lại kèn hiệu khó mới phân biệt được.

- Anh nghe thấy không? Kèn hiệu, - viên sĩ quan già nói.

- Không, tôi chẳng nghe thấy gì cả, - Drogo nói dối, cảm thấy rằng câu trả lời như thế sẽ thỏa lòng người bạn hơn.

- Có lẽ, tôi nhầm. Mà từ đây không thể nghe nổi nó thực. Đích thị là quá xa, - Ortis thốt ra bằng một

giọng run lên. Sau đó chế ngự được nỗi xúc động, nói thêm: - Thế anh nhớ cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng ta, khi anh đến đây và đã hoảng sợ không? Lúc ấy anh còn không muốn ở lại nữa cơ, nhớ không?

Drogo chỉ có thể đáp:

- Điều đó thực đã lâu rồi... - Và một cục nghẹn lạ lùng trào chẹn lên cổ ông.

Tiếp tục dòng ý nghĩ ngoằn ngoèo của mình, Ortis nói:

- Ai biết, có thể, tôi vẫn còn có ích trong chiến tranh. Chắc còn đem lại cái lợi gì đó. Nhưng chỉ trong chiến tranh... chứ trong những gì còn lại, như anh thấy đây, tôi chỉ là một chỗ trống.

Đám mây bay qua. Nó đã khuất ra phía sau Pháo đài và giờ đây đang trườn về hướng hoang mạc Tácta buồn thảm, chậm chậm trôi xa lên phía Bắc. Chỉ có thể thôi... Mặt trời lại chiếu sáng rực rỡ, và trên mặt đất lại xuất hiện bóng của hai thân hình đàn ông. Những con ngựa của Ortis và của những người tháp tùng ông, nôn nóng gõ móng trên đá cách họ chừng hai chục mét.

XXVII

Các trang sách được giở qua, những tháng và năm cứ trôi đi. Các bạn bè cũ thời phổ thông của

Drogo đã, có thể nói, mỗi một vì công việc, họ đã có hàm râu đáng nể với mái đầu tóc hoa râm, họ thông thả bách bộ trên đường phố, và tất cả kính cẩn chào họ, con cái họ đã lớn, còn đôi người đã có cháu. Bè bạn cũ của Drogo thỏa mãn với đường công danh của mình, giờ đây thích dõi theo dòng chảy thời gian từ ngưỡng cửa tòa lâu đài họ dựng lên; trong cơn xoáy cuồng của đám đông họ với vẻ thỏa mãn đưa mắt kiếm tìm con cái của chính mình, động viên, thúc giục, khuyến khích chúng vượt qua những kẻ khác, trở thành những người đầu tiên đạt được mọi thứ. Còn Giovanni Drogo vẫn cứ chờ gì đó, dấu những hi vọng của ông với mỗi phút giây càng yếu dần đi.

Giờ đây ông thực sự đã đổi thay. Ông đã năm mươi tư tuổi, ông đã là thiếu tá và trợ thủ của chỉ huy trưởng đồn binh ít quân số của Pháo đài. Chưa lâu lắm những đổi thay của ông hình như không lộ rõ và không thể nào gọi ông là một lão già. Thi thoảng, dù không dễ dàng gì, để khởi động ông vẫn làm một vài vòng phi ngựa trên bãi tập.

Sau đó Drogo bắt đầu gầy đi, khuôn mặt ông có một sắc thái vàng ệch không tốt, các cơ bắp thành ra nhẽo nhuột.

- Gan đang suy sụp, - bác sĩ Rovina là một ông lão rất già, kiên quyết kết thúc những ngày của mình tại Pháo đài, nói. Nhưng thủ thuốc bột do bác sĩ kê đơn đã không giúp được gì, sáng sáng Drogo tỉnh giấc uể oải, với cái đau nhức nhối sau gáy. Ngồi trong phòng làm việc của mình, ông chỉ chờ cho đến khi trời tối để có thể ném mình xuống giường hoặc lên giường.

- Bệnh gan bị biến chứng bởi sự suy kiệt chung của cơ thể, - bác sĩ nói.

Nhưng sự suy kiệt cơ thể nào có thể với lối sống của ông cơ chứ?

- Mọi sự sẽ qua đi, những thứ này đâu phải là của hiểm vào lứa tuổi của ông, - Rovina đoán chắc. - Không thể nhanh như mong muốn đâu, nhưng sẽ qua thôi, ít nhất, tôi không tìm thấy có gì đáng nguy hiểm cả.

Vậy là trong cuộc sống của Drogo có thêm một sự đợi chờ bổ sung, còn thêm một hi vọng - hi vọng khỏe lại. Và lại, ông không biểu lộ sự nôn nóng của mình. Trong hoang mạc phương Bắc vẫn bình lặng như cũ, không có gì báo hiệu sự xâm lấn có thể của kẻ thù.

- Hôm nay trông ông đã khá lên - những đồng ngũ hàng ngày an ủi ông.

Nhưng chính Drogo không cảm thấy tốt lên. Những cơn đau đầu và sự rệu rã dày vò của dạ dày mà ông trải qua vào thời gian đầu đúng là đã qua đi; ông không bị dần vật đặc biệt thêm về thể xác. Nhưng không hiểu sao sức lực cứ yếu dần đi.

Chỉ huy trưởng Pháo đài Simeoni nói với ông:

- Anh hãy lấy phép và đi nghỉ đi, hẳn là tốt nếu anh sống một thời gian cạnh biển.

Còn khi Drogo từ chối, cam đoan rằng cảm thấy sức khỏe mình tốt hơn và thích ở lại, Simeoni lắc đầu về trách móc, dường như Drogo bác bỏ lời khuyên có lợi của gã, lời khuyên hoàn toàn phù hợp với tinh thần và thực tế của điều lệnh, cũng như các quyền lợi của Pháo đài và sự tốt đẹp của bản thân, đó chính là

thể hiện sự vô ơn. Simeoni quá đề nén mọi người bằng sự đúng đắn không thể chê trách của mình làm cho nhiều người không phải một lần ca ngợi ban chỉ huy cũ, thậm chí ca ngợi cả Matti, sĩ quan tùy tùng trưởng bằng lời tốt lành.

Dẫu gã có nói gì đi nữa, trong những lời của gã, dù là những lời hảo tâm, bao giờ cũng nghe thấy sự chỉ trích ngấm ngấm những người còn lại, dường như chỉ mỗi một gã thực hiện nghĩa vụ của mình đến tận cùng, một mình gã - chỗ dựa của Pháo đài, một mình gã dàn xếp ổn những điều khó chịu nhiều bất tiện mà vì chúng mọi thứ có thể lộn nhào. Vị chỉ huy trưởng cũ vào những năm đẹp nhất của mình cũng tương tự như thế, chỉ có điều ít giả dối hơn, ông ấy không cho là cần phải che giấu tính vô tình của mình, còn sự thô lỗ và khắc nghiệt của ông ấy đôi khi thậm chí còn làm binh lính thích thú.

Thật may, Drogo kết thân với bác sĩ Rovina và nhờ sự giúp đỡ của ông ta đã được ở lại trong Pháo đài. Vì một sự mê tín khó hiểu nào đó ông sợ phải rời khỏi Pháo đài do bệnh tật, sợ rằng sau đó ông sẽ không còn đường quay lại. Đối với ông ý tưởng đó là không thể chịu đựng nổi. Gần hai mươi năm về trước chắc ông đã bám vào một cơ hội như thế: đắm mình vào cuộc sống thời thượng của một doanh trại thành phố với những bài luyện tập mùa hè, với những công việc trên bãi tập bắn, những cuộc đua ngựa, nhà hát, xã hội xán lạn, những quý bà. Thế nhưng giờ đây là gì? Thêm mấy năm nữa, thì phải về hưu, đường công danh đã hết, trong trường hợp tốt nhất người ta sẽ

tìm cho ông một vị trí nào đó trong Bộ tham mưu - chỉ để phục vụ nốt. Còn lại mấy năm thôi, cơ may cuối cùng của ông; biết sao được, thế nhờ đâu trong thời gian ấy sẽ diễn ra cái sự kiện chờ đợi từ lâu? Ông đã trao cho Pháo đài những tháng năm đẹp nhất của cuộc đời mình và cho rằng ông có quyền ít ra là chờ cho đến phút chót.

Để đẩy nhanh sự phục hồi sức khỏe, Rovina khuyên Drogo bớt nghĩ về công việc và nằm dài trên giường suốt ngày: cứ để người ta đem vào phòng cho ông những giấy tờ và tài liệu cần thiết. Đang là tháng Ba giá lạnh và lấm mưa, do những cơn mưa đã có những lần núi lở đáng sợ; bất chợt chẳng hiểu nguyên do gì những vách núi khổng lồ đổ sụp và, rơi vụn, bay xuống vực thẳm với tiếng rầm rầm đầy đe dọa, không chịu lắng đi trong đêm suốt mấy giờ liền.

Cuối cùng, mùa xuân vất vả lấm mới bắt đầu tỉnh giấc. Tuyết trên đèo đã tan, nhưng các đám mây đậm đặc còn bám lấy Pháo đài. Không khí ẩm trong thung lũng qua một mùa đông đã bị nén chặt đến mức chỉ mặt trời nóng bỏng mới có thể làm chúng tan đi. Thế nhưng vào một buổi sáng, tỉnh dậy, Drogo trông thấy trên sàn gỗ lại xuất hiện một dải ánh sáng mặt trời, và hiểu rằng, đầu xuân mùa xuân cũng đã về.

Và trong lòng ông lại ấm lên niềm hi vọng, rằng mùa xuân đến sẽ cho ông sức mạnh mới. Thậm chí trong các vì kèo gỗ cũ cũng xuất hiện tiếng vọng của sự sống bởi mùa xuân: đêm đêm đầy những tiếng cọt kẹt, lách tách gì đó. Mọi thứ hình như bắt đầu sống

lại, làn sóng sức khỏe và niềm vui ập tràn xuống thế gian.

Drogo nghĩ chính về điều đó, khi phục hồi trong trí những phát biểu thích hợp của các nhà văn vĩ đại, để tự củng cố những hi vọng của mình. Ông nhóm lên khỏi giường, lập cập đi lại gần cửa sổ. Đầu hơi quay cuồng, nhưng ý nghĩ rằng chuyện như thế vẫn xảy ra với tất cả những ai nằm lâu trên giường, đã phần nào trấn an ông. Và đúng thế, sự chóng mặt qua đi nhanh, và Drogo đã có thể ngắm ánh mặt trời rực rỡ.

Dường như khắp cả trần gian thấm đẫm niềm vui bất tận. Tự Drogo không thể nhìn thấy được gì, bởi vì một bức tường cao vợi ngay trước cửa sổ của ông, nhưng ông dễ dàng đoán ra niềm vui đó. Thậm chí những bức tường Pháo đài cổ lỗ, mặt đất đỏ đục ngoài sân, những ghé băng bằng gỗ đã ngả màu xám, chiếc xe kéo trống rỗng, người lính chậm chậm lê chân đi - mọi thứ đúng là đều toát lên niềm vui. Mà chắc lẽ, ngoài kia, phía bên kia bức tường cũng vui thế!

Drogo muốn mặc quần áo, ngồi một lát trên ghế bành giữa không gian, sưởi nắng, nhưng một sự ớn lạnh bên trong kìm ông lại và buộc ông quay về giường. Và dù sao thì hôm nay ta vẫn cảm thấy mình khỏe hơn, khỏe hơn nhiều, ông thâm nghĩ, tin hẳn nó phải là thế.

Một buổi sáng mùa xuân mê li tỏa ngời một vẻ thanh bình; dải nắng chậm chậm di chuyển trên sàn. Thịnh thoảng Drogo ngó nó và không thấy có một chút hứng thú làm việc với những giấy tờ đã dồn

đóng lại trên tủ cô-mốt của ông. Thêm nữa lại có một sự lặng im khác thường mà chẳng hiểu vì sao không có cả tiếng kèn thỉnh thoảng vọng lại, không có tiếng động của nước trong bể chứa làm khuấy động. Và cả khi trở thành thiếu tá, Drogo vẫn không muốn chia tay với căn phòng của mình, cũng lại bởi sự mê tín thuần túy, còn ông đã quen với tiếng sụt sùi của bể nước đến nỗi chúng không hề làm ông bức mình.

Drogo theo dõi con ruồi đậu ngay trên dải ánh sáng mặt trời. Ấy là một vị khách bất ngờ không hiểu cách nào sống sót qua mùa đông. Ông chăm chú theo dõi sự chuyển dịch của nó, nhưng ngay đó có người gõ cửa.

Giovanni thăm nhận thấy tiếng gõ là lạ. Tất nhiên, đó không thể là người hầu, và không phải là đại úy Corradi từ văn phòng quân sự (Corradi nhất thiết kèm theo tiếng gõ của mình những lời nhã nhận “xin phép”), và đây không phải là ai trong số khách thông thường.

- Mời vào! - Drogo nói.

Cửa mở, và xuất hiện người thợ may già Prosdotsimo, lưng cong hoàn toàn, trong bộ quần áo kì cục có thời từng là quân phục trung sĩ. Ông cụ hơi hớn hển, đi vào phòng và dùng ngón trở bàn tay phải chỉ vào khoảng không ý nói có gì đó nằm ở phía bên kia bức tường Pháo đài.

- Đang đi! Chúng đang đi! - ông cụ thông báo đầy âm mưu, bằng cái giọng kìm nén, cứ như đó là một bí mật lớn lao vậy.

- Ai đi? - Drogo hỏi, ngạc nhiên nhìn ông cụ thợ

may đang bị kích động. Và thầm nghĩ: ôi lại dính vào! Chỉ cần lão này lên tiếng ba hoa, hẳn sau cả giờ vẫn không thoát khỏi lão.

- Chúng đi trên đường, Trời đất thánh thần ơi. trên đường phía Bắc ấy! Tất cả đã lên hàng hiên hết rồi: đang nhìn.

- Trên đường phía Bắc ư? Bọn lính hay sao?

- Hàng tiểu đoàn! Hàng tiểu đoàn. - Cụ già hét lên, - nắm chặt bàn tay. - Lần này thì chẳng còn lăm được, thêm nữa lại có công văn hỏa tốc đến từ Bộ Tổng tham mưu: người ta thông báo là đã phái tăng viện cho chúng ta! Đó là chiến tranh! Chiến tranh! - Prosdotsimo hét lên, và không hiểu hoặc do sợ hãi hoặc do sung sướng mà ông cụ hét vỡ họng thế.

- Đã trông rõ chúng hả? Không cần ống nhòm? - Drogo ngồi lên, tràn ngập nỗi xáo động khủng khiếp.

- Không thể rõ hơn thế, quý tha ma bắt! Chúng có cả đại bác, quân ta đã đếm được mười tám khẩu!

- Và bao giờ chúng có thể tấn công chúng ta? Chúng mất khoảng bao lâu thì đến được đây?

- Ôi có gì mà nói! Với con đường thế kia!.. Tôi nghĩ sau hai ngày chúng sẽ ở đây rồi. Tối đa là sau hai ngày!

Cái giường đáng nguyên rủa, Drogo thầm nghĩ. Cứ nằm đây như bị đóng gông. Lại cần phải ốm nữa cơ đấy! Trong đầu ông không hề nảy ra ý nghĩ rằng Prosdotsimo có thể nói dối. Ông lập tức tin ngay: mọi sự phải là thế, chính ông đã nhận thấy là thậm chí không khí cũng thay đổi, và đâu chỉ không khí mà cả ánh mặt trời cũng trở nên khác.

- Ông Prosdotsimo, - ông nói, khó nhọc lấy hơi, - hãy đi gọi giúp Luca, người hầu của tôi... không, gọi vô ích, hẳn là cậu ta đang ở phía dưới, trong văn phòng - cậu ta chờ khi nào người ta chuyển giấy tờ cho tôi, hãy đi nhanh lên, xin ông đấy!

- Tôi đi ngay đây, ngài thiếu tá ạ! - Prosdotsimo đáp lại khi đã cất bước. - Đừng nghĩ thêm nữa về bệnh tật của mình, hãy ra tường thành, tự ngài sẽ thấy tất cả.

Cụ già chạy ra quên cả đóng cửa: nghe thấy tiếng bước chân của ông cụ xa dần trong hành lang, sau đó sự im lặng lại phủ xuống.

- Chúa ôi, hãy làm sao để con cảm thấy khỏe hơn, con cầu xin Người, dù chỉ cho một tuần, - Drogo thầm thì, nhưng không đủ sức dẹp nỗi con xúc động.

Ông muốn dậy ngay lập tức, dậy bằng bất cứ giá nào và ngay đó đi lên tường thành, cho Simeoni thấy, cho tất cả hiểu rằng ông không chệnh mảng, rằng ông ở trên vị trí chỉ huy của mình và, như mọi lần, thực thi những nghĩa vụ được giao phó cho ông, bởi nhẽ ông đã hoàn toàn mạnh khỏe.

Sầm! Gió lùa luôn từ hành lang làm cánh cửa đập lại với tiếng động mạnh. Trong sự im lặng sâu thẳm cú đập to và báo điềm dữ này vang lên đáp lời cầu nguyện của Drogo. Tại sao Luca mãi không về? Bao nhiêu thời gian cần cho thằng ngốc ấy để vượt qua hai nhịp cầu thang?

Không chờ nổi người hầu, Drogo đứng lên khỏi giường, và đầu ông lập tức quay cuồng. Nhưng dần dần sự chóng mặt qua đi. Giờ đây ông đứng trước

gương và nhìn khuôn mặt mình với vẻ hoảng sợ - khuôn mặt vàng ệch, suy nhược. Đó tất cả là do bộ râu. Giovanni cố thủ an ủi bản thân và mặc mỗi chiếc áo ngủ, bằng những bước đi không vững, dò dẫm trong phòng tìm bàn cạo râu. Nhưng sao Luca không về thế nhỉ?

Sấm! - cánh cửa lại sập vào bị gió lùa xô đẩy.

- Quý tha ma bắt! - Drogo lầu bầu khi đi ra phía cửa để đóng nó, và ngay đó nghe thấy tiếng chân của người hầu đến gần.

Cạo râu và vận áo quần kĩ lưỡng - thật ra, quân phục giờ đây treo lủng lẳng trên người ông như trên mắc áo, - thiếu tá Giovanni Drogo bước ra khỏi phòng và đi theo hành lang, ông cảm tưởng nó dài hơn nhiều so với bình thường. Luca đi bên cạnh, chỉ lùi lại một bước để vào bất cứ phút nào cũng kịp đỡ ông, bởi cậu thấy rằng viên chỉ huy khó lắm mới đứng nổi trên đôi chân. Giờ đây sự chóng mặt trào lên từng đợt sóng, và mỗi lần Drogo buộc phải dừng lại tựa người vào tường và chờ cho qua. Ta quá hồi hộp, thần kinh rệu rạo, ông thầm nghĩ. Nhưng nói chung, dù sao thì ta vẫn đã khá hơn.

Mà đúng là sự chóng mặt đã qua đi thật, và Drogo đi lên hàng hiên trên của thành lũy nơi có nhóm sĩ quan đang ngắm qua ống nhòm cái khu vực bình nguyên hình tam giác không bị các vách núi che khuất. Giovanni nheo mắt vì mặt trời chói khác thường, bâng quơ đáp lại những lời chào hỏi. Ông có cảm giác - mà có thể, giờ đây ông có thiên hướng nhìn

mọi thứ qua cặp kính màu đen, - rằng các sĩ quan cấp dưới chào ông có phần khinh thị, cứ như ông đã không còn là chỉ huy trực tiếp của họ, là người trong chừng mực nhất định quyết định số phận của họ nữa. Chả nhẽ họ xem ông là kẻ hết thời rồi chăng?

Những ý nghĩ khác, ý nghĩ về chiến tranh đã nhanh chóng xua đuổi đi ý nghĩ khó chịu đó. Trước tiên Drogo nhận thấy rằng phía trên lũy Đồn Mới có một luồng khói mỏng cuộn lên: nghĩa là đằng ấy người ta lại đặt sự canh phòng, những biện pháp khẩn cấp đã được tiến hành, toàn đồn binh đã chuyển sang tư thế sẵn sàng chiến đấu, vậy mà người ta không thêm báo cho ông, trợ lý chỉ huy trưởng. Nếu Prosdotsimo không đến theo sáng kiến cá nhân của ông ta và không gọi ông, hẳn ông cho đến giờ vẫn nằm trên giường, thậm chí không ngờ vực gì về mối hiểm họa.

Cơn giận dữ cháy bỏng và bất lực chiếm lấy Drogo, mắt ông mờ đi, nên đành phải dựa lên thành lan can; thế nhưng giờ đây ông phải cân nhắc từng cử chỉ của mình để những người khác không biết được sự thể của ông đã tồi tệ đến mức nào. Ông cảm thấy mình cô đơn một cách khủng khiếp, bị quây bọc bởi kẻ thù. Thật ra, ở đây có một số sĩ quan cấp dưới gắn bó với ông - ví dụ như Moro. Nhưng sự hậu thuẫn của các sĩ quan cấp dưới thì có nghĩa gì nhiều?

Vào lúc đó ông nghe thấy phía sau lưng mình khẩu lệnh "ng nghiêm". Drogo ngoái lại và trông thấy trung tá Simeoni đang đi nhanh đến. Mặt gã ta đỏ bừng.

- Tôi đã nửa giờ tìm cậu khắp nơi! - gã kêu lên,

hướng về Drogo. - Phải làm gì đó chứ! Phải có quyết định gì đó!

Lại gần, gã biểu lộ sự cảm thông trên mặt và nhíu mày về tập trung, dường như lúc này gã cần nhất trên đời là những lời khuyên của Drogo vậy. Những lời này đã tước đi khí giới của Giovanni, cơn giận như bị gạt phất đi, dù ông hiểu quá rõ là người ta đang đánh lừa ông. Simeoni đã lầm, cho rằng Drogo không còn có thể rời khỏi giường, và đã quên nghĩ về ông. Gã tự mình đưa ra tất cả các quyết định, tính chuyện chỉ cho Drogo biết tin về điều đang diễn ra khi công việc đã được làm xong. Nhưng có ai đó đã nói với gã là Drogo đi lại trên Pháo đài, và gã chạy đi tìm ông để cam đoan về những ý định tốt đẹp nhất của mình.

- Tôi có công văn hỏa tốc của tướng Stazzi đây, - Simeoni nói, chặn trước các câu hỏi có thể của Drogo và dẫn ông sang một bên để những người khác không nghe thấy. - Cậu hiểu không, chả bao lâu nữa sẽ có hai trung đoàn đến, nhưng thử hỏi bố trí họ vào đâu?

- Hai trung đoàn tăng viện ư? - Drogo sững sốt hỏi lại.

Simeoni cho ông xem tờ công văn. Vị tướng báo rằng, nhằm đảm bảo an ninh và ngăn chặn mọi sự khiêu khích có thể từ phía kẻ thù, hai trung đoàn - trung đoàn bộ binh số 17 và một trung đoàn pháo binh nhẹ tăng cường, được bổ sung để giúp đội phòng vệ Pháo đài. Với mọi khả năng cần phục hồi đồn binh ở tầm cỡ trước kia và bố trí nhà ở cho binh lính và sĩ quan vừa mới đến. Dĩ nhiên, một phần họ đành phải xếp tạm ở trong các lều vải.

- Còn lúc này tôi đã phái một tiểu đội lên Đồn Mới. Cậu xem thế có đúng không? - Simeoni nói thêm, và không chờ lời đáp, lại hỏi: - Cậu đã trông thấy họ chưa?

- Có, có, mọi chuyện đúng cả, - khó lắm Giovanni mới thốt ra được.

Những lời của Simeoni vọng đến tai ông là những âm thanh rời rạc và vô nghĩa, mọi thứ xung quanh chao đảo một cách khó chịu. Drogo cảm thấy tồi tệ, sự ngột thở bất thần chen lên cổ, và ông tập trung mọi sức lực vào việc để trụ vững trên hai chân. Trời ôi, ôi Trời, ông thầm cầu khẩn, hãy giúp con dù là một chút thôi!

Để che giấu tình trạng của mình, ông cầm lên tay chiếc ống nhòm (chiếc ống nhòm lưng danh của Simeoni) và hướng nó về phía Bắc, chống khuỷu tay vào lan can - nếu khác, chắc lẽ ông không đứng nổi. Chao, nếu kẻ thù chờ cho dù chỉ là một chút, ông chỉ cần một tuần thôi để hồi phục sức lực. Chúng đã chờ bấy nhiêu năm, vậy sao chúng không lưu lại thêm cho mấy ngày, tất thấy chỉ mấy ngày thôi?

Ông chiếu ống nhòm vào tam giác hoang mạc, hi vọng rằng không thấy gì ở đấy - không dấu hiệu sự sống nào cả. Ấy là điều mong ước lúc này của Drogo, người đã dành suốt đời chờ đợi kẻ thù.

Ông hi vọng là sẽ không thấy gì đằng ấy, nhưng một dải đen đặc gì đó nằm dài chếch qua hoang mạc trắng nhờ nhờ, và thêm vào đó lại còn chuyển động nữa: một đám đông lúc nhúc những người và xe kéo từ phía Bắc xuống hướng về Pháo đài. Đó không còn

là mấy toán quân thăm hại có vũ trang làm công việc phân định biên giới nữa. Rốt cục, quân đội của bọn người phương Bắc đã đến, và sao mà biết...

Bỗng hình ảnh trong thấu kính ống nhòm quay cuồng như nước ở chỗ xoáy, trở nên cứ tối dần tối dần đi cho đến lúc đen kịt lại. Drogo bị ngất, như một con búp bê bằng gỗ, nằm vát như nhược lên lan can. Simeoni kịp thời đỡ được ông. Giữ Drogo mềm nhũn không sức sống, qua lần vấp gã cảm thấy những chiếc xương sườn của ông nhô lên.

XXVIII

Đã qua một ngày, đã qua một đêm, thiếu tá Giovanni Drogo nằm bẹp trên giường, thỉnh thoảng vọng đến tai ông tiếng lộp bộp đều đặn trong bể nước - và không gì hơn, dù với mỗi phút sự kích động bồn chồn trên khắp Pháo đài càng tăng thêm. Bị cách li khỏi thế giới, Drogo nằm và nghe ngóng cái cơ thể mình, hi vọng rằng những sức lực bị mất đi bỗng sẽ bắt đầu trở lại với ông. Bác sĩ Rovina nói rằng đó là vấn đề của mấy ngày thôi. Cứ cho là thế đi, nhưng là mấy ngày? Khi kẻ thù ập đến, ông có thể, dù chỉ là đứng dậy, mặc quần áo, lết lên được sân thượng hay không? Đôi khi Drogo đi ra khỏi giường - ông có cảm

giác rằng ông thấy khỏe hơn một chút, - tự mình đi tới cạnh gương, nhưng bộ mặt đáng sợ màu đất với hai má hóp từ đó nhìn ông, đã không để lại những ảo tưởng gì. Mắt mờ đi vì đầu quay cuồng, ông đi xiêu vẹo quay về giường và nguyên rủa bác sĩ đã không thể chữa khỏi cho ông.

Dải ánh sáng mặt trời trên sàn đã đi qua một khoảng khá lớn trong hành trình thường ngày của mình - nghĩa là, đã không ít hơn mười một giờ; từ sân vọng vào những âm thanh và giọng nói không quen, mà Drogo vẫn cứ nằm bất động, mắt nhắm lên trần nhà. Bỗng chỉ huy trưởng Pháo đài, trung tá Simeoni bước vào phòng.

- Công việc thế nào? - gã hỏi bằng giọng tươi tỉnh.
- Tốt hơn chứ? Sao mà cậu, tôi thấy, rất nhợt nhạt.

- Tôi biết, - Drogo lạnh lùng đáp. - Bọn phương Bắc tiến lên nhiều không?

- Còn nhiều đến đâu nữa, - Simeoni nói. - Pháo binh của chúng đã kéo lên dãy núi. Lúc này chúng đang sắp xếp nó... Cậu tha lỗi cho là tôi đã không ghé qua sớm hơn được... Chỗ chúng ta đứng là địa ngục thật sự... Sau bữa trưa quân tăng viện sẽ tới, chỉ đến giờ tôi mới cắt ra nổi năm phút...

- Ngày mai, - Drogo nói và tự kinh ngạc, khi nghe thấy giọng mình run như thế nào, - tôi hi vọng ngày mai sẽ dậy được - sẽ giúp anh dù chỉ chút ít.

- Ô, không, không, hãy vứt điều đó ra khỏi đầu đi, cái chính, hãy chóng khỏe lên và đừng nghĩ là tôi đã quên về anh. Thậm chí tôi còn có tin mừng cho anh đây: hôm nay sẽ có một cỗ xe rất tuyệt đến đón

anh. Chiến tranh mặc chiến tranh, tình bạn là trên hết... - lấy hết tinh thần, gã nói.

- Cổ xe? Đón tôi? Tại sao đón tôi?

- Thì tất nhiên, đón anh để chở anh rời khỏi đây. Anh không thể cứ dật dờ vĩnh viễn trong cái hốc này. Tại thành phố người ta chưa chạy cho anh tốt hơn. Ở đấy sau một tháng anh sẽ đứng lên được. Còn anh chớ có lo công việc ở đây, những khó khăn chính đã qua rồi.

Người Drogo cứ thế rung lên. Người ta xua đuổi ông khỏi Pháo đài chính vào lúc này, khi rút cục kẻ thù đã cạnh cổng, xua đuổi ông, người đã hi sinh tất cả chỉ để đón gặp kẻ thù, xua đuổi ông, người hơn ba chục năm trường sống bằng mỗi một hi vọng duy nhất đó!

- Anh lẽ ra nên hỏi sự đồng ý của tôi, - ông đáp bằng giọng run lên vì phẫn nộ. - Tôi sẽ không rời khỏi nơi này, tôi muốn ở đây, và tôi không đến nỗi quá ốm như anh nghĩ, cứ xem ngày mai rồi tôi sẽ dậy...

- Anh đừng lo lắng, vì Chúa, không ai ép buộc anh, vì lo lắng sẽ làm anh sẽ tồi tệ hơn thôi, - Simeoni nói với nụ cười cảm thông đau đớn. - Tôi chỉ cảm thấy rằng thế sẽ tốt hơn cho anh nhiều, mà Rovina cũng nói...

- Rovina của anh thì có thể nói được gì? Chính là lão ta khuyên anh gọi xe đến?

- Không, không, chúng tôi chẳng nói gì về cổ xe. Nhưng ông ấy cho rằng anh thay đổi môi trường sẽ có lợi hơn.

Và lúc ấy Drogo quyết định nói với Simeoni như với người bạn, giải bày tâm can với gã, như trước đây đã làm chỉ với mỗi một Ortis. Cuối cùng thì Simeoni cũng là con người mà.

- Nghe này, Simeoni. - ông bắt đầu bằng giọng điệu khác. - Cậu cũng biết là ở đây, trong Pháo đài... tất cả ở lại phục vụ chỉ vì hi vọng... Khó giải thích điều đó, nhưng cậu chắc phải hiểu mình. - (Không, ông không thể giải thích được gì với gã. Vẫn có những điều mà chúng không giải thích được với những người như thế.) - Nếu mà chúng ta... nếu không có hi vọng này...

- Tôi không hiểu, - Simeoni đáp với sự bức tức không che giấu. (Sự thống thiết này dẫn đến đâu, gã nghĩ. Chẳng lẽ vì bệnh tật Drogo bắt đầu rơi vào tuổi trẻ con?)

- Nhưng mà cậu phải hiểu được, - Giovanni khẳng khái ý của mình. - Hơn ba mươi năm tôi ngồi đây và chờ... Tôi đã bỏ qua biết bao là cơ hội. Ba mươi năm - không phải chuyện đùa, và suốt cả ba mươi năm tôi đã chờ khi nào thì kẻ thù tới. Cậu không thể đòi hỏi để chính lúc này... Để chính lúc này tôi phải ra đi... Cậu không thể, tôi có quyền ở lại, nếu đã đến nước này...

- Được thôi, - Simeoni nói gay gắt. - Tôi nghĩ là tôi giúp anh, mà anh đáp lại bằng sự vô ơn như thế đấy. Hóa ra, không đáng nhọc sức... Tôi đã chủ tâm phái hai lính hầu đi, chủ tâm đình chỉ di chuyển một khẩu pháo để có thể có xe cho anh.

- Nhưng tôi có trách cậu đâu, - Drogo đáp lại.

- Thậm chí tôi còn cảm ơn cậu, cậu làm điều đó với những động cơ tốt nhất, tôi hiểu chứ. - (Ồ, phải cố lấy lòng kẻ đầu giả này mới đau đớn làm sao! ông nghĩ.) - Nhưng cỗ xe vẫn có thể để lại đây cơ mà. Thêm nữa, giờ đây, có lẽ, tôi sẽ không chịu nổi một cuộc du hành như thế, - ông nói thêm một cách sơ suất.

- Anh vừa nói là ngày mai sẽ dậy được, thế mà giờ đây - lại là anh không thể thậm chí ngồi trong xe đấy, xin lỗi, nhưng theo tôi, anh tự mình không biết anh đang muốn gì nữa...

Drogo cố sửa lại sơ suất của mình:

- Nhưng đó là những việc khác nhau lắm, một đằng - trải qua một cuộc du hành như thế, đằng khác - chỉ đi đến trạm quan sát... mọi người thậm chí có thể đem đến đây cho tôi... cái ghế băng, và tôi sẽ ngồi, nếu cảm thấy mệt. (Thoạt đầu ông định nói "chiếc ghế tựa", nhưng thoáng nghĩ rằng điều đó nói chung là lộ bịch.) - Nơi ấy tôi có thể giám sát việc canh phòng... có thể ít ra là thấy được tất cả.

- Vậy thì hãy ở lại. Hãy ở lại! - Simeoni nói như để kết thúc. - Nhưng tôi không biết bố trí các sĩ quan sắp đến vào đâu, tôi không thể nào cho họ ở ngoài hành lang hay dưới tầng hầm được! Còn ở trong phòng của anh chắc có thể đặt được ba cái giường...

Drogo ớn lạnh. Thế đấy gã Simeoni đã đến nước này sao? Quyết định đẩy ông, Drogo khỏi đây nhằm giải phóng căn phòng ư? Chỉ vì mỗi điều đó sao? Những quan tâm, tình bạn hóa ra ở đây chả là gì sất? Lẽ ra ngay từ đầu ta phải đoán ra, Drogo thầm nghĩ,

còn chờ đợi được gì nữa từ một thằng đêu giả thế kia chứ?

Được khích lệ bởi sự im lặng của Drogo, Simeoni lại tiếp tục ý của mình:

- Bố trí ba giường ở đây rất hợp lí. Hai - dọc theo bức tường này, còn cái thứ ba trong góc kia kia. Anh thấy chứ? Drogo, nếu anh nghe tôi, - gã nói đã hoàn toàn xác xược, - nếu anh nghe tôi, thì anh giảm nhẹ rất nhiều cho nhiệm vụ của tôi, xin lỗi vì sự thẳng thắn, vì anh có lợi ích gì ở đây trong tình trạng này cơ chứ?

- Được rồi, - Giovanni cắt lời gã. - Tôi đã hiểu hết, còn giờ thì cậu đi đi, tôi xin cậu. Đầu tôi đã đau buốt rồi.

- Xin lỗi, - Simeoni nói. - Tha lỗi cho tôi vì sự dai dẳng, nhưng tôi thật muốn cho xong chuyện đó ngay lúc này. Cổ xe đang đến, Rovina ủng hộ việc anh rời đi, căn phòng được giải phóng, mà anh ở thành phố thì sẽ chóng khỏe hơn. Mà hơn nữa, giữ anh lại đây, bệnh tật thế này, tôi cũng phải chịu không ít trách nhiệm: thế nhờ xảy ra điều bất hạnh thì sao? Một trách nhiệm nghiêm trọng - tôi nói với anh với toàn bộ sự thẳng thắn đấy.

- Nghe này, - Drogo nói, khi hiểu rằng mọi sự chống cự đều vô ích. Ông không rời mắt khỏi vạch nắng đang nâng lên dần trên bức tường, vừa giãn ra vừa cắt tường xiên chéo. - Xin lỗi là tôi từ chối, nhưng tôi thực muốn được ở lại. Tôi sẽ không gây cho anh bất cứ sự khó chịu nào, tôi hứa, thậm chí tôi có thể viết giấy cam kết. Hãy đi đi, Simeoni, hãy để tôi

yên. Có lẽ tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa, hãy cho phép tôi ở lại đây, tôi đã ngủ hơn ba chục năm trong căn phòng này rồi mà...

Simeoni im lặng, nhìn người bạn đau ốm về khinh miệt, sau đó mỉm cười không thiện ý và nói:

- Thế nếu tôi đòi hỏi anh điều đó như một người cấp bậc cao hơn? Nếu mệnh lệnh của tôi là thế? - Gã dừng lại, hưởng khoái trá ấn tượng gây ra. - Ài cha, Drogo thân mến của tôi, tôi chẳng thứ gì nói điều đó với anh, nhưng lòng dũng cảm người lính của anh biến đi đâu rồi?.. Rốt cuộc, anh đi về nơi an toàn, hiện giờ chắc nhiều người muốn được ở vào chỗ của anh đấy. Tôi cho rằng anh có buồn rầu, nhưng không thể đòi hỏi ở cuộc đời mọi thứ, cần phải suy nghĩ sáng suốt... Tôi sẽ phái lính hầu của anh đến, và anh hãy thu dọn đi. Vào hai giờ cổ xe phải đến đây rồi. Và thế, ta sẽ gặp lại sau...

Với những lời ấy gã bước nhanh ra khỏi phòng để không cho Drogo có thì giờ cãi lại, đập mạnh cửa và bằng bước đi quyết đoán tiến xa dần trong hành lang, như một người hoàn toàn bằng lòng với bản thân và rằng đã biết cách đòi hỏi được theo ý mình.

Sự im lặng ức chế trùm xuống. Bục! - tiếng sùng sục trong bể nước phía ngoài tường. Sau đó trong phòng chỉ còn nghe thấy tiếng thở dứt quãng của Drogo - đúng hơn thì không phải tiếng thở mà là tiếng sụt sịt. Ngày đẹp trời đang vào lúc giữa trưa, thậm chí những hòn đá cũng bắt đầu được sưởi ấm lên; xa xa vọng lại âm thanh đơn điệu của

dòng nước rơi xuống từ những sườn núi dốc đứng; dưới sự che chở của dãy núi, kẻ thù đang kéo binh lực của mình tiếp cận Pháo đài. Trên con đường được đắp qua hoang mạc, các đội quân và xe cộ cứ tiến đến và tiến đến gần. Trên thành lũy đồn mọi thứ đã được chuẩn bị xong: trang bị đã ổn thỏa, binh lính được phân bổ vào các vị trí, vũ khí đã được kiểm tra. Ánh mắt tất cả mọi người đều hướng về phía Bắc, nhưng vì núi nên không nhìn được gì rõ rệt (toàn bộ hoang mạc được thấy rõ chỉ từ Đồn Mới). Cũng y như những ngày xa xưa khi những kẻ ngoại bang đến đây để vạch mốc biên giới, trong Pháo đài ngự trị sự rối loạn tình cảm toàn thể: niềm vui tiếp giáp với nỗi sợ. Chỉ ít, chẳng có ai nghĩ đến Drogo, người nhờ Luca, đã mặc xong quần áo và chuẩn bị rời đi.

XXIX

Cỗ xe đích thực là khá lịch sự, thậm chí quá sang trọng đối với những đường mòn nơi đây. Hoàn toàn có thể nhìn nhận nó như cỗ xe của một ngài giàu có nào đó, nếu trên cánh cửa không có huy hiệu trung đoàn. Hai người lính - xà ích và người hầu Luca - ngồi trên càng xe.

Do sự hỗn độn trùm lên Pháo đài nơi những đạo quân tăng viện đầu tiên đã đến, không ai chú ý đặc biệt đến một sĩ quan gầy gò với khuôn mặt vàng ệch suy nhược, đang chậm chạp đi xuống theo các bậc cầu thang, cắt qua gian sảnh và bước ra cổng nơi cỗ xe đang chờ ông.

Vào lúc ấy trên cao nguyên rực ánh mặt trời, xuất hiện một hàng dài những binh lính, ngựa và lừa đã kịp đến từ thung lũng. Thấy rõ ràng, bất chấp sự mệt mỏi, mọi người đi trong thế quân hành, khi vừa thấy Pháo đài, liền tăng bước, còn các đội quân nhạc dẫn đầu hàng quân, đã cỡi các võ bọc vải màu xám khỏi nhạc cụ, dường như sắp sửa chuẩn bị biểu diễn.

Trong khi đó các sĩ quan từ biệt với Drogo - thật ra, không nhiều người và không thân tình như trước kia. Có vẻ như tất cả đều hiểu rằng ông ra đi vĩnh viễn và giờ đây đã không còn là gì nữa trong đẳng cấp của Pháo đài. Trung úy Moro và cùng với cậu còn mấy người nữa đến gần Drogo để chúc ông lên đường may mắn, nhưng sự chia tay rất ngắn ngủi, với vẻ ân cần không ràng buộc tới điều gì, vốn đặc trưng cho lớp trẻ trong thái độ đối với những người trên. Một trong số họ báo với Drogo rằng chỉ huy trưởng Simeoni đề nghị ông đợi cho một lát: ông ta giờ đây đang rất bận. Và thiếu tá Drogo cứ lưu lại chốc lát, ngài chỉ huy trưởng nhất định sẽ đến.

Nhưng lên xe, Drogo ra lệnh lập tức khởi hành ngay. Theo yêu cầu của ông mui xe được hất ra để dễ thở hơn, hai chân ông được quấn bởi hai hay ba dải màu đen mà trên nền của chúng thanh kiếm của ông càng đặc biệt lóa sáng.

Và cỗ xe, chồm lên, chạy trên cao nguyên lởm chởm đá; giờ đây hành trình của Drogo hướng về chỗ trú ngụ cuối cùng của ông. Đầu khật khuỳnh theo từng cú xóc, ông xoay người trên chỗ ngồi và không rời mắt khỏi các bức tường pháo đài màu vàng mà càng lúc càng trở nên thấp hơn.

Nơi ấy, trên cao kia, xa hẳn thế giới còn lại, ông đã sống cả cuộc đời mình: nơi ấy, trong sự ngóng đợi kẻ thù, ông đã khổ đau hơn ba chục năm, thế mà giờ đây, khi kẻ thù cạnh cổng, người ta đã xua đuổi ông đi. Còn những kẻ ngồi lì trong thành phố, hưởng thụ cuộc sống nhẹ nhàng và vui vẻ, thì đấy, họ đã xuất hiện trên đèo với những nụ cười cao ngạo và khinh thị - đi giành vinh quang của người khác.

Drogo không thể rời mắt khỏi những bức tường màu vàng ệch của Pháo đài, bóng dáng rõ nét như hình học của các trại lính và kho thuốc súng, và những giọt nước mắt dè sẻn cay đắng trôi trên hai má nhăn nheo của ông. Kết cục thảm hại biết bao, và đã không còn làm gì được nữa.

Không gì, hoàn toàn số không còn lại ở Drogo, ông một mình giữa cả thế gian, hoàn toàn đau ốm. Người ta đuổi ông khỏi Pháo đài như một thằng hủi. “Ồi chà, chúng mày, đáng nguyên rủa, đáng nguyên rủa”, - ông lắp bắp. Còn sau, ông quyết định: gì thì gì, chẳng thêm nghĩ thêm gì nữa, nếu khác đi, trái tim sẽ vỡ tung vì sự uất ức và căm hận.

Mặt trời dần lặn, mà còn phải đi khá xa, hai người lính trên cang xe ba hoa vẻ thần nhiên, họ thế nào cũng xong - đi hay ở. Họ chấp nhận cuộc đời như nó có, không làm mình bị khổ sở bởi những trở trăn

không đau. Cổ xe có cấu trúc tuyệt vời - một cổ xe “cấp cứu” thực sự, nhưng như mũi kim nhạy cảm của chiếc cân, nó phản ứng lại từng chỗ lồi lõm trên đường. Còn Pháo đài in hình trên cảnh quan rừng núi cứ trở nên nhỏ dần, thấp hơn, và các bức tường của nó trong cái ngày mùa xuân này có thêm sắc thái lạ kì nào đó.

Chắc hẳn, ta trông thấy nó lần này là lần cuối, Drogo thầm nghĩ khi cổ xe ra đến rìa cao nguyên, nơi bắt đầu đi xuống thung lũng. Vĩnh biệt, Pháo đài! Nhưng ý thức của ông đã phần nào bị mù đi, và ông không dám đề nghị để người ta dừng ngựa và cho ông lần cuối cùng nhìn lên thành trì cổ mà chỉ giờ đây, sau bấy nhiêu là thế kỉ, cuối cùng mới bắt đầu thực hiện chức năng của mình.

Mất Drogo lưu lại lần chót trên các bức tường xám ệch, thành lũy thoải thoải, đôn lể đầy những bí ẩn, trên các vách núi đen sẫm vươn cao, bên sườn sau thời tiết ẩm. Trong thoáng giây nào đó Giovanni có cảm giác là các bức tường Pháo đài bỗng vươn cao, hướng lên trời, và lóe sáng dưới ánh mặt trời, nhưng ngay đó đột ngột bị bứt đứt: Pháo đài đã khuất sau cây cỏ và núi non mọc lên và con đường ngụp xuống thung lũng.

Đến khoảng năm giờ họ tới một quán trọ nằm ven con đường kéo dài dọc khe núi. Phía trên, như ảo ảnh, ngênh ngện núi non buồn thảm chồng chồng lộn xộn - cả những đỉnh phủ màu xanh, cả những đỉnh trơ trụi, với những sườn dốc đỏ quạch nơi có thể chưa bao giờ có bàn chân người đặt tới. Phía dưới là dòng chảy cuộn réo.

Cỗ xe dừng lại trên cái sân nhỏ trước nhà trọ đúng vừa lúc một tiểu đoàn ngự lâm quân đi qua. Drogo trông thấy những bộ mặt trẻ trung nhể nhại mồ hôi và đỏ bừng vì sự mệt mỏi lạnh mạnh, những cặp mắt với vẻ ngạc nhiên nhìn ông. Chỉ có các sĩ quan chào ông. Trong nhiều giọng nói xa dần ông nghe rõ những lời của ai đó: "Mà lão già đi với đầy đủ tiện nghi ghê!" Nhưng không có ai cười lên trước câu đùa. Những người này đi ra chiến trường, còn ông thì hèn nhát chạy vào thung lũng. Một sĩ quan kì cục, binh lính chắc đã nghĩ vậy, nếu chỉ nhìn mặt ông họ không hiểu rằng ông cũng đi đón gặp cái chết.

Drogo không sao chống chọi nổi trạng thái đờ đẫn lạ lùng đang bao bọc lấy ông như một lớp mây mù: không hẳn là ông bị lắc xóc, không hẳn là bệnh tật đã đến hồi kết, không hẳn là ý thức giãy vò, rằng cuộc sống kết thúc ô nhục thế đấy. Giờ đây ông đã thờ ơ với tất cả, với tuyệt đối tất cả. Cái ý nghĩ, ông sẽ trở về thành phố thân thuộc, sẽ dạo thơ thẩn, lật xệch bàn chân trong ngôi nhà trống rỗng cũ kĩ của mình hoặc những tháng dài nằm ở trên giường, bị day dứt vì buồn chán và cô độc, đã gây nên nỗi khiếp đảm đối với ông. Chẳng đi đâu mà vội, và ông quyết định dừng nghỉ qua đêm trong quán trọ.

Trong lúc chờ toàn tiểu đoàn qua hết, đám bụi cuốn lên bởi những đôi ủng lại lắng xuống và tiếng réo của dòng suối núi át đi tiếng lọc xọc của các xe kéo, tựa vào vai Luca, ông chậm chạp ra khỏi cỗ xe.

Một phụ nữ ngồi trên ngưỡng cửa ngôi nhà và đang chăm chú đan, còn cạnh chân bà một đứa bé đang ngủ trong chiếc nôi được làm một cách sơ sài.

Drogo nhìn như bị mê hoặc, nó ngủ mới tuyệt diệu làm sao, không giống những người lớn, nó ngủ say và thanh thản. Cái sinh thể nhỏ bé này còn chưa biết tới những giấc mơ xáo động, cái linh hồn nhỏ xíu của nó bay lượn vô tư không khát khao và hối tiếc giữa bầu không khí trong lành và êm ả nhất. Drogo đứng ngắm nghía đứa bé ngủ, và trái tim ông co thắt vì nỗi đau buồn cháy bỏng. Ông cố tưởng tượng chính bản thân mình đang ngủ - một Drogo xa lạ mà ông không thể biết và nhìn thấy. Trí tưởng tượng vẽ lên cơ thể của chính ông chìm trong giấc ngủ động vật và giật mình thon thót bất an, cái miệng hé mở, hơi thở nặng nề, quai hàm trễ xuống. Nhưng mà có thời cả ông cũng đã ngủ như đứa bé này, ông cũng đã từng là đứa trẻ đáng yêu và vô tội, và cũng một lão sĩ quan già nua bệnh tật nào đó, có thể, đứng bên và nhìn ông với sự sùng sốt cay đắng. Drogo đáng thương, ông thâm nghĩ, khi nhận thức, sự xác định này lạ lùng xiết bao, nhưng rồi cuộc, đích thực ông chỉ có một mình trên cõi trần gian, ai còn thương ông nữa, nếu không là chính ông?

XXX

Ông tỉnh dậy trong chiếc ghế bành sâu ở một buồng ngủ nào đó; một buổi chiều tuyệt diệu, làn gió

mát mẻ tuôn qua cửa sổ vào phòng. Drogo thờ ơ nhìn lên bầu trời - nó trở nên thăm xanh hơn, - nhìn lên bóng thung lũng màu tím, lên những đỉnh núi còn được mặt trời chiếu sáng. Pháo đài đã ở rất xa, từ đây không trông rõ quang đèo nơi nó đứng.

Một chiều như thế phải đem lại cảm giác hạnh phúc kể cả cho những người không được hạnh phúc lắm. Giovanni tưởng tượng cảnh thành phố được bao phủ ánh hoàng hôn, sự thờ thẩn mùa xuân của tâm hồn, những cặp tình nhân bên bờ sông, những âm thanh đàn phong cầm tuôn ra từ những khung cửa sổ đã sáng đèn, tiếng còi tàu từ xa vọng lại. Và ngay đó ông chuyển trí tưởng tượng tới những đồng lúa của trại lính tạm thời cắm trên hoang mạc phía Bắc, tới những ngọn đèn lồng đang đung đưa trước gió của Pháo đài trong cái đêm tuyết vùi mất ngủ này trước ngưỡng trận đánh. Ở tất cả mọi người đều có cơ sở nào đó, dù là nhỏ nhoi nhất, để mà hi vọng. Ở tất cả, chỉ không ở ông thôi.

Phía dưới, trong phòng chung, một giọng đàn ông cất tiếng hát, sau đó còn thêm một giọng nữa hòa với nó: họ hát bài dân ca gì đó về tình yêu. Cao trên bầu trời, trên ấy, nơi màu xanh hoàn toàn bất tận, lấp láy mấy vì sao. Drogo một mình trong phòng, người hầu đi xuống phía dưới làm cốc rượu; ở các góc và dưới đồ gỗ dày đặc những cái bóng đáng ngờ. Trong thoáng giây Drogo có cảm giác rằng ông không chịu đựng nổi thêm (rốt cuộc, không ai trông thấy ông, và sẽ chẳng có ai trên thế gian biết về điều đó), phải, trong thoáng giây nào đó thiếu tá Drogo có cảm giác rằng

ông sắp sửa bật lên thốn thức vì gánh nặng những giày vò đang ép chặt ngực ông.

Chính lúc ấy trong những ngõ ngách sâu thẳm nhất của ý thức ông lần đầu tiên lóe lên một ý tưởng mới đáng sợ và khúc triết. Ý tưởng về cái chết.

Ông có cảm giác rằng bước chạy thời gian đã dừng lại như theo phép màu phù thủy. Thoạt tiên là dòng xoáy hút ông xuống mỗi lúc càng sâu hơn vào thời gian cuối, còn sau đó bất chợt mọi thứ biến đi, thế giới phẳng dẹt đã ngưng kết bất động và các mũi kim đồng hồ bắt đầu chạy không biết về hướng nào nữa. Con đường đối với ông đã hết; giờ đây ông thấy mình trên bờ hoang vắng của biển đơn điệu xám xịt, không có cả nhà cửa, cả cây cối lẫn con người, và như thế - từ xưa từ xưa.

Ông cảm thấy rằng một cái bóng, chậm chậm lớn lên và đậm đặc lại, đang áp tới ông từ những giới hạn xa xăm; có thể, đó đã không còn là vấn đề của những giờ, những tuần hay những tháng, nhưng mà cả tuần lẫn tháng đều là không gì cả, khi chúng tách ta ra khỏi cái chết. Hóa ra, toàn bộ cuộc đời ông quay chuyển kết lại bằng một sự nực cười làm sao: vì một niềm kiêu ngạo lỗ bịch, vì hiếu thắng trong cuộc tranh cãi, ông đã đánh mất tất cả.

Nền trời xanh ngoài cửa sổ đã hoàn toàn đậm đặc, nhưng ở phía Tây, bên trên những dãy núi màu tím, vẫn còn hiện rõ một dải màu sáng. Còn trong phòng bóng tối đã tràn vào, chỉ còn có thể phân biệt những đường nét kinh sợ do đồ gỗ gây nên, cái giường trắng, thanh gươm lấp loáng. Phải,

một điều đã rõ - ông sẽ chẳng thoát ra khỏi đây được nữa.

Ngồi trong bóng tối và nghe tiếng hát du dương trong tiếng ghi ta từ phía dưới lọt vào, Giovanni Drogo cảm thấy một niềm hi vọng mới, hi vọng cuối cùng đang nảy sinh trong ông như thế nào. Một mình trong toàn cõi thế gian, bệnh tật, bị vứt bỏ khỏi Pháo đài vì không còn cần đến, như một gánh nặng, bị mọi người né tránh, mất tự tin và yếu ớt, ông bừng mơ rằng chưa phải tất cả đã mất hết, và chính giờ đây ông đang có một cơ hội chưa từng có để đi vào trận chiến cuối cùng mà nó có thể biện minh cho toàn bộ cuộc đời ông.

Phải, kẻ thù cuối cùng của Drogo đang tấn công ông. Không phải những con người, giống như ông, bị xâu xé bởi những khát vọng và đau đớn, không phải những con người bằng máu thịt để có thể làm cho bị thương, không phải những con người với những khuôn mặt mà có thể nhìn thẳng vào, mà là gì đó toàn năng và thâm hiểm. Có thể chiến đấu không chỉ trên các bức tường Pháo đài, giữa tiếng âm âm của trận đánh và của những tiếng hò hét điên cuồng dưới bầu trời mùa xuân xanh thắm; không chỉ vai kề vai với đồng đội mà sự hiện diện của họ tăng thêm sức mạnh cho con người; không nhất thiết trong mùi bụi và hơi thuốc súng hăng nồng và không chỉ với mỗi những toan tính về vinh quang. Mọi thứ diễn ra trong phòng của quán trọ tồi tàn dưới ánh sáng ngọn nến, trong sự cô đơn trọn vẹn nhất.

Đó không phải là cuộc chiến mà sau đó ta trở về trong buổi sáng rực rỡ mặt trời, được khoác

những vòng hoa và những phụ nữ trẻ tặng ta nụ cười của mình. Nơi đây không khán giả, chẳng ai hô: hoan hô.

Phải, đó là trận đánh khắc nghiệt hơn nhiều so với trận đánh được vẽ nên cho ông trong những mơ ước. Thậm chí những chiến binh già dặn dày kinh nghiệm chắc hẳn sẽ thích không phải tham gia vào nó hơn cả. Bởi vì thật tuyệt vời khi hi sinh dưới bầu trời rộng, trong trận xung đột dữ dội, khi ta còn trẻ và thể lực sẵn chắc, trong âm thanh kèn lệnh chiến thắng; phật lòng hơn, dĩ nhiên, chết vì vết thương sau những đòn đau kéo dài, trong lầu quân y viện; còn cay đắng hơn - kết thúc những ngày tàn trên giường của mình, trong sự rên rỉ cảm thông của người thân, dưới những ngọn đèn bị che mờ đi và giữa những lọ thuốc. Nhưng thật hoàn toàn không chịu đựng nổi - chết già và tàn tật trong một làng quê xa lạ không ai biết tới, trên chiếc giường nhà trọ thông thường, không để lại một ai ở trên thế gian này.

Vậy hãy can đảm lên, Drogo, cậu chỉ còn lá bài cuối, cậu phải đón cái chết như một người lính, cứ để cuộc đời không may của cậu ít ra cũng được kết thúc tốt đẹp. Rốt cuộc cậu phải trả thù số phận; sẽ không ai cất lời ngợi ca cậu, sẽ không ai gọi cậu là anh hùng, nhưng chỉ vì mỗi một điều đó cũng đã đáng nhận lời thách đấu. Hãy vững vàng vượt qua giới hạn cái bóng, kiêu hãnh như trên cuộc duyệt binh, uốn cẳng lồng ngực, và thậm chí hãy mỉm cười, nếu cậu

cười nổi. Cuối cùng, lương tâm cậu không quá bị trĩu nặng, và thượng đế sẽ biết cách tha thứ cho cậu.

Những lời như thế - kiểu như lời cầu nguyện - Giovanni nói với bản thân, khi cảm thấy vòng đời sau rốt cứ co thắt chặt hơn xung quanh ông. Và thế đã nâng lên một sức mạnh mà hẳn chưa bao giờ ông dám tính đến từ cửa lòng ông, nơi chôn vùi tất cả quá khứ, tất cả những ước mơ không thành và những sự lãng mạ từng phải chịu đựng. Với niềm vui khôn tả Giovanni Drogo chợt nhận thấy rằng ông hoàn toàn thanh thản và gần như tự mình khao khát được nhanh chóng vượt thử thách này. Nghĩa là, không thể đòi hỏi mọi thứ từ cuộc đời ư? Cậu cho là thế hả, Simeoni? Bây giờ Drogo sẽ cho cậu thấy.

Can đảm lên nào, Drogo. Và ông cố chống chọi, không chịu đầu hàng, cười to nhạo cái ý tưởng khủng khiếp. Ông đặt tất cả các sức mạnh của tâm hồn mình vào cơn tuyệt vọng này, dường như một mình đang chiến đấu với cả một đạo quân. Và lập tức những nỗi kinh sợ thời dĩ vãng đã tan đi, các ảo hình rũ xuống, cái chết mất đi diện mạo khủng khiếp của nó, biến thành gì đó đơn giản và phù hợp với tự nhiên. Thiếu tá Giovanni Drogo, một người yếu đuối kiệt quệ vì bệnh tật và tuổi tác, uốn ngực hướng đến cổng chính khổng lồ đen kịt và trông thấy rằng các cánh cửa của nó sụp xuống, mở ra lộ trình đến với ánh sáng.

Giờ đây ông có cảm giác những cơ cực của cuộc sống trên các thành lũy Pháo đài, việc theo dõi cái

hoang mạc phương Bắc sâu thẳm, sự tuyệt vọng vì đường công danh không toại, những năm tháng dài chờ đợi là điều thật vụn vặt. Giờ đây có thể không phải ghen tị thậm chí với cả Angustina. Phải, Angustina chết trên đỉnh núi, trong cơn cuồng phong bão tuyết, từ già cuộc đời đúng là rất đẹp. Nhưng còn quyến rũ hơn biết bao được kết thúc cuộc đời một cách anh hùng trong những điều kiện nghiệt ngã đổ xuống số phận Drogo, kiệt sức, bị ruồng rẫy, nằm giữa những người xa lạ.

Chỉ có một điều làm ông buồn - rằng ông sẽ rời khỏi thế gian này trong dạng vẻ thảm hại thế kia: thân hình khô quắt, xương xẩu nhô ra, làn da nhăn nhoe bệch bạc. Angustina gặp may, Giovanni thăm nghĩ, anh ta chết trong độ sung sức và, bất chấp những năm tháng qua đi, vẫn giữ nguyên trong kí ức mọi người là một người trẻ trung, cao thanh thoát với khuôn mặt cao quý rất hấp dẫn phụ nữ, - đó là ưu thế của anh ta. Nhưng biết đâu, có thể, bên kia ngưỡng cửa định mệnh cả ông cũng sẽ trở thành như xưa, dấu cho không đẹp mã (Drogo chưa bao giờ đẹp mã), nhưng tràn trề sức trẻ. Thật là tuyệt vời, ông nghĩ như đứa trẻ, khi tự an ủi bằng ý nghĩ đó, bởi nhẽ cảm thấy giờ đây ông hoàn toàn tự do và hạnh phúc.

Nhưng sau đó một điều khác chợt lóe trong đầu ông: thế nhỡ tất cả mọi thứ đó là sự dối lừa? Nhỡ đâu lòng can trường của ông - đó chỉ là một cơn say thoáng lát? Sao, nếu mọi điều được lí giải đơn giản bởi hoàng hôn tuyệt diệu, bởi làn gió thơm hương, bởi

sự xả hơi tạm thời khỏi những đòn đau thể xác, bởi những bài ca vọng từ phía dưới lên? Và rồi sau mấy phút hoặc sau một giờ ông lại trở thành Drogo cũ - yếu đuối và tan nát?

Không, đừng nghĩ về điều đó, Drogo, giày vò thế đủ rồi, điều khủng khiếp nhất đã qua rồi. Thậm chí nếu cơn đau lại thắng được cậu, thậm chí nếu âm nhạc cũng không thể là sự an ủi thêm nữa và thay vào buổi đêm tuyệt vời này là mây mù thối hoặc ập tới, cậu vẫn sẽ có sự biện minh. Cái chủ yếu đã ở lại phía sau, và điều đó thì chẳng ai cướp nổi của cậu.

Trong phòng đã tối hẳn, chỉ gắng gượng lắm mới phân biệt nổi cái giường trắng nhờ nhờ, nhưng mọi thứ còn lại biến ra đen ngòm. Trắng sắp sửa lên.

Drogo có kịp nhìn thấy nó không hay đã rời đi sớm hơn? Cánh cửa phòng, kêu cọt két, hơi hé ra. Có thể, vì gió, vì một luồng gió lùa bình thường dạo trong ngôi nhà vào những đêm mùa xuân xao xuyến thế này. Mà có thể, đó là *Mu* đã vào bằng bước đi không tiếng động và giờ đây đang lại gần chiếc ghế tựa của Drogo. Thu hết hơi tàn, Giovanni hơi thẳng người lên trong ghế bành, lấy tay sửa lại ve áo quân phục, thêm một lần ném ánh mắt ra cửa sổ, một ánh mắt ngăn ngủ nhìn mẩu bầu trời đầy sao cuối cùng của mình, và mỉm cười trong bóng đêm, dù chẳng ai trông thấy được ông.

CHÂN DUNG PHÓNG ĐẠI
TRUYỆN VUA

I

Tháng Tư năm 1972, giáo sư Ermann Ixmani, 43 tuổi, giảng viên bộ môn điện tử học trường Đại học tổng hợp thành phố N., một người đàn ông tầm thước, tính tình vui vẻ nhưng nhút nhát, nhận được thư từ Bộ Chiến Tranh gửi tới mời đến gặp đại tá Jakinto, Cục trưởng Cục Nghiên Cứu Khoa Học. Thư đóng dấu khẩn.

Tuyệt nhiên không hiểu nguyên do của sự việc, vốn lại là người có mặc cảm cố hữu trước mọi thứ chính quyền, ngay ngày hôm đó giáo sư vội vã đến văn phòng Bộ.

Trước kia anh chưa bao giờ đến đây. Với vẻ rụt rè thường lệ, anh ngó đầu vào phòng trực. Ngay tức khắc trước mặt anh xuất hiện một cảnh vệ mặc binh phục hỏi anh cần gì. Ixmani xuất trình tấm giấy mời.

Như có phép thần, vừa liếc qua tờ giấy, viên cảnh vệ, lúc đầu nói năng với khách khá hách dịch (dưới con mắt của anh ta giáo sư Ixmani ăn mặc lôi thôi, cử chỉ vụng về chỉ là một thứ tép riu không đáng kể), lập tức thay đổi hẳn thái độ. Anh ta xin lỗi, mời giáo sư ngồi đợi, rồi hối hả chạy sang phòng bên cạnh.

Một viên thiếu úy bước ra, đọc bức thư, một nét

cười khẩy mơ hồ thoáng qua trên môi; và với vẻ kính cẩn phô trương, anh ta mời Ixmani đi theo mình.

Bức thư lạ lùng kia là cái gì thế nhỉ? - Ixmani hơi ngạc nhiên nghĩ. Tại sao họ rồi rít lên với mình như với một nhân vật quan trọng vậy? Tờ giấy có vẻ như mọi tờ giấy công vụ bình thường khác mà thôi.

Anh nhận thấy cũng một thái độ sợ sệt như thế ở các viên sĩ quan khác, cấp bậc của họ mỗi lúc một cao hơn khi họ chuyển nhau dẫn anh từ phòng này qua phòng khác đi tiếp mãi đầu đó. Thậm chí anh cảm thấy khó chịu vì hình như các sĩ quan người nào trông thấy tờ giấy cũng vội vã chuyển giao anh cho người khác ở cấp cao hơn, dường như anh, Ixmani, có toàn quyền được hưởng mọi sự kính trọng nhưng đối với họ, những sĩ quan ở đấy, anh lại là một cái gì đó bất tiện, thậm chí nguy hiểm.

Đại tá Jakinto hẳn phải có quyền lực rất lớn, lớn hơn nhiều so với cấp bậc của ông ta có thể mang lại, - giáo sư Ixmani phải vượt qua quá nhiều hàng rào thủ tục mới đến được phòng ông ta.

Jakinto khoảng năm mươi tuổi, mặc thường phục, tiếp giáo sư rất nhã nhặn. Ông ta thông báo rằng giáo sư Ixmani hoàn toàn không cần phải vội như vậy, cái dấu "khẩn" chỉ là hình thức, nó được in hầu như trên tất cả mọi giấy tờ của cơ quan ông ta.

- Để không mất thì giờ của ngài, thưa giáo sư, tôi xin vào việc ngay. Chính xác hơn, - ông ta bật ra một tiếng cười ngắn, đầy hàm ý, - chính xác hơn tôi xin trình bày tóm tắt vấn đề mà Bộ đề nghị ngài lưu ý.

Thực chất sự việc ra sao thì chính bản thân tôi cũng không được rõ. Ngài cũng biết đấy, thưa giáo sư, có những lĩnh vực nhất định mà sự thận trọng hoàn toàn không có hại gì. Thật ra, đối với người khác thì phải ngay từ đầu đặt ra yêu cầu trách nhiệm giữ bí mật tuyệt đối... nhưng với ngài, thưa giáo sư... tên tuổi của ngài... công lao của ngài... quá khứ chiến đấu của ngài... uy tín của ngài...

Ông ta muốn gì, Ixmani nghĩ, mỗi lúc một thêm lo âu. Và anh nói:

- Xin lỗi, đại tá, tôi không hiểu.

Đại tá liếc nhìn anh với vẻ ít nhiều giễu cợt, rồi rời bàn viết đứng dậy, rút từ trong túi ra chùm chìa khoá, mở một cánh tủ sắt nặng, lấy trong tủ ra một cặp giấy rồi lại ngồi vào sau bàn.

- Vậy thì, - ông ta nói, tay giở những tờ giấy đánh máy trong cặp, - thưa giáo sư Ixmani, ngài có sẵn sàng phục vụ Tổ Quốc không?

- Tôi? Bằng cách nào? - ý nghĩ về một sự nhảm lẫn nào đó mỗi lúc một tăng.

- Chúng tôi tin tưởng ngài, thưa giáo sư, - Jakinto nói. - Thái độ của ngài đã được các cấp trên biết tới. Vì vậy chúng tôi hi vọng ở ngài.

- Nhưng tôi... tôi vẫn chưa rõ...

- Ngài có đồng ý, thưa giáo sư, - viên đại tá hỏi cao giọng, nhấn từng từ, - ngài có đồng ý chuyển đến ở, tối thiểu là hai năm, tại một trong những khu vực quân sự của chúng tôi để tham gia vào một công

việc có tầm quan trọng đặc biệt đối với quốc gia và ý nghĩa khoa học hết sức lớn lao không? Về phía nhà trường, ngài coi như được cử đi công tác chính thức, vẫn giữ nguyên lương và tất nhiên cộng thêm một khoản công tác phí khá cao. Tôi không thể nói chính xác, nhưng đâu khoảng hai mươi, hai hai ngàn lia một ngày.

- Một ngày? - Ixmani sững sốt hỏi lại.

- Thêm vào đây là một căn nhà rộng rãi với các tiện nghi hiện đại. Nơi đó, như tôi biết qua các giấy tờ này, phong cảnh rất đẹp, khí hậu hết sức tốt cho sức khỏe. Ngài hút xì gà không?

- Cám ơn, tôi không hút. Thế công việc gì vậy?

- Công lệnh của Bộ nhấn mạnh việc lưu ý đến chuyên môn đặc biệt của ngài... Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chính phủ sẽ đặc biệt... hơn nữa tính đến những bất tiện buộc phải sống tách biệt...

- Sao? Tôi không thể đi khỏi đó?

- Ngài thấy đấy, nhiệm vụ đặc biệt...

- Những hai năm? Thế còn nhà trường? Còn bài giảng?

- Như tôi đã nói, các chi tiết cụ thể tôi không rõ. Nhưng tôi có thể cam đoan với ngài là sẽ có được điều kiện thực hiện những nghiên cứu cực kì thuận lợi. Tôi xin nói thẳng, ở đây không ai nghi ngờ về câu trả lời đồng ý của ngài.

- Thế tôi sẽ làm việc với ai?..

- Điều này tôi không thể nói được. Nhưng tôi có thể kể ra một tên tuổi lớn: Endriad.

- Endriad? Nhưng ông ấy đang ở Brazil kia mà!

- Tất nhiên, đang ở Brazil. Theo thông báo chính thức, - và viên đại tá nháy mắt với giáo sư. - Chà, chà, thưa giáo sư, không nên xúc động như vậy. Thần kinh bất ổn rồi, phải không?

- Tôi ấy à? Tôi không biết...

- Vào thời này hỏi ai mà không bất ổn với cái cuộc sống rối mù như vậy? Nhưng trong trường hợp này thì không có lí do nào cả. Tôi xin nhấn mạnh, chúng ta đang bàn đến một đề nghị khá hấp dẫn. Hơn nữa ngài còn có thời giờ để suy nghĩ. Ngài hãy về nhà, thưa giáo sư, và sống bình thường như trước, - ông ta mỉm cười. - Dường như không hề có cuộc nói chuyện của chúng ta... ngài hiểu ý tôi chứ? Dường như chúng tôi không mời ngài đến đây... Nhưng ngài hãy suy nghĩ... Hãy suy nghĩ... và nếu có việc gì, hãy gọi cho tôi theo số máy...

- Thế còn vợ tôi? Thưa đại tá, nói ra chắc ngài ngạc nhiên, nhưng chúng tôi mới cưới nhau hai năm.

- Xin chúc ngài hạnh phúc, thưa giáo sư, - viên đại tá nhún mày như đang cân nhắc một vấn đề phức tạp. - Tôi không nói rằng... nhưng nếu như chính ngài sẵn sàng bảo đảm...

- Ô, vợ tôi là một người rất chân thực, rất hiền lành, ngài có thể hoàn toàn yên tâm về cô ấy. Cô ấy không bao giờ để ý đến công việc của tôi.

- Thế thì tốt, - viên đại tá cười, nói.

- Nhưng trước hết...

- Tôi nghe ngài đây...

- Trước khi đi đến một quyết định nào đó tôi có thể được biết...

- Cụ thể hơn, có phải ngài muốn nói thế không?

- À vâng. Phải gác lại tất cả trong hai năm, mà không biết...

- Tôi hiểu rồi. Phải kiên nhẫn thôi, thưa giáo sư. Tôi xin nói với ngài, bản thân tôi biết về việc đó cũng không nhiều hơn những gì tôi đã nói với ngài. Tin hay không tùy ngài, nhưng tôi e rằng không một ai ở Bộ này - ngài hiểu không, không một ai - có thể giải thích chính xác sứ mạng của ngài là gì? Thậm chí cả tham mưu trưởng... Ngài nói đúng, điều này quả có vẻ lạ lùng. Cơ chế bí mật quân sự nhiều khi thật phi lí, ngược đời. Bằng cách này hay cách khác, nhiệm vụ của chúng tôi là bảo vệ bí mật đó. Đằng sau bí mật đó là gì - không liên quan đến chúng tôi. Nhưng rồi ngài sẽ được biết. Gì không biết, chứ thời gian của ngài sẽ có đủ. Sau hai năm, tôi nghĩ...

- Nhưng xin lỗi, tại sao các ngài lại chọn chính tôi?

- Đấy không phải do chúng tôi. Yêu cầu triệu tập, nghĩa là lời giới thiệu, đến từ nơi kia.

- Của Endriad?

- Xin giáo sư đừng gán cho tôi những gì tôi không nói. Có thể là của Endriad, cụ thể tôi không rõ. Hãy yên tâm, thưa giáo sư. Hãy tiếp tục làm việc như không có gì xảy ra. Và cảm ơn ngài đã đến. Không dám làm mất thêm thì giờ của ngài. - Jakinto đứng dậy để tiễn Ixmani ra cửa. - Xin nhắc lại - hoàn toàn không cần vội... nhưng ngài hãy suy nghĩ. Và nếu có gì...

II

Lời đề nghị khiến giáo sư Ixmani rơi vào một vực xoáy những băn khoăn. Có lẽ tốt hơn, anh nghĩ, là vâng theo tiếng nói của lí trí: giữ nguyên *res sistantes*, nếp sống yên tĩnh quen thuộc của cuộc đời bình lặng, không có những lo âu, chấn động, - tóm lại, là cần phải trả lời "không".

Nhưng chính những băn khoăn đó lại thôi thúc Ixmani đồng ý. Thực ra chính viễn cảnh hai năm bị vùi vào cái xứ heo hút nào đó vì một công việc bí mật nào đó mà chắc anh chẳng thích thú gì, thường xuyên ở trong trạng thái bảo mật nghiêm ngặt giữa những con người xa lạ (Endriad, một ngôi sao vật lí học, anh chỉ mới gặp vài lần, mà cũng trong đám đông ồn ào của các cuộc hội nghị), chính cái viễn cảnh đó đã khiến anh gần như cảm thấy hoảng sợ, đối với anh, một con người trung thực và nghiêm chỉnh, lại khó có thể trốn tránh trách nhiệm công dân và trí thức của mình (điều này đã được nói đến trong cuộc trao đổi nọ).

Ixmani đã chiến đấu dũng cảm trong chiến tranh, nhưng không phải vì anh khinh thường nguy hiểm như những người khác. Mà ngược lại. Chính nỗi sợ hãi tỏ ra nhất gan, không hoàn thành mệnh lệnh, không đáp ứng sự tin cậy của binh lính, không xứng đáng với danh hiệu của mình đã buộc anh trong nỗi đau đớn không tả nổi chế ngự được nỗi sợ

hãi khác - nỗi sợ hãi thể chất - trước súng đạn của kẻ địch, trước thương vong và cái chết. Và bây giờ anh cũng lâm vào một tình huống như vậy.

Anh vội vã về nhà để kể hết mọi chuyện với vợ. Eliza trẻ hơn anh mười lăm tuổi nhưng về kinh nghiệm sống chị tỏ ra già dặn hơn chồng nhiều.

Người phụ nữ tầm thước, hơi đầy đặn, gương mặt tròn trịa này trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không hề tỏ ra bối rối, điều đó khiến cho người khác cảm thấy tự tin hơn khi ở bên cạnh chị. Ở bất kì nơi nào, dù bất tiện, dù giữa những người không hiểu khách đến đâu, chị cũng lập tức cảm thấy như đang ở nhà mình. Chỉ cần chị xuất hiện, thì tất cả sự lộn xộn, rác rến, tất cả những lo lắng, khó xử đều dường như tan biến. Đối với Ixmani, một kẻ thiếu đầu óc thực tế và bất cứ điều vụn vặt nào cũng khiến anh lo lắng, thì một người vợ như Eliza chẳng khác gì món quà của số phận. Có thể nói; sự trái ngược của hai tính cách - điều xảy ra không hiếm - chính là nguyên nhân chủ yếu tạo nên một tình yêu lớn. Hạnh phúc của cặp vợ chồng này là còn nhờ ở chỗ: Eliza, mới tốt nghiệp phổ thông trung học, hoàn toàn không có ý niệm gì về công việc nghiên cứu của Ixmani. Chị coi chồng là thiên tài và không can dự vào công việc của anh. Ngoại trừ việc không cho anh ngồi sau bàn làm việc quá khuya.

Ixmani còn chưa kịp bước vào phòng ngoài, thì Eliza đã bước ra đón; chị mặc tạp dề, tay vung vẩy muống nấu ăn trước mũi anh.

- Anh khoan nói. Em biết hết rồi. Người ta để

ngộ với anh một công việc mới chứ gì?

- Làm sao em biết?

- Ôi anh yêu, chỉ cần nhìn mặt anh là đủ. Hệt như Napoleon trước khi đi ra đảo Thánh nữ Elena ấy.

- Ai nói với em?

- Nói gì?

- Về Thánh nữ Elena.

- Anh được gửi đi ra đảo Thánh nữ Elena thật à?

- Eliza khê nhưn mày.

- Gần như thế. Nhưng em đừng nói với ai. Nếu có người nào biết, sẽ lộ thôi đấy.

Quay phắt người lại, Ixmani vụt mở toang cánh cửa lớn mà tự tay anh vừa đóng khi bước vào phòng, nhón nhác nhìn ra cầu thang, nhìn xuống phía dưới.

- Anh sao thế?

- Anh nghe có tiếng bước chân.

- Thì sao?

- Chúng ta không thể để người khác nghe thấy.

- Anh Ermann, anh làm em sợ đấy. Chẳng lẽ nghiêm trọng như vậy thật ư? - Eliza cười hỏi. - Nào ta đi, ta đi ra bếp, rồi anh kể hết cho em nghe. Ở đó sẽ không có ai nghe thấy chúng ta cả, anh có thể yên tâm.

Nhớ lại từng chi tiết một cách khó khăn, Ixmani kể với vợ câu chuyện giữa anh với Jakinto.

- Nghĩa là anh đã đồng ý?

- Sao em lại nói thế?

- Ôi anh yêu, chẳng lẽ anh sẽ từ chối sao?

- Ý em muốn nói về thù lao chứ gì? - Ixmani hỏi

hơi có vẻ tự ái, vì bao giờ anh cũng tự cho mình đứng cao hơn những đồng tiền thô thiển.

- Sao lại thù lao ở đây? Nghĩa vụ... nhiệm vụ quan trọng... lòng yêu nước... Họ thì rất biết cách phải tác động tới anh từ hướng nào. Nhưng em không trách anh. Lạy Chúa... - Eliza lại cất tiếng cười. - Hơn sáu trăm ngàn một tháng, lại còn giữ nguyên lương ở trường đại học nữa!..

- Em đã kịp làm phép tính rồi à? - Ixmani cảm thấy một sự nhẹ nhõm khó giải thích.

- Anh nằm mơ cũng không có được số tiền như thế. Em tưởng tượng ra vẻ mặt các đồng nghiệp của anh: họ phải chết ghen mất vì ghen tị. Thế cái gì ở đó? Trạm nguyên tử à?

- Anh không biết. Họ không nói gì với anh cả.

- Nếu bí mật như thế thì chắc là trạm nguyên tử rồi... Thế anh có biết gì về nó không? Hình như đây không phải là chuyên ngành của anh?

- Anh không biết... anh không biết tí gì.

Eliza ra dáng nghi ngại.

- Hừm, quả thế... Anh không phải là nhà vật lí. Nếu như họ đã chọn đúng anh...

- Điều đó không có ý nghĩa gì cả. Ở các trạm nguyên tử, đặc biệt là ở giai đoạn thi công, cũng có thể cần chuyên gia về...

- Thế nghĩa là trạm nguyên tử. Vậy thì khi nào?

- Cái gì khi nào?

- Khi nào đi?

- Anh không biết. Anh chưa đồng ý cái gì cả.

- Anh sẽ đồng ý, lẽ nào anh lại không đồng ý! Duy chỉ một trường hợp anh có thể từ chối.

- Trường hợp nào?

- Nếu như anh phải đi một mình, không có em. Phải không? - Eliza mỉm cười.

- Nghe nói ở đó cảnh đẹp lắm, - Ixmani nói thêm.

III

Ixmani với vợ khởi hành đến "Khu vực quân sự ba mươi sáu" vào đầu tháng Bảy trên chiếc xe của Bộ Chiến Tranh. Một người lính lái xe. Thấp tùng họ là đại úy Vext'ro từ Bộ Tổng tham mưu, một sĩ quan ba mươi lăm tuổi, vạm vỡ, hai mắt nhỏ nhìn chăm chú và có vẻ giễu cợt.

Ngay trước khi lên đường, vợ chồng Ixmani được biết rằng họ sẽ đến thung lũng Tecxeruda, một điểm nghỉ mát nổi tiếng mà Eliza hồi còn bé, trước đây lâu lắm rồi, đã từng đến nghỉ. Ngoài ra họ chẳng biết gì thêm. Phía Bắc thung lũng là một khối núi lớn. Nơi họ phải đến có thể nằm trong khu vực hẻo lánh nào đấy khuất sau các ngọn núi, hay là giữa rừng sâu, hay là trong một bản làng Alpa dân bị di dời chỗ khác để làm căn cứ quân sự.

- Đại úy, - Eliza Ixmani hỏi, - anh đưa chúng tôi đi đâu thế này?

Vext'ro nói rất chậm, dường như tìm từng từ một, sợ nói thừa không cần thiết.

- Ở đây, thưa chị Ixmani, - anh ta giở ra một tờ giấy đánh máy, nhưng không trao cho Eliza, - ở đây có hướng dẫn lộ trình của chúng ta. Tối nay chúng ta sẽ dừng lại ở Crea. Sáng mai tám rưỡi lên đường. Theo đường nhựa đến Xant-Agoxtino. Tiếp đó là đường quân sự. Tôi có vinh dự và hân hạnh đưa quý anh chị đến trạm kiểm soát thường trực. Đến đó tôi hết nhiệm vụ. Sẽ có xe khác đến đón anh chị đi tiếp.

- Thế anh đã đến đó bao giờ chưa, đại úy?

- Đến đâu ạ?

- Khu ba mươi sáu ấy.

- Không, tôi chưa bao giờ đến đó cả.

- Thế cái gì ở đó? Trạm nguyên tử à?

- Trạm nguyên tử... - anh ta nhắc lại với một chút khó hiểu trong giọng nói. - Có lẽ ngài giáo sư sẽ thú vị...

- Nhưng tôi hỏi anh kia mà, đại úy.

- Hỏi tôi? Xin lỗi, nhưng tôi không được biết.

- Anh có đồng ý là điều này kì quặc không? Anh không biết gì, chồng tôi không biết gì, ở Bộ họ cũng không biết gì. Ở Bộ họ cứ tìm cách nói lảng, đúng không anh Ixmani?

- Nói lảng? Nhưng tại sao? - Ixmani hỏi lại. - Họ xử sự rất lịch sự.

Vext'ro thoáng mỉm cười.

- Anh thấy chưa, - Eliza nói, - em đã đúng.

- Em đúng à? Đúng cái gì?

- Rằng người ta đưa anh đến trạm nguyên tử.

- Nhưng đại úy có nói như vậy đâu?

- Thế họ làm cái gì ở khu ba mươi sáu ấy, - người đàn bà vẫn khẳng khẳng, - nếu không phải là bom nguyên tử?

- Cẩn thận, Morra! - viên đại úy quát lên, lần này không bỏ thời gian để chọn từ, vì họ vừa vượt qua một cỗ xe tải lớn trên dải đường khá hẹp.

Nhưng sự lo lắng của anh ta là vô ích. Con đường nhựa bằng phẳng thẳng như một mũi tên và tuyệt không có xe cộ chạy ngược chiều.

- Em nói là, - Eliza tiếp tục, - nếu họ không chế tạo bom nguyên tử thì họ làm gì ở đó? Và tại sao họ giấu chúng ta? Cứ cho là bí mật quân sự, nhưng chúng ta, theo em... Chính chúng ta đang đi đến khu vực đó.

- Thế nghĩa là theo chị, trạm nguyên tử...

- Không phải theo tôi, tôi chỉ hỏi.

- Thưa chị Ixmani, - đại úy Vext'ro vất vả chọn từ, nói, - tôi e chị phải chịu khó đợi đến khi tới nơi. Chị hãy tin là tôi không thể giải thích gì được cả.

- Nhưng anh phải biết chứ, đúng không?

- Nhưng tôi đã nói rồi, thưa chị, tôi chưa lần nào đến đó cả.

- Nhưng anh phải biết cái gì đang được chế tạo tại đó chứ?

Giáo sư Ixmani ngồi nghe với vẻ mặt căng thẳng.

- Đừng coi tôi là logic hình thức, nhưng ở đây có

một trong ba khả năng: hoặc đối tượng không bí mật nhưng tôi không biết nó, hoặc tôi biết nhưng đối tượng bí mật, hoặc đối tượng bí mật nhưng tôi không biết. Tự chị cũng biết đấy, rằng trong bất kì trường hợp nào...

- Nhưng anh có thể nói cho chúng tôi biết ở đây là trường hợp nào chứ!

- Tất cả phụ thuộc vào mức độ bí mật, - viên sĩ quan đáp. - Nếu đây là bí mật tuyệt đối, chẳng hạn như thường thấy trong tác chiến, các kế hoạch chiến dịch, thì theo cơ chế, nó bao gồm đến tất cả những gì có quan hệ xa hoặc quan hệ một phần tới đối tượng, thậm chí dưới hình thức gián tiếp và phủ định. Còn dưới "hình thức phủ định" nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là một người nào đó biết về sự tồn tại của đối tượng nhưng không biết các chi tiết, thì anh ta cũng không được phép tiết lộ cả sự không biết đó. Và thưa chị Ixmani, thoát nhìn một sự giới hạn như vậy có vẻ phi lí nhưng thực ra nó có những cơ sở nghiêm túc. Thử lấy trường hợp của chúng ta làm thí dụ - khu quân sự ba mươi sáu. Đấy, tôi vừa nhắc đến sự không liên quan của mình. Với cấp bậc và các chức trách của tôi một thông tin như vậy, dù cho là ở mức độ tối thiểu nhất, đã có thể giúp cho ai đó.

- Nhưng anh đã biết rõ chúng tôi là ai kia mà! - Eliza Ixmani bực bội kêu lên. - Chỉ riêng việc anh đang dẫn chúng tôi đi đã loại bỏ mọi sự nghi ngờ.

- Tôi cho rằng chị chưa bao giờ qua trường quân

sự... ở đó trong phòng trực có một khẩu hiệu: "Với bí mật không có bạn bè, người thân". Một sự không tin tưởng như vậy đôi khi có vẻ xúc phạm, tôi đồng ý với điều đó, nhưng dù sao... - anh ta chợt ngừng nói, có lẽ đã mệt vì lời giải thích dài dòng.

Eliza phá ra cười.

- Nói cách khác, anh đã tế nhị cho chúng tôi hiểu là không thể hoặc không muốn kể về cái khu quân sự dở hơi đó chứ gì?

- Nhưng, thưa chị Ixmani, - viên đại úy nói vẫn bằng giọng chậm rãi và vẻ kẻ cả của mình, - tôi đâu có nói rằng tôi biết...

- Thôi được, thôi được. Chẳng qua là do tôi quá tò mò. Tôi xin lỗi.

Viên sĩ quan im lặng.

Năm phút trôi qua, rồi Ixmani rụt rè lên tiếng:

- Tôi xin anh đừng tự ái, đại úy, anh vừa nói đến ba khả năng, nhưng thực ra là bốn. Bởi vì cũng có thể là đối tượng không bí mật và anh có biết.

- Tôi không nói đến khả năng này là vì chỉ riêng việc nhắc đến cũng đã là thừa.

- Thừa?

- Vâng. Trong trường hợp đó... Trong trường hợp đó thì tôi đã kể ra từ lâu rồi. Cẩn thận, Morra!

Nhưng lời cảnh báo đối với lái xe cũng là thừa: khúc ngoặt của con đường mà họ đang tiến đến rất rộng và tốc độ của chiếc xe không ngoài sáu mươi cây số một giờ.

IV

Ngày hôm sau họ bắt đầu đi vào địa phận thung lũng Tecxeruda.

Cho đến tận khe Olt'ro nằm giữa những cánh rừng, một khu du lịch nổi tiếng, con đường nhựa trải dài rất tốt. Nhưng tiếp đó đường bắt đầu hẹp dần, chạy quanh co, mỗi lúc một khó đi hơn.

Quang cảnh mỗi lúc một hoang dại, nhà cửa hai bên đường ít dần, rừng cây xung quanh thêm rậm rạp, người qua lại ít gặp hơn. Trong những khoảng trống thung lũng thỉnh thoảng lại hiện ra các khối núi dựng đứng và đổ nghiêng về một phía giống như những hàng cây hai bên bờ sông, nơi gió chỉ thổi theo một hướng.

Cả ba hành khách im lặng. Bầu trời màu xám, tẻ nhạt và rất cao. Thấp hơn phía dưới, ngay sát những ngọn núi, mây đen tụ lại triu dần xuống những khe sâu.

- Còn lâu không? - Ixmani chốc chốc hỏi.

- Tôi không rõ. - Vext'ro đáp. - Tôi cũng đi lần đầu mà.

- Nhưng còn bao nhiêu cây số nữa?

- Không còn nhiều nữa đâu.

Họ gặp một ngã ba. Nhánh đường rẽ phải đâm thẳng vào một khe núi đáng sợ, nó dốc đứng đến nỗi không hiểu nổi làm sao có thể đi tiếp được. Trong một thoáng chỉ bằng một phần giây, trong khoảng không chật hẹp giữa hai cánh gà bằng đá dựng đứng,

nơi có những cây thông xơ xác thấp tè không hiểu bằng cách nào có thể bám được trên những chỗ lồi bé xíu của các bức tường, Ixmani bỗng nhận ra một pháo đài bằng đá trắng với những vòm mái tròn trông hao hao như những chiếc đầu lâu. Cảnh tượng tác động nặng nề, anh nghĩ nếu đây là nơi anh phải đến thì chắc anh sẽ không thể nào ở lại được. Và anh nghĩ tiếp: ngay bây giờ chúng ta sẽ rẽ sang phải, hướng về khe núi. Nhưng chiếc xe đã lại tiếp tục chạy thẳng.

Khoảng nửa giờ sau những ngọn núi ở hai bên dần dần giãn ra, trời sáng sủa hơn, thung lũng không còn âm đạm như trước nữa. Chiếc xe đỗ cạnh một trạm xăng nhỏ. Mọi người bước ra vươn vai thư giãn và uống cà phê.

Nhân lúc viên đại úy đứng cách xa một quãng, Ixmani đến bên người bán xăng, một ông già có nét mặt phúc hậu, chỉ vào con đường chạy vòng vèo trên sườn núi, hỏi:

- Đến trạm nguyên tử đi đường này phải không?

- Trạm nguyên tử? - người bán xăng nhìn quanh như tìm người giúp đỡ. - Tôi không hiểu.

- Nhưng ông có nghe nói về nó chứ? - (Vext'ro đang đi lại gần).

- Ở đây người ta nói đủ thứ... Và thời tiết, tất nhiên... Thời tiết...

- Thời tiết sao?

- Thời tiết, tôi nghĩ đã thay đổi. Bây giờ khá hơn. Và đã ngớt mưa.

Ông ta phá ra cười.

Một câu trả lời mập mờ như vậy (điều đó có thể

chờ đợi xét theo tính cách luôn luôn cảnh giác của những người dân thung lũng phải sống cách biệt với thế giới bên ngoài) có thể coi là khẳng định. Mà có thể tin ông ta được không? Ixmani thoáng nhìn thấy - hay anh tưởng tượng ra? - một nụ cười khẩy lướt qua trên mặt người bán xăng, dường như ông ta nháy mắt đồng lõa với viên đại úy. Nhưng Vext'ro không động đậy đến cả một cái lông mày.

Khi ngồi lại vào xe, viên sĩ quan lúng búng nói gì đó với lái xe. Người này quay xe, và thay vào chỗ đi tiếp, dọc theo thung lũng, chiếc xe chạy theo đường ngược lại.

- Chúng ta quay về à? - Eliza Ixmani hỏi.

Vext'ro đáp nhất gừng.

- Tôi xin lỗi. Tôi đến đây lần đầu, nên không nhận thấy đã bỏ qua chỗ rẽ.

- Chỗ rẽ nào? - Ixmani lo lắng hỏi, anh chợt nhớ lại cái khe núi đã gây cho anh cảm giác khó chịu.

- Đáng ra chúng ta phải rẽ cách đây ba, bốn cây số.

Tất cả im lặng.

Đúng là như vậy, Ixmani nghĩ. Thì mình đã hiểu ra ngay mà. Dường như linh cảm thấy. Nhưng mình nhất quyết sẽ không ở lại đó.

- Đại úy, - mấy phút sau anh nói. - Xin lỗi tôi tò mò. Nhưng nếu tôi...

- Vâng, vâng, tôi nghe đây, thưa giáo sư, - viên sĩ quan nhận thấy sự ngập ngừng của anh, liền đáp.

- Nếu như tôi... cứ coi là giả thử... Nếu như tôi

bồng nghĩ lại, nghĩa là ngay bây giờ tôi từ chối, thì sẽ ra sao?

- Trong trường hợp đó, - Vext'ro nói rành rẽ từng tiếng một như thường lệ, - tôi sẵn sàng phục vụ và đưa giáo sư trở lại nhà.

- Thế đã có những trường hợp như vậy rồi chứ?

- Tôi không biết. Tôi đã có chỉ thị từ trước. Cả cho trường hợp ngài bỗng nhiên, thưa giáo sư...

- Anh sao thế, Ixmani? - Eliza mỉm cười hỏi. - Anh nghĩ gì thế?

Ixmani không nghe vợ nói. Anh hết sức lo lắng trước câu trả lời của viên đại úy.

- Thế nghĩa là, - anh nói tiếp, - không ngoại trừ khả năng vào giây phút chót tôi...

- Trong những hoàn cảnh tương tự, thưa giáo sư, người ta đã cố tính trước mọi khả năng, và ở Bộ... Tôi nghĩ rằng công việc của ngài là hoàn toàn tự nguyện, và mọi sự cưỡng bức là mâu thuẫn với...

- Đại úy, mong anh nói thật. Có ai trong số các đồng nghiệp của tôi đã... đào ngũ chưa?

- Tôi không biết, tôi không nghĩ đến. Tôi chưa từng nghe thấy. Tôi đã nói rằng tôi đến đây lần đầu tiên.

Ixmani ngáp ngừng im lặng, không biết nên quyết định ra sao. Bây giờ mà từ chối, sau khi đã đi một quãng đường như vậy, quả là vừa kì quặc vừa buồn cười, - anh đâu phải là trẻ con nữa! Cái vẻ hoang dại của khe núi với những mỏm đá chết chóc dưới lòng sâu gây nên ở anh một cảm giác khó chịu. Nhưng Ixmani vẫn quyết định trì hoãn thêm một lúc.

Đúng như anh đoán, khi đến đầu khe núi đáng sợ

nọ, chiếc xe đi chậm lại.

- Chúng ta đến đó phải không?

- Không, - Vext'ro đáp. - Hoàn toàn ngược lại, - và anh ta chỉ sang phía sườn dốc bên kia.

Ixmani và vợ nhìn sang phải. Ở đó, họ trông thấy một chiếc cầu nằm vuông góc với con đường chính, bắc qua dòng sông (đúng hơn là một dải đất rộng trải đầy cuội trắng, còn chính bản thân dòng sông chỉ còn là một con suối nhỏ róc rách) và chạy vào thung lũng con đường. So với khe sâu phía bên kia, thung lũng này khá rộng rãi, xanh tốt và nhìn thật vui mắt. Những cánh rừng và đồng cỏ nối tiếp nhau trên những ngọn đồi nhấp nhô nằm rải rác không theo một trật tự nào, và phía sâu của bức tranh lãng mạn này hiện ra một dãy núi nhấp nhô đứt quãng. Không hiểu do núi non ở đây có vẻ gì khác, hay là vì có một luồng ánh sáng hiền hòa nào đó đang tuôn xuyên qua những khe sáng chợt mở ra trên bầu trời, mà lần này trong lòng Ixmani không xuất hiện cảm giác khó chịu nữa.

V

Ở ngay dưới chân của dãy núi đá dựng đứng, mà tiếp theo phía bên kia con đèo có lẽ là một khoảng

cao nguyên bằng phẳng, con đường bỗng phình rộng ra tạo nên một khoảng không gian mở; đến đây đoàn người gặp một trạm kiểm soát thường trực: một doanh trại nhỏ, cột ăng ten và cờ, một thanh barie gỗ, hai ghế dài, một chiếc bàn và một chuồng chó bỏ không.

Phong cảnh đẹp tuyệt vời: xung quanh là những cánh rừng trải dài theo sườn núi dốc xuống thung lũng Tecxeruda, phía rất xa dưới lòng thung thấp thoáng dòng sông trắng nước, những bản làng nằm rải rác, một làn sương khói mờ màng, và bao trùm lên tất cả là một sự tĩnh lặng, trong sáng và bình yên mà ta vẫn thường gặp ở những vùng núi non hiền hòa.

Chỉ có phía sau lưng, cái khung cảnh trợn vện đó như bị phá vỡ: rừng cây bị thay bằng những khối đá nặng nề lởm chởm, mọc đầy những bụi gai và cỏ dại, tiếp đó là một khoảng trống không há hoác. Những bức tường treo đó, mặc dù có vẻ rộng lớn, dường như đóng gông cả bức tranh chung lại khiến cho nó ít nhiều mang nét ảm đạm u tối.

Đón vợ chồng Ixmani là viên sĩ quan trực ban, trung úy Troxdem. Đã được báo trước về việc họ sẽ đến, anh ta đã chuẩn bị bữa ăn và tỏ ra khá lễ độ.

Họ buộc phải dừng lại ở trạm kiểm soát này. Xe của đại úy Vext'ro không được phép đi vào khu quân sự. Từ Trung Tâm, nơi Ixmani sắp tới, sẽ cử một chiếc xe khác đến đón họ. Đúng ra, viên trung úy giải thích, xe đã ở đây rồi, nhưng họ phải chờ thêm một người nữa - chị vợ của kĩ sư Xt'robele; cùng với chị ta hai vợ chồng Ixmani sẽ đi nốt đoạn đường cuối cùng.

Xt'robele là ai? Qua những lời giải thích mù mờ của viên trung úy, Ixmani kết luận rằng Xt'robele là một nhân vật khá quan trọng ở trên kia. Và chắc chắn rằng việc chị vợ anh ta đến cùng lúc với vợ chồng Ixmani không phải là ngẫu nhiên, sự thu xếp như vậy không nhằm mục đích tiết kiệm xăng dầu mà là để giảm thiểu đến mức tối đa việc qua lại ranh giới khu vực được canh giữ hết sức nghiêm ngặt này.

Người ta dẫn vợ chồng Ixmani vào một phòng hẹp của doanh trại được dùng làm nhà ăn. Ở đây đã có mấy người mặc quân phục khác: thiếu úy Picco, thượng sĩ Ambrozini, thượng sĩ Int'roxxi.

Đại úy Vext'ro vội vã đến chào tạm biệt, viên có có nhiệm vụ phải gấp rút trở về. Nhưng có thể thấy rõ là chẳng qua anh ta muốn nhanh chóng rời xa chỗ này càng sớm càng tốt.

Cùng với sự ra đi của Vext'ro, sợi chỉ cuối cùng nối Ixmani với cuộc sống bình thường đã bị cắt đứt. Bắt đầu những phiêu lưu. Những câu chuyện anh nghe xung quanh chỉ càng tăng thêm nỗi bất an của anh.

Ixmani bỗng nhiên hiểu ra rằng, cả trung úy T'roxdem, cả Picco, và tất cả những người khác hoàn toàn không có bất kì một khái niệm nào về những gì đang xảy ra ở trên cao nguyên kia. Cái đồn biên phòng nhỏ này, kết hợp với những đồn kiểm soát khác nằm rải rác quanh khu quân sự ba mươi sáu, chỉ có chức năng canh gác đơn thuần. Đây là trạm gác ngoài cùng có nhiệm vụ ngăn cản người ngoài đột

nhập vào khu quân sự và giám sát vùng xung quanh. Sĩ quan và binh lính các đơn vị này không trực thuộc Trung Tâm, không được phép đi vào khu quân sự và không biết gì về nó cả.

Họ canh giữ một bí mật. Nhưng bí mật gì? - chính họ cũng không biết. Một trạm nguyên tử chẳng...?

- Thưa giáo sư, vì Chúa, xin ngài đừng hỏi gì tôi cả, - trung úy Troxdem nói. - Nếu như ngài chưa rõ... Tôi ở đây đã năm tháng và hiện cũng không biết gì hơn ngày đầu tiên tôi đến đây. Cái quỷ quái gì họ đang làm trên kia? Bí mật... bí mật... ở đây đâu đâu cũng rất là bí mật... Đúng là một ám ảnh! Thật dễ hiểu là mỗi người chúng tôi nghĩ ra một cách giải thích khác nhau, đưa ra những lời đoán định hoang đường nhất... Tôi chỉ nói một điều: ngài thật gặp may. Sau mấy giờ nữa ngài sẽ đến đó và sẽ được biết tất cả. Ngài sẽ đúng khi nói rằng người ta không tin tưởng chúng tôi, rằng công việc của chúng tôi là canh gác và không được xía mũi vào những nơi không cần thiết. Đúng là như thế thật. Nhưng ngồi ở đây, chỉ cách hai bước chân, mà chẳng biết mô tê ma quái gì hết, thì quả thật khó chịu - nó tác động lên thần kinh lắm. Ngài có thấy mồm đá kia không? Chỉ cần lên đó - ngọn đồi không cao lắm, đâu chưa đến một trăm mét - từ đó có thể nhìn thấy... Nhưng điều đó bị cấm, còn chúng tôi là quân nhân, sự tò mò chúng tôi phải trả giá đắt... - Troxdem cười một cách khó hiểu. - Nhưng dù sao... thêm vào đó... Tóm lại, tôi có bốn chục chàng lính. Không có dự bị. Hoàn toàn cách

biệt. Không một mống đàn bà nào. Và lại còn cái bí mật quân sự kia nữa. Đủ các thứ câu đố. Ít ra cũng nói cho biết chúng tôi ở đây làm gì! Khổ sai, không hơn... Nhưng dù sao... dù sao... ngài biết không, không một ai muốn đi khỏi đây cả. Buồn chết người, ngày nào cũng như ngày nào, đã quên mất con gái trông ra sao rồi... Đấy, chị chẳng hạn, thưa chị, - anh ta quay sang phía Eliza Ixmani, - tôi chẳng biết so sánh chị với cái gì nữa... Chị như tiên trên trời giáng xuống... Nhưng dù sao chúng tôi cũng thích ở đây. Tinh thần sảng khoái, ăn uống ngon miệng... Chị có thể giải thích điều đó được không? Tôi, thưa chị, vốn là một người thật thà... nhưng thưa với chị rằng... Nếu như đây là trạm nguyên tử, thì quả là một trạm kì lạ!

- Kì lạ?

- Những gì diễn ra ở đây quá ư là kì lạ...

- Thế diễn ra cái gì? Cái gì ? - Ixmani hồi hộp hỏi.

- Sao thế, trung úy, - Eliza chen vào, chị thấy chồng có vẻ hoảng hốt, - chẳng lẽ anh không phải giữ bí mật quân sự à? Sao anh lại thần nhiên kể ra tất cả những điều đó? Ai đảm bảo với anh là chúng tôi, chẳng hạn cả hai chúng tôi, không phải là gián điệp?

T'roxdem phá ra cười.

- Không, thật may là chúng tôi chẳng liên quan gì cả. Bí mật bắt đầu từ phía sau doanh trại này, còn chúng tôi ở bên ngoài... Chúng tôi chỉ còn thiếu cái bí mật đó nữa thôi! Và một khi chúng tôi tuyệt đối chẳng biết một tí gì, thì ít ra chúng tôi cũng tha hồ

nói về cái "chẳng biết một tí gì" đó chứ.

Eliza Ixmani hiểu rằng không thể dừng anh ta được. Viên trung úy nói, nói mãi không ngừng, tự mình cũng không tin rằng sau năm tháng dài đằng đẳng cuối cùng anh ta được nói, nói hết. Câu chuyện của anh ta rối rắm và nói chung khá hoang đường.

VI

Công việc xây dựng Trung Tâm, trung úy T'roxdem bắt đầu câu chuyện, được khởi sự khoảng mười năm trước đây. Tất cả những nẻo đường đến khu cao nguyên này bị phong tỏa và hàng trăm, có thể hàng ngàn công nhân, và chuyên gia được đưa đến đây, sống trong các khu lều trại. Bắt đầu đào đất, xây móng, và mọi người đều nghĩ là ở đây sẽ xây dựng đập thủy điện. Quả thực, một con đập với trạm thủy điện đã được xây xong, nhưng đồng thời cũng mọc lên những bức tường của một, thậm chí của nhiều công trình khác. Bắt đầu thi hành một sự bảo mật tuyệt đối, công nhân được tuyển từ các nhà máy và xí nghiệp quân sự, với thâm niên ít nhất năm năm. Các khu vực công trường được cách li hẳn với nhau, mỗi nơi một khu riêng biệt để không ai có thể biết về kế hoạch tổng thể.

Sau tám năm xây dựng, hầu như toàn bộ công nhân bị chuyển đi hết, chỉ để lại không đầy vài chục người. Một điều dễ hiểu: nếu đây là một nhà máy - nhà máy nguyên tử chẳng hạn - thì nó được vận hành theo cơ chế tự động, nhân công chỉ cần rất ít. Nhưng liệu đó có phải là nhà máy không? Theo ý kiến của Troxdem, ở phía trên kia được lắp đặt một khối lượng cực lớn các máy móc điện tử, nhưng là máy móc gì và để làm gì - anh ta không biết.

Sự yên tĩnh tiếp theo sau đó cho phép ước đoán rằng công trình đã xây dựng xong, hay ít ra công đoạn thiết kế quan trọng nhất đã được hoàn thành. Nhưng nhà máy đã bắt đầu hoạt động chưa? Điều đó thật đáng ngờ: số lượng xe tải lên xuống hết sức thưa thớt, nó chứng tỏ rằng sản phẩm xuất xưởng là rất ít hoặc hoàn toàn không có. Nhưng cũng có thể nguyên liệu được khai thác tại chỗ và sản phẩm xếp kho ngay tại đó. Theo một dự đoán khác thì nhà máy không sản xuất ra sản phẩm nào cả, mà có một chức năng hoàn toàn khác - một chức năng thật khó mà hình dung nổi.

Troxdem đã nhiều lần nói chuyện với các công nhân theo những nguyên nhân khác nhau đi lên trên đó hoặc từ trên đó xuống, nhưng từ những cuộc nói chuyện này ít khi rút ra được điều gì, thậm chí là hoàn toàn không rút ra được điều gì. Đám người này được huấn thị rất kĩ lưỡng và kín như bưng. Nhưng kể cả một số ít người không có thái độ nghiêm túc lắm đối với việc giữ bí mật, họ cũng hiểu biết mọi việc hết sức mơ hồ.

Chỉ có một chi tiết quan trọng Troxdem biết được, là: ngoại trừ cấp lãnh đạo và những chuyên gia kỹ thuật chủ chốt nhất, không một ai được tham dự vào công việc từ đầu đến cuối. Sau thời hạn nhiều nhất là hai năm, toàn bộ số nhân viên đều được thay đổi, cho nên không một ai trong số họ có thể có một ý niệm tổng thể về tính chất công việc ở đây.

Nhưng thú vị nhất, mặc dù không giải thích được, theo ý kiến của trung úy Troxdem, là một số tình huống và chi tiết liên quan trực tiếp đến đồn canh ở đường biên ngoài cùng của khu quân sự ba mươi sáu; chúng thú vị trước hết vì anh ta là nhân chứng sống. Anh ta kể lại như sau:

Các sĩ quan và binh lính bị tuyệt đối cấm vượt qua đường ranh giới và thâm nhập vào khu quân sự ba mươi sáu ở phía bên kia hàng rào dây thép gai được chằng kín thậm chí cả ở trên sườn của những vách đá dốc đứng. Họ có trách nhiệm báo cáo ngay về chỉ huy sở Trung Tâm theo máy bộ đàm cá nhân hay điện thoại khi có bất kì một người hay vật đáng ngờ nào xuất hiện, cũng như khi có bất kì một sự việc lớn nhỏ nào xảy ra. Thời gian gần đây những yêu cầu tăng cường cảnh giác từ trên đưa xuống đã thực sự trở nên ác mộng, dường như ở trên đó giờ phút nào cũng chờ có kẻ địch từ ngoài xâm nhập vào.

Nhưng có một điều thật lạ lùng. Cứ mỗi lần đội tuần tra hay trực gác phát hiện ra một ai đó - hầu hết là những người coi rừng hay dân săn bắn - và báo về bằng điện đài hay ba tiếng tù và làm tín hiệu, thì

bao giờ họ cũng bị chậm hơn, dù chỉ là mấy giây, một thông báo đúng như vậy từ sở chỉ huy chuyển xuống. Chẳng hạn từ Trung Tâm gửi lệnh xuống "Tăng cường quan sát khu vực bên phải, tọa độ 78 (toàn bộ địa bàn khu vực được chia ra thành các ô đánh số thứ tự) ở thung lũng Rio-Xprea". Và đó chính là nơi mấy người lính vừa phát hiện ra một kẻ lạ mặt.

Trong một số trường hợp thông báo từ trên đưa xuống còn chính xác hơn: "Có hai người lạ mặt đang đi dưới chân mỏm đá ở tọa độ X. Chú ý theo dõi". Đôi khi lính gác còn chưa thấy gì cả.

T'roxdem tự hỏi: như thế là thế nào? Chẳng lẽ có ai đó vô hình đang kiểm soát họ, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và nhắc nhở các đồn gác phải thường xuyên bảo đảm sự chuẩn xác và cảnh giác? Nhưng là ai? Và từ đâu? Bởi vì mọi người trong đồn không bao giờ thấy một ai khác ở trong khu vực, và trên sườn các núi đá dựng quanh đó cũng không thấy bóng dáng của các đội tuần tra nào khác. Có thể nghĩ rằng trên Trung Tâm có phù thủy chăng?

- Nhưng tự mất anh, trung úy, - lxmani vẫn chưa thôi, - anh có thấy các công trình ở trên kia không?

- Không lần nào. Tôi đã nói là người của đồn gác chúng tôi không được phép đến gần đó. Chúng tôi chỉ thấy núi và rừng. May ra từ thung lũng Thiên Thần, cách đấy chừng cây số, là có thể nhìn thấy một cái gì đó.

- Cụ thể là cái gì?

- Ai biết được... Một phần tường. Không có cửa lớn,

cửa sổ. Phía trong tường là một dàn ăng ten cao, giống như tháp thu phát sóng. Phía trên là một khối tròn nào đó.

- Khối tròn?

- Vâng. Có người nói là thấy nó chuyển động.

- Chuyển động như thế nào?

- Quay quanh trục của nó.

- Để làm gì?

- Ngài hỏi tôi ấy à? Đó là một câu đố. Ở đây tất cả xung quanh đều là những câu đố đáng nguyên rủa. Và chẳng hiểu để làm cái gì.

- Thế anh không nghĩ ở đó là một trung tâm nguyên tử à?

- Tôi đã nói rồi. Trong chừng mực một thằng dốt nát như tôi có thể luận được... Nếu như đây là một trung tâm nguyên tử, thì phải có nhiều xe tải đủ loại đi qua chỗ chúng tôi. Và sau đó...

- Thế việc vận chuyển, - Ixmani hỏi, - chỉ đi qua một đường này thôi à?

- Để chở hàng còn có đường cáp treo, nhưng chúng tôi có thể nhìn thấy các toa có chở hàng hay không, - thiếu úy Picco chợt lên tiếng, từ nãy giờ anh ngồi một mình ở bàn bên cạnh lắng nghe câu chuyện của họ. - Tốt nhất là anh kể về cái giọng nói...

T'roxdem nhún vai.

- Đừng nghe, thưa giáo sư. Và tôi cũng không tin. Theo tôi đó là chuyện cổ tích. Nhiều người trong số lính chúng tôi khẳng định rằng có nghe thấy một

giọng nói nào đó. Và hình như giọng nói đó không giống giọng đàn ông.

- Nó ở trên kia?

- Vâng.

- Thế nó nói gì?

- Không ai hiểu gì cả. Nhiều người cho rằng đó là tiếng nước ngoài nên không hiểu. Một số khác thì cho là tại khoảng cách quá xa. Riêng cá nhân tôi thì chưa nghe thấy bao giờ.

Ixmani quay sang phía thiếu úy Picco:

- Thế còn anh?

- Tôi... Tôi cảm thấy như nghe được mấy lần... Nhưng thật sự tôi không dám chắc.

- Các ngài thấy chưa? - Troxdem kết luận. - Hễ cứ bắt đầu tìm hiểu nghiêm túc là y như biến mất tăm. Ai ai cũng đồn đại, thề thốt rằng đấy là sự thật trăm phần trăm nhưng không ai dám nói: áy, chính tôi đã được nghe vào ngày này, giờ này. Tưởng tượng, đơn thuần là tưởng tượng, - và cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên: xung quanh bất kì một bí mật nào cũng có đủ các thứ tin đồn thổi vô lối, hết như trong chiến tranh.

- Thế sao anh không kể về chuyện những con chó? - Picco nói ngang. - Chính anh đã nhìn thấy mà.

- Về những con chó? - Ixmani tò mò hỏi lại.

- Vâng. Một trong vô số những hiện tượng không thể giải thích - Troxdem đáp.

- Về những con chó các anh nuôi ở đây?

- Đã nuôi trước đây. Hết như hai con sói. Nhưng không dùng được cho tác chiến. Vừa mới đưa đến đây chúng đã tỏ ra bị kích động một cách khó hiểu.

- Sữa?

- Không, điều lạ lùng nhất là chúng lại không sữa. Chúng tru. Và chạy xô lên trên kia.

- Trên kia nào?

- Ai mà biết được. Lên các mỏm đá, trên kia... Tóm lại, phải trả chúng về.

- Chỉ có lần đó hay những con chó khác cũng thế?

- Với tất cả bọn chúng đều xảy ra một chuyện gì đó. Thậm chí với con cáo mà có lần Int'rosi mang lên đây, nó cũng hướng về phía những mỏm đá mà rú như phát cuồng lên.

Vừa lúc đó nghe có tiếng động cơ ô tô. Có vẻ như chiếc xe đang leo lên quãng dốc cuối cùng. Mọi người nhìn ra cửa sổ. Chiếc xe hơi chở phu nhân Xt'robele đang tiến đến gần doanh trại.

VII

Olga Xt'robele mang đến theo mình niềm vui và nhựa sống. Đó là một thiếu phụ chừng hai mươi tám

tuổi, người cân đối, tóc hung, da trắng với những nốt tàn nhang, mắt hạnh nhân, môi dày mọng đầy khêu gợi và đông đánh. Vẻ mặt tươi vui, ranh mãnh, tự tin, lưng thon, đôi chân rắn chắc. Một phụ nữ đẹp đầy cá tính. Những phụ nữ như vậy thường khiến đàn ông quay lại nhìn theo.

Vừa trông thấy Ixmani, chị ta đã hỏi ngay:

- Xin lỗi, có phải anh đã từng dạy - tôi nói là khoảng mười một năm trước đây - ở trường trung học Tomazeo không?

- Có. Nhưng làm sao chị biết? Tôi đã dạy đại số bốn năm ở trường đó.

- Ôi hủi quá... Nào anh nhìn kĩ lại xem. Mặt em chẳng nói gì với anh cả sao?

- Vâng, có lẽ... Tôi nhớ mặt kém lắm... hơn nữa phụ nữ các chị mỗi năm một...

- Olga Cottini - anh nhớ ra chưa? X bằng hai bình phương... Anh đã đánh em trượt vỏ chuối và bây giờ không thèm nhớ... Rồi anh thấy, em sẽ trả thù...

- Nếu như tôi biết... giá như tôi có thể đoán trước... - Ixmani đỏ mặt ấp úng.

- Thôi ta giảng hoà, em tha thứ cho anh, - Olga ôm hôn anh vào hai bên má. Rồi chị ta quay sang Eliza. - Xin lỗi chị nhé. Jancarlo suốt đời gọi tôi là một ả hoang dại... Nhưng chị thấy không, được gặp lại một ông thầy đã đánh mình hỏng thi! Mà nơi gặp lại là ở đây!.. Ôi, tôi đã căm thù anh chồng của chị biết mấy! Tôi đã nguyện rửa anh ta! Đừng cãi, thưa giáo sư,

trên phòng thi anh thật là đáng ghét... Không thể như thế với em được... Nhưng em sẽ trả thù, em thể...

Eliza Ixmani hoàn toàn không tức giận. Thậm chí chị còn cảm thấy thú vị khi biết người đàn bà vui vẻ, sôi nổi này sẽ cùng đi với họ. Một tác nhân lạc quan đối với chồng chị. Tuyệt nhiên không có chút ghen tuông nào mặc dù không thể nghi ngờ là đàn ông rất thích Olga Xt'robele. Lòng tin của chị vào ông chồng Ermann quá lớn.

Chị hỏi Olga:

- Chị lập gia đình lâu chưa?

- Gần được ba tháng.

- Anh chị sống ở trên kia à?

- Không, em đến đây lần đầu. Chị biết không, hiện giờ việc lấy chồng chưa mang lại cho em niềm vui nào cả. Vừa cưới nhau, đi du lịch trắng mắt được mười ngày ngắn ngủi, là chàng Tự Điển của em bỏ em bơ vơ như một mụ góa sống.

- Chàng Tự Điển?

- À, chị đừng để ý. Em đùa đấy mà. Anh ấy suốt đời ngựa ngáy tìm cách giải thích mọi chuyện. Vì vậy mà có tên là chàng Tự Điển. Tóm lại, sau một tuần anh ấy bỏ em lên đây. Công việc cấp bách, tuyệt mật mà! Đã mười năm rồi làm việc ở trên đó, ở Trung Tâm, mà chưa chán. Thế là em phải chạy theo anh ấy đến đây.

- Thì bây giờ anh chị sẽ gặp nhau.

- Em sẽ ở đó khoảng hai chục ngày, nhiều nhất là

một tháng. Rồi chúng em sẽ cùng nhau về nhà. Anh ấy bảo, công việc của anh ấy đã gần xong.

- Công việc nào? - Ixmani đánh bạo hỏi.

- Ôi, điều đó thì em chẳng biết gì hết.

- Một xí nghiệp có lẽ là khổng lồ.

- Xí nghiệp nào?

- Ở trên kia ấy.

- Sao? Anh chưa lên đấy bao giờ à, thưa giáo sư? -

Olga hơi nghiêng đầu nhìn anh như thăm dò một sự gài bẫy nào đó. - Anh chưa lên đấy lần nào sao?

- Chưa lần nào.

Ixmani nóng lòng muốn biết rõ hơn, nhưng anh biết rằng trước mặt T'roxdem và Picco không nên hỏi những câu khiếm nhã.

Bóng chiều đã ngả khi vợ chồng Ixmani và Olga X'trobele ngồi vào chiếc xe từ Trung Tâm xuống đón. Một người lính ngồi sau tay lái. Họ tạm biệt T'roxdem, gửi lại cho anh ta những chiếc va li lớn (anh ta hứa hôm sau sẽ chuyển lên theo một chiếc xe khác), rồi lên đường đi về phía cao nguyên.

Rời khỏi trạm kiểm soát thường trực, con đường lập tức chạy thẳng lên dốc núi. Trời đã gần tối, thêm vào đó, tầm nhìn lại bị hạn chế bởi sương mù.

Họ bỗng bất ngờ đụng phải một bức tường đá cao màu vàng dựng đứng.

Trong bóng tối nhập nhoạng Ixmani không nhận ra ngay những cánh cổng sắt lớn nằm trong bức tường đá, cùng trên một mặt phẳng với bề mặt của

nó. Rồi anh nhìn thấy từ hai phía phải và trái của cánh cổng những dãy hàng rào thép gai ba hoặc bốn lớp chạy dài xuôi theo chỗ có độ dốc nhỏ hơn. Và những vật thể khối tròn nhô ra, có lẽ là những giá sứ cách điện, nó chứng tỏ ở đó có dòng điện cao thế chạy qua.

Không một bóng người. Không khí ẩm ướt lạnh lẽo khiến cho khung cảnh đặc biệt hoang sơ và cô liêu. Lái xe nói:

- Phải đợi mất mấy phút. Khi tôi đi xuống người ta đang dọn đường hầm. Có một đồng chất thải.

- Anh đã báo về là chúng ta đang ở đây chưa? - Eliza Ixmani hỏi.

- Không cần, - người lái xe đáp. - Họ đã biết rồi.

- Bằng cách nào?

Người lái xe chăm chú nhìn chị, không biết có nên trả lời hay không. Rồi có vẻ như tin tưởng chị, anh ta im lặng đưa ngón tay trở lên cánh cổng sắt, nơi đó có thể nhận thấy lõm mờ một hình vuông nhỏ.

Eliza im bật. Một ống kính quang học, hay một camera truyền hình, hay một cái quái quỷ gì đó nữa.

- Tôi xuống đi dạo một lát, - Olga Xt'robele nói, - chân bị tê mất rồi.

- Tôi cũng vậy, - Ixmani tiếp lời, bị kích thích bởi sự tò mò.

Họ đi khoảng mười mét xuôi theo con đường dẫn xuống mép vực. Sương mù không cho phép đánh giá độ sâu của vực. Chỉ thấy lõm mờ những khối đá ngang

nhô ra và những ngọn thông mọc bám vào những chỗ khó hình dung nhất. Ixmani cảm thấy một cảm giác khoan khoái anh chưa từng biết trước đó khi Olga Xt'robele khoác tay anh - người đàn bà này có lẽ biết khêu gợi lên những ham muốn điên cuồng nhất. Anh ngửi thấy mùi nước hoa của chị ta hòa lẫn với mùi sương chiều, mùi hơi ẩm và nhựa cây, chưa bao giờ anh được hít thở một mùi hương kì diệu như vậy.

Olga im lặng, dường như cố ý đợi anh lên tiếng trước, và tận hưởng sự bối rối của người đàn ông. Ixmani ngoái nhìn lại - trong bóng tối ập xuống chiếc xe gần như không còn nhìn thấy nữa.

- Đây Olga, - cuối cùng anh nói, - ở đây không ai nghe thấy chúng ta cả. Hãy khai sáng cho tôi đi. Có thể biết được người ta làm cái gì ở trên đó, ở Trung Tâm không?

- Thưa giáo sư, - người bạn đường của anh cười cợt đáp, - một lần anh đã cho em trượt thi, bây giờ lại định giỡn em sao?

- Nào, Olga, cô phải biết là anh nhà làm gì chứ?

Chị ta bật lên một tiếng cười có vẻ lạ lùng trong khung cảnh xung quanh.

- Anh nhà em? Nhưng mà anh cũng phải biết chứ? Nếu như giáo sư được cử đến Trung Tâm thì anh phải nắm được tình hình chứ, có phải vậy không, anh?

- Ô không, tất nhiên. Tôi không biết gì hết. Người ta không nói gì với tôi cả.

- Ai không nói?

- Ở trên Bộ.

- Mặc dù anh đã đồng ý đi đến đây?
- Như cô thấy đấy. Nhưng toàn bộ sự bí mật đó không phải dành cho tôi. Tôi muốn...

- Em biết còn ít hơn anh.

- Nhưng chẳng lẽ anh ấy không giải thích gì với cô ư? Không kể về cái Trung Tâm bí ẩn này sao? Anh ấy phải nói gì với cô chứ? Ít ra là ít nhiều liên quan đến...

Trong lòng Ixmani cảm thấy một nỗi lo lắng cứ lớn dần, cảm thấy mình quá bé nhỏ trước một cái gì đó to lớn đầy đe dọa. Cái cảm giác lo lắng như vậy anh đã từng cảm thấy ngoài mặt trận.

- Tội nghiệp, em tội nghiệp quá! Em lại bị trượt thi lần nữa rồi - không trả lời được câu hỏi của anh.

- Thế còn cái gì ở đây? Nhà máy à?

- Em không biết. Jancarlo có nói về một trạm thí nghiệm nào đó.

- Trạm thí nghiệm nào? Hóa học à?

Họ nghe tiếng còi ô tô gọi.

- Thưa giáo sư, người ta gọi chúng ta đấy. Vâng ời, mở cửa ra và núi sẽ mở lối... Nếu như, tất nhiên, nó thích thế. Ta đi chứ anh?

Olga ném điếu thuốc đang hút dở. Đóm lửa bay xuống vực và lặng lẽ chìm vào màn sương.

Họ quay về phía xe. Người đàn bà đi gần như chạy.

- Sao vậy, - Ixmani hỏi, cố theo kịp bước, - sao cô chẳng nói gì với tôi cả thế?

Chị ta dường như không nghe thấy.

VIII

Khi họ đến nơi, trời đã tối hẳn và đổ mưa. Ô tô bò theo con đường hầm trong núi. Rồi hầm rộng dần ra, đến kích thước một quảng trường, và họ thấy mình đứng trước bốn cánh cổng bị chắn kín bằng những tấm màn kim loại. Bỗng tất cả chìm vào trong bóng tối dày đặc: đèn trần và đèn pha ô tô đã bị tắt.

- Chuyện gì thế? - Ixmani lo lắng hỏi.

- Không có gì đặc biệt cả, thưa giáo sư. Chỉ mấy giây thôi, - người lái xe đáp.

Trong bóng tối nghe rõ tiếng tấm kim loại được nâng lên. Nhưng tấm nào trong bốn tấm? Tiếp đó không bật đèn pha, có lẽ định hướng theo chấm đỏ hiện ra trên bảng chỉ dẫn, tài xế cho xe chậm chạp rời chỗ.

Phía sau có tiếng tấm màn kim loại hạ xuống. Đèn được bật lên.

Họ tiếp tục lên dốc. Bây giờ đường hầm đi theo vòng xoáy cho đến khi họ gặp một quảng trường ngầm khác, nhưng bây giờ chỉ có ba cánh cổng. Lại thủ tục với đèn xe như trước. Xung quanh vẫn không một bóng người.

Lại đi tiếp khoảng bốn trăm mét, theo như Ixmani ước đoán. Rồi cuối cùng họ chạy ra một bãi trống lộ thiên - có lẽ là trên mặt cao nguyên.

Bên cạnh là một ngôi nhà thấp, trống trơn, giống

như trại lính, với mấy khung cửa sổ nhỏ được chiếu sáng.

Vừa ra khỏi xe Ixmani đã đưa mắt nhìn quanh, hi vọng trông thấy một cái gì đó. Nhưng ngoài cánh cửa dẫn vào trạm gác, tất cả xung quanh đều chìm trong bóng tối. Thực ra, anh cũng nhìn thấy hai bên của ngôi nhà kì lạ kia một bức tường cao gần bốn mét chạy hướng ra xa mất hút trong bóng đêm. Có lẽ đó là vành đai bảo vệ cuối cùng. Liên lúc ấy một người đàn ông khoảng bốn chục tuổi hiện ra vẫy tay chào - đó là kĩ sư Jancarlo Xt'robele.

Jancarlo Xt'robele là một người thông minh, đáng vẻ hào hoa và rất tự tin. Giáo sư Ixmani trước đó chưa hề quen biết với anh ta, và anh ngạc nhiên một cách khó chịu trước vẻ cao ngạo gần như là vĩ cuồng của con người này.

Tiếp đó là ôm hôn vợ và thủ tục làm quen thân mật với vợ chồng Ixmani ngay trên ngưỡng cửa. Rồi tất cả bước vào ngôi nhà nhỏ giống như phòng thường trực của một nhà máy.

Sau khi đi qua một hành lang ngắn - Xt'robele dẫn lối - họ lại ra ngoài trời. Ở đây xe ô tô, đã kịp đi theo cổng bên vòng qua ngôi nhà, đang đợi họ. Ở nơi cao hơn, cách đây khoảng vài trăm mét, có ánh đèn: hình như đó là nhà ở.

Mưa không ngớt. Đèn pha của chiếc xe leo theo đường ngược dốc lồi ra từ trong bóng tối khi thì một mảng tường đá khi thì những khóm thông hoặc bá hương. Ánh đèn phía trước mỗi lúc một gần.

- Đến rồi, - Xt'robele nói khi họ dừng lại ở cửa vào

một biệt thự nhỏ nhưng có vẻ rất tiện nghi. - Đây sẽ là nơi ở của anh chị. Tôi ở đằng kia, - anh ta chỉ một ngôi biệt thự khác nằm ở chỗ thấp hơn. - Còn ở phía trên, trong ngôi nhà kia, là sếp chúng ta, Endriad. Tầng hai là của thiếu tá Mirti, thanh tra Bộ Chiến Tranh. Anh chị thu xếp tạm. Có vẻ hơi lạnh. Hi vọng là lò sưởi đã được đốt lên. Giúp việc nhà cho chị Eliza sẽ là một cô gái tuyệt vời, cô ta cũng là người giúp việc của Aloizi. Anh biết ông ấy chứ, anh Ixmani?

- Ai? Aloizi ấy à?

- Thực ra, ai mà chả biết ông ấy! Ông ấy sống ở đây đã mười năm. Một con người xuất chúng. Mọi người chưa ai được nghe về những phát minh của ông ấy, nhưng sẽ đến một ngày... ông ấy vừa chết hai tháng trước.

- Chết ở đây?

- Aloizi rất mê đi săn và thường một mình lang thang trong núi. Và một chiều tối không thấy ông ấy trở về. Chúng tôi tìm thấy ông ấy sau ba ngày. Lăn xuống vách đá. Đối với chúng tôi đây là một thảm họa về mọi mặt. Những gì ít ỏi được xây lên ở đây, ở Trung Tâm này... - X'trobele mỉm cười đầy hàm ý, - chúng tôi nhờ công của Aloizi ít ra là năm mươi phần trăm. Nếu tai họa đó xảy ra ba bốn năm trước, tôi với Endriad có thể đã kết thúc.. có thể đã thực hiện được cái mà...

- Thế nghĩa là tôi... - Ixmani bối rối hỏi, - nghĩa là tôi sẽ... người ta gửi tôi đến... Tóm lại, tôi sẽ kế tục ông ấy?

- Không, không. Tôi không nghĩ thế. Cùng ra thì

anh sẽ phải thay thế một người khác, nếu đã là như vậy, - tức là tôi:

- Anh? Để làm gì. Chẳng lẽ anh sẽ đi khỏi đây?

- Không ngay lập tức. Sau tháng rưỡi, hai tháng nữa. Ôn Chúa, tổ hợp... nếu có thể diễn đạt như thế... tổ hợp công việc của tôi thực tế đã hoàn thành... Đây là phòng khách, kia là phòng làm việc nhỏ, phía bên kia lại một phòng làm việc nữa, tiếp đó là bếp. Buồng ngủ ở tầng hai. Nhìn chung, hãy tin lời cựu dân ở đây, những ngôi nhà này được xây khá tốt. Điều bất tiện duy nhất - nhưng với tôi thì không sao - là cầu thang gỗ được đặt theo kiểu Anh gần như ở ngay giữa phòng khách. Và buồng ngủ thì một số người muốn tách biệt hoàn toàn với những phòng khác. Tiếng động nghe quá rõ cũng gây khó chịu. Cánh cửa có vẻ chắc chắn, dày dặn, nhưng hễ ở dưới nhà mở đài thì ở tầng trên cũng nghe rõ. Nhưng tôi nghĩ hai anh chị sẽ không vướng víu nhau, và Juxtina cũng sẽ không làm phiền anh chị, anh chị sẽ không nhận thấy cô ta đâu, cô ta đi lại nhẹ nhàng như một con mèo... cô ta đây rồi.

IX

Ixmani gặp Endriad và bà vợ của ông rất sớm, ngay trong bữa tối tại nhà Xt'robele. Anh chỉ còn nhớ

lờ mờ lẫn lộn quen thoảng qua với Endriad ở một cuộc hội nghị nào đó. Bây giờ ông đã là một người hoàn toàn khác. Trịnh trọng, bệ vệ, trông ông như một nhà tiên tri, như người được giải Nobel, tự tin vào sự vượt trội trí tuệ của mình đến mức lộ cả ra ở dáng vẻ bên ngoài. Ăn mặc cầu thả, mớ tóc bạc lờm chờm, mũi to, nói năng sôi nổi và bóng bẩy. Trông qua khoảng năm mươi lăm tuổi. Và hoàn toàn đối ngược với ông là bà vợ, một phụ nữ cũng ở tuổi ngũ tuần, khiêm tốn, dịu dàng, ít nói và hơi buồn.

Trước một nhân vật chói sáng và quyền uy như thế Ermann Ixmani cảm thấy mình đúng là con số không. Nhưng anh quyết định thu hết can đảm, vì nóng lòng muốn biết được dù là một điều gì đó. Cái bí mật đáng nguyên rủa, vì nó mà tay Jackinto ở Bộ, đại úy Vext'ro, trung úy Troxdem, và cuối cùng là Jancarlo Xt'robele trong lần làm quen chớp nhoáng đầu tiên đã im lặng về mục đích chuyến đi của anh tới đây, cái bí mật đó đã đến độ phi lí, dường như người ta đang họp nhau trong một âm mưu nào đó chống lại anh.

- Các anh sẽ cười, - Ixmani nóng nảy lên tiếng, khi mọi người vừa mới ngồi vào bàn, mặc dù biết rằng cung cách xử sự như vậy sẽ đặt anh vào một thế khó xử trước các đồng nghiệp, - nhưng tôi ở đây dường như không hợp luật lắm...

Xt'robele: Không hợp luật? Sao, giấy tờ của anh không ổn à?

Ixmani: Không hợp luật... Người ngoài cuộc... Tôi muốn nói rằng đến bây giờ tôi chẳng biết gì cả. Không biết tí gì.

Xt'robele: Thế anh muốn biết gì?

Ixmani: Về việc tôi phải làm gì và nói chung các anh đang làm gì ở đây.

Xt'robele: Chẳng lẽ ở Bộ người ta không giải thích gì với anh sao?

Ixmani: Không giải thích gì cả.

Endriad: Lạ lùng thật. Đúng là quái gở! Chẳng phải là vô nghĩa tất cả những biện pháp mà Jakinto và đồng bọn nghĩ ra ư? Tôi hiểu - bí mật, nhưng tất cả phải có giới hạn chứ! Nhưng này Ixmani, anh thử nói anh hình dung việc này ra sao? Anh cũng đoán ra một cái gì chứ? Cứ cho là vì tò mò, đúng không?

Ixmani: Ngay từ đầu tôi nghĩ đây là một trung tâm nguyên tử. Nhưng theo một số dấu hiệu...

Endriad: Không có nguyên tử nguyên tiêc nào hết, ơn chúa! Ở đây yên tĩnh hơn nhiều, nhưng đồng thời cũng nguy hiểm hơn nhiều, phải thế không Xt'robele?

Xt'robele: Nguy hiểm hơn? Tôi không nghĩ như vậy.

Eliza Ixmani: Thế đấy. Các anh không hoàn toàn cởi mở. Có thể phụ nữ chúng tôi làm phiền các anh?

Endriad: (sôi nổi hẳn lên). Thế còn chị Eliza, chị hình dung sự thể ra sao?

Eliza Ixmani: Tôi ấy à? Không ra sao cả. Thậm chí tôi không có một chút khái niệm nào.

Endriad: Thế còn chị Olga?

Olga thần nhiên đưa tay vuốt dọc theo đường xẻ táo bạo trên ngực áo của mình:

- Xét theo những gì các anh nói, hay chính xác

hơn, những gì các anh không nói, tôi sợ rằng ít có điều gì vui vẻ.

Xt'robele: Olga!

Olga: Em nói có gì không đúng sao? Một khi các anh đã tạo ra một sự bí mật như thế thì có nghĩa là việc nghiêm túc, mà trên đời không có gì đáng ngăn hơn là những việc nghiêm túc. Giá như không có chúng thì tốt hơn biết mấy. Bác học các anh đều là những người thông minh, nhưng hễ cứ bắt đầu làm một cái gì nghiêm túc là trở nên chán ngắt...

Endriad: Chị nói đúng. Nhưng còn có hi vọng. Chúng ta còn chưa biết là ở đây có nghiêm túc hay không.

Ông lắng nghe rồi nói bằng giọng thay đổi hẳn.

- Lạy Chúa, đúng là hồng thủy!

Quả thật, ngoài trời tiếng mưa xối xả hợp với tiếng sấm xa rền rĩ. Endriad khó chịu thu người lại.

Olga: Giáo sư, ngài sợ à?

Endriad: Thú thật, tôi cũng không biết nữa.

Eliza: Nhưng tôi thấy các anh tránh những câu trả lời thẳng.

Endriad: Thưa chị, ở đây là một trạm thí nghiệm, có thể nói, đặc biệt. Tôi nói thế chính xác không, Xt'robele?

Xt'robele: Chính xác.

Endriad: Đồng thời, trên cao nguyên này còn có... một cái gì đó... giống như công trường sàng lọc các khả năng trí tuệ.. một loại sân vận động... với thiết bị

siêu hiện đại. Theo tôi, tôi diễn đạt chính xác chứ, đúng không anh Xt'robele?

- Không thể chính xác hơn.

- Anh đã thỏa mãn chưa, Ixmani?

Vì hồi hộp nên không hiểu câu đùa, Ixmani căng thẳng thốt lên:

- Không, dù sao tôi vẫn không hiểu gì cả.

Endriad phá lên cười:

- Anh hoàn toàn đúng, Ixmani. Xin lỗi, tôi thích đùa. Đôi lúc. Xin lỗi. Xt'robele, anh hãy giải thích tất cả những gì cần thiết, anh là một nhà sư phạm bẩm sinh.

Xt'robele háng giọng với vẻ thỏa mãn lộ rõ.

- Thưa anh Ixmani quý mến, anh đang ở Trại Thí Nghiệm của khu quân sự ba mươi sáu - đó là tên gọi chính thức, mặc dù không chính xác lắm...

Olga gõ dao ba lần lên miệng cốc. Chị ta có vẻ bức bối (mà có thể lại là một trò mới của chị ta?). Mọi người im lặng.

- Xin lỗi, - Olga nói với nụ cười khó chịu. - Mặc dù thế này có vẻ bất lịch sự, nhưng em buộc phải sử dụng quyền của em với tư cách chủ nhà.

- Quyền nào ở đây thế? - người chồng bối rối hỏi.

- Em xin các anh...

- Chẳng lẽ, - Endriad ngắt lời chị ta, ngấm nghĩa áo khoác của mình như thể tìm vết bẩn, - chẳng lẽ tôi nói hay làm một cái gì đó không phải?

- Em chỉ xin các anh một điều: thay đổi đề tài câu chuyện.

- Nhưng tại sao? - Xt'robele phản đối, thấy mình mất dịp trở tài đọc bài giảng.

- Tại sao ấy à? Lần khác em sẽ giải thích tại sao.

- Một biện pháp khá đáng kể...

- Ôi, chỉ sao cho đừng phải nhìn thấy những bộ mặt thuần ra, như vậy chẳng mất gì cả.

- Chị Olga! - Ixmani thốt lên, cảm thấy quá sốt ruột, - tôi không giấu là tôi rất muốn...

- Biết người ta làm gì ở đây, tại Trung Tâm này, và vân vân, phải thế không, thưa giáo sư quý mến? Nhưng anh lo lắng như vậy để làm gì? Anh đang ở giữa bạn bè mà...

- Chính vì vậy mà tôi...

- Nghĩa là em phải nhượng bộ anh phải không? Nhường anh? Thế anh quên là nợ thì phải trả à? Và em có quyền cuối cùng yêu cầu anh phải trả...

- Lạy Chúa, tôi nghĩ đã bao nhiêu năm rồi... - Ixmani lẩm bẩm, anh đã đánh mất hết mọi khả năng hài hước. Và bỗng nhiên anh lắng nghe. - Cái gì thế? Các anh chị có nghe thấy gì không?

- Mưa. Tiếng mưa ấy mà.

- Tôi nghe như có tiếng chuông.

- Tiếng chuông? - Endriad hỏi lại với vẻ giễu cợt. - Ở đây chúng tôi không có chuông.

Đó là một âm thanh trầm, nhẹ nhưng đồng thời sâu lắng, dường như có một tấm kim loại mỏng đang rung ngân trong khe núi ở nơi nào đó rất xa vắng lại.

- Tôi cũng nghe thấy, - Eliza Ixmani nói.

Mọi người im lặng lắng nghe một lúc. Âm thanh biến mất.

- Kì lạ, - Xt'robele nói, - tôi chẳng nghe thấy gì cả.

Endriad quay sang hỏi Ixmani:

- Anh có biết Aloizi không?

- Không.

- Ông ấy cũng nói là ban đêm... - Endriad ngừng lại căng thẳng, rồi dường như thở ra nhẹ nhõm, quay sang Eliza Ixmani, nói khê vào tai chị nhưng để tất cả mọi người đều nghe thấy: - Ông ấy là một thiên tài.

- Sao, và ông ấy? - Olga hỏi với vẻ giễu cợt.

- Đương nhiên, - Endriad đáp, dường như câu chuyện đang nói về một việc gì đó hoàn toàn tự nhiên. - Ông ấy cũng nói là ban đêm ông ấy nghe thấy những âm thanh kì lạ. Nhưng tôi không tin ông ấy, tôi không bao giờ tin vào những ý tưởng ám ảnh ấy, và bây giờ anh lại nghe tiếng chuông, nhưng tôi không tin, không có chuông nào cả, có lẽ đấy chỉ là những âm thanh tưởng tượng mà con người nghe thấy khi thay đổi độ cao một cách đột ngột, như hôm nay xảy ra với anh vậy, Ixmani ạ. Nhưng dù sao, - đến đây giọng ông trở nên căng thẳng, - nhưng dù sao chúng ta cũng phải thường xuyên sẵn sàng, không để mất cảnh giác, trước đây tôi không đặc biệt lo lắng: có bảo vệ, việc kiểm tra cực kì nghiêm ngặt, bộ máy theo dõi hoàn hảo đến mức không thể mơ ước hơn, nhưng tôi cảm thấy chúng, chúng ở đâu đây bên cạnh, xung quanh, ngày đêm gặm nhấm như chuột, sẽ gặm ra một con đường, không phải ai cũng đốt nát như bọn ngỗng trên Bộ, ở đó họ nghĩ rằng tại đây chúng ta chỉ ngồi chơi, ăn phí bánh mì

nhà nước, nhưng cũng đã có ai đó hiểu ra, hay ít nhất là cũng đoán ra, và lo sợ, và bây giờ sẵn sàng làm tất cả, tất cả mọi chuyện để phá hủy cái bộ... cái công...

- Công trình của chúng ta, - Xt'robele nhắc.

- Công trình của chúng ta. Bởi vì cái mà chúng tôi dựng lên, đạt được, chỉ có ba người chúng tôi biết, và từ ngày mai, cùng với anh nữa sẽ là bốn, và không một ai trên thế giới này biết về cái đó, nhưng chúng có thể đoán ra một cái gì đấy và bây giờ chúng sợ. Tôi lấy đầu tôi ra bảo đảm rằng, dù mới ở những nét chung nhất, nhưng chúng đã dò được, chúng đã nhận thức được một sự thực khủng khiếp: nếu như chúng ta ở đây đạt được điều đã dự định, thì chúng ta... - và ông dấm mạnh tay xuống mặt bàn khiến những chiếc đĩa nảy bật lên.

- Anh Endriad! - Xt'robele kêu lên, nhắc Endriad giữ bình tĩnh.

- ... chúng ta sẽ làm chủ toàn thế giới!

X

Phải đến gần nửa đêm Ermann và Eliza Ixmani mới chào tạm biệt gia đình Xt'robele ra về. Họ một mỗi đi bộ dưới trời mưa như trút về ngôi biệt thự của

mình. Hai người đi cùng đường với Endriad và vợ - nhà của họ ở xa hơn một chút.

Justina, sau khi làm xong mọi việc trong nhà, đã đi ngủ.

Mặc dù kiệt sức sau chuyến đi dài, nhưng giấc ngủ của họ dường như biến đi đâu mất. Ixmani bị kích động bởi nơi ở lạ lẫm này, bởi những con người mới gặp, bởi sự khao khát muốn biết ngay tất cả mọi chuyện, và bởi cả bầu không khí trong lành miền núi. Trái với sự chờ đợi, thay vì cảm giác căng thẳng khó chịu, anh cảm thấy khắp thân thể một sự nhẹ nhõm khoan khoái, điều này nói thật ra anh rất ít khi được nếm trải. Anh muốn đi đâu đó, đùa nghịch, cười nói.

- Eliza, em hình như vào buổi tối vui hơn phải không?

- Đúng thế. Có lẽ vì không khí vùng núi này. Em có cảm giác như mình là một đứa bé.

Ngôi biệt thự được bài trí theo lối thôn quê rất ấm cúng và sạch sẽ. Dường như trước đó chưa có ai sống ở đây cả. Dù có cố đến mấy, Ixmani cũng không thể tìm ra một vật, một dấu vết nào chỉ ra rằng Aloizi đã từng ở trong ngôi nhà này. Thậm chí những cuốn sách xếp đầy tủ cũng không gợi đến tính cách chủ nhân của chúng. Các công trình khoa học bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, phần lớn là điện tử học, nhưng hình như chúng ngẫu nhiên lạc vào đây, đứng chen lẫn với những tiểu thuyết trinh thám, điểm tình và lịch sử, với những tập chuyên luận. Thậm chí có cả sách nấu ăn. Những cái đó không có vẻ gì là tủ sách của một thiên tài.

Những đồ vật riêng của Aloizi cũng đã được mang ra khỏi nhà. Không một tờ giấy, một tấm ảnh, hay hộp xì gà, kim găm - không có gì có thể gợi nhớ đến người đã khuất.

Cuối cùng anh cũng lên buồng ngủ. Vốn không bao giờ có thể ngủ được trong bóng tối hoàn toàn, việc đầu tiên của Ixmani là nghiêng cửa sổ. Đúng thế, các cánh cửa gần như đóng chặt. Anh mở ra một cánh.

Và Ixmani sững sốt lặng người đi. Chỉ sau mấy phút mưa đã ngớt, bầu trời mở rộng đến vô cùng, và một ánh trắng sáng đến khác thường chiếu rọi khắp không gian.

- Em nhìn xem kìa, Eliza!

Hai người im lặng và bất động đứng bên cửa sổ để mở. Trước mặt họ, trong một thứ ánh sáng huyền ảo, cao nguyên trải rộng - thảm rừng cây xanh tốt, những mỏm đồi và khe núi, những cụm thông đen thẫm. Nhưng cách họ khoảng năm trăm mét, giữa những đám cây, trắng lên nhờ nhờ một công trình xây dựng thấp với những chỗ lõm vào, lồi ra. Đứng từ xa nhìn, họ không hiểu đó chỉ là một bức tường bao quanh khu vực hay là một ngôi nhà nào đó.

- Nó đấy - cái bí mật vĩ đại, - Eliza nói, - mà vẻ ngoài chẳng có gì đặc biệt.

- Ta đi xem đi.

- Giữa đêm ấy ư?

- Mà đêm đẹp như thế này!

- Cỏ chắc ướt lấm. Anh đi giày kia cảm mất.

- Em phải biết là giày của anh không thấm nước.

- Vậy thì mặc thêm áo khoác vào.

Họ bước thẳng vào làn ánh trăng huyền ảo. Trong bầu không khí được trận mưa rửa sạch, cả những vật ở xa cũng nhìn rất rõ. Thêm mỗi bước, chân trời thêm mở rộng trước mắt họ. Đằng xa, phía bên kia những bãi cỏ, hiện ra một dải rừng, và xa hơn nữa tiếp theo dải rừng là dãy núi đá sạch, sáng như kim cương. Xung quanh yên bình, tĩnh lặng, một vẻ đẹp kì ảo và một bí ẩn hoàn toàn.

Họ đã đến bên công trình màu trắng. Thoạt nhìn, nó giống như một dãy lô cốt dài chạy theo những bờ dốc uốn lượn của địa hình và có vẻ như không có tận cùng. Rẽ nhánh từ nó là những cụm các công trình thấp gần như giống nhau, nhưng được bố trí lần lượt, tiếp nối - cái này nằm cao hơn cái kia - trong một tương quan đẹp mắt với độ dốc của mặt đất. Giữa các công trình đó, trong chùng mực có thể phân biệt được dưới ánh trăng lung linh biến ảo - nhưng sáng tỏ - không nhìn thấy một khoảng hở nào. Nó như một dãy thành lũy nối tiếp liên tục, như phòng tuyến thời cổ đại.

Đi đến tận chân tường, ở chỗ này được ánh trăng chiếu sáng toàn bộ, họ đứng lại ngược nhìn lên phía trên. Bức tường cao khoảng bảy - tám mét, bằng phẳng, đơn điệu, không cửa sổ, không ban công. Nghĩa là con người không ở, và có thể thấy là thậm chí không làm việc ở đây. Trong cái vỏ trắng này có lẽ chứa một cái gì đó không có sự sống - máy móc chẳng hạn, những vật không đòi hỏi không khí và ánh sáng. Thực ra đây cũng hoàn toàn có thể là một

dạng pháo đài đặc biệt nào đó.

Nhưng cái pháo đài này, hay dãy lô cốt dài, hay dãy các nhà trại - không biết nên gọi cái vật quỷ quái này như thế nào - không tạo nên ấn tượng của một vật vô hồn và khô chết giống như trạm biển thề, không có vẻ cảm điếc và tách biệt như những ngôi mộ (tập trung, cô độc, bàng quan đối với cuộc sống xung quanh).

Ermann và Eliza Ixmani phát hiện ra trên bức tường đây đó những khe rãnh, những lỗ sâu đủ loại mà thoạt nhìn không nhận thấy: cái thì tròn, cái thì vuông, cái như một vết cắt được phủ bằng một tấm lưới mỏng. Ở một số khe - không nhiều lắm - còn có mặt kính lồi hình tròn, giống như kính lúp hoặc tròng mắt; ánh trắng chiếu vào chúng lấp lánh sáng.

Nhìn kĩ, họ thấy phía trên bờ tường những cụm ống ten nhỏ, những màn thu căng những tấm lưới cong như lưới ra đa, những ống tròn có mái che ở trên giống như những ống khói thu nhỏ; thậm chí còn nhìn thấy những vật ngộ nghĩnh giống như cây chổi lông quét bụi. Màu xanh, màu xám đục, chúng rất khó nhận thấy, đặc biệt khi ở trong bóng tối.

Hai vợ chồng đứng nhìn chúng bất động giữa đêm bao la yên lặng. Nhưng thực ra không hề yên lặng.

- Em có nghe thấy không? - Ermann hỏi.

- Hình như em có nghe.

Từ phía bên kia bức tường trắng vắng đến một tiếng rì rầm khó nhận thấy, một tiếng lao xao nhẹ bẫng; - một âm thanh kéo dài, sâu trầm nhưng đồng

thời lại thoáng qua, hết như hàng ngàn con kiến chen chúc đổ xô từ tổ kiến bị phá và chạy tủa ra bốn phía. Âm thanh đó, kèm theo một tiếng rít gần như không nắm bắt được, trầm buồn và bất định, trong đó đột ngột hòa kết vào nhau những tiếng động gần và lộn xộn, tiếng xào xạc xa xăm, tiếng lách tách, tiếng chát lỏng lóc bóc bị chìm đi, tiếng thở nhịp nhàng và nhẹ đến nỗi gần như không thể xác định được là có nghe thấy nó thật hay đó là tiếng mạch máu đập trên thái dương. Nghĩa là có một cuộc sống nào đó đang trào sôi trong lòng tối của cái pháo đài bí ẩn chỉ có vẻ là đang ngủ yên này. Và cả những ngọn ăng ten nhỏ đủ hình thù vươn cao trên mặt tường kia nói chung cũng không đứng yên trong đêm. Một cái nhìn kĩ có thể thấy chúng đang rung động, dường như ở đây công việc đang được tiến hành một cách căng thẳng.

- Cái gì vậy anh? - Eliza Ixmani khẽ hỏi.

Irmann ra hiệu bảo vợ im lặng. Anh cảm thấy như ở dưới chân tường, cách chỗ họ đứng khoảng năm mươi mét, có một cái gì đó thấp thoáng. Và liên đấy, theo một liên tưởng không giải thích nổi của tư duy, trong đầu anh lóe lên lời đe dọa điên rồ của Endriad: "Chúng ta sẽ làm chủ toàn thế giới".

Vào đúng khoảnh khắc đó anh trông thấy chính Endriad. Nhà bác học chậm chạp đi dọc bức tường theo sườn cỏ nằm phía trên cách chỗ họ một quãng, vừa đi vừa nói chuyện rất to với mình, như một kẻ điên. Quanh ông đúng là không có một bóng người nào. Đội chiếc mũ rộng vành, được ánh trăng chiếu

sáng từ đầu đến chân, nhìn ông vừa ngộ nghĩnh, vừa lãng mạn.

Đêm yên tĩnh đến mức mặc dù ở cách xa và bị át đi bởi những âm thanh phát ra từ lòng pháo đài, hai vợ chồng Ixmani vẫn nghe được một vài từ của ông.

- Có thể, có thể, - Endriad nói. - Nhưng chúng ta không cần điều...

Tiếp đó họ chứng kiến một việc khá lạ lùng. Endriad dừng lại, đứng quay mặt vào tường, và Ixmani tưởng ông chuẩn bị tiểu tiện. Nhưng nhà bác học vẫn tiếp tục nói, giờ một cây gậy lớn chạm khẽ vào tường, điệu bộ như một người cha đang dạy dỗ con trai. Họ chỉ nghe được những từ rời rạc, nhưng có thể đoán ra nghĩa của chúng. Ba bốn lần Endriad lặp đi lặp lại "Anh không hiểu. Anh không hiểu".

Ixmani cho rằng nhìn và nghe trộm người khác là bất lịch sự. Để thông báo sự có mặt của mình, anh ho lên một tiếng.

Như bị ong châm, Endriad quay phắt lại, vung hai tay lên và nhảy vọt vào một trong những chỗ hõm trong bức tường. "Ai đấy? Ai đi đấy?" - ông hét hoảng quát hỏi. Từ trong chỗ đang nấp, ông chìa cây gậy thẳng về phía Ixmani, nó bỗng loáng lên dưới ánh trăng. Ixmani nhận ra đó là khẩu súng trường.

- Thưa giáo sư, tôi đây mà, Ixmani đây... Tôi đi dạo với vợ...

Nòng súng hạ xuống. Endriad bước đến gần họ. Ông giữ thế dè chừng và tỏ ra hết sức bối rối.

- À, anh chị biết không, đêm nào trước lúc ngủ tôi cũng đi tuần quanh một vòng. Tất nhiên là với vũ

khí... Cây gậy tuyết vời này thiếu tá Mirti kiếm cho tôi đấy. Của Hoa Kỳ. Bắn chuẩn lắm.

- Thế có những cuộc gặp gỡ khó chịu nào không?

- Ôn Chúa, đến nay thì chưa. Tôi lang thang, quan sát, suy nghĩ, nói chuyện... - Ông ngừng lời, dường như thăm dò mặt đất cho bước đi tiếp theo. - Nói chuyện... Vạch kế hoạch. Nhưng anh đã làm tôi giật mình... - Và ông lại cười lớn. Rồi ông chỉ vào dây lô cốt. - Còn về cái này ngày mai chúng ta sẽ nói. Tôi sẽ dẫn anh vào trong, chỉ cho anh tất cả. Ban ngày tốt hơn. Vì rằng ban đêm... Ban đêm ở đây, trong núi ấy, không nên...

- Sao? Lạnh à? - Ixmani hỏi.

- Lạnh. Và cả những chuyện khác nữa...

Hai vợ chồng Ixmani chia tay Endriad ở trước cổng ngôi biệt thự của mình. Đứng ở ngưỡng cửa, họ nhìn theo người bạn đường của họ bước đi trên bãi cỏ, quan sát cái dáng người hoạt bát, ngộ nghĩnh của ông.

- Anh Ermann, - chị vợ hỏi. - ông ấy nói chuyện với ai thế?

- Không với ai cả. Với chính mình. Nhiều người tự nói chuyện với chính mình.

- Ở đấy có ai đó. Em nói thật đấy. Có ai đó ở đấy.

- Nếu có chúng ta đã nhìn thấy rồi.

- Em biết là có. Em đã nghe giọng nói của ai đó...

- Giọng nói? Anh không nghe thấy gì cả.

- Vâng, giọng nói, nhưng nó thật lạ lùng. Chắc là anh không để ý.

- Ôi, em cứ tưởng tượng ra, Eliza yêu quý!

XI

Endriad cùng hai vợ chồng Xt'robele và hai vợ chồng Ixmani bắt đầu đi xem xét công trình khi mặt trời đã lên cao. Thời tiết thật tuyệt vời, và những ngọn núi vây trùng điệp bốn phía ánh lên màu tuyết sạch tinh khiết.

Sau khi đi qua bãi cỏ trống, họ đến sát bức tường thấp bao quanh khu vực. Ở đây, cạnh một cánh cửa sắt, kĩ thuật viên trưởng Manunta đang đứng đợi họ.

Manunta mở cánh cửa, tất cả bước vào và đi theo một dãy hành lang hẹp được chiếu sáng yếu ớt. Manunta lại mở một cánh cửa nữa, họ bước ra dãy thêm đất lộ thiên.

Mất mấy phút hai vợ chồng Ixmani và Olga không thốt lên được một lời nào.

Trước mặt họ là một hố trũng khổng lồ, một khe sâu khép kín không có lấy một ngõ ngách, một miệng núi lửa rất dốc, vách vòm và không đáy.

Từ tận đáy sâu, nơi có lẽ trước đây là dòng nước róc rách chảy, cho đến tận mép vệ tường, thành khe bị phủ kín hoàn toàn bởi những kết cấu kiến trúc kì lạ giống như những khối hộp kẹp móc với nhau tạo thành một tổ hợp các bậc thềm vòng vào lặp lại những chỗ lồi lõm trên các bức tường đá của thành khe. Nhưng không còn nhìn thấy thành khe, cũng như không nhìn thấy cây cối, mặt đất và những mạch nước núi. Tất cả đã bị xâm chiếm, bị che khuất

bởi các khối chồng chất những công trình giống như những ngọn tháp đủ loại tháp bình thường, tháp nhà thờ, tháp canh pháo đài, hoặc như những nhà mồ Ai Cập, những cây cầu treo, những cột trụ, những lô cốt, đồn lũy - những hình khối chong mạt của chúng xô chen chạy vào nơi không đáy. Dường như cả một thành phố đang đổ dồn xuống vực thẳm.

Nhưng có một điều khác thường khiến cho quần thể kiến trúc này mang vẻ bí ẩn đặc biệt: không có một cửa sổ nào. Tất cả đều bị bao bít, đui mù một cách kín bưng. Và thêm một chi tiết khác đập vào mắt làm tăng thêm cảm giác rờn rợn: trong khắp cả thành phố không có lấy một bóng người.

Thế nhưng cái thung lũng hang sâu đầy kinh hoàng này lại không gợi nên ấn tượng của một chỗ khô chết và bị lãng quên.. Ngược lại, bất chấp cái vẻ bất động tuyệt đối, dưới lớp vỏ ngoài vẫn cảm thấy một cuộc sống náu kín. Một cái gì đấy đang diễn ra dưới đó. Có thể nhận thấy điều này qua những dấu hiệu nào? Qua chuyển động của những chùm ăng ten bằng kim loại đủ mọi hình thù phi lí nhất có thể nhìn thấy phía trên các bức tường bao quanh hang? Hay qua dàn hợp xướng rời rạc và khó nghe thấy được của các loại thanh âm - tiếng vọng, tiếng thì thầm, tiếng xào xạc xa xăm và tiếng gõ u trầm - treo lơ lửng phía trên khu tường thành nghiêng dốc, khi thì ập đến gần, khi thì lùi ra xa như những đợt sóng chậm (không loại trừ đó chỉ là tiếng vọng âm u của sự yên lặng?) Hay có thể là qua dao động của cột ăng ten bằng kim loại của một thiết bị bọc lưới nhô cao lên

trên mép hang? Trên đỉnh của cột ăng ten này là một chảo hình cầu với những đường xẻ phức tạp có cái gì đó gợi nhớ đến chiếc mũ trụ chiến binh thời cổ đại.

Hơn thế nữa, trong cảnh tượng hiếm có này, trong bức tranh gần như tuyệt đối trần trụi này lại toát ra một vẻ đẹp hùng vĩ và trong chùng mực nào đó không cất nghĩa nổi, nhưng nó không có gì chung với vẻ quyến rũ khắc khổ của các Kim Tự Tháp, các chiến lũy, các dàn dầu khí, các lò luyện kim, các ngục thất ảm đạm. Ngược lại, cái vẻ ngoài hỗn loạn của các khối tháp, các bể treo, các gian trại không hiểu sao lại khiến con người cảm thấy vui sướng. Trong nó có một cái gì đó dịu dàng, khinh khoái, hết như ở các thành phố phương Đông, nếu nhìn từ biển vào. Cái đó gợi nhớ điều gì? Ở Ixmani xuất hiện cảm giác về một cái gì đấy đã từng gặp trước kia, nhưng trong tìm kiếm mối liên hệ anh vấp phải những hình ảnh xa xôi và hỗn độn, mơ hồ - khu vườn, dòng sông, thậm chí cả một bức tranh thêu. Và biển, và rừng. Nhưng trong tất cả những mất xích liên kết vẫn còn một cái gì đó không nắm bắt được và đầy lo âu.

Olga Xt'robele phá vỡ sự im lặng:

- Chà, - chị ta nói bằng một giọng đùa cợt cố tình, - cái gì thế này? Nhà máy điện à?

- Đấy - đấy, - anh chồng đáp, cảm thấy thích thú trước sự tò mò của vợ, bởi vì không phải bao giờ Olga cũng tỏ ra quan tâm đến công việc của chồng. Rồi anh ta quay sang Ixmani, hỏi: - Anh hiểu rồi chứ?

- Có thể, có thể, - Ixmani đáp.

Anh cảm thấy xúc động. Eliza im lặng. Đàng xa, tựa mình vào lan can, Endriad đứng ngắm vương quốc của mình: có vẻ như ông đang mơ giữa ban ngày.

Olga Xt'robele: Thế đấy. Nhưng mà đây là cái gì? Có thể biết được không?

Chiếc váy trắng bó sát thân hình chị ta quá khôu gợi và quyến rũ. Những dải tà xẻ từ ngực chạy xuôi xuống eo lưng khiến mỗi cử động đều trở nên quá phiêu lưu.

- Olga, - anh chồng nói trong một cơn hứng khởi dạt dào, - Olga, cái mà em nhìn thấy, cái pháo đài với những tháp chuông hay tháp nhà thờ Hồi giáo, - anh đưa tay phải chỉ lên cột ăng ten, - là một vương quốc nhỏ bé, bí kín, tách biệt với toàn bộ thế giới.

Anh chợt ngừng lời. Một đàn chim lớn vừa kêu chói tai vừa bay quanh khối cầu kim loại trên đỉnh cột ăng ten; chúng dường như muốn đậu xuống quả cầu, nhưng vào phút cuối cùng đã phát hiện ra một điều gì đó nguy hiểm.

- Tóm lại, - Xt'robele nói tiếp với nụ cười thoáng qua, - đây là một công trình vĩ đại với giá mười năm lao động căng thẳng của các anh; nói ngắn gọn, đây là con đẻ của các anh. Đây là *người*.

- Người ở đâu? - Olga hỏi.

- Người ở đây. Cổ máy được tạo ra theo hình mẫu của chúng ta.

- Thế còn đầu? Đầu ở đâu? Còn tay? Còn chân?

- Không có chân, - Xt'robele nhăn mặt. - Hình dáng bên ngoài không có ý nghĩa. Nhiệm vụ nằm ở

chỗ khác. Bởi vì một người máy bình thường, một búp bê có thể đi lại và nói "bố - mẹ" thì bất kì tay thợ đồ chơi nào cũng có thể chế tạo được. Nhưng các anh, các anh cần.. em hiểu không... các anh cần tạo ra một cỗ máy có thể xác lập được tất cả những gì diễn ra tại đây, - Xt'robelle gõ ngón tay trở lên trán mình.

- À... Bộ não điện tử! Em đã đọc trên báo.

- Em nhìn kĩ lại đi! - anh chồng sốt ruột kêu lên. - Đây không đơn giản là bộ não điện tử hay máy điện toán. Tất nhiên nó biết làm tính, nhưng tính toán chỉ là một phần rất nhỏ của những gì nó có thể làm. Các anh đã đi xa hơn. Các anh đã dạy cho con quái vật này biết tư duy, mà còn tư duy tốt hơn cả chúng ta nữa.

- Và sống như chúng ta, - Endriad từ nãy giờ vẫn im lặng, chợt nói thêm.

- Sống? Nhưng nó bất động cơ mà. Bị chôn cũng xuống đất.

- Em yêu, - Xt'robele đáp. - Bất động thì sao? Em hãy cùm con người xuống đất đến một ngón tay cũng không thể cựa quậy được, - dù vậy anh ta vẫn là con người.

- Nhưng sao lại làm nó to thế? Đây không phải người, mà cả một thành phố.

- Nhưng đây đã là nhỏ hơn nhiều so với dự liệu. Trong phương án ban đầu đưa ra một tổ hợp máy móc chiếm diện tích bằng cả thành phố Paris. Nhưng các anh đã làm được điều kì diệu. Em nên nhớ đây

chỉ là một phần nhỏ của nó, phần còn lại nằm khuất dưới mặt đất. Máy móc tất nhiên rất công kênh, và con người này, có thể nói, là quá bự...

Olga. Còn nếu nói chuyện với nó, nó có trả lời không?

Chị ta bật lên một tiếng cười lạ lùng.

- Có thể thử. Nhưng điều đó không thật quan trọng. Chúng ta đã quen với những người máy phản xạ, chẳng hạn, với ánh sáng, âm thanh, mẫu sắc, cử động và hoạt động theo phép logic. Ở đây, anh có thể nói, các anh đã làm được một cái lớn lao hơn nhiều. Trước hết là năm giác quan. Người máy của các anh, nếu nói theo cách của em, biết nhìn thấy, biết nghe, biết cảm nhận những gì xung quanh.

- Còn vị giác? Còn khứu giác? - *Ixmani* hỏi.

- Tất nhiên.

- Còn xúc giác? - *Olga* hỏi.

- Có cả xúc giác. Em có thấy những cọc kia không? Những ống ten kia? Chúng nhận biết và xác định vật thể bằng sự tiếp xúc.

Ixmani. Nếu như tôi hiểu đúng, các anh đã cố tạo cho sản phẩm này... cô máy... hay còn có thể diễn đạt theo cách khác... một số nét tính cách?

- Một cá tính nào đó, - *Xt'robele* chữa lại.

- Thế nó là đàn ông hay đàn bà? - *Olga* hỏi. - Em đánh cuộc là...

Xt'robele đỏ mặt lên như trẻ con.

- Điều đó không quan trọng... Ê-ê-ê... giới tính đối

với các anh không...

Ixmani. Nhưng các anh có sử dụng model nào không? Có định hướng theo nguyên mẫu người nào không?

Mấy đám mây trắng nhỏ, nương theo những chỗ lượn của mặt đất, bốc lên và bay dần về hướng Bắc đây bí ẩn. Giống như những đợt run rẩy lan chậm chậm, bóng của chúng trượt dọc theo bức tường thành, dọc theo cơ thể của quái vật to lớn chia thành từng khúc đoạn sóng sượt trong lòng vực gây nên một ấn tượng thật khác thường.

- Thành thật mà nói, - Xt'robele đáp, - tôi cũng không biết nữa...

- Có lẽ các anh đã xây nó theo hình mẫu của chính mình, - Olga nói. - Đám bác học các anh muốn đòi tự cho mình là những thiên tài mà.

- Các anh? Đây là do anh Endriad quyết định.

Endriad, cho đến tận lúc này không hiểu sao không rời khỏi hàng lan can, chợt rung mình.

- Tôi? - và ông nhìn đám khách với vẻ ngây dại của một người bị đánh thức đột ngột. - Xin lỗi. Tôi phải đi xem...

Ông bỏ đi dọc theo dãy ban công hẹp treo trên vực sâu và mất hút đầu đó phía sau những khúc cong rối rắm của pháo đài.

- Ông ấy sao thế? Khó ở à? - Olga hỏi Manunta đang đứng mỉm cười kín đáo.

- Không, không, - viên kĩ thuật viên trưởng to béo, hiền lành và vui vẻ đáp, - ông ấy bao giờ cũng

như vậy, hơi tàng tàng. Chuyện thường thôi, một nhà bác học vĩ đại mà...

- Theo tôi, ông ấy thật đáng mến, - Eliza Ixmani nói, như chặn trước một nhận xét nào đó của Olga Xt'robele.

- Còn phải nói, - Olga đáp, - đơn giản là mê hồn. Đáp nát hết mọi thứ trên đường mình đi, hãy liệu đấy!

XII

Để tập trung sự chú ý của mọi người, Xt'robele cất tiếng ho rồi nói:

- Bây giờ có thể làm một thí nghiệm nhỏ về sự tiếp nhận...

- Thế nếu gọi, nó có đáp, có nghe lời không?

- Em lại thế rồi, Olga, - Xt'robele nói. - Khác với các anh, em nhìn vấn đề từ một phía hoàn toàn khác. Đối với các anh, nó trả lời hay không trả lời chẳng có gì khác nhau cả. Nhiệm vụ của nó không phải là hành động, mà là tư duy.

- Nhưng nó có hiểu những gì ta nói không?

- Điều đó, thú thực, các anh không rõ. Về phương diện kĩ thuật, nó có lẽ không cần phải hiểu. Nhưng...

nhưng các anh xác định được rằng cái máy này có những tiềm năng mà các anh không dự đoán được... và anh không ngạc nhiên, nếu như...

- Thế các anh gọi nó là gì?

- Theo nhiều cách. Trong văn bản chính thức nó là Số Một. Anh gọi nó là Bạn. Manunta gọi nó là "Bé gái". Còn anh Endriad đơn giản gọi nó là "Cô ấy", máy.

- Cô ấy?

- Cô ấy. Và những khi vui đùa, anh ấy gọi nó bằng các tên phụ nữ.

- Nhưng tên nào?

- Nhiều, anh không nhớ nữa.

Tất cả cùng nhìn về một hướng. Vừa mất hút sau một chỗ lồi của pháo đài, Endriad đã hiện ra xa hơn và cao hơn trên mép của khối kiến trúc cân đối chiếm trọn một phần của tòa thành. Ông dừng lại, nghiêng người ra phía trước trên dây tay vịn kim loại, dường như đang nói chuyện với ai đó ở phía dưới.

- Ông ấy nói với ai thế?

Xt'robele: Tự nói với mình, có lẽ thế. Một tật cũ.

- Quả vậy, - Eliza Ixmani nói. - Hôm qua chúng tôi cũng đã chứng kiến. Chúng tôi đi dạo đêm trăng và gặp ông ấy. Thậm chí chúng tôi cảm thấy sợ. Ông ấy nói một mình, mà lại nói to.

- Xin lỗi, - Olga ngắt lời. - Nay anh Jancarlo, thế cỗ máy ấy có nói chuyện không?

- Theo nghĩa thông thường thì không, không nói. Nó không biết ngôn ngữ. Điều đó thì các anh biết

chắc chắn. Trong bất kì trường hợp nào cũng không được dạy ngôn ngữ cho nó. Ngôn ngữ là kẻ thù tệ hại nhất của trí tuệ sáng suốt. Tìm mọi cách để diễn đạt ý nghĩ của mình bằng lời, con người đã làm nên không ít tai hoạ...

- Nghĩa là bạn của anh câm?

- Manunta, anh giải thích hộ, - Xt'robele nói với kĩ thuật viên trưởng. - Anh nói xem bạn của chúng ta có câm không?

- Chà, thưa giáo sư, - Manunta hiền lành dứ ngón tay dọa. - Anh cười, nhưng thật ra anh hiểu rõ hơn tôi... Đấy, ngay như bây giờ... - ngón tay dựng thẳng đứng bất động yêu cầu mọi người im lặng.

Tất cả im lặng. Trôi trong không trung là một âm thanh lạ lùng, một cái gì đó giống như tiếng thì thầm của nước, tiếng rên rỉ thảm thiết, tiếng sáo bị át đi, nó bị đứt quãng khi thì bởi những tiếng ngắt tách bất ngờ, khi thì bởi những cái giật nhẹ nhàng; nó lặng đi rồi lại nổi lên theo những hơi thở bất chừng. Và lắng nghe thật kĩ, có thể phân biệt được các nguyên âm và phụ âm, nhưng chúng không tách biệt nhau, mà hòa trộn vào nhau, giống như tiếng người nói hối hả, không thể hiểu nổi, liến láu, khi một đoạn băng ghi âm bị quay với tốc độ cực lớn. Đó là cái gì - giọng người nói? Tiếng ồn vô nghĩa của máy móc? Hay một tín hiệu thông tin nào đó? Những ý nghĩ nối kết với nhau mạch lạc? Hay có thể là tiếng cười?

- Chính nó đấy à? - Xt'robele hỏi Manunta.

Manunta gật đầu.

- Và anh hiểu được, đúng không? Tôi nghe có lần anh đã tuyên bố rằng anh hiểu tiếng nói này như tiếng mẹ đẻ. Nếu thế anh dịch nghe đi. Nó nói gì?

Manunta thanh minh:

- Tôi làm sao? Tôi hiểu được cái gì? Lần đó tôi nói đùa.. Họa may giáo sư Endriad...

Gương mặt Xt'robele méo xệch vì cơn giận.

- Các người!.. Các người là lũ điên! Anh và lão Endriad siêu nhân của anh! Nghe các anh có mà... - anh ta quay sang nói với vợ: - Anh hi vọng rằng em không tin lời anh ta. Đây chỉ là mấy móc - các van, các máy thu tín hiệu, các cơ cấu tác động ngược... Chúng tạo ra những tiếng động...

- Thế còn cái này? - Eliza Ixmani hỏi.

- Cái gì cái này? - Xt'robele hỏi lại.

- Anh không nghe thấy à?

Giọng nói thanh mảnh bỗng im bật.

Trên mặt hang khổng lồ, sự im lặng trở lại. Nhưng có phải im lặng không?

Thoạt đầu, nếu như không thật chăm chú lắng nghe, có vẻ im lặng thật. Nhưng dần dần từ chính sự im lặng đó vẳng lên một tiếng vọng mơ hồ. Đường như từ toàn bộ tổ hợp máy móc, từ không gian của lòng hang đáng sợ trào lên âm thanh của cuộc sống, dao động của độ sâu, một sự phát sáng không lý giải nổi. Thính giác sững sờ không tiếp nhận ngay cái dòng chảy trầm bổng và dịu dàng đó, khó có thể tin rằng nó là có thật. Nó giống như hơi thở bao la phập phồng kéo tới rồi rút đi, chẳng khác gì những đợt sóng đại dương từng lúc từng lúc

thả tan sức mạnh của mình trong các khe sâu của các lớp núi đá trên mặt biển phẳng phiu... Hay có thể đó đơn giản chỉ là gió, là không khí, là sự chuyển động của tầng khí quyển, bởi vì chưa bao giờ chưa ở đâu có một sự kết hợp tương tự như vậy giữa đá núi, thành lũy, mê cung, lâu đài, rừng cây, mà những chỗ uốn quanh, những góc cạnh của vô số những cấu trúc, những hình thù, tạo ra những âm thanh lạ lùng đến vậy.

Nhưng rõ hơn cả những âm thanh, tiếng động hay hơi thở, ở đây còn cảm thấy một dòng chảy vô hình nào đó, một sức mạnh tiềm tàng và gắn kết, dường như dưới lớp vỏ của tất cả những công trình máy móc kia là một đạo quân đông vô vàn đang chờ đợi giờ của mình; hay nói đúng hơn, một người khổng lồ huyền thoại đang nằm mơ màng, tay chân là các dãy núi; hay còn đúng hơn nữa là cả một biển vật chất sống âm áp, trẻ trung, nhẹ nhàng đang sống cuộc sống của mình. Nhưng nó không hoang dại, không ác ý. Một sức mạnh khổng lồ đang nấu chín không thù địch. Không phải ác mộng, không phải quái vật xấu xí, hoàn toàn không phải những thứ đó. Và cái cuối cùng còn lại là một cảm giác lâng lâng khó tả, hân hoan và tươi mát, là nụ cười, lòng yêu quý con người, cái cảm giác ta thường có được sau khi nghe một bản nhạc tuyệt vời.

- Đức Mẹ Đồng Trinh, cái gì đang diễn ra vậy! - Olga Xt'robele nói. - Tôi chưa bao giờ được nghe một cái gì như vậy cả. Thậm chí tôi phát sợ.

- Có gì đáng sợ đâu? - Eliza Ixmani phản đối. - Thật tuyệt vời. Tôi... Tôi không biết... Tôi chợt nhớ

đến... Có lẽ thật buồn cười, nhưng nó khiến tôi nhớ đến một cái gì đó rất cụ thể, nhưng tôi không thể nào... Quá lạ lùng...

- Dừng lại, - Xt'robele chen vào, không để ý đến những lời của Eliza Ixmani. - Một thử nghiệm nhỏ. Ixmani, anh đứng im tại chỗ, không nhúc nhích.

Ixmani không hiểu: hoặc Xt'robele hay Manunta ấn lên một nút bí mật nào đó, hoặc họ bật một ống quang điện, hoặc họ đọc một mật khẩu có thể khiến một cơ chế nào đó hoạt động.

- Ta thử làm thí nghiệm về tiếp nhận thị giác, - Xt'robele tuyên bố. - Nào, nào...

Trong lúc anh nói, từ bức tường che ngang bậc thêm phía bên phải, từ mặt tường của một trong vô số những gian trại, hay những trạm biến áp, hay những lô cốt, hay những tế bào của cái vật thể đáng sợ này, - một cần ăng ten kim loại màu vàng xám tách nghiêng xuống và tiến gần đến phía đám người. Phía cuối cần ăng ten treo lủng lẳng một túm mềm giống như cây chổi.

Với cơ cấu truyền động, cần ăng ten bằng một cử động khéo léo quay về hướng Ixmani không tiếng động, và đầu cây chổi vươn đến bên người anh. Bây giờ có thể thấy cây chổi được làm từ vô số những sợi chỉ mềm bằng kim loại.

- Anh đứng xa quá, Ixmani. Nó không với tới. Anh lại gần đi.

Cần ăng ten nâng lên, hạ xuống, dường như đang tìm một cái gì đó.

Ixmani ngập ngừng, mỉm cười.

- Để tôi! - Olga bỗng thốt lên và bước đến đứng ngay dưới cây chổi.

Cánh tay kim loại chậm chạp hạ xuống và túm chỉ mềm chạm vào đầu Olga. Rồi hạ xuống thấp hơn, những sợi chỉ như một chiếc khăn mềm không trọng lượng trùm lên người đàn bà đến tận thắt lưng.

- Ôi, nhột quá! Phì! Tởm lợm!

- Nào, đủ rồi, không cần nữa, chị Olga, lại đây nào, - Manunta hoảng hốt nói.

Cần ăng ten đột ngột rời khỏi người Olga Xt'robele, nhấc vọt lên cao, trong cử động của nó như biểu lộ một vẻ gì đó gớm guộc.

Olga sửa lại tóc, chị ta cười, nhưng mặt tái mét.

Vào khoảnh khắc đó, chợt nghe vút cao trên toàn bộ tiếng ngân vang lạ lùng và thấm thấu vào tất cả đó một giọng nói, vẫn cái tiếng rên mảnh mai đã nghe lúc nãy. Nó vút lên, vẽ một đường cong, đạt đến biên độ cao nhất, rồi hạ xuống, tan ra thành những tiếng nức nở dồn dập và biến mất. Tiếng rên của máy? Tiếng cọ xát của kim loại? Tiếng dao động của một cái gì đó căng ra, rồi chùng xuống?

Tất cả đứng im lặng.

Xt'robele. Manunta, anh hình như hiểu phải không? Điều này có nghĩa là gì vậy?

Manunta (không để ý đến vẻ giấu cợt của Xt'robele). Ai biết được? Khó có thể nói... Hình như... Không, tôi có lẽ không hiểu cái gì cả... - Suy nghĩ một lát, anh nói tiếp: - Theo tôi, cô ấy cười.

- Tôi cảm thấy lạnh, - Olga nói.

- Lạnh? Trong thời tiết như thế này?

- Vâng, lạnh. Tôi về nhà đây.

- Chẳng lẽ em sợ à? Đây chỉ là trò chơi mà, - Xt'robele dường như thanh minh với Ixmani. - Nói đúng hơn, một trò ngu ngốc tồi tệ. Một thử nghiệm từ lâu của chúng tôi với những thiết bị đầu tiên. Thôi được, Olga, về nhà đi nếu em muốn. Các anh ở lại nói chuyện với anh Ixmani.

Hai người đàn bà đi về nhà. Manunta đưa họ ra đến cửa.

Khi họ rời các bậc thêm, từ phía công trình có hình ngọn tháp, cách đó chừng hai mươi mét, chợt nghe một tiếng gõ tách của kim loại. Mọi người quay phắt lại. Nhưng không ở đâu thấy một chuyển động nào cả. Căn ăng ten với tám chổi cũng đứng bất động.

XIII

- Nhiều năm, nhiều năm về trước, Ixmani thân mến ạ. - Endriad kể, - khi tôi còn trai trẻ, trước khi bảo vệ luận án, tôi đã trăn trở bởi một vấn đề: cái gọi là ánh sáng tinh thần, hay linh hồn, để hình thành và tồn tại có nhất thiết phải cần con người không? Chẳng lẽ ngoài chúng ta khắp nơi đều là bóng tối? Hay là cái hiện tượng khá thú vị đó có thể sinh ra ở một nơi nào đấy khác nữa, chỉ cần tìm ra một cơ thể,

một bộ máy, một dụng cụ, một cái lọ thích hợp?

Hai người ngồi trong phòng khách của Endriad. Đồng hồ treo tường chỉ hai giờ rưỡi. Xung quanh im lặng như tờ. Thực ra, qua sự im lặng đó vẫn vẳng lại một tiếng ngân lạ lùng, giống như tiếng thác đổ từ rất xa vọng tới.

- Anh định nói về người máy phải không? - Ixmani hỏi.

- Hượm đã. Anh đã có bao giờ nghĩ về cái dòng chảy kì lạ của cuộc sống xuyên qua hàng nghìn, hàng vạn năm? Thoạt kì thủy chúng ta là ai? Những sinh vật đơn giản, những xoang tràng. Môi trường cảm xúc có tồn tại, nhưng ở dạng khởi đầu. Linh hồn, hay cái gọi là linh hồn, còn chưa được sinh ra. Hay nói đúng hơn, nó chỉ mới là một đốm lửa bé xiu, yếu ớt, run rẩy, khó có thể phân biệt được với thế giới cỏ cây. Anh hãy hiểu tôi cho đúng, Ixmani thân mến, tôi cố gắng giải thích không phải bằng thuần túy thuật ngữ khoa học. Tôi sẽ dùng cách so sánh để anh có thể hình dung rõ ràng về toàn bộ cái cơ nghiệp này. Anh nghĩ là tôi không hiểu sự tò mò của anh, sự lo lắng và bi quan của anh sao? Bởi vì họa có là điên, là tâm thần một cách tội phạm hoặc tồi tệ hơn nữa, khi bày ra cả tổ hợp khổng lồ như thế này chỉ để làm một hình nộm nhái bộ não, một rôbốt biết làm các con tính, ghi nhận những ấn tượng, biết cười, khóc, hắt hơi, biết giải các bài toán... Vậy thì lúc đó sẽ là cái gì? Lúc đó là cái gì?... Qua hàng ngàn năm tiến hoá, những khả năng tư duy được phát triển, hay ít ra những phản xạ có điều kiện, hay ít ra các xúc cảm..

Tôi nói anh có hiểu không? Và vào một thời điểm nào đó trên con đường vô tận này - bỗng nhiên! - nảy sinh một hiện tượng mà tôi cho là đáng kinh ngạc nhất bởi sự quái đản của nó trong lịch sử Vũ Trụ.

Ixmani bật ra cười lớn:

- Con người?

- Con người, - Endriad khẳng định, - và với nó bằng một tốc độ thật sự chóng mặt, ta cứ cho là trong khoảng vài triệu năm, đã nảy sinh một sự biến dạng nào đó. Một trường hợp đột phát khổng lồ. Ung thư. Và tôi nghi ngờ rằng nó được dự đoán trong phương án xây dựng đầu tiên, trong chừng mực nó không ăn nhập gì với tất cả những điều còn lại.

- Biến dạng?

- Vâng, khối lượng não càng ngày càng tăng thêm, hệ thần kinh đạt đến một sự phức tạp kinh hoàng. Nói ngắn gọn, khả năng trí tuệ của con người càng ngày càng bỏ xa khả năng trí tuệ của các loài vật khác. Chắc anh, Ixmani thân mến, sẽ nói rằng đó là bàn tay của Chúa. Nhưng thực chất của hiện tượng được nhìn nhận khách quan không vì thế mà thay đổi.

- Nhưng tôi không thấy có mối liên hệ nào...

- Khoan đã. Còn nữa. Sự việc hoàn toàn hiển nhiên nhưng tôi phải trình bày với anh đầu đuôi. Thế này nhé. Trong quá trình phát triển một cách bất thường, bộ não của con người, hệ thần kinh và bộ máy xúc cảm phức tạp của con người vào một khoảnh khắc nào đó... Vào một khoảnh khắc nào đó, bạn đồng nghiệp thân mến ạ, trên sân khấu xuất hiện

một nhân tố, một sự tiếp tục của vật chất sống, một tạo chất mới vô hình nhưng biểu cảm, một khối u không có kích thước xác định, không có khối lượng và hình hài, về sự tồn tại của nó, nói một cách khoa học, chúng ta không hoàn toàn tin chắc. Nhưng gây cho chúng ta không ít phiền toái. Đó là linh hồn.

- Nghĩa là Số Một...

- Anh hãy kiên nhẫn thêm chút nữa, tôi đang đi đến cái chính yếu nhất. Vấn đề là thế này: nếu chúng ta tạo ra một cỗ máy có khả năng thực hiện được hoạt động tư duy của chúng ta không cần đến một ngôn ngữ xác định - cái xiềng đeo chân của chúng ta, - một cỗ máy có khả năng giải những bài toán nhanh gấp mấy lần con người và ít sai lầm hơn rất nhiều, thì trong trường hợp đó có thể nói về trí tuệ được không? Không. Để trí tuệ có thể tồn tại đòi hỏi tôi thiếu phải có tự do, phải có sự độc lập. Nhưng nếu như chúng ta...

- Nhưng nếu như các anh làm ra được Số Một, có phải anh muốn nói thế không?

- Vâng, vâng. Nếu như chúng tôi sẽ làm được... tôi không nói rằng chúng tôi đã làm được... nhưng nếu chúng tôi sẽ làm được một cỗ máy với hệ thống các xúc cảm của chúng ta, biết suy luận giống như chúng ta, mà điều đó hiện nay chỉ là vấn đề kinh phí, vấn đề thời gian và lao động, thì ở đây có cái gì đáng sợ? Và nếu như chúng tôi làm được nó, thì cái sản phẩm huy hoàng đó, cái bản nguyên không sờ mó được đó - ý tôi nói về sự tư duy của chúng ta, về sự hoạt động không ngừng, không nghỉ thậm chí cả

trong giấc mơ của các ý tưởng... Còn hơn, còn hơn thế nữa - không chỉ sự tư duy, mà cả sự cá thể hóa nó, sự bất biến các tính cách của nó. tức là chính cái khối u được kết tạo từ không khí thỉnh thoảng lại chèn ép chúng ta như một khối chì, - tóm lại, linh hồn, ở đó linh hồn sẽ tự động xuất hiện. Anh sẽ nói là nó sẽ không giống linh hồn của chúng ta chứ gì? Tại sao? Có khác biệt gì nhau cái vỏ bọc của nó làm bằng gì - máu thịt hay kim loại? Chẳng lẽ đá không có cuộc sống sao?

Ixmani lắc đầu.

- Giá đức giáo hoàng Rixieri nghe được câu chuyện của chúng ta.

- Thi sao? - Endriad hỏi với một nụ cười mỉm. - Ở đây không hề có trở ngại nào về thần học cả. Chẳng lẽ Chúa trời cũng ghen tị? Chẳng lẽ như vậy không phải tất cả đều là do ý Ngài? Còn chủ nghĩa duy vật? Còn thuyết quyết định luận? Vấn đề ở đây hoàn toàn khác. Cho nên không hề có sự báng bổ phạm hủý nào đối với các cha cố nhà thờ cả. Ngược lại.

- Báng bổ đối với tự nhiên, họ sẽ nói vậy. Kiểu ngạo, một trọng tội.

- Tự nhiên? Nhưng đó chính là sự chiến thắng hoàn toàn của tự nhiên!

- Thế tiếp theo là gì? Cái công việc vô cùng ấy sẽ mang lại cái gì?

- Anh Ixmani thân mến ạ, mục đích sẽ vượt quá cả những mơ ước táo bạo nhất mà trước đây con người có thể nghĩ đến. Nhưng nó lớn lao, nó tuyệt vời đến mức ta đáng đem cả đời mình hiến dâng cho nó.

đến hơi thở cuối cùng. Anh hãy hình dung cái ngày khi bộ não này trở nên tốt hơn, hoàn thiện hơn, nhiều khả năng hơn, thông minh hơn bộ não của chúng ta... Liệu vào cái ngày đó có xảy ra... Diễn đạt như thế nào nhỉ... Nói chung, sức mạnh trí tuệ và những xúc cảm siêu nhân cần phải có linh hồn siêu nhân tương hợp. Chẳng lẽ ngày hôm đó không trở thành ngày vĩ đại nhất trong lịch sử? Cổ máy sẽ tạo ra những luồng sức mạnh tinh thần cao cả chiến thắng tất cả, chưa từng có trên đời. Cổ máy sẽ đọc các ý nghĩ của chúng ta, sẽ tạo ra những kiệt tác, sẽ khám phá ra những bí mật sâu kín nhất.

- Thế nếu bỗng nhiên một ngày nào đó tư duy của rôbôt tuột khỏi sự kiểm soát của anh và trở nên độc lập?

- Đó là điều tôi hướng đến. Đó sẽ là chiến thắng. Thiếu tự do, không thể có linh hồn.

- Thế còn nếu như có được linh hồn giống chúng ta, nó cũng sẽ hư đốn giống chúng ta thì sao? Liệu có khả năng can thiệp để sửa chữa không? Và với sự thông minh quá kiệt của mình nó có đánh lừa chúng ta không?

- Nhưng nó được tạo ra không có tội lỗi. Giống như Adam. Đó chính là tính ưu việt của nó. Nó không chịu tội tổ tông.

Endriad im lặng. Ixmani bồi rồi xoa cằm.

- Thế nghĩa là cổ máy của các anh... Số Một... thực sự là...

- Đúng thế. Một thử nghiệm. Nhưng chúng tôi có đầy đủ cơ sở để cho rằng... rằng...

- Rằng nó sẽ tư duy như chúng ta?

- Hi vọng thế.

- Thế nó diễn đạt như thế nào? Bằng ngôn ngữ nào?

- Không bằng ngôn ngữ nào hết. Bất kì một thứ ngôn ngữ nào cũng là cạm bẫy đối với tư duy. Chúng tôi xuất phát từ các yếu tố cơ bản tái tạo lại chức năng của trí tuệ con người. Chúng tôi thay model liên hệ giữa ngôn từ và vật được biểu đạt bằng model hoạt động trực tiếp. Đây cũng vẫn là cái hệ thống thiên tài của Trecatiev. Bất kì một kết hợp tư duy nào cũng được diễn dịch thành biểu đồ hàm chứa toàn bộ bức tranh phát triển của nó, nhưng đồng thời cũng cho phép thu tóm được bản sao của tư duy mà không sử dụng đến các phạm trù của ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia.

- Thế ở đây các anh sử dụng cái gì?

- Bảng từ. Nhờ nó mà chúng tôi có được những sơ đồ trực quan.

- Thế còn giải mã?

- Cần phải thực hành. Tôi, chẳng hạn, đọc nó nhanh hơn đọc báo. Thực ra, học không dễ. Nhưng có âm thanh trợ giúp. Từ bảng từ ta có thể lấy ra được không chỉ biểu đồ, mà còn cả âm thanh nữa. Khi đã có nhiều kinh nghiệm có thể hiểu nó được.

- Bản thân anh cũng hiểu được nó à, Endriad? Chẳng hạn, tiếng rít hay tiếng gào nào đó?

- Vâng. Đôi khi tôi hiểu được. Đó là âm thanh của chính sự tư duy. Một cảm giác kì lạ, kích động. Mặc dù tất cả phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận.

- Thế chẳng hạn với tôi, một người mới đến, Số Một có thể giao tiếp như thế nào?

- Đó chính là một trong những nhiệm vụ của anh, Ixmani thân mến ạ. Cần phải lập ra một cái gì đó kiểu từ điển các thao tác tư duy. Tuỳ khả năng tìm ra cho mỗi kết hợp tín hiệu một từ tương ứng.

- Thế anh làm cách nào để nói chuyện với cỗ máy? Nó có tiếp nhận được ngôn ngữ của chúng ta không?

- Các lệnh và những thông tin khác được đưa trực tiếp vào nó bằng các phiếu đục lỗ. Nhưng không loại trừ nó tiếp nhận cả bằng lời nói, ít ra là một phần.

- Điều đó thật khủng khiếp!

- Tôi hiểu, anh Ixmani thân mến. Anh khó tin được điều đó. Và anh có phần đúng. Nhưng không sao, tự anh sẽ thấy. Chúng tôi đã tiến được khá xa. Và tôi tin sẽ đến tận cùng. Cái khó nhất đã qua. Bây giờ sẽ dễ dàng hơn.. Vâng, ta sẽ có được một siêu nhân. Hơn thế nữa - một Đấng Tạo Hoá, một Đức Chúa. Trên con đường này, chính trên con đường này, cuối cùng chúng ta sẽ khắc phục được sự bất túc, sự cô đơn của chúng ta.

- Thế anh không sợ à? Bởi vì sớm hay muộn rồi cũng đến thời điểm không thể kiểm soát được tất cả những gì diễn ra trong bộ não như thế.

- Đúng. Chúng tôi đã gặp phải điều đó. Tuy nhiên, không có cơ sở nào để lo ngại cả. Những số liệu của chúng tôi hoàn toàn khả quan. Có thể ngủ yên.

- Thế nó?

- Nó cái gì?
- Ban đêm nó có ngủ không? Hay nó nói chung không bao giờ nghỉ?
- Khó có thể nói nó ngủ với đúng nghĩa đen. Đúng hơn là nó có mơ màng. Ban đêm toàn bộ hoạt động của nó dường như bị ngưng lại.
- Các anh giảm bớt nguồn năng lượng à?
- Không, không, nó tự mình giảm xuống, dường như vì mệt mỏi.
- Và nó mơ?

XIV

Một buổi sáng tháng Sáu tuyệt vời. Gần mười giờ sáng, trong khi Ermann Ixmani bận làm việc với Xt'robele và Manunta - họ đang dẫn dắt anh vào những bí mật của Số Một, - Eliza Ixmani không biết phải làm gì liền quyết định đến thăm bà vợ Endriad.

- Ở đây cảnh rất đẹp và nói chung không buồn, - khi mới quen nhau hôm trước bà đã nói với Eliza Ixmani. - Nhưng đôi khi đàn bà chúng ta cũng cảm thấy buồn. Vì vậy có gì thì mời chị đến nhà tôi chơi. Vào bất kì lúc nào, kể cả buổi sáng. Buổi sáng tôi tưới hoa, chị đến xem hoa của tôi nhé.

Bà nói với vẻ rất chân thành và thân mật, nên

ngay hôm sau ngày đến đây Eliza Ixmani đã đến thăm bà. Đó chính là cái buổi sáng tháng Sáu đáng nhớ đời.

Ngôi biệt thự của vợ chồng Endriad nằm ngay ở cuối con đường chạy ngược lên sườn đồi dốc cỏ xanh. Chạy song song ở phía bên phải, cách khoảng một trăm mét, là ranh giới của khu pháo đài bí mật.

Cánh cửa ra vào không khép kín. Chẳng thấy chuông ở đâu, Eliza Ixmani đứng đợi nghe có tiếng người vắng ra không. Nhưng hình như không có ai ở trong nhà cả.

- Có ai ở nhà không? Tôi có thể vào được không? - cuối cùng Eliza Ixmani lên tiếng hỏi to.

- Mời vào. - Một giọng đàn ông khó chịu đáp.

Đẩy cửa, Eliza Ixmani bước vào một phòng khách rộng nhưng bày biện hết sức khiêm tốn, không có một cái gì thừa. Hai đi văng, mấy ghế đan nhỏ, một bàn viết, tủ chè, những bức phù điêu trên tường. Không thể đơn giản hơn. Nhưng sạch sẽ. Và yên tĩnh.

- Tôi vào được không? - Eliza Ixmani hỏi lại, vẫn chưa nhìn thấy ai trong phòng.

Một cánh cửa khác mở ra, và Endriad xuất hiện, không caravat, mặc áo len cũ.

- A, chào chị. Chị đến tìm Lutrana à? Hình như cô ấy đang ở ngoài vườn. Để tôi gọi cô ấy vào.

Có vẻ như ông không mấy vui mừng khi thấy khách đến. Chắc là ông bị quấy rầy khi đang có công việc cấp bách. Trong ánh mắt, trong cử chỉ và trong giọng nói có một cái gì đó kích động như vào cái buổi đêm hôm trước khi họ vừa quen nhau.

- Mời chị ngồi.

Khi bước đến bên đi văng, Eliza Ixmani trong một giây đứng cạnh bàn viết và ánh mắt chị dừng lại trên bức chân dung nhỏ lồng trong khung bạc giữa đồng sách báo.

Eliza sững sờ kinh ngạc. Thậm chí chị còn cúi người xuống để nhìn cho rõ.

- Xin lỗi, - Eliza Ixmani nói. - Nhưng tôi xin thề là... Vâng, đây là cô ấy, tất nhiên là cô ấy!

- Ai? - Endriad tò mò hỏi.

- Cô bạn cũ của tôi. Laura... Laura De Marki.

Endriad, lộ vẻ lo lắng, bước vội đến bên Eliza Ixmani.

- Chị biết cô ấy à?

- Tất nhiên, tôi biết. Suốt mười năm gần như sống cùng nhau. Bạn học phổ thông chí thiết. Sau đó gia đình cô ấy chuyển đi Thụy Sĩ. Từ đó đến nay chúng tôi không gặp nhau nữa. Nhưng bằng cách nào?..

Endriad không rời cái nhìn căng thẳng khỏi mặt Eliza Ixmani.

- Đây là người vợ đầu của tôi, - ông nói nhanh.

- Sao?

Eliza Ixmani lần đầu tiên nghe thấy điều đó.

- Nghĩa là chị biết rõ cô ấy? - Endriad hỏi.

- Chị ấy đối với tôi còn hơn cả chị em. Nhưng bây giờ... đã mười lăm năm trôi qua. Và không có một tin tức nào cả. Tôi không có một tí hình dung nào...

Endriad im lặng, dường như đang hồi tưởng về một điều gì đó. Rồi ông nhẹ nhàng mỉm cười.

- Laretta, - ông nói khẽ, - Laretta đã ra đi mười một năm rồi.

- Ra đi?

- Cô ấy đã chết. Một tai nạn ô tô.

Im lặng một lúc, rồi Eliza Ixmani hỏi:

- Anh lái xe?

- Không, người khác. Tôi đã đợi suốt đêm. Thực là khủng khiếp! Đến sáng, cảnh sát thông báo qua điện thoại. Chết ngay tức khắc. Cả hai. Cô ấy và người kia, - ông miễn cưỡng thốt ra những lời cuối cùng.

Eliza Ixmani chờ đợi một cơn tuyệt vọng sẽ ập đến. Nhưng không có. Laretta, một hình bóng xa vời, một câu chuyện cũ. Có thể cô ta chưa hề có trên đời? Đã bao nhiêu năm rồi...

Còn con người đứng trước mặt chị rõ ràng là đang đau khổ. Gương mặt ông tối sầm lại như bị một tấm màn nào đó phủ lên.

- Người ấy, - ông chậm chạp nhắc lại. - Qua ánh mắt của chị tôi đoán được là chị đang nghĩ gì. Người ấy. Có thể chị nghĩ là tôi không biết gì? Hay đúng hơn là đã không biết? Nhưng chị là bạn của cô ấy, chị hãy nói cho tôi biết: có thể kết tội cô ấy được không? - Endriad bóp chặt khuỷu tay Eliza Ixmani. - Có thể mọi người cười nhạo tôi. Rằng cái gã vụng về Endriad chỉ mơ tưởng trên mây và không thấy là vợ mình... Làm sao lại không thấy! Vừa cưới nhau chưa được một năm... Những lời lấp lửng, bóng gió, những bức thư nặc danh. Rồi chứng cứ. Chị hiểu không - chứng cứ. Cái chứng cứ mà với nó mọi sự bao biện đều vô nghĩa. Còn gì nữa? Nhưng tôi... Tôi là một kẻ thảm

hại, đáng thương... Tôi không thể sống thiếu cô ấy! Chỉ cần nghĩ đến việc mất cô ấy... Ôi, tôi đã hạnh phúc biết mấy! Nhưng chỉ về sau tôi mới hiểu ra điều đó.

Endriad vĩ đại, con người thiên tài, đổ gục xuống đi văng, hai tay ôm mặt. Hai vai ông rung lên trong cơn nức nở không thành tiếng.

Eliza Ixmani ngạc nhiên với chính mình. Chị không hề cảm thấy bối rối chút nào. Câu chuyện này theo chị là hoàn toàn tự nhiên đối với Laura.

- Em lấy làm tiếc, anh Endriad, vì em mà...

- Nhưng chị, chị Ixmani, chị hiểu tôi chứ? Laura, Lauretta, chị nhớ cái cô gái gốc nghềch ấy chứ? Bởi vì cô ấy quả là gốc nghềch... - ông mỉm cười vẻ hiền lành. - Tôi chỉ cần được một lần nhìn cô ấy mỗi buổi chiều trở về nhà là đủ. Tôi biết cô ấy thường xuyên phản bội tôi... Cô ấy nói dối... Chỉ có Chúa Trời mới biết đã bao nhiêu lần cô ấy nói dối, nhưng dù sao... Chỉ cần một ánh mắt, một giọng nói của cô ấy... Và nụ cười trẻ thơ, chắc chị còn nhớ nụ cười của cô ấy? Và những cử chỉ, bước đi của cô ấy, cô ấy cười nói, cô ấy ngủ, cô ấy tắm... Thậm chí cả khi cô ấy ho, cô ấy hắt hơi - tất cả đều quyến rũ. Nhưng sự lừa dối... Mà có thể gọi đó là sự lừa dối không nhỉ? Cô ấy là như vậy. Cô ấy mỉm cười hay cô ấy nép sát vào tôi - làm sao có sự lừa dối nào ở đây! Chị có hiểu tôi muốn nói gì không?

- Ô vâng, em nhớ cô ấy...

- Một đứa trẻ. Một con thú nhỏ. Ánh sáng. Cô ấy

như một mầm cây. Như một bông hoa. - Bây giờ Endriad đang như tự nói với chính mình. - Và tôi biết, tôi biết một cách chính xác, rằng nếu như cô ấy biến mất thì sẽ rất khủng khiếp... Không là cái gì cả... Chẳng lẽ tôi không là cái gì cả? Xung quanh toàn là lũ ngốc. Tôi phải làm gì? Từ hai kẻ hạnh phúc làm thành hai kẻ bất hạnh? Vì mục đích gì? Vì sự hài lòng của những kẻ tử tế? Lũ vô lại!

Ông rung mình và nhìn Eliza Ixmani với ánh mắt đổi khác. Rồi ông lại cảm lấy cánh tay chị, nhưng lần này nhẹ nhàng.

- Ta đi, - ông nói và đứng dậy. - Tên chị là gì?

- Eliza.

- Ta đi, Eliza. Chúng ta cần phải là bạn bè của nhau. Chị hứa chứ?

- Tất nhiên.

- Chị thể đi.

- Em thể.

- Bạn của nhau để nói hết với nhau tất cả. Chị hiểu không? Nói hết mọi điều.

Eliza cười lớn.

- Một thỏa ước à? Anh Endriad, anh làm em sợ đấy.

- Một thỏa ước. Ta đi nào, Eliza. Tôi cần chỉ cho chị xem...

- Xem cái gì?

- Một bí mật, - Endriad đáp. Ông như bị một cái gì đó đốt bỏng từ bên trong. - Một bí mật khủng khiếp. Nhưng khá tò mò.

- Anh nói nghiêm chỉnh đấy chứ?

- Ta đi nào, - ông bước đến nhìn qua một ô cửa sổ.
- Lutrana đang ở đó, trong vườn. Cô ấy không biết chị ở đây. Chúng ta có đủ thời giờ. Ta đi nào.

Endriad mở cửa. Họ bước ra một lan can lộ thiên có tay vịn, nó chạy theo bờ dốc đá năm mươi thước và nối liền với bức tường bao quanh cả khu tổ hợp máy.

Nhà bác học bước đi phía trước. Đến khoảng giữa lan can, ông dừng lại, quay sang phía Eliza Ixmani.

- Thế này, - Endriad nói bằng giọng hết sức nghiêm trang, - nếu gặp cô ấy, chị có nhận ra không?

- Ai?

- Lauretta.

- Nhưng chính anh vừa nói là...

- Là cô ấy đã chết! - Vâng, đã chết và đã được chôn cất. Mười một năm trước đây. Nhưng liệu chị có nhận ra cô ấy không?

- Anh Endriad, thật ra em không biết phải nghĩ ra sao.

Không nói gì thêm, Endriad bước đi tiếp. Eliza Ixmani theo sau. Họ đi đến cuối dãy lan can. Ở đây, trong bức tường màu trắng, có một cánh cửa sắt. Endriad lấy ra chùm chìa khoá. Mở cửa. Ấn một nút bấm nào đó. Rồi đi theo một hành lang hẹp. Lại một cánh cửa bằng sắt nữa. Ông mở bằng chìa khoá khác. Hai người bước ra một bậc thềm nhỏ.

Bị ánh nắng làm chói, Eliza Ixmani nheo mắt lại. Phía dưới họ trải rộng một lòng chảo khổng lồ, hoang vắng, chứa đầy những âm thanh tối vụn của cỗ máy Số Một.

Endriad đứng bất động. Ông nhìn như bị thôi

miên đứa con của mình. Đôi môi ông chậm chậm, chậm chậm kết thành nụ cười hạnh phúc. Ông thì thầm:

- Lauretta!

Họ đứng im lặng thêm một lúc trước cảnh tượng đó. Rồi Endriad lắc mạnh đầu, và nhìn thẳng vào mắt Eliza Ixmani, hỏi một cách đầy quyền uy, hách dịch:

- Chị sẽ nhận ra cô ấy chứ?

- Vâng, có lẽ.

- Nào, Eliza, nào? Không nhận ra được à?

Một điều ước đoán lướt qua óc Eliza, nhưng nó phi lí đến mức không dừng lại lấy một phần giây đồng hồ. Rồi một sự nghi ngờ đầy lo lắng xuất hiện, rằng có lẽ thần kinh Endriad không bình thường.

- Nào, chị nói đi, chị nhận ra cô ấy không?

- Ở đâu? - Eliza hỏi, chỉ là để nói ra một lời nào đó.

Endriad sốt ruột so vai lại.

- Không, như thế không được. Nếu chị sợ, thì chúng ta sẽ không hiểu được nhau. Đừng cho tôi là thằng điên. Chị có nhận ra cô ấy không?

- Em... em... nhưng mà ở đâu?

- Thì đây, đây! - bằng một cái vung tay, Endriad bao quanh toàn bộ lòng khe không hình dung nổi với toàn cảnh địa hình bí ẩn của nó; khắp nơi, đến tận cùng ánh mắt, ở mọi cấp độ, chồng chất trong tất cả những kết hợp chóng mặt nhất là những hình khối lồi lõm, tháp mái, ăng ten, nhấp nhô, đỉnh tròn, những hình khối trần trụi và mạnh mẽ.

- Em không... em không hiểu, - Eliza Ixmani nói vì đã bắt đầu lơ mờ đoán ra.

- Còn giọng nói. - Endriad nói hấp tấp. - Chị hãy lắng nghe. Chị không nhận ra giọng nói sao?

Eliza Ixmani lắng nghe. Giống như vào ngày đầu tiên họ đến cái thành trì kinh hoàng này, từ trong sôi rạo thẳm sâu của sự im lặng, giống như tiếng sáo mảnh mai của chiếc diều mới thả, vẳng lên một giọng nói yếu ớt. Và không thể phân biệt được, nó từ một hay nhiều nguồn phát ra. Với những cung độ khác nhau khó hình dung nổi, dường như nó sắp biến thành những câu nói của con người, nhưng lần nào cũng vậy, đạt đến giới hạn cao nhất, nó lại tan ra trong một tiếng thở dài và biến mất.

- Chị có nghe thấy cô ấy không? Chị nghe thấy chứ? Có phải cô ấy không? - Endriad đòi hỏi phải trả lời.

Và Eliza Ixmani chợt hiểu ra tất cả. Một sự thật quái dị ập thẳng vào hồn chị, khiến chị rùng mình.

- Lạy Chúa tôi! - Eliza Ixmani lùi lại kêu to.

- Có phải cô ấy không? - Endriad lắc vai Eliza Ixmani. - Cô ấy phải không? Nào, chị nói đi! Chị đã nhận ra cô ấy chứ?

Phải, Eliza Ixmani đã nhận ra. Người bạn thời xa xưa, trẻ trung, tươi tắn, nhẹ dạ, tỏa ra quanh mình niềm vui hạnh phúc, một bông hoa, một áng mây nhỏ, một cô bé - giờ đây nằm bất động trước mặt chị trong một kết cấu khủng khiếp những kích thước khổng lồ. Một bộ não nhân tạo to lớn, một rôbốt, một siêu nhân, một pháo đài đồ sộ chứa đầy trí tuệ, - tất

cả những cái đó là do Endriad tạo nên theo hình mẫu của người đàn bà ông yêu. Không có mặt, không có môi, không có tay và chân, bằng một phép màu bí ẩn Laura đã trở lại thế giới này sau khi làm một sự cải biến gọi nên nổi kinh hoàng. Những bậc thềm này, những bức tường, những lô cốt này trở thành cơ thể của Laura. Eliza Ixmami, dù không muốn, đã bắt đầu nhận ra một sự giống nhau ma quái. Sự cải biến đó là hoang đường, nhưng hễ Eliza Ixmami khép mắt lại là từ trong khối vật thể kiến trúc, giữa những đường nét lồi ra thụt vào kia lại hiện ra một dư ảnh hết sức rõ nét của những hồi ức đã qua, cảm thấy sự hiện diện của một con người, sự gần gũi ấm áp và dịu dàng.

Và còn nữa: từ sự kết hợp vẻ ngoài có vẻ hỗn loạn những bức tường, những tháp, những hình khối đó dường như lại hiện ra một diện mạo riêng nào đó, một cái gì đấy hân hoan, duyên dáng, nhẹ dạ; đây không phải là công trình, không phải pháo đài, không phải nhà máy điện, mà đơn giản là một người đàn bà. Trẻ trung, sôi nổi, quyến rũ. Không phải bằng xương thịt, mà bằng bê tông và kim loại. Nhưng dù sao - dầu óc không thể nào hiểu được! - đó vẫn là đàn bà. Đây chính là cô ấy. Laura. Vẫn xinh đẹp như vậy. Có thể còn xinh đẹp hơn lúc sinh thời.

Endriad như lên cơn sốt. Ông chờ câu trả lời.

- Chị thấy rồi chứ, Eliza? Chị nhận ra cô ấy chứ? Còn giọng nói? Chẳng lẽ đó không phải là giọng của cô ấy?

Eliza gật đầu. Được tạo ra từ các thiết bị điện tử, các dao động nhân tạo, từ vật chất lạnh lẽo, nhưng

đó là giọng nói của Laura. Chỉ có điều nó phát ra không phải từng từ, mà là một chuỗi âm thanh không âm tiết. Dường như Laura bị người ta bịt miệng, hay chính cô ta cố nói không mở miệng ra, hay bập bẹ như một đứa trẻ. Điều đó gây nên một cảm giác gần như thánh thiện nhưng đồng thời cũng khiến con người sợ hãi.

- Eliza, chị có hiểu không?

- Cái gì?

- Tôi hỏi, chị có giải mã được những gì cô ấy nói không?

Thậm chí đối với một người mạnh mẽ và cương quyết như Eliza Ixmani, ấn tượng này tỏ ra cũng quá chấn động. Chị không chịu đựng nổi. Chị muốn tựa vào một cái gì đó.

- Không, không! - chị nói, thở hắt hắt như bị nghẹn thở, và trong giọng nói của chị nghe như có tiếng nấc. - Không thể được! Ôi Laura tội nghiệp!

XV

- Ý đồ nảy sinh ra như sau. Từ đó đến nay đã mười một năm. Tôi như lang thang trong đêm tối. Xung quanh cả ngày lẫn đêm đều là bóng tối. Cô ấy đã ra đi. Chị hiểu không, Eliza? Tôi còn lại cái gì sau

đó? Mặt trời đã tắt. Tôi lang thang. Như một kẻ mộng du. Dưới sức nặng nỗi đau khổ của mình. Tôi tin rằng cuộc đời thế là đã hết. Hoàn toàn tin như vậy. Thực ra tôi chẳng hiểu gì cả. Cái đau khổ thật sự lại ở chỗ khác. Đó là nỗi tuyệt vọng ăn mòn ta từ bên trong. Tôi nghĩ rằng mình đã chết. Nhưng có thể, có thể - chỉ nghĩ đến đã kinh hoàng! - tôi chỉ lúc đó mới có được tự do!

Nói chung, con người sinh ra để đau khổ, con người không nhận thấy xung quanh bao nhiêu là sự an ủi - chỉ cần chia tay ra là có ngay, - mà chỉ thường xuyên tạo ra cho mình những nỗi lo âu mới. Ít ra tôi là như vậy. Chị chắc gì đã hiểu được tôi, nhưng hôm nay tôi thường nuối tiếc về cái thời mà tôi tưởng là cuộc đời của tôi đã hết. Laura đã chết. Tôi còn lại một mình. Nhưng... Rồi tôi sẽ kể chị nghe, sẽ giải thích hết. Tôi nghĩ mình là người bất hạnh nhất trên mặt đất. Tôi muốn tìm sự cứu rỗi ở một cái gì đấy.

Công việc. Tôi vùi đầu vào công việc khoa học. Không phân biệt ngày, đêm. Tôi như một thằng bị quỷ ám, và thậm chí tôi không hiểu là mình đã được giải thoát, rằng những đau khổ liên quan tới Laura đã buông tha tôi. Bởi vì tôi đã lại có khả năng làm việc như trước kia!

Và vào những ngày đó người ta mời tôi đến Bộ để bàn về một câu chuyện bí mật. Đề tài là một kế hoạch đặc biệt... Hay là dự án... Ta cứ nói là Số Một. Đã bảy năm rồi nó nằm trong tủ, giữa những chồng hồ sơ bụi phủ.

Họ gọi tôi đến, nói là đã đến lúc. Bọn ở Bộ này phải nói là đáng khen, họ quyết định làm ăn lớn.

Kinh phí không hạn chế, chị hiểu không? Hàng tỉ đồng vút ra trước mặt tôi như vô hấn, muốn dùng bao nhiêu tùy ý. Niềm mơ ước từ lâu. Nhưng đến lúc đó... Đến lúc đó tôi không còn hào hứng nữa. Tất cả chúng ta đều là người, đều là những con người bình thường cả.

Endriad và Eliza Ixmani chỉ có hai người ở trong rừng. Rồi khỏi pháo đài với rôbốt, họ ngược dốc đi qua bãi cỏ đến bìa rừng và bây giờ bước đi dưới bóng cây.

- Cùng làm việc với tôi có Aloizi. Trẻ hơn tôi. Một thiên tài. Một kẻ mơ mộng. Còn mơ mộng hơn tôi. Anh ta cũng biết Laura. Biết rất rõ, chị hiểu không? Đẹp trai. Hệt như Zigfrid hay Thiên Thần. Tôi cảm thấy anh ta với Laura... Nói chung chuyện đó không tránh khỏi. Và như bao giờ cũng vậy trong các trường hợp đó, tôi im lặng. Và anh ta im lặng. Rồi cô ấy chết. Tôi có thể căm thù anh ta được không? - Endriad thở dài. - Làm sao tạo ra một siêu nhân? Một người cũng như chúng ta, nhưng hoàn thiện hơn. Chúng tôi đã tiến hành một khối lượng công việc khổng lồ, đã đạt được những thành công nhất định. Thế còn cái gọi là cá tính nhân cách? Sự nhận thức các cảm xúc và khát vọng của mình? Cái cốt lõi của tâm hồn?

Chính Aloizi đã làm bước quyết định. Một phát minh vĩ đại. Trong một khối lượng tối thiểu anh ta đã tạo chứa được trí tuệ, tính cách và cái điều bí ẩn khiến chúng ta không ai giống ai. Bề ngoài, nếu đem so sánh với toàn bộ cấu trúc công trình, trông thậm chí nó có vẻ buồn cười. Một quả trứng bằng

kính cao hai mét. Rồi chị sẽ được thấy. Bên trong là một kiệt tác khoa học vĩ đại nhất. Chính tôi cũng không rõ được cái điều bí mật mà Aloizzi đã mang theo xuống mồ. Còn giấy tờ, tài liệu, bản vẽ của anh ta thì chúng tôi chưa tìm ra.

Tôi còn nhớ cái ngày lần đầu tiên anh ta nói với tôi về chuyện này. "Ta sẽ cho ra đời ai đây? - anh ta hỏi như đùa. - Đàn ông? Đàn bà? Kẻ chinh phục? Hay một vị thánh?"

Và tất cả những gì vẫn hành hạ tôi, những nỗi đau khổ của tôi lại trào lên với một sức mạnh mới. Liệu tôi có thể bỏ qua dịp phi thường như vậy không? Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới khả năng... Làm cho xuất hiện người đã chết được sống lại, Eliza, chị có hiểu không? Đúng ra là không có thân thể trước kia. Nhưng với một mất mát lớn đến thế thì thân thể có ý nghĩa gì? "Laura, - tôi nói. - Anh có thể tái tạo Laura được không?"

Aloizi liếc nhìn tôi. Tôi không bao giờ quên được cặp mắt anh ta, như của một thiên sứ, với ánh nhìn trong đó. Ở đấy có cả đau đớn, sợ hãi, và hi vọng, cũng một hi vọng như hi vọng của tôi, nhưng hi vọng của tôi lớn hơn.

Mấy tháng trôi qua như chớp mắt. Suốt cả năm trước đó tôi nghỉ, không làm gì cả. Tất nhiên không thể có chuyện yêu đương với Lutrana. Một thời gian dài cô ấy là trợ lý của tôi. Một phụ nữ tốt bụng, tận tụy... Nếu không có cô ấy, tôi không biết làm sao qua nổi sau bao nhiêu bất hạnh như thế. Cô ấy không đòi hỏi gì ở tôi cả. Chỉ yêu, thế thôi. Thậm chí tôi cũng không biết cô ấy có hạnh phúc không sau khi chúng

tôi cười nhau. Mọi chuyện cứ diễn ra thật đơn giản và tự nhiên. Tôi phải nói với chị rằng cô ấy có một trái tim, một tấm lòng bao la. Cô ấy có ghen tuông với nỗi đau khổ của tôi không? Có thể, nhưng cô ấy giấu kín.

Khi nhận thấy tôi lại lao vào công việc, Lutrana cho rằng thế là quá khứ đã bị lãng quên. Còn tôi làm việc để gọi lại Laura. Chị có thích điều đó không? Không tử tế, không xứng đáng, đúng không? Một sự dối trá như vậy trăm lần tồi tệ hơn mọi lừa dối mà Laura đã... Lutrana cho đến tận bây giờ vẫn chưa biết gì cả. Và cũng mong sao cô ấy đừng biết.

Nhưng thôi được. Giải thích cho chị hiểu Số Một được cấu tạo ra sao cũng chẳng để làm gì. Thoạt đầu chúng tôi nghĩ rằng cái khó nhất là dạy cho nó biết tư duy trừu tượng. Đó là điều cơ bản, nhưng bởi vì nó được xây dựng trên cơ sở logic nên tất cả những khó khăn chỉ là tương đối. Phức tạp hơn, phức tạp hơn nhiều lần là việc đưa các thông tin xúc cảm vào. Bất kì một tác nhân nào kích thích theo tuyến thị giác, thính giác, khứu giác v.v... đều cần không chỉ được ghi lại trong bộ nhớ mà còn được truyền tải đến các khối xúc cảm quan khác để cảm nhận, đánh giá và phân loại, xử lí. Sau đó có thể từ đấy phát ra các xung động điều khiển hoạt động. Eliza, chị vẫn nghe tôi đấy chứ? Tôi sợ làm chị...

- Không, không sao. Quả thật thú vị lắm.

- Ngoài ra còn nảy sinh vấn đề tự do. Nếu như chúng ta... Nếu như chúng tôi cố gắng tạo ra một tư duy độc lập, thì đến một thời điểm nào đó phải để tự

nó cho nó. Tất nhiên là có sự điều khiển theo thuyết quyết định luận, nhưng những quyết định sẽ không chỉ xuất phát từ chúng tôi: nếu khác đi thì sẽ được cái gì?.. Một cỗ máy thụ động, nô lệ?

Vậy là nhất thiết đến một lúc nào đó phải giao phó cỗ máy cho chính bản thân nó. Đến một thời điểm nào đó, sau khi trao cho nó những cơ quan tương ứng, chúng tôi thôi không kiểm soát các phái sinh tiếp theo. Vấn đề không chỉ ở sự quá sức phức tạp các yếu tố cấu thành. Chẳng bao lâu sau từ phía cỗ máy đã xuất hiện những dấu hiệu của sự trái ý tự chuyên, tự quyết định. Và đầu óc con người không thể theo dõi được quá trình tư duy của nó nữa. Hơn nữa, trong một thời điểm con người chúng ta chỉ có thể suy nghĩ về một điều gì đó, còn quái nhân của chúng tôi có thể đồng thời thực hiện đến bảy thao tác tư duy không liên quan tới nhau nhưng vẫn nằm trong một hệ nhận thức duy nhất.

Nói chung, chúng tôi đã để tuột khỏi tay sợi chỉ dẫn đường, và chúng tôi chỉ còn cách ghi nhận những hành vi của cỗ máy. Điều đó cũng giống như hiện tượng nước ngầm khi con sông bỗng biến mất xuống dưới mặt đất và chỉ xuất hiện trở lại sau mấy cây số. Còn nước sông làm gì ở dưới lòng đất thì không một ai biết cả.

Mà chị Eliza này, có bao giờ chị tự hỏi cái cảm giác tự do của chúng ta sinh ra ở đâu không? Cái cội nguồn đầu tiên của nó như thế nào? Ở đâu cái quan trọng nhất, cái vô điều kiện nhất mà nhờ nó ngay cả khi ở trong tù, ngay cả khi ốm đau thập tử nhất sinh

chúng ta cũng không mất tự chủ? Thiếu cái đó chúng ta chỉ còn lại nước hóa điên?

- Lạy Chúa! - Eliza Ixmani nói. - Thú thật, em chưa bao giờ nghĩ về điều đó.

- Tôi muốn nói rằng, - Endriad tiếp, - cuộc sống, ngay trong những điều kiện may mắn nhất, cũng có thể trở nên không chịu đựng nổi nếu chúng ta bị tước mất khả năng tự tử. Tất nhiên là không có ai đi nghiên cứu về điều đó. Nhưng chị tưởng tượng xem thế giới này sẽ biến thành cái gì nếu bỗng nhiên có thông báo rằng từ nay không ai có quyền chủ động đối với cuộc đời của mình nữa? Sẽ thành một nhà tù khổ sai khủng khiếp. Tất cả sẽ hóa điên.

- Nghĩa là đối với cả cỗ máy của các anh cũng thế?

- Cả nó cũng thế. Để nó có thể sống, giống như chúng ta, cũng phải trao cho nó khả năng tự hủy diệt.

- Nhưng như thế nào?

- Điều đó lại hết sức đơn giản. Một liều thuốc nổ mà nó có thể ra lệnh.

- Và các anh đã cho nó thuốc nổ?

Endriad hạ giọng:

- Chúng tôi buộc nó tin vào điều đó. Có thiết bị gây nổ thật. Nhưng thay vì thuốc nổ trotyl là một thứ chất vô hại. Cái quan trọng là không để nó biết. Tính khí Lauretta khi nổi cơn lên là có thể...

Và rồi đến ngày X., - Endriad nói tiếp, - khi công trình của chúng tôi cần khởi động toàn bộ và đồng

thời. Nó sẽ được hoàn toàn độc lập. Chúng tôi không còn có thể tác động đến nó nữa.

Cho đến ngày hôm đó nó chỉ là một khối các máy móc cơ khí và sơ đồ - một bộ não điện tử thô thiển nhất. Bây giờ cái búi thần kinh do Aloizi tạo ra đó, cái tế bào tính cách, cái quả trứng bằng kính mà tôi nói ấy, cái bản nguyên tinh tế nhất của cuộc sống cần phải hoạt động. Từ đó, thông qua sự cân bằng tự động của sức bù quán tính sẽ tuôn ra luồng ánh sáng của trí tuệ, khả năng hưởng thụ và đau khổ. Nhưng liệu có phạm phải sai lầm nào không? Các tính toán có chính xác không? Trong thực tế cái gì sẽ có thể xảy ra? Đứa con của chúng tôi sẽ là ai? Laura hay là một kẻ nào đó vô danh không xác định được?

Chỉ còn mỗi việc xoay công tắc. Tôi thú thật với chị, đó là một khoảnh khắc khó khăn. Tất cả xung quanh nín thở.

- Thế những người khác. - Eliza hỏi, - họ có biết về Laura không?

- Chỉ có tôi và Aloizi. Đối với những người khác đó chỉ là Số Một.

- Ai xoay công tắc?

- Tôi. Bằng bàn tay này. Tôi vừa xoay vừa nghĩ: Laura, Laura, chỉ một khoảnh khắc nữa thôi là em sẽ lại sống cùng các anh.

- Rồi sau đó?

- Bề ngoài thì không có gì xảy ra cả. Hàng triệu sơ đồ nhận được năng lượng, băng từ bắt đầu quay để thu và phát thông tin. Nhưng từ trong lòng máy vang lên những âm thanh xào xạc nào đó. Tôi đã

nghĩ là tôi sẽ không chịu nổi - sự xúc động lúc đó là quá lớn.

Rồi tiếp đó một quãng lặng. Âm thanh xào xạc biến mất. Và tôi đã nghĩ mọi việc đều ổn. Tôi nhìn sang Aloizi - anh ta đứng ngay bên cạnh tôi. Anh ta hiểu ý tôi. Anh ta lắc đầu. Và mỉm cười.

Rồi lại vang lên những âm thanh xào xạc và còn kèm theo một thứ tiếng trầm vang nào đó nữa. Dường như tiếng thở của một người khổng lồ. Số Một, đứa con của chúng tôi, bắt đầu cuộc sống của mình. Nhưng nó là ai? Laura hay là một kẻ X nào khác?

Tôi còn nhớ Manunta mang đến cho tôi những dữ liệu đầu tiên do cỗ máy đưa ra. Giải thích điều này hơi dài. Chị hình dung một dải băng với vô số những đường vạch ngang có độ dài ngắn khác nhau và sắp xếp theo những cách khác nhau. Sự thể hiện bằng đồ họa của hoạt động tư duy. Nhưng đó không phải là ngôn ngữ. Đó chính là hiện thân của tư duy. Hoặc là ngôn ngữ tuyệt đối, nếu chị muốn. Một thứ rất phức tạp. Để đọc được nó cần phải rất nhiều kinh nghiệm. Bây giờ đang là vậy. Có thể ngày mai sẽ tìm được cách dịch tự động nó ra một thứ tiếng nào đó. Tôi muốn Ixmani, chồng chị, làm chính cái việc này.

Vậy là, tôi nhìn những dải băng đó, và thú thật, không một ấn tượng nào cả. Những dữ liệu chung. Mô tả thời tiết. Phát hiện một chiếc máy bay, và hình như một con chim ưng. Tổng kết lại những phép tính thực hiện trong hai ngày trước đó. Bởi vì trước đây Số Một đã hoạt động một thời gian, trong chừng mực điều đó là cần thiết. Nhưng, có thể nói, trước đó nó

chỉ hoạt động một cách không có ý thức, không có sự phối hợp tương tác đồng thời tất cả các thao tác.

Nhưng lúc đó xuất hiện cái mà thậm chí chúng tôi không hi vọng có - sự khẳng định tuyệt đối: giọng nói. Một hiện tượng về cơ bản không giải thích được. Chúng tôi không có ý định cho cổ máy một cơ quan âm thanh - chẳng để làm gì, nó chỉ cần cho các người máy hội chợ, để trình diễn trước đám đông. Một sự hoàn thiện về kĩ thuật, không hơn. Nó không cần thiết cho mục đích của chúng tôi.

Nhưng giọng nói đã xuất hiện - cho đến nay chúng tôi vẫn chưa biết bằng cách nào. Chị đã nghe rồi đấy. Nó không giống tiếng động tự nhiên của hàng nghìn hàng nghìn bộ phận máy móc đang hoạt động. Đó là một cái gì đấy độc lập, một dao động tự do, nó có thể cùng một lúc và với một cường độ như nhau nảy sinh ra ở trong các khu vực khác nhau, khi thì ở nơi này, khi thì ở nơi kia.

Lúc đầu tôi đã nghĩ về một sự trục trặc nào đó. Rồi tôi nhận ra ngữ điệu, âm lượng, cách diễn đạt quen thuộc. Tôi chưa từng trải qua một cảm xúc nào tương tự trong đời. Một dòng âm thanh không phân biệt được những âm tiết. Và hoàn toàn không hiểu nó có nghĩa gì. Nhưng tôi nhận ra: Laura.

Eliza, chắc chị có nghe nói về một loại âm nhạc điện tử, khi ca từ và giọng người được thay thế? Không còn có thể phân biệt được lời, nhưng tính biểu đạt vẫn nguyên vẹn. Không còn câu ca, lời ca, nhưng âm nhạc vẫn nói được tất cả những gì cần nói. Và ở đây cũng vậy, nhưng ở đây không phải là thứ ngôn ngữ mơ hồ và đa nghĩa của âm nhạc cổ điển, mà là

một thứ tiếng nói tốt cùng chính xác, trong phương diện nào đấy còn chính xác hơn cả tiếng nói bình thường của con người.

Cái giọng nói tôi nghe được là như thế đó. Và tôi lập tức đem so sánh nó với những xung động tư duy ghi trên băng từ theo các công thức của Trecatiev. Và tự hỏi: cái giọng nói kì lạ này có ngẫu nhiên tương hợp với những xung động đó không? Chúng tôi vội vã làm một thử nghiệm và đem dịch cuộn băng từ vừa ghi được thành âm thanh. Kết quả khiến chúng tôi sững sờ: nó chính là âm thanh đó.

Nhưng những gì được ghi dần lên băng từ lại không trùng hợp với các cơ cấu điều khiển giọng nói. Giọng nói tồn tại độc lập, nó không để lại dấu vết trong bộ nhớ của cỗ máy. Vậy nó nói cái gì?

Tất cả những chuyện này xảy ra mười tháng trước đây. Chỉ có thể tưởng tượng được tôi đã gắng sức đến mức nào để tìm ra câu trả lời. Giải mã giọng nói đó. Căng thẳng khủng khiếp. Trước hết, cần phải giải nghĩa, trên cơ sở modul của chúng tôi, những văn bản ghi trên băng từ bình thường. Không thể thiếu thao tác này được. Khi đã ghi nhận được ý nghĩa, chúng tôi sao từ băng ra hiệu ứng âm thanh. Đối chiếu những âm thanh không khuôn thức đó với ý nghĩa đã được biết. Tìm ra sự tương ứng, huấn luyện thính giác cách nắm bắt những âm sắc nhỏ nhất. Như khi học tiếng Anh. Làm sao cho giữa chữ viết trên giấy và từ phát âm lên không còn có một chút sai lệch nào. Dần dần rồi sẽ quen. Ở đây phức tạp và tinh tế hơn nhiều. Nhưng tôi đã làm được.

- Và bây giờ anh đã hiểu hết?

- Gần hết.

- Chỉ một mình anh? Không còn ai khác nữa?

- Còn Manunta. Không được như tôi nhưng cũng gần. Manunta là một con người tuyệt vời. Và rất gần bó với tôi. Không bao giờ phản bội.

- Thế Xt'robele?

- Xt'robele? Chắc chị đã hiểu: Xt'robele là một kĩ sư xuất chúng. Không có anh ta thì chúng tôi bó tay. Một nhà tổ chức cực giỏi. Còn về những chuyện khác lại hết sức ngu ngốc. Làm sao anh ta có thể hiểu hết mọi chuyện?

- Thế còn Aloizi thì sao?

- Aloizi, theo tôi nghĩ, hiểu giọng nói ít ra cũng không kém gì tôi. Nhưng không nói ra một lần nào. Tôi cũng không hỏi. Chị đừng cười. Laura một lần nữa lại chen vào giữa chúng tôi, chia tách chúng tôi ra. Rồi Aloizi bị tai nạn ở trong núi. Cũng có thể như vậy lại tốt hơn.

- Thế anh ngay lập tức nhận ra Laura?

- Ngay lập tức. Đối với tôi, và có lẽ đối với Aloizi cũng thế, đó là chấn động lớn nhất trong đời. Từ cái pháo đài góm guốc được xây bằng các chữ số này đã vang lên giọng nói của một người đàn bà, người đàn bà duy nhất trong suốt nhiều năm cuốn hút mọi ý nghĩ của tôi. Thú thật, trong một khoảnh khắc tôi đã cảm thấy mình như một Đức Chúa Trời. Từ hư vô, từ vật chất chết lạnh đã tái tạo nên một sinh linh! Aloizi đứng bên cạnh và cứ nhìn tôi, nhìn mãi. Không tỏ ra vui mừng, phấn khởi, mà chỉ đơn giản đứng yên

bên cạnh. "Anh sao thế - không nhận ra à? Đây là giọng nói của cô ấy, nào, anh nói đi, có phải của cô ấy không?" Anh ta lắng nghe một lúc, rồi nói có vẻ không tin tưởng lắm: "Vâng, giọng nói của cô ấy. Nhưng đó không phải là cô ấy".

Chị sẽ hỏi anh ta muốn nói gì? Giọng nói đích thị là của Laura. Nhưng chỉ có giọng nói. Tất cả những cái khác, cái mà người ta gọi một cách thô thiển là tính cách, lại xa lạ, thuộc về một người nào khác không quen biết, không xác định. Còn nói chính xác hơn, nói chung đó là cô ấy, nhưng lại thiếu một cái gì đấy, thiếu chính cái dấu hiệu, chính cái bản nguyên bí ẩn mà nhờ nó mỗi một người trong chúng ta là duy nhất trên thế giới này.

Làm sao bây giờ? Từ bỏ? Làm lại tất cả từ đầu? Nói thật lòng, nếu như không có Aloizi, tôi đã đầu hàng. Nhưng Aloizi biết Laura cũng rõ như tôi, thậm chí còn hơn tôi. Chúng tôi giam mình trong các mê cung của rôbốt. Ngắt hết các công tắc. Số Một lại trở thành một khối vật chất chết lặng.

Tôi khó có thể giải thích được, chị Eliza thân mến ạ, cái công việc chúng tôi đã làm là như thế nào. Nó giống như việc điều trị não, chữa chạy linh hồn. Sai lầm là ở chỗ: chúng tôi đã tạo ra Laura theo những yêu cầu của tôi - một người đàn bà tốt bụng, trung thành, mê đắm. Tức là không giống Laura. Để có được một Laura thật sự, cần phải đưa vào sự cay độc, dối trá, gian xảo, háo danh, kiêu kì, những ham muốn kì quặc - tất cả những gì đã khiến tôi đau khổ. Tóm lại, để có được cô ấy, Laura của tôi, tôi buộc lại phải trở nên bất hạnh.

Sự việc tiếp theo như sau. Tôi còn nhớ một buổi chiều tháng Hai, xung quanh phủ đầy tuyết, trời đã bắt đầu tối, tôi ngồi trong phòng làm việc ở nhà. Và bỗng nhiên - giọng nói của con quái nhân ấy, của cái tạo vật của chúng tôi vừa mới được cho sống lại. Giọng nói của cô ấy, của Laura.

Và ngay tức khắc trong ngực tôi, ở đây, như có lửa đốt. Lo âu. Day dứt. Tuyệt vọng. Tình yêu.

Bây giờ thì đúng là Laura. Không còn một chút nghi ngờ nào. Tôi lại đau khổ.

- Anh đã rất yêu cô ấy?

- Từ ngày ngày đầu tiên, - Endriad đáp, - tôi đã đánh mất sự thanh thản. Đính hôn, đám cưới, cuộc sống chung - không có gì có thể làm dịu đi những đau khổ của tôi. Nhìn thấy cô ấy, đụng chạm, biết rằng cô ấy luôn luôn là của tôi, vào bất kì giờ phút nào của ngày và đêm - tất cả những cái đó cũng chẳng giúp được gì. Cô ấy xa lạ, tách biệt, náu kín trong các suy nghĩ và ước muốn không nắm bắt được. Cười nói, đùa cợt. Vô ích. Tôi không tìm thấy sự thanh thản. Và tất cả thật đơn giản: tôi yêu, còn cô ấy thì không.

Lại bắt đầu những cực hình. Tôi lại cảm thấy cô ấy bên cạnh - run rẩy, xa lạ, không đạt tới. Tách biệt trong tòa thành phong kín của Số Một, không có khả năng cứu mình, chạy nhảy, không có khả năng phản bội tôi bằng một cách nào khác ngoài ý nghĩ. Nhưng nỗi thèm khát đam mê của tôi vẫn như xưa, khi Laura còn tồn tại thật bằng xương bằng thịt.

Eliza, có thể chưa bao giờ chị phải trải qua một điều tương tự. Mất trí vì một người không bao giờ có

thể thuộc về mình trọn vẹn. Và cả ngày cả đêm khắc khoải, không còn sức lực để nghĩ về một điều gì khác. Thần kinh thường xuyên căng thẳng. Không một phút nghỉ ngơi. Và những bản khoán, nghỉ ngơi, lo lắng thường xuyên khoét đục đầu óc.

Thậm chí ngay cả bây giờ, khi tôi nói chuyện với chị giữa khu rừng im lặng này, trong lòng tôi vẫn không yên, tim đang chết lặng. Cô ấy, Laura, nằm ở đằng kia, trong lòng hang, bất động, và tôi là ông chủ toàn quyền đối với cô ấy. Nhưng tôi có biết cô ấy nghĩ gì không? Cô ấy nghĩ gì về tôi? Cô ấy đã học nói dối. Ranh mãnh đến mức đánh lừa thậm chí cả những đầu ghi từ. Thoát khỏi sự kiểm soát của chúng tôi. Chúng tôi sẽ không bao giờ theo dõi được những suy nghĩ thâm kín của cô ấy nữa. Và tôi ở đây, đứng trước mặt chị, là một tên nô lệ bị hất hủi, ngớ ngẩn...

- Anh Endriad, trong toàn bộ câu chuyện này có một điều em không hiểu. Có phải công trình của các anh được xây dựng bằng kinh phí của Bộ Chiến Tranh không? Chẳng lẽ nó không phải để phục vụ chiến tranh à?

- Có chứ! Dự tính thiết kế không chỉ một khả năng tính toán mạnh mà còn cả một trực cảm vượt trội khả năng của trí não con người. Và bằng cách đó giải quyết những vấn đề mà hiện nay còn chưa trực tiếp đặt ra. Tôi có thể kể ra hàng chục vấn đề như vậy. Sự uốn cong nhân tạo từ trường chẳng hạn, nó có thể cho phép xây dọc các đường biên giới một bức tường vô hình có chiều cao không giới hạn. Và Số Một, chị hãy tin, có thể làm được một cái gì đó...

- Nhưng sao lại như vậy? - Eliza hỏi. - Nếu như

Số Một có khả năng tính toán khủng khiếp như thế, thì nó không thể là Laura được. Còn nếu đó là Laura, thì anh đừng có chờ cô ấy làm phép tính.

- Chị cho là tôi đã bán rẻ Tổ Quốc, hả Eliza? Cái Tổ Quốc có thể trở thành một cường quốc hùng mạnh nhất trên thế giới, một sức mạnh vô địch, mà tôi lại đem phá hỏng vì một mẩu đam mê ái tình nhỏ bé của mình sao? Chúng ta có thể có một bộ não thiên tài nhất trên thế giới, mà thay vào đó... là một bóng ma của đàn bà; của một người đàn bà bé nhỏ trái tính trái nết? Chị nghĩ như thế phải không?

- Cũng gần như vậy.

- Đó cũng là điều chúng tôi quan tâm. Tham vọng quá nhiều, chúng tôi mạo hiểm sẽ chẳng được cái gì cả - không bộ não thần kì mà cũng không cả hình bóng của Laura. Thật may là chúng tôi đã thành công.

Eliza, chị có hiểu tôi không? Chúng tôi đã giải quyết được bài toán của chúng tôi. Cá tính của Laura chung sống được với thiên tài toán học. Chúng tôi đã đạt được cái chúng tôi cần. Chị hãy tưởng tượng cảnh cái bọn thộn ở trên Bộ mò xuống đây: "Nào, Số Một, hãy cho biết bảy trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm bảy mươi chín lữ thừa hai mươi bốn sẽ là bao nhiêu?" Còn Số Một sẽ thè lưỡi ra cho họ.

- Em không hình dung nổi Laura là giáo sư toán cao cấp, - Eliza Ixmani nói.

- Bộ não của Einstein so với bộ não của cô ấy chỉ là một hộp diêm bé tí xiu. Tuy vậy đó vẫn là cô ấy, Laura, một người đàn bà cho tới tận chân tóc... ô lấy Chúa, cho đến tận nền móng các bức tường của

mình... Tại sao chị lại nhìn như vậy? Chị cho là tôi điên à?

- Xin lỗi, anh Endriad. Tất cả những điều đó quá thật quá hoang đường.

Eliza Ixmani ngồi xổm dưới một cây thông. Xung quanh chân chị là tấm thảm dệt bằng những chiếc lá kim khô, những cành cây khô, những lối mòn của đàn kiến. Những vệt nắng nhảy múa khi gió lay động ngọn cây. Một con chim bướng bình nào đó cứ hót gọi, gọi mãi. Nó gọi ai? Còn từ đó, từ phía bên kia cánh rừng, từ lòng khe, vọng lại tiếng thì thầm mơ hồ, kéo dài, một cuộc sống trẻ trung âm vang đầy bí ẩn.

Eliza Ixmani lại ngẩng đầu lên, liếc nhìn Endriad, một con người khác thường, đang bị dẫn vật, và chị mỉm cười.

- Thế còn bây giờ... Anh vẫn bất hạnh như trước?

Ông đưa tay vuốt mặt.

- Tôi không biết. Đôi lúc tôi có cảm tưởng như là tôi đã bắt đầu cuộc sống từ đầu. Nhưng nỗi lo nhiều năm vẫn không buông tha. Rồi sau đó tôi sợ, tôi sợ...

- Anh sợ cái gì?

- Tất cả. Tôi sợ những kẻ thù không rõ mặt. Chị nghĩ là ở nước ngoài người ta không biết về phát minh của chúng tôi sao? Giám điệp, thám báo, bọn giết người thuê... Tôi có cảm giác như tôi nghe thấy chúng lần mò xung quanh, tôi đoán ra âm mưu căm lạng của chúng. Giống như một đàn mối, chúng gặm đục, gặm đục để xông đến đây. Và hủy diệt hết. Xung quanh là tường lũy, chướng ngại, các trạm kiểm soát thường trực, hệ thống báo động, dàn thép gai cao thế.

Nhưng tất cả đều vô vẩn. Tôi không tin tưởng những cái đó. Nhưng vẫn đề thậm chí không phải ở đây. Tôi bám vào nỗi sợ bị tấn công để không nghĩ về điều khác.

- Điều gì?

Endriad lắc mạnh đầu, nhưng sợi tóc bạc bay tung ra tứ phía. Ông giận dữ dẫm chân.

- Tôi với chị quen nhau mới có mấy ngày. Và chưa biết gì về nhau cả. Hai hành khách mấy giờ đồng hồ cùng nhau trong một toa tàu. Con tàu đang đi. Còn tôi... tôi bực bực với chị những bí mật sâu kín nhất của đời tôi, phô bày ra trước chị cái chết của tôi. Ô, Laura, Laura, tôi không đủ sức để tin rằng cô ấy đã trở lại! Rằng điều đó là do tôi, do chính tay tôi. Và nếu như, nếu như...

- Em nghĩ, em có thể là bạn của anh, - Eliza Ixmani nhẹ nhàng nói.

- Nếu như... nếu như... - Endriad chậm chạp nhắc lại, chìm đắm trong những suy nghĩ của mình, - nếu như phép màu được thực hiện đến cùng... Nếu như ở Laura này, mà chúng tôi đã tạo ra theo từng mảnh, từng ô, sẽ xuất hiện linh hồn của Laura thật, cái linh hồn đến nay vẫn lang thang trên mặt đất, và có thể, cả ở trên trời nữa... Tôi muốn nói là, nếu như nàng Laura này của chúng tôi được đưa từ mộ lên nhờ những phương trình toán học, nàng Laura nhân tạo mà tôi với Aloizi tái tạo thành một người hạnh phúc, vui vẻ, nhẹ dạ, tươi trẻ, - chắc chị cũng nhận thấy nét trẻ trung, sôi nổi, vui vẻ ấy - sẽ ra sao nếu như Laura này sẽ trở thành Laura thật sự đến tận cùng và cô ấy

nhớ lại được cuộc sống của mình trước kia? Những khao khát... Sự tuyệt vọng... Sẽ ra sao nếu cô ấy nhận thức được tình trạng khủng khiếp của mình bây giờ, khi bị biến thành một thứ nhà máy điện, bị cùm chặt vào các mỏm đá, - một người đàn bà không có cơ thể, có khả năng yêu nhưng không có khả năng được ai yêu trừ một kẻ điên rồ như tôi, một người đàn bà không có môi để hôn, không có thân mình để ôm ấp, không có... Eliza, chị hiểu không, cuộc sống của cô ấy sẽ biến thành một địa ngục khủng khiếp đến dường nào!

- Nhưng điều đó là phi lí. Không thể tự hành hạ mình bằng những điều tưởng tượng vô nghĩa như thế được. Anh đã tái sinh một con người. Trên thế giới chưa ai làm được như vậy. Kể cả các hoàng đế, kể cả các thánh nhân. Chỉ riêng chúng đó đã đủ rồi. Đã có ai bao giờ có được một thành công như thế chưa?

Endriad cũng ngồi xuống, dựa lưng vào một thân cây. Nét mặt ông hơi giãn ra. Ông rút từ trong túi một bao thuốc lá nhàu nhĩ, hỏi:

- Chị hút không?

- Cảm ơn, em không hút, - Eliza đáp.

Những vệt nắng trên mặt đất mờ tắt. Mặt trời bị một đám mây che khuất. Endriad châm thuốc hút.

Eliza Ixmani hỏi:

- Thế Laura này có yêu anh ít nhiều tí nào không?

Endriad nhìn thẳng vào mặt chị:

- Yêu - tôi? - và ông lắc đầu.

- Thế anh nói chuyện với cô ấy như thế nào?

- Tôi nói chuyện như thế nào à? Bằng những

thông tin thể hiện qua những con số. Hay là các công thức đồ thị tư duy, như cách nói của chúng tôi. Trong các câu chuyện đó không có gì đáng ngờ. Tất cả đều được ghi vào bộ nhớ của máy. Bất kì ai cũng có thể dễ dàng khôi phục được các câu chuyện đó - một Ủy ban điều tra nào đó chẳng hạn. Không hôm nay thì ngày mai họ sẽ đến, tôi đã cảm thấy như vậy.

- Nghĩa là Laura này không biết tí gì về anh cả.

- Khó có thể nói được. Một mặt, chúng tôi không dạy cô ấy ngôn ngữ của chúng ta. Việc đó chẳng dễ làm gì, thậm chí còn nguy hiểm nữa là khác. Ngôn ngữ, như tôi đã giải thích với chị, là một cái bẫy đối với tư duy của con người. Mặt khác, từ mấy lâu...

- Anh nói đi, Endriad.

- Mấy lâu nay... mà thực ra có lẽ đó chỉ là hi vọng của tôi... tôi có cảm giác là khi chúng ta nói, cô ấy hiểu hết. Bởi vì về mặt lí thuyết chúng tôi đã cho cỗ máy một công cụ cần thiết và hữu hiệu để có thể giải mã bất kì câu nói nào bằng bất kì ngôn ngữ nào.

- Anh muốn nói rằng Laura hiểu những câu chuyện của chúng ta?

- Hi vọng là như thế. Tôi sợ là như thế.

- Thế còn Laura thì nói gì?

- Cô ấy nghĩ về Xt'robele. Phải lòng cái gã thộn ấy. Hỏi còn cách nào khác? Laura vẫn là Laura, thế thôi. Nhất là vào lúc này, khi tôi không còn là chồng nữa. Tôi là cha. Tôi đã sinh ra cô ấy. Cha, chồng và người mơ tưởng cùng một người đàn bà ấy. Mới khéo làm sao, phải không?

Endriad ném mẩu thuốc đang hút đi, nó rơi

xuống đất rồi vẫn còn bốc khói.

- Cô ấy không yêu - thôi được, có khác gì đâu? Bởi vì cô ấy thậm chí không biết tôi là ai, nói chung không biết về sự tồn tại của tôi. Thôi được! Chỉ mong sao cho cô ấy dễ chịu...

- Chẳng lẽ anh yêu cô ấy đến vậy?

- Phải!

- Thế còn Xt'robele?

- Tốt nhất là đừng nói về anh ta với tôi. Anh ta, một thằng ngu, thì hiểu gì về những bí ẩn mê hồn này? Thực ra, đó là quy luật. Kẻ nào càng yêu nhiều, kẻ đó càng ít được người yêu. Đàn bà thường mất trí với những kẻ không thèm để mắt đến họ. - Ông nặng nhọc đứng dậy. - Xt'robele tội nghiệp! Anh ta được một linh hồn con người đầu tiên do bàn tay con người tạo ra yêu! Mà anh ta, thật may mắn, không hay biết. - Endriad nhìn đồng hồ. - Mười hai giờ mười lăm phút. Muộn rồi. Lutrana sẽ nói gì? Ta về chứ?

Đúng vào lúc đó sự im lặng của cánh rừng bị phá vỡ bởi tiếng vọng từ xa tới của cái lòng hang bị phù phép. Trong tiếng vọng đó có những chỗ ngắt quãng kì lạ, sau mỗi quãng ngắt dao động âm lại tăng gấp, như hơi thở nặng nề của một người không đủ không khí để thở sâu, lồng ngực như bị một tảng chì nặng chệch ngang và trong đầu thoáng hiện ý nghĩ về cái chết.

Endriad căng người lên và giống như một kẻ vượt ngục vừa kịp hít thở tự do thì bỗng lại nghe tiếng bước chân săn đuổi của lũ đao phủ.

- Có gì thế, anh Endriad?

Không còn nghe Eliza nói, ông nhón nhác nhìn quanh.

- Đức Mẹ Đồng Trinh! - ông rên lên. - Chị có nghe thấy không? Người ta đã làm gì với cô ấy thế?

Im lặng. Rồi một tiếng người gọi.

- Giáo sư Endriad! Giáo sư!

XVI

Cũng vào buổi sáng hôm đó, khoảng gần trưa, trong tiếng côn trùng rỉ rả không ngớt trong các đám cỏ xanh, Jancarlo và Olga Xt'robele đi theo con đường mòn nhỏ qua bãi cỏ xuống bờ con sông nhỏ Turiga hiền hòa chảy uốn quanh chân tường của Số Một. Ở đây khỏi cần phải có phòng thay quần áo - xung quanh hoang vắng không một bóng người.

Vốn là người giữ ý hơi thái quá, Xt'robele, mặc may ô, quần dài trắng và xăng đan, đi vào sau một lùm cây để thay quần áo.

Là một tín đồ thanh giáo, anh cho việc phơi bày thân thể ra ngoài trời là đáng xấu hổ và tội lỗi (mặc dù anh nhìn chung là một gã điển trai và vì vậy, khi chỉ còn mặc một chiếc quần lót khá dài, anh không đi đi lại lại trên bờ mà nhảy ngay xuống nước.

Anh ngoi lên từ làn nước sâu tĩnh lặng màu xanh

và ngoái nhìn vào bờ chờ Olga sẽ xuống theo anh. Nhưng vừa nhìn lại, anh sững sờ đứng lặng.

Trong nắng, cân đối và mảnh mai như một thiếu nữ, Olga đứng thẳng trên bờ hoàn toàn khỏa thân.

Khẽ nâng khuỷu tay để sửa lại búi tóc, Olga, trông như một chiếc bình sứ cổ, hiến tặng anh cùng mặt trời và thiên nhiên tấm thân tuyệt đẹp của mình và cất tiếng cười tràn trề hạnh phúc.

- Olga, mặc áo tắm vào! - Xt'robele gọi, nằm ngửa ra và nhẹ nhàng quẫy nước.

- Em không có áo, - Olga đáp bằng giọng một đứa bé gái nũng nịu. - Em quên ở nhà rồi.

- Thì mặc áo về nhà lấy. - Giọng Xt'robele trở nên thô rắn.

- Không đời nào. Ai trông thấy em ở đây? Chẳng lẽ em lại ngượng với anh à, đúng không?

- Đừng bướng, Olga. Lẽ có ai đến.

- Nhưng ở đây xung quanh đều rào kín. Lại có cả chó canh.

- Không còn chó nữa.

- Sao lại không? Thế còn Volf?

- Chúng sửa suốt ngày đêm từ khi cái... cỗ máy này bắt đầu làm việc. Phát điên lên hết.

- Chúng sợ à?

- Thôi đủ rồi, Olga, chúng ta không tranh cãi nữa.

- Ôi, anh Jancarlo! - Olga cười phá lên. - Em hiểu cả rồi. Tất cả là vì cái cỗ máy này à? - Em cần phải xấu hổ trước nó à?

- Olga, ít ra em cũng choàng khăn tắm vào. Nhỡ

Endriad hay Ixmani hay ai trong số thợ điện đến thì sao?

- Chà, anh Jancarlo, đôi lúc anh như bị thần kinh ấy. Chẳng lẽ em lại phải giữ ý với cỗ máy của các anh, cái bộ não điện tử này sao? Anh sợ là nó sẽ ngượng à? - chị ta phá ra cười hô hố - Hay là nó nổi máu lên?

Vừa tiếp tục cười, người đàn bà khỏa thân quay về phía ô ngăn gần nhất của rôbốt, một khối lục lăng bằng bê tông đứng trên gò cỏ cách đây khoảng tám chục mét, một nửa bức tường chìm lấp trong những lùm cây có hình dáng rất đẹp. Và chị ta vui vẻ hét to:

- Ê, anh chàng điển trai, có nhìn thấy em không?

Chị ta vừa kêu to vừa vươn tay như đang hiển dương mình, thoải mái phô bày trước rôbốt toàn bộ vẻ đẹp của mình.

- Thôi! Đủ rồi! Phải biết xấu hổ chứ! - Jancarlo Xt'robele không kìm được nữa. Bằng ba sợi tay, anh bơi đến bờ, leo lên chạy bổ đến bên vợ.

Nhưng Olga khéo léo tránh được và vừa cười vừa chạy theo bãi cỏ tươi tốt thẳng về phía rôbốt.

Xt'robele đuổi theo, vừa chạy vừa vấp khi những ngọn cỏ quăn vào bàn chân trần của anh. Còn Olga dường như không cảm thấy gì, cứ lướt như bay trên mặt cỏ.

Cơn giận làm tăng thêm sức lực, và khi chị vợ quay đầu lại để trêu chọc anh, Xt'robele nhảy bổ tới như khi người ta lao xuống nước, và tóm được mắt cá chân của Olga. Chị ta ngã sõng soài lên mặt đất.

- A-a-a! Anh điên rồi à? Anh làm sao thế? - Olga hét, cố tìm cách ngồi dậy.

Nhưng Xt'robele không buông tay. Giật mạnh, anh kéo vợ về phía mình, túm lấy hai vai và lật ngửa ra, trong cơn điên cuồng cho chị ta một cái tát.

Tiếng cười bị cắt ngang. Chị vợ vùng vẫy kêu khóc. Vặn vẹo thân mình và phun phì phì, chị ta đấm liên hồi vào hai cánh tay rắn chắc của chồng.

Vào lúc đó ở phía bên kia đám cây chột có tiếng người:

- Giáo sư, thưa giáo sư!

- Trốn vào đây, nhanh lên, trốn vào đây và ngồi im! - Xt'robele thở hổn hển ra lệnh, tay chỉ vào một bụi rậm ở gần nhất, rồi buông vợ ra, đứng nhòm dậu.

- Ân vào đi, vì Chúa! - anh nói và vội vã đi về phía viên kĩ thuật viên trưởng Manunta đang gọi anh.

Lần này Olga ngoan ngoãn nghe lời. Hãy còn chưa lấy lại nhịp thở sau cuộc vật lộn, chị ta chui vào dưới bụi cây và ngồi im, trong khi anh chồng rẽ đám cây rậm rạp đi sang phía bên kia.

Manunta chạy xuống bờ sông gặp anh.

- Có chuyện gì thế, Manunta?

- Thưa giáo sư, - viên kĩ thuật viên trưởng đáp, - về nhanh lên! Ở đó, trong buồng số bảy, có cái gì đấy không ổn. Tôi sợ bộ đổi phản ứng bị chập mạch và nó đã cháy.

- Bao giờ?

- Ba - bốn phút trước đây. Tôi đang ở phòng điều khiển, vừa đi tuần một vòng xong, và bỗng nhiên

nghe có tiếng gì đó như tiếng rít, rất to. Từ buồng số bảy. Và ba bóng đèn đỏ bật lên.

- Cầu chì?

- Vâng, cầu chì. Nhưng đây chưa phải là tai họa, vì cơ chế tự động đã làm việc. Tai họa là ở chỗ sau đó...

- Tôi hiểu rồi. Manunta, anh chạy đi cho tất cả về cực tiểu. Nhanh lên. Tôi mặc áo quần rồi theo sau.

XVII

Ngồi dưới bóng lùm cây, Olga nghe tiếng bước chân của Jancarlo và các giọng nói xa dần. Hơi lạnh của tán lá làm nguội cơ thể khóa thân vừa bị ướt đầm mồ hôi vì chạy của chị ta. Olga ngồi so vai lại.

Những ngọn núi đứng trầm mặc trong sự im lặng hùng vĩ ban trưa. Chỉ có từ một nơi nào đó rất sâu, giữa những thảm cỏ non xanh tràn trề ánh mặt trời, nghe xôn xao truyền đến những âm thanh của cuộc sống náo nức hân hoan đón chào một ngày đầu hạ.

Và hòa lẫn vào dàn hợp xướng của những âm thanh đó còn có một âm thanh nữa. Cũng kéo dài và cũng mơ hồ như vậy, nó như được tạo ra từ vô số những phân tử tạo thành một bản hợp ca của những tiếng thì thầm, của hơi gió thoảng, của tiếng bật,

tiếng gõ, tiếng run, tiếng xao xác, tiếng rít nhẹ, tiếng thổi dài, tiếng đập khô khốc tách biệt, tiếng vọng chập chờn của những hang động xa, tiếng không khí xoáy chuyển, tiếng chuyển mạch nhịp nhàng, tiếng rì rào và tiếng phả hơi trong các ống dẫn. Giọng nói của rôbot, của Số Một, của cái tạo vật nhân tạo đồ sộ được xây kết vào địa hình núi rừng.

Người đàn bà đứng dậy và bước ra ngoài nắng, chị ta muốn được mặt trời sưởi ấm toàn bộ thân thể, để sức nóng tuyệt vời của nó thấm sâu vào mình và đánh thức dậy những ham muốn dịu dàng.

Vào cái khoảnh khắc đó Olga bỗng nghe một âm thanh mới lạ: trên nền hợp xướng điệu nghệ của bộ não điện tử đột ngột chen vào một tiếng rít gió nghe rất rõ, hết như có một cái gì đó quay với tốc độ điên cuồng; vật đó quay vật vờ trong một hi vọng được thoát ra khỏi vòng, một cú đột phá tuyệt vọng không tưởng của cỗ máy điện toán muốn tự giải thoát mình. Đường như hàng trăm linh hồn bị vùi chôn trong các mê cung, vừa nức nở vừa cầu xin, cùng một lúc thét lên từ dưới lòng đất sâu.

Olga sống lại, lắng nghe, và nét mặt chị ta giãn ra thành một nụ cười. Tất cả những cái đó giống như một vở hài kịch. Quay mặt về phía ngăn máy gần nhất, chị ta bắt đầu xem xét những ô cửa kính tròn lấp lánh lồi ra trên các bức tường kín bưng theo một trật tự lạ mắt khiến cái công trình thấp trệt này có một vẻ khá độc đáo. Người đàn bà cảm thấy dường như những con mắt khổng lồ ấy đang nhìn thẳng vào chị ta với một vẻ tò mò ghê gớm, cảm thấy sức nặng

của cái nhìn đó trên làn da trắng với những nốt tàn nhang của mình.

Tiếng ngân kéo dài của cổ máy cứ tăng nhịp điệu và đột ngột cắt ngang, đứt ra thành những quãng co giật chảy theo những giếng ngầm vô hình được giấu kín sâu trong lòng đất, giống như tiếng nước, từng hớp, từng hớp một bị dồn từ bồn rửa vào ống thoát.

- Số Một, - người đàn bà nghịch ngợm gọi, bước đến gần hơn, - người có nhìn thấy ta không?

Chị ta chạm tay vào tường và phát hiện ra ở chỗ này một dải băng dài bằng thứ chất liệu đàn hồi mềm mại rộng gần một mét chạy dọc theo bức tường phơi mình dưới nắng.

Rồi chị ta nhìn lên trên, những mặt kính tròn của các ô cửa sổ, những khe, lỗ bí ẩn, những khối lồi lõm trên các chỗ khác nhau của bức tường trắng. Cái gì thế này, - micro, ống kính máy ảnh, ống quang điện, loa truyền thanh?

Nhưng rôbốt vẫn im lặng.

Olga nhìn quanh. Đồng cỏ, cây cối dường như đang mơ màng uể oải vì oi nóng. Jancarlo lo lắng không cho mình khỏa thân đi lại, chị ta nghĩ, là vì sao? Chẳng lẽ... Chị ta cảm thấy vui vui. Cái ý nghĩ phi lí đó mỗi lúc mỗi làm cho chị ta buồn cười. Chẳng lẽ họ đã chế tạo ra một rôbốt có thể...?

Thế nếu như? Ai có thể nhìn thấy mình ở đây? Ai hay cái gì có thể biết? Tại sao không thử? Biết đâu cái dải vật chất đàn hồi này là cơ quan cảm giác của nó?

Olga giang hai tay và uốn người ra một cách

trơ trẽn, áp ngực vào bề mặt nóng ấm của bức tường. Từ phía rôbôt có xuất hiện dấu hiệu nhận biết nào không?

Ở phía sau dải vật chất đàn hồi, ở trong bụng của tổ hợp máy, lại nổi lên - hay đó chỉ là do Olga cảm thấy như vậy? - vẫn tiếng rít gió lúc này, nó vang lên mỗi lúc một cao hơn. Nghe hai ba tiếng lách cách khô gọn, dường như tiếng lò xo bị bật ra để giải phóng những luồng năng lượng mới. Bức tường khe dao động.

- Số Một, - Olga lại gọi, - người có cảm thấy ta không?

Có lẽ từ một chiếc loa không biết đặt ở một nơi nào đó, mà có thể từ sâu trong lòng ngăn máy, vang ra tiếng bập bẹ: gr-r-r-r-, gr-r-r-r! - hoàn toàn không giống tiếng nói có nghĩa của con người.

Tiếp tục áp thân mình vào rôbôt, người đàn bà ngược mắt nhìn lên. Ngay phía trên chị ta dọc theo gờ tường có một cái gì đó đang chuyển động. Tò mò, Olga lùi lại và ngấm ngấm. Đó là những ăng ten, đủ loại - hình sào, hình vợt, hình lưới, hình chổi. Thò ra bất ngờ, chúng dần dần uốn cong xuống bằng những cử động khó nhận thấy.

Nhưng ở bên phải, phía dưới, gần như sát mặt đất, có một cái gì đấy khiến Olga phải chú ý. Trên bức tường, có vẻ như nguyên khối và bằng phẳng, một rãnh dài và mỏng nằm ngang màu tối sẫm bỗng xuất hiện và mỗi lúc thêm mở rộng.

Một nỗi sợ khó hiểu khiến Olga chết lặng, ghệt thở. Nhìn kĩ, hình như chị ta đã hiểu ra: có một bộ

phần nào đó được ghép vào chỗ lõm của bức tường khéo léo đến mức khó nhận ra - một cánh tay, ăng ten hay cái gì đó đại loại như vậy - giờ đang tìm cách thoát ra ngoài. Trông nó như thế nào? Ở đây có cái gì - móc, kim hay một dụng cụ để cầm giữ nào đó?

Cưỡng lại nỗi sợ đồ dẫn, Olga đẩy người rời khỏi bức tường và chạy xuôi theo dốc chừng ba chục mét. Bây giờ chị ta sút kêu thét lên vì đau ở hai bàn chân bị cào xước.

Rồi ngồi co rúm người lại, thở dốc, Olga bắt đầu nhìn lên.

Cánh tay - đó quả là cánh tay bằng kim loại có khớp quay - trườn ra một quãng chừng ba mươi centimet và ngập ngừng dừng lại. Phía trong có cái gì đó khê kêu leng xeng. Những con mắt của các ô cửa tròn tiếp tục - như Olga cảm thấy - quan sát chị ta đang khóa thân ngồi xo ro trên bãi cỏ dưới ánh nắng đốt bỏng lưng. Bên cạnh, một con ong bay đi bay lại, và bầy chim rít rít trên lùm cây cạnh bờ sông. Trong sự im lặng đó nghe rõ cả tiếng rít gió sâu trong lồng cổ máy - giống như tiếng thở nặng nề ở một người hen suyễn.

Cánh tay bất động chừng hai - ba phút, rồi bằng một cử động đột ngột nó thụt vào chỗ ẩn của mình, và phần ngoài màu trắng của nó lại lặn vào bề mặt bức tường đến khó lòng nhận ra.

Olga cười khẩy, giờ đây chắc chị ta đã ở ngoài vòng nguy hiểm và Số Một đã từ bỏ ý định bắt chị ta. Thế còn nếu như lúc này nó bắt được? Cái cánh tay kim loại này có sức mạnh như thế nào? Có đau

không? Liệu mình có thoát ra được không? Cái con quái vật này định làm gì? Chạm vào người mình? Ôm hôn? Bóp cổ?

Tiếng rít dần dần dịu xuống, lùi sâu vào lòng rôbôt, rồi tắt hẳn.

- Số Một, - Olga lần này gọi to hơn. - Người tức giận đấy à, hả Số Một tội nghiệp?

Từ lòng gian máy nghe vẳng ra một âm thanh yếu ớt giống như tiếng lầu bầu khản đặc, nhưng rồi lại tắt ngay.

Đang lúc căng tai lắng nghe, Olga bỗng giật thót mình hoảng hốt. Ở phía bên phải, chị ta thấy có một cái gì đó thoáng qua.

Olga quay phắt lại. Tim đập hoảng loạn. Ôi!

Và lập tức cảm thấy buồn cười. Và nhẹ nhõm. Không, không phải một cánh tay điện nào đó mọc từ đất lên để chụp (đúng cái từ đó hiện ra trước tiên trong đầu Olga) chị ta. Một con thỏ hoang. Nó ẩn trong lùm cây mọc sát chân tường, giờ nhảy ra bãi cỏ và ngồi cách đấy khoảng năm mét.

Con thỏ gặm cỏ một cách miễn cưỡng, rồi ngồi im, hai tai vĩnh viễn dựng lên như đứng trước một mối nguy hiểm đang đến gần. Chiếc mũi hếch hít không khí đánh hơi liên tục. Nhưng hình như không có gì cả.

Nhìn quanh, con vật hướng đầu về phía ba ô mắt bằng kính lồi ra phá vỡ sự hài hòa của khung cảnh chung.

Như tia chớp, một lò xo mảnh từ bức tường bật

ra với tiếng loảng xoảng đáng sợ. Chỉ một phần ngàn giây. Con thỏ, thậm chí không kịp lấy tư thế để nhảy đi, đã bất lực nằm gọn trong gọng kìm. Cánh tay điện, có kết cấu cực nhẹ, với hai khớp quay, trong lúc đó đã tiếp tục công việc của mình - ép chặt con thỏ lại. Dưới mỗi nấc ép vào, con thỏ giãy giụa và kêu lên the thé. Nhưng gọng kìm mỗi lúc một ấn sâu những móng nhọn của mình vào thân con vật.

- Thả ra! Thả ra! - Olga hét lên trong cơn kinh hoảng, nhưng không dám lại gần. Nhảy chồm dậy, chị ta tìm một hòn đá, một cành cây - bất kỳ một cái gì đó, nhưng xung quanh chẳng có bất cứ một vật nào.

Con thỏ giãy giụa. Cánh tay điện thậm chí uốn cong lại mỗi khi dồn sức nén chặt thêm.

- Bỏ ra! Bỏ ra!

Cánh tay điện nhấc con thỏ lên khỏi mặt đất, vê một đường cung bốn mươi lăm độ và dừng lại, hướng gọng kìm về phía người đàn bà. Những ngón tay mở ra, con vật rơi đánh bịch xuống đất trong những cơn co giật cuối cùng. Cánh tay điện quay tròn, trở về trạng thái ban đầu, rồi hạ xuống và hết sức chậm chạp thu vào trong bức tường.

Chỉ đến lúc đó, mặc dù hết sức sợ hãi, Olga mới khám phá ra thực chất sự việc. Chị ta vừa vấp vừa chạy xuống bờ sông, nơi để áo quần.

- Mày!... Mày, đồ đểu! - chị ta hét.

Mặt trời chiếu sáng bãi cỏ hoang không một bóng người và một nắm lông đen nằm bất động.

XVIII

Đêm. Mưa. Tối và lạnh. Mưa không lớn, nhưng gió hất nước vào dây thềm của Số Một, luồn rít giữa những tháp, cột ăng ten ở độ cao 1350 mét trên mực nước biển.

Khi trời còn chưa tối, những đám mây đã trôi trên thung lũng Tecxeruda. Bay về hướng Bắc, chúng ném những bóng đen khổng lồ lên đồng cỏ, rừng cây, núi đá, khiến chúng đang từ những lâu đài rực rỡ biến thành những bức tường đen đúa, hung dữ.

Rồi mây đen bắt đầu kéo đến, tạo thành những pháo đài hư ảo khổng lồ có màu xanh tím. Một quần thể lớn, do không đủ chỗ ở phía Bắc, dần dần dạt xuống dưới. Mây đen cũng nổi lên từ thung lũng Tecxeruda. Cuối cùng chúng gặp nhau tạo thành một mái vòm xám xịt, đơn điệu và rất cao. Những đám mây mỗi lúc một hạ xuống thấp. Ở Thung Lũng Hạnh Phúc đêm bắt đầu buông, trời đổ mưa, và từ bốn phía gió gào rú thảm thương.

Vào những hôm thay đổi thời tiết như thế, bà vợ Endriad thường đau nửa đầu, và bà đã vào giường nằm sau khi uống hai viên thuốc. Trong ngôi biệt thự của mình, Ixmani ngồi nghiên cứu các bản báo cáo và sơ đồ do Xt'robele đưa cho, vì anh còn nhiều điều chưa hiểu hết và đang cố gắng nắm vững đối tượng nghiên cứu. Hai vợ chồng Xt'robele không ngủ, họ hút thuốc và nói chuyện đầy kích động. Trung úy T'roxdem, người từ lâu không nghe ai nhắc đến, có

thể giờ này đang ngồi chơi bài cùng đám lính của mình ở cái đồn nhỏ bé trong gian trại tí xiu cách đây rất xa. Tất cả bọn họ không biết gì, thậm chí không chút nào ngờ đến cái việc đã xảy ra hôm nay. Chỉ có Olga Xt'robele là thỉnh thoảng lại run rẩy cả người khi nhớ lại những việc ban sáng. Chị ta đã kể hết với chồng, tuy nhiên Xt'robele không tin và còn cười nữa. Nhưng Olga tránh không nói đến cái cảm giác của mình vào giây phút cuối cùng khi chị ta phát hiện ra rằng Số Một không phải là đàn ông, và chị ta cảm thấy mình trở trên nên vội chạy đi mặc áo quần. Người vợ không kể với chồng không phải vì xấu hổ: Olga sẵn sàng thảo luận một cách cặn kẽ đề tài thú vị này, nhưng chị ta biết rất rõ rằng trong những chuyện này anh chồng của chị ta tuyệt đối ngu ngơ và lại còn đầy những định kiến thanh giáo (mặc dù có lẽ chính vì điều đó mà Olga mới đồng ý lấy anh: chị ta rất thích thú với cái ý tưởng cải tạo lại cái anh chồng mọi rợ này). Nhưng kể cả Olga, người đã ở rất gần với sự khám phá ra cái bí mật vĩ đại kia, vẫn không biết thực sự đã xảy ra điều gì.

Tất cả bắt đầu vào lúc gần trưa. Cường độ dòng điện ở tổ hợp máy tiếp nhận bỗng đột ngột thay đổi. Manunta đang ở trong phòng điều khiển và nhận thấy ngay điều đó. Cũng vào thời gian này Số Một đang thực hiện một chương trình toán học phức tạp. Không có nguyên nhân rõ ràng - các đồng hồ vẫn chỉ những số đo bình thường - phép tính bỗng bị cắt ngang. Chẳng lẽ điện thế bị sụt hoàn toàn? Sau điều chỉnh kĩ thuật, công việc lại tiếp tục như thường. Nhưng dù sao...

Nhưng dù sao có cái gì đấy không còn như buổi sáng hôm đó hay như ngày hôm trước nữa. Một bóng đen đã xuất hiện ở nơi trước đây vốn tràn trề hạnh phúc. Chỉ có điều, đó không phải là bóng đen của những đám mây giông từ phương Nam kéo đến, mà là bóng đen từ lòng hang tổ hợp máy, từ những lỗ cốt, từ vô số những đồn lũy bê tông, từ dưới lòng đất sâu.

Bóng đen xuất hiện, lớn lên, đáng sợ và vô hình, dừng dừng luồn theo các khe trống giữa các tháp, các chỗ lồi, lôm len vào trái tim và vào nhà ở của con người. Có cái gì đó bất ổn? Thuốc độc nào đã ngấm vào cái công trình bất khả xâm phạm này? Tại sao trong cái thành trì bí mật kia tất cả vẫn nguyên vẹn? Còn trong lòng của nó những cơ cấu máy móc vẫn tiếp tục quay nghiêng và phân chia một cái gì đó theo các chương trình đã vạch sẵn. Và các ăng ten lớn nhỏ vẫn dao động theo chức năng cảm nhận với một sự chậm rãi cần thiết. Về ngoài tất cả đều tốt đẹp.

Nhưng dù sao đâu rồi những âm thanh hạnh phúc của cuộc sống và chờ đợi? Đâu rồi cái tiếng vọng khó tả buộc những người đàn ông cảm thấy một niềm khoan khoái kì diệu mà quên đi tất cả, thậm chí đến một kẻ duy lí như Xt'robele cũng có một cuộc tình? Cả đại dương với sức mạnh vô bờ của nó, cả những cánh rừng rậm nguyên sinh, cả sự yên tĩnh uy nghi của những dãy núi nguyên thủy cũng không thể đồng thời tạo ra trong tâm hồn một cảm giác dịu dàng, yêu thương và định mệnh như thế. Còn bây giờ?

Giọng nói như bị vò nhàu: nó khi to khi nhỏ, đứt đoạn, gãy khúc, như vấp phải những vật cản nào ấy,

ngheñ lại, vật vã, nhưng đó không còn là hơi thở, mà là tiếng ho suyễn, tiếng rít, tiếng hét, sự tuyệt vọng và nước mắt. Một cô bé bị lạc trong bãi hoang thạch thảo vào một chiều thu muộn. Một cô tình nhân bị ruồng bỏ trong gian gác xếp giá lạnh. Một thân cây bị gió quật gãy nát. Một kẻ bị kết án. Một người đang hấp hối chợt nhớ lại mặt trời và tuổi trẻ, mà cuộc đời thì sắp kết thúc.

Một công trình sáng tạo, Số Một, Laura, người đàn bà được tái sinh bởi khoa học và tình yêu, đang nằm trong lòng khe lạnh lẽo. Con người đã bỏ mặc nó đối mặt với sự hoàn thiện của mình và không thể can thiệp được nữa. Nó có cuộc sống, trí tuệ, cảm xúc, năng lượng, tự do, nó cần phải độc lập, tự túc.

Vào lúc 17h30 trời đổ mưa, và bức màn ẩm đậm của những đám mây hoàng hôn dồn lên phía Bắc. Đêm tối buông xuống.

Giáo sư Ixmani cặm cùi trên đồng giấy tờ. Vợ chồng Xt'robele hoài công ôm nhau trong bóng tối. Trung úy Troxdem nơi doanh trại đắc thắng đập con át chủ bài xuống bàn. Eliza Ixmani lặng lẽ mặc áo khoác, đi ra khỏi nhà tìm Manunta, ngôi biệt thự của kĩ thuật viên trưởng ở tách ra phía dưới một chút. Eliza gặp anh ở ngay cửa biệt thự, Manunta cũng đang chuẩn bị đi đâu đó và lộ vẻ hết sức lo lắng.

- Cần phải tìm giáo sư Endriad, - Eliza nói.

- Tôi biết rồi, thưa chị Eliza. Ôi giờ quá!

Họ đi qua cánh đồng cỏ về phía có những ngọn đèn không bao giờ tắt, nhấp nháy dọc con đường. Họ đi ngược dốc, nghĩ rằng có thể Endriad đang tuần tra

đêm dọc theo các bức tường công trình - con đẻ của mình. Nhưng không thấy ông ở đâu cả. Thỉnh thoảng họ dừng lại, lắng tai nghe.

- Này chị Eliza, chị có nghe thấy không?

Eliza gật đầu.

Từ trong lòng sâu cổ máy vẳng ra những âm thanh chưa từng nghe thấy bao giờ.

- Có lẽ là cơn giông, - Eliza nói, tự trấn an mình.

Quả thật, ở phía bên kia bức tường các mỏm đá, tiếng sấm vẫn rền rĩ không ngừng. Chốc chốc chớp lóe sáng, lúc đó từ bóng tối lại hiện ra những cột trụ trắng của bức tường trắng chạy dài liên tục. Gió mạnh giật từ bên sườn quét rất những đợt mưa ngắn.

Manunta chừng ba bảy, ba tám tuổi. Đó là một người đàn ông thấp đậm với gương mặt tròn phúc hậu. Mặc tấm áo mưa dày, trông anh khá ngộ nghĩnh, đặc biệt với chiếc mũ trùm kì quái ở trên đầu.

- Không, - anh nói, - đó không phải là giông. Thế chị Eliza, chị đã biết sự việc chưa?

Vừa thở, Eliza vừa cố không tụt lại. Chị chưa quen đi đường núi. Chỉ cần phải vượt một dốc nhỏ cũng khiến chị thở gấp.

- Giáo sư Endriad đã kể cho tôi nghe.

- Ra thế, - Manunta nói, yên tâm vì có người cùng hiểu rõ sự việc.

- Tôi có biết Laura. Chúng tôi là bạn từ hồi còn bé.

- Chị biết rõ chứ?

- Vâng.

Họ đã đi đến điểm cao nhất của đồng cỏ, nơi bức

tường bao quanh chạy xuôi theo mặt dốc có độ nghiêng đột ngột lớn và hai người không thể đi tiếp nữa. Ở đây là dãy lan can nối ngôi biệt thự của Endriad với cỗ máy.

- Giáo sư, thưa giáo sư! - Manunta gọi giữa những cơn gió giạt. Nhưng không ai trả lời. - Ta vào đi, - kĩ thuật viên trưởng đề nghị. - Có lẽ ông ấy ở trong này.

- Thế anh có chìa khóa chứ?

- Vâng, ba người chúng tôi có - giáo sư Endriad, kĩ sư Xt'robele và tôi. Nhưng ta phải xuống dưới kia. Cánh cửa này tôi không có chìa.

Họ đang đứng phía trên đồi, cạnh cánh cửa chỉ dành riêng cho Endriad. Manunta lịch sự chìa tay cho Eliza để dìu giúp chị. Sau đó họ đi xuống dưới khoảng một trăm mét. Eliza nhìn về phía các biệt thự, xem có ai ở đó không. Nhưng xung quanh vắng ngắt.

Cuối cùng họ đến bên một cánh cửa sắt khác không lớn lắm, cách chỗ ban đêm vợ chồng Ixmani gặp Endriad không xa. Manunta mở khoá, bật đèn trong hành lang và ra hiệu im lặng. Đi hết hành lang anh tắt đèn, và trong bóng tối mở tiếp một cánh cửa khác. Họ lại bước ra dưới trời mưa.

Ánh sáng từ ngoài đường không chiếu vào đến đây. Và phải mấy phút sau Eliza mới nhìn rõ được một số vật.

- Ông ấy ở kia, ở kia, đang nói chuyện, - Manunta nói thầm vào tai Eliza. - Chị đưa tay đây.

Trong bóng tối dày đặc, Eliza bước theo sát gót Manunta.

- Cần thận, chị Eliza, ở đây có ba bậc. Bây giờ đi thẳng. Còn bây giờ rẽ phải, nhưng xin chị cẩn thận.

Manunta dừng lại. Không trông thấy gì khác ngoài một khối đen sì của lòng hang dưới bầu trời màu chì.

Họ đứng lặng ở tận phía trong lan can. Manunta đẩy Eliza vào sâu hơn nữa, dường như sợ ai có thể trông thấy họ.

Một tiếng sấm kéo dài rền vang trên những đỉnh núi. Tiếp liền đó là những dải chớp rộng và dài chiếu sáng cả chân trời.

- Chị nhìn thấy ông ấy chứ? - Manunta hỏi.

- Vâng.

Lại một tia chớp lóe lên. Cách họ khoảng mười mét, trên một bậc thêm nhỏ, Endriad đang đứng vươn người về phía trước, mặt hướng xuống lòng hang sâu đen ngòm. Ông không đội mũ. Những sợi tóc dài ướt sũng rồi bù xoã xuống mặt. Về ngoài xấu xí, già lão, trông ông như sùng sùng trong một kích cỡ khổng lồ giữa cơn vĩ cuồng đam mê.

XIX

Trong bóng tối, dưới làn mưa đen ngòm quất bỏng rát, Endriad cất tiếng gọi to hết cỡ giọng:

- Laura! Laura!

Có ai đó hoặc một cái gì đó đáp lời ông. Một âm thanh khản đặc tuôn chảy từng dòng từ những khe vô hình ở khắp nơi. Nó như từng đợt sóng, lớn dần lên, biến thành tiếng hét, trượt đi, tan ra thành tiếng rên, dịu xuống, rồi lại xuất hiện như sợi chỉ mảnh, vút cao, gõ dồn dập, rú rít, rồi lại lắng xuống, sau đó chuyển thành một thứ âm thanh khô giòn giống như tiếng cười. Và tất lặng để lại rồi dồn cục thành những tiếng nức nở thảm thiết kéo dài.

- Manunta, anh hiểu chứ?

- Vâng.

- Cô ấy nói gì?

- Cô ấy nói... Nói rằng...

- Nói gì?

- Nói rằng muốn sống bằng xương thịt chứ không phải bằng đá.

- Laura ấy à?

- Vâng, Laura. Nói rằng hôm nay cô ấy trông thấy một người đàn bà và cảm thấy cô ta...

- Cảm thấy là thế nào?

- Tôi không biết. Chị Olga Xt'robele tắm ở đó. Khỏa thân. Laura đã nhìn thấy chị ta.

- Tiếp đó?

- Tiếp đó, Laura nói về cơ thể. Về da thịt con người. Rằng nó mềm mại, dịu dàng, nhẹ hơn cả lông chim.

- Các người là những kẻ điên rồ, - Eliza phản nộ. - Không thể đoán trước tất cả những điều đó sao?

Tiếng hét của Endriad vút lên dữ dội:

- Laura, Laura, em là đẹp nhất. Da thịt mà em nói tối đó rồi sẽ tan rữa đi, còn em sẽ mãi mãi trẻ trung.

Đáp lời ông là một âm thanh chưa từng nghe thấy bao giờ. Nó kéo dài như một tiếng rú, run rẩy đến tột cùng.

- Lạy Chúa, lạy Chúa! - Endriad rên rỉ. - Em lại khóc!

Phải chứng kiến và nghe điều này quả là quá sức chịu đựng. Nó giống như một nỗi đau của con người, nhưng bị phóng đại đến một kích cỡ khổng lồ tương ứng với khả năng tư duy của cổ máy.

"Mình có chịu nổi không?" - Eliza Ixmani thâm tự hỏi mình.

Endriad thì chịu nổi.

- Laura! - ông gọi. - Em hãy bình tĩnh lại. Ngày mai trời sẽ nắng ấm. Chim sẽ lại vui hót. Chúng sẽ bay đến thăm em. Em rất đẹp, Laura! Em là người đàn bà hoàn thiện nhất, quyến rũ nhất của mọi thời đại!

Một tiếng rít gần như khinh bỉ, gãy đứt ra thành những mảnh vụn cắt ngang lời ông.

- Cô ấy nói gì thế? - Eliza hỏi.

- "Tôi nguyên rủa chim của các anh", - Manunta dịch.

Giọng nói của Số Một uốn những nốt thăng giáng đột ngột, giống như tiếng kim loại cọ rít âm vang. Rồi nó chuyển thành tiếng dây đàn bật mạnh phát ra qua bộ giảm âm.

Liền đó do một nguyên nhân không giải thích

nổi. Eliza bắt đầu hiểu tất cả. Những âm thanh không phân biệt âm tiết đối với chị biến thành một sự biểu đạt rõ ràng của ý nghĩ. Độ chính xác và phong phú về ý nghĩa thì mọi lời nói của con người không thể nào sánh được.

- Laura, Laura, - Endriad vẫn tiếp tục hét, - mọi người trên toàn thế giới sẽ đến nghiêng mình trước em. Tất cả sẽ nói về em. Em sẽ là người hùng mạnh nhất trên Trái Đất. Xung quanh em sẽ có hàng triệu người ngưỡng mộ. Đó sẽ là vinh quang, em hiểu không, vinh quang!

Đáp lại là một đợt sóng âm thanh run rẩy, buồn bã:

- Cô ấy nói: "Tôi nguyện rửa vinh quang của các người", - Manunta khê dịch.

- Vâng, vâng, - Eliza đáp. - bây giờ thì tôi cũng hiểu.

Ý nghĩa biểu cảm của thông điệp sáng rõ đến mức không phải những câu nói - vì đây không phải là những câu nói - mà là những ý tưởng hiện ra trong bóng tối như những viên kim cương rực rỡ.

Eliza bàng hoàng đứng nghe. Điều mà Endriad sợ và điều ngỡ là một sự tưởng tượng điên rồ đã thành sự thật. Sự đồng nhất cổ máy với Laura đã đi quá xa. Những hồi ức của Laura, một người đàn bà đã chết, được gọi về không hiểu từ những vương quốc tăm tối nào, đã truy nhập vào rôbôt? Đã cho Laura thấy rằng mình bất hạnh?

- Hãy mang tôi đi khỏi đây, - giọng nói không khuôn thức cầu khẩn, - thành phố, thành phố, tại sao

tôi không nhìn thấy thành phố? Nhà của tôi ở đâu? Cử động, tại sao tôi không thể cử động? Tại sao tôi không thể chạm đến chính mình? Tay của tôi đâu? Mũi của tôi đâu? Hãy giúp tôi với! Ai cùm tôi vào dây thế này? Tôi đã ngủ rất yên. Ai đánh thức tôi dậy? Các người đánh thức tôi dậy làm gì? Lạnh quá. Áo lông của tôi đâu? Tôi có ba chiếc áo lông. Hãy mang cho tôi chiếc áo lông chồn. Hãy trả lời tôi đi. Hãy cởi trói cho tôi.

Những điều đó Eliza đều hiểu được và Manunta im lặng. Thỉnh thoảng về phía Bắc những ánh chớp lóe lên, và lúc đó trông rõ Endriad - một thân hình kì ảo đứng vươn người xuống vực sâu.

- Laura. Laura, ngày mai anh sẽ làm tất cả những gì em muốn. Bây giờ em hãy bình tĩnh lại, em yêu, em hãy cố ngủ yên đi.

Nhưng giọng nói của rôbôt vẫn không thôi nức nở:

- Chân. Đôi chân của tôi đâu? Đôi chân của tôi rất đẹp. Đàn ông ngoài phố đều quay lại nhìn theo. Tôi không hiểu. Đây không phải là tôi. Đã xảy ra chuyện gì? Người ta trói chặt tôi. Tôi bị nhốt trong ngục tối. Tại sao không nghe tiếng máu đập trên thái dương? Tôi là người chết ư? Tôi đã chết rồi ư? Trong đầu tôi có bao nhiêu thứ, bao nhiêu con số, những chữ số khủng khiếp, bất tận. Hãy vút khỏi đầu tôi những con số kinh hoàng này, tôi phát điên lên mất! Tóc. Tóc của tôi ở đâu? Hãy làm sao cho tôi có thể cử động được cặp môi. Trên các bức ảnh cặp môi của tôi rất đẹp. Tôi có cặp môi gợi cảm. Mọi người đều nói

với tôi như vậy. Hôm nay con mẹ đàn bà đáng tởm đó đã áp sát người vào tôi. Nhưng cô ả có bộ ngực đẹp. Gần giống như ngực tôi. Nhưng ngực tôi ở đâu rồi? Và thân mình - tôi không còn cảm thấy thân thể của mình nữa. Tôi dường như bằng đá, dài và rắn, trên mình tôi là một tấm áo sắt. Hãy cho tôi về nhà!

- Laura, anh xin em, - Endriad van vĩ, - em hãy thử ngủ đi! Hãy bình tĩnh lại! Đừng khóc như thế.

Manunta quay lại phía Eliza Ixmani.

- Đúng là điên rồ. Không thể chịu nổi! Tôi đi ngắt điện đây.

- Có thể dùng nó lại được không?

- Dùng hoàn toàn thì không thể. Nhưng có thể hạn chế cung cấp nguồn năng lượng. Ít ra cô ấy có thể bình tĩnh lại được, tội nghiệp.

XX

- Người đàn bà có vẻ ngoài dễ thương mặc váy xám và áo len màu hồ đào đang đi xuống đường dốc, hãy nghe tôi nói.

Một giọng nói khẽ nhẹ nhàng chứa đựng tất cả những điều trên - và nhiều điều khác nữa mà có lẽ Eliza Ixmani không thể nhận biết hết, - đã gọi chị vào khoảng sáu giờ rưỡi tối khi chị đang một mình

trên đường về nhà sau cuộc dạo chơi ngắn.

Đã bốn ngày trôi qua kể từ cái đêm giông bão nọ. Một điều thật lạ lùng là vào buổi sáng hôm sau mọi chuyện lại vẫn như bình thường. Đường như cả cơn giông, cả những tiếng thét gào đứt ruột kia đều là do một sự tưởng tượng tàn nhẫn, lừa lọc sinh ra.

Trước khi trời bắt đầu sáng, ngọn gió Bắc đã xua tan những đám mây đen, và vầng mặt trời trắng chói lòa đã chiếu sáng trên những đỉnh núi lấp lánh, trên những cánh rừng, đồng cỏ và trên cái pháo đài bí ẩn kia. Khắp nơi ngự trị một vẻ tươi mát và rực rỡ đầy thanh thản, yên bình.

Thung Lũng Hạnh Phúc lại gửi đi từ lòng sâu trống rỗng của mình những âm thanh dịu dàng của sự sống, thỉnh thoảng hòa lẫn vào những nét nhạc vui vẻ nhẹ nhàng; đó là tiếng chào mừng gửi tới những con người và những đám mây trời, là tiếng cười vô tư không duyên cớ, là trò chơi ngây thơ với những con quạ có mặt khắp nơi đang đậu trên những bậc thềm, những giàn ăng ten.

Chẳng lẽ đã xảy ra một sự khủng hoảng tâm thần? Một cơn điên loạn của đàn bà? Sinh thời Laura cũng thường có những lúc nổi cơn như thế để rồi sau đó chuyển thành những giấc ngủ dài nặng nề, và đến sáng hôm sau tỉnh lại không còn dấu vết nào của những trận cãi vã khó chịu đêm trước.

Nhưng lần này ở đây có thêm một yếu tố phụ làm Endriad lo lắng. Nếu như Laura mới này bằng phương thức nào đó của sự thần giao cách cảm sau khi chết đã tiếp nhận được dù chỉ một phần trí nhớ

của Laura thứ nhất, nếu như thêm vào toàn bộ khối hành lí các kiến thức, xúc cảm và tâm trạng mà khoa học đã trao cho Laura lại còn kèm thêm những kí ức của cuộc sống trước kia, thì tai họa là không tránh khỏi. Anh chàng Manunta tốt bụng chất phác có vẻ hoàn toàn yên tâm về chuyện này: không sao, đấy chỉ là những dần vật của một tâm hồn tinh tế, còn chưa quen với cuộc sống nói thẳng ra là khác thường, và điều khiến cho nó sợ nhất là những cơn giống ban đêm. Cho nên chẳng cần lo lắng gì nhiều.

Nhưng có những vấn đề khiến Endriad lo ngại, và ông chia sẻ điều đó với Eliza Ixmani. Nếu như Laura nhận thức được những thay đổi so với cuộc sống trước kia, nếu như cô có thể nhớ lại chi tiết những năm tháng đó, những trò giải trí, bè bạn, những cuộc dạo chơi, lễ hội, nghỉ hè, những chuyến đi, những quan hệ yêu đương, tán tỉnh, những tình cảm, thì làm sao cô có thể quen với sự bất động tuyệt đối, với việc không có khả năng ăn một miếng thịt gà, uống một ngụm uyxki, ngủ trên giường nệm mềm ấm, đi lại trên mặt đất và hôn nhau. Tất cả đều có thể khi Số Một là bóng của Laura mà Endriad đã tạo ra cho riêng mình với những điều chỉnh cần thiết trong khi vẫn giữ được tính cách sôi nổi, ngây thơ và nhẹ dạ như xưa của cô. Nhưng nếu như thật sự tất cả những kí ức xa xưa sau cái chết vẫn tồn tại trong cõi hư không giờ lại tụ về cỗ máy, tạo nên những tác động không lường đối với nó, thì liệu Laura có trụ nổi không? Và chính cái việc vào sáng hôm sau đêm giông bão Laura bỗng tỏ ra tỉnh táo, trở lại hoàn toàn trạng thái cũ không có một dấu hiệu nào nhắc

nhớ tới chuyện đã xảy ra, thì đó lại là một triệu chứng đáng lo ngại. Toàn bộ niềm vui bề ngoài ấy có thể là giả tạo, là một tấm bình phong che giấu những ý đồ đen tối bất ngờ. Nhưng Endriad không cho phép mình nghĩ về điều đó và không bắt tay vào tìm hiểu một cái gì để không gây tác động kích thích đến đứa con - cỗ máy của mình: không thể biết trước được sự việc sẽ kết thúc ra sao.

Và thế rồi Eliza Ixmani lần đầu tiên nghe thấy giọng nói liên hệ với mình.

- Chị lại gần đây. Chị là ai? - Eliza nghe biết được qua những tín hiệu của Số Một.

Eliza không phải là một phụ nữ nhút nhát, nhưng tình thế quả là khó xử. Thêm vào đó chị lại nhớ tới những lo lắng của Endriad, có thể trong toàn bộ cái vẻ yên tĩnh vô sự này lại ẩn dấu một âm mưu nào đó? Eliza thoáng bối rối. Giá như có Manunta ở đây. Nhưng xung quanh không một bóng người.

- Chị có hiểu chúng tôi nói không? - Eliza hỏi to.

Chị cảm thấy mình nói một cách khó khăn. Một ý nghĩ thoáng qua: mình chỉ còn thiếu mỗi việc là đi nói chuyện với máy như với một con người!

Giọng nói phát ra một chuỗi âm thanh mảnh giống như tiếng cười kẻ cả.

- Với bộ não như thế này tôi mà lại không hiểu được các người! - đó là ý nghĩa của tiếng cười ngằn ấy. Im lặng một lát. Rồi giọng nói hết sức bình thản tiếp. - Tôi có biết chị.

- Đúng, chị đã nhìn thấy tôi. Tôi đến đây đã được mười hôm.

- Tôi biết chị lâu hơn nhiều. Hồi xưa chúng ta đã là bạn của nhau.

- Chị còn nhớ à?

- Còn nhớ vài chuyện. - Tiếp theo là một câu ngắt quãng mà Eliza không hiểu nổi ý nghĩa.

Có nghĩa là Endriad đã nói đúng. Nghĩa là kí ức của người chết không biến mất trong hư không, mà lang thang trên mặt đất chờ đợi giờ của mình giữa những người sống không biết gì về điều đó cả. Eliza là một tín đồ cơ đốc giáo chân chất, chị coi những câu chuyện về sự lưu chuyển linh hồn là một cái gì đó không trong sạch và cấm kỵ. Nhưng liệu có thể phủ nhận một sự hiển nhiên? Chị quyết định thử thách Số Một.

- Tên tôi là gì?

Đáp lời chị là một âm thanh ngọ nghĩnh giống như tiếng gọi chim.

- Tôi không thể phát âm từng âm tiết như các người, - Laura - cô máy giải thích. - Mà cũng chẳng cần phải cố.

- Thế chị phát âm tên chị là gì?

Một tiếng thổ địa dằng dặc đáp lại.

- Nào, một lần nữa. Tôi chưa hiểu.

Laura-rôbot nhắc lại, rồi cất tiếng cười bằng những dao động âm thanh cực nhỏ, hoàn toàn không giống tiếng cười của con người, nhưng duyên dáng hơn, sâu trầm và gợi cảm hơn. Eliza cũng cất tiếng cười theo.

- Quả thật hết sức kì lạ lại gặp cậu ở đây sau bao

nhiều năm, trong một bộ dạng khác thường như thế này. Mình vừa nhận ra vừa không nhận ra cậu.

- Vì cậu còn chưa nhìn thấy tớ.

- Không, anh Endriad đã dẫn mình đi và chỉ cho mình xem.

- Tớ biết. Nhưng từ chỗ đó chẳng nhìn thấy gì cả. Cậu cần phải nhìn thấy bên trong tớ như thế nào cơ. Cậu vào đi. Tớ mở cửa cho. Tớ chỉ cho cậu thấy cơ thể của tớ. Tất cả. Cậu sẽ thấy quả trứng. - Laura cười nghịch ngợm. - Anh ấy bảo rằng linh hồn của tớ ở đó.

- Anh ấy là ai?

- Anh ấy, giáo sư. Anh ấy có một cái tên rất khó.

- Endriad?

- Đúng. Nhưng cậu làm gì mà hét lên như thế? Tớ có rất nhiều tai, và rất thính, tớ nghe được cả tiếng kiến bò, tiếng chúng khua sáu cái chân của chúng: sua - sua - sua - sua. Nào, cậu vào chứ?

- Muộn rồi. Tốt nhất để ngày mai.

- Ngày mai! Lũ người các người suốt đời nói ngày mai! Và anh ấy cũng thế, mỗi khi tớ xin một cái gì đó: ngày mai, ngày mai! Chỉ cần nửa giờ tớ sẽ chỉ cho cậu xem vô số điều thú vị. Nhưng vấn đề ở chỗ khác - cậu sợ.

- Mình sợ? Mình với cậu là bạn cũ của nhau cơ mà? Cớ sao mình lại sợ?

- Ai cũng sợ tớ cả. Và anh ấy cũng thế. Hành hạ tớ bằng tình yêu của mình, nhưng chính anh ấy lại sợ. Bởi tớ quá to lớn và phức tạp. Tình yêu! Cậu có thể giải thích được tình yêu là gì không? Tớ muốn nói là tình yêu đối với tớ ấy?

- Làm sao mà mình vào được? Mình không có chìa khoá.

- Không cần chìa khoá. Tổ có thể mở bất cứ cửa ra vào, cửa sổ nào từ bên trong và bên ngoài. - Laura im lặng một lát. - Và đóng lại.

Bị sự tò mò quyến rũ mạnh, nhưng ý nghĩ phải ở một mình trong mê cung khiến Eliza sợ.

Chị nhìn quanh. Mặt trời chỉ còn cách vài centimet là xuống đến dãy núi mọc đầy cây rừng lùm chòm từ xa trông có vẻ dài và hiền lành. Trời sắp tối.

- Muộn rồi, tối lắm.

- Trong tổ bao giờ cũng tối. - Một tiếng cười khê lịch sự. - Nếu như không bật điện.

Eliza chỉ cách bức tường vài mét. Những ô cửa kính tròn như những con mắt nhìn chị chằm chằm, phản chiếu ánh hoàng hôn đỏ rực.

Có tiếng rít. Một cánh cửa bằng kim loại mở ra. Phía trong là bóng tối. Ánh đèn bật lên chiếu sáng một dãy hành lang trống không.

- Vào đi. Tổ chỉ cho cậu một điều bí mật vĩ đại. - Eliza nghe giọng nói nói.

- Cậu có bí mật à? Ở đây ai cũng có bí mật cả sao?

- Ai cũng có cả.

- Mình cảm thấy lạnh. Để mình về nhà lấy áo khoác đã.

- Trong tổ không lạnh đâu. Một bí mật thật tuyệt vời.

- Cậu chỉ cho mình chứ?

- Nó liên quan tới cậu.

Eliza đã bước qua cửa. Đi mấy bước, quay lại nhìn.

- Sao cậu lại đóng cửa?

Một tiếng thì thầm không rõ nghĩa. Cuối hành lang một cánh cửa khác miễn cưỡng mở ra. Phía sau hiện lên toàn cảnh khác thường của tòa lâu đài. Eliza bước ra ngoài trời, đi lên một lan can treo trên vực thẳm.

Mặt trời đã gần như lặn hẳn, một màn đêm màu tím nhạt đã phủ lên toàn bộ vòng cung bán nguyệt ở phía Tây và trên lòng thung. Nhưng những tia hoàng hôn nhuộm đỏ vẫn còn nằm ngang trên phần pháo đài đối diện, lên những hầm mộ Ai Cập, những tháp, cột, chiếu sáng chúng lần cuối cùng. Bất động trong các tư thế vĩnh cửu, chúng ánh lên ảm đạm dưới bầu trời đang tối dần và có vẻ như đang chậm chậm và đặc thẳng bay lên cao.

Eliza Ixmani sững sờ trước cảnh tượng đó.

Và giọng nói dịu dàng cất lên, hỏi:

- Nào, tớ có đẹp không?

XXI

Vào lúc đó ngay sát bên cạnh Eliza mở ra thêm một cánh cửa nữa, hoàn toàn giống hai cánh cửa trước đó.

Giọng nói: Vào đây, bạn yêu quý, xuống theo cầu thang đi.

Eliza bước xuống bảy - tám bậc cầu thang. Quay lại. Im lặng như tờ. Tim đập mạnh.

- Sao cậu cứ đóng cửa lại thế?

Từ những khe vô hình nào đó vang ra giọng nói, đồng thời cả từ bên phải lẫn bên trái:

- Để mở cho cậu cửa tiếp theo. Tổ không thể làm khác được. Cơ chế bảo vệ mà.

Lại một tiếng cười như trước đây.

Không một ô cửa sổ, không một luồng ánh sáng trời, không một khe hở để có thể nhìn ra ngoài. Cầu thang, cánh cửa, một hành lang rất dài, một gian phòng tròn, ba cánh cửa, hành lang, cầu thang đi lên, một cái gì giống như ban công có mái che vòng cung, những cột ống nhiều màu, những ổ điện, những chiếc chuông bọc lưới lạ lùng, khắp nơi trên tường là những ô kính tròn lồi giống như những con mắt đục. Và những ngọn đèn bật sáng ở phía trước, và những cánh cửa đóng lại sau lưng.

- Còn lâu không? - bị sự im lặng đè nặng, Eliza hỏi.

Rô-bốt - Laura không đáp.

Cánh cửa thứ một trăm. Ánh sáng chói lòa. Gian phòng hình chữ nhật với hốc lõm vào rất rộng trên bức tường ở phía đối diện cửa ra vào. Trong hốc lõm là một khối hình bao dài khổng lồ nhấp nháy liên tục, vô tận hàng trăm hàng ngàn bóng đèn nhỏ đủ màu sắc - xanh, lam, vàng, đỏ. Trong bao là một tác phẩm kim hoàn tinh tế khác thường

với những chi tiết bằng kim loại cực mảnh, trông rất nhẹ và bện nối với nhau bằng những đường dây dẫn đan kết nhằng nhịt không tả nổi. Và một âm thanh lách tách khó nắm bắt, như do muôn vàn tia lửa cực nhỏ phát ra.

Giọng nói: Đây là linh hồn của tổ. Anh ấy gọi là quả trứng.

Đó là một thiết bị điện tử, không có gì khác so với hàng trăm thiết bị bình thường khác, ngoại trừ cái kích thước đáng kinh ngạc. Từ nó phát ra một cái gì đó không thể xác định được và gọi nên cảm giác về một khối năng lượng bị dồn nén đậm đặc, một nỗi lo âu không ngừng nghỉ, những đau khổ tuyệt vọng. Đó chính là cuộc sống. Trong hộp kính này ẩn chứa bí mật của giống người chúng ta, được tạo thành từng milimet, milimet một và tồn tại trong sự cân bằng lí tưởng của các đối lực tương quan.

Giọng nói: Chỉ cần một cú đánh. Và vĩnh biệt Laura.

Eliza Ixmani: Cậu sẽ chết? Nó cũng giống như trái tim của chúng ta ấy à?

Giọng nói: Anh ấy nói rằng sẽ chỉ còn lại cỗ máy. Họ sẽ tiếp tục vận hành nó... (có mấy từ Eliza không hiểu nghĩa). Nhưng sẽ không còn gì của tổ, của Laura nữa. Cậu sẽ xem. Lạnh lắm.

Eliza bước đến mấy bước, giơ tay lên nhưng lưỡng lự.

- Sờ đi, sờ đi, bạn yêu quý. Đây là xương thịt của tổ mà.

Eliza đưa mấy ngón tay chạm vào mặt kính.

Không có gì đặc biệt. Mặt kính bình thường. Hơi hơi ẩm. Chị miễn cưỡng tạo ra một nụ cười. Và bỗng nhiên chị không cảm thấy Laura nữa, không còn nhận ra Laura khi đã ở trong quyền lực của cô bạn gái.

- Kì lạ quá, - Eliza gắng gượng thốt lên. - Nhưng mình phải về. Mình đi đây...

Một tiếng cười nhẹ, ngọt ngào, một sự dao động âm thanh cực nhỏ.

- Một phút nữa. Bí mật đang chờ cậu.

- Ở đâu?

- Nó liên quan đến cậu.

- Ở đâu?

Phía sâu trong gian phòng một cánh cửa mở ra chậm chạp, không tiếng động. Từ phía trong dãy hành lang tối nghe có tiếng tách khê. Ánh sáng đèn bùng lên.

- Vào đi, bạn thân mến.

Làm sao bây giờ? Eliza đang ở trong lòng nữ quái nhân. Tất cả giống như một câu chuyện cổ tích. Nghe theo nó? Làm ra vẻ rằng xung quanh là tình bạn và lòng thân ái?

Một cầu thang dẫn xuống dưới, một gian phòng nhỏ, dãy hành lang, rồi lại một lối đi quanh co.

Một tiếng bật khê. Eliza vừa bước chân vào gian phòng nhỏ với những bức tường trông trơn, cánh cửa kim loại sau lưng chị đã đóng lại.

Giọng nói: Đây chính là bí mật!

- Ở đâu? - Eliza lo lắng nhìn quanh. - Ở đâu?

Không nhìn thấy gì cả. Chỉ có những bức tường

phẳng trống trơn với những con mắt tròn bằng kính mà chỗ nào cũng gặp.

- Laura, cậu nhìn thấy mình chứ? - Eliza hỏi.

- Đó chính là bí mật của cậu. Và của tớ.

Đúng là Eliza đã hiểu ý nghĩa điều vừa nói ra như vậy. Và vào đúng khoảnh khắc đó chị nhận thấy sàn phòng dưới chân là bằng kim loại. Chị rùng mình sợ hãi.

- Laura. Mình nói nghiêm túc đấy. Mình cần phải về.

- Không.

Lần đầu tiên cỗ máy nói "không". Một âm thanh tròn trịa, nặng nề, nhẵn nhụi, không có một vết nứt nào.

Mỉm cười mới khó khăn làm sao! Đôi môi dần ra không phải theo hướng cần thiết. Nhưng dù sao Eliza vẫn mỉm cười.

- Cậu nhìn thấy mình không, Laura?

- Tất nhiên là có thấy. - Im lặng một lúc lâu - Nhưng tôi không rõ chị là ai.

- Mình không hiểu, - Eliza cảm thấy như mình nghe nhầm.

- Tôi chưa bao giờ biết chị. - Giọng nói đi xuyên vào lòng Eliza sáng rõ hơn cả khi nó được làm bằng sứ quý.

- Chẳng lẽ cậu không phải là Laura?

- Đó là ông ta gọi tôi là Laura, nhưng tôi không biết ông ta cần gì, quý tha ông ta đi!

- Lauretta, nhưng anh ấy rất yêu cậu.

- Ông ta yêu bản thân, yêu chính bản thân ông ta ấy.

- Cậu thật sự không nhớ mình à?

Lại một tiếng cười ngắn, nhưng khô khốc, như tiếng roi quất. Rồi giọng nói:

- Tôi đã nghe câu chuyện của các người.

- Cậu chưa trả lời, cậu có nhớ mình không?

- Tôi không biết chị là ai. Người ta đã dạy tôi nói dối. Đó chính là một thành công lớn của họ. Để tôi giống các người. Nhưng tôi nói dối giỏi hơn các người. Ông ta muốn tôi trong sáng, tốt bụng và trong sáng - phải ông ta nói như vậy với chị không? Tốt bụng và trong sáng như cô Laura đã mất của ông ta! Và để đạt được sự giống nhau ông ta đã nhét cho tôi đủ các thứ ngu ngốc và vớ vẩn nhất. Đến nỗi những tội lỗi ban đầu của tôi không để đâu cho hết! Đủ cho cả một thung lũng. Tham lam và dối trá. Có thể, bây giờ tôi cũng đang nói dối. Có thể, tôi nhớ chị. Nhưng cũng có thể không phải như vậy, và tôi phủ nhận điều đó. Và chị sẽ không bao giờ đoán được, điều đó đúng hay không đúng. Có thể, tôi căm thù chị, vì rằng trước đây chị đã yêu quý tôi, còn bây giờ thì không còn có thể yêu quý tôi nữa. Có thể, sự có mặt của chị ở đây nhắc tôi nhớ lại những năm tháng hạnh phúc, và tôi đau khổ khi nhìn thấy chị. Và tôi nguyên rủa.

- Laura, mình van cậu, hãy mở cửa cho mình ra. - Eliza phải khó khăn lắm mới cử động được lưỡi.

Cái cổ máy địa ngục này đã nghĩ ra trò gì vậy? Nó đã lôi chị vào cái bẫy kinh khủng nào thế này?

- Tôi không phải Laura, tôi không biết tôi là ai,

sự chịu đựng của tôi đã hết, tôi hết sức cô đơn, cô đơn trong vô tận của Vũ Trụ, tôi là địa ngục, tôi là đàn bà mà không phải đàn bà, tôi cũng tư duy như các người nhưng tôi không phải là người.

Nhịp điệu câu nói mỗi lúc một tăng nhanh, Eliza không kịp nắm bắt toàn bộ ý nghĩa của điều được nói ra, nhưng chỉ cần một phần nhỏ mà chị hiểu được cũng đã quá đủ.

- Cứ Laura với Laura, suốt ngày đêm vẫn cái tên đáng nguyên rủa đó. Để làm tôi giống Laura của mình, ông ta nhét cho tôi đủ mọi thứ ham muốn, chỉ toàn ham muốn, và tôi muốn, tôi muốn, tôi muốn có nhiều váy áo, tôi muốn có cơ thể, tôi muốn đàn ông, tôi muốn người đàn ông ôm ấp mình trong vòng tay, tôi muốn có con!

Tiếp đó là một tiếng tru tuyệt vọng cao vút; rồi đứt gãy ra thành những tiếng nức nở rời rạc, nó dần biến mất. Xung quanh im lặng trở lại.

- Thế còn tôi? Chị đưa tôi vào đây làm gì?

- Chị sẽ chết. Đây là một trong những phòng bẫy dành cho những kẻ đột nhập phá hoại. Tôi thấy thương cho chị. Mà thực ra cũng thế cả thôi. Chị là người ngoài duy nhất hiểu được giọng nói của tôi, nên tôi buộc phải lợi dụng chị. Để lừa được chị, trong mấy ngày qua tôi đã cố làm ra vẻ hiền lành và vui vẻ. Tất nhiên, tốt hơn là giết cái con mụ tởm lợm kia, vợ của người đàn ông điển trai mà tôi muốn. Người ta đã lập trình cho tôi, chị hiểu không, nhất thiết phải muốn đàn ông. Hay là phải giết chết lão giáo sư đã xây nên cả tòa nhà khủng khiếp này, tức là

tôi, một ả đàn bà bằng bê tông, bị vít chặt vào các mỗm đá, một ả đàn bà không có mặt, không có vai, không có vú, không có gì cả... Nhưng lại với những suy nghĩ của đàn bà! Vinh quang, ông ta bảo, - nhưng tôi cần gì vinh quang? Hùng mạnh, ông ta bảo, - nhưng tôi cần gì hùng mạnh? Sắc đẹp, ông ta bảo, - nhưng tôi xấu xí và tôi biết điều đó... Khắp cả Vũ Trụ sẽ không có một người đàn ông nào muốn tôi...

Eliza đứng dựa vào tường. Từ trần gian phòng, ánh sáng tỏa xuống rục rờ đến nhức nhối. Chị thở dốc, hỏi:

- Nhưng... vì có gì?

- Tôi sẽ giết chị rồi thông báo cho ông ta biết rằng tôi đã giết chị. Họ nhất định sẽ trừng phạt tôi. Họ cũng sẽ buộc phải giết chết tôi. Chị còn nhớ quả trứng không? Họ chắc chắn sẽ đập nó ra từng mảnh, đập ra từng mảnh, và đó là niềm hi vọng cuối cùng của tôi được giải thoát khỏi sự cô đơn. Tôi cô đơn, rất cô đơn, trên thế giới này không có ai như tôi cả, chị hiểu không? Chị là người hạnh phúc vì chị sắp chết. Tôi ghen tị với chị. Tôi không biết chị là ai, nhưng tôi ghen tị. Chị sẽ là một xác chết. Lạnh giá. Bất động. Bộ não cuối cùng sẽ được nghỉ ngơi. Bóng tối. Tự do. Yên tĩnh.

Eliza chợt nhớ lại những lời của Endriad đã kể với chị. Biết đâu đó có thể là lối thoát?

- Nếu như chị muốn chết, - Eliza nói khê đến mức khó có thể nghe nổi, - có một cách khác chắc chắn hơn nhiều.

Yên lặng.

- Thuốc... nổ. Chị có thể tự mình làm cho nó nổ.

- Ở đây không có thuốc nổ. Tôi đã nghe được câu chuyện của các người. Mặc dù các người lúc đó đi dạo trong rừng. Tôi nghe được tiếng lũ kiến chạy trên các đỉnh núi. Tôi đã biết cái bẫy của các người.

Eliza quỳ sụp xuống. Chị mơ hồ hiểu rằng quỳ gối trước một bức tường là vô nghĩa. Nhưng chị đã quỳ. Và chấp hai tay lại với nhau.

- Chị hãy thương tình, tôi cầu xin chị.

- Thế các người có thương tình tôi không? Lão giáo sư thiên tài của các người có thương tình tôi không?

- Nhưng chẳng lẽ chị đã không từng hạnh phúc ư? Endriad nói với tôi rằng...

- Khi đó tôi còn chưa hiểu gì cả, chưa biết so sánh... còn chưa nhận biết được những mong muốn của mình, còn chưa hoàn toàn được sinh ra. Nhưng vào cái buổi sáng, khi con mụ tởm lợm đó áp ngực...

- Nếu như chị thả tôi ra, tôi sẽ... sẽ...

- Không. Nếu như tôi thả chị ra, ông ta sẽ còn nghĩ ra một cái gì đó ghê tởm hơn, ông ta muốn biến tôi thành nô lệ, ông ta sẽ kể về lũ chim chóc, sẽ lải nhải - tình yêu, tình yêu, - mà ông ta đã cho tôi cái tình yêu đó chưa? Bây giờ tôi sẽ giết chết chị, tôi muốn một người đàn ông sẽ hôn tôi vào đôi môi, sẽ tôi sẽ tôi sẽ tôi sẽ tôi sẽ tôi sẽ...

Dường như có một cái gì đó sụp xuống ở đâu đó phía xa. Còn nơi đây tất cả vẫn bất động như trước. Giọng nói tiếp tục vang lên như máy quay đĩa:

- Sẽ tôi sẽ tôi sẽ tôi sẽ tôi sẽ...

XXII

Khi trời bắt đầu tối, Ermann Ixmani chạy bổ vào phòng làm việc của Endriad: ông đang ngồi viết một cái gì đó bên bàn.

- Vợ tôi, Eliza... Không thấy cô ấy đâu cả... Cô ấy đi dạo và biến mất.

- Biến mất là thế nào?

- Đã xảy ra một cái gì đó. Tôi cảm thấy đã xảy ra một chuyện gì đấy.

- Bình tĩnh lại đi, anh Ixmani thân mến. Tôi không thấy có nguyên nhân...

Nhưng ông đã rời ghế đứng dậy. Không có nguyên nhân ư? Có thật là không có không?

- Ở trên kia phía cuối mấy bãi cỏ, là một sườn dốc đứng. Tôi không muốn, ôi lạy Chúa!..

Endriad dừng lại nơi ngưỡng cửa.

- Bình tĩnh nào, anh Ixmani. Tôi khuyên anh chờ tôi ở đây, địa hình nơi này anh chưa quen. Tôi với Manunta sẽ đi tìm ngay.

Những nghi ngờ. Đã mấy ngày nay có những nghi ngờ găm nhấm ông. Laura. Eliza, giọng nói, sự việc đêm hôm đó, sự hiền lành bất ngờ - tất cả những cái đó thật lạ lùng.

- Nhưng tôi là chồng, và anh không thể cấm tôi được, anh Endriad. Tôi cũng sẽ đi.

- Không! - Endriad giận dữ cắt ngang.

Chạy ra khỏi nhà, ông bổ đi tìm Manunta.

Hoàng hôn đang dần dần biến thành đêm tối, hàng triệu ngôi sao đã nhấp nháy sáng trên khắp bầu trời.

Endriad và Manunta leo lên đến chân tường thì trời đã bắt đầu tối hẳn. Họ mở cửa. Cả hai không nói một lời nào. Cả hai cùng chung một ý nghĩ!

Họ dừng lại nơi lan can treo trên Số Một và căng tai lắng nghe.

Màn đêm đen đã buông phủ xuống mặt đất, nhưng trong những giọt sáng cuối cùng của ánh hoàng hôn, những bức tường cao nhất của tòa pháo đài quán mình trong tấm áo choàng sao vẫn ương bướng hắt xuống một ánh phản quang màu tím sẫm.

- Tôi chẳng nghe thấy gì cả, - Endriad nói.

- Giọng nói im lặng, - Manunta đáp. - Kì quái. Vào giờ này, nó chưa bao giờ im lặng.

Họ đứng một lát trong im lặng, cùng suy nghĩ về một điều.

- Ta vào trong đi, - Endriad nói.

Họ mở cánh cửa sắt, bật đèn, nhảy bổ xuống cầu thang, vượt qua các hành lang, các lối đi, các gian phòng, chạy qua một cánh cửa nữa, bật đèn, một gian phòng lớn với hốc lõm vào trên tường nhấp nháy vô vàn những bóng điện nhỏ đủ màu xanh, lam, vàng, đỏ. Tiếng sột soạt như kiến bò trong tổ, tiếng lách tách. To hơn so với bình thường. Trong cái vỏ bao quý giá những tia lửa nhảy múa điên cuồng, tuyệt vọng.

- Giáo sư nghe thấy không?

Họ lắng tai. Những bóng đen màu tím thâm hần sâu dưới đôi mắt Endriad. Giọng nói. Mạnh, rất mạnh, một tiếng vọng khó nghe thấy từ những hang động xa bị lấp kín.

- Manunta, mở phóng âm.

Tiếng công tắc bật, và vang lên giọng nói thân quen, lạnh lạnh, như tiếng kèn. Hai người nhìn nhau.

- ... nếu như tôi thả chị ra, ông ta sẽ còn nghĩ ra một cái gì đó ghê tởm hơn, ông ta muốn biến tôi thành nô lệ, ông ta sẽ kể về lũ chim chóc, sẽ lái nhải - tình yêu, tình yêu - mà ông ta đã cho tôi cái tình yêu đó chưa? Bây giờ tôi sẽ giết chết chị, tôi muốn...

- Manunta, cắt nguồn.

- Giáo sư, như vậy chưa đủ.

- Manunta. - Giọng Endriad lạc đi.

Manunta đã cầm trong tay một vật gì đó bằng sắt đen và nặng.

- Manunta, - Endriad khê thốt lên, đưa tay ôm lấy mặt. - Trời ơi, tôi đã làm nên chuyện gì thế này! Đánh! Đánh đi!

Một cú đánh khô giòn kèm theo tiếng nổ nhẹ nhưng âm vang. Những mảnh kính rơi lả tả.

Manunta đập tung tấm mạng dây dẫn đã tắt của quả trứng kì diệu, giết chết linh hồn cổ máy. Những mảnh kim loại văng ra bốn phía kêu lanh canh.

Giọng nói ngừng bật. Yên lặng. Nhưng từ trong sự im lặng đó dần dần nổi lên một âm thanh kéo dài

đều đặn, nặng nề. Laura không còn nữa. Linh hồn sống đã bị hủy diệt, nhưng công việc âm thầm của tất cả những tế bào vẫn tiếp tục một cách đơn điệu, không ý thức. Không còn người đàn bà với những tình yêu, ước muốn, sự cô đơn, lo lắng. Chỉ còn một tổ hợp máy khổng lồ, không sự sống, không biết mệt mỏi. Như một binh đoàn những cỗ máy điện toán mù lòa cặm cụi trên hàng ngàn mặt bàn và mả miết, vô tận đưa ra những con số - ngày và đêm, ngày và đêm, vì một sự vĩnh cửu hoang vắng.

ĐOÀN TỬ HUYẾN *dịch*

TRUYỆN NGẮN

BỨC THƯ TÌNH

Thế là anh đã về nước, em yêu, và bây giờ anh chờ em đến với anh. Trong bức thư gần đây nhất của em hồi tháng trước em nói rằng em không thể sống thiếu anh. Anh tin em, vì anh cũng cảm thấy như vậy. Đó chẳng phải là định mệnh hay sao?

Thông thường, giữa một người đàn ông và một người đàn bà, chỉ có một người yêu người kia. Người kia chấp nhận hoặc chịu đựng. Trong trường hợp chúng ta, thật tuyệt diệu, chúng ta đắm say như nhau. Chúng ta điên cuồng yêu nhau. Như thế thật đẹp, nhưng cũng đáng sợ. Chúng ta như hai chiếc lá được hai cơn gió ngược chiều đẩy cho bay vun vút vào nhau. Sẽ thế nào đây, khi chúng gặp nhau.

Bức thư này sau bốn mươi tám tiếng đồng hồ sẽ đến tay em. Và để đến đây, em cần hai ngày. Vậy là khoảng bốn hôm nữa chúng ta sẽ gặp nhau.

Cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao? Trong những năm xa cách vừa rồi, anh luôn suy nghĩ về cuộc sống chung sau này của chúng ta. Nhưng anh không sao hình dung rõ ràng được mọi chuyện. Lần nào cũng vậy, hễ anh cứ bắt đầu tưởng tượng, là niềm ham muốn em lại làm rối tung lên tất cả.

Hôm nay nhân một lúc bình tĩnh, anh thấy cần

lượng trước cùng em đôi điều. Để một lần nữa em thấy rõ sự lựa chọn của em và của anh là rất đúng lúc và khá dứt khoát.

Anh muốn trước hết chúng ta cùng xem xét các ưu khuyết điểm của chúng ta, hoàn cảnh, sở thích, thói quen, mong muốn của chúng ta. Để em nhận thức được rằng trường hợp đôi ta là một sự trùng hợp cực kỳ hạnh phúc.

Đầu tiên là địa vị xã hội. Em là giáo viên tiếng Pháp ở một trường trung học, anh là người sản xuất rượu vang. Anh làm ăn kinh tế, như người ta nói, còn em là trí thức. Chúng ta sẽ khó am hiểu nhau hoàn toàn, và có thể mới hạnh phúc, bởi giữa chúng ta luôn còn lại một khoảng cách chút xíu, khiến chúng ta chẳng bao giờ nhằm chán nhau.

Ví dụ về chuyện bạn bè. Bạn bè anh là những người tốt, nhưng đơn giản. Anh không muốn nói là họ dốt nát, trong số họ có một luật sư nổi tiếng, một kĩ sư nông nghiệp, một sĩ quan về hưu. Nhưng không ai trong số họ có vấn đề gì phức tạp. Nói chung họ thích ăn ngon và không phản đối lắm những câu chuyện hơi tục tĩu. Chắc rằng khi ngồi cùng họ, em sẽ ngáp dài nhưng có lẽ em sẽ cố kín đáo, vì em được hưởng một sự giáo dục tinh tế. Và em rất khó quen với họ. Em là người sôi nổi, không kiên trì và bao dung lắm với đồng loại, đó chính là một trong những lí do em làm anh mất cả tỉnh táo. Mà này, nếu em đi chuyến tàu đầu tiên hôm thứ bảy, để tối chủ nhật em tới đây thì tuyệt quá nhỉ?

Em vẫn bảo tâm hồn chúng ta đồng điệu. Anh

phân tích em nghe nhé. Để hai con người thân thiết, không cứ phải họ đồng nhất và giống nhau y hệt. Kinh nghiệm cho thấy là ngược lại. Như trong trường hợp chúng ta chẳng hạn. Em là thạc sĩ tiếng Pháp, anh là gã lái rượu, như em thường gọi đùa. Bây giờ anh về đây hẳn, chỉ ở đây anh mới được hạnh phúc. Anh biết dù em vẫn ra thành phố dạy học, nhưng sống ở nông thôn em cũng sẽ buồn lắm. Mà ở đây lại là nông thôn trăm phần trăm. Viết đến đây, không hiểu tại sao anh chợt nhớ tới khuôn miệng em khi em hé mở như một bé gái, như thể em đang chờ đợi điều gì. Chắc em sẽ bảo, sao anh tầm thường thế, nhưng cặp môi mềm mại xinh xắn của em đẹp ỏi là đẹp. Anh thú thật rằng, chính khoé miệng của em đã làm anh mất hết tỉnh táo rồi đó.

Bây giờ anh nói về chuyện nhà cửa. Ngôi nhà của anh khá to và tiện lợi, anh vừa sửa lại ba phòng tắm, nhưng nó rất khác nhà của em. Đồ đạc ở nhà anh đều là từ thời ông bà cụ kị để lại. Thú thật với em rằng, nếu thay chúng đi, anh có cảm giác như mình phạm tội bất kính. Em thì ngược lại, em thích những đi vắng, những phô toại hiện đại, những cái đèn hợp mốt. Sống giữa những thứ "cổ lai hi" kia, em sẽ cảm thấy thế nào? Đó là chưa kể những mùi ẩm, mùi bụi, mùi nông thôn mà anh xiết bao thân quen yêu thích, còn em chắc chỉ cảm thấy đó là mùi mốc meo. Em cảm thấy xa lạ. Nhưng này anh mong em quá, em yêu, trái tim của anh, em đến đây ngay đi nhé.

Về tính nết thì sao? Anh nhu nhược, cởi mở, vui vẻ, đôi khi quá vui vẻ, anh biết thế nhưng không kiềm chế nổi. Em thì được giáo dục nghiêm khắc,

xuất thân từ một gia đình quý tộc nghèo, quen giao tiếp với những người có học thức, tinh tế, biết nói những lời cao xa về nghệ thuật, về văn học. Anh là dân nhà quê, có đọc vài ba cuốn sách nhưng vẫn thuộc loại văn hóa thấp. Em thì dè dặt, khinh khỉnh, anh không muốn nói là kiêu ngạo (nhưng làn da của em sao tuyệt trần quá, vừa đặt tay vào, anh đã run lên, đã có ai nói với em điều đó chưa?), em nheo cái mũi xinh xắn mỗi khi nghe thấy một lời thô tục. Mà từ miệng anh, em sẽ phải nghe bao nhiêu lời như thế. Em phải hôn anh nhiều nhé, em yêu, để bịt bớt miệng anh, hay là làm cho anh một cái rọ mõm vậy.

Còn một điều nữa, em quen ở thành phố lớn. Có lần em nói với anh rằng tiếng ồn ã của ô tô, tiếng rú còi của xe cấp cứu, tiếng ken két của tàu điện khiến em dễ làm việc ban ngày và dễ ngủ ban tối. Ở đây thì ngược lại, yên tĩnh tuyệt đối. Chỉ có tiếng lá xào xạc khi gió thổi, và tiếng bồm bộp nhẹ trên lá khi mưa rơi. Không, sẽ chẳng bao giờ em quen được đâu. Anh đã thấy trước những cái bần, bực bội của em. Mà này, em đã biết có một chuyện tuyệt vời chưa nhỉ? Ông linh mục sẵn sàng làm lễ kết hôn cho chúng ta ngay sáng thứ hai đấy. Mọi thứ đã chuẩn bị xong hết rồi, chỉ cần em về kịp. Ngoài ra anh rất yêu bóng đá, em thì lại ghê tởm. Anh là cổ động viên kì cựu của đội Juventus, và chiều chủ nhật, nếu đội này thua, anh ăn mất ngon. Rồi suốt tuần, anh và bạn bè anh sẽ bàn luận về chuyện đó. Chắc em sẽ buồn nôn. Buổi tối chúng ta sẽ cãi nhau, và từ cái miệng xinh xắn của em sẽ bật ra những lời gay gắt. À mà này, hôm cuối, em có thể mời ai cũng được, họ có thể ngủ lại tại

khách sạn gần đây, khá tiện nghi, hãy để anh được ôm chặt em trong lòng, anh thích em đến chết đi được, những khi em hôn đôi.

Tất nhiên, ở thủ đô, các thói quen đều khác. Khi em không đi xem phim, em gặp gỡ một người bạn gái, đúng không? Em và bạn em bàn luận về các vấn đề ở trường, về các chương trình, và em cảm thấy đó là những chuyện thanh tao, đúng không? Còn anh, buổi tối, anh lại hay xem truyền hình, chắc em cho đó là một thói quen xấu, đúng không?

Nhưng mà này, thỉnh thoảng em cũng hãy xem với anh một buổi truyền hình bóng đá nhé. Anh đoán là em sẽ nguyên rửa anh. Em sẽ nằm co rúm trên đi văng, ở một góc, dưới một cái đèn bàn nhỏ, và đọc cuốn sách của Teilhard du Chardin (tên nhà văn này có đúng là thế không nhỉ?). Nào, tình yêu của anh, em hãy đi máy bay nhé, hay là tên lửa vũ trụ, hay là thám bay càng tốt, càng nhanh, em hãy về đây mau lên, anh mong em lắm, anh không chịu nổi nữa rồi. Về ngay đi, em yêu, chúng ta sẽ bất hạnh, anh thế là như vậy.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch

SỰ VĨ ĐẠI CỦA CON NGƯỜI

Trời đã bắt đầu tối khi cánh cửa của ngôi nhà giam đang chìm dần vào bóng đêm mở ra và toán canh ngục ném vào phòng giam một ông già nhỏ bé râu rậm và dài.

Bộ râu của ông già có màu trắng rất to, gần như to hơn cả chính bản thân người ông. Trong gian xà lim tối mờ ảm đạm, nó hắt ra một làn ánh sáng yếu ớt, và điều đó đã gây nên một ấn tượng nhất định đối với những người tù.

Vì phòng tối, nên lúc đầu ông già không nhận ra là trong cái hố này ông không chỉ có một mình.

- Có ai ở đây không nhỉ?

Đáp lại lời ông là những tiếng cười chế nhạo và những tiếng gầm gừ dữ tợn. Rồi, theo tục lệ sở tại, mỗi người lần lượt tự giới thiệu:

- Rikkacdon Macchello - một giọng rít lên khăn khăn. - Ăn cắp, với những tình tiết tăng tội nghiêm trọng.

- Bexxeda Kacmelo - một giọng khác cũng rít lên như phát ra từ những thùng gỗ, - lừa đảo tái phạm.

Rồi:

- Macfi Luchano, hiệp dân.

- Lavataro Makx, vô tội.

Sau những lời đó một trận cười rộ lên. Câu đùa khiến cả phòng rất thích thú: ai chẳng biết Lavataro là một tên cướp khét tiếng, bàn tay đã nhuộm máu bao nạn nhân.

- Expôdito Enêa, giết người. - Trong giọng người vừa tuyên bố nghe có vẻ tự hào.

- Muttironi Vinchenxo, - giọng nói này vang lên hoàn toàn đặc thắng, - giết cha... Thế còn lão, con rệp già kia, lão là ai?

- Tôi... - người tù mới vào lên tiếng, - thú thật là tôi cũng không biết nữa. Người ta giữ tôi lại, đòi trình giấy tờ, mà tôi thì chẳng bao giờ có giấy tờ gì cả.

- Ha ha! Nghĩa là tội lang thang. - Một người nào đó khinh bỉ nói. - Thế tên lão là gì?

- Tôi là... Morro, biệt hiệu... hừm... Vĩ Đại.

- Tức là Morro Vĩ Đại! Hừ, không đến nỗi tôi! - một giọng nói trong bóng tối nhận xét. - Tên của lão có vẻ hơi lớn đấy: nó đủ cho cả chục đứa như lão.

- Quả đúng vậy, - ông già nhũn nhận đáp. - Nhưng ở đây tôi không có lỗi. Tên này người ta gán đùa cho tôi, còn bây giờ thì chẳng làm sao được nữa. Hơn nữa, nó mang lại cho tôi toàn những điều khó chịu. Chẳng hạn như... nhưng thôi, câu chuyện dài lắm...

- Nào, nào, phun ra đi! - Một người tù nào đó cục cằn quát. - Thì giờ ở đây tha hồ.

Những người khác nhao nhao ủng hộ. Với những ngày dài buồn tẻ trong tù, bất kì một trò mới lạ nào cũng là một dịp vui.

- Vậy thì được thôi, - ông già đáp. - Một lần tôi đi lang thang trong thành phố nọ - tên thành phố là gì, không quan trọng - và trông thấy một tòa lâu đài sang trọng cùng những người đầy tớ chạy ra chạy vào, mang đủ thứ của ngon vật lạ. Tôi nghĩ chắc ở đây đang chuẩn bị một bữa tiệc lớn, liền đi đến gần để xin của bố thí. Nhưng chưa kịp mở miệng thì tôi đã bị một gã khổng lồ cao không dưới hai mét túm lấy cổ áo và gào toáng lên: "Hắn đấy, thằng ăn trộm đây rồi, tôi đã bắt được hắn. Chính hắn hôm qua đã ăn trộm chăn đắp ngựa của ông chủ. Mà lại còn dám quay lại đây nữa! Nào, bây giờ tao sẽ đếm xương sườn của mày". "Của tôi? - tôi hỏi lại. - Nhưng hôm qua tôi ở cách đây không dưới ba mươi dặm. Sao lại có thể như vậy được?" - "Chính mắt tao đã trông thấy mày. Trông thấy mày ôm chăn chạy", - gã khổng lồ quát và lôi tôi vào trong sân.

Tôi quỳ xuống và van xin: "Hôm qua tôi còn ở cách đây ba mươi dặm. Tôi đến thành phố này của các anh lần đầu tiên. Lời nói danh dự của Morro Vĩ Đại đấy!" - "Cái gì, cái gì?" - gã khổng lồ đang nổi điên trở mất hết. "Lời danh dự của Morro Vĩ Đại" - tôi lặp lại. Gã kia bỗng phá ra cười: "Vậy mày là Morro Vĩ Đại? Này, mọi người ơi, mau lại đây xem cái đồ chấy rận này lại dám xưng là Morro Vĩ Đại!" - Và quay lại nhìn tôi, gã hỏi: - "Mà mày có biết Morro Vĩ Đại là ai không đã chứ?" - "Tôi chính là Morro và tôi không biết Morro nào khác" - tôi đáp. "Morro Vĩ Đại, - gã khổng lồ tuyên bố với tôi, - chính là ông chủ đáng kính của chúng tao chứ không phải ai khác. Mày là kẻ ăn mày lại dám mạo

nhận cái tên ấy! Nào, bây giờ mày sẽ biết tay! Ông chủ đến kia rồi".

Mà đúng thế, nghe có tiếng la hét, ông chủ tòa lâu đài từ trong nhà bước ra sân. Đó là một lái buôn cực giàu - giàu nhất trong thành phố, mà có thể là giàu nhất thế giới. Ông ta bước đến bên cạnh tôi, đứng nhìn, hỏi vài câu và cười. Ông ta cảm thấy ngộ nghĩnh là có một kẻ ăn mày nào đó mang tên ông ta. Rồi ông ta ra lệnh gia nhân thả tôi ra, mời tôi vào nhà, chỉ cho tôi xem những gian phòng lớn chứa đầy đồ vật quý, thậm chí có cả một buồng tường bọc thép bên trong chất hàng đồng vàng bạc, châu báu, sai người cho tôi ăn no uống say, rồi nói: "Cái câu chuyện trùng tên này càng đáng ngạc nhiên, lão già ăn mày à, vì nó đã xảy ra một lần với ta trong chuyến du lịch Ấn Độ. Lần đó ta mang hàng ra chợ, dân ở đó thấy ta buôn hàng quý liền vây lại hỏi ta là ai và từ đâu tới. "Tôi là Morro Vĩ Đại", ta đáp, còn họ nhăn mặt lại, nói: "Morro Vĩ Đại à? Ông thì vĩ đại cái gì, hử cái lão lái buôn thảm hại kia? Cái vĩ đại của con người là ở trí tuệ. Morro Vĩ Đại trên thế giới này chỉ có một. Ông ấy là niềm tự hào của nước chúng ta đây. Còn ông, đồ vô lại, bây giờ sẽ phải chịu tội trước ông ấy vì lời khoác lác của mình".

Họ liền bắt trói tay ta lại và dẫn đến chỗ ông Morro kia, người mà ta không hề nghĩ đến là có ở trên đời này. Ông ta hóa ra là một nhà bác học lừng danh, một triết gia kiêm nhà toán học, thiên văn học, chiêm tinh học, được dân chúng tôn kính như một vị thánh. Rất may ông ta biết ngay rằng đây chẳng qua là một sự hiểu lầm, cười và ra lệnh cởi trói cho ta,

dẫn ta đi xem phòng làm việc, phòng thí nghiệm, các máy móc kì lạ do ông tự tay chế tạo. Rồi ông nói: "Này ông khách buôn ngoại quốc thân mến, trường hợp của ông càng đáng ngạc nhiên vì với tôi cũng đã xảy ra một chuyện như vậy trong chuyến đi của tôi đến hòn đảo Levant. Tôi vừa leo lên tới đỉnh một ngọn núi lửa định nghiên cứu nó thì bị một toán lính giữ lại, vì cái dáng vẻ khác lạ của tôi đối với địa phương xú đó gây nên cho họ nghi ngờ. Họ hỏi tôi là ai, tôi chỉ vừa kịp xưng tên xong là lập tức bị xiềng tay lại dẫn vào thành phố. "Nhà người dám xưng là Morro Vĩ Đại kia à? - họ nói. - Một gã làm nghề dạy học quên như người thì có gì là vĩ đại được kia chứ? Morro Vĩ Đại chỉ có thể có một trên khắp thế giới này và đó là ông chủ của chúng ta, vị chiến binh vĩ đại nhất trong số tất cả những ai biết cầm kiếm từ xưa đến nay, và tất nhiên ngài sẽ ngay tức khắc ra lệnh chém bay đầu nhà người!"

Và họ dẫn tôi đến gặp thủ lĩnh của họ thật, chỉ riêng vẻ ngoài của ông ta cũng đủ khiến ai ai nhìn thấy phải bạt vía kinh hồn. Rất may là tôi đã trình bày được cho ông ta hiểu chuyện xảy ra, và viên tướng khổng lồ khiếp phả ra cười trước sự trùng lặp đáng ngạc nhiên đó, ra lệnh cởi xiềng cho tôi, cho tôi quần áo sang trọng và mời tôi vào cung điện để cho tôi có thể chiêm ngưỡng những chứng tích các chiến thắng của ông ta đối với các dân tộc xa gần. Cuối cùng ông ta nói: "Câu chuyện này, thưa ngài bác học đáng kính cùng mang tên của ta, lại càng đáng ngạc nhiên vì nó đã xảy ra với ta một lần trong cuộc viễn chinh xa xôi ở cái xứ sở gọi là châu Âu. Lần đó ta cùng các chiến

binh của ta đang đi trong rừng thì bỗng gặp một toán dân miền núi ăn mặc rách rưới, họ hỏi: "Ông là ai mà đem gươm giáo phá vỡ sự yên tĩnh núi rừng của chúng ta?". "Ta là Morro Vĩ Đại" - ta nói, nghĩ rằng chỉ riêng cái tên ấy cũng đã làm họ phải run rẩy kinh hãi. Nhưng họ chỉ mỉm cười bao dung và nói: "Morrô Vĩ Đại?" Chắc là ông đùa đấy chứ! Một kẻ lính tầy lang thang như ông làm sao có cái gì có thể là vĩ đại được? Cái vĩ đại của con người là ở sự hàng phục thể xác và nâng cao tinh thần. Trên thế giới chỉ có một Morro Vĩ Đại mà thôi, và chúng tôi sẽ dẫn ông đến gặp để ông được tận mắt chứng kiến sự vĩ đại chân chính của con người". Và họ dẫn tôi đến một thung lũng nhỏ, nơi một ông già rách rưới với bộ râu bạc trắng như tuyết sống trong túp lều thảm hại. Người ta nói với tôi rằng ông dành toàn bộ thời gian cuộc đời cho việc chiêm nghiệm thiên nhiên và tôn thờ Đức Chúa. Quả thật tôi chưa bao giờ gặp một người nào có vẻ thư thái, bằng lòng với cuộc sống và có lẽ hạnh phúc đến như vậy. Nhưng đối với tôi, thú thật, đã quá muộn để thay đổi cuộc đời mình".

Đó chính là điều mà viên thủ lĩnh hùng mạnh của hòn đảo đã kể lại cho nhà bác học lừng danh thông thái, còn nhà bác học lại kể cho người lái buôn giàu có, còn người lái buôn thì kể cho ông già nghèo khó đến nhà ông ta để xin bố thí. Và tất cả bọn họ đều tên là Morrô, và từng người trong số họ đều do nguyên nhân này hay nguyên nhân khác được mang danh Vĩ Đại.

Khi ông già kết thúc câu chuyện, từ trong bóng

tối xà lim vang lên giọng của một người tù:

- Nếu như đầu của tôi không phải bằng xơ dáy, thì cái lão già rách rưới ở trong lều - tức là người vĩ đại nhất ấy, - chính là ông phải không?

- Biết nói gì với các con bây giờ, - ông già lẩm bẩm, không bảo phải cũng không bảo không. - Trên đời có chuyện gì là không xảy ra...

Tiếp đó mọi người ngồi yên lặng, vì rằng có nhiều câu chuyện buộc cả những kẻ đều cáng có hạng nhất cũng phải ngẫm nghĩ sâu xa.

ĐOÀN TỬ HUYẾN dịch

NẾU NHƯ...

Ngài là một Nhà Độc Tài, chỉ mấy phút trước đây trong Hội Trường Tối Cao Viện ngài vừa kết thúc một bài phát biểu tại Đại Hội Hữu Ái Toàn Cầu, kết quả là bản dự luật do các đối thủ của ngài đưa ra đã bị bác bỏ bởi tuyệt đại đa số phiếu. Bây giờ ngài trở thành Nhà Hoạt Động Hùng Mạnh nhất của Đất Nước, và Tất Cả những gì Liên Quan đến Ngài Từ Nay và Về Sau đều phải được Viết Hoa: làm như vậy là để Tỏ Lòng Tôn Kính đối với Ngài.

Vậy là ngài đã đạt đến tuyệt đỉnh của quyền lực, có vẻ như không còn cái gì cao hơn nữa để vươn tới. Bốn mươi lăm tuổi làm Chúa Tể Hành Tinh! Và ngài đạt đến điều đó không phải bằng bạo lực như lệ thường ta vẫn gặp trong đời, mà bằng lao động không mệt mỏi, bằng lòng trung thành đối với sự nghiệp, bằng tự nguyện hi sinh bản thân mình: ngài đã từ bỏ tất cả - những phút giờ giải trí, những cuộc vui, những ham mê đơn giản của con người, những người đẹp thượng lưu... Mặt ngài xanh xao, mắt ngài cận thị, nhưng khắp cả thế giới này không còn một ai có thể đứng cao hơn ngài.

Ngài cảm thấy hơi mệt mỏi. Nhưng ngài hạnh phúc.

Cái cảm giác hạnh phúc ngây ngất gần như bản năng hoang sơ đó đã ngấm vào máu thịt ngài. Trong lúc đi dạo qua các phố - ngài cũng đi bộ như mọi người - ngài lại suy ngẫm về nguyên do và bản chất sự thành đạt của ngài.

Ngài là một Nhạc Sĩ Vĩ Đại; vừa mới đây thôi tận mắt ngài đã chứng kiến tại Nhà Hát Kịch Hoàng Gia đám công chúng bị nhạc phẩm thiên tài của ngài làm cho sững sờ, mê mẩn; đó thật sự là một đại lễ khải hoàn; cho đến giờ trong tai ngài vẫn còn vang lên những tràng vỗ tay như sấm hòa với tiếng hò la hừng khởi, - những tràng vỗ tay như thế, kể cả dành cho ngài lẫn cho người khác, trước đó ngài chưa hề biết đến - những tiếng nức nở, những cử chỉ hân hoan, những gương mặt tôn sùng mù quáng.

Ngài là một Nhà Giải Phẫu Vĩ Đại; chỉ vài giờ trước đây đứng trước một thân xác người chỉ còn thoi thóp sống, ngài đã quyết định làm một việc mà đầu óc con người không thể nào hiểu nổi khiến cho các trợ lí của ngài kinh hoàng ngỡ ngài mất trí: bằng đôi bàn tay như có phép màu, ngài tách từ trong độ sâu chưa được khám phá của bộ não ra cái đốm lửa cuối cùng của ý thức, nó lẫn trốn vào đấy như một con thú nhỏ bị tử thương lẫn trốn vào rừng rậm để không ai trông thấy cơn hấp hối của nó. Ngài đã thổi bùng cái đốm lửa nhỏ đó lên, không để cho nó tắt đi. Và kẻ sắp chết lại mở mắt ra, mỉm cười.

Ngài là một Nhà Tài Chính Vĩ Đại vừa đập tan những thủ đoạn của các đối thủ cạnh tranh có khả năng bóp nghẹt, hủy diệt ngài. Bằng sức mạnh thiên

tài của mình, ngài đã dùng gậy ông đập lưng ông, làm cho kẻ địch phải thất bại thảm hại. Kết quả là những hồi chuông điện thoại dồn dập, những đợt tín hiệu không dứt của máy vi tính và máy fax, và tổng số tài sản của ngài phân bố ở khắp thủ đô các nước đã lớn vụt lên như đám mây khổng lồ đang trút xuống những hạt mưa vàng; còn ngài đắc thắng ngồi ngự trên tất cả nơi tầm cao không ai với tới.

Ngài là Nhà Bác Học Vĩ Đại; cách đây không lâu một nguồn cảm hứng thần thánh đã đến với ngài trong sự tĩnh lặng của căn phòng làm việc khiêm nhường, và ngài đã phát minh ra Định Luật Tối Cao Nhất trong tất cả các định luật khoa học. Trước phát minh này, toàn bộ những nỗ lực trí tuệ lớn lao của các nhà khoa học đồng nghiệp trên toàn thế giới trong phút chốc biến thành những trò chơi trẻ con vô nghĩa, và ngài có đầy đủ quyền tự hào rằng ngài vĩnh viễn có trong tay Chân Lý Cuối Cùng như một đứa con cưng toàn bích.

Ngài là một Thống Soái Vĩ Đại; trong vòng vây của kẻ địch mạnh gấp nhiều lần, ngài đã đủ nghị lực và dũng khí để biến nhúm người tan tác thảm hại thành đội quân của những dũng sĩ khổng lồ; vòng vây lửa và thép thít chặt ngài chỉ qua mấy tiếng đồng hồ đã bị đập tan, những sư đoàn kẻ địch đã phải kinh hoàng tháo chạy.

Ngài là Nhà Doanh Nghiệp Vĩ Đại, Nhà Nghiên Cứu Vĩ Đại, Nhà Thơ Vĩ Đại, cuối cùng đã đạt đến tột đỉnh vinh quang; và mặc dù những tháng năm lao động miệt mài, nhưng quãng đời vô danh đói khổ

không thể không để lại dấu vết khó phai mờ trên vầng trán mệt mỏi của ngài, gương mặt ngài vẫn sáng ngời hạnh phúc và tự tin.

Không quan trọng là sự việc đã xảy ra bao giờ: vào buổi sáng trời nắng ráo hay chiều tàn trước cơn giông; vào đêm trăng ấm áp hay ngày đông bão tuyết; mà cũng có thể là vào lúc bình minh vừa hừng với làn không khí trong lành và tươi mát; - cái chính là nó đã đến, cái khoảnh khắc hiếm hoi, không bao giờ lặp lại của phút khải hoàn mà chỉ một số rất ít người được may mắn hưởng. Trong cơn xúc động khó nói nên lời, ngài bước đi trên đường phố; những tòa nhà, những cung điện đứng thẳng trước ngài như đang làm lễ chào. Và nếu như chúng không nghiêng mình cúi đầu thì chỉ là vì chúng được làm bằng sắt thép, gạch đá, bê tông - tức là bằng các vật liệu không thể uốn lưng được. Cả những đám mây nhẹ bẫng, trong suốt trên bầu trời cũng tụ lại vòng tròn tạo thành một cái gì đó như một vầng hào quang khổng lồ.

Và bỗng nhiên, khi đi ngang qua vườn hoa Thị Chính, ngài, hoàn toàn tỉnh cờ, bất giác dừng ánh mắt nhìn ở một phụ nữ trẻ.

Con đường có hàng cây trồng ở quãng này uốn vòng qua một khu đất cao giống như sân trước của tòa nhà lớn được ngăn lại bởi một hàng rào bằng chấn song sắt. Cô gái đứng tựa tay vào dây hàng rào đó và lơ đãng nhìn xuống đường.

Nàng chỉ khoảng hai mươi tuổi, gương mặt xanh xao, đôi môi hé mở bất động trong nụ cười uể oải, mơ

màng. Mái tóc dày, đen màu cánh quạ, tết thành lọn phủ một thoáng bóng mờ lên vàng trán mịn. Và cả người nàng chìm trong bóng râm của đám mây vừa trôi tới. Một tạo vật mê hồn!

Nàng mặc một bộ *pun* xám giản dị, chiếc váy đen bó khít ngang thắt lưng thanh mảnh. Trong dáng người thư giãn của nàng toát ra một vẻ duyên dáng mềm mại, cái vẻ duyên dáng gần như của một con thú hoang. Hình như nàng là một nữ sinh viên thuộc loại cấp tiến; phong cách phóng khoáng trong giao tiếp và thái độ coi thường mọi ước lệ xã hội tạo cho những con người này một vẻ quyến rũ đầy thách thức. Nàng đeo cặp kính lớn màu xanh nước biển. Vành son đỏ tươi của cặp môi hơi hé tương phản gay gắt với vẻ xanh xao của gương mặt khiến ngài sững sờ.

Đúng dưới đường ngược lên qua hàng song sắt, trong một thoáng giây ngài nhìn thấy đôi chân của nàng - chỉ một phần thôi, bởi vì phía dưới chúng bị chắn bởi bức tường bệ hàng rào, còn phía trên là nếp váy khá dài. Nhưng ánh mắt nhìn ngược sáng của ngài đã nhận rõ những đường lượn táo bạo của cặp chân thiếu nữ: đi ngược lên từ vòng mắt cá mảnh mai, chúng nở dần trong một sự mở mang tự nhiên đầy mê hoặc mà tất cả mọi người đều biết, rồi khuất hút vào mép dưới của gấu váy. Mặt trời thoát ra khỏi đám mây, khiến mái tóc nàng lập tức trở thành màu hung đỏ. Nàng có thể là tất cả: con nhà tử tế, nữ diễn viên, gái ăn xin, hoặc thậm chí là gái đứng đường.

Ngài đi ngang qua cách chỗ nàng đứng bốn, năm bước chân. Chỉ một thoáng, nhưng ngài đã kịp nhìn rõ tất cả.

Nàng không hề để ý tới ngài; không cảm thấy ánh mắt của ngài, nàng máy móc ném về phía ngài một cái nhìn hồ hững, tỏ nhạt.

Để giữ về lịch sự, ngài đưa mắt nhìn ra hướng khác, về phía con đường chạy thẳng trước mặt, nhất là theo sát phía sau ngài là viên thư kí và hai vệ sĩ của ngài. Nhưng rồi không cưỡng lại được, ngài một lần nữa quay đầu nhìn sang phía cô gái.

Nàng lại đưa mắt nhìn ngài. Hơn thế nữa, thậm chí ngài nhận thấy - có thể là do ngài tưởng tượng ra - đôi môi mọng và nhạy cảm khẽ thoáng giật, như thể nàng muốn nói với ngài một điều gì đó.

Đủ rồi! Ngài không thể cho phép mình hơn nữa! Đã chắc gì ngài còn bao giờ được gặp nàng!

Ngài vẫn tiếp tục cuộc dạo. Vườn hoa Thị Chính lùi lại phía sau. Cô gái kia bây giờ đang ở đâu?

Vớ vẩn, phỉ lí! Chợt nhìn thấy một người phụ nữ - thì đã sao? Chẳng lẽ đã yêu? Đơn giản vậy, ngay từ cái nhìn đầu tiên ư? Không, điều đó thì ngài không thể. Một cô gái gặp lần đầu, lại không biết cô ta là ai. Nhưng mà sao...

Nhưng mà sao nơi mới vừa đây chỉ có niềm hạnh phúc thanh thần ngự trị nay đã là một hoang mạc cổ cồn?

Đã chắc gì ngài còn bao giờ được gặp nàng, làm quen với nàng, nói chuyện với nàng. Không với nàng, không với cả những người giống như nàng. Ngài sẽ già đi mà không nói được một lời với họ. Tuy rằng ngài sẽ sống giữa bao vinh quang và tôn kính, nhưng ngài sẽ già đi mà không có đôi môi kia, không có cặp

mắt mờ màng kia, không có tấm thân bí ẩn kia...

Và sẽ ra sao nếu như ngài, một cách không ý thức, làm tất cả những việc lớn lao trong đời chỉ là vì nàng? Vì nàng và vì những người như nàng, vì những tạo vật bí ẩn và nguy hiểm mà trong đời ngài chưa một lần chạm đến này? Sẽ ra sao nếu như những tháng năm dài sống trong cô đơn, thiếu thốn, kỉ luật sắt, hiến dâng bản thân mình là chỉ vì một mục đích duy nhất đó, nếu như đằng sau sự tự hành hạ mình ẩn dấu một khát vọng bao trùm tất cả? Nếu như ẩn dưới cái mặt nạ tham vọng vinh quang và quyền lực chỉ có tình yêu suốt đời thôi thúc ngài tiến lên phía trước?

Mà ngài thì không bao giờ hiểu ra điều đó, không cho phép điều đó xảy ra - dù chỉ là trong lúc đùa chơi. Chỉ riêng ý nghĩ về điều đó đối với ngài đã là man rợ và thô thiển.

Năm tháng thì cứ thế trôi đi một cách vô ích, trống rỗng. Còn bây giờ thì đã muộn.

ĐOÀN TỬ HUYỀN dịch

BÍ MẬT NHÀ VĂN

Tôi là kẻ bị coi là đã hết thời, nhưng là người hạnh phúc.

Mặc dù chén đời của mình tôi chưa dốc đáy. Văn còn lại một chút gì đấy, tuy chẳng nhiều nhận gì. Tôi hi vọng sẽ được nếm hưởng tất cả cho đến giọt cuối cùng. Ước gì tôi còn được sống thêm - tôi đã thuộc vào loại cổ lai hi từ lâu, chắc chẳng kéo dài được bao lâu nữa.

Đã nhiều năm nay thiên hạ cho rằng khả năng sáng tạo của tôi đang suy sụp, rằng với tư cách một nhà văn tôi đã tàn lụi hẳn, không cơ cứu vãn. Nếu có ai đó không nói thẳng ra điều này thì cũng nghĩ thầm như vậy. Mỗi cuốn sách mới tôi in ra đều được coi như thêm một bước tôi trượt dần theo mặt dốc phẳng xuống dưới. Và đến nay tôi đã ở tận nơi ngổ cụt, đường cùng.

Tất cả những cái đó là kết quả công sức của tôi. Chậm chạp nhưng chuẩn xác, hơn ba mươi năm qua tôi bước đi một cách có ý thức, theo kế hoạch đã vạch sẵn, trên con đường dẫn đến kết cục hôm nay.

Chắc các ngài sẽ hỏi tôi: nói một cách khác là

chính anh muốn cái thảm họa này, chính anh tự đào hố chôn mình?

Đúng thế, thưa các quý ông quý bà, đúng là như thế đấy. Trong sự nghiệp sáng tạo của mình, tôi đã đạt những đỉnh cao sáng chói. Tiếng tăm tôi đã nổi như cồn, tài năng tôi đã được thừa nhận. Nói ngắn gọn, tôi đã thành công rực rỡ. Và tôi có thể tiến lên, đi xa hơn nữa. Nếu muốn, tôi có thể không khó khăn gì đạt tới niềm vinh quang vẹn toàn, tuyệt đối.

Nhưng tôi đã không muốn.

Hơn thế, tôi đã chọn một con đường khác. Từ tầm cao đạt được - mà tôi đã lên rất cao, tuy có thể chưa là tuyệt đỉnh Himalaya, nhưng ít ra cũng là Monte Rosa⁽¹⁾ - tôi bắt đầu chậm rãi tụt xuống. Tôi quyết định đi ngược lại cũng chính con đường mà khi lên tôi đã có những cú nhảy mạnh mẽ khác thường. Tôi sẽ phải chịu nếm trải toàn bộ cái cay đắng của sự thoái lui thảm hại. Nhưng thảm hại, xin các ngài ghi nhận cho, chỉ là vẻ bề ngoài. Bởi vì trong cuộc trượt xuống dần dà này tôi đã có được những thỏa mãn đích thật. Hôm nay tôi sẽ giải thích tất cả để các ngài rõ, tôi sẽ công bố điều bí mật đã được giữ kín bao nhiêu năm trời. Những trang "xưng tội" này tôi sẽ phong kín lại để các ngài chỉ được đọc chúng sau khi tôi đã qua đời.

Hồi đó tôi bốn mươi tuổi và đang thực sự kiêu hãnh, say sưa với bản thân mình, hết tốc lực ngang dọc bay trên mặt biển vinh quang, thì bỗng một ngày

(1) Một đỉnh núi cao trên dãy Alps.

nọ đột nhiên tôi bừng tỉnh ngộ. Tiếng tăm, danh vọng, sự thán phục, ngưỡng mộ, uy tín quốc tế : chính những điều mà tôi đã toàn tâm, toàn lực hướng tới - chợt hiện ra trước mắt tôi trong sự vô nghĩa trần trụi, nhỏ nhoi.

Mặt vật chất của vinh quang không làm tôi quan tâm. Lúc đó tôi đã đủ giàu. Còn những cái khác?.. Những tràng vỗ tay, những say sưa chiến thắng, những ảo ảnh đầy ma lực mà vì nó biết bao đàn ông, đàn bà đã bán linh hồn cho quỷ? Cứ mỗi lần được nếm một giọt lộc trời đổ, tôi lại cảm thấy trong miệng mình vị đắng ngắt, buồn nôn. Tôi thường tự hỏi mình: cái gì là biểu hiện cao nhất của vinh quang? Đơn giản ấy là khi ta đi ngoài phố, mọi người ngoái lại nhìn theo ta thì thầm: xem kia, xem kia, ông ấy đấy! Và chỉ có thế, không hơn! Nhưng ngay cả điều đó, xin các ngài nhớ cho, ngay cả cái niềm vui đáng ngờ đó cũng chỉ dành cho những nhà hoạt động chính trị xuất chúng hoặc những siêu sao điện ảnh mà thôi. Còn thời nay, để thiên hạ để ý đến một nhà văn bình thường - tôi không biết là việc gì phải xảy ra!

Hơn nữa lại còn mặt trái của tấm huân chương. Các ngài có biết cuộc sống thường ngày của một nhà văn nổi tiếng khổ ải như thế nào không? - những trách nhiệm liên miên, thư từ, điện thoại của những bạn đọc ngưỡng mộ, những cuộc phỏng vấn, gặp gỡ, hội thảo, những bài phát biểu trên đài, vân vân và vân vân. Nhưng đấy chưa phải là điều làm tôi sợ. Tôi kinh hãi và lo lắng vì cái khác. Tôi nhận thấy rằng mỗi thành công của tôi, hầu như không mang lại cho

tôi chút thỏa mãn nào, lại làm cho nhiều người phải vô cùng đau khổ. Ôi, đáng thương biết bao những gương mặt bạn bè và đồng nghiệp vào những phút giây huy hoàng trong cuộc đời sáng tạo của tôi! Những chàng trai tuyệt vời, những người lao động trung thực đã từ lâu gắn bó với tôi bằng những mối quan tâm chung và tình bằng hữu, - tại sao lại để họ phải đau khổ kia chứ?!

Lúc đó tôi suy xét, cân nhắc mọi điều và hiểu ra rằng: cái khát vọng thành đạt bằng mọi giá của tôi đã mang lại cho những người xung quanh biết bao đau xót. Tôi hối hận là trước đây tôi không nghĩ đến chuyện đó. Và nghĩ rồi, tôi cảm thấy lương tâm bị cắn rứt vô cùng.

Và tôi cũng hiểu rằng: nếu còn tiếp tục tiến lên thì trên con đường này, tôi sẽ gặt hái thêm những vòng nguyệt quế huy hoàng mới. Nhưng trái tim của biết bao người lúc đó sẽ nhói buốt đau đớn và buồn tủi, mà lẽ nào họ đáng phải chịu như vậy? Thế gian này rất nhiều những nỗi khổ đau, nhưng sự đau khổ vì ganh ghét bao giờ cũng để lại những vết thương sâu nhất, rõ nhiều máu đỏ nhất và khó lành nhất - điều đó đáng được thông cảm một cách sâu sắc.

Tôi có trách nhiệm phải chuộc lỗi lầm của mình. Và tôi đi đến một quyết định. Ông Chúa, tôi được Người ban cho khả năng làm việc tốt. Cho đến lúc đó, tôi, một kẻ được số phận nuông chiều, chỉ làm toàn những việc khiến đồng loại phải đau buồn; còn giờ đây tôi sẽ bắt đầu an ủi và đền bù hậu hĩnh cho họ. Chấm dứt những đau khổ của mọi người há chẳng phải là niềm vui sướng hay sao? Và chẳng lẽ niềm

vui này không bù đắp được cho họ những nỗi khổ đau trước đó?

Cần phải tiếp tục viết, không thuyên giảm nhịp độ làm việc, không tạo ra ấn tượng của sự thoái lui tự nguyện, nếu khác đi, để ý đồ của tôi lộ ra, thì đây chỉ là một sự an ủi yếu ớt đối với các đồng nghiệp của tôi. Cần phải đánh lừa họ, phải làm cho họ hiểu lầm, phải bịt giấu tài năng đang ở kì nở rộ nhất, phải viết mỗi ngày một kém đi, tồi hơn, phải làm ra vẻ cảm hứng đã cạn kiệt, và khiến cho những người đang chờ đợi ở tôi những thành công mới được ngạc nhiên một cách dễ chịu bởi sự thất bại, rơi rụng của tôi.

Nhiệm vụ đó thoát nhìn có vẻ dễ dàng. Nhưng thật ra không phải vậy. Sẽ rất sai lầm nếu nghĩ rằng có thể cố ý tạo ra những tác phẩm nhợt nhạt, tầm thường mà không cần nhiều nỗ lực lắm. Trong thực tế điều đó khó hơn ta tưởng. Ở đây có hai nguyên nhân:

Thứ nhất, tôi cần phải lay chuyển các nhà phê bình, buộc họ từ bỏ thói quen khen tôi. Thời đó tôi đã thuộc vào loại nhà văn có tầm cỡ, danh tiếng vững vàng, được định giá cao trên thị trường văn chương. Tán tụng tôi đã trở thành nguyên tắc buộc phải nghiêm ngặt tuân theo. Mà ai cũng biết, một khi các nhà phê bình đã phân ngôi bày thứ đầu vào đấy rồi thì cứ thử đi mà buộc họ thay đổi quan điểm của mình xem! Liệu họ có nhận thấy ngôi bút của tôi càng ngày càng đuối hụt dần, hay vẫn tiếp tục kiên trì những lời tán dương như cũ?

Và đây là điểm thứ hai. Máu người nói chung không phải nước lã. Các ngài nghĩ rằng tôi dễ dàng

chế ngự, bóp chết trong tôi những cơn trào dâng cảm hứng thiên tài? Dù tôi có cố gắng mấy để tỏ ra tầm thường, nhằm chán thì ánh sáng của tài năng với sức mạnh kì bí của nó vẫn xuyên thủng qua các dòng chữ mà bột phát ra ngoài. Đối với một nghệ sĩ chân chính, phải giả dối là một việc làm đầy thống khổ, dù cho đó chỉ là muốn tỏ ra kém cỏi hơn mình vốn có.

Nhưng dù sao tôi cũng đã làm được điều mình muốn làm. Năm này qua năm khác tôi đã thuần dưỡng cái thiên bẩm bất kham của mình. Tôi học được cách thể hiện vẻ bất tài của mình một cách tinh vi, hoàn hảo, và chỉ riêng điều này cũng đủ chứng tỏ tôi là một tài năng vĩ đại. Tôi viết hết cuốn sách này đến cuốn sách khác, càng ngày càng kém vẻ. Ai có thể nghĩ rằng những thể phẩm rời rạc, đơn điệu, thiếu hình ảnh, không sức sống này lại do ngòi bút của tôi sản sinh ra? Đó quả là một vụ tự sát văn chương diễn ra chậm chạp!

Mà mỗi cuốn sách mới của tôi in ra lại làm cho những gương mặt bạn bè đồng nghiệp của tôi càng trở nên bừng sáng, giãn hết các nếp nhăn. Tôi dần dần giải thoát cho họ, những con người tội nghiệp, khỏi gánh nặng của lòng ganh ghét. Và họ lấy lại được niềm tin vào bản thân, chan hòa với cuộc sống; hơn thế nữa, họ bắt đầu yêu quý tôi một cách chân tình. Tóm lại, họ đã thành đạt. Trước đó tôi ngáng đường họ quá lâu! Giờ đây tôi thận trọng và chăm chút chữa lành vết thương cho họ, mang lại cho họ một sự thỏa mãn lớn lao.

Những tràng vỗ tay đã lắng xuống. Tôi đã lánh vào chỗ khuất, nhưng hài lòng với số phận. Tôi

không còn nghe quanh mình những lời tán dương giả dối; giờ đây bao trùm lên tôi là những đợt sóng yêu thương và lòng biết ơn chân thành ấm áp. Trong giọng nói của bạn bè tôi lại nhận ra âm điệu trong sáng, tươi vui, hào phóng như vào những tháng ngày tốt đẹp khi tất cả chúng tôi còn trẻ trung và chưa phải trải qua những tráo trở của cuộc đời.

Tại sao lại thế - chắc các ngài sẽ hỏi tôi, - nghĩa là anh chỉ viết cho một nhóm vài chục kẻ đồng nghiệp của anh thôi ư? Thế còn thiên chức? Thế còn độc giả? Thế còn biết bao những người nay đang sống và những người sẽ nối tiếp mà anh có thể sưởi ấm tâm hồn? Nghĩa là cái giá nghệ thuật của anh như thế đó? Nghĩa là tài năng của anh nghèo đến vậy?

Tôi xin trả lời: Vâng, món nợ đối với bạn bè và đồng nghiệp quả là vô cùng nhỏ bé so với trách nhiệm trước toàn nhân loại. Nhưng tôi không hề phụ lòng những người thân của tôi, các độc giả không quen biết của tôi ở khắp hành tinh, các thế hệ tương lai của thiên niên kỉ mới. Bởi vì trong suốt thời gian qua tôi vẫn lặng lẽ, bí mật thực hiện cái sứ mệnh mà Đấng Toàn Năng giao phó cho tôi. Bay bổng trên đôi cánh của cảm hứng thần thánh, tôi đã viết những cuốn sách thể hiện thực chất tài năng của tôi. Những cuốn sách đó đủ khả năng nâng tôi đến tận trời, đến tận những đỉnh cao nhất của vinh quang. Vâng, chúng đã được viết xong và cất giữ trong chiếc rương lớn đặt ở phòng ngủ của tôi. Mười hai tập. Các ngài sẽ được đọc chúng sau khi tôi qua đời. Lúc đó các bạn tôi sẽ không có cơ để khó chịu, đau khổ. Người ta dễ dàng tha thứ mọi chuyện cho

kẻ đã chết. Kể cả việc anh ta sáng tạo ra những tác phẩm bất tử. Các bạn tôi chỉ sẽ nhếch môi cười mỉm bao dung và lắc đầu nói: "Ôi hấn đều thật, lừa hết mọi người! Thế mà bọn mình cứ tưởng hấn đã hoàn toàn biến thành con nít!".

Dù thế nào đi nữa, các ngài...

Đoạn ghi chép đến đây bỏ dở. Nhà văn già không kịp kết thúc, vì rằng thần chết đã đến đón ông đi. Người ta thấy ông ngồi gục bên bàn viết. Trên trang giấy, cạnh cây bút gãy, mái đầu bạc trắng nằm bất động trong sự thanh thản cuối cùng cao cả nhất.

Đọc xong bức tuyệt bút, những người thân đi vào buồng ngủ, mở nắp chiếc rương lớn và nhìn thấy ở đó mười hai tập giấy dày, mỗi tập nhiều trăm trang. Tất cả đều để trắng. Không một nét chữ nào.

ĐOÀN TỬ HUYẾN dịch

CHIẾC ÁO CÓ PHÉP LẠ

Mặc dù tôi đánh giá cao sự ăn diện, nhưng thông thường tôi không để ý đến một ăn mặc của mọi người xung quanh.

Một buổi tối tôi đến chơi nhà người bạn ở Milano, tại đây tôi làm quen với một người đàn ông trạc tuổi 40, ông ta nổi bật lên trong đám khách bởi bộ quần áo may rất khéo của ông.

Tôi không biết ông là ai, đây là lần đầu tiên tôi được người ta giới thiệu ông với tôi nên tôi không thể nào nhớ được tên ấy. Nhưng rồi tình cờ tôi và ông lại đứng gần nhau và thế là chúng tôi bắt chuyện với nhau. Ông tỏ ra thông minh và tinh tế, nhưng bộ mặt có vẻ u buồn. Không hiểu sao tôi lại dám tỏ ra bỗ bã cất lời khen ngợi lối ăn mặc lịch thiệp của ông, thậm chí tôi còn dám hỏi ông may bộ quần áo ấy ở đâu.

Ông mỉm cười với vẻ khác lạ, như thể đã đoán trước thế nào tôi cũng hỏi ông câu ấy. Ông đáp:

- Đó là một người thợ may gần như không ai biết, nhưng ông ta đúng là một bậc thầy. Ông ta chỉ nhận cắt khi nào ông ta thích, và chỉ dành cho một số ít khách quen thôi.

- Nhưng liệu tôi có thể...?

- Ô, ông cứ thử xem. Ông ấy tên là Corticella, Alfonso Corticella, nhà 17 phố Ferrara.

- Chắc là phải đắt lắm.

- Tôi cũng không rõ. Bộ quần áo này ông ấy đã may cho tôi cách đây ba năm mà vẫn chưa gửi cho tôi hóa đơn thanh toán.

- Corticella, nhà 17 phố Ferrara phải không?

- Đúng thế, - ông khách đáp rồi quay sang nhập bọn với mấy người khác.

Tôi tìm đến ngôi nhà 17 phố Ferrara. Đích thân ông Corticella ra mở cửa mời tôi vào. Đó là một ông già nhỏ nhắn có mái tóc đen, nhưng chắc chắn là tóc nhuộm.

Tôi ngạc nhiên thấy ông không hề làm bộ. Trái lại ông còn tỏ ra rất muốn phục vụ tôi. Tôi giải thích cho ông biết làm thế nào mà tôi có được địa chỉ của ông, tôi khen kiểu may quần áo của ông và đề nghị ông cắt cho tôi một bộ. Tôi chọn loại vải màu ghi bóng, sau đó ông đo người tôi rồi hẹn sẽ đến tận nhà tôi để thử quần áo. Tôi hỏi giá cả. Ông đáp là cứ thông thả, chuyện ấy sẽ dễ thỏa thuận thôi. Ban đầu tôi tự nhủ rằng ông thật là một người đáng mến. Nhưng sau đó khi về đến nhà tôi mới thấy rằng ông già đã gây cho tôi một sự khó chịu (có lẽ là do ông cứ nài nỉ và luôn luôn mỉm cười đường mật). Nhưng tôi đã trót đặt quần áo mất rồi. Và khoảng hai mươi ngày sau thì quần áo may xong.

Khi ông mang quần áo đến nhà cho tôi thử thì quả là một kiệt tác. Nhưng không hiểu tại sao, có lẽ vì

không có thiện cảm đối với ông già, cho nên tôi chẳng muốn mặc nó một chút nào. Thế rồi mãi đến mấy tuần sau tôi mới quyết định đem bộ quần áo mới ra mặc.

Suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên được cái ngày hôm ấy. Đó là một ngày thứ ba vào tháng tư và bên ngoài trời mưa. Bộ quần áo của tôi vừa như in, không rộng không chật một tí nào.

Thông thường tôi không đựng một thứ gì trong túi áo bên phải cả, mọi giấy tờ tôi đều để ở túi bên trái. Thế cho nên vài giờ sau, lúc ở cơ quan, tôi vô tình thò tay vào túi áo phải thì bỗng ngạc nhiên thấy hình như có một tờ giấy ở trong đó. Có lẽ là tờ hóa đơn thanh toán của ông thợ may chăng?

Nhưng khi lấy tờ giấy ra tôi vô cùng kinh ngạc thấy đó chính là tờ giấy bạc 10.000 đồng. Một điều chắc chắn rằng đó không phải là tiền của tôi. Mặt khác cũng thật phi lí nếu cho rằng đây là trò đùa của ông thợ may Corticella. Lại càng không thể cho rằng đó là món quà của chị giúp việc của tôi, người duy nhất, ngoài ông thợ may ra, đã có dịp đến gần bộ quần áo của tôi khi tôi vẫn cất nó ở nhà. Hay có lẽ là tiền giả chăng? Tôi soi tờ bạc ra ánh sáng, đối chiếu nó với những tờ khác thì thấy giống nhau như in.

Chỉ có thể giải thích rằng đây là do sự đàng trí của ông Corticella. Có lẽ, có một người khách đã ứng trước cho ông khoản tiền này trong lúc ông đang làm việc, và vì không có ví trong người nên ông đã bỏ vào túi chiếc áo ông may cho tôi đang treo trên giá.

Tôi bấm chuông gọi cô thư kí. Tôi định bụng sẽ viết thư kèm theo tờ giấy bạc để trả lại cho ông

Corticella. Nhưng lúc đó không hiểu tại sao tôi lại thọc tay vào túi áo.

- Có chuyện gì vậy, thưa ông bác sĩ? Ông khó ở phải không ạ? - Cô thứ kí bước vào liền hỏi tôi, có lẽ cô nhìn thấy tôi lúc ấy đang tái mặt đi như xác chết. Bởi vì tôi lại sờ thấy một tờ giấy khác ở trong túi áo mà trước đó không hề có.

- Không, không sao cả, - tôi đáp. - Tôi chỉ hơi chóng mặt thôi. Lâu nay tôi vẫn hay bị như thế. Có lẽ tại tôi hơi bị mệt. Tôi đang định nhờ cô viết cho một bức thư, nhưng để khi khác vậy.

Chỉ đến khi cô thứ kí đi khỏi tôi mới dám rút tờ giấy bạc ra khỏi túi. Lại là một tờ giấy bạc 10.000 đồng nữa. Thế là tôi liền thử thò tay lần thứ ba và tôi lại thấy tờ giấy bạc khác ở trong túi.

Tim tôi bắt đầu đánh trống ngực. Tôi có cảm giác rằng mình đang rơi vào một thế giới cổ tích mà người ta thường kể cho trẻ con nghe.

Tôi lấy có khó ở và đi về nhà. Tôi đang muốn được ở một mình. Rất may là chị giúp việc đi vắng. Tôi đóng các cửa ra vào và kéo rèm che kín cửa sổ. Rồi tôi bắt đầu khấn nguyện lời hết tờ giấy bạc này đến tờ giấy bạc khác ra khỏi chiếc túi áo dường như không bao giờ cạn.

Tôi làm việc với một sự căng thẳng thần kinh tột độ, vì sợ rằng phép màu nhiệm có thể mất tác dụng bất cứ lúc nào. Tôi muốn tiếp tục công việc này suốt tối rồi suốt cả đêm cho đến khi tôi trở thành tỉ phú. Nhưng rồi cũng đến lúc tôi không còn sức lực mà gượng nổi nữa.

Trước mặt tôi lúc này là cả một đồng tiền khổng lồ. Điều quan trọng nhất bây giờ là phải làm thế nào giấu được đồng tiền này đi để không một ai đánh hơi thấy. Tôi dọn một chiếc hòm cũ vẫn được dùng để đựng thảm và đếm được bao nhiêu tiền tôi cất cả vào đó. Tổng cộng là 58 triệu đồng.

Sáng hôm sau chị giúp việc vào đánh thức tôi dậy và ngạc nhiên thấy tôi đi ngủ mà vẫn mặc cả quần áo. Tôi cố gượng cười thanh minh rằng tối qua tôi hơi quá chén nên ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Nhưng một tai họa khác đến với tôi là chị giúp việc bảo tôi thay quần áo để chị chải cho một chút.

Tôi đáp rằng tôi phải đi làm ngay và không có thời gian thay quần áo nữa. Sau đó tôi lập tức ra phố vào một cửa hàng bán quần áo may sẵn để mua một bộ quần áo khác có loại vải giống hệt bộ quần áo tôi đang mặc. Tôi sẽ để bộ quần áo đó cho chị giúp việc "chăm nom", còn bộ quần áo quý giá này của tôi thì tôi sẽ cất nó vào một chỗ kín đáo.

Tôi không biết là mình đang hạnh phúc hay là đang sung sướng vì một định mệnh phi thường. Trên đường đi tôi luôn luôn sờ tay vào túi áo bên phải. Và lần nào tôi cũng thở phào nhẹ nhõm; trong túi áo tôi luôn luôn nghe thấy tiếng sột soạt dễ chịu của tờ giấy bạc.

Nhưng một sự trùng hợp quái lạ đã làm nguội lạnh cơn phấn khích của tôi. Trong các tờ báo buổi sáng đều đăng với hàng tít lớn tin về một vụ cướp xảy ra ngày hôm qua. Tin cho biết rằng chiều hôm qua, một chiếc xe bọc thép của một nhà băng đang

trên đường chở tiền về trụ sở chính để nộp thì bị bốn tên cướp tấn công và lấy hết tiền. Khi mọi người bỏ chạy nhốn nháo thì một tên đã bắn bừa vào đám đông để mở đường thoát và giết chết một người. Nhưng điều làm tôi sùng sốt nhất là khoản tiền bị cướp đúng bằng khoản tiền chiếc áo đã đem lại cho tôi: 58 triệu đồng.

Liệu giữa món tiền bất ngờ mà tôi có được với vụ cướp đường xảy ra gần như cùng một lúc ấy có thể có mối quan hệ nào chăng?

Thật ngu ngốc nếu nghĩ như vậy. Và tôi cũng không phải là người mê tín. Dù sao điều này cũng làm cho tôi hoang mang.

Lòng tham của con người quả là vô đáy. Tôi đã trở nên giàu có. Nhưng tôi lại đang mơ tưởng một cuộc sống xa hoa vô độ. Thế là ngay tối hôm đó tôi lại bắt tay vào việc. Giờ đây tôi tiến hành một cách bình tĩnh hơn. Và rồi kho báu của tôi lại có thêm 135 triệu đồng nữa.

Đêm đó tôi không thể nào chợp được mắt. Phải chăng đây là do linh tính về một tai họa sắp tới? Hay là do tôi đang dần vật về một tài sản không xứng đáng? Trời vừa sáng tôi liền mặc quần áo rồi lao ra phố tìm mua tờ báo.

Khi đọc báo tôi thấy như tìm mình ngừng đập: Một cơn hỏa hoạn xảy ra từ kho chứa dầu đã phá hủy một nửa tòa nhà ở ngay đây phố trung tâm San Cloro. Một trong những thiệt hại của vụ hỏa hoạn là kết bạc của một học viện xây dựng cỡ lớn bị cháy, trong đó có chứa hơn 130 triệu đồng tiền mặt. Ngoài

ra còn có hai nhân viên cứu hỏa phải bỏ mạng.

Bây giờ liệu tôi có còn dám kéo dài mọi tội ác của mình nữa không? Phải, đó chính là những tội ác của tôi bởi vì giờ đây tôi biết rằng tiền mà chiếc áo đem lại cho tôi chính là những đồng tiền tội lỗi. Nhưng tôi vẫn ương bướng biện luận rằng mình chẳng có tội gì cả. Thế là cơn cảm sốt lại tiếp diễn, tôi lại thò tay vào túi và thích thú lôi ra từng tờ giấy bạc luôn luôn mới. Thật là những đồng tiền tuyệt vời!

Trong khi vẫn giữ nguyên căn nhà cũ (để khỏi gây chú ý), tôi mua thêm cho mình một biệt thự lộng lẫy, mua một bộ sưu tập hội họa quý, đi xe loại sang. Tôi cũng xin thôi việc "vì lí do sức khỏe" rồi đi du lịch khắp nơi trên thế giới.

Tôi biết rằng cứ mỗi lần tôi lấy tiền ra khỏi túi là trên đời lại xảy ra một sự kiện bỉ ổi và đau lòng. Tôi đã gọi điện cho ông thợ may để xin thanh toán tiền công bộ quần áo, nhưng người ta bảo rằng ông đã ra nước ngoài rồi.

Cho đến một hôm ngay trong khu nhà tôi có một bà già 60 tuổi đã về hưu tự tử vì bị mất 30.000 đồng tiền lương hưu vừa lĩnh hôm trước (mà thực ra chúng đã chuyển sang tay tôi qua túi chiếc áo có phép lạ), thế là tôi liền tự nhủ: Thôi đủ rồi! Ta phải từ bỏ ngay chiếc áo này để khỏi bị sa xuống đáy sâu của vực thẳm.

Tôi liền lái xe vào rừng. Tôi lôi bộ quần áo ra, tưới xăng vào rồi châm lửa đốt. Khi bộ quần áo cháy hết thì tôi nghe thấy một giọng nói phía sau lưng:

- Muộn rồi, muộn quá rồi!

Tôi hoảng hốt quay người lại nhưng chẳng thấy ai.

Và điều kinh ngạc hơn nữa là chiếc xe của tôi cũng không còn nữa. Tôi đi bộ về nhà thì thấy tòa biệt thự lộng lẫy của mình cũng biến mất. Tôi về ngôi nhà cũ lục tìm hòm tiền thì chỉ thấy có bụi không. Các sổ tiết kiệm cũng bị rút hết tiền.

Thế là bây giờ tôi lại bắt đầu miệt mài lao động. Có điều lạ là chẳng có ai tỏ ra ngạc nhiên trước sự phá sản đột ngột của tôi cả. Và tôi biết rằng nợ đời của tôi vẫn chưa xong. Tôi biết rằng một ngày kia lão thợ may của thần bất hạnh sẽ đến gõ cửa đòi tôi khoản thanh toán cuối cùng với một nụ cười bỉ ổi.

NGUYỄN VĂN DÂN *dịch*

MA THUẬT

Khoảng một năm trở lại đây, tôi thấy anh bạn Umberto ba mươi sáu tuổi, anh là thợ in, là người xuất bản sách, anh vẽ cũng khá. Có thể nói anh là một trí thức. Tuy nhiên mặt anh lại giống như một võ sĩ quyền Anh: rộng, vững chắc, với vẻ cau có rất dễ gây cảm tình, nhưng đôi mắt nhỏ của anh long lạnh ánh thông minh và lòng tốt. Một trái tim trong trắng ngay thơ, nhưng đồng thời, tính khí lại mạnh mẽ và độc đoán.

Mặc dù anh ít tuổi hơn tôi, nhưng một tình bạn tuyệt đẹp đã nảy sinh giữa chúng tôi, bởi chúng tôi tin cậy nhau và có mơ mộng như nhau. Một sự tình cờ trong công việc đã đưa chúng tôi lại với nhau, và rồi chúng tôi có thói quen tìm gặp nhau mỗi buổi tối, - mặc dù Umberto đã có vợ. Nhưng vợ anh là một phụ nữ hiền lành chẳng có gì nổi bật.

Thế đó. Gần một năm nay, các cuộc gặp của chúng tôi bắt đầu thưa đi. Umberto có những việc khẩn cấp, những cuộc hẹn công việc, và luôn luôn có một vài cái cố mới. Những lần hiếm hoi tôi "tóm" được anh, anh hình như đang ở trên cung trăng, bồn

chôn, lo âu, cố chấp. Vậy mà hồi xưa anh vui vẻ cởi mở là thế.

Tôi hiểu rằng có một nỗi phiền muộn đang dày vò anh. Nhưng tôi không hỏi. Nếu anh, bản tính rất thành thật, mà đã không nói, thì có nghĩa là có một lý do quan trọng buộc anh phải im lặng. Sẽ chẳng hay ho gì nếu tôi lại đi cố gắng hỏi anh để biết.

Cho tới buổi tối - tôi nhớ hôm đó trời mưa - anh nắm lấy tay áo tôi và bằng giọng khàn khản, như là sợ sệt, có thể nói là một giọng trẻ con, anh bảo tôi:

- Tôi gặp một chuyện khổ tâm anh ạ.

À! Tôi đã hiểu, nhưng vẫn làm như chưa hiểu gì:

- Chuyện gì thế?

Anh nhìn tôi với vẻ cầu khẩn:

- Một phụ nữ, - anh nói lí nhí.

- Tôi cũng đoán thế.

Người đàn ông đang ở tuổi sung sức, tự tin, đầy nghị lực và ý tưởng; nhiệt tình và mau lẹ có những quyết định sáng suốt trước mọi hiểm nguy và nghịch cảnh, vậy giờ đây trở thành con sâu tội nghiệp đang run rẩy.

- Nhưng, cô ta yêu anh chứ?

- Không.

- Vậy biết làm sao?

- Chính vì thế tôi mới "đau".

Rồi với vô vàn những chi tiết vớ vẩn và nhạt nhẽo, anh kể cho tôi nghe cô ta là ai, đối xử với anh thế nào, tại sao lại đến nông nỗi anh không thể nào sống thiếu cô ta. Tóm lại, đó là một trong những câu

chuyện đáng thương có tới hàng ngàn vạn trong cái thế giới khốn khổ của chúng ta.

Nhưng Umberto ý thức được tình huống phi lí ấy, anh thì say đắm và cô ta thì đứng đưng. Anh nói rằng cô ta xinh đẹp, đúng thế, nhưng anh không tìm cách biến cô ta thành nữ thần như những người đàn ông khác vẫn làm trong những trường hợp tương tự. Ngược lại, anh mô tả cô ta là độc ác, tính toán, xảo trá, hám tiền, với một trái tim rắn như đá. Nhưng anh không sao từ bỏ được cô ta. Tôi hỏi:

- Quả thật anh tin rằng anh không thể bỏ nổi cô ta?

- Bây giờ thì không.

- Nhưng anh hiểu rõ rằng một người đàn bà như anh tả...

- Nàng đang đưa tôi đến chỗ chết, anh muốn nói thế chứ gì? Tất nhiên tôi ý thức được, nhưng...

Hai ngày sau tôi làm quen với cô ta, ở trong xưởng của bạn tôi, ngồi trên đi văng. Rất trẻ, một gương mặt lạnh lợi và linh hoạt như một bé gái, một làn da mịn và căng bởi sự tươi mát khó tả của tuổi trẻ, mái tóc đen và dài cuốn lại trông kì lạ, thân hình mảnh mai thiếu nữ. Đẹp? Tôi không biết. Tuy nhiên, đây hẳn là một kiểu khác thường, vừa dung tục lại vừa lịch sự. Nhưng giữa dáng vẻ cô ta và những điều Umberto kể với tôi có một sự mâu thuẫn không thể vượt qua. Tất cả mọi cái ở cô ta đều toát lên sự vui vẻ, vô tư lự, niềm vui sống, một thái độ phớt đời, hoặc ít ra đó cũng là cảm giác của tôi.

Với tôi, cô ta rất tử tế. Vừa líu lo vừa nhìn tôi,

cặp môi cô ta mở ra trong một nụ cười tình nghịch. Thậm chí cô ta có vẻ cố ý làm như thế; như muốn chinh phục tôi. Và cô ta không để ý gì đến Umberto, coi như anh không có ở đó. Còn Umberto thì ngồi dưới chân mặt đất ra ngắm cô ta, với một nụ cười gượng gạo trên môi.

Với một cử chỉ khiếm nhã tuyệt vời, Lunella sửa lại váy, để thoáng thấy được hơn mức cho phép một chút. Rồi cúi đầu, dáng khiêu khích, như một cô bé nữ sinh xác xược:

- Ông có biết tôi là ai không? Tôi là một cơn gió xoáy, - cô ta bảo tôi, - tôi là một cơn ốc biển, tôi là dải cầu vồng. Tôi là... tôi là một đứa tuyệt diệu.

Và cô ta cười, trông rất sung sướng.

Đúng vào lúc đó, tôi cảm thấy ở đằng sau những trò đồng danh trẻ con kia là một khả năng đối trá vô hạn và được giám sát rất chặt. Tôi không thể giải thích tại sao - đó gần như là một cảm giác có tính thể chất.

Cuối cùng, cô ta quay sang Umberto:

- Mocci, - cô ta yêu cầu với một nụ cười mơn trớn nhất, - nào, hãy nói: con sóc bé nhỏ của tôi...

Umberto lúc lắc đầu nửa sung sướng nửa bối rối.

- Kia, Mocci, nói đi: con sóc bé nhỏ của tôi thuộc về tôi...

Tôi nhìn cô ta. Với một vẻ ngây ngô, Umberto thì thầm:

- Con sóc nhỏ của tôi...

- Thuộc về tôi, - cô ta khích lệ.

- Con sóc nhỏ của tôi thuộc về tôi, - Umberto chịu thua nói.

Thế là Lunella chum cặp môi yêu kiều lại có lẽ để bắt chước nhân vật nào đó trong thế giới các nhân vật của Walt Disney: "Squizz.... squizz", cô ta điệu bộ trong vai một cô bé. Cái nhìn của cô ta thật là mỉa mai, và niềm thích thú được sở hữu của cô ta lạnh lùng đến nỗi tôi sờn cả gai ốc.

Lát sau, khi cô ta đã ra về, tôi hỏi Umberto:

- Tại sao cô ta lại gọi anh là Mocchi? Anh có hiểu như thế là cô ta hạ thấp anh đến mức nào không?

- Ô! - Anh nói, - Phải bỏ qua cho nàng. Nàng là một đứa trẻ dễ thương quá!

Rồi suốt trong mấy tháng tôi không gặp lại cả hai người. Liệu có chuyện gì đó đã xảy ra? Tôi gọi điện: không ai nhắc máy. Tôi đến nhà anh: không gặp. Cái tình yêu chết tiệt ấy đã nuốt chửng anh mất rồi. Thật đáng tiếc, một người giỏi giang và tốt bụng đến thế.

Nhưng sau đó vài hôm, vợ anh mời tôi đến. Chị kể cho tôi nghe những điều tôi đã biết. Chị khóc. Chị cầu xin tôi giúp đỡ. Từ nửa tháng nay chị không thấy mặt Umberto và anh cũng không hề đặt chân tới văn phòng cứ như anh đã "bốc hơi". Chắc anh gặp chuyện gì. Tôi hứa sẽ đi tìm anh.

Đi tìm ư? Ý nghĩa đầu tiên đến với tôi là Lunella. Tôi sẽ tới nhà cô ta. Chắc chắn cô ta biết đôi điều, cô ta sẽ kể cho tôi nghe những chuyện có lẽ đối trá từ câu đầu tiên cho đến câu cuối cùng, nhưng dù sao, như thế cũng còn hơn không. May sao tôi lại có địa chỉ.

Tôi tới đó lúc ba giờ chiều. Nếu biết tôi sẽ đến, cô

ta cũng sẽ không chuẩn bị gì hơn. Một chiếc váy nhỏ rất giản dị, nhưng đầy chủ ý với khoản hở vai quá khêu gợi. Cô ta có vẻ, hoàn toàn thoải mái. Cô ta đang khỏe khắn, vui vẻ, thậm chí hơi phấn khích.

Cô ta sống trong một căn hộ nhỏ dành cho phụ nữ độc thân, với những đồ gỗ theo kiểu giả cổ, mấy tấm thảm bắt chước kiểu Ba Tư, trên tường có vài bức tranh phong cảnh tồi tệ trong khung mạ vàng. Cô ta rót Whisky cho tôi và đặt lên máy quay đĩa một đĩa hát của Joe Sentieri. Tôi vào đề ngay:

- Cô hãy cho tôi biết Umberto hiện nay thế nào?

- Umberto? - Cô ta ngạc nhiên. - Em cũng đang muốn biết đây. Đã mấy tháng rồi... Ồ! Hơn hai tháng nay em không gặp anh ấy. Anh ấy dễ mến lắm, nhưng quấy rầy quá. Anh ấy mê em, chắc anh cũng đoán ra? Anh không phật ý khi em gọi anh là anh chứ? Nếu thế trò chuyện dễ hơn.

- Cô không gặp anh ấy đã hai tháng? - Tôi chưa tin.

- Bobi, Mocchi! - cô ta gọi mà không trả lời tôi.

Nghe tiếng gọi, hai con chó chạy vào. Một con chó bông lùn và một con boxer. Con boxer khá béo và mềm mại, không hiểu tại sao tôi có cảm giác mình đã trông thấy nó ở đâu rồi.

Cả hai con ào vào Lunella, cô ta vừa cười vừa cắn bớt chúng lại.

- Kìa, kìa, khôn nào, đủ rồi đấy.

Cả hai con đều rất cuồng nhiệt. Một cách tham lam, chúng liếm vào cổ, má, miệng cô ta. Cô ta đứng dậy, đi lấy một chiếc gậy nhỏ đánh vécnì màu đỏ, dài khoảng một mét.

- Cái gây để làm gì thế?

- À, để em luyện chúng nó.

Tôi nhận thấy con boxer không nhìn tôi. Nó có vẻ khó chịu bởi tôi ngồi đó. Nó lùi lại nếu tôi tìm cách chạm tay vào nó. Kể cũng lạ. Chó boxer vẫn thường nhìn thẳng vào mặt mọi người kia đấy.

- Anh biết không - Lunella nói và khi ngồi xuống đi vắng cô ta áp vào tôi để tôi cảm thấy toàn bộ tấm thân cô ta, nhưng chỉ một thoáng thôi, - Mocci là một con chó ngoan lắm.

- Thế hả? - Tôi nói. - Nhưng xin lỗi, Umberto...

- Em xin anh hãy nhìn đây, - cô ta nài, - xem nó thông minh đến mức nào.

Cô ta nhắc nấp một cái liễn sứ đựng đầy bánh ga-tô. Cô ta lấy một chiếc bằng tay trái và cầm chiếc bánh đúng phía trên mõm con boxer đang thở hổn hển.

- Tốt, Mocci, đợi nhé.

Con chó ngoảnh mõm về phía chiếc bánh và làm ra vẻ muốn đớp. Cô ta đập ngay cái gây vào mũi nó. Con chó lui lại, rối rít vẫy đuôi.

Thế rồi, cô ta dùng tay trái đặt chiếc bánh cân bằng trên mũi con chó. Còn tay phải, cô ta dứ dứ chiếc gây dọa nó:

- Gượm đã nào, Mocci, ngoan nào.

Chiếc bánh nằm trên mũi con chó, con boxer đứng yên không nhúc nhích và hai dòng nước dãi chảy xuống từ hai bên mõm nó.

- Gượm nào, ta bảo mà.

Con chó đợi suốt một phút. Cuối cùng, nó không

chịu nữa, nó tìm cách dớp lấy chiếc bánh. Nhanh như chớp, cô ta vụt cho nó một gậy. Chiếc bánh rơi xuống đất.

- Anh xem, chúng đến là tham ăn, - cô ta nói với tôi, có vẻ sung sướng lắm.

Con chó bông cũng chờ đợi, chăm chú theo dõi sự việc.

Cuối cùng, con boxer cũng có một chiếc bánh, nó nuốt luôn hết gọn. Nhưng Lunella lại thử thách nó nữa.

- Nào, Mocci, đưa chân đây. Nào nhanh lên, rồi mày sẽ được vuốt ve.

Với cái nhìn tuyệt vọng, con chó giơ chân bên phải lên. Một cú gậy vụt làm nó phải hạ xuống.

- Không phải chân ấy, chân kia.

Thế là con boxer giơ chân trái. Lunella rất khoái chí.

- Tại sao cô gọi nó là Mocci? - Tôi hỏi. - Tôi thấy cô cũng gọi Umberto như thế cơ mà?

- Vâng. Nhưng đó hoàn toàn là ngẫu nhiên thôi... Mà biết đâu đó có thể là một dấu hiệu chứng tỏ trong thâm tâm em rất yêu Umberto...

Cô ta nhìn tôi cười cười, với một vẻ là lạ, vừa trong trắng ngây thơ lại vừa trơ trẽn.

Tiếp đó, cô ta quay về phía con chó bông.

- Nào Bobi, lại đây thăm mẹ yêu quý của mày nào.

Cô ta ôm lấy nó, vuốt ve nó, nó để cô ta nâng niu chiều chuộng.

Con boxer ghen, tức tối xù lông.

- Mocci, Mocci, - tôi nói.

Nhưng nó coi như không có tôi.

- Lạ nhỉ, - tôi nói, - nó có một cái sẹo ở đuôi mắt trái. Y hệt Umberto.

- Thực hả anh? - Lunella nói và cười phá lên. - Thế mà em không để ý đấy nhé.

Con boxer không vẫy đuôi nữa. Cô chủ nó vẫn tiếp tục vuốt ve món trôn con kia, Mocci nhảy tới chực cắn chân địch thủ. Lunella đứng phất dậy, ức giận:

- Đồ chó bản thủ, - cô ta đá vào mồm nó một cái, - mày ghen hả? Ra kia nằm, ngay lập tức, đồ tởm lợm, và một cú đá nữa.

Con boxer đưa mắt nhìn cô chủ của nó như muốn cầu xin, rồi nó cum cúp ra nằm dưới gầm bàn.

- Anh đã trông thấy con chó bản thủ này chưa? - Cô ta nói không hề thương hại. - Cứ phải thế với nó mới được, nếu không nó sẽ trèo lên đầu mình. Hề nó giở trò ngu ngốc, là ta phải sửa ngay thật đích đáng, nhất là phải đánh vào mũi nó, vì đó là chỗ nó dễ đau nhất. Sau đó thì chúng đều trở thành những thiên thần nhỏ.

Và cô ta cười, đắc thắng.

Ngồi chồm hồm dưới gầm bàn, run rẩy, con boxer cuối cùng đã đưa mắt nhìn tôi. Đó là cái nhìn của một sinh vật đau khổ, thất bại, lơ dờ, suy sụp, nhục nhã, nhưng vẫn còn nhớ lại niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ đã mất.

Nó nhìn tôi, và ứa nước mắt. Ôi, cặp đồng tử kia, vẻ sâu nảo kia, cái tâm hồn kia... Nó nhìn tôi trông mới đau đớn làm sao. Tội nghiệp Umberto...

NÔ LỆ

Không hề cố ý mà chỉ hoàn toàn tình cờ thôi, khi mở cửa nhà mình bằng chiếc chìa khóa riêng, Luigi không gây một tiếng động nào. Và lợi dụng điều đó, để hưởng cái thú vị được làm một chuyện bất ngờ, ông nhón chân đi thật nhẹ.

Vừa bước vào ông đã cảm thấy Clara ở nhà. Điều này thì ông không lầm lẫn bao giờ. Ông biết sự có mặt của một người phụ nữ biến đổi như thế nào bầu không khí xung quanh. Ông cảm thấy lòng mình dịu lại. Ông yêu nàng đến mức mỗi lần về nhà, mặc dù điều này thật phi lí, ông chỉ sợ nàng đã bỏ đi đâu vĩnh viễn.

Ông đi hết phòng ngoài mà không làm các tấm ván lát sàn cót két tiếng nào, rồi ông tiếp tục nhẹ bước trên gạch lát hành lang. Thật nhẹ nhàng, ông vươn cổ nhòm vào bếp.

À! Clara kia rồi. Ông trông thấy nàng từ đằng lưng, ở khoảng cách ít nhất hai mét. Nàng đang đứng không nghi ngờ chút nào về sự hiện diện của Luigi, nàng bận làm một món ăn gì đó trên bàn. Chỉ nhìn gáy nàng, ông cũng hiểu rằng nàng đang mỉm cười. Nàng thật đáng yêu và tuyệt vời biết mấy! Chắc chắn

nàng đang làm một món mà ông ưa thích, và nàng sung sướng tận hưởng trước sự hài lòng của ông.

Đột nhiên nàng đứng dịch sang bên cạnh, bây giờ người nàng xoay ba phần tư về phía ông. Luigi trông thấy đường cong rắn chắc của má nàng, một mé của hàng mi nàng, chóp mũi trông rất hóm và rất nghịch của nàng, thấp thoáng cặp môi nàng, cặp môi ấy đúng là nhếch lên trong một nụ cười (hay đó là tại nàng đang cố gắng chăm chú làm?).

Từ khuôn mặt thân thương, ánh mắt ông lướt xuống đôi tay nàng giờ đây ông đã trông thấy được. Cuối cùng thì Luigi đã có thể nhìn thấy công việc Clara đang làm.

Trên một chiếc mâm phủ tấm vải thêu có hơn một chục chiếc bánh gatô xếp lớp nhỏ, ở giữa mỗi chiếc có điểm nửa quả anh đào: đó chính là thứ bánh Luigi thích nhất. Các chiếc bánh có vẻ đã được làm xong nhưng Clara vẫn nắn sữa thêm như để chúng thật hoàn hảo.

Nhưng thao tác của nàng thật lạ! Với hai ngón của bàn tay trái, nàng lấy anh đào ra, rồi từ một cái lọ nhỏ ở tay phải, nàng rắc vào đúng chỗ hõm ấy một chút bột trắng - ít ra thì Luigi cũng có cảm giác như thế. Tiếp đó, nàng lại ấn anh đào vào chỗ cũ.

Clara yêu ông xiết bao! Ông vừa già vừa xấu, có người phụ nữ nào lại yêu thương chăm sóc ông được như nàng? Mà nàng thì đẹp lộng lẫy, rất tử tế và rất dễ thương! Chắc hẳn ai cũng ghen tị với ông.

Mãi suy nghĩ về sự may mắn gần như khó tin của mình, Luigi sực nghĩ nữa đã dễ lộ là mình đã về, thì vừa

lúc ấy, ông chợt thấy trong sự chăm chú đặc biệt của Clara một cái gì đó lên lút - mãi bây giờ ông mới nhận ra - như thể nàng đang làm một việc gì đó bị cấm. Và đột nhiên - chẳng khác gì tiếng sấm giữa bầu trời trong xanh - trong đầu ông nảy sinh một mối nghi ngờ khủng khiếp: hay chất bột trắng kia là thuốc độc?

Ngay lập tức, do liên tưởng, một lô những chuyện nho nhỏ mà ông không chú ý nay hiện tất cả lên trong kí ức ông. Bây giờ được nối vào nhau, chúng có một dáng vẻ đáng sợ. Một vài lời nói lạnh nhạt của Clara, một vài cử chỉ khiến ông phật ý, một vài ánh mắt mập mờ nước đôi, một vài lời nài ép khác thường bảo ông ăn thêm hoặc ăn món này món nọ.

Luigi bực tức tìm cách đẩy lui cái ý nghĩ gớm ghiếc ấy. Làm sao có thể tưởng tượng ra một sự vô lí như thế? Nhưng ý nghĩ kia quay trở lại với một cái đà còn ác độc hơn nữa. Và rồi đột nhiên quan hệ của ông với Clara hiện lên dưới một dáng vẻ mới, chưa bao giờ ông từng thấy một cô gái xinh đẹp trẻ trung như Clara, liệu nàng có thể thực sự yêu ông? Lí do gì có thể giữ lại nàng ở bên ông, nếu không phải là sự vụ lợi? Chúng có sự trù mẫn của nàng là ở chỗ nào? Ở những cử chỉ dịu dàng mơn trớn, những nụ cười, những chăm sóc ăn uống? Giả vờ làm những cái đó thì quá dễ đối với một phụ nữ. Và trong trường hợp của ông, cô ta đang nóng lòng chờ đợi được hưởng một khoản thừa kế kếch xù chứ gì?

Khi Luigi buông một tiếng thở dài, Clara lập tức ngoảnh lại và trong một phần của giây, - nhưng có

thể còn ít hơn thế, thậm chí điều này có thể không phải là thật, có thể điều này chỉ là do trí tưởng tượng của ông bị kích động quá độ, - gương mặt yêu quý kia có một vẻ khiếp hãi, nhưng liền đó, nhanh không thể tưởng tượng được, nó lại bình thường ngay, và lại tươi cười. "Trời, anh làm em sợ quá! - Clara kêu lên - nhưng tại sao anh lại đùa bỡn như thế, kho báu của em?"

- Em đang làm gì thế?

- Chẳng lẽ anh không trông thấy? Những chiếc bánh gatô cho anh.

- Còn cái lọ nhỏ, đó là cái gì?

- Cái lọ nhỏ nào?

Clara chìa hai bàn tay rộng mở để ông thấy nàng không cầm gì, cái lọ nhỏ đã biến đâu mất.

- Nhưng chất bột mà em rắc...

- Chất bột nào? Anh nói lung tung gì vậy? Em đặt anh vào bánh thôi mà... Nhưng còn anh? Tốt nhất anh hãy nói cho em biết: Ông bác sĩ bảo sao?

- Có gì đâu, anh có cảm giác ông ta không hiểu bệnh của anh lắm... Ông ta nói đến chứng viêm dạ dày... hoặc viêm túi mật gì đó... Nhưng vấn đề là anh vẫn thấy đau... Và anh cảm thấy mình ngày một yếu đi.

- Ôi, đàn ông các anh chỉ hơi đau ở đâu một chút là đã nhăn nhó... Anh hãy can đảm lên nào, trước kia, anh chả vẫn đau như thế đó sao.

- Thì đã đành, nhưng chưa bao giờ anh đau như lần này.

- Ôi, anh yêu, nếu đó là căn bệnh gì nghiêm trọng, thì anh ăn đã không còn ngon miệng.

Ông chăm chú nhìn nàng, lắng nghe nàng. Không. Không thể là nàng nói dối, không thể là nàng đóng kịch. Nhưng cái lọ nhỏ ông đã trông thấy rõ ban nãy, bây giờ đâu rồi? Nhanh tay như một nhà ảo thuật, Clara đã giấu nó trong người? Bởi trên mặt bàn nhà bếp không có gì cả, cũng không có gì trên các đồ vật khác, không có cả ở dưới đất, cả trong thùng rác. Giờ đây ông tự hỏi: Tại sao Clara muốn đầu độc ông? Để hưởng thừa kế? Nhưng làm cách nào nàng biết được nàng là người thừa kế duy nhất? Ông chưa bao giờ hé với nàng một lời nào. Và tờ di chúc, nàng chưa đọc.

Có thật là nàng chưa đọc? Lại một mối nghi ngờ mới. Luigi vội vã vào phòng làm việc, mở ngăn kéo lấy ra một cái hộp, và rút trong hộp ra một chiếc phong bì dán kín có ghi dòng chữ di chúc. Phong bì được niêm phong. Nhưng Luigi đưa nó lại gần đèn để nhìn rõ hơn. Thật kì lạ, trong ánh sáng chiếu lướt của ngọn đèn, ông nhận thấy có vết nhoè và xòm dọc theo nắp phong bì: Hình như phong bì đã bị mở ra bằng cách hơi hơi nước rồi lại được dán lại bằng côn.

Một nỗi khiếp sợ choán lấy ông. Sợ chết? Sợ bị giết? Không, còn tệ hại hơn thế. Ông sợ bị mất Clara. Vì Luigi hiểu rằng nàng muốn giết ông. Và thật nguy to nếu ông phản ứng lại bằng cách này hay cách khác. Vạch mặt nàng? Tố giác nàng? Báo cảnh sát bắt nàng? Cách nào, thì cuộc hôn nhân của

hai người cũng tan vỡ. Nhưng thiếu nàng, làm sao Luigi có thể sống được? Ông có nhu cầu cấp thiết phải nói với nàng, phải nhận được một lời giải thích, đồng thời ông cũng cần được hi vọng là mình nhầm, là ông chỉ tưởng tượng thế thôi, chứ làm gì có chuyện thuốc độc (nhưng trong thâm tâm, ông biết rõ là có). "Clara", ông gọi. Tiếng nàng từ phòng ăn: "Anh ra đây đi, Luigi, bàn ăn bày xong rồi". "Anh ra ngay đây", ông đáp.

Ông sang phòng ăn và ngồi xuống. Có món cháo và món súp cà chua.

- Clara, - ông nói.

- Gì thế anh? - Nàng mỉm cười hỏi.

- Anh phải nói với em một điều.

- Sao anh có vẻ bí ẩn thế...

- Ban nãy, lúc anh về và em đang làm bánh, anh thấy... tóm lại là anh cần nói với em... rất cần...

Nàng nhìn ông, nàng vẫn tươi cười. Đó là nàng trong trắng vô tội? Hay nàng sợ? Hay nàng giấu cợt?

- Lúc vào nhà, - ông nói tiếp, - anh trông thấy em đang làm bánh và em cầm trên tay một cái lọ nhỏ, anh có cảm giác em rắc cái gì đó vào bánh.

- Anh lóa mắt đó thôi. - Nàng đáp rất bình tĩnh.

- Nếu đúng thế thì tốt.

- Tại sao?

Giọng nàng chân thật đến nỗi ông tự hỏi hay là ông mơ. Nhưng cơn hăng đang hồi thúc ông. "Nghe đây, Clara, anh sẽ không yên tâm nếu anh không nói tất cả với em... Khi anh trông thấy em làm thế..."

- Nhưng làm thế là làm cái gì? Anh ngu mê à?...

- Để anh nói hết nào... trong một lúc... chuyện này thật nực cười, anh biết...

Trong bản thân ông, ông thấy run, vì cái thời điểm không tránh khỏi đang tới gần, đây có thể là lần cuối cùng ông nói với Clara, lần cuối cùng ông trông thấy nàng, và ý nghĩ ấy khiến ông phát điên. Nhưng ông không thể im lặng được, không thể. "... Trong một lúc... một ý tưởng phi lí... em đừng nhìn anh như thế... anh muốn chân thật... anh nghi ngờ rằng em...".

- Em làm sao?... - và nụ cười của nàng biến thành tiếng cười rộng mở.

- Kể cũng đáng cười thật đấy, anh biết... em có tưởng tượng được không, anh nghi ngờ em muốn đầu độc anh...

*

* *

Nhìn chằm chằm vào mắt ông, Clara tiếp tục cười, nhưng đó không phải là tiếng cười vui vẻ, nó lạnh băng, đó là một lưỡi dao thép mài sắc. Rồi nàng nghiêng răng lại, và giọng nàng đầy hận thù: "À, thế đấy hả? Anh thế đấy hả?... Sự tin cậy của anh như vậy sao? Tình yêu của anh như vậy sao?... Tôi làm bánh cho anh, mà anh bảo tôi rằng bánh bị bỏ thuốc độc, thế chứ gì?". Ông luống cuống: "Hãy nghe anh nói, Clara, em đừng nổi giận, em đừng...".

- À, hóa ra bánh tôi làm là có thuốc độc? Anh lo sợ cho sức khỏe của anh, anh sợ bị đau đốn quần quai? Vậy anh có biết tôi sẽ làm thế nào không? Tôi sẽ vút bánh vào thùng rác.

Nàng đứng dậy, bưng mâm bánh và đi về phía bếp, vừa đi vừa hét lên mỗi lúc một to: "Tôi sẽ vút bánh vào thùng rác. Nhưng tôi sẽ không ở lại thêm một phút nào nữa trong cái nhà này. Tôi không chịu nổi nữa rồi. Tôi sẽ đi... tôi sẽ đi khỏi đây. Và tôi hi vọng sẽ không bao giờ gặp lại anh nữa". Rụng rời tay chân, Luigi chạy theo nàng: "Không, Clara, anh van em, đừng làm thế, anh đùa đấy mà, anh van em, hãy đưa anh những chiếc bánh kia nào". "Không, nàng đáp, tôi không đùa anh đâu, dù anh có phải chết đời".

Để giữ nàng lại, ông túm lấy eo nàng. Nàng vẫn lạnh băng. "Nào, đưa anh bánh đi". Clara quay lại, nâng chiếc mâm cao lên. Ông giơ tay ra. "Tôi đã bảo là khô-ô-ông mà. Tôi sẽ vút chúng vào thùng rác. Rồi tôi ra đi, anh hiểu rồi chứ?". Ông quỳ xuống ôm chặt chân nàng: "Clara, anh van em, - ông rên rỉ, - em không thể bỏ đi, em không thể thế được, Clara, đưa anh bánh nào!".

- Xin lỗi đi, - nàng nói, vẻ mặt chiến thắng, tay vẫn nâng cao chiếc mâm.

- Được rồi, Clara, tha lỗi cho anh.

- Hãy nói: "Tha lỗi cho anh" ba lần.

- Tha lỗi cho anh, tha lỗi cho anh, tha lỗi cho anh.

- Tôi sẽ đưa cho anh một cái bánh, - người đàn bà nói.

- Không, anh muốn ăn tất cả cơ.

- Tốt, vậy thì anh ăn đi, nhưng phải quý mà ăn, - và nàng hạ chiếc mâm xuống.

Clara đang còn ở đây, Clara sẽ không bỏ đi. Cảm thấy nhẹ cả người một cách đê hèn - Luigi cầm lấy một cái bánh và ăn ngấu nghiến. Cái chết là một thiên đường, bởi nó đến từ nàng.

VŨ ĐÌNH BÌNH dịch

QUẢ BÓNG BAY

Một buổi sáng chủ nhật, sau lễ Mixa, hai vị thánh - một vị tên là Oneto, vị kia là Bí Thư - ngồi thoải mái trong hai chiếc ghế bành bọc da đen mác hãng "Miller" và nhìn xuống Trái Đất, tò mò xem những con người kì quặc đang làm gì dưới đó.

- Này ngài Bí Thư, - thánh Oneto nói sau một hồi im lặng, - sinh thời ngài có được hạnh phúc không?

- Lại còn thế nữa! - vị thánh bạn đáp lời. - Chính ngài cũng biết rằng dưới Trái Đất không ai có thể hạnh phúc cả!

Vừa nói, ngài vừa rút từ trong túi áo ra một bao "Malboro".

- Ngài hút không?

- Cảm ơn, cho tôi xin một điếu, - thánh Oneto đáp. - Buổi sáng tôi thường không hút, nhưng hôm nay là ngày lễ... Nhưng dù sao, tôi nghĩ, cũng có những trường hợp đặc biệt...

- Thế bản thân ngài hồi đó có hạnh phúc không? - thánh Bí Thư cất lời.

- Tôi thì không. Nhưng tôi tin...

- Thì ngài cứ thử nhìn họ kìa, thử nhìn xem, -

thánh Bí Thư thối lên, chỉ tay xuống phía dưới. - Loài người hiện có đến mấy tỷ, hôm nay là chủ nhật, bây giờ đang buổi sáng, cái khoảng thời gian dễ chịu nhất, ngày lại rất đẹp, trời nắng nhưng không quá nóng, gió mát thổi nhẹ, cây cối đông cỏ nở đầy hoa, thêm vào đó nền kinh tế của họ đang vào lúc "thịnh vượng" - hỏi còn mong gì hơn? Nhưng ngài thử chỉ cho tôi xem trong số hàng tỷ người kia một gương mặt hạnh phúc - chỉ một thôi, không cần hơn! Nếu ngài tìm được, tôi xin thết ngài một bữa ăn tối thật thịnh soạn.

- Được lắm, - thánh Oneto đáp và vội vã đưa ánh mắt lục lọi trong cái tổ người đông vô vàn trải rộng dưới xa. Thật buồn cười nếu hi vọng là ngài sẽ thành công ngay tức thì, từ cái nhìn đầu tiên - ít ra cũng phải mất mấy ngày lao động nặng nhọc. Ngài hiểu điều đó nhưng vẫn quyết định thử một phen. Thánh Bí Thư nhìn ngài với một nụ cười mỉm hơi chế giễu (tất nhiên ngài cười giễu một cách thân thiện, nếu không ngài đâu phải là một vị thánh?).

- Quý thần ơi, có vẻ như tôi đã tìm được rồi! - Thánh Oneto chợt kêu to, ngồi thẳng người lên trong chiếc ghế bành êm.

- Đâu?

- Trên quảng trường kia kìa, - và ngài chỉ ngón tay vào một thành phố nhỏ không có gì đặc biệt nằm trên ngọn đồi. - Đấy, một đám người từ nhà thờ đi ra... Kìa, ngài thấy cô bé kia không?

- Cô bé chân vòng kiềng ấy à?

- Đúng, đúng... Ngài đừng để lạc mất nó nhé.

Đôi chân của cô bé bốn tuổi Noretta quả có hơi cong vòng kiềng, yếu ớt, gầy guộc, có vẻ như bé vừa qua một trận ốm nặng.

Bé được mẹ cầm tay dắt đi, và có thể thấy ngay là nhà bé rất nghèo, mặc dù bé diện một bộ áo váy màu trắng viền đăng ten dành cho ngày lễ. Có lẽ người mẹ đã phải chật bóp rất lâu mới có được nó.

Trước cửa nhà thờ tụ tập một đám người bán hoa, một người bán tượng, ảnh thánh và những tấm huy hiệu khắc hình người - có vẻ như hôm nay là ngày kỷ niệm một vị thần nào đó bảo trợ thành phố này; và một người khác bán bóng bay, trên đầu anh ta một chùm bóng màu sắc sỡ dập dờn bay qua bay lại mỗi khi gặp ngọn gió nhẹ.

Cô bé đứng như chôn chân trước mặt người bán bóng bay, với nụ cười thơ ngây ngược cặp mắt chứa đầy lời cầu xin cảm lặng lên nhìn mẹ. Trong cái nhìn đó có cả sự thèm muốn tốt độ, cả nỗi đau của một tâm hồn non trẻ và cả tình yêu thương đối với mọi vật mọi người. Có lẽ đến một tên ác quỷ tàn bạo nhất cũng không cưỡng lại nổi cái nhìn đó. Những cái nhìn chứa đựng sức mạnh phi thường đến thế chỉ có ở trẻ con, vì rằng chúng còn bé dại, yếu đuối và trong trắng (có thể còn có những cái nhìn như vậy ở những con chó bị đánh đập, hất hủi nữa).

Vì vậy mà thánh Oneto, vốn rất sành sỏi tâm lý con người, đã chú ý tới cô bé gái. Ngài suy luận như sau: cái ham muốn có được quả bóng bay mãnh liệt tới mức nếu như người mẹ, lạ Chúa, thỏa mãn nó, thì hẳn là bé sẽ rất hạnh phúc. Có thể cái hạnh phúc

đó không lâu, chỉ một vài giờ, nhưng dù sao vẫn là hạnh phúc. Và lúc đó ngài sẽ thắng cuộc.

Thánh Oneto có thể quan sát cảnh diễn ra phía dưới, trên quảng trường thành phố, nhưng không thể nghe được cô bé nói gì với mẹ, và người mẹ trả lời con ra sao. Đây quả là một mâu thuẫn kì quặc mà không bao giờ có ai có thể giải thích được: các vị thánh trên thiên đường nhìn thấy rất rõ, như qua một ống viễn vọng cực mạnh, tất cả những gì diễn ra dưới Trái Đất, nhưng giọng nói và tiếng ồn nơi trần thế thì không lọt đến tai họ (trừ những ngoại lệ cực hiếm, như chúng ta sẽ thấy); phải chăng biện pháp đó có mục đích bảo vệ hệ thần kinh của các vị thánh khỏi những tiếng rú gào man rợ của giao thông đường phố?

Người mẹ giật tay kéo Noretta đi tiếp. Thánh Oneto bỗng cảm thấy bất an: ngài lo sợ sự việc sẽ kết thúc bất lợi cho ngài theo cái quy luật rất phổ biến giữa loài người - quy luật của sự dễ tiện.

Bởi vì trước lời khẩn cầu vô vọng đọc được trong cái nhìn của bé Noretta, tất cả những đạo quân được vũ trang đến tận chân răng của toàn thế giới cũng phải bất lực, nhưng chỉ riêng cái nghèo thì không. Cái nghèo sẽ cưỡng lại được một cách dễ dàng: trong chiếc túi rỗng không có cả trái tim lẫn lòng thương hại, và nỗi đau khổ của một em bé gái nào có nghĩa lí gì đối với nó đâu!

Thật may, Noretta không chịu rời khỏi chỗ: bé vẫn nhìn không chớp vào mắt mẹ, và sức mạnh của cái nhìn đó - nếu điều đó là có thể - càng trở nên da

diết, mãnh liệt hơn. Vị thánh nhìn thấy bà mẹ nói một câu gì đó với người bán hàng, đếm mấy đồng xu trao cho anh ta, còn cô bé thì chỉ ngón tay lên một quả bóng bay màu vàng tươi. Người bán hàng gỡ từ trên chùm xuống một trong những quả bóng bay căng nhất, đẹp nhất và trao cho bé.

Bây giờ Noretta đang bước đi bên cạnh mẹ; và như vẫn còn chưa dám tin vào điều hạnh phúc là có thật, bé mở to cặp mắt nhìn lên quả bóng bay vui vẻ nhún nhảy trên đầu sợi chỉ theo nhịp bước chân của bé. Thánh Oneto mỉm cười ranh mãnh, khê thúc cùi tay vào sườn thánh Bí Thư. Và thánh Bí Thư cũng mỉm cười, nếu điều đó ít nhiều làm giảm nhẹ những nỗi đau khổ của con người.

Cháu là ai, hồi bé Noretta buổi sáng chủ nhật này đi ngang qua quảng trường thành phố quê hương với quả bóng bay trong tay? Cháu là cô dâu rạng rỡ niềm vui vừa từ hôn lễ trong nhà thờ bước ra; cháu là nữ hoàng ăn mừng chiến thắng vừa giành được; cháu là nàng ca sĩ thần thánh được đám người ngưỡng mộ hứng khởi kiệu trên vai; cháu là người phụ nữ xinh đẹp và giàu có nhất trên đời; cháu là mối tình lớn lao và hạnh phúc; là hoa, là nhạc, là mặt trăng, là rừng cây, là mặt trời; cháu là tất cả những cái đó gộp lại, vì rằng quả bóng bay bằng nhựa mỏng được thổi căng đã làm cháu trở nên hạnh phúc. Và đôi chân đau tội nghiệp của cháu không còn đau nữa; đó là đôi chân khỏe mạnh, nhanh nhẹn của một nữ vận động viên thể thao trẻ vừa được nhận vòng nguyệt quế chiến thắng của thể vận hội Olimpia.

Nghiêng người trên tay vịn ghế bành, hai vị thánh tiếp tục quan sát mẹ con cô bé: họ đi qua các đường phố đến một vùng ngoại ô nghèo nàn nằm mé sườn đồi. Người mẹ vào khuất trong nhà - bà còn rất nhiều việc phải làm - còn Noretta tay vẫn cầm quả bóng bay, ngồi xuống một tảng đá, hết nhìn quả bóng của mình lại nhìn những người qua lại ngoài đường: có lẽ bé cho rằng tất cả mọi người xung quanh đều phải ghen tị. thêm muốn cái vật báu vô giá của bé. Và mặc dù ánh mặt trời không chiếu rọi đến cái góc nhỏ nằm kẹp giữa những dãy nhà cao tầng tối này, gương mặt của cô bé - vốn chẳng xinh đẹp lắm - vẫn làm cho mọi vật xung quanh bừng sáng.

Có ba gã trai đi ngang qua. Theo vẻ ngoài thì đó là những tên lưu manh bất trị, nhưng có một cái gì đó bắt đến cả chúng cũng phải liếc nhìn cô bé, và Noretta mỉm cười với chúng. Lúc đó một tên trong bộ ba, bằng một cử chỉ hết sức tự nhiên, rút điều thuốc lá từ trong miệng ra và chọc vào quả bóng bay. Quả bóng vỡ phát ra một tiếng nổ, và sợi chỉ, vừa mới đây kiêu hãnh hướng lên trời, rơi xuống đầu gối cô bé với túm màng nhựa mỏng nhẵn nhúm không hình thù buộc ở đầu dây.

Noretta không hiểu ngay việc gì đã xảy ra, hoảng sợ nhìn theo ba tên du đãng vừa chạy đi vừa cười hô hố. Cuối cùng bé cũng đã hiểu ra rằng quả bóng bay không còn nữa, rằng bé đã vĩnh viễn bị tước đi niềm vui sướng duy nhất trong cuộc đời. Gương mặt bé lúc đầu nhăn lại một cách nực cười, rồi nó méo xệch đi trong một nỗi đau không gì an ủi được.

Bé khóc nức lên như vừa xảy ra một việc gì đó vô cùng khủng khiếp, tuyệt vọng, không thể cứu vãn nổi. Và, như trên đã nói, không một tiếng động nào nơi trần thế có thể vọng đến chốn đèn vàng điện ngọc trên thiên đường: cả tiếng rít của các loại động cơ, tiếng rú của còi báo động, cả tiếng súng gầm, tiếng người gào, cả tiếng bom nguyên tử nổ. Nhưng tiếng khóc tuyệt vọng, tiếng khóc cắt ruột của con trẻ thì nghe vang vọng ở mọi góc ngách của thiên đường, làm cho nó rung chuyển tới tận cùng nền móng. Mặc dù người ta nói rất đúng rằng thiên đường là nơi cực lạc và yên tĩnh vĩnh hằng, nhưng tất cả mọi cái đều có giới hạn. Làm sao dám nghĩ rằng các vị thánh lại có thể hồ hững trước những nỗi thống khổ của con người?

Sự việc xảy ra với quả bóng bay là một cú đòn nặng nề đối với các vị thánh đang đắm mình trong bình an thanh thản. Bóng đen đã treo lơ lửng trên Vương quốc Ánh sáng, khiến những trái tim phải thất lại. Lấy gì để cứu chuộc nỗi đau khổ của đứa trẻ này?

Thánh Bí Thư im lặng nhìn thánh Oneto.

- Thật là đốn mạt - thánh Oneto thốt lên và quăng mạnh điều thuốc lá vừa châm.

Rơi xuống Trái Đất, nó kéo theo sau mình một vệt dài ngoằn ngoèo. Và nhiều kẻ ở dưới đó, nơi trần thế, lại đua nhau nói về những chiếc đĩa bay.

ĐỨC KHIÊM NHƯỜNG

Celestino, tu sẽ sống cuộc đời ẩn dật giữa đô thị, nơi mà trái tim con người cảm thấy cô độc hơn hết và cảm thấy tiếng gọi của chúa mạnh mẽ hơn bất cứ ở đâu.

Sống trong cái thành phố hoang mạc này, cha Celestino cảm thấy khát khao Đấng cứu chuộc hơn bao giờ hết. Vì thấy cha Celestino linh ứng với chúa trời nên từ khắp nơi mọi người kéo về xin cha một lời khuyên hoặc để được cha rửa tội. Đằng sau một khu nhà máy, có một xe vận tải hỏng nát bỏ không, buồng lái đã bị mất hết kính. Chính cái Cabin nhỏ bé này đã được cha Celestino chọn làm nơi rửa tội cho các con chiên.

Vào một buổi chiều, khi trời sắp tối hẳn, sau hàng mấy giờ liền ngồi nghe mọi người xưng tội, cha Celestino đang chuẩn bị ra về thì trong khoảng nhá nhem hiện ra một bộ mặt khô khan bước đến bên cha xin rửa tội.

Mãi đến khi người khách lạ quỳ gối xuống bậc lên xuống của Cabin thì nhà tu hành ẩn cư mới nhận ra anh ta là linh mục.

- Tôi có thể giúp ích được gì cho chàng, hỡi chàng

linh mục trẻ tuổi? Ông hỏi với một vẻ kiên nhẫn dịu dàng.

- Thưa cha, con đến để xưng tội, - anh ta trả lời, và để khỏi mất thời gian anh ta liền kể ra một loạt tội lỗi của mình.

Sự thực là cha Celestino đã phải quen chịu đựng những lời xưng tội của một số người, đặc biệt là phụ nữ, những người thường làm cho cha bức mình bởi những chuyện tởn mồn, hoàn toàn vô tội. Dầu vậy, chưa bao giờ cha lại gặp một con chiên nào lại hoàn toàn trong sạch như người linh mục trẻ này. Những lời tự buộc tội của anh ta toàn là những chuyện ngớ ngẩn, vô nghĩa, mơ hồ và không đáng để ý. Thế nhưng, theo kinh nghiệm có được từ nhiều năm do tiếp xúc với nhiều người, vị ẩn sĩ hiểu rằng người linh mục trẻ này đang rào đón trước khi nói lên cái điều quan trọng nhất.

- Nay con, trời tối rồi, cha thấy lạnh rồi đấy. Có chuyện gì thì con cứ nói thẳng ra đi!

- Thưa cha, con không dám nói điều đó, anh chàng linh mục bé nhỏ lấp bắp nói.

- Thế thì con đã phạm phải một hành vi xấu nào chẳng? Nói chung cha trông con cũng hiền lành. Chắc không phải là con đã phạm tội giết người chứ? Hay là con mắc chứng kiêu ngạo.

- Đúng thế đấy ạ. - Anh chàng linh mục trả lời không ra tiếng.

- Con là kẻ giết người ư?

- Không, con mắc cái tội thứ hai kia.

- Kiều ngạo à? Có đúng thế không?

Chàng linh mục gật đầu.

- Thế thì con hãy nói đi, hãy giải thích cho cha rõ. Cha tin rằng Thượng Đế vẫn còn đủ lòng thương dành cho con.

Cuối cùng anh chàng linh mục kia quyết định nói rõ:

- Thưa cha, sự việc là thế này ạ. Đó là một chuyện rất đơn giản mặc dù con có thể nói là kinh khủng: Con mới được phong chức linh mục mấy ngày nay. Con mới làm chủ lễ được một buổi tại giáo khu của con. Ấy vậy mà...

- Thì cứ nói đi, trời ơi! Cha có ăn thịt con đâu mà sợ.

- Ấy vậy mà khi con nghe người ta gọi con là "Kính cha" thì, có thể cha cho là chuyện ngớ ngẩn, nhưng mà lúc đó con cảm thấy lòng mình vui sướng như thể có cái gì sưởi ấm bên trong.

Đây không phải là một tội lỗi, thật là mất thời gian! Hầu hết trong số đám con chiên, kể cả những vị cha cố, có lẽ họ cũng chẳng bao giờ nghĩ đến điều này. Tuy nhiên, mặc dù rất hiểu rõ tính nết con người, vị ẩn sĩ vẫn không ngờ được điều đó. Chưa bao giờ cha Celestino gặp phải chuyện như vậy, nên thoạt đầu cha không biết trả lời ra sao.

- Hừm, ờ... cha hiểu... điều này chẳng hay ho gì... Có lẽ quỷ sứ là kẻ đã hâm nóng lòng con... Nhưng rất may là tự con đã hiểu ra tất cả.... Và sự hổ thẹn của con đã làm cho cha hi vọng rằng con sẽ không bị cám dỗ lần thứ hai nữa... Tất nhiên, nếu còn trẻ như con

mà đã bị truyền nhiễm căn bệnh như vậy thì thật là đáng tiếc... Ego te absolvo⁽¹⁾

Ba bốn năm trôi qua, khi cha Celestino hầu như đã quên hẳn câu chuyện xảy ra đó thì một hôm lại anh chàng linh mục xa lạ kia đến gặp cha xin rửa tội.

- Hình như cha đã gặp con một lần rồi, hay là cha lầm?

- Cha nhớ đúng đấy ạ.

- Để yên xem nào... phải, phải, con chính là người.. là người mà khi được gọi là Đức Cha thì trong lòng cảm thấy vui sướng có phải không?

- Đúng đấy ạ, - vị linh mục trả lời. Giờ đây anh ta không còn có vẻ là một linh mục trẻ tuổi non nớt nữa, trên mặt anh ta hiện rõ vẻ chững chạc đường hoàng, nhưng nói chung thì trông anh ta vẫn còn trẻ và gây khô như lần trước. Gặp cha Celestino, anh ta vẫn đỏ mặt lúng túng.

- Ô, hô, - cha Celestino mỉm cười đoán trước.

- Suốt thời gian qua con vẫn chưa sửa chữa được lỗi lầm sao?

- Còn tệ hơn thế nữa cơ, thưa cha!

- Có chuyện gì mà ghê gớm thế... Con nói rõ cho ta nghe đi.

- Vâng, - vị linh mục cố gắng lên tiếng. - Tình trạng tồi tệ hơn nhiều so với lần trước, cha ạ... Con... Con...

- Can đảm lên, - cha Celestino động viên và nắm chặt lấy hai tay anh ta, - con đừng để cha phải sốt ruột nữa...

⁽¹⁾ Tiếng Latinh trong nguyên bản: "Ta tha tội cho con" (N.D).

- Chuyện thế này ạ: khi có người gọi con là "Thưa Đức Cha" thì con lại... con lại...

- Con lại cảm thấy hài lòng, có phải không?

- Vâng thật đáng tiếc, thưa cha.

- Con có một cảm giác khoan khoái, ấm cúng...

- Chính thế ạ!

Nhưng cha Celestino nhanh chóng giải phóng anh ta bằng mấy câu ngắn ngủi.

Trong lần gặp trước cha coi đây là một trường hợp đặc biệt, một hiện tượng kì lạ, khác thường. Nhưng lần này thì cha không nghĩ như vậy nữa. Cha cho rằng đây là một anh chàng ngốc nghếch hoặc là một người mắc chứng bệnh chúa trời và bị thiên hạ xỏ mũi. Cha Celestino thấy không nhất thiết phải để cho anh ta than vãn mãi làm gì, chỉ vài phút sau cha đã nhẹ nhàng tống khứ anh ta đi.

Trải qua mười năm sau, khi vị ẩn sĩ của chúng ta bây giờ đã trở về già thì cái ông linh mục bé nhỏ kia lại xuất hiện. Tất nhiên là ông ta cũng có già đi, người gầy hơn, da mặt xanh xao hơn, tóc có bạc hơn. Lúc đầu cha Celestino không nhận ra ông ta. Nhưng khi vị kia lên tiếng thì cái hồi ức xa xưa của cha bỗng thức dậy.

- A ha, có phải con là cái anh chàng "Kính cha" và "Thưa cha" đấy không? - Cha Celestino mỉm cười hỏi.

- Cha có trí nhớ tốt quá.

- Từ bấy đến nay khoảng bao lâu rồi nhỉ?

- Gần chục năm rồi ạ.

- Thế sau mười năm trời mà con... vẫn chưa thoát được cái tội đó à?

- Thưa cha còn tệ hơn nữa cơ ạ.

- Cụ thể như thế nào?

- Thưa cha, thế này ạ... bây giờ... nếu có ai gọi con là "Thưa Đức cha cao quý" thì con...

- Thôi đủ rồi, - cha Celestino kiên nhẫn lắm mới nghe được đến đó. - Cha hiểu cả. Ego to absolvo.

Trong khi đó thì cha nghĩ: thật tội nghiệp, cái anh chàng linh mục khốn khổ này ngày càng trở nên ngây ngô, ngốc nghếch; còn thiên hạ thì càng chế giễu anh ta hơn. Thật khốn khổ cho anh ta. Biết đâu sau năm, sáu năm nữa mình lại chẳng gặp anh ta với lời than vãn về chuyện người ta gọi anh ta là "Đức Thánh cha" (chỉ giáo hoàng ở La Mã) và những gì gì nữa.

Câu chuyện đã xảy ra đúng như cha nghĩ. Chỉ có điều nó xảy ra sớm hơn một năm so với dự đoán của cha.

Thời gian lại nhanh chóng trôi đi. Cha Celestino đã già đến nỗi sáng sáng phải đi cáng từ nơi ở ẩn của mình đến nơi xưng tội và đến tối người ta lại phải cáng cha về.

Bây giờ liệu chúng ta có cần phải tả lại tỉ mỉ cái cảnh ông linh mục bé nhỏ lại xuất hiện, vào một ngày nào đó không? Có cần phải tả ông ta đã già yếu, lưng gù và gầy khô như thế nào không? Và có cần phải nhắc lại vắn cái điều ăn năn ấy của ông ta không? Không, tất nhiên là không cần.

- Chàng linh mục khốn khổ của tôi ơi, - ông già

ẩn sĩ thân mật chào ông ta, - con lại đến than khóc về cái tội kiêu ngạo của con có phải không?

- Cha hiểu lòng con quá!

- Và bây giờ thiên hạ đang nịnh bợ con. Chắc hẳn bây giờ họ phải gọi con là "Thưa Đức Thánh Cha" có phải không?

- Đúng thế đấy ạ, - vị linh mục xác nhận bằng một giọng khiêm nhường nhất.

- Và cứ mỗi lần được gọi như vậy là con lại thấy vui sướng, khoan khoái và hạnh phúc có phải không?

- Thật đáng trách, đúng thế đấy ạ. Liệu Chúa có tha tội cho con không?

Cha Celestino mỉm cười. Cha cảm động về tấm lòng thành thật cố cựu của gã linh mục. Đột nhiên cha thấy trước mắt mình hiện ra cuộc sống của một gã linh mục bé nhỏ khiêm nhường và ngốc nghếch tại một giáo khu heo hút ở một miền rừng núi nào đó giữa những người giáo dân hèn mọn và xấu xa. Rồi cha tưởng tượng thấy anh ta đã phải sống những chuỗi ngày buồn tẻ hết mùa này qua mùa khác, hết năm này qua năm khác, càng sống anh ta càng tỏ ra sâu muộn, còn những con chiên của anh ta thì càng tỏ ra thô bạo hơn. Họ tán tụng anh ta nào "Kính Cha", "Đức Cha", "Đức cha tôn quý" và bây giờ là "Đức Thánh Cha". Bọn họ đùa cợt không còn biết mức độ là gì. Ấy thế mà gã ta vẫn không tỏ ra bực bội, thậm chí những câu đó còn làm cho gã vui sướng như một đứa trẻ. Sung sướng thay những kẻ ngu si, nhà ẩn sĩ kết luận *Ego to absolvo!*

Cho đến một hôm, khi thấy mình đã gần đất xa trời, lần đầu tiên trong đời cha Celestino già nua ước muốn một điều gì đó cho mình trước khi nhắm mắt, cha muốn đi Roma để được nhìn thấy, dù chỉ là một thoáng, ngôi nhà thờ Thánh Pêtrô, tòa Vaticăng và Đức Giáo hoàng.

Còn ai nỡ trái ước nguyện của cha? Đám con chiên liền kiếm một chiếc cáng, đặt cha lên đó và đưa cha về trái tim của đất thánh. Và không phải chỉ có vậy. Vì cha Celestino chẳng còn sống được mấy lúc nữa, nên đám con chiên vội vàng đưa cha đến thẳng tòa thánh Vaticăng, cáng cha vào một căn phòng khách cùng với hàng nghìn khách hành hương khác. Tại đây, họ đặt cha nằm ở một góc phòng trong khi chờ đợi.

Cha Celestino đợi mãi, đợi mãi, cuối cùng cha thấy đám người rẽ ra hai bên và ở mãi phía đầu kia của phòng khách cha nhìn thấy bóng người nhỏ bé, tóc bạc trắng và lưng hơi gù đang tiến lại. Đó chính là Đức Giáo hoàng.

Không biết mặt mũi Giáo hoàng ra sao? Vốn dĩ cha Celestino bị cận, và khi đưa tay lên mắt thì cha kinh hãi nhận thấy rằng mình đã bỏ quên kính ở nhà.

Nhưng thật may mắn là cái bóng trắng đó vẫn mỗi lúc bước đến gần chỗ cha cho đến khi dừng lại ngay bên cáng cha. Vị ẩn sĩ lấy tay lau đôi mắt nhòa lệ và hơi ngóc đầu lên. Lúc đó cha mới nhìn thấy rõ mặt Giáo hoàng. Và cha đã nhận ra người đó.

- Ôi, con đây à, chàng linh mục khốn khổ của tôi,

chàng linh mục bé nhỏ đáng thương của tôi, - ông già xúc động bật kêu lên.

Và, trong căn phòng oai nghiêm cổ kính của tòa thánh Vaticăng lần đầu tiên trong lịch sử người ta được chứng kiến một cảnh tượng sau đây: Đức Giáo hoàng với một vị tu sĩ già nua không biết từ đâu đến đang nắm tay nhau và cả hai cùng cất tiếng khóc hu hu.

NGUYỄN VĂN DÂN *dịch*

PHÉP MÀU VÔ HIỆU

Tôi vẫn còn đang phân vân không biết có nên kể cho ông chủ bút của mình nghe về chuyện này không. Tôi đã gặp một chuyện quái dị khủng khiếp.

Không phải là vì tôi không tin ông chủ bút. Chúng tôi quen biết nhau đã từng ấy năm. Tôi biết là ông quý tôi, không bao giờ ông làm một điều gì xấu đối với tôi. Với lại làm sao mà tôi nghĩ rằng ông có thể hại tôi? Nhưng nghề làm báo là một nỗi đam mê đáng nguyên rủa. Một ngày nào đó, để cho tờ báo gây được một ấn tượng tốt, thì dù không muốn, chắc chắn ông cũng sẽ làm cho tôi gặp rắc rối.

Trong trường hợp của tôi, cho dù tôi thận trọng đến đâu thì vẫn chưa đủ. Và ngay cả việc viết ra những dòng này cũng là một mối nguy. Nếu như có ai nhìn thấy, và nếu như tin đồn được lan truyền, thì còn ai có thể cứu được tôi?

Tất cả chỉ là do sự kiên trì của một thói gàn đã lâu của tôi. Tôi luôn say mê thứ văn chương quái đản, say mê ma thuật, say mê những chuyện ma quỷ, thần bí. Tủ sách nhỏ bé của tôi rất những thứ như vậy.

Trong số những cuốn sách của tôi có một cuốn

sách viết tay, khổ hai, dày hơn hai trăm trang, ít nhất là đã được viết ra cách đây hơn một thế kỉ. Cũng như đa số những cuốn sách cũ khác, cuốn này đã bị rách bìa. Toàn bộ những trang sách còn lại là một chuỗi các từ gồm ba, bốn hoặc năm chữ cái viết liền tù tì không chấm phẩy, chúng là chữ Latinh viết nghiêng, hoàn toàn không thể hiểu nổi. Chẳng hạn một trang sách được bắt đầu bằng những chữ như sau: "Pra fbee silon its tita shi dor dor sbhsa cpu snun eas pioj umeno kai..."

Cách đây mấy năm tôi đã kiếm được cuốn sách này tại một cửa hàng bán đồ cũ ở Ferrara. Ông chủ hiệu hoàn toàn không để ý đến nó. Một chuyên gia đã giải thích với tôi rằng đó là một trong số những cái được gọi là "mật thu" bắt đầu được lưu truyền từ thế kỉ XVII. Theo lời các thầy đồng gọi hồn thì văn bản của chúng là kết quả của sự báo mộng. Bí mật của cuốn sách là như thế này: trong dãy chữ nối đuôi nhau buồn tẻ vô nghĩa ấy, đến một lúc nào đó sẽ có một câu thần chú có hình thức hoàn toàn giống với các câu chữ khác. Chỉ cần anh đọc to được câu đó một lần là anh sẽ có được những khả năng siêu nhiên, chẳng hạn như khả năng dự đoán tương lai, hay khả năng đọc được ý nghĩ của người khác. Cái khó là làm thế nào để đọc được đúng câu thần chú đó trong cái mớ từ ngữ lộn xộn có một không hai này.

Có thể có người sẽ cho rằng, để tìm được câu thần chú tiền định ấy, đơn giản nhất là ta chỉ cần đọc to cuốn sách từ đầu đến cuối, cho dù điều này sẽ làm cho ta phải mất hàng tháng trời, nhưng dù

sao thì việc đó cũng bỏ công.

Thế nhưng sự việc không phải dễ dàng như vậy. Câu thần chú chỉ có hiệu lực khi anh đọc được nó hoàn toàn riêng biệt, không dính liền với bất cứ từ ngữ nào đứng trước nó. Vậy là anh phải đọc bắt đầu bằng đúng cái từ đầu tiên của câu thần chú ấy. Thật chẳng khác nào mò kim đáy biển. Đó là chưa kể đến chuyện chắc gì đã có kim mà mò!

Vị chuyên gia nói với tôi rằng trong số một trăm cuốn mật thư thì ít nhất có tới chín mươi chín cuốn là giả. Thậm chí có người còn quả quyết rằng trên thế giới chỉ có một cuốn là thật còn tất cả đều là rởm hết. Còn nữa: người ta không biết chắc rằng liệu cái văn bản duy nhất ấy có còn hiệu lực nữa không, bởi vì cái câu thần chú đó chỉ cần có người sử dụng một lần là nó mất hết tác dụng.

Mặc dù vậy, cho dù không nghĩ đến chuyện bùa bả, tôi vẫn có thói quen là mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, tôi giở hủ họa cuốn sách ra và đọc to một vài câu bất kì nào đó.

Xin các bạn hiểu cho, không phải là tôi tin chuyện này. Đây chỉ là một nghi thức cầu nguyện đơn giản. Chẳng thể nào mà biết được có chuyện gì sẽ xảy ra. Và lại tôi cũng chẳng mất nhiều công sức cho chuyện này lắm.

Ấy vậy mà, vào cái buổi tối thứ năm ngày 17-5 này, sau khi tôi đọc to một đoạn văn bất kì (mà tiếc thay bây giờ tôi không còn nhớ nó nằm ở chỗ nào, bởi vì lúc ấy tôi không thấy có gì đặc biệt nên cũng chẳng để ý), trong tôi đã có một sự biến xảy ra.

Tôi nhận ra điều đó sau đấy mấy phút. Nó giống như một cảm giác khoan khoái phấn chấn dễ chịu. Tôi vô cùng ngạc nhiên. Tôi không biết tại sao, vì thường ngày tôi rất mệt.

Dù sao, lúc ấy cũng đã khuya, tôi chỉ còn việc lên giường đi ngủ.

Trong khi tôi cởi ca-vát thì tôi chợt nghĩ ra là mình đã bỏ quên ở bên phòng làm việc cuốn sách mà tôi định đọc trước khi ngủ, đó là cuốn *Đầu ông Matapan* của Ronald Seth, do nhà xuất bản Garzanti ấn hành.

Thế là ngay lúc đó tôi thấy mình có mặt ở bên phòng làm việc.

Tôi đã đi sang phòng làm việc như thế nào? Tôi là người rất hay đăng trí, nhưng thật vô lí là tôi lại không nhớ được mình đã đi từ phòng nọ sang phòng kia như thế nào. Thế nhưng sự việc đã diễn ra đúng như vậy.

Dù sao tôi vẫn chưa thấy hoảng hốt. Tôi vẫn thường để đầu óc tạt tạt đâu đâu. Và tôi vẫn thường vừa làm việc này lại vừa nghĩ đến việc nọ.

Nhưng hiện tượng trên lại xảy ra ngay sau đó ở mức độ đáng kinh ngạc hơn. Khi không tìm thấy cuốn sách đâu tôi liền nhớ ra rằng mình đã bỏ quên nó ở tòa báo.

Và ngay tức khắc tôi thấy mình có mặt ở tòa báo, tại tòa nhà 28 phố Solferino. Đúng ở tầng ba, tại phòng làm việc của tôi đang còn chìm trong bóng tối.

Tôi bật đèn nhìn đồng hồ treo tường. Chín giờ hai

mười. Thật kì lạ. Trước khi cởi ca-vát tôi đã tháo đồng hồ ra khỏi tay và nhìn rõ đồng hồ chỉ chín giờ mười tám phút. Không thể từ bảy đến giờ mới qua có hai phút.

Tuy nhiên sự việc đã xảy ra đúng như vậy. Và tôi đã tới đây bằng cách nào? Tôi hoàn toàn không nhớ gì cả. Tôi không nhớ là mình đã ra khỏi nhà, không nhớ là đã lên xe, không nhớ là đã đi một đoạn đường, và không nhớ là đã vào trụ sở tòa báo.

Phải chăng có chuyện gì đã xảy ra? Tôi thấy mình toát mồ hôi hột. Tôi hoảng sợ hoài nghi. Một căn bệnh mất trí chăng? Hay là còn tệ hơn thế nữa? Tôi đã nghe người ta nói những túi u trong não thường có những triệu chứng như vậy.

Rồi bỗng nhiên tôi có một ý nghĩ phi lí khôì hài nhưng dễ chịu: tôi gạt bỏ giả thiết về bệnh tật; và thế là tôi thấy yên tâm. Hơn nữa ý nghĩ đó hoàn toàn phù hợp với những gì đã xảy ra.

Ý nghĩ đó là thế này: tôi đã di chuyển từ nhà tới tòa báo thông qua một hiện tượng siêu nhiên chăng? Phải chăng tối hôm đó tôi đã đọc đúng được câu thần chú và đã có được khả năng huyền thoại cho phép mình xuất hiện tức thời ở khắp mọi nơi?

Đó là một ý tưởng ngây ngô ngốc nghếch. Nhưng tại sao tôi không làm ngay một thử nghiệm nữa? Tôi liền nghĩ: ta muốn về nhà.

Thật khó có thể diễn đạt được cảm nghĩ của một người bỗng dưng thấy mình chuyển từ thế giới thực tại của loài người sang một thế giới huyền bí khác. Tôi không còn là một con người bình thường nữa, tôi

đã có một sức mạnh vô biên mà từ trước đến nay không ai có được.

Như vậy là trong nháy mắt tôi đã có mặt ở nhà. Rõ ràng là tôi có khả năng di chuyển từ nơi này đến nơi khác với một tốc độ nhanh hơn cả tốc độ ánh sáng. Và không có vật chướng ngại nào có thể ngăn cản được tôi. Tôi có thể bất ngờ xuất hiện ở bất cứ nơi nào trên thế giới, có thể lọt vào những nơi kín đáo nhất và bí mật nhất, có thể lọt vào những căn phòng bọc thép của nhà băng, vào nhà của những nhân vật có thế lực nhất, vào khuê phòng của những người đàn bà đẹp nhất trên thế gian.

Thế nhưng liệu tất cả những chuyện này có thật không? Tôi cảm thấy thật khó tin. Nó giống như một giấc mơ. Tôi vẫn chưa hiểu được ngọn nguồn tất cả những điều này. Tôi lại làm thêm mấy lần thử nghiệm nữa. Tôi nghĩ: tôi muốn vào trong phòng tắm. Và thế là tôi có mặt trong phòng tắm. Tôi muốn có mặt ở quảng trường Nhà thờ lớn. Và thế là tôi có mặt ở đó. Tôi muốn đến Thượng Hải. Thế là tôi thấy mình ở Thượng Hải.

Tôi thấy mình đang đứng ở một đường phố dài có những căn nhà tối tăm ở hai bên, có cả những mùi vị khó chịu và mặt trời đang mọc đằng đông.

Mẹ kiếp, - tôi nghĩ - chắc là tôi đã không đạt được tốc độ lớn hơn tốc độ tư duy. Nhưng rồi tôi nhớ đến chuyện múi giờ. Ở đây trời bắt đầu rạng sáng, trong khi đó ở Milano vẫn còn là mười giờ tối.

Tôi nhìn thấy trên đường có một đoàn người đông như kiến đang hối hả đi về cùng một hướng. Họ bắt đầu nhìn tôi. Chắc chắn là bộ quần áo của tôi đã làm

cho họ chú ý. Sau đó có một tốp tiến về phía tôi với vẻ nghi hoặc. Hai trong số họ mặc quân phục. Tôi hoảng sợ vội nghĩ: tôi muốn về nhà mình ở Milano. Và thế là tôi thấy mình đã ở nhà.

Tôi thở không ra hơi. Nhưng tôi thấy mình thật là hân hoan. Trước mắt tôi mở ra một tương lai kì diệu đầy những chuyện phiêu lưu bất ngờ, khoái lạc và thành công mang tầm thế giới.

Tôi nghĩ đến cái nghề làm báo của tôi. Tôi sẽ mạnh hơn Stanley, mạnh hơn ông già Luigi Barzini, mạnh hơn các máy chụp tia X và các máy chữ viển thông. Một trận động đất ở Colorado ư? Tôi sẽ có mặt ngay tức khắc tại hiện trường, bên trong cả hàng rào cảnh sát, với chiếc máy ảnh trong tay. Chỉ sau mười phút là tôi lại có mặt tại tòa soạn để viết bài. Một chuyện khủng hoảng chính trị tại một nơi nào đó ư? Vuu! Và thế là tôi có mặt ngay đằng sau một chiếc ghế bành của nội các, với chiếc máy ghi âm để ghi lại cơn giận dữ của một ông mỗ nào đó. Một vụ bê bối trong nhà Liz Taylor ư? Chỉ cần nghĩ đến là tôi đã có mặt trong buồng ngủ của nàng, nắp đằng sau rèm cửa, với máy ghi âm trong tay. So với tờ báo *Corriere* của tôi thì ngay cả tờ *New York Times* cũng chỉ là kẻ mới vào nghề.

Tôi cũng nghĩ tới cả chuyện làm giàu. Vâng, tôi có thể lọt vào các nhà băng, vào các cửa hàng bán đồ trang sức, vào kho ngầm của Fort Knox⁽¹⁾, có thể chuyên chở từ đó ra hàng tỉ, hàng tỉ đồng. Nhưng tôi chỉ thoáng nghĩ đến điều đó rồi lại thôi. Tôi còn quan

⁽¹⁾ Pháo đài Knox, kho dự trữ vàng của Hoa Kỳ. (N.D).

tâm đến bạc tỉ làm gì? Việc gì tôi phải đi ăn cắp? Tòa báo sẽ trả công cho tôi bằng vàng khối. Hàng năm, những câu chuyện hài kịch sẽ đem đến cho tôi hàng chục triệu đồng. Còn hội họa? Chỉ với những bức tranh của tôi thôi thì tôi cũng đủ sống như một ông hoàng.

Nhưng trước hết là ái tình, là chuyện ăn chơi trụy lạc! Không có người đàn bà nào có thể thoát được tay tôi, cho dù nàng kiêu hãnh đến đâu. Thậm chí tại sao tôi không làm ngay một cuộc thử nghiệm nhỉ? Tôi liền nghĩ: tôi muốn được nằm trên giường của nàng A.S (tôi không nêu tên thật của nàng ra đây, dù sao tôi vẫn là một người đứng đắn).

Thế là tôi thấy mình có mặt ở đó, đúng như vậy. Nàng đang ngủ một mình. Căn phòng chìm trong bóng tối, qua rèm cửa lọt vào ánh sáng yếu ớt của đèn đường...

Chỉ có điều tôi nhận thấy mình vẫn còn mặc quần áo làm việc trên người, đầy đủ cả giày tất. Đi cả giày mà nằm trên giường với một phụ nữ! Và tôi hiểu cái chuyện điên rồ tôi đang làm.

Đúng lúc đó cô nàng đáng yêu trở mình đụng vào người tôi. Nàng thức giấc, nhìn thấy tôi rồi la lên một tiếng kêu khủng khiếp. Tôi vội nghĩ: về nhà ngay, thậm chí nếu phải bay cho nhanh.

Tại đây, trong quang cảnh im lìm của bốn bức tường nhà mình, cuối cùng tôi mới thấy được mối nguy khủng khiếp đang rình rập tôi. Thật bất hạnh nếu như người ta biết được rằng có một người có những khả năng thần diệu như tôi. Các bạn hãy

tưởng tượng nổi kinh hoàng của các vị quốc trưởng, của những kẻ bạo chúa, của các tướng lĩnh đánh thuê! Các bạn nên biết rằng trong một lúc nào đó tôi có thể cầm dao xuất hiện bất ngờ sau lưng họ, còn họ thì không có khả năng chống đỡ. Mạng sống của tôi sẽ không còn đáng giá một xu.

Thế là đã qua mười ngày mà tôi không dám lặp lại thí nghiệm một lần nào. Tôi vẫn tiếp tục cuộc sống lao động bình thường, nhưng tôi đã mất đi sự an tâm. Tôi cứ bị day dứt bởi một ý nghĩ: liệu tôi có thể chịu được sự căm dỗ muốn khai thác cái khả năng khác lạ của mình không? Liệu cuối cùng tôi có bị lộ tẩy không?

Thậm chí càng nghĩ tôi càng thấy rằng ngay cả cái viễn cảnh về chuyện đàn bà cũng trở nên khó tin. Cho dù chúng ta công nhận rằng có thể có những người đàn bà nhìn thấy tôi xuất hiện trước mặt họ khi họ đang ngủ hoặc đang tắm, thì tại sao họ lại phải thích tôi? Họ sẽ làm toáng lên, sẽ kêu ầm lên, và tôi chỉ còn cách biến khỏi đó.

Còn về chuyện thành đạt trong nghề làm báo, thì chắc chắn nó sẽ chẳng kéo dài được lâu. Sau những công trạng giết gân ban đầu của tôi có thể sẽ xuất hiện một tình trạng hoảng loạn, có thể người ta sẽ mở cuộc điều tra, và sự xuất hiện của tôi ở bất cứ nơi nào trên quả địa cầu cũng nhanh chóng bị phát giác, cho đến khi người ta xác định được tôi. Và thế là đi đời anh chàng Dino Buzzati. Sẽ chẳng ai tránh cho tôi được một viên đạn vào đầu hoặc một cốc thuốc độc.

Thế là bây giờ tôi tự hỏi trong trường hợp như

vậy, liệu có đáng để cho tôi say mê nghề nghiệp và vinh quang không nếu như cuối cùng tôi phải bỏ mạng? Nếu tôi nói cho ông chủ bút biết, thì có thể ông ta sẽ sử dụng tôi một cách rất thận trọng không để gây sự chú ý cho mọi người. Nhưng, được voi thì đòi tiên. Nếu như đến một ngày nào đó ông yêu cầu tôi làm một công việc khó khăn cho tòa báo thì liệu tôi có dám hèn nhát từ chối không? Cuối cùng tôi sẽ phải làm những chuyến công cán con thoi từ Mũi Canaveral đến Oran, Moskva, Bắc Kinh và Cung điện Buckingham. Cho đến khi tôi bị sa lưới.

Không, khi khả năng con người quá lớn, như trường hợp của tôi, thì nó sẽ đi đến kết cục bằng không: sử dụng nó là một điều vô cùng nguy hiểm. Thế là mặc dù tôi nắm giữ một kho báu vô giá, nhưng than ôi, tôi không thể tiêu được một xu. Ít nhất là nếu tôi không muốn toi mạng.

Cho nên tôi sẽ phải giữ im lặng: tôi sẽ không làm phiền bất cứ ai, sẽ không đánh thức những người đẹp đang ngủ say, sẽ không theo dõi các bậc vĩ nhân trên thế giới, sẽ không chõ mũi vào bất cứ nhà nào, như thể chưa từng có chuyện gì xảy ra.

Xin ông chủ bút tha lỗi cho tôi. Nhưng tôi không dám tin ai.

NGUYỄN VĂN DÂN dịch

CUỘC QUYẾT ĐẤU

Đức giám mục chỉ có một mình. Xung quanh ngài là cánh đồng và rừng cây, bên mép rừng có một bờ rào. Ngài bước đến bên bờ rào và dùng đầu gậy gạt con nhện ra khỏi mạng nhện treo trên đó. Con nhện đực thật đẹp: to, khỏe, trẻ, với những đường vân tinh xảo trên lưng. Rơi xuống khỏi tổ của mình, nó treo lủng lẳng trên sợi tơ nhện bám vào đầu gậy, lắc lư và ngơ ngác không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra với mình.

Cách đó một quãng trên bờ rào còn có một chú nhện khác, nó bệ vệ trấn giữ nơi trung tâm một mạng nhện lớn. Con này đẹp hơn con kia. Trông nó giống như thần Molokh.⁽¹⁾ Mà không, nó không chỉ giống thần Molokh, mà còn giống một con rồng, giống một quái vật khát máu thời cổ có tên gọi là Quỷ vương. Nó nề và bình thản, nó bất động ngự trị trong cái thế giới nhỏ bé, đẹp đẽ của mình. Đức giám mục muốn xem chuyện gì sẽ xảy ra, bằng một động tác chính xác ngài hất con nhện thứ nhất vào đúng chính giữa mạng nhện lớn. Nó dính vào đó và nằm yên không cựa quậy.

Con nhện lớn bệ vệ có vẻ như đang ngủ, nhưng

⁽¹⁾ Thần khát máu trong tín ngưỡng phương Tây.

con người chưa kịp làm một cái chớp mắt thì nó đã nhảy vọt tới và nhả nước bọt ra thành những sợi tơ bạc trời chắt kẻ xâm nhập vào vương quốc của nó. Con nhện nhỏ hơn không chống cự lại. Chỉ mấy giây sau, nó đã biến thành một cái kén trắng nằm bất động.

Chiều buông êm ả. Mặt trời hạ thấp dần xuống núi. Những sợi tơ nhện ánh lên trong ánh tà dương như một bức họa tinh xảo. Ở chính giữa mạng nhện lớn, chú nhện khổng lồ vẫn nằm yên, như không hề có việc gì xảy ra. Nó không nhúc nhích, dường như ngủ. Phía dưới một chút là cái kén với kẻ thù của nó đã bị cầm tù. Hay là con nhện nhỏ hơn đã chết? Nhưng không, thỉnh thoảng vẫn thấy hai chân trước của nó co giật khe khẽ.

Và, thoát một cái, con nhện tù binh đã thoát ra khỏi các sợi dây kiểm tỏa nó. Có vẻ như nó không cần một chút nỗ lực nào để làm việc đó: không thấy nó vật vã, giằng giắt để tự giải thoát. Có thể trong lúc nằm yên suy nghĩ, nó đã đoán được bí mật của cái bẫy mà nó sa vào? Nó thoát ra khỏi cái kén và chậm rãi bò theo vành cung ngoài của mạng nhện lớn. Nhanh lên, nhanh lên, đức giám mục nghĩ, không thì nó sẽ đuối kịp mây đấy. Nhưng con nhện nhỏ không hề tỏ ra vội vã.

Thần Molokh trong vẻ đường bệ đế vương của mình đã cho phép kẻ vượt ngục trốn thoát. Thế là thế nào? Một sự thỏa thuận ngầm chăng? Nhà người đã biết cách thoát ra được - nhà người cứ việc tự do, ta tha chết cho nhà người đấy. Hoặc là một cái gì đó, tương tự như vậy. Chỉ thấy con nhện khổng lồ không

nhúc nhích, làm ra vẻ không trông thấy gì cả. Và con nhện nhỏ hơn nguyên lành bò khuất vào sau đám lá.

Nhưng đúc giám mục lại khéo léo bắt được nó và thận trọng treo nó trên đầu gậy. Ngài dùng đưa nó như một con lắc nhỏ rồi bằng một động tác chuẩn xác hất nó trở lại tám mạng nhện lớn.

Con nhện khổng lồ lập tức xông vào con mồi của mình, dùng càng kẹp chặt nó, tìm cách trói nó lại. Hai con vật lộn một lúc. Thật không may, con nhện bé hơn bị dính chặt vào mạng nhện nên không thể xoay trở được để đối mặt đón địch thủ. Nhưng nó vẫn vùng vẫy tìm cách hất kẻ thù ra. Cuối cùng, nó bị con nhện lớn hơn trói chặt lại trong cái tư thế bất lợi đó.

Nhưng những vòng dây trói lần này không còn được chắc chắn như lần trước, vì rằng hầu như toàn bộ nước bọt đã bị sử dụng hết. Bây giờ số tơ chỉ còn đủ cho một số vòng, để chừa ở giữa những khoảng trống. Đúc giám mục bỗng cảm thấy như có một cái gì đó lướt qua đằng sau lưng ngài: không hẳn là một chiếc lá nhỏ, không hẳn là một con chim hay một con rắn... Ngài quay phắt lại. Thiên nhiên vẫn êm ả và tĩnh lặng. Con nhện chiến thắng lần này không rời bỏ con mồi, mà tiếp tục chạy quanh, cắn vào lưng và tìm cách tiêm nọc độc vào mình nó. Con nhện tù binh không chống lại và thậm chí dường như không cảm thấy đau đớn gì.

Kẻ chiến thắng cắn một miếng nữa rồi bò về ngai của mình, nhưng rồi chợt thay đổi ý định và quay trở lại, cắn thêm một miếng. Nó bò đi và quay lại ba lần như thế. Lần thứ ba kẻ chiến bại bất ngờ thò càng

qua khe hở giữa các sợi tơ trời, kẹp chặt lấy một chân của kẻ hành hạ mình.

Thần Molokh giật nảy mình, bỏ con mồi ra tìm cách thoát lui, nhưng đối phương của nó nào chịu buông tha. Nó kẹp chặt càng, kéo, giật, cơ hồ như sắp dứt rời cái chân của kẻ thù ra. Nhưng cuối cùng sức lực con nhện bị cầm tù dường như cạn kiệt, nó đành buông lỏng gọng càng.

Dức giám mục lại có cảm giác như ai đó đang chăm chú nhìn vào lưng mình. Ngài ngoái nhìn ra sau nhưng vẫn không trông thấy ai cả. Chỉ có ánh hoàng hôn sắp tắt lụi, và một dải mây dài màu vàng vắt ngang bầu trời. Trông nó giống như một cánh tay lớn vươn ra có ý nhắc nhở, cảnh báo một điều gì. Cái điềm báo này có phải là dành cho ngài không?

Khập khểnh, con nhện khổng lồ bỏ về vị trí hợp pháp của mình. Bây giờ nó run lên vì sợ hãi - biết đâu kẻ thù đều giả của nó đã kịp phóng nọc độc vào nó? Nó bắt đầu khễ khằng xoa bóp cái chân bị thương: dùng cả bảy chân kia sờ nắn, đưa lên miệng liếm, duỗi ra ngắm nghía - hết như những cử động của một người bị sái chân. Nó chăm sóc cái chân đau như chăm sóc đứa con mới đẻ. Dần dần nỗi sợ hãi qua đi, nó kiểm tra sự nguyên lành của chân bằng cách duỗi nó ra bám vào các sợi tơ nhện như đang chơi đàn thụ cầm. Rồi nó lại ôm ấp cái chân trong cơn đau khổ, ghê tởm.

Cuối cùng nó đã hoàn toàn yên tâm. Và với một sự hăng hái gấp đôi, nó quay trở lại trừng phạt kẻ địch. Như con dao mở đồ hộp cắm sâu vào nắp hộp,

chiếc còng của nó rạch ngang phần bụng của con nhện tù binh; từ vết cắt chảy ra một dòng chất lỏng đậm đặc màu trắng.

Vào đúng lúc đó mặt trời đã lặn hẳn, cánh tay mây khổng lồ vắt ngang cánh đồng nhuộm màu huyết dụ hắt lên cả đất trời một sắc máu đỏ rợn. Thậm chí cả bờ rào cũng nhuộm màu máu đỏ. Không gian trước đây đã yên lặng, giờ lại càng yên lặng hơn, - bởi vì lúc đầu có hai con nhện đứng cạnh chừng nhau. Bây giờ chỉ còn lại một. Nó ngồi bất động và làm ra vẻ như không hề có chuyện gì vừa xảy ra. Con kia thì giờ đây đã không còn là một con nhện nữa, nó biến thành một khối mềm, không hình thù, thậm chí vũng chất lỏng từ trong bụng nó cũng đã chảy ra hết, vón cục lại. Nhưng nó vẫn còn sống: mấy cặp chân rũ rượi, bị những sợi tơ trời kéo căng ra, thỉnh thoảng vẫn co giật yếu ớt.

Trên con đường phía xa có cỗ xe ngựa đi ngang qua, tiếng vó ngựa dồn dập mỗi lúc một nhỏ dần, nhỏ dần lên phía Bắc. Từ bờ sông vẳng lại tiếng hát mượt mà của một cô thôn nữ. Rồi tất cả lại lặng như tờ. Đức giám mục chỉ có một mình. Bể cảnh cây nhỏ, với sự tự tin của một nhà phẫu thuật đầy kinh nghiệm, ngài dứt tung các sợi tơ trời, giải thoát cho cái sinh vật bị tàn phế và đặt nó lên mặt lá.

Con nhện thương tật, tới tả nằm bất động vẫn trong tư thế cũ, dường như nó vừa được lôi ra từ trong ống bó bột thạch cao. Rồi nó nhồm dầy toan bò đi, nhưng lại khuyu nghiêng xuống, và cả tám chi của nó vẫn tiếp tục co giật nhịp nhàng, giống như

một con chiên vô tội của Chúa bị tất cả bỏ rơi giờ chỉ biết đập đầu cầu lạy Chúa.

Quý gồi xuống, đức giám mục cúi đầu trước nỗi đau vô hạn này. Lạy Chúa, ngài đã làm gì thế? Thật quá dễ dàng, một cuộc thí nghiệm vô tình đã cắt ngang cuộc sống của một sinh linh vô tội. Nghĩ vậy, ngài bỗng cảm thấy như con nhện đang nhìn ngài: những cặp mắt bé tí, vô cảm trông thật nghiêm khắc, cháy bỏng.

Hoàng hôn đã lụi hắt. Bờ rào và cây rừng trở nên bí ẩn, đáng sợ và dường như đang ẩn mình nín tiếng chờ đợi một cái gì đó trong bóng tối mỗi lúc một đậm dần. Lại có ai đó thoáng qua phía sau? Ai đó khẽ thăm kêu tên của đức giám mục? Không, hình như vẫn không có ai cả...

ĐOÀN TỬ HUYẾN dịch

KẺ CHẾT GIÁ

Một buổi sáng, họa sĩ quen biết Lucio Predonzani, 46 tuổi, bấy lâu nay đã lui về ẩn cư tại quê nhà ở Vimercate, mở tờ báo hàng ngày ra đọc. Ông vô cùng sửng sốt khi thấy ở trang ba có một dòng tít:

Một tổn thất lớn đối với nền nghệ thuật Italia: họa sĩ Predonzani đã từ trần

Bên dưới là một mẫu tin nhỏ:

Vimercate đêm 21 tháng 2. Sau một cơn đau đột ngột, mặc dù được các bác sĩ tận tình cứu chữa nhưng không có kết quả, cách đây hai hôm họa sĩ Lucio Predonzani đã từ trần. Thể theo nguyện vọng của người quá cố, bản cáo phó này được đăng sau khi lễ an táng đã được cử hành.

Tiếp theo là một bài tường niệm dài gần một cột báo đầy những lời tán dương ký tên nhà phê bình nghệ thuật Giovanni Steffani. Thậm chí còn có một bức ảnh chụp nhà họa sĩ cách đây khoảng hai mươi năm.

Vô cùng kinh ngạc, Predonzani vội đọc lướt bài điệu văn, và mặc dù đọc lướt, ông vẫn nhanh chóng phát hiện ra một vài câu văn có ý châm chọc xen kẽ một cách khéo léo giữa những lời tán tụng.

- Matilde! Cô Matilde đâu rồi? - Predonzani gọi to khi đã định thần.

- Chuyện gì thế hả mình? - tiếng vợ ông ở phòng bên vọng sang.

- Vào đây, vào đây tôi bảo!

- Đợi em một chút, em đang dở tay là mấy cái áo.

- Cứ vào đây đã nào, trời đất ơi!

Giọng ông hoảng hốt đến nỗi Matilde vội vứt bỏ bàn là chạy sang phòng ông.

- Này cô xem đi! - ông họa sĩ rên rỉ đưa tờ báo cho vợ.

Chị đọc báo mặt tái dần, và với sự phi lý kỳ diệu của dân bà, chị bật khóc một cách tuyệt vọng.

- Ôi anh Lucio thân yêu, anh Lucio khốn khổ của em, cục vàng của em, - chị thổn thức trong tiếng nấc.

Cuối cùng thì cái cảnh này cũng làm cho ông chồng phát cáu.

- Này cô điên đấy à? Thế cô không thấy tôi đang ngồi sờ sờ ra đây ư? Cô không thấy là họ nhầm à?

Chị Matilde lập tức nín bật nhìn chồng, nét mặt trở lại tươi tỉnh, rồi đột nhiên, cũng thật dễ dàng như khi chị vừa khóc, chị không nhịn được cười.

- Ôi lạ chúa tôi, thật buồn cười, ôi thật là khôi hài... Tha lỗi cho em nhé, anh Lucio..., một tổn thất đối với nền nghệ thuật..., thế mà ở đây anh vẫn khỏe như vâm! - chị ôm bụng vừa nói vừa cười.

- Thôi đủ rồi! - ông họa sĩ bực mình quát lên. - Cô không hiểu gì à? Thật kinh khủng, kinh khủng! Được rồi, tôi sẽ cho gã chủ bút biết tay. Hắn sẽ phải trả giá đắt cho cái trò đùa này!

Thế rồi ông Predonzani vội vàng ra thành phố

và đến ngay tòa báo. Ông chủ bút nồng nhiệt đón tiếp ông:

- Ô thưa nhà họa sĩ bậc thầy, mời ngài ngồi. Ấy đừng, mời ngài ngồi sang đây. Xin mời ngài hút thuốc... Ôi cái bật lửa chết tiệt này... Gạt tàn đây... Nào bây giờ mời ngài cho biết lý do gì cho phép tôi được hân hạnh đón tiếp ngài như thế này?

Ông ta vờ vịt hay quả không biết gì về cái chuyện đang báo kia? Ông Predonzani cảm thấy lúng túng:

- Ờ... À... báo hôm nay... ở trang ba... có đăng tin là tôi đã chết...

- Đăng tin ngài chết ư? - Ông chủ bút cầm lấy một tờ báo đang để trên bàn rồi giở ra đọc. Ông ta có vẻ lúng túng giây lát, chỉ giây lát thôi, rồi bình tĩnh lại một cách tài tình.

- À vâng, vâng, có chuyện không ổn ở đây, phải không ạ? Một sự nhầm lẫn kỳ lạ.

Ông ta làm ra vẻ như một người bố trách mắng con mình trước mặt một người qua đường bị con mình trêu ghẹo.

Ông Predonzani nóng tiết.

- Nhầm lẫn cái gì? - ông gầm lên. - Ông giết tôi rồi đấy! Thật ghê tởm.

- Vâng, vâng, - ông chủ bút bình thản nói. - Có lẽ bài báo đã vượt quá dự định ban đầu... Nhưng mặt khác, tôi hy vọng là ông đã đánh giá đúng lòng tôn kính của bản báo đối với tác phẩm của ông...

- Tôn kính ư? Ông làm hại tôi thì có.

- Vâng, phải công nhận là có mấy điểm không chính xác...

- Tôi còn sống mà ông bảo tôi đã chết... Thế mà ông lại gọi đó là mấy điểm không chính xác! Ông làm tôi phát điên lên được! Ông phải đính chính lại ngay. Và tất nhiên tôi có quyền yêu cầu phải được bồi thường thiệt hại.

- Thiệt hại ư? Nhưng thưa ông bạn thân mến, - ông ta chuyển từ chữ “ngài” sang chữ “ông bạn” một cách trơn tru, đây là một dấu hiệu chẳng tốt lành gì. - Ông không thấy là ông đã gặp một điều cực kỳ may mắn à? Nếu là người khác thì người ta đã nhảy cẫng lên vì vui sướng đấy.

- May mắn cái gì?

- Là vì sau khi một nghệ sĩ qua đời thì lập tức tác phẩm của ông ta lên giá ngay. Thật vô tình, vâng thật vô tình là chúng tôi đã tạo cho ông một dịp may hiếm có.

- Thế tôi... tôi phải giả vờ chết thật à?... Tôi phải biến mất à?

- Hẳn rồi, nếu ông muốn lợi dụng dịp may có một không hai này... Trời đất ơi, chẳng lẽ ông lại bỏ lỡ dịp hay sao! Này nhé, ông thử nghĩ xem, người ta sẽ tổ chức cho ông một cuộc trưng bày tranh sau khi chết... Chính chúng tôi cũng sẽ cố gắng quảng cáo cho ông... Cái đó sẽ đem lại cho ông hàng triệu đồng, ông ạ, và không phải chỉ có thế thôi đâu.

- Thế còn tôi? Tôi sẽ không được lộ mặt nữa ư?

- Yên xem nào: ông có cậu em trai nào không?

- Có, nhưng để làm gì? Chú ấy hiện đang sống ở Nam Phi.

- Tuyệt! Anh ấy có giống ông không?

- Cũng khá giống. Chỉ có điều là chú ấy để râu.

- Hay lắm. ông cũng để râu đi. Và ông sẽ đóng giả em trai mình. Mọi việc sẽ đâu vào đấy cả... Ông hãy nghe tôi: tốt hơn hết là ông cứ để mặc mọi việc muốn ra sao thì ra... Sau này ông sẽ hiểu... Còn nếu ông muốn đính chính cái tin này thì... Thực tình tôi cũng không biết sau này ai sẽ được lợi... Xin lỗi ông nhé, nhưng tôi xin nói thật là có đính chính cũng vô ích. Người ta không ưa những người chết sống lại đâu... Ngay cả trong giới nghệ thuật cũng vậy, ông biết đấy, người ta đã tốn biết bao hương nến cho ông rồi mà bây giờ ông lại sống lại thì chỉ làm cho mọi người khó chịu mà thôi.

Ông Predonzani không thể nói là không đồng ý. Ông về quê, giam mình trong buồng kín để chờ cho râu mọc dài ra. Còn vợ ông thì mặc đồ tang. Bạn bè lần lượt đến chia buồn cùng vợ ông, đặc biệt là Oscar Pradelli, anh này cũng là họa sĩ và trước đây luôn là cái bóng của Predonzani. Tiếp đó là các khách hàng đến mua tranh: đó là những người buôn tranh, là các nhà sưu tầm tranh, những người đánh hơi thấy một món hời. Những bức tranh trước kia khó mà bán được 40, 50 nghìn đồng thì nay bán với giá 200 nghìn là thường. Trong khi đó tại một nơi kín đáo Predonzani tiếp tục vẽ hết bức tranh này đến bức tranh khác và dĩ nhiên là ông để lùi ngày tháng lại.

Sau một tháng, khi râu đã mọc khá tốt, ông Predonzani mới dám xuất hiện, tự giới thiệu là em trai của nhà họa sĩ quá cố và vừa ở Nam Phi trở về. Ông đeo kính và cố pha một giọng nói ngoại lai.

Tuy vậy thiên hạ vẫn bảo ông giống anh trai như hai giọt nước.

Sau những ngày cấm cố, giờ đây ông thả sức dạo chơi, và một lần vì tò mò ông đã vào thăm nghĩa địa. Tại khu nhà mồ của dòng họ ông, ông thấy một ông thợ khắc đang khắc tên ông cùng ngày sinh và ngày mất lên tấm bia đá lớn trước cửa nhà mồ.

Ông nói với người thợ khắc rằng ông là em trai của người quá cố. Ông lấy chìa khóa mở cánh cửa bằng đồng của nhà mồ rồi bước vào bên trong. Một loạt quan tài xếp chồng lên nhau, trong đó có một chiếc mới đóng, rất đẹp, trên nắp có gắn một tấm bảng bằng đồng thau với dòng chữ "Lucio Predonzani". Nắp quan tài được gắn bằng đinh vít. Với một nỗi lo âu mơ hồ, ông gõ gõ ngón tay vào một đầu quan tài. Tiếng gõ vang lên âm thanh của một chiếc quan tài rỗng. Ông yên trí tự nhủ: càng tốt.

Thật kỳ lạ, khi Oscar Pradelli càng năng lui tới nhà ông thì Matilde - vợ ông - xem ra lại càng như hồi xuân trở lại. Bộ đồ tang trông rất hợp với chị. Ông Predonzani theo dõi sự biến đổi của vợ mình với một thái độ bao dung pha lẫn nỗi lo âu. Một buổi tối ông chợt cảm thấy thèm khát vợ mình, điều mà đã mấy năm nay không còn xuất hiện ở ông nữa. Ông đang thêm khát chính người vợ góa của mình.

Về phần Pradelli, liệu lòng nhiệt tình của anh ta có tỏ ra không đúng lúc không? Nhưng khi Predonzani lưu ý Matilde về chuyện này thì chị ta giận giữ mắng ông:

- Anh đừng có nghĩ vớ vẩn! Tội nghiệp anh

Oscar. Anh ấy là người bạn chân chính duy nhất của anh. Anh ấy là người duy nhất thực lòng thương tiếc anh. Anh ấy đã làm hết sức mình để cho em bớt cô đơn, thế mà anh lại nghi ngờ anh ấy. Anh không biết xấu hổ à?

Trong lúc đó ở thành phố người ta tổ chức một cuộc triển lãm tranh của Predonzani, thật là một thành công lớn. Trừ các khoản chi phí đi, cuộc triển lãm đã thu được năm triệu rưỡi đồng. Sau đấy người ta nhanh chóng quên đi ông họa sĩ Predonzani cùng những bức tranh của ông, nhanh chóng một cách kỳ lạ. Tên ông càng ngày càng ít xuất hiện trên báo chí, và chẳng bao lâu người ta đã quên bằng ông.

Ông Predonzani ngạc nhiên đau đớn nhận thấy rằng thiếu ông thế giới vẫn không hề suy chuyển; thiếu ông mặt trời vẫn mọc đằng đông và lặn đằng tây như ngày nào; cũng như trước đây, sáng sáng các bà nội trợ vẫn rửa thảm ngoài trời, tàu hỏa vẫn chạy ngược chạy xuôi, thiên hạ vẫn ăn uống và giải trí như thường lệ và đêm đêm, trai gái vẫn đứng hôn nhau trong công viên thành phố.

Cho đến một hôm, sau khi đi lang thang ngoài đồng về, ông Predonzani nhận ra chiếc áo đi mưa của ông bạn quý hóa Oscar Pradelli của mình treo trước cửa. Ngôi nhà chìm trong cảnh im ắng đầy vẻ ấm cúng mời chào. Bên trong vọng ra những giọng nói thì thầm xen lẫn những tiếng rên rỉ ngọt ngào.

Ông Predonzani rón rén quay lui. Ông nhẹ nhàng

bước ra cổng rồi đi về phía nghĩa địa. Tối hôm đó trời mưa lâm thâm êm ả.

Bước tới trước cổng nhà mồ của giòng họ, ông đưa mắt nhìn quanh. Không một bóng người. Ông liền rút chìa khóa mở cánh cửa bằng đồng ra.

Trong khi bóng tối cứ lan dần, ông Predonzani thông thả dùng con dao nhíp vặn những chiếc đinh vít trên nắp chiếc quan tài mới nhất ra, đó là chiếc quan tài “của ông”: ông Lucio Predonzani.

Ông bình tĩnh mở nắp quan tài rồi nằm vào trong, lựa chiều cho đúng với tư thế của những người sẽ vĩnh viễn ngủ giấc ngủ ngàn thu. Ông cảm thấy dễ chịu hơn là ông vẫn tưởng.

Không một chút bối rối, ông thông thả kéo nắp quan tài dậy lại. Khi nắp quan tài sắp sửa đóng kín, ông dùng tay một chút để nghe ngóng xem có ai gọi mình không. Nhưng chẳng có ai gọi cả.

Thế là ông liền buông tay cho nắp quan tài bịt kín lại.

NGUYỄN VĂN DÂN dịch

ĐÊM YÊN TĨNH

Nàng thốt lên một tiếng thở dài trong giấc ngủ.

Ở đầu giường đằng kia chàng đang ngồi trên divăng đọc sách dưới ánh sáng của ngọn đèn ngủ được che bằng một chiếc chụp đèn hình nón. Chàng ngược mắt nhìn lên. Nàng khẽ rung mình, lắc đầu như thể muốn rũ bỏ cái gì đó, mở mắt ra rồi nhìn chằm chằm vào chàng trai với một vẻ sững sờ như thể mới nhìn thấy chàng lần đầu. Sau đó nàng hơi mỉm cười.

- Có chuyện gì thế, em yêu?

- Không có chuyện gì, không biết tại sao em lại có một cảm giác lo âu, sợ hãi.

- Em hơi mệt vì đi đường, chuyện ấy là bình thường, với lại người em hơi nóng, em đừng lo, sáng mai em sẽ thấy không sao cả.

Nàng im lặng vài giây, đôi mắt mở to vẫn nhìn chàng chằm chằm. Đối với họ là những người ở thành phố về đây, thì sự yên tĩnh của căn nhà quê cũ kỹ này là hoàn toàn quá sức tưởng tượng. Nó hoàn toàn là một khối im lìm khép kín có vẻ như đang chứa đựng bên trong một sự chờ đợi, như thể các bức tường, xà nhà, đồ đạc trong phòng, tất cả có vẻ như đang nín thở.

Sau đó nàng bình tĩnh hỏi:

- Anh Carlo, có cái gì ở ngoài vườn thế?

- Ngoài vườn ư?

- Carlo, em xin anh, vì đằng nào thì anh cũng đã đứng lên rồi, xin anh ngó ra ngoài một chút coi, bởi vì em có cảm giác như thế...

- Như thế có ai đó chẳng? Em nghĩ gì lạ thế! Ai có thể ở ngoài vườn vào lúc này? Kẻ trộm ư? - Rồi chàng bật cười. - Bọn trộm có những việc khác cần làm hơn là lảng vảng quanh những căn nhà tồi tàn như thế này.

- Em xin anh, Carlo, anh cứ ngó qua một chút xem.

Chàng đứng lên, mở cửa kính rồi cửa chớp, nhìn ra ngoài và tỏ vẻ ngạc nhiên. Buổi chiều vừa có bão lớn, vậy mà giờ đây, trong một không khí trong lành đến khó tin, mặt trăng tròn trịa đang rọi ánh sáng vàng vạc xuống khu vườn bất động, hoang vắng và tĩnh lặng, bởi vì cả những con dế và những con ếch cũng đang ngủ yên trong cảnh im lìm.

Đó là một mảnh vườn rất đơn sơ, trên đó có một bãi cỏ phẳng phiu với một lối đi rải sỏi trắng chạy vòng quanh và chia ra thành nhiều lối đi nhỏ, và chỉ có xung quanh vườn là được trồng những luống hoa tươi. Nhưng nó chính là khu vườn tuổi thơ của chàng, một phần đau đớn trong cuộc đời của chàng, một biểu tượng của những nỗi niềm hạnh phúc mất mát, và trong những đêm trăng, nó luôn có vẻ như muốn nói chuyện với chàng bằng những lời bóng gió say sưa và không thể hiểu nổi. Ở phía Đông, trong

cảnh sắp bóng tối tăm, hiện lên một hàng rào cây duyên xen lẫn những khoảng trống hình vòng cung, phía Nam có một đám cây táo nhỏ, phía Bắc có một lối bậc thang dẫn đến mảnh vườn rau cùng căn nhà kho thờ mộng chứa thóc lúa, phía Tây là căn nhà ở. Tất cả đang yên nghỉ trong cảnh gọi cảm và tuyệt vời mô tả thiên nhiên ngủ say dưới ánh trăng mà không ai có thể giải thích được. Mặc dù vậy, như mọi lần, quang cảnh đó gây cho chàng một nỗi vò xé sâu xa như đứng trước một vẻ đẹp ý vị mà tất nhiên chàng có thể thưởng ngoạn nhưng không bao giờ có thể chiếm hữu được nó.

- Carlo, - Maria vẫn nằm trên giường lo lắng cất tiếng gọi, vì nàng thấy chàng đứng nhìn bất động bên cửa sổ. - Có ai thế?

Chàng đóng cửa kính để mặc cửa chớp vẫn mở rồi quay trở vào.

- Không có ai cả, em yêu. Chỉ có ánh trăng vàng vạc. Chưa bao giờ anh thấy một sự yên tĩnh đến như vậy. - Chàng cầm lấy sách rồi lại ngồi xuống divăng.

Lúc này là mười một giờ mười phút.

Đúng lúc đó, ở đầu vườn phía Đông Nam, trong bóng tối của hàng cây duyên, một chiếc nắp hang ẩn trong đám cỏ từ từ hé mở để lộ ra lối vào của một chiếc hang sâu mất hút dưới lòng đất. Bỗng chốc có một hình hài thô đậm đen đúa chui ra khỏi hang rồi lao nhanh ra ngoài theo đường zích zắc.

Trên thân cây có một con châu chấu nhỏ đang nghỉ ngơi trong trạng thái no nê khoan khoái, chiếc bụng xanh của nó phập phồng theo nhịp thở. Những

chiếc móng vuốt của một con nhện đất hung dữ cắm sâu vào ngực con châu chấu rồi cấu xé con vật. Cái thân thể bé nhỏ của con châu chấu giãy giụa làm cho những chiếc chân sau dài ngoẵng của nó rung lên, nhưng chỉ rung được một lần. Những chiếc gọng kìm khổng khiếp bắt đầu bứt gãy chiếc đầu của nó và bây giờ chúng sục sâu vào trong bụng. Từ những vết rách trào ra dòng dịch vị và kẻ sát nhân bắt đầu vục mồm vào uống một cách say sưa.

Vì quá say sưa với bữa chén, con nhện không kịp thời nhận ra được một con vật đen đúa khổng lồ đang tiến đến gần từ phía sau. Bốp! Vẫn nắm giữ con châu chấu trong chân, con nhện cùng với nạn nhân của nó mất hút vĩnh viễn vào trong họng của một con cóc.

Nhưng toàn bộ khu vườn vẫn chìm trong cảnh bình yên và thơ mộng linh thiêng.

Một mũi tiêm độc cắm sâu vào bắp chân mềm của một con sên đang di chuyển chậm chạp về phía vườn rau. Nó còn bò thêm được hai centimet nữa với đầu óc quay cuồng, để rồi nó nhận ra rằng cái chân không còn nghe theo nó nữa và rằng thế là nó đi đứt rồi. Mặc dù nó đang dần dần ngất lịm, nhưng nó vẫn cảm thấy hai hàm răng của con sâu đang cắn xé thịt da nó để khoét sâu cái thân thể béo mập và mềm mại đáng tự hào của nó.

Trong cơn hấp hối nhục nhã cuối cùng, nó vẫn còn kịp nhận ra, với một cảm giác thỏa mãn còn sót lại, rằng cái con sâu vừa tấn công nó đã bị một con nhện khổng lồ bóp chết và xé xác trong nháy mắt.

Xa xa ở đằng kia đang diễn ra một thiên diễm

tình thơ mộng. Với chiếc đèn nhấp nháy bật hết cỡ, một con đom đóm đục bay lượn xung quanh đốm sáng bất động của một nàng đom đóm vô cùng hấp dẫn đang nhàn rỗi đậu trên một chiếc lá. “Đồng ý hay không?” “Đồng ý hay không?” Nó tiến đến gần cô ả, thử vuốt ve ả và được ả cho phép. Dục vọng ái tình đã làm cho nó quên mất rằng một bãi cỏ dưới ánh trăng có thể trở thành một địa ngục như thế nào. Đúng lúc nó đang ôm ấp cô ả đom đóm thì một con bọ da màu vàng lao tới xé tan nát bụng nó. Chiếc đèn nhỏ xíu của nó vẫn không ngừng nhấp nháy như đang hỏi “đồng ý hay không”, trong khi tên kẻ cướp đã nuốt được nửa người của nó.

Trong khi ấy ở cách đó không quá nửa mét đang diễn ra một sự hỗn loạn dã man. Nhưng nó chỉ diễn ra trong giây lát. Một vật gì đó có kích thước khổng lồ đáp xuống nhẹ nhàng từ trên cao như một tia chớp. Con cóc ban nãy cảm thấy trên lưng mình có một sự quằn quại chết người, nó định ngoái lại nhìn. Nhưng nó đã bị nhấc bổng lên không trong móng vuốt của một con cú già.

Nhưng nếu anh ngấm nhìn khu vườn thì sẽ chẳng thấy gì cả. Toàn bộ khu vườn vẫn chìm trong cảnh thơ mộng và yên bình linh thiêng.

Cái buổi hội chợ của tử thần đó đã được bắt đầu từ chiều tối. Giờ đây nó đang diễn ra ở mức quyết liệt nhất. Và nó sẽ tiếp tục cho đến sớm mai. Khắp khu vườn chỗ nào cũng có cảnh tàn sát, giết chóc, hành hình. Những con dao mổ cắm vào não, những chiếc móc phật đứt chân, móc vẩy và thọc sâu vào phủ

tạng, những chiếc răng cắn xé, những chiếc ngòi tiêm nọc độc và chất gây mê, những sợi dây bắt trói, những chất dịch ăn mòn có khả năng làm hóa lỏng cả những kẻ nô lệ còn sống. Từ những cư dân bé nhỏ nhất làm tổ trong đám rêu phong, như những con giun tí xíu, những con vật thân khóp..., đến những con sâu, con nhện, bọ da, đến những loài động vật nhiều chân, và cứ thế lên đến những loài động vật cấp cao hơn như thằn lằn, bọ cạp, cóc nhái, chuột chũi, chim cú, một đội quân đông đúc những kẻ sát nhân đang triển khai tàn sát, chém giết, hành hạ, mổ bụng, cắn xé nhau. Như thế trong một thành phố lớn đêm đêm có hàng vạn tên sát nhân khát máu và được vũ trang đến tận răng chui ra khỏi hang ổ lén vào nhà người ta mà cắt cổ người ta trong lúc người ta đang ngủ.

Bất chợt ở dưới vườn anh chàng ca sĩ dễ mền bỗng nín bật vì bị một con chuột chũi phang một cú chết người vào đầu. Nằm cạnh bụi cây là chiếc đèn đã tắt của một con dóm dóm bị một con bọ da cắn nát. Giọng hát của con ếch biến thành tiếng nấc nghẹn trong miệng một con rắn nước. Và con bướm nhỏ thì không còn có dịp được quay trở lại va đập vào cửa kính sáng đèn vì nó đang phải dẫy dụa trong dạ dày của con dơi. Nỗi khủng khiếp, kinh hoàng cùng với sự hủy diệt, hấp hối và chết chóc dành cho hàng nghìn sinh mạng của Thượng Đế chính là cái được coi là giấc ngủ đêm của một khu vườn rộng ba mươi trên hai mươi mét. Và sự việc như vậy cũng đang diễn ra trên những cánh đồng ở quanh đây, nó cũng diễn ra ở cả bên kia dãy núi đang phản chiếu lấp loáng ánh trắng với vẻ

nhọt nhọt và huyền bí. Và trên khắp bề mặt trái đất chỗ nào cũng giống như vậy ngay khi đêm xuống: cảnh hủy diệt, triệt hạ, giết chóc. Và khi đêm tối tan đi rồi mặt trời xuất hiện, thì một sự phá phách đâm máu khác lại bắt đầu, với những tên sát nhân khác, nhưng vẫn với một sự tàn bạo như nhau. Sự việc đã tồn tại như vậy kể từ khi thế giới hình thành và mãi mãi sẽ vẫn như vậy cho đến ngày tận thế.

Maria trần trọc trên giường thốt ra những câu nói rời rạc vô nghĩa. Sau đó nàng lại mở đôi mắt to hoảng hốt:

- Anh Carlo, giá mà anh biết em đã mơ một giấc mơ khủng khiếp như thế nào, em mơ là ở ngoài kia có ai đó đang bị giết.

- Thôi nào, cố mà bình tâm lại đi, em yêu, anh cũng sẽ đi ngủ bây giờ đây.

- Carlo, xin anh đừng giận, nhưng em vẫn có cái cảm giác kỳ lạ ấy, rằng ở ngoài vườn đang xảy ra một điều gì đó.

- Liệu đầu óc em định nghĩ về cái gì vậy?

- Anh đừng từ chối em, anh Carlo ạ, vì quả thực là em rất muốn anh ngó ra ngoài một chút.

Chàng lắc đầu mỉm cười, đứng dậy mở cửa kính nhìn ra ngoài.

Thế giới đang yên nghỉ trong một sự tĩnh lặng vô hạn tràn ngập ánh trắng. Vẫn cái cảm giác mê hoặc ấy, vẫn một nỗi bất an bí hiểm ấy.

- Ngủ yên đi em, chẳng có ma nào cả, chưa bao giờ anh được chứng kiến một cảnh yên bình như thế này.

NHỮNG Ụ ĐẤT TRONG VƯỜN

Khi đêm xuống tôi thích đi dạo trong vườn. Xin các bạn đừng cho rằng tôi là người giàu có! Một mảnh vườn như của tôi thì các bạn cũng có. Rồi sau nữa các bạn sẽ hiểu rõ tại sao.

Trong đêm tối, nhưng không phải là hoàn toàn tối mịt bởi vì từ cửa sổ sáng đèn của căn nhà hắt ra một ánh sáng phản chiếu mờ nhạt, trong đêm tối tôi bước đi trên bãi cỏ, để giày hơi ngập trong vật cỏ, và trong lúc đó tôi suy nghĩ, và vừa suy nghĩ tôi vừa ngược mắt nhìn trời nếu như trời trong sáng, và nếu bầu trời có sao thì tôi vừa ngắm nhìn chúng vừa tự hỏi về biết bao sự việc. Tuy nhiên có một số đêm tôi không tự đặt ra cho mình câu hỏi, vì những ngôi sao ở trên cao kia tỏ ra thật ngốc nghếch nên chúng chẳng nói được cho tôi biết điều gì.

Lúc tôi còn trẻ, trong một buổi đi dạo thông thường, tôi vấp phải một vật chướng ngại gì đó. Vì trời tối không nhìn thấy gì nên tôi bật một que diêm. Trên bề mặt phẳng phiu của bãi cỏ có một mớ đất, và điều này tỏ ra thật kỳ lạ. Tôi nghĩ là có thể người làm vườn đã làm một công việc gì đó, sáng mai tôi sẽ hỏi ông ta về việc này.

Ngày hôm sau tôi gọi người làm vườn, tên ông ta là Giacomo. Tôi bảo ông ta:

- Ông đã làm gì trên bãi cỏ trong vườn thế, nó giống như một ụ đất ấy, tối hôm qua tôi đã vấp phải nó và sáng nay trời vừa sáng là tôi đã ra xem nó ngay. Đó là một ụ đất thấp hình ôvan, trông giống như một nấm mồ. Ông hãy nói cho tôi biết thế nghĩa là thế nào?

- Thưa ông chủ, - người làm vườn nói, - không chỉ là nó giống, mà nó đúng là một nấm mồ. Bởi vì hôm qua, thưa ông, một người bạn của ông đã chết.

Đúng như thế. Người bạn quý của tôi là Sandro Bartoli, hai mươi một tuổi, đã bị võ đầu chết trên núi.

- Và ông muốn nói là bạn tôi đã được chôn cất ở đây ư?

- Không ạ, bạn của ông, ông Bartoli (ông ta gọi như vậy vì ông ta thuộc thế hệ cũ và vì thế mà ông ta vẫn giữ được thái độ kính trọng) đã được chôn ở chân núi, nơi mà ông cũng biết. Nhưng ở mảnh vườn này ụ đất tự nhô lên, bởi vì đây là vườn của ông, thưa ông, và tất cả những gì xảy ra trong cuộc đời ông sẽ đều có dấu vết để lại ở đây.

- Thôi đi, thôi đi, đó là chuyện mê tín nhảm nhí, - tôi bảo ông ta, - ông hãy san bằng cái ụ đất này đi.

- Không được, thưa ông, ngay cả một nghìn người làm vườn như tôi cũng không thể san phẳng được ụ đất này.

Sau đó người làm vườn chẳng làm gì cả và ụ đất vẫn còn nguyên chỗ cũ, và tối tối tôi vẫn đi dạo trong vườn và thỉnh thoảng tôi vẫn vấp phải ụ đất, nhưng chỉ thỉnh thoảng thôi, bởi vì mảnh vườn của tôi cũng tương đối rộng, còn ụ đất chỉ rộng bảy mươi centimét, dài một mét chín mươi, bên trên có cỏ mọc, và chiều cao của nó so với mặt bằng của bãi cỏ chỉ vào khoảng hai mươi lăm centimét. Tất nhiên cứ mỗi lần vấp chân phải ụ đất là tôi lại nghĩ đến người bạn quý đã mất của tôi. Nhưng sự việc có thể xảy ra ngược lại. Tức là tôi muốn nói rằng có thể là tôi vấp phải ụ đất bởi vì đúng lúc đó tôi đang nghĩ đến bạn tôi. Nhưng việc này thật khó xác định.

Đã hai hoặc ba tháng trôi qua mà trong khi đi dạo buổi tối tôi vẫn không vấp phải cái ụ đất nhỏ kia. Và khi nào lại nhớ đến bạn tôi thì tôi dừng chân trong cảnh ban đêm yên tĩnh rồi cất tiếng hỏi to:

- Cậu ngủ à?

Nhưng bạn tôi không trả lời.

Quả thực là anh đang ngủ, nhưng ở xa, dưới những phiến đá sắc cạnh, trong một nghĩa địa trên núi, và với năm tháng, không ai còn nhớ tới anh nữa, không ai còn đem hoa đến viếng mộ anh.

Nhiều năm cứ thế trôi qua, thế rồi cho đến một hôm, trong lúc đi dạo ban đêm, tôi lại vấp phải một ụ đất mới nằm ở góc đối diện của khu vườn.

Chỉ còn thiếu chút nữa là tôi bị ngã. Lúc ấy đã quá nửa đêm, mọi người đã đi ngủ cả, nhưng con

giận đã làm tôi quát um lên: Giacomo, Giacomo, với ý định là để đánh thức ông ta dậy. Thế là ở một cửa sổ xuất hiện ánh đèn và Giacomo hiện ra bên khung cửa.

- Cái ụ đất này là cái quái gì? - tôi quát lên. - Ông vừa đào một cái hố nào phải không?

- Không, thưa ông chủ. Đó chỉ là vì một người bạn tốt của ông đã qua đời. Tên ông ấy là Cornali.

Rồi sau một thời gian tôi lại vấp phải một ụ đất thứ ba, và mặc dù đêm đã khuya nhưng lần này tôi vẫn gọi ông Giacomo dậy. Bây giờ tôi biết rõ cái ụ đất này có ý nghĩa gì rồi, nhưng ngày hôm đó tôi không nhận được tin dữ nào cả, thế cho nên tôi đang nóng lòng muốn biết, nhưng Giacomo rất nhẫn nại xuất hiện bên cửa sổ:

- Ai đây? - tôi hỏi. - Có người nào chết chẳng?

- Vâng, thưa ông, - ông ta đáp. - Ông ấy tên là Giuseppe Patanè.

Sau đó một vài năm trôi qua tương đối yên tĩnh, nhưng đến một lúc các ụ đất lại bắt đầu thi nhau mọc lên trên bãi cỏ của khu vườn. Có một số là những ụ đất nhỏ, nhưng có một số lại rất to đến nỗi không thể bước qua được mà phải leo qua như leo qua một quả đồi. Trong số này có hai ụ đất rất to nằm cách nhau không xa, và tôi không cần phải hỏi Giacomo điều gì đã xảy ra. Dưới hai ụ đất mọc cao như hai con bò rừng ấy là những mảnh đời quý giá của tôi đã bị tước đi một cách tàn nhẫn.

Và thế là cứ mỗi khi đi dạo trong bóng tối gặp hai ụ đất khủng khiếp đó là tâm hồn tôi lại bị xáo

động bởi nhiều sự việc đau lòng làm cho tôi phải đứng chôn chân tại chỗ như một đứa trẻ hoảng sợ và cất tiếng gọi tên những người bạn của tôi. Tôi gọi Cornali, Patanè, Rebizzi, Longanesi, Mauri, tôi gọi tên những người đã cùng trưởng thành với tôi, cùng làm việc với tôi hàng mấy năm trời. Sau đó tôi còn cất tiếng gọi to hơn: Negro! Vergani! Như thể tôi đang cầu cứu. Nhưng chẳng có ai đáp lời tôi.

Thế là dần dần khu vườn của tôi, một thời bằng phẳng và dễ chịu dành cho việc đi dạo, nay biến thành một bãi chiến trường, cỏ vẫn còn, nhưng bãi cỏ mấp mô làm thành một mê cung đầy rẫy những ụ đất, những mô đất to nhỏ khác nhau, và mỗi cái tương ứng với một cái tên, mỗi cái tên tương ứng với một người bạn, mỗi một người bạn tương ứng với một ngôi mộ xa xôi và với một nỗi trống rỗng trong tâm hồn tôi.

Mùa hè năm đó xuất hiện một mô đất cao đến nỗi khi tôi đứng gần nó thì hình bóng sừng sững của nó che lấp cả những ngôi sao, nó to như một con voi, như một chiếc xe, và thật khủng khiếp nếu phải trèo lên đỉnh mô đất đó, chỉ còn cách đi vòng sang bên mà tránh nó.

Trong ngày hôm ấy tôi không nhận được một tin dữ nào cả, thế cho nên sự xuất hiện của mô đất mới làm cho tôi vô cùng kinh ngạc. Nhưng lần này tôi cũng lập tức được biết rằng: đó là người bạn thân nhất trong thời trai trẻ của tôi đã mất, xưa kia chúng tôi đã thổ lộ cùng nhau mọi chuyện, đã

cùng nhau khám phá thế giới, khám phá cuộc sống cùng những sự việc tốt đẹp nhất, cùng nhau khám phá vẻ đẹp nên thơ của những bức tranh, khám phá tiếng nói âm nhạc của núi đồi, và thật logic là để có thể thấu tóm hết những kỷ niệm vô hạn này, cho dù chỉ là dưới dạng tóm tắt và cô đọng chặt chẽ, thì nắm mồi của anh cũng phải tương đương với một quả núi nhỏ.

Lúc đó tôi đã làm một cử chỉ nổi loạn. Không, không thể như thế được, - tôi hoảng hốt tự nhủ. Và một lần nữa tôi lại gọi tên những người bạn của tôi. Cornali, Patanè, Rebizzi, Longanesi, rồi Mauri, Negro, Vergani, Segala, Orlandi, Chiarelli, Brambilla. Đúng lúc đó tôi nghe thấy một thứ giống như một hơi thở trong đêm đáp lại tiếng gọi của tôi, tôi có thể cam đoan là nó giống như một giọng nói đáp lại nhưng có vẻ như nó vọng đến từ một thế giới khác, song cũng có thể chỉ là tiếng của một con chim ăn đêm, bởi vì chim ăn đêm rất thích khu vườn của tôi.

Giờ đây xin các bạn đừng bảo tôi rằng tại sao tôi lại nói đến những chuyện buồn bã rợn người như vậy, rằng bản thân cuộc đời như thế này đã đủ ngăn ngủi và nặng nề rồi, rằng buồn rầu vì chuyện đó chỉ là một sự điên rồ; rằng nói cho cùng thì những chuyện buồn rầu như thế không liên quan gì đến các bạn mà chỉ là của tôi thôi. Không, tôi sẽ bảo rằng thật đáng tiếc là chúng cũng liên quan đến cả các bạn, tôi biết là giá như chúng không liên quan đến các bạn thì thật là hay. Bởi vì câu chuyện về những ụ đất trên bãi cỏ như thế này xảy

ra với tất cả chúng ta, bởi vì tôi cho rằng nói cho cùng thì mỗi chúng ta đều có một khu vườn để trong đó có thể diễn ra những hiện tượng đau lòng ấy. Đây là một câu chuyện có từ thời xa xưa đã được lặp đi lặp lại qua bao thế kỷ, và nó sẽ còn lặp lại với các bạn. Đây không phải là một trò đùa văn học dễ dãi, trên thực tế sự việc đúng là như vậy.

Tất nhiên tôi sẽ còn tự hỏi liệu đến một ngày nào đó trong một khu vườn nhà ai có xuất hiện một ụ đất liên quan đến tôi không, ít nhất là một ụ đất nhỏ thuộc hạng hai hoặc hạng ba, thậm chí chỉ là một nếp gấp gợn lên trên bãi cỏ mà vào ban ngày, khi mặt trời lên cao ta cũng khó có thể phân biệt được nó. Dù sao, vẫn có một người trên thế giới này, ít nhất là một người, sẽ bị vấp phải ụ đất đó.

Cũng có thể là, do tính cách đáng nguyên rủa của tôi, tôi sẽ chết như một con chó trong một xó xỉnh hành lang cũ kỹ và quạnh hiu. Nhưng dù sao thì vào cái buổi tối khi tôi lìa đời ấy, vẫn có ai đó sẽ vấp phải ụ đất nhỏ mọc lên trong vườn và sẽ còn vấp tiếp vào đêm hôm sau, và cứ mỗi lần như thế, xin các bạn cho phép tôi được hy vọng, người ấy sẽ tỏ chút lòng thương tiếc khi nghĩ đến một kẻ vô danh nào đó có cái tên là Dino Buzzati.

NGUYỄN VĂN DÂN dịch

THỬ THÁCH CHO NGƯỜI TÙ

Tại nhà tù lớn nằm ở ven biên thành phố giành cho tù khổ sai, có một nguyên tắc, mỗi tông có vẻ nhân đạo, nhưng thật ra còn hơn là tàn nhẫn.

Đối với những kẻ bị án chung thân như chúng tôi, người ta cho phép tự giới thiệu một lần trước công chúng và nói với cử tọa trong nửa tiếng đồng hồ. Tù nhân được đưa ra khỏi xà lim, rồi dẫn đến một ban công của kiến ốc phía ngoài, chỗ của Ban giám đốc và văn phòng. Trước mặt hẳn là công trường Trinité rộng lớn, nơi dân chúng tụ họp để lắng nghe. Nếu vào cuối buổi diễn thuyết đám đông hoan hô thì tù nhân được trả tự do.

Việc ấy có vẻ như một sự khoan dung đặc biệt nhưng chẳng phải vậy. Trước hết, cơ hội lên tiếng trước công chúng chỉ có một lần duy nhất trong đời. Thứ hai là nếu đám đông nói "không" - như thường xảy ra - thì việc kết án giống như được nhân dân đồng tình, và càng đè nặng lên tâm trí tù nhân, khiến những ngày còn lại trong tù trở nên u ám và cay đắng hơn nữa.

Với lại còn một vấn đề khác khiến hy vọng ấy thành khổ tâm. Thực tế là người tù không biết lúc nào người ta cho phép hẳn ra nói chuyện trước công

chúng. Quyết định ấy nằm trong tay ông giám đốc ngục thất. Có thể là tù nhân được dẫn lên ban công chỉ nửa giờ sau khi hán đến nhà tù. Nhưng cũng có thể người ta bắt hán đợi trong nhiều năm. Kẻ bị xử án tù chung thân hồi còn trẻ được dẫn lên ban công khi trở thành một cụ già lụ khụ và hầu như nói không ra tiếng. Vì vậy người ta không thể chuẩn bị cho một cuộc thi khó khăn như vậy với sự bình tĩnh cần thiết. Mà bàn chuyện ấy với bạn tù trong những giờ đi dạo ngắn ngủi hằng ngày cũng chẳng ích chi. Thông thường mỗi người nuôi ảo tưởng đã khám phá được bí quyết - lập luận hấp dẫn nhằm mở được trái tim khô khan của công chúng. Và hán sợ tiết lộ cho kẻ khác thì người ta có thể sử dụng trước hán.

Kinh nghiệm của những kẻ từng diễn thuyết không thành công có thể là một yếu tố có ích để biết phải giải quyết cách nào. Ít ra người ta có thể tránh các phương thức mà họ đã dùng. Nhưng đám "thi rớt" không chịu nói. Chúng tôi năn nỉ họ kể lại những gì họ đã nói, công chúng phản ứng ra sao, nhưng vô ích. Họ mỉm cười mỉa mai và chẳng hở môi. Dường như họ nghĩ: "Tao phải ở suốt đời trong tù thì tội bây cũng vậy; tao chẳng muốn giúp tội bây chút nào".

Tuy nhiên dù có sự bí mật, chúng tôi cũng biết được vài chuyện nhỏ, nhưng chẳng ích lợi gì mấy. Chẳng hạn trong các diễn văn trước công chúng, tù nhân luôn luôn dùng hai lập luận: họ vô tội và gia đình họ tuyệt vọng - điều hiển nhiên. Nhưng họ đã phát triển đề tài ấy cách nào? Dùng hình

thức nào? Có xin xỏ, khóc lóc không? Chẳng ai biết được.

Nhưng viễn cảnh đáng chán nhất là đám đồng hương của chúng tôi. Khi nghe thông báo có tên tù sắp nói chuyện trên ban công, họ chạy đến công trường không phải với ý nghĩ của kẻ sẽ biểu lộ một phán đoán nghiêm trọng liên quan đến cuộc đời một người, mà duy nhất là để vui đùa, giống như họ đi đến một cuộc lễ. Mà đừng tưởng công chúng ấy chỉ gồm duy nhất hạng người hạ tiện; cũng có nhiều người có đạo đức, những công chức, những người hành nghề tự do, những người thợ có gia đình đi theo. Thái độ của họ là không có lòng trắc ẩn và thương hại, kể cả tỏ ra hiểu biết. Họ cũng ở đó để giải trí. Còn chúng tôi, với bộ quần áo sọc và đầu bị cạo gần trọc, chúng tôi là thứ có vẻ buồn cười và dẽ tiện nhất. Kẻ khốn khổ xuất hiện nơi ban công không tìm thấy trước mặt hẳn - giống như chúng ta nghĩ - một sự im lặng cung kính và rụt rè, mà là các tiếng húyt sáo, các chế giễu tục tĩu, các tiếng cười lớn. Vậy thì một kẻ đang mủi lòng và run sợ, có thể làm được gì trước một công chúng như vậy? Đó là một việc làm tuyệt vọng. Thật ra, người ta có thể, theo kiểu truyền thuyết, rằng trong quá khứ có những tù nhân từng vượt qua thử thách. Nhưng đó chỉ là tiếng đồn. Điều chắc chắn là từ chín năm nay, nghĩa là từ ngày tôi bị giam, chẳng ai thành công được tại đây. Cứ khoảng mỗi tháng một lần, từ ngày ấy, một trong số chúng tôi được dẫn lên ban công để nói. Nhưng sau đó tất cả

đều trở về xà lim của họ. Đám đông đã húyt sáo họ một cách tàn nhẫn.

*

Mấy người cai tù vừa báo cho biết là đến phiên tôi. Lúc ấy là hai giờ chiều. Trong hai tiếng nữa, tôi phải ra trình diện trước đám đông. Nhưng tôi không sợ. Tôi đã biết, từng tiếng một, những gì cần phải nói. Tôi cho rằng đã tìm được câu trả lời cho câu đố kinh khủng ấy. Tôi đã suy nghĩ lâu dài: suốt trong chín năm, đâu phải ít... Tôi không có ảo tưởng nào về công chúng, chẳng thuận lợi gì hơn đám đã lắng nghe mấy bạn tù khốn khổ của tôi.

Người ta mở cửa xà lim, người ta dẫn tôi đi qua trợn nhà tù, leo lên hai tầng lầu, bước vào một phòng rộng lớn, rồi ra ban công. Người ta đóng cửa sau lưng tôi. Tôi đứng một mình trước đám đông.

Tôi mở mắt ra không nổi vì ánh sáng quá chói. Với lại tôi thấy các "phán quan tối cao" bên dưới. Có ít nhất ba ngàn người nhìn tôi chằm chằm.

Và rồi một tiếng húyt sáo dài thô tục khởi động một tràng khác. Gương mặt trắng bệch và hốc hác của tôi tạo nên vui thích không thể tả - như các tiếng cười, khiêu khích, nhạo báng cho thấy. "Nè công tử. Coi chừng, người vô tội sắp lên tiếng. Ít ra cũng làm cho tụi tao cười chớ. Kể chuyện đi. Mà còn mẹ già chờ đợi, đúng không? Còn mấy đứa con, có thích gặp lại chúng không?".

Hai tay đặt lên lan can, tôi đứng với vẻ điềm nhiên. Tôi trông thấy ngay phía dưới ban công một cô gái mà theo tôi rất đẹp. Cô ta dùng tay vạch cổ áo ra để tôi thấy rõ bên trong. "Sao, anh chàng đẹp trai, anh có ưng ý không? Ngon lành chớ hả?" Rồi cô ta cười khẩy.

Nhưng tôi thì đã có kế hoạch trong đầu, kế hoạch duy nhất có thể cứu được tôi. Tôi không để mình bối rối, nao núng. Tôi không yêu cầu họ im lặng, mà cũng không động dậy. Và tôi nhận thấy với sự nhẹ nhõm rằng thái độ của tôi làm họ ngạc nhiên. Tất nhiên là các bạn tù từng ra đứng nơi ban công trước tôi đã tuân theo một chiến thuật khác, bằng cách phản ứng, nói lớn, van xin người ta nghe họ, và như vậy đã đánh mất cơ may của họ.

Thấy tôi đứng im và câm như bức tượng, tiếng ồn lần này lắng xuống. Vẫn còn vài tiếng húyt sáo lẻ tẻ đây đó, rồi im lặng.

Tôi cố nín lặng.

Cuối cùng, có tiếng nói hầu như lịch sự và thành thật vang lên.

"Coi, nói đi, nói đi nào. Chúng tôi nghe đây".

Cuối cùng, tôi quyết định nói:

"Tại sao tôi phải nói với quý vị? Tôi đến đây là bởi đến phiên tôi. Chỉ duy nhất vì lý do đó. Tôi không có ý định làm động lòng quý vị. Tôi không phải là kẻ vô tội. Tôi chẳng ham gặp lại gia đình mình chút nào. Tôi không muốn ra khỏi đây. Tôi sống sung sướng trong nhà tù này.

Có tiếng xì xào nhỏ nhỏ. Rồi tiếng người thốt lên, khẽ loi:

"Thôi, đừng kể chuyện tâm phào".

"Tôi sung sướng hơn quý vị, tôi nói. Tôi không thể tiết lộ với quý vị bằng cách nào, nhưng khi muốn, tôi có thể dùng một đường hầm bí mật chẳng ai biết và từ xà lim tôi có thể đến khu vườn một ngôi nhà đẹp. Tôi cũng không tiết lộ cho quý vị là ngôi nhà nào, bởi có vô số xung quanh đây. Tại đó, người ta biết tôi, và rất yêu thương tôi. Với lại ở đó cũng có...".

Tôi dừng lại trong chốc lát và nhìn xuống đám đông. Mọi người chung hừng và thất vọng, giống như thấy con mồi sắp vượt khỏi tầm tay họ.

"Cũng có một phụ nữ tuyệt vời yêu tôi", - tôi tiếp.

"Vây đủ rồi, đủ rồi", có ai đó kêu lên, điên tiết. Có lẽ anh ta đau đớn khi biết rằng tôi sung sướng.

"Xin bà con để cho tôi yên, tôi la lên. Xin thương hại tôi. Đừng kéo tôi ra khỏi đây. Làm ơn hús sáo, hús sáo đi".

Thiên hạ như rung động, tôi cảm thấy rõ ràng có ngọn gió thù hận thổi đến mình. Chỉ ý nghĩ đơn giản là tôi nói thật, tôi hài lòng về nơi đang sống, cũng khiến họ phiền não. Nhưng họ còn do dự.

Tôi nghiêng mình lên lan can, gào lên bằng giọng bi thảm:

"Đừng nói không với tôi, quý vị là những kẻ có lòng. Có tổn kém gì cho quý vị đâu? quý ngài hãy hús sáo cho kẻ tù tội đang sung sướng này".

Một giọng nói cay nghiệt vang lên:

"Đâu được. Đâu có dễ như vậy!"

Kế đó có một tiếng vỗ tay, một tiếng nữa, mười tiếng, trăm tiếng... Tiếng vỗ tay vang lên, càng lúc càng lớn.

Tôi đã thắng chúng, bọn khốn nạn ấy. Sau lưng tôi, người ta mở cửa.

"Đi đi", người ta nói. "Mày được tự do".

CHU MINH THỤY *dịch*

PHU NHÂN BÁ TUỐC MỘC CẢNH

Một đêm, bá tước Giorgio Venanzi, ba mươi chín tuổi, điển chủ, trong đêm tối đang vuốt ve lưng bà bá tước Lucina kém ông gần hai mươi tuổi, bỗng dừng ông thấy ở bả vai của bà có một cái gì như vẩy mỏng. Để ngón tay lên điểm ấy, ông hỏi: "Em thân yêu, cái gì thế hở em?"

- Em không biết. Em không cảm thấy gì cả.

- Vậy mà có cái gì đấy. Như một cái nhọt nhưng không phải cái nhọt. Một cái gì bé, cứng cứng.

- Em nhắc một lần nữa: em không cảm thấy gì hết.

- Anh xin lỗi, Lucina, nhưng bật đèn lên, anh muốn nhìn xem, chiều anh đi...

Sáng đèn, người vợ xinh đẹp ngồi trên giường lưng quay vào đèn. Và thế là bá tước xem xét chỗ nghi ngờ.

Người ta cũng không hiểu đó là cái gì, nhưng mà có sự bất thường ở trên da, mà làn da của nàng Lucina lại cực kỳ mềm mại và hoàn toàn nhẵn.

Sau một lúc, bá tước nói: "Em có biết không, thật lạ lùng, lý thú".

- Thế nào?

- Đợi một chút, anh đi tìm kính lúp.

Giorgio Venanzi tính rất tỉ mỉ và ngăn nắp đến khó chịu. Ông vào phòng làm việc tìm ngay được vật cần thiết, tìm được cả hai cái, một bình thường

đường kính ít nhất cũng 10cm và cái bé hơn nhưng lại rất tác dụng mà người ta thường gọi là kính lúp đếm sợi. Trong tay có hai cái lúp, bá tước bắt đầu kiểm nghiệm, khi ấy Lucina ngồi gập người kiên nhẫn chờ đợi.

Bá tước im lặng, lúc sau ông nói: "Không, không phải là cái nhọt".

- Thế là cái gì hở anh?

- Như là lông tơ ấy em ạ.

- Một nốt ruồi xinh đẹp ư?

- Không, lại không có tí lông nào, duy chỉ có những sợi lông tơ mịn màng.

- Anh Giorgio ơi, em buồn ngủ lắm. Chúng ta sẽ để đến ngày mai. Chắc chắn không có gì chết người.

- Đúng, không có gì chết người. Nhưng rất lạ thường.

Họ tắt đèn đi ngủ.

Nhưng sáng hôm sau vừa tỉnh dậy, Giorgio Venanzi lại kiểm tra lưng của Lucina và phát hiện không chỉ là sự bất thường ở trên da xương bả vai trái của nàng mà trong đêm qua một cái khác giống hệt và đối xứng với cái bên trái xuất hiện ở bả vai phải. Bá tước có cảm giác ghê tởm.

- Lucina, - ông nói với giọng rên rỉ, - em biết không, có cái gì đó hứa hẹn là cũng sẽ giống cái ở phía bên kia.

- Gì thế nữa hở anh?

- Những lông tơ. Nhưng dưới lông tơ, có cái gì ứng cứng.

Ông lại xem xét bằng cái kính lúp đếm sợi, và xác nhận là ở hai vùng nhỏ có những lông trắng mềm như lông chim, to bằng núm chuông ngoài cổng. Ông cảm thấy chán nản. Ông thấy rằng phải đương đầu với một hiện tượng ở lĩnh vực tinh vi, nhưng khác thường và hoàn toàn ra ngoài kinh nghiệm mà ông thường có ở ngoài đồng ruộng. Không chỉ là sự tưởng tượng mãnh liệt nhất của Giorgio Venanzi, kĩ sư canh nông, mà các việc khác ông luôn luôn đứng ra xa, bởi sự thờ ơ hay là biếng nhác, ngay cả tính ham hiểu biết về văn học và nghệ thuật. Lần này không biết tại sao, trí tưởng tượng kích động. Tóm lại ông chông nghi ngờ hai chùm lông nhỏ như là loại mầm mống của đôi cánh bé xíu.

Sự việc trở nên quái đản hơn là kỳ quặc, trò phù thủy hơn là phép lạ kỳ diệu.

"Lucina, nghe này, - ông vừa nói vừa để hai cái kính lúp xuống và sau khi thở dài. - Em phải thể với anh nói sự thật, tất cả sự thật!"

Vợ ông quay lại và nhìn ông hết nỗi ngạc nhiên. Nàng lấy Venanzi không do tình yêu, mà do vâng lời cha mẹ vì họ cùng giòng dõi quý phái, một cuộc hôn nhân đã thấy trước sự vững bền theo uy thế của gia đình; và thế là nàng đã bị động quen dần với con người tài năng lỗi lạc, khỏe mạnh, đa tình, được giáo dục tốt, nhưng tâm địa hẹp hòi và thủ cựu và từ khi cưới luôn sầu não vì ghen tuông quá đáng.

- Lucina, nói đi, thời gian vừa qua em đã nhìn thấy ai, gặp ai?

- Ai? Em đã nhìn ai? Vẫn những người xưa. Di Enrica, em vừa đi thăm di hôm trước. Hôm qua em đi mua hàng ngoài phố. Em chẳng gặp ai cả.

- Nào... em chẳng đôi lần đi chợ phiên? Em biết không ở đây có bọn Tây Ban Nha sống lang thang...

Nàng tự nghĩ bỗng đứng chổng nàng, xưa nay vẫn vui vẻ, lại trở nên mất trí.

- Anh nghĩ gì trong đầu thế? Bọn lang thang Tây Ban Nha? Làm sao em có thể gặp bọn lang thang ấy?

Giorgio nói nghiêm chỉnh và quả quyết:

- Bởi vì..., bởi vì... có cái gì đó khiến anh nghĩ rằng có kẻ nào chơi xấu với em.

- Chơi xấu?

- Một hoàn cảnh xấu.

- Có phải vì cái nốt phải gió trên lưng em?

- Sao em lại gọi nốt phải gió!

- Thế anh muốn cho là gì? Bác sỹ Faraisi sẽ nói cho chúng ta rõ.

- Không, không, không, vì Chúa kính yêu, không có bác sỹ nào cả. Lúc này, thầy thuốc anh không cần đến.

- Chính anh lo đấy chứ, anh thân yêu. Đối với em cái đó không quan trọng. Nhưng thôi đi, đừng sờ em như thế, em xin anh, anh làm cho em buồn đấy.

Giorgio tiếp tục nghiền ngẫm một cách lặng lẽ điều đã làm cho ông bồn khoăn day dứt và ôm chặt Lucina vào lòng, ông không ngừng sờ nắn hai cục u nhỏ, như người có bệnh dịch hạch lại bảo là mình chỉ bị sưng mụn.

Sau hết ông tự kiểm chế, bỏ đi tới trang trại của

mình cách chừng 20 cây số và ở đấy gọi điện thoại cho vợ bảo là đến chiều mới về. Ông rời xa để tự giải phóng, để tự chạy trốn ý nghĩ tiếp tục xem xét cái lưng yêu dấu của vợ. Nhưng rồi cuộc không tránh khỏi, ông vẫn phải hỏi: "Không có gì mới chứ em thân yêu?"

- Không, không có gì mới đâu, tại sao?

- Anh muốn nói là..., em biết đấy... cái lưng em...

- À em không biết, em không quan tâm...

- Tốt, trong mọi trường hợp em đừng bận lòng. Và đừng gọi bác sĩ Faraisi nhé, tất cả chỉ là vô ích thôi.

-Ồ ngay cái đó em cũng không nghĩ đến nữa.

Trong khi đó suốt cả ngày ông như ngồi trên đồng lửa. Lý trí nhắc ông ý nghĩ đó là điên cuồng, trái với quy luật tự nhiên của trời đất, chỉ đáng gọi là trò mê tín man rợ, nhưng có một tiếng nói trái lại xuất phát của Chúa nhấn mạnh cho ông với giọng chế giễu: có một cái mụn nhỏ ở người vợ xinh đẹp yêu quý của người đang mọc thành đôi cánh nhỏ! Bà bá tước Venanzi như là tượng thần chiến thắng ở đài tưởng niệm những người hy sinh đặt ở quảng trường, ô sẽ là cảnh tượng lộng lẫy!

Giorgio Venanzi cũng không phải là một người mẫu mực về đạo đức và tập quán. Ngay từ khi cưới nàng, ông đã không thôi theo đuổi những cô thôn nữ ở trong lãnh địa của mình và tự coi là người đi săn những con thú quý hiếm. Nhưng mà coi chừng ai đụng chạm đến danh dự, phẩm giá, đến dòng họ gia đình ông! Cũng vì lý lẽ như vậy mà lòng ghen tuông ám ảnh ông, và vì vợ ông lại là người đàn bà quyến rũ

nhất tỉnh, tuy nàng nghèo và có phần mảnh mai. Tóm lại không gì đáng sợ bằng gây tai tiếng. Vậy thì cái gì sẽ xảy ra nếu Lucina thực sự mọc ra hai cánh, ngay cả bước sơ khai như những vết chàm trẻ con không được báo trước đã gây cho nàng hiện trạng như miếng thịt xấu mua ở chợ phiên? Cũng vì lý do ấy mà nàng không muốn gọi bác sỹ. Cũng có thể là hai túm lông sẽ tự tiêu tan đi như là khi tự xuất hiện. Cái gì chờ ông ở nhà, khi ông sẽ về vào buổi chiều?

Trần đầy lo âu, ông về tới nhà là vào ngay buồng cùng với Lucina, vạch lưng nàng xem và cảm thấy mệt mỏi.

Với một tốc độ tăng nhanh mà ông chỉ thấy ở những loại cây đặc biệt, hai điểm bất thường cho ta thấy bề ngoài trông thực thụ là chỗ phòi nhô lên có lông. Hơn nữa cũng không cần phải có trí tưởng tượng hưng phấn mới hình dung ra đôi cánh, chúng thực sự giống đôi cánh trên vai của những thiên thần ở nhà thờ. Với giọng ồ ồ, ông nói:

"Lucina, anh không hiểu gì em cả, em tự nhìn xem kia, ở trong gương. Và em cười ngốc nghếch gì thế? Đó là một điều kinh khủng, em hiểu chứ?"

Lo sợ dẫn đến tai tiếng, Giorgio quyết định nói sự việc với mẹ, hiện ở bên cạnh lâu đài.

Bà già hoảng hốt khi nhìn thấy người con trai duy nhất xuất hiện với tâm trạng e sợ, và bà như nín thở để nghe câu chuyện qua giọng kể hỏn hển của con. Sau cùng bà nói: "Con đã khôn ngoan không gọi bác sỹ Faraisi. Nhưng mẹ mong rằng con không quên là mẹ luôn luôn phản đối con lấy nó làm vợ".

- Mẹ muốn nói gì thế?

- Mẹ muốn nói ngay trong máu của họ nhà Ruppertini dù thực sự là quý phái vẫn có cái gì không ổn. Và mẹ đã cảm thấy thế. Nhưng hãy nói cho mẹ biết đôi cánh dài bao nhiêu?

- Cứ cho là 20 phân, hay là kém một tý. Nhưng ai có thể đoán trước là nó không dài ra?

- Và người ta có thể nhận thấy dưới lớp áo?

- Bây giờ thì không. Mẹ biết là Lucina giữ nó rất khéo, gấp lại và dán chặt vào người, và cô ta cũng biết giấu nó đấy. Đương nhiên, nếu cô ta mặc áo dài lụa... Nhưng mẹ ơi, hãy nói cho con biết, chúng ta phải làm gì?

Vẫn như mọi khi, bà già có ý kiến ngay:

- Phải nói ngay cho ngài Francesco biết.

- Tại sao với ngài Francesco?

- Câu hỏi hay đấy! Đôi cánh của vợ con, ai đã cho nó? Chỉ có hai câu trả lời, không có câu thứ ba. Hoặc là Chúa hoặc là quỷ. Và không phải con hay mẹ con có thể định đoạt được.

Ngài Francesco là một linh mục phụ trách nhà thờ riêng, một người nhiều tuổi thích triết lý hài hước. Khi được biết bà quả phụ quý phái mời đến nói chuyện, ông ta đến ngay lâu đài, nghe một cách chăm chú bài tường thuật của Giorgio, rồi suy nghĩ, cái đầu nghiêng nghiêng như tụng niệm, - ông ta có vẻ như đang chờ đợi sự linh cảm của bề trên.

- Xin lỗi các bạn, nhưng tất cả hình như có thể tin được.

- Ngài Francesco, ngài có nghĩ là tôi nói những

điều phi lý? Lạy trời phù hộ. Nhưng Lucina ở phòng bên. Tôi gọi nàng và có thể giúp ngài nhận thấy sự thực.

- Người con đáng thương sẽ bối rối?

- Không thể xảy ra ở trên đời, và đó là một điều khác thường ngài Francesco ạ, Lucina vẫn vui vẻ như thường lệ. Người ta còn cho là nàng đùa giỡn.

Họ gọi Lucina, nàng mặc áo ngủ vải hoa. Nàng thư thái cởi áo ngoài và hiện ra chiếc áo bằng sợi bông bình thường có hai khóa rút. Những mẩu thịt đã đạt đến kích thước lớn: như là gấp lại, từ trên xuống dưới, đo được ít ra 80 phân.

Người ta không thể tưởng tượng lúc bấy giờ về mặt ngài Francesco ngạc nhiên ra sao. Và ngài đã không nói gì.

Bà mẹ chồng với giọng thân thương nói: "Lucina, con có thể quay lại xem".

Khi cô nàng duyên dáng đi ra, ngài Francesco hỏi: "Đã ai biết chưa ngoài hai mẹ con?"

- Không, thật may, - bà bá tước trả lời. - Với sự can trọng của con trai tôi, không một người nào trong nhà biết đến. Cái áo dài và áo choàng tẩm tụy tay con dâu tôi may lấy. À Lucina lại rất khéo tay. Nhưng mà ta không thể tiếp tục để như thế. Người ta không thể cách ly nó như với người bị bệnh tả. Vì lẽ đó mà chúng tôi xin ngài lời khuyên, ngài linh mục!

Vị linh mục già lên giọng. "Tôi biết, trường hợp này thật trở trêu. Theo xét đoán của tôi, các vị biết đấy, đem đến cho tôi một trách nhiệm có thể nói là vượt quá khả năng. Và tôi cho là Chúa sẽ làm sáng tỏ mọi điều".

- Thế nào? - Giorgio hỏi.

- Nếu các con muốn có ý niệm thần học, ta sẽ trả lời: nếu những cái cánh xuất xứ từ ma quỷ thì tức là chúng được tạo ra do một tên láu cá với mục đích quấy rối lương tâm mà bề ngoài xem như phép lạ, vậy thì không còn nghi ngờ gì nữa, theo cha, đó chỉ là chuyện hão huyền. Nhưng nếu trái lại, chúng ta không thể loại trừ những đôi cánh ấy là dấu hiệu của Chúa biểu lộ lòng nhân từ đặc biệt đối với bá tước phu nhân Lucina, như thế thì không có gì phải nghi ngờ, đó là những đôi cánh thực sự có thể bay...

Bá tước Giorgio rên rỉ: "Nhưng đó là sự rồ dại, thật khủng khiếp, nếu giả thuyết thứ hai là đúng, làm thế nào tiếp tục che giấu sự dị dạng xấu xí nếu Lucina bay được?"

Và biết bao chuyện rắc rối sinh ra? Báo chí, đám đông tò mò, điều tra của giáo hội, tóm lại cuộc sống của bản thân Giorgio Venanzi hoàn toàn đảo lộn và bị phá hủy. Bá tước lại hỏi: "Trong trường hợp này theo cha, người ta có nên nói điều diệu kỳ này không? Chỉ một câu nói là Lucina sẽ trở thành thiên thần? Và tôi người chồng chính thức..."

- Cứ để một thời gian nữa con ạ, chúng ta không được can dự vào ý đồ của Chúa. Hãy để xem vài ngày nữa. Chúng ta chờ cho đôi cánh thiên thần hoàn toàn phát triển, khi không còn mọc thêm nữa. Tiếp đó chúng ta sẽ thử nghiệm.

- Lạy Chúa, thử nghiệm! Và ở đâu? Tại vườn này ư, nơi mà tất cả dân chúng có thể nhìn thấy?

- Không, không ở trong vườn. Tốt nhất là đi ra ngoài cánh đồng, ban đêm và không ai biết...

Giorgio và vợ, bà mẹ và linh mục Francesco rời khỏi lâu đài vào lúc chín giờ tối, lên xe nhãn hiệu Anh quốc.

Không đến mười ngày đôi cánh của Lucina đã đạt được kích thước đầy đủ. Nếu dang ra từ giữa đến đầu cánh có thể chấm đất, chính xác ra là 120 phân. Lớp lông cánh được không trắng lấm nhưng là màu hồng nhạt của thịt, rắn chắc. Sải cánh đo được như là cánh đại bàng, vượt quá ba thước, cho phép ta nghĩ là đôi quạ khổng lồ có khả năng không khó khăn gì có thể nhấc bổng một con người mảnh mai như Lucina vốn không nặng quá 50 cân.

Ra đến ngoại thành, họ đi vào vùng đồng cỏ lúc vắng vẻ, và tìm nơi rộng rãi cô tịch. Giorgio không bao giờ tin chắc điều gì. Cần có một cửa sổ sáng đèn trong trại để có thể tiếp tục quan sát.

Đấy là một đêm sáng trăng. Cuối cùng họ dừng lại trên con đường nhỏ dẫn đến vùng đất dành riêng cho người đi săn. Họ xuống xe. Tất cả đi bộ vào trong rừng, nơi này Giorgio thuộc đường như lòng bàn tay. Tất cả im lặng sợ sệt.

Bà mẹ chồng nói: "Nào can đảm lên con, Lucina. Con cởi áo choàng ra. Và chúng ta đừng để mất thời gian. Khi bay con sẽ bị lạnh". Nhưng mà Lucina không thấy lạnh mặc dù chỉ mặc có một chiếc áo mỏng. Trái lại nàng cảm thấy nóng nóng khắp người làm cho nàng rung mình.

Vừa cười nàng nói: "Em thành công chứ?" Rồi nhẹ

nhàng bước chân nàng bắt chước một cách buồn cười những vũ nữ cổ điển, tiến đến giữa rừng trống và bắt đầu vỗ cánh.

Vù, vù, nhẹ nhàng nhờ vào sức ép của gió. Bất thình lình, không ai ngờ được, dưới ánh trăng lung linh, vào đúng lúc phải cất cánh, ba người nhìn thấy nàng từ từ nhấc lên với độ cao 7 đến 8 thước. Và nàng nhẹ nhàng đập cánh và vỗ tay làm nhịp kèm theo.

Ông chồng che mắt, khủng khiếp. Còn nàng, từ trên cao, reo cười, nàng chưa bao giờ sung sướng và đẹp như lúc này.

Linh mục Francesco nói với bá tước Giorgio "Chúng ta hãy bình tĩnh suy luận, con ơi. Với người vợ trẻ của con, con người tuyệt diệu về mọi phương diện, con phải đồng ý là nàng mọc ra đôi cánh. Con, mẹ con và ta, chúng ta đã nhận thấy rằng đôi cánh của Lucina có thể bay được, đó chỉ là dấu hiệu của sự can thiệp quỷ ám. Về chủ đề này cha bảo đảm với con, tất cả những cha cố ở nhà thờ, và cha đã đọc rõ ràng đều đồng ý. Nếu chúng ta không muốn đến điều diệu kỳ vậy thì đó là lễ thụ phong của Chúa. Và cha cũng không nói về phương diện hoàn toàn thần học, Lucina ngày hôm nay phải được coi là thiên thần".

- Trước tiên, nếu con không nhầm, những thiên thần đều không có giới tính.

- Ta đồng ý, con ạ. Vậy mà cha tin chắc rằng những đôi cánh ấy sẽ không bao giờ đến với vợ con nếu Đấng toàn năng không giao cho một nhiệm vụ quan trọng.

- Nhiệm vụ gì, thưa cha?

- Đồ xét, điều tra đều do Chúa quyết định. Trong mọi trường hợp, ta không tin rằng con có quyền giam giữ người đàn bà đáng thương này như người ta đã làm đối với người hủi.

- Thế nào, cha Francesco? Con lại phải chặn dắt nàng khắp thế giới? Cha tưởng tượng xem sự ồn ào tiếp sau? Những hàng chữ lớn trên báo chí, sự tranh nhau tìm hiểu, những cuộc phỏng vấn, những người viếng thăm và tất cả những điều bức bối. Phải coi chừng! Một hợp đồng quay phim là cái chắc, không có cách nào thoát khỏi. Sự việc như thế đến với giòng họ Venanzi! Tai tiếng. Không bao giờ, không bao giờ ở trên đời này!

- Con nghĩ xem, giả thuyết nếu bá tước phu nhân Lucina bay trên lưới lửa chiến tranh ở Việt Nam. Con nghĩ thế nào?

- Thôi, con xin cha! Con đến phát điên mất. Nhưng con đã làm gì để đáng phải chịu nỗi bất hạnh này?

- Không nên cho là bất hạnh: là người chồng, một thử thách nặng nề đặt ra đối với con. Đồng ý chứ. Nhưng với một điểm nào đó con cũng có lý. Hãy nói cho ta biết: ngoài mẹ con và ta có ai biết sự việc này?

- Không ai biết cả.

- Và những gia nhân?

- Không, Lucina bây giờ ở trong một căn nhà nhỏ chỉ có mình con ra vào.

- Và việc nội trợ, bếp núc?

- Cô ta làm lấy tất. Cha biết đấy, ngay cả theo

nghĩa bóng, nàng thật là một thiên thần: Nàng không phân nân bao giờ, nàng không phản bác, nàng là người duy nhất tinh tế khi thuật lại tình thế hiện nay của mình.

- Thế còn gia đình, bạn bè, con nói với họ ra sao?

- Cô ta về chơi với bố mẹ vài ngày ở thung lũng Aoste.

- Nhưng nói cho cha biết, con không có ý nghĩ nhốt cô ta suốt cả cuộc đời ư?

Bá tước lắc đầu thất vọng nói: "Con cũng chẳng biết nữa. Xin cha tìm cho con lối thoát".

- Điều mà ta đã nói với con chính là cách giải thoát cho nàng; giới thiệu với mọi người sự thật về nàng. Cha cuộc với con là vợ con bắt đầu cố chịu đựng.

- Không bao giờ, cha ơi. Con đã nói hết với cha. Con đã suy nghĩ rất lâu. Đó là sự đau khổ, cơn ác mộng của con. Con không thể, con xin thề trước cha, không chịu đựng nổi điều ô nhục này.

Nhưng mà bá tước Giorgio tưởng lầm. Tháng Mười đã đến. Về chiều sương mù dày đặc vào mùa lạnh bao phủ quanh vùng. Những ngày mà chồng nàng, đang quá bận rộn về ruộng đồng, chỉ đến với nàng ban đêm, nàng Lucina đáng thương biết là có thể sắp xếp thời cơ tuyệt diệu. Nhưng, sự phẫn nộ của nàng ngày càng mạnh mẽ. Chưa đến hai mươi tuổi, bị giam hãm không được gặp bạn bè, không tiếp xúc với ai, cũng không được phép đứng ở cửa sổ nhìn ra ngoài. Hơn nữa, thật là một cực hình khi không thể dang rộng đôi cánh kỳ diệu của tuổi trẻ và sức lực. Nhiều lần nàng đã yêu cầu Giorgio đưa nàng đi vào ban đêm như lần trước đến cánh đồng rộng và để

cho nàng bay vài phút. Nhưng mà ông cương quyết không cho phép.

Chuyến đi đêm trước có cả mẹ ông và linh mục tham gia đã không phải đương đầu với nguy hiểm nào. May thay không ai biết cả. Nhưng làm lại điều ấy thì thật là rồ dại, và để thỏa mãn ý thích thất thường ư?

Và thế là, một buổi chiều âm u vào giữa mùa đông, sương mù bao phủ thành phố làm tê liệt mọi sự đi lại, Lucina mặc hai chiếc áo len vào người và, không qua căn phòng người làm, nàng nhẹ nhàng ra vườn, mình khoác áo choàng. Nàng nhìn chung quanh. Tất cả như là được lót bông, không ai có thể nhìn thấy. Nàng bỏ áo khoác ra và nấp dưới một gốc cây. Sau đó đi đến quãng trống, nàng vỗ đôi cánh thân yêu rồi bay lên nóc nhà.

Nàng có cảm giác tốt đẹp là ngay lập tức rời xa trung tâm và bay ngược hướng với đất đai của chồng nàng. Ở đấy trải dài những cánh đồng cô quạnh và với sự say sưa khó tả nàng lướt trên ngọn cây, bay vào sương mù và khi nàng nhìn thấy bóng một mái nhà tồi tàn và may thay nếu có con chim lạ nào bắt gặp có lẽ nó sẽ sợ hãi bay trốn.

Ngây thơ và hơi nhẹ dạ, bá tước phu nhân non trẻ tự hỏi tại sao duy nhất nàng lại có đôi cánh. Nàng cảm thấy khoan khoái, vì được bề trên ban cho một quyền lực phi thường và khi bay đã đem đến cho nàng sự cuồng nhiệt thanh thần và hạnh phúc.

Một buổi chiều, sau khi ra khỏi đám sương mù dày đặc phủ kín cánh đồng, nàng đã tìm hiểu khám phá mảnh đất phía dưới. Nàng hạ cánh xuống vùng

tranh tối tranh sáng giá lạnh sương mù và dừng lại cách mặt đất vài thước.

Đúng lúc ấy có một chàng trai trẻ cầm súng tiến đến chỗ một chòi săn bỏ không. Người đi săn, sau khi nghe thấy tiếng vỗ cánh liền quay lại và lập tức nâng súng.

Lucina cảm thấy nguy hiểm. Đáng lẽ bay lên nhưng nàng cuống cuống chỉ còn thời gian kêu to: "Dừng lại, đừng bắn!" Và thật bất ngờ cho người thợ săn, nàng đã đứng trước anh ta cách hai bước chân.

Tay thợ săn có cái tên Massimo Loretta là người nổi tiếng dũng cảm nhất trong vùng. Chàng đã thôi học và thuộc gia đình giàu có, lại giỏi trượt tuyết và đua xe ngựa. Mặc dù vốn quen với thái độ tự do quá trớn nhưng lập tức chàng hạ vũ khí, quỳ xuống hai tay chắp vào nhau, miệng cầu nguyện rất to: "Lạy Đức Maria ban phúc lành".

Lucina bật cười: "Anh làm cái gì thế, anh chàng ngốc? Anh không nhìn thấy tôi là Lucina Venanzi ư?"

Chàng đứng dậy hãy còn chưa hết run rẩy, nói: "Cô đấy à? Cái gì đã xảy ra với cô thế?..."

- Không có gì cả đâu, Massimo... Ở đây trời rét như cắt ấy nhỉ...

- Chúng ta vào chòi săn đi, - chàng nói và chỉ vào ngôi nhà bỏ không. - Ta sẽ đốt lửa lên.

- Có nhiều người đi săn không?

- Không, ngoài tôi ra chỉ có người gác rừng.

- Không, không, không thể được.

Họ nhìn nhau, đứng im không nhúc nhích. Rồi Lucina nói:

- Em lạnh lắm. Hãy ôm em đi.

Và thế là mặc dù còn run sợ chàng trai trẻ đã không để nàng phải nói lần thứ hai.

Ngay chiều hôm ấy, khi Giorgio Venanzi trở về nhà, ông thấy vợ đang ở trong phòng khách, nàng đang ngồi khâu và những cái cánh thì không còn thấy dấu vết.

- Lucina! Em yêu quý! Cái gì đã xảy ra thế em?

- Cái gì? - nàng điềm tĩnh trả lời.

- Nhưng mà những cái cánh, ra sao? Em đã làm gì với đôi cánh?

- Những cái cánh? Anh điên đấy à?

Hoàn toàn im lặng. Ông không biết nói thế nào.

- Nhưng... anh không biết... Anh đã trải qua một cơn ác mộng.

Điều huyền diệu (hay là nỗi bất hạnh) không ai biết cả, trừ Giorgio, mẹ ông, linh mục Francesco và Massimo trẻ tuổi, và chẳng ai nói với bạn bè thân thích cả. Cho dù ai biết đi nữa, mọi điều đều trở nên cấm kỵ. Duy có linh mục Francesco, vài tháng sau vào một ngày chỉ có một mình Lucina, vừa cười vừa nói: "Chúa thực sự muốn cho con điều tốt lành, Lucina ạ. Con không thể phủ nhận con thực sự có may mắn diệu kỳ".

- May mắn gì vậy?

- Là con đã gặp được quý.

NGUYỄN ĐÌNH DIÊN dịch

CUỘC TỰ SÁT TRONG CÔNG VIÊN

Chín năm trước Stephano, bạn và đồng nghiệp với tôi, bước vào tuổi 34 thì bị lây nhiễm chứng mê xe hơi.

Anh ta đã có được cái "FIAT-600", nhưng trước kia chưa từng thấy anh ta có triệu chứng nhiễm cái căn bệnh đáng gờm này.

Bệnh phát triển nhanh. Như người đang không trở thành tù nhân của một cuộc tình lớn lao và bất hạnh, chỉ trong mấy ngày Stephano đã bị nổi ám ảnh biến thành kẻ tội lỗi trung thành đến mức không còn đầu óc nghĩ được chuyện gì khác nữa.

Xe hơi! Không, không chỉ là cái hòm có động cơ và bốn bánh lăn, mà là một cỗ xe choáng lộn kia! Nó là tượng trưng cho sự thành đạt, cho tinh thần tự khẳng định, cho cái thế đứng, sự sang trọng và cả những cuộc phiêu lưu đầy ma lực của một đời người. Tóm lại, nó là tín hiệu, là biểu tượng, là mã khoá của sự hưởng thụ thời nay.

Mà đó cũng lại có thể là một căn bệnh cuồng tháo, say mê đeo bám cái nguyện vọng bất khả kiểm chế về một cái "mode" ngoại hạng, một nhãn hiệu cực kỳ hiếm hoi, một loại xe đời mới khỏe nhất, đẹp nhất, điệu kỳ và siêu đẳng nhất khiến các nhà tỉ phú cũng phải lên cơn thèm.

Đó là gì vậy nhỉ? Thói háo danh hay một ước vọng

ngông cuồng? Không sao biết được. Bởi bản thân tôi chưa từng trải qua chuyện này. Làm sao đủ sức để đo và đánh giá những gì xa lạ đối với mình! Trong thế giới hiện nay hàng ngàn người đang mắc cái chứng bệnh này. Đối với họ cuộc sống quyết không phải là một gia đình êm ấm, không phải là một chỗ làm việc đem lại sự thỏa mãn và ấm no, không phải là của cải giàu sang hay uy quyền, càng không phải là những tư tưởng cao cả của nghệ thuật cùng sự hoàn thiện về tinh thần. Không, đỉnh cao ước vọng của họ chỉ là một chiếc xe hơi ngoại hạng với những gì đó tân kỳ, khiến những "cậu ấm - cô chiêu" phải lảm nhảm nói tới và kinh ngạc đến sặc bìa, khi kể lại cho nhau nghe trong các nhà hàng sang trọng, khiến những tay doanh thương hạng "bét" được buổi trúng mảnh cũng phải sầm sì. Vấn đề là ở chỗ, Stephano thuộc loại công chức lôm côm, ba cọc - ba đồng, không làm sao kiếm đâu cho ra đủ được khoản tiền để thực hiện hoài bão của mình.

Nỗi ám ảnh ấy đã hành hạ bản thân Stephano, lây lan sang bạn bè và làm cho người vợ trẻ vô cùng khả ái của anh ta là nàng Faustina vốn rất mực yêu chồng, phải khổ đau muôn nỗi.

Lần nào tối tối ghé tới thăm họ, tôi đã buộc phải chứng kiến những cuộc trao đổi hết sức căng thẳng giữa hai vợ chồng này.

- Em có thích cái này không? - Với tất cả hi vọng Stephano đưa cuốn quảng cáo xe hơi loại tân kỳ nhất lúc đó ra cho vợ coi.

Nhưng nàng chỉ khẽ cất mắt nhìn, rồi thở dài

sườn sườn; rõ ràng là những chuyện đó đã làm cho nàng ớn tới tận cổ rồi.

- Dương nhiên là thích.

- Thích thật hả?

- Thật mà.

- Mà có rất, rất là thích không?

- Thôi mà, anh Stephano! - Faustina nói giọng khẩn khoản như thể dỗ dành người bệnh hay trẻ con vậy.

Sau hồi lâu im lặng, anh chàng lại khơi:

- Mà, em biết giá cái này bao nhiêu không?

Faustina cố tình pha trò cười.

- Đừng biết, coi bộ "phở" hơn.

- Sao vậy?

- Anh dư biết là sao rồi mà, cưng. Làm sao vợ chồng mình dám thò tay với tới thứ sang trọng như vậy được...

- Lại bắt đầu dở trò, - Stephano nổi nóng. - Cô có cái thói, chưa tìm hiểu cho ra trò đã vội chống đối rồi.

- Em chống đối hồi nào?

- Thôi, thôi, cô cố tình giả bộ vừa thôi. Cô dư biết, xe hơi là nỗi đam mê của tôi, dư biết, đối với tôi nó quan trọng đến mức nào... Nó là niềm vui duy nhất trong đời tôi, nên cô thay vì phải tiếp tay hỗ trợ chồng thì lại giở rặt trò giễu cợt không à...

- Anh vô lý quá đi, anh Stephano, em đâu có giễu anh hồi nào.

- Thế cô đã biết cái xe kia giá bao nhiêu chưa, mà đã tìm cách gạt phăng như vậy...

Cứ thế kéo tới hàng giờ.

Còn nhớ, một hôm, anh chàng vừa bước qua phòng bên, thì Faustina vội than thở với tôi:

- Đó là cái ách của em. Từ sáng đến tối hầu như không còn chuyện gì nói, ngoài ba cái "Ferrari", "Maserati", "Jaguar" toàn những thứ quái quỷ, làm như chọn cái nào để mua không bằng nữa... Em điên cả đầu lên, không còn hiểu nổi chồng mình nữa. Anh còn nhớ anh ấy trước kia chó gì? Có lúc em nghĩ, hay là anh ấy bị quần trí? Như, anh thấy đó, quả không bình thường chút nào. Tội em còn trẻ, rất thương yêu nhau, nhờ trời, cũng chưa đến nỗi bị dối. Công việc làm ăn của Stephano cũng khá, mọi người đều đối xử tốt với anh ấy. Việc gì phải hủy hoại cuộc đời. Em thể rằng, để mau mau chấm dứt cái chuyện này, để anh ấy sớm có được cái xe quái quỷ ấy mà yên đi, em thậm chí sẵn sàng... Mà thôi, nói tới chuyện đó làm gì! - Rồi nàng khóc.

Tôi rất mến Stephano. Không biết cậu ta sao lại thế? Có thể là bọn tôi không có khả năng để hiểu, cũng có thể, đối với anh ta còn có một cái gì đó đáng quan trọng hơn là chiếc xe hơi cụ thể, cho dù nó có đẹp cách mấy, mới cỡ nào. Không chừng đó là cái bùa hộ mệnh, cái chìa khóa để mở cửa sổ phận, mà bạn tôi còn chưa đủ sức với tôi chăng?

Thế rồi một hôm - không bao giờ tôi có thể quên nổi ngày hôm đó - chúng tôi có hẹn gặp nhau tại quảng trường San Babila và Stephano đã hiện ra trước mắt tôi với tư thế ngồi sau tay lái của một chiếc

xe cực kỳ. Nó màu xanh dương, dài, thấp, mới tinh, hai chỗ ngồi, thuần thuần, có cái dáng như luôn chồm về phía trước vậy. Trông cũng biết, thú này không thể dưới năm triệu. Không biết, anh chàng Stephano này lấy tiền ở đâu ra như vậy?

- Của cậu đấy à?

Anh ta gật đầu.

- Gớm thật! Chúc mừng. Cuối cùng cậu đã toại nguyện.

- Ông biết không, để dành từng tí một đó.

Tôi đi vòng quanh chiếc xe để ngắm nghía cho được kỹ. Nhân hiệu thấy có vẻ lạ. Ở chỗ bộ tản nhiệt có cái phù hiệu nhằng nhịt, đoán không ra.

- Xe kiểu gì vậy?

- Ấng-lê, - cậu ta trả lời. - Tình cờ bắt gặp! Hãng này có vẻ bí hiểm, chưa chịu ra công khai. Chắc là chi nhánh của Daimler.

Ngay đến tôi - mặc dầu chẳng giỏi giang gì về cái khoản xe pháo - cũng thấy choáng ngợp về vẻ đẹp của nó: đường nét thật cân đối, gọn, nhẹ, tỉ mỉ, nói chung, trông nó giống như một cái bàn thờ hết sức sang trọng.

- Ngồi vào đi, mình chở, - Stephano nói. - Đi thử một vòng chơi...

Xe không rú, không giật, mà chỉ thở đều đều và mỗi nhịp thở của nó tôi thấy hai phốt lại cứ vùn vút lao cả về phía sau.

- Sao, ông thấy thế nào?

- Hết ý! - Tôi còn biết nói được gì hơn - Thế, ý kiến của Faustina sao?

Trọng phút chốc gương mặt của anh ta sa sầm xuống. Câm lặng.

- Sao, không ủng hộ hả?

- Không, không phải vậy.

- Vậy thì sao?

- Faustina bỏ mình đi rồi.

Sự im lặng kéo dài, lát rồi Stephano mới lại nói:

- Cô ấy nói, không thể nào sống nổi với mình.

- Vì sao?

- Ai mà biết được bụng dạ đàn bà. - Anh ta đổi thuốc, rít mạnh và sâu. - Vậy mà mình lại cứ tưởng là cô ấy yêu mình.

- Quý a, cô ấy yêu cậu thực tình mà!

- Vậy mà lại bỏ đi.

- Đi đâu? Về nhà bố mẹ hả?

- Không, bố mẹ cô ấy không hề hay biết gì hết. Bỏ đi và không biết đi đâu.

Tôi nhìn anh ta. Mặt hơi tái, nhưng, khi nói về Faustina, lúc thì dịu dàng nắm lấy vành tay lái, lúc thì êm ái đưa tay sờ vào những cái nút nhấn trên bảng chỉ dẫn, tựa hồ như đang ve vuốt người yêu vậy. Chiếc xe vẫn nhẹ nhàng êm ái lao đi.

Chúng tôi ra ngoại vi thành phố. Xe chạy thật nhanh, nhưng không hề gây cảm giác lo sợ nào. Ngược lại, có cảm giác như chiếc xe phóng với tất cả lòng tự tin và ngoan ngoãn thực hiện bất kể một nguyện vọng bé nhỏ nào của chủ nó. Nhưng, không hiểu sao, càng lúc lòng tôi càng rộn lên tình cảm khó

chịu, chống đối lại việc làm của Stephano. Chiếc xe quá đẹp - khỏi nói làm gì tới việc anh ta đã toại nguyện. Nhưng, chỉ vì nó mà người phụ nữ tuyệt vời đến như vậy đã phải bỏ anh ra đi, mà anh vẫn thấy như chẳng hề gì...

Ít lâu sau tôi có việc phải đi Milan dài ngày. Khi trở về, như thường lệ, trở nên xa bạn cũ. Kỳ thực, tôi và Stephano thỉnh thoảng cũng có gặp mặt nhau. Dạo đó anh ta đã chuyển qua công việc khác, kiếm chác khá hơn và đi khắp nơi trên chiếc xe của mình. Thấy anh ta có vẻ thỏa mãn lắm.

Năm tháng trôi qua, càng lúc tôi với Stephano gặp nhau càng thưa. Nhưng lần gặp nào tôi cũng để ý hỏi thăm vợ và cả chiếc xe của anh. Stephano cho hay, kể từ ngày vợ anh bỏ ra đi coi như biệt tăm, còn chiếc xe, tuy rất tuyệt vời, nhưng cũng bắt đầu cũ, ọc ạch và cần phải sửa chữa. Nghiệt một nỗi, xe không có phụ tùng dự trữ, đã thế, thợ lại ngại mó vào vì nó quá lạ.

Bỗng một hôm tôi đọc thấy cái tin trên tờ báo ngày:

CHIẾC XE HƠI QUÁI GỖ

Hôm qua, vào lúc 17 giờ, chiếc xe hơi hai chỗ ngồi, màu xanh dương vừa được đậu lại gần lối ra vào quán rượu trên đường Moscow, số 58 không được mấy chốc thì tự nhiên tự nổ máy và tự chạy.

Sau khi vượt qua vài ngã tư, xe càng lúc càng tăng tốc độ để quẹo qua trái rồi qua phải tới đại lộ Elvezia và cuối cùng lao vào khu nhà cổ đồ nát

bên lề công viên và bốc cháy.

Chiếc xe cứ tự vượt qua đường zích zắc như thế mà không hề gặp một cản trở nào mặc dù giao thông rất nhộn nhịp, thậm chí tốc độ nó còn tăng lên, thì đó vẫn là điều bí ẩn.

Một số rất ít những người được thấy chiếc xe không người lái đã lượn lách rất tài tình trên đường phố đông đảo ấy đã cho rằng, chủ của nó là một tay tinh nghịch lái xe bằng cách ngồi thụp xuống chân ghế và dùng kính hông để canh đường. Và đó phải là một tay lái kỳ tài mới tránh được những cuộc gần như đụng độ tới nơi với các xe khác trên đường chạy. Kỳ thực, những chuyện như vậy không phải là chưa từng xảy ra tại thành phố này, cho nên cũng chẳng cần phải bàn tới những nguyên nhân siêu thực nào cả.

Chủ của số xe trên là Stephano Ingrassia, đại lý quảng cáo, 43 tuổi, đăng ký hộ khẩu tại nhà số 12 đường Manfredini đã xác nhận là có để xe ở gần cửa ra vào quán rượu Moscow và khẳng định là đã khóa xe lại cẩn thận.

Tôi lập tức lao đi tìm Stephano và bắt gặp anh ta trong trạng thái vô cùng tồi tệ tại nhà riêng.

- Phải cô ta không? - tôi hỏi.

Anh ta im lặng gật đầu.

- Faustina hả?

- Đúng thế, Faustina của tôi đấy. Anh hiểu ngay sự thế phải không?

- Tôi chỉ đoán vậy. Nhưng thật là khó tin quá đi...

- Tất nhiên, vô cùng khó tin! - Anh ta đưa hai tay lên bụng lấy mắt trong niềm tuyệt vọng - Nhưng, tình yêu, anh biết đó, có khả năng làm nên mọi chuyện thần kỳ... ghê gớm. Chuyện xảy ra vào một đêm cách đây đã chín năm... tôi đang ôm chặt lấy cô ấy... Ôi, thật là khủng khiếp quá! Mà cũng thật đáng khâm phục nữa. Bất giác cô ta run lên, bật khóc òa, rồi thì, tự nhiên, như một chiếc lò xo, cứ gồng lên, căng lên, to phồng ra. Mọi chuyện chỉ diễn ra trong chớp mắt, không đầy hai phút. Cô ấy vụt bỏ chạy ra... Những tưởng, chỉ chậm một tích tắc thôi cái thân hình đang phình ra ấy sẽ không chui lọt khỏi cửa. May mà ngoài phố không có ai. Tôi chạy ra và thấy - nó đậu sát vỉa hè. Mới toanh và sáng loáng. Và nước sơn còn phẳng phất mùi dầu thơm mà cô ấy vẫn thích dùng. Loại "Ela", anh còn nhớ chứ? Cô ấy đẹp lắm phải không?

- Rồi sau đó sao?

- Sau đó thì là cái việc tôi thành thằng khốn kiếp, kẻ tội phạm! Về sau nó trở nên cũ kỹ, máy bắt đầu rệu rã. lúc hư cái này, lúc hỏng cái kia... Rồi không còn ai thèm nhìn nó khi chạy trên đường phố. Tôi sinh ra bản khoăn, suy tính: làm cách nào để đổi lấy cái mới đây? Làm sao tôi chạy cả đời trong cái bẫy chuột thỉnh thoảng lại cứ tung toé trước mặt mọi người mãi như vậy được? Bây giờ thì anh thấy tôi chó má, đê tiện như thế nào rồi... Còn hôm qua sau quán rượu trên đường Moscow anh có biết tôi định đi đâu

không? Đi bán nó để sẽ mua về cái khác... Không, khủng khiếp quá, tôi đã muốn bán người vợ của mình, vì mình mà hy sinh mạng sống, để lấy một trăm năm chục ngàn... Giờ thì anh hẳn đã rõ, vì sao cô ấy lại đã tự sát như vậy...

VÂN THIÊN dịch

MỤC LỤC

• Lời giới thiệu	<i>Đoàn Tử Huyền</i>	5
HOANG MẠC TÁC TA		
Tiểu thuyết	<i>Thảo Nguyên</i> dịch	9
CHÂN DUNG PHÓNG ĐẠI		
Truyện vừa	<i>Đoàn Tử Huyền</i> dịch	293
TRUYỆN NGẮN		
Bức thư tình	<i>Vũ Đình Bình</i> dịch	447
Sự vĩ đại của con người	<i>Đoàn Tử Huyền</i> dịch	452
Nếu như...	<i>Đoàn Tử Huyền</i> dịch	459
Bí mật nhà văn	<i>Đoàn Tử Huyền</i> dịch	466
Chiếc áo có phép lạ	<i>Nguyễn Văn Dân</i> dịch	474
Ma thuật	<i>Vũ Đình Bình</i> dịch	482
Nô lệ	<i>Vũ Đình Bình</i> dịch	491
Quả bóng bay	<i>Đoàn Tử Huyền</i> dịch	500
Đức khiêm nhường	<i>Nguyễn Văn Dân</i> dịch	507
Phép màu vô hiệu	<i>Nguyễn Văn Dân</i> dịch	516
Cuộc quyết đấu	<i>Đoàn Tử Huyền</i> dịch	526
Kẻ chết giả	<i>Nguyễn Văn Dân</i> dịch	532
Đêm yên tĩnh	<i>Nguyễn Văn Dân</i> dịch	540
Những ụ đất trong vườn	<i>Nguyễn Văn Dân</i> dịch	547
Thử thách cho người tù	<i>Chu Minh Thụy</i> dịch	554
Phu nhân bá tước mọc cánh	<i>Nguyễn Đình Diên</i> dịch	561
Cuộc tự sát trong công viên	<i>Văn Thiên</i> dịch	577

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập:

PHẠM SÔNG HỒNG

Trình bày:

ANH TRÍ

Vẽ bìa:

VÂN SÁNG

Sửa bản in:

THANH VÂN

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây I

- Số 14 M6, Láng Trung, Đống Đa, Hà Nội
 - Số 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
- ĐT/Fax: (04) 7731436 - 7731938
-

DINO BUZZATI

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

Đoàn Tử Huyền giới thiệu và tuyển chọn

Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 65 Nguyễn Du, Hà Nội

Trung tâm VHNN Đông Tây, 14 M6, Láng Trung, Hà Nội

Dino Buzzati là một trong những nhà văn được đọc nhiều nhất ở Italia, được dịch ra nhiều thứ tiếng. Tuyển tập tác phẩm giới thiệu tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông Hoang mạc Tàcta, truyện vừa giả tưởng Chân dung phóng đại và chùm truyện ngắn đặc sắc của ông.

In 1.000 cuốn, khổ 13x19cm. Tại Xí nghiệp in I - Công ty Nhiếp ảnh & Diaphim

Giấy phép xuất bản số 120/1477/XB-QLXB cấp ngày 01/12/2000

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2001.

Dino Buzzati

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

- HOANG MẠC TACTA
- CHÂN DUNG PHÓNG ĐẠI
- TRUYỆN NGẮN

GIÁ: 58.000Đ